

BÁCH KHOA

SỐ 145 NGÀY 15-1-1963

Ố ĐẶC-BIỆT KỶ-NIỆM 6 NĂM

XUÂN QUÝ-MÃO

Ngài có biết chăng ?

TRONG QUẢ CAM CŨNG NHƯ QUẢ CHANH, QUẢ QUÍT HAY QUẢ BƯỞI, LỚP VỎ NGOÀI KHÔNG BAO GIỜ ĐỤNG ĐẾN LỚP THỊT CỦA CÁC MÚI BÊN TRONG. LỚP VỎ VÀ LỚP THỊT CỦA CÁC MÚI ĐƯỢC PHÂN CÁCH RIÊNG BIỆT BỞI MỘT LỚP DA TRẮNG CÓ TÁC DỤNG GÌN GIỮ VỊ THƠM CỦA LỚP VỎ KHÔNG ĐỂ CHẤT CHUA CỦA LỚP THỊT LAN VÀO.

NHỜ LỚP DA TRẮNG NÀY MÀ VỎ CŨNG NHƯ THỊT ĐỀU TƯƠI TỐT MÃI, KHÔNG SỢ HƯ THÚI.

VERIGOUD CŨNG SẮP XẾP MỘT CÁCH TRẬT TỰ NHƯ TẠO HÓA ĐÃ LÀM, NÊN CHẤT THƠM CỦA LỚP VỎ BÊN NGOÀI ĐƯỢC PHA CHUNG VỚI NƯỚC ĐƯỜNG VÀ CHUA RIÊNG BIỆT (BÊN DƯỚI CHAI) TRONG KHI CHẤT CHUA (PHẦN TRÊN) ĐƯỢC NGĂN CÁCH BỞI MỘT CHIẾC NÚT KHÔNG THẤM NƯỚC, LÀM THẾ ĐỂ TRÁNH MỌI SỰ HƯ THÚI.

ĐÓ LÀ BÍ QUYẾT VỀ PHẨM CHẤT CỦA NƯỚC TRÁI CÂY NGUYÊN CHẤT VERIGOUD MÀ KHI DÙNG NÓ, NGÀI CÓ THỂ PHA MỘT LY NƯỚC CHANH HOẶC NƯỚC CAM NGON LÀNH NHƯ ĐÃ PHA BẰNG TRÁI CÂY VỪA MỚI HÁI.

VERIGOUD có đặt bán tại các hiệu buôn đúng đắn **với giá mỗi chai chỉ có 68$**

VÀO

NĂM

THỨ

BẢY



Bách-Khoa kính chúc bạn đọc

một năm Quý-Mão Hạnh-phúc

BÁCH KHOA *Số đặc biệt*

Số 145 ngày 15-1-63

TIỀU-DÂN *1962 đem lại gì cho hòa bình thế-giới ?* 3
THUẦN-PHONG *con mèo theo quan niệm ta trong văn thơ.* 13
NGUYỄN-NHƯ *giá cả còn tăng nữa không ?* 1?
ĐOÀN-THÊM *đẹp ở người* 23
TRẦN THÚC-LINH *ngày tết thử thời vận* 35
NGUYỄN VĂN-HẦU *Lý-Liễu và phong-trào đại đông du* 39
NGUYỄN-CAO-ĐÀM *kiểm điểm một năm nhiếp ảnh nghệ-thuật Việt-Nam.* 51
LÝ-QUANG *con đường Thiền.* 55
DOHAMIDE *một vài nhận xét về người Chàm tại Việt-Nam ngày nay.* 63
ĐÔNG-HỒ *nghĩ về những tiếng danh xưng nhà nước.* 71
NGUYỄN-HIẾN-LÊ *Gamal Abdel Nasser và những bí mật về vụ kinh Suez.* 80
THU-TRUNG *những nét chính về sinh hoạt thư tịch trong năm 1962* 89
THỆN-Ý *viễn ảnh nền y-học ngày mai.* 102
TRƯƠNG-ĐÌNH-CỬ *ngót nửa thế-kỷ biến chuyển của sân khấu cải lương.* 105
NGUIỄN-NHƠ-SA MẠC *mùa xuân (thơ)* 114
BÙI-HỮU-SỦNG *hàu năm phòng đoán thời vận qua tranh ảnh.* 115
ĐOÀN THÊM — ĐÔNG HỒ — VŨ HOÀNG CHƯƠNG — TRẦN ĐÌNH KHẢI — HÀ THƯỢNG NHÂN — PHỦNG TẤT ĐẮC — BÙI KHÁNH ĐẢN — MỘNG TUYẾT — TẠ TY — XUÂN HIẾN *mười bài thơ xuân* 127
CÔ-LIÊU *văn minh và con người.* 131

HOÀNG BẢO VIỆT *người về mùa xuân (thơ)* 138
ĐỖ-TẤN *thời gian — mùa xuân đã hết (thơ)* 139
TƯỜNG LINH *mùa xuân trong mắt em (thơ)* 140
TRẦN-VĂN KHÊ *hội nghị âm nhạc tại La-Mã* 141
PHẠM-CÔNG-THIỆN *xuân không màu (thơ)* 149
THÁI-TUẤN *vài nhận xét về cuộc phỏng vấn hội-họa của tạp-chí Bách-Khoa.* 150
LÊ-TẤT-ĐIỀU *tranh sống (truyện ngắn)* 157
HOÀI-HƯƠNG-TRANG-PHƯỢNG *mùa xuân họp mặt — đọc thơ Vai (thơ).* 168
THÁI-DƯƠNG *quê hương (thơ)* 169
ĐYNH-HOÀNG-SA *nắng mùa xuân (thơ)* 170
TRANG-THẾ-HY *trong trắng (truyện ngắn)* 170
Cô MINH ĐỨC *hiệp tá đại học « thổ » (truyện ngắn)* 182
TRẦN-ĐẠI *tình yêu (thơ)* 186
DƯƠNG-NGHIỄM-MẬU *mẹ và con (truyện ngắn)* 188
VŨ-QUỲNH-BANG *tuổi thơ (thơ)* 193
PHAN-DUY-NHÂN *cuối năm rời nhà trọ (thơ)* 194
VÕ-HỒNG *thế giới của Năm Nhiều (truyện ngắn)* 195
HOÀI-KHANH *phương trời lưu viễn (thơ)* 206
HOÀNG QUY *màu áo tháng giêng (thơ)* 217
MỘNG-TRUNG *món tiền hộ mạng (truyện ngắn)* 218
NGUYÊN CHẤU *con ruồi (truyện dịch), nguyên tác của G. Langelaan)* 233
HỮU-PHƯƠNG *tiếng mời của trẻ (thơ)* 260

sinh

hoạt

VÕ QUANG-YÊN *giải hóa học và giải vật lý học Nobel 1962* 261
NGUYỄN-TRẦN-HUÂN *giải y học Nobel 1962* 264
TRÀNG-THIÊN *mùa giải thưởng văn chương ở Pháp năm 1962* 267

— Tạp-chí BÁCH-KHOA trình bày :

- Những vấn đề thời sự
- Những kiến thức mới mẻ
- Những trào lưu tư tưởng hiện đại
- Những tài liệu có lợi ích mật thiết đến mọi tìm hiểu cùng mọi khía cạnh đời sống của bạn đọc.

— Tạp-chí BÁCH-KHOA giới thiệu :

- Những sáng tác về dịch phẩm văn nghệ, phản ảnh các xu hướng nghệ thuật ngày nay.

— Tạp chí BÁCH-KHOA tiếp nhận:

- Những ý kiến xây dựng về mọi mặt : Chính-trị, Kinh-tế, Văn-hóa, Giáo dục, Xã hội...

TIỀU-DÂN

1962 đem lại gì cho hòa-bình thế giới ?

VÀO những ngày tàn năm 1961 (ngày 17-12-61) một cuộc hành-quân nhỏ, ở một khu-vực không quan-trọng lắm, xảy ra : Ấn-Độ chiếm lại lãnh-thổ Goa.

Một sự-kiện không có tầm quan-trọng đổi thay cục-diện quốc-tế hay thế quân-bình đương-thời nhưng lại có ý-nghĩa đáng quan-tâm về một mặt khác : Ấn Độ của ông Nehru, Ấn-Độ với năm nguyên-tắc sống chung hòa-bình Panch Shila, đã không ngần ngại dùng võ-lực giải-quyết một vấn-đề tranh chấp lãnh-thổ.

Trước thềm năm mới — 1962 — sẵn mang trong lòng cả một băn-khoăn vì tình-hình quốc-tế rối-ren trong năm tàn, người ta bỗng lưu-ý đến tính-cách ngẫu-nhiên của sự-kiện ấy.

Một tinh-cờ lịch-sử hay là một điềm chẳng lành đây ?

Phải chăng loài người quá mỏi-mệt vì chiến-tranh lạnh rồi, đã đến tình-trạng muốn giải-quyết chóng-vánh mọi vấn-đề tranh-chấp bằng võ-lực ?

Rồi năm 1962 đến. Và giờ đây năm 1962 qua. Chúng tôi còn viết. Các bạn thân mến còn đọc. Trái đất chưa vỡ tung ra vì một trận mưa bom nguyên-tử, khinh-khí. May mắn vậy.

Nhưng phải chăng như thế đủ kết-luận rằng năm 1962 là một năm hoà-bình ?

Giải-đáp câu hỏi nầy tức cũng là tìm xem năm 1962 đã đem lại gì cho hoà-bình thế-giới.

Trước hết, xin mời bạn đọc cùng chúng tôi nhìn lại tình-hình thế-giới 1962 qua những nét lớn, những biến-cố lịch sử trọng-đại.

Theo chỗ chúng tôi thấy, những biến-cố lịch-sử sau đây đánh dấu năm

1962 (sự sắp xếp trước, sau không có ý nghĩa quan-trọng hơn, kém) :

a) Sự hưng-thịnh của Tây Âu và bước cố gắng của châu Âu tự-do trên đường thống-nhất kinh-tế và chính trị.

b) Sự thức tỉnh của Châu Mỹ La-Tinh trước nhu-cầu tiến-hóa.

c) Sự giao-động trong hàng ngũ các quốc-gia không liên-kết nói chung, các quốc-gia Á Rập nói riêng.

d) Cuộc tranh-chấp Bắc-Kinh — Mạc-Tư-Khoa và tình trạng chia rẽ trong thế-giới Cộng-Sản.

đ) Cuộc tranh chấp Mỹ-Nga trong các vấn-đề lớn : Bá-Linh, Cuba, Congo, Ai-Lao. Đình-chỉ thí-nghiệm võ-khí nguyên-tử và tài-giảm binh-bị.

e) Sự tiến-bộ về khoa-học thám-sát và du hành không-gian liên hành-tinh và các phương-diện chính-trị, quân-sự, tâm-lý của vấn-đề.

ê) Thắng lợi của Việt-Nam Cộng-Hòa trên bình-diện quốc tế.

Châu-Âu trên đường thống-nhất

Năm 1962 là năm thắng lợi vẻ vang của Thị-trường chung Châu-Âu. Thắng lợi nầy được biểu hiện rõ rệt nhất trong quyết-định của Anh-quốc xin gia nhập tổ-chức. Sau Anh-quốc sẽ đến lượt các quốc-gia trong Liên-Hiệp Anh và các quốc-gia trong khu-vực Tự-do mậu-dịch.

Người ta thấy đang thành hình một cộng-đồng kinh-tế Châu-Âu hơn hẳn Hoa-Kỳ về mặt dân số và sức sản-xuất tổng-quát.

Hiện giờ, Châu-Âu không còn là Châu-Âu già cỗi. Từ tình-trạng kiệt-quệ về vật-chất, chia rẽ về tinh-thần, từ vị-trí một « thân nhân nghèo » đối diện với hai kẻ khổng-lồ Mỹ, Nga trên chính trường quốc-tế, Châu-Âu — chủ-yếu là Tây-Âu — đã vươn lên, đầy sinh-lực.

Giai đoạn thống-nhất kinh-tế của Âu-Châu đã tiến-triển khả-quan với những thành-tích tốt đẹp của các tổ-chức Thị-trường chung, Cộng-đồng than thép v..v...

Giai đoạn thống-nhất chính-trị cũng tiến, nhưng chậm hơn Người ta đang ở trong thời-kỳ tranh-chấp về ý-niệm thống-nhất. Pháp chủ-trương xây dựng một Châu-Âu gồm có « nhiều tổ-quốc ». Các nước khác đòi thiết-lập những « cơ-cấu siêu quốc-gia » quản-trị Châu-Âu.

Pháp quan-niệm sự thống-nhất trên cơ-sở bảo vệ chủ-quyền quốc-gia, các nước khác chú trọng về thể liên-lập và sự hoạt-động kiên-hiệu.

Trong năm nay có hai cuộc du-hành lịch-sử : Thủ-tướng Adenauer chính-thức viếng thăm nước Pháp, sau đó, Tổng-thống De Gaulle sang thăm Đức-quốc.

Với hai cuộc du-hành ấy, hai quốc-gia chủ yếu của Tây-Âu kết-thúc một giai-đoạn lịch-sử hận-thù, mở đầu một giai-đoạn hợp-tác, thân hữu. Riêng nước Pháp năm nay đã tranh-thủ được cảm-tình của thế-giới đặc-biệt là các

quốc-gia Á-Phi, với việc trao trả chủ-quyền độc-lập cho dân-tộc Algérie. Trút được gánh nặng chiến-tranh, Pháp càng thêm thuận-lợi để củng-cố vị trí quốc-tế của mình, nhất là vị-trí của nước Pháp ở Châu-Âu.

Người ta biết rằng trong tư-tưởng những người đề xướng cổ võ sự thống-nhất Châu Âu, một Châu Âu thống-nhất kinh-tế, chính trị sau này sẽ trở thành một lực-lượng thứ ba, nắm một phần quyết-định vận-mệnh thế-giới và làm trọng-tài giữa hai lực-lượng Mỹ, Nga.

Một ý-hướng có lợi cho hòa-bình. Nhưng trong năm 1962, người ta mới ghi nhận một bước tiến. Một bước tiến xác-nhận một lực-lượng kinh-tế. Về chính-trị và nhìn theo mối tương-quan với công-cuộc bảo-vệ hòa-bình thì thái độ cứng-rắn của Pháp và Tây-Đức trong các vấn-đề Bá-Linh và Tài-bình không hòa nhịp với thái-độ mềm dẻo hơn của Anh và Hoa-Kỳ.

Châu Mỹ La-Tinh trong giờ trách-nhiệm

Hai biến-cố có ý nghĩa quan-trọng khác nhau. Đầu năm: Cuộc đảo chính của quân-nhân ở A-Căn-Đình, sau khi phe Péron thắng-lợi trong tổng-tuyển-cử. Cuối-năm: Cuộc khủng-hoảng ở Cuba.

Người ta nhớ rằng tại hội-nghị Punta del Este trước đây ngoại-trưởng của A-Căn-Đình, một trong mấy quốc-gia lớn nhất Châu Mỹ La-Tinh, không chịu bỏ phiếu chấp-thuận việc trừng-phạt Cuba. Phe quân-nhân gây áp-lực buộc tổng-thống Frondizi thay ngoại-trưởng. Ông Frondizi nhượng bộ phe hữu về điểu ấy và để bù lại, nhượng bộ phe tả một điều: cho phép phe thân Péron ra ứng-cử. Các ứng-cử viên phe này thắng-lợi rõ-ràng, nắm vững đa số sắp tới trong quốc-hội. Sau khi biết kết-quả bầu-cử, phe quân-nhân đứng dậy, làm cuộc đảo chính, lật đổ tổng-thống Frondizi, tuyên-bố xóa bỏ kết-quả cuộc tổng-tuyển-cử vừa rồi. Phe Péron không nắm được chính-quyền nhưng nắm được quần-chúng, hiện vẫn là chính đảng mạnh nhất ở A-Căn-Đình.

Phe Péron được dân chúng A-Căn-Đình ủng hộ vì chủ-trương công-bình kinh-tế, chống tư bản tài phiệt ngoại quốc.

Cuộc khủng-hoảng ở Cuba còn mới rội trong ký-ức bạn đọc, xin miễn nhắc lại. Tuy nhiên cũng nên ghi nhận rằng ngay trong khi Hoa-Kỳ cương-quyết dùng võ-lực để tiêu diệt Cuba, nếu Nga-Sô không chịu triệt hồi hỏa tiễn thì các quốc-gia lớn ở Châu Mỹ La-Tinh như Mễ-Tây-Cơ, A-Căn-Đình, Ba-Tây v. v... không sẵn sàng cùng với Hoa-Kỳ chiến đấu diệt hiểm họa Cộng Sản sát nách họ.

Thái-độ nầy, sự thắng lợi của phe Péron những phong trào của nông-dân, thợ thuyền, trí thức ở một số quốc-gia khác ở Châu Mỹ La-Tinh đòi hỏi dân chủ, cải thiện dân-sinh, cho thấy sự thức dậy của Châu Mỹ La-Tinh. Dầu muốn dầu không, cuộc cách-mạng ở Cuba và sự can-thiệp

của hai nước lớn Nga-Sô, Hoa Kỳ, đã khiến đại-lục nầy ý thức được sự đòi hỏi của lịch-sử.

Châu-Mỹ La-Tinh phải thoát ra khỏi tình-trạng bất-động, phải tiến bộ. Châu-Mỹ La-Tinh cần làm một cuộc cách-mạng xã-hội, kinh-tế để hoàn thành chủ-quyền độc-lập về kinh-tế và san bằng bất công xã hội.

Cả một đại-lục đang chuyển mình, tìm một con đường tiến, một con đường có tính-chất đặc-biệt Châu-Mỹ La-Tinh, chống Cộng và liên hệ với Hoa-Kỳ trên một căn-bản mới, thích hợp với yêu cầu dân-chủ chính-trị, bình-đẳng kinh-tế và Liên Mỹ.

---

các quốc-gia không liên-kết gặp khó khăn

Đầu năm, một thuận-lợi quan-trọng : trong thông-điệp cho quốc-hội Hoa-Kỳ, tổng-thống Kennedy tuyên-bố khi đề-cập đến vấn-đề các quốc-gia không liên-kết « Chúng ta ủng hộ nền độc-lập của các quốc-gia mới và yếu đó ; vị-trí địa-dư và sự yếu kém buộc họ phải đứng ngoài những khối liên-minh chặt-chẽ ; chính chúng ta cũng đã phải làm như vậy trong một thời-gian lâu dài... » Tổng-thống Hoa-Kỳ cho rằng Hoa-Kỳ vẫn có thể xem các dân-tộc đứng ngoài vòng liên-kết là bạn.

Nếu nhớ lại quan-niệm và chính-sách của các nhà hữu-trách Hoa-Kỳ dưới thời Eisenhower — Foster Dulles, đối với các quốc-gia theo chính-sách Trung-lập, người ta mới thấy được tầm quan-trọng của thuận-lợi nầy.

Nhưng — oái ăm thay — chính vào lúc Hoa-Thịnh-Đốn mềm dẻo hơn, hiểu biết hơn đối với các quốc-gia không liên-kết thì các quốc-gia nầy lại gặp nhiều khó-khăn, thử-thách.

Trong hàng ngũ các quốc-gia Á-Rập Trung-Đông, mầy yếu-tố gây nên một không-khí tranh-chấp : chủ nghĩa xã-hội Á-Rập của Nasser và sự tranh-đấu của ông ta để nắm vai trò lãnh-đạo các dân-tộc Á-Rập, tham vọng về lãnh-đạo tương-tự của tướng Kassem ở Irak, sự tranh-chấp ảnh-hưởng giữa, một bên các nước cộng-hòa, một bên, các nước quân-chủ Arabie Séoudite, Jordanie.

Tuy nhiên, đây là những yếu-tố thường-trực Trong năm 1962, cuộc đảo chính ở Syrie, trận nổ súng giữa quân-đội Syrie và quân-đội Do-Thái tại hồ Tibériade là những cơ hội làm cho Syrie thêm bất-mãn Cộng-hòa Á-Rập Thống-nhất (vì không giúp đỡ), Cộng-hòa Á-Rập Thống-nhất và Irak thêm lãnh đạm với nhau (vì Syrie muốn gần Irak, sau khi ly-khai với Cộng-hòa Á Rập Thống-nhất).

Nhưng chính vụ Yémen mới làm nổi bật mối mâu thuẫn giữa các nước lớn trong hàng quốc-gia Á-Rập. Trong cuộc xung-đột võ trang giữa phe Cộng-hòa Cách-mạng và phe quân chủ, người ta thấy các nước lớn nói trên chia thành hai phe rõ rệt : sau lưng quốc vương Yémen có các vương triều Arabie Séoudite, Jordanie... Về phần Cộng-hòa

Á-Rập Thống-nhất thì ông Nasser đã tích-cực ủng-hộ phe Cách-mạng về mọi mặt, kể cả quân-đội ngay từ buổi đầu. Phe Cộng-hòa càng ngày càng thắng thế, được nhiều quốc-gia Tây phương thừa nhận, đặc biệt là Hoa-Kỳ.

Tầm quan trọng của cuộc tranh chấp vượt khỏi phạm-vi vấn đề Yémen. Phong trào dân chủ, xã hội Á-Rập xung đột với chế độ quân-chủ, bảo thủ, giàu mạnh nhờ lợi tức dầu lửa. Ngoài ra, ông Nasser cũng đang đánh lá bài lãnh đạo thế-giới Á-Rập.

Tuy nhiên, tình trạng chia rẽ nói trên mang nhiều tính chất nội-bộ và địa phương. Nó ảnh hưởng đến chính sách Trung lập của các quốc-gia Á-Rập ấy chỉ trong chừng mực làm bận tâm các nhà lãnh đạo khiến họ không còn bao nhiêu tâm tư, nghị lực và sáng kiến để tiến hành chánh sách Trung lập một cách tích cực, đúng theo mong ước là dùng « lực lượng tinh thần » này (khối các quốc gia không liên kết) điều giải các cuộc tranh chấp quốc-tế để xây-dựng hòa bình.

Chính sách Trung-lập bị thử thách nặng nề hơn hết là trong cuộc tranh chấp biên giới diễn biến thành cuộc chiến tranh không tuyên - chiến giữa Ấn-Độ và Trung-Cộng.

Người ta biết rằng Ấn-Độ — ít nhất là trong khi ông Nehru còn nắm vận mệnh quốc gia này — sẽ không thay đổi chính sách đối ngoại dựa trên năm nguyên-tắc sống chung hòa-bình. Các quốc-gia không liên kết khác giáp giới với Trung-Cộng như Miến-Điện có lẽ cũng sẽ không từ bỏ đường lối không liên kết.

Tuy nhiên, họ đã hiểu Cộng-sản quốc tế hơn, nhất là khi Mạc-Tư-Khoa, sau một thời gian im lặng, đã công khai tán thành quan điểm của Bắc-Kinh trong cuộc tranh chấp Trung-Ấn. Họ đã hiểu Cộng-sản quốc-tế luôn luôn đứng trên lập trường cách mạng vô sản để quan niệm và tiến hành chiến lược sống chung hòa bình. Va chạm với thực - tế này, chính-sách Trung-lập mất đi ít nhiều cơ - sở biện-thuyết nên gặp khó-khăn mới trong sự thi - hành. Vừa rồi, Ấn - Độ vẫn chủ-trương ủng-hộ việc Trung-Cộng gia-nhập Liên-Hiệp-Quốc. Nhưng lập-thuyết ủng - hộ của Ấn - Độ đã bớt tính-chất nhiệt-thành và có phần nào lúng túng.

thế-giới Cộng-Sản với hai đầu

Cuộc tranh-chấp ý-thức-hệ và ảnh-hưởng giữa Bắc-Kinh và Mạc-Tư-Khoa đã rõ-rệt và càng ngày gay gắt hơn.

Trong năm 1962, mấy biến-cố xảy ra làm cho cuộc tranh-chấp ấy thêm nặng-nề.

Bắc-Kinh chỉ-trích kịch-liệt thái-độ ôn-hoà của Mạc-Tư-Khoa trong việc giải-quyết cuộc khủng-hoảng ở Cuba. Vấn-đề triệt-thối hoả-tiễn và phản-lực cơ Ilyouchine bị coi là một quyết-định nhu-nhược, đầu hàng đế-quốc. Bắc-Kinh không tin một chút nào ở giá-trị sự cam-kết của Hoa-Kỳ sẽ không tấn-công Cuba. Thành thử, dưới mắt

nhà cầm quyền Bắc-Kinh, Nga-Sô đã thất bại nhục nhã trước đế-quốc Mỹ, đã phạm cái tội nghiêm-trọng là đầu hàng đế quốc, bỏ rơi bạn đồng-minh Cuba.

Ngược trở lại Mạc-Tư-Khoa nhận-định ông Krouchtchev đã thắng lợi trong việc tranh thủ hòa bình và kết tội Bắc-Kinh là hiếu chiến.

Sau khi chủ tịch Xô-Viết tối-cao Nga-Sô qua Belgrade, đến lượt thống-chế Tito sang thăm Nga. Đây là dịp để hai ông Tito, Krouchtchev nhấn mạnh về lợi ích của chính sách sống chung hòa-bình. Và cũng là dịp để Bắc-Kinh lên án «bọn xét lại», bọn «phản thệ» trong hàng ngũ xã-hội chủ nghĩa.

Bắc-Kinh cũng không quên biểu đồng tình khen ngợi đảng Cộng-sản Albanie và lãnh tụ Hodja trong công cuộc chiến đấu chống bọn phản bội chủ-nghĩa.

Người ta lưu ý một điều : Bắc-Kinh không kêu đích danh Krouchtchev, trong khi người Cộng-sản Albanie thì ra mặt công kích, mạt sát lãnh tụ Nga.

Cuộc chiến tranh biên giới giữa Ấn-Độ và Trung-Cộng đặt Mạc-Tư-Khoa vào một hoàn cảnh hết sức tế nhị : không thể bỏ Bắc-Kinh mà cũng không đành mất cảm tình của Ấn-Độ.

Trước đây, ngay trong lúc đã có vấn đề tranh chấp ấy, Mạc-Tư-Khoa hứa cung cấp phi cơ Mig cho Ấn. Người ta nghĩ rằng trong hoàn cảnh này Mạc Tư-Khoa sẽ không thể giữ lời hứa ấy, bởi không lẽ Nga cung cấp phi cơ Mig cho Ấn dùng đánh Trung Cộng.

Nhưng không, Mạc-Tư-Khoa đã báo cho Ấn-Độ biết là sẽ giao phi cơ Mig đúng thời hạn và Nga cũng chính thức lên tiếng tán thành quan điểm của Bắc-Kinh trong vấn đề tranh chấp.

Hiện giờ, Bắc-Kinh đã đơn-phương ngưng chiến rồi. Nhưng tình hình có thể thay đổi mau chóng. Nếu cuộc xung đột mới xảy ra thì việc Ấn-Độ dùng phi-cơ phản-lực Nga oanh kích quân-đội Trung-Cộng sẽ có những hậu quả khó lường trong mối liên-hệ Bắc-Kinh — Mạc-Tư-Khoa.

Trong năm 1962, người ta được hiểu rõ thêm quan-điểm trái nghịch của Bắc-Kinh và Mạc-Tư-Khoa trong những vấn-đề ý thức hệ quan-trọng. Chẳng hạn vấn-đề chiến-đấu bảo-vệ hòa-bình.

Bắc-Kinh cho rằng cuộc chiến-đấu vì hòa-bình khác với cuộc chiến-đấu vì chủ nghĩa.

Mạc-Tư-Khoa nhận-định : Cuộc chiến-đấu vì hòa-bình trước hết là cuộc chiến-đấu vì chủ-nghĩa.

Bắc-Kinh cho sự sống chung hòa-bình là một chiến-thuật mà người ta có thể bỏ đi hoặc phải bỏ đi nếu lợi-ích của chủ-nghĩa, của đảng, của phe xã-hội chủ-nghĩa đòi hỏi như thế.

Nhận định này cơ-sở trên chủ thuyết «tư bản dẫy chết sẽ gây ra chiến-tranh» (Lénine). «Còn đế-quốc, vậy thì người ta không thể tránh được chiến tranh» (Bắc-Kinh).

Nhưng Mạc-Tư-Khoa **nhận** mạnh rằng thời-đại hiện thời **không** được xem như thời-đại đế-quốc chủ-nghĩa nữa. Đã có phe xã-hội chủ-nghĩa hùng mạnh, đã có những quốc-gia mới yêu-chuộng hòa-bình và nhân-dân ở các nước tư-bản yêu-chuộng hòa-bình. Bầy nhiêu sức mạnh có thể ngăn chận, bóp chết mầm mống chiến-tranh. Và lại còn phải lưu-ý đến sức phá-hoại khủng-khiếp của vũ-khí hạch-tâm. Vậy thì cách-mạng xã-hội có thể thắng-lợi ở mỗi nước bằng võ-lực hay bằng đường-lối hòa-bình.

Bắc-Kinh không chấp nhận « đường lối hòa-bình » nầy. Bắc-Kinh cho rằng nói chung tư-tưởng hòa-bình của Nga phản chiếu lòng sợ đế-quốc, sợ chiến-tranh. Còn Bắc-Kinh thì **không** sợ đế-quốc, không sợ chiến-tranh, bởi cho rằng nếu có chiến tranh chế-độ **xã**-hội sẽ tiêu-diệt chế-độ tư-bản.

Những ngày sau cuộc khủng-hoảng ở Cuba, ông Krouchtchev đã gián-tiếp trả lời Bắc-Kinh khi nói đến những kẻ « không biết rằng con hổ giấy (đế quốc Mỹ) có răng... nguyên-tử »,

Thế-giới Cộng-sản đang bị xâu xé vì cuộc tranh-chấp lớn ấy xuyên qua các vấn-đề quốc-tế như vụ Cuba.

---

một năm tương-đối hòa-dịu giữa Nga Hoa-kỳ, nhưng ..

. . . Nhưng bỗng có vụ Cuba và suýt nữa thì chiến tranh nguyên-tử bùng nổ và năm 1962 sẽ là năm sầu-thảm nhất từ khi có loài người.

Kể từ vụ Cuba trở về trước thì **mối** tranh-chấp giữa hai cường-quốc **có** chiều hòa dịu.

Nhưng đây là một sự hòa dịu **đầy** ý-nghĩa phức-tạp. Trong các vấn-đề quan-trọng nhất là Bá-Linh và đình-chỉ thí-nghiệm vũ-khí nguyên-tử cùng tài giảm binh-bị, hai bên đã nói với nhau gần như hết lời.

Họ đã **đến** chỗ đồng ý rõ ràng với nhau rằng... quan-điểm, lập trường của đôi **bên** trái nghịch hẳn nhau.

Ông Kennedy đã tìm mọi cách để cho đối phương hiểu dứt khoát rằng Hoa-Kỳ **sẽ** không nhượng bộ ở Bá-Linh, dầu phải có chiến tranh.

Ông Krouchtchev cũng cố làm cho Hoa-Kỳ hiểu Nga-Sô nhứt định làm tới nghĩa **là** sẽ giao hẳn Đông Bá-Linh lại cho chính quyền và quân đội Đông-Đức, sau khi ký hòa-ước riêng với Đông-Đức. Rồi nếu Tây-phương không thừa nhận uy quyền của chính phủ Đông-Đức, dùng đến võ lực thì quân đội Nga-Sô sẽ can-thiệp, nhơn danh minh-ước Varsovie.

Vấn-đề kiểm-soát trong sự thực hiện đình-chỉ thí-nghiệm vũ-khí nguyên-tử và tài-binh cũng cho thấy hai lập-trường chống nghịch như nước với lửa. Hoa-Kỳ đòi phải có kiểm-soát tại nội-địa. Nga cho kiểm-soát như vậy có tính-chất gián điệp.

Cả Hoa-Kỳ lẫn Nga đều ý-thức sự nghiêm-trọng của tình-hình và của trách-nhiệm. Nếu cứ như thế nầy họ đi đến cuối đường thì là phải có chiến tranh. Họ loay-hoay tìm một lối thoát,

và trong khi loay . hoay, mặc nhiên kéo dài nguyên - trạng. Sự hòa-dịu trong mối quan-hệ Nga — Hoa-Kỳ là như thế.

Tuy nhiên, hai cường - quốc ấy đã tìm cách thỏa-hiệp ở các vấn-đề khác để cải - thiện phần nào tình hình. Người ta thấy Hoa-Thịnh-Đốn và Mạc Tư-Khoa đồng ý với nhau bảo-đảm cho Ai-Lao theo chính sách Trung-Lập. Tại Ai-Lao, Hoa-Kỳ đã đi một nước cờ yếu nhưng họ không thể làm khác hơn. Họ đã áp-dụng chính-sách chọn cái nhẹ nhất trong hai điều nguy hại.

Tại Congo, Nga-Sô không còn ảnh hưởng gì. Hoa - Kỳ đã thắng với chính-sách ủng-hộ Liên-Hiệp-Quốc và chính-phủ trung-ương Adoula. Nhưng Hoa-Kỳ gặp khó khăn càng ngày càng nhiều. Ông Tsombé cương-quyết phân ly, không chịu san-sẻ kho tài-nguyên của xứ Katanga cho nhân-dân Congo. Điều quan - trọng là sau lưng ông Tsombé, có các lực - lượng kinh - tế, tài-chánh Anh, Pháp.

Mối tương - quan Nga — Hoa - Kỳ sau vụ Cuba bỗng có một biến-thái.

Vừa thoát khỏi, nguy - cơ chiến-tranh, người ta chợt lo lắng hơn về tương - lai. Còn bao nhiêu vấn-đề tranh-chấp căn-bản giữa Nga, Hoa-Kỳ. Nếu có một cuộc khủng-hoảng mới, người ta không thể chắc rằng đôi bên sẽ còn giữ được sự sáng-suốt, sự thận-trọng trong hành-động. Đã có dư-luận rằng các ông Kennedy, Mac Milan đã lo ngại nếu kẻ đối-thoại với Tây-phương không còn là ông Krouchtchev.

Dường như Hoa-Kỳ cũng như Anh đang mong muốn cải-thiện mối tương quan giữa Nga-Sô và Tây-phương, nhất là giữa Nga-Sô và Hoa-Kỳ.

---

trên đường lên cung trăng

Những thành-tích của Hoa-Kỳ và Nga-Sô năm nay (chuyến bay chung quanh quĩ-đạo trái đất của phi-hành gia Hoa-Kỳ John Gleen và hai phi-hành gia Nga Nicolaiev và Popovitch ; Hoa-Kỳ phóng các vệ-tinh Mariner II lên Kim-tinh, và vệ-tinh Ranger V lên cung trăng) xác-nhận một tiến-bộ mới của khoa-học thám-sát và du-hành không-gian liên-hành-tinh.

Con đường lên cung trăng như ngắn bớt đi phần nào. Bây giờ người ta có thể tin ở hai điều : cơ-thể con người có thể chịu đựng một cuộc du-hành trong những điều-kiện đặc-biệt của không-gian liên-hành-tinh và chuyện lên cung trăng chỉ còn là vấn đề thời gian. Khoa học phục vụ lợi ích loài người đang thắng-lợi vậy.

Tuy nhiên những thành - tích ấy, trong hiện-tình thế-giới, lại được tiếp nhận theo một tinh-thần khác.

Người ta nghĩ ngay đến sức mạnh và sự chính xác của các loại hỏa-tiễn của hai cường-quốc đang đối đầu với nhau trên mặt đất, và công-dụng quân sự càng thêm ghê gớm của các loại hỏa-tiễn ấy.

Thành thử đáng lẽ nhân-dân thế-giới chào mừng các thành-tích khoa-học ấy, xem như thắng lợi của nhân-loại, người ta lại tiếp-nhận nó trên tinh thần chiến tranh lạnh.

Người ta thấy cuộc tranh đua gay gắt của Hoa-Kỳ và Nga-Sô nhằm để chiếm một ưu-thế trên thượng tầng không-gian.

Người ta càng thấy cần phải có một sự thỏa hiệp giữa hai phe để ngăn ngừa một cuộc tấn-công bất-ngờ và thực hiện tài binh.

Cuối cùng, người ta thấy có thêm một yếu-tố để củng-cố « thế quân-bình xây dựng trên sự e sợ lẫn nhau » (l'équilibre de la peur), một đặc-thù của xã-hội loài người ở cuối thế kỷ XX nầy.

Việt-Nam Cộng-Hòa đi lên

Năm 1962 là một năm thắng lợi của nước Việt-Nam dưới chế-độ Cộng-Hòa.

Thắng lợi chính-trị và quân-sự của Việt-Nam cũng là thắng lợi của tinh-thần hợp-tác hữu-nghị giữa Việt-Nam và Hoa-Kỳ.

Bên cạnh một nước Ai-Lao đang thí-nghiệm chính-sách Trung-lập, với nội tình rối-rắm và triển-vọng không rõ ràng, Việt-Nam Cộng-Hòa tuy còn phải đương đầu với nhiều khó khăn, thử-thách, đang ở trên đà thăng tiến và đã đem lại niềm tin cho thế-giới tự-do.

***

Trước thềm năm mới, nhìn lại năm 1962, người ta thấy không-khí chiến tranh lạnh bao trùm một thế-giới sống bấp-bênh, thắc-thỏm với một thế quân-bình kéo dài nguyên-trạng.

Bao nhiêu vấn-đề tranh-chấp căn-bản hầu như còn nguyên vẹn. Cả hai phe đối nghịch dường như mặc-nhiên đồng ý kéo lùi thời-gian phải quyết-định những giải-pháp dứt khoát. Sự thận-trọng nầy một phần do những khó-khăn nội-bộ của mỗi phe, phần khác vì cả hai phe đều dự-kiến được nguy-cơ chiến tranh ở cuối đường tranh-chấp.

Một khuynh-hướng thỏa-hiệp đã nảy mầm, phát triển, suýt nữa bị cuộc khủng-hoảng Cuba dập tắt. Nhưng rồi cũng nhờ đã đến kề miệng vực, tưởng như đã nghe được hơi thở của chiến tranh, nên hai phe lại càng thấy cần nói chuyện với nhau thêm.

Thế-giới tự-do bước vào năm 1963 với một lợi thế tinh-thần : ảnh-hưởng chính-sách cương-quyết ở Cuba.

Đồng thời cũng với một lo lắng : làm thế nào khai-thác lợi thế ấy để giải quyết hòa-bình và thỏa đáng những vấn đề tranh-chấp còn nguyên vẹn.

12/62

TIỂU-DÂN

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

SAIGON

☆ ✦ ☆

HEAD OFFICE	*Plapplachai, Bangkok.*
OVERSEAS BRANCHES:	
LONDON	*Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2*
TOKYO	*No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo*
HONGKONG	*60, Bonham Strand West.*
CENTRAL DISTRICT	*Shell House, Queen's Road.*
KOWLOON	*580 A. Nathan Road Kowloon.*
SINGAPORE	*64 South Bridge Road.*
KUALA LUMPUR	*14 Ampang Street.*

CON MÈO

theo quan-niệm ta trong văn thơ

THUẦN-PHONG

NGỌN gió thời gian thổi bay cát bụi và lôi cuốn tất cả cỏ hoa vào vòng hoại-diệt biến-thiên ; những sự-nghiệp vẻ-vang, những oai-danh hiển-hách, vẫn tưởng thi bền cùng núi sông, nhưng không sao chống chỏi với tháng ngày, cũng ngoan ngoãn trôi lăn, chìm lặn trong dòng thời-khắc. Tần tuồng nhân-sự đã qua theo năm cũ, trong khi năm mới tươi cười trên môi thắm trăm hoa, mở màn cho một lớp biến dâu khác : con cọp đã vô buồng, dường như còn nuối tiếc ngôi-vị chúa-tể sơn-lâm, nên còn gởi theo làn sóng điện dương-xuân một lời thông-trách đến con vật kẻ-vị nó :

Con mèo con mẻo, con meo !
Ai dạy mầy trèo, mầy chẳng dạy tao. (1)

Ca-dao

Tuy *cào không sẻ vách vôi*, nhưng *mèo khen mèo dài đuôi*, tin mình có tài-năng thâm-độc, dựa theo thời-thế mà đuổi ùa chúa tể sơn lâm về rừng, sau khi táp vào cuống họng con cọp :

Mèo ngao cắn cổ ÔNG THẦY
Thuốc đâu mà chạy cho đầy cổ ÔNG !

Ca dao

Đắc thế, con mèo đã giành lấy địa-vị của con cọp, mặc dầu trong thực-tế nó chẳng qua là con *mèo ướt* và chơn-tài thực-lực của nó chỉ có thể *vật đống rơm*, chớ dễ gì lấp biển vá trời, vì *mèo uống nước biển chẳng bao giờ cạn*.

Trong bộ mười hai con giáp, cuộc tuần-hoàn đã đặt nó lên ngôi tôn, công-nghiệp thứ nhứt của nó là triệt để áp-dụng chánh-sách dạ dày, chánh sách độ nhứt vô nhị của nó, mà ai ai cũng biết, từ chợ tới quê :

(1) Những thành-ngữ, tục-ngữ, ca-dao thuộc về con mèo đều in bằng chữ xiên.

Tuổi mẹo là con mèo ngao,
Hay quấu, hay quào, ăn vụng thành tinh.

Ca-dao

Ai ai cũng biết đặc-tính *liếm-láp* của nó, nên không dám cho *mèo thấy mỡ*, phải cẩn mà giấu-giếm giữ gìn :

Chó treo, mèo đậy :
Để bậy nó ăn.

Tục-ngữ

Của ngon đậy-điệm kỹ-lưỡng mà nó còn *đánh hơi* men tới, trong đêm tối *thính* mồi phú-quí no say rồi gây họa cho thằng bạn vô tội :

Con mèo đập bể nồi rang,
Con chó chạy lại nó mang lấy đòn.

Ca-dao

Mà thằng bạn ấy cũng là một bạn đồng hội đồng thuyền, đã từng với nó đầu cật chung lưng đi săn mồi bắt thịt :

Mèo hoang lại gặp chó hoang
Anh đi ăn trộm gặp nàng bứt khoai.

Ca-dao

Thành-tích của nó hiển nhiên, không cần truyền theo sóng điện, không cần đăng lên báo chương, mà cửa miệng nào cũng kêu rêu, chuột bọ nào cũng ta thán, song tự nó cứ đánh trống dộng chuông khoe-khoang tài ba đức hạnh :

Mèo khen mèo dài đuôi.

Tục-ngữ

Dẫu cho nó khôn khéo « lấy thúng úp voi », bể nào cũng « giấu đầu lòi đuôi », rồi bị người ta lật tẩy :

Chẳng thảo vì mèo ăn than :
Vì chưng bát mỡ nó tràn xuống tro.

Ca-dao

Tuy vậy, nó không chịu *nằm mèo xó bếp*, để cho khỏi bị *chuởi chó mắng mèo*, nó vẫn ấm-ĩ tuyên-truyền cho cái phong độ *lục nồi liếm bát* và kịch-liệt phản đối một khi bị lên án phạt hình, chẳng chịu nhìn nhận rằng :

Mèo lành ai nỡ cắt tai,
Gái hư chồng để khoe tài làm chi ? (1)

Ca-dao

Nó quên rằng ăn vụng, đi hoang, là hai tật xấu cốt tử dĩ-nhiên của nó, dĩ-nhiên cũng như :

Con mèo, con chuột có lông,
Ông tre có mắt, nồi đồng có quai !

Ca-dao

Nó quên cái bản-chất *mèo mả gà đồng* của nó, cái bản-chất của những cô « giả đò mua khè bán chanh », « giả dạng thuyền quyên » mà buôn son bán phấn :

Mèo lành chẳng ở mả,
Ả lành chẳng ở hàng cơm.

Tục-ngữ

Màng lo *rượu đực rượu cái*, màng lo *o mèo*, mà nó quên hết lẽ phải, chẳng kể nhân-phẩm thân-danh :

(1) Có khi hát :
Mèo lành ai nỡ cắt tai,
Gái kia chồng rẩy khoe tài chi em.
(Ca-dao Bắc)

Ghẻ lành ai nỡ trét chai,
Gái hư chồng để khoe tài với ai.
(Câu hát Nam)

Mèo lành ở mả bao giờ,
Của yêu ai có bày ra ở ngoài.

Ca dao

Vì tham mồi, vì *mê cái*, mà trí nó *sáng như mắt mèo* rốt cuộc cũng *u mê ám chướng*.

Vì thế mà nó phải mất hết oai-danh quyền-lực đối với bọn con đen:

Mèo già lại thua gan chuột lắt.

Tục-ngữ

Thời oanh-liệt đầu qua, song nó vẫn còn gieo tai họa cho các bà nội-trợ hơ hỏng, vì:

Mèo mù vớ được cá rán.

Tục-ngữ

Trong hàng súc vật sống chung với loài người, con mèo được cái thắng thế hơn hết là ở sát nách con người, mà lợi-dụng địa-vị thân cận này nó báo hại con người đáo để, khiến con người lên án nó công khai:

Mèo đến nhà thì khó,
Chó đến nhà thì sang.

Tục-ngữ

Vậy năm nay là năm cữ o mèo, cữ dắt mèo vào nhà, phải đuổi *mèo hoang ra ở mả*.

THUẦN PHONG

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

BẢO-HIỂM

27-29, *Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON*

Điện-thoại 23.739

ACCIDENTS — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
Tai-Nạn Hỏa-Hoạn Hàng-Hải Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi ngánh: *PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA*

SOCIÉTÉ INDOCHNIOISE DE DOCUMENTATION
et de
REPRÉSENTATIONS COMMERCIALES

S.I.D.E.R.C.O.

EXCLUSIVITÉS :

Whisky « **BALLANTINE'S** »
Cognac « **COURVOISIER** »
Sardines « **LES OCÉANIDES** »
Champagne « **HEIDSIECK & Co MONOPOLE** »

Vins de Chianti et Vermouth
« **MIRAFIORE** »
Vin Rose Valpoliella Chiaretto
« **MONTRESOR** »
Huile d'Olive « **ADOLPHE PUGET** »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON
Tél : 20.055

LA SOCIÉTÉ URBAINE FONCIËRE

S. U. F. O.

18, BEN BACH DANG — SAIGON

NGUYỄN-NHƯ

GIÁ CẢ
còn tăng nữa không ?

VẤN đề kinh-tế được dân chúng cảm thông trực tiếp hơn hết chắc chắn là vấn đề giá cả, hay nói đúng hơn vấn đề giá cả không ngớt tăng lên từ tháng nọ qua tháng kia, từ năm này qua năm khác ; vì đã lâu lắm, chúng ta chưa phải đương đầu với một cuộc khủng-hoảng kinh-tế khiến sản-phẩm phải đem bán với giá rẻ mạt. Thực vậy, đối với đại đa số quần chúng, lợi tức quốc-gia, tình trạng của cán cân chi phó hay cán cân ngoại thương, hối xuất của đồng bạc, mức tạo lập tư bản không có ý nghĩa rõ rệt bao nhiêu. Quần chúng chỉ ý thức tiến bộ kinh-tế qua tương quan giữa lợi tức của họ và giá cả trên thị trường. Nếu giá cả tăng trong khi lợi tức không tăng, dĩ nhiên số lượng thỏa mãn giảm. Nếu giá cả và lợi tức tăng bằng nhau, số lượng thỏa mãn không thay đổi. Trong cả hai trường hợp đều không thể nói đã có sự tiến bộ nhất là vì số nhu cầu đã tăng, đòi hỏi những phương tiện thêm để thỏa mãn mà phần đông lao động trí thức hay tay chân lại chỉ hai tay vay lỗ miệng, không có lợi tức dư dật để tiết kiệm. Trường hợp thứ ba là lợi tức tăng mau hơn giá cả ; ai ai cũng mong muốn trường hợp này xảy ra. Chúng tôi không đề cập đến trường hợp hạ giá vì nó không thực tế trong lúc này.

Đây là quan điểm của quần chúng. Đối với những người có trách nhiệm hoạch định kinh-tế, thực hiện những chương trình phát triển kinh-tế, và đối với kinh-tế-gia, học giả, khái niệm giá cả tất nhiên phức tạp và quan trọng hơn nhiều. Sự phát triển chỉ thỏa đáng nếu một số quân bình được tôn trọng. Giá cả tăng lên hỗn độn là một sự kiện phát sinh từ những sự mất quân bình và chính nó sẽ gây ra những sự mất quân bình khác nữa.

Nước nhà đương ở trong giai đoạn cố gắng phát triển nền kinh-tế. Việc

giá cả tăng lên có thể coi là dĩ nhiên. Sự kiện này đã được ghi nhận tại khắp các nước. Cả thế-giới đều sửng sốt trước sự thịnh vượng của Nhật-Bản ; thì đây trong tài khóa 1960-1961, kinh-tế Nhật-Bản đã tăng trưởng 11% và giá cả đã tăng 5% so với năm trước ; qua tài khóa 1961-1962, những số gia tăng nầy trở thành 15% và 7%; đến nỗi có nhiều kinh-tế-gia đặt câu hỏi có nên kìm hãm bớt đà tăng trưởng để tránh sự tăng giá quá đáng như vậy không. Mặt khác nước nhà ở tình trạng chiến tranh, một hậu quả không thể tránh của cố gắng chiến tranh là việc giá cả tăng lên.

Nếu sự tăng giá là một điều không thể tránh khỏi, trong năm vừa qua, giá cả đã biến chuyển như thế nào ? Trong những tháng tới, sự biến chuyển giá cả có thể chịu những ảnh hưởng gì ? Và nếu viễn tượng tỏ ra bất lợi, những biện pháp gì có thể áp dụng để kiểm soát tình thế ?

Trả lời những câu hỏi trên là việc khó khăn và nhiều nguy hiểm. Ngay tại những nước mà sự hiểu biết thực trạng kinh-tế đã đạt được độ rất cao, người ta còn vấp phải những bất khả lượng hay những yếu tố bất ngờ. Kinh-tế là một lãnh vực liên quan đến con người, không diễn tiến một cách cứng nhắc. Lại còn những sự việc xảy ra ở nước ngoài; thì dụ khi chánh-phủ Hoa-Kỳ áp dụng chính sách tiết giảm những khoản chi tiêu hải ngoại để cứu vãn tình hình cán cân chi phó, bao nhiêu quốc-gia khác có thể tự hào không bị ảnh hưởng ?

Ở nước ta, dữ kiện thống kê vẫn còn thiếu sót nhiều. Điều này tưởng không cần chứng minh dài dòng. Nhiều tài liệu vì lý do này hay lý do khác không được công bố. Lập luận trên những dữ kiện quá sơ sài dễ đi xa sự thực. Mặt khác trong tình trạng chiến tranh thường phát sinh những sự lệnh lạc khiến cho những tương quan nhân quả thông thường đôi khi không còn đúng nữa. Nói tóm lại những trả lời các câu hỏi nêu trên không thể tránh khỏi những sự thiếu sót.

Trong năm 1962, từ đầu năm đến tháng mười, giá sỉ đã tăng lên 14 % (thông điệp của Tổng-Thống đọc trước Quốc-Hội ngày 1-10 1962) ; giá tiêu thụ của giới trung lưu tăng lên 3,8 % và của giới thợ thuyền tăng lên 3,8%. Xin nhắc lại rằng trong năm 1961, tỷ số gia tăng của ba giá trên là 12 %, 5 % và 6 %. Như vậy, suốt trong hai năm giá tiêu thụ tăng chậm hơn giá sỉ. Phải chăng thương gia ở cấp bán sỉ cũng như bán lẻ đã tự ý giảm mức lời để việc buôn bán khỏi bị đình trệ vì giá bán không thích ứng với mãi lực của người tiêu thụ? Người ta thường nói trong nền kinh-tế nước nhà, thương mãi chiếm phần lợi lộc quá lớn ; như vậy sự giảm lời của thương gia là điều hay. Nhưng tình trạng này có thể duy trì mãi được không ?

Hai nguyên do chính của sự tăng giá trong năm 1962 là những biện pháp ban hành với các sắc luật ngày 29-12-1961 và sự khan hiếm tương

đổi do chiến tranh hay nạn bão lụt hồi cuối năm ngoái gây ra. Kể từ đầu năm nay, trong thực tế hối xuất để nhập cảng hàng ngoại quốc là 60$ Việt-Nam một Mỹ-kim. Sự sai biệt không phải từ 35$ đến 60$ Việt-Nam một Mỹ-kim vì trước kia các vụ nhập cảng còn phải chịu phân xuất bình giá và phân xuất quân bình. Quan-thuế-biểu cũng đã được sửa đổi. Với những số lượng hàng hóa nước ta nhập cảng hàng năm, những biện pháp cải cách trên đã mang thêm vào công quỹ những số tiền rất quan trọng để chính phủ có thể ứng phó với những nhu cầu mới do tình thế tạo nên.

Nạn bão lụt năm ngoái đã gây thiệt hại lớn lao, mùa màng bị tổn thất, gia súc bị nước cuốn đi. Thực ra sự mất mùa không ảnh hưởng việc tiếp tế gạo cho dân chúng. Ta mất số thặng dư để xuất cảng ; mặt khác, với viện trợ Mỹ, nước ta đã nhập cảng một số gạo đáng kể để thị trường trong nước khỏi bị lũng đoạn. Về gia súc, theo thống kê của Phủ Tổng-Ủy cứu trợ đồng bào bị nạn lụt, số trâu bò heo bị chết chưa tới 15.000 con, nghĩa là một phần không đáng kể của tổng số gia súc hiện có. Và tình hình thị trường sau khi chánh quyền cho bán thịt heo tự do chứng tỏ rằng sự khan hiếm trong những tháng có những khía cạnh khó hiểu. Chắc chắn tình trạng an-ninh đã ảnh hưởng phần nào công việc tiếp cho quần chúng ; và mặc dầu việc kiểm soát giá cả trên giấy tờ rất chặt chẽ, gian thương đã lợi dụng cơ hội đầu cơ. Thế rồi, khi người tiêu thụ bắt buộc phải mua những vật dụng khác thay thế những thứ trở nên khan hiếm, giá các thế phẩm ấy tăng lên, khiến sự tăng giá lan tràn đến toàn bộ. Nói tóm lại chúng ta không ở trong tình trạng khan hiếm nhất thời, giả tạo.

Sự tăng giá cũng có thể do nguyên nhân tiền tệ, Thực ra yếu tố này chưa tác động bao nhiêu. Mặc dầu có sự chênh lệch trong sổ chi và sổ thâu của Chánh-phủ, khối tiền tệ lưu hành chỉ tăng đột ngột từ tháng chạp năm 1961 qua tháng giêng năm 1962 (gần 6 % từ 17.219 triệu lên 18,235 triệu) ; trái lại từ tháng giêng đến tháng 7 năm nay, sự biến chuyển nhẹ nhàng (mức cao nhất : 18.441 triệu, mức hạ nhất : 18. 105 triệu). Sự thiếu hụt ngân sách không nhất thiết buộc Chánh-phủ phải vay ngân-hàng, nghĩa là dùng biện pháp lạm phát. Chính-phủ có thể huy động tạm thời những khoản ký thác của những cơ quan công quyền khi những cơ quan này chưa cần tiêu ngay.

Ngân sách nước ta hàng năm được viện trợ Mỹ cung cấp, những số tiền rất quan trọng. Trước sự gia tăng công phí, song song với cố gắng của quốc dân, Chánh - phủ Mỹ cũng đã tuyên bố và thực sự gia tăng viện trợ. Vấn đề đặt ra cho chúng ta là tận dụng khoản viện trợ ấy và đặc biệt phần viện trợ thương mại hóa. Ta phải dùng ngoại tệ viện trợ để nhập cảng dụng cụ trang bị hay hàng tiêu thụ, nhờ đó quỹ đối giá viện trợ mới có bạc Việt-Nam để chuyển sang ngân sách. Trong khuôn khổ chính sách

bảo vệ đồng đô-la, Chánh - phủ Mỹ buộc ta phải mua nhiều hàng sản xuất tại Mỹ-quốc và dùng tàu bè Mỹ trong việc chuyên chở. Vì lẽ giá hàng và giá chuyên chở Mỹ khá cao, những nhà nhập cảng e ngại gặp khó khăn trong khi đem bán lại trên thị trường Việt - Nam nên việc sử dụng ngân khoản viện trợ không khỏi chậm trễ. Mà nhập cảng ít thì không những không chuyển ngoại tệ viện trợ thành bạc Việt-Nam được, số thuế thâu trên hàng nhập cảng cũng bị ảnh hưởng. Dĩ nhiên, ta có thể dùng ngoại tệ thuộc quyền sở hữu của ta để nhập cảng ngoài khu vực được thể lệ viện trợ Mỹ chấp thuận, nhưng số ngoại tệ này đâu có phải vô giới hạn. Nó tùy thuộc số lượng hàng hóa ta xuất cảng ; và cũng phải tôn trọng một mức dự trữ ngoại tệ tối thiểu nào đó để bảo vệ giá trị tiền tệ.

Qua sang năm 1963, về phương diện giá cả, ta phải chú ý đến hai yếu tố sau đây : sự thiếu hụt ngân sách lối 4 tỷ rưỡi và sự gia tăng lợi tức trong dân chúng nhờ mùa màng điều hòa.

Thông điệp của Tổng-Thống nhắc lại trên đây cho biết công phí dự trù cho tài khóa 1963 ước lượng là 27 tỷ bạc, tức là 8% cao hơn tài khóa 1962. Phần thu, kể cả viện trợ Mỹ được ước lượng là 22 tỷ rưỡi ; như vậy có sự thiếu hụt độ 4 tỷ rưỡi. Chánh phủ có thể tiếp tục huy động những khoản ký ngân của các cơ quan công lập ; chúng ta không có tài liệu để biết rõ khả năng còn lại của nguồn này. Chánh - phủ có thể phát hành công thái ; sự thành công của biện pháp này tùy thuộc những lợi lộc dành cho người mua công thái hoặc mực độ bó buộc của công thái. Ai cũng biết số tiền tích trữ trong hầu bao hay két bạc của tư nhân rất lớn, mà tới nay chưa có biện pháp nào hữu hiệu để huy động chúng vào các công cuộc tăng gia sản xuất. Sau hết, nếu vẫn chưa đủ, Chánh-phủ không còn cách nào hơn là vay của ngân hàng quốc-gia, tức là lạm phát. Lạm phát sẽ tạo ra một mãi lực tự nhiên, gây áp lực trên thị trường.

Yếu tố thứ hai là sự gia tăng mãi lực nhờ mùa màng năm nay rất đẹp hơn năm ngoái. Sự thất thâu lúa tiếp theo nạn bão lụt tháng 10 năm 1961 làm thiệt hại cho nông dân khoảng hơn một tỷ bạc, ấy là chưa kể những lợi tức phát sinh từ việc chế biến, buôn bán số lúa mất đi ấy.

Mãi lực gia tăng nhờ hai yếu tố trên sẽ làm tăng số cầu trên thị trường, đối với hàng nội hóa cũng như hàng nhập cảng. Sự kiện này phần nào sẽ giúp cho việc sử dụng ngân khoản viện trợ được mau lẹ hơn. Nhưng như đã nói trên đây, hàng hóa nhập cảng bằng tiền viện trợ tương đối đắt. Do đó, sẽ có áp lực trên thị trường những hàng hóa nhập cảng bằng ngoại tệ sở hữu của Việt-Nam, khả dĩ gây nạn chợ đen. Ta không nên quên rằng việc sử dụng ngoại tệ sở hữu của Việt-Nam phải tôn trọng những giới hạn rõ rệt. Trong điều kiện này, việc kiểm soát hóa giá có hữu hiệu nữa

không ? Trên giấy tờ, hiện nay hầu hết các sản vật hay dịch vụ đều chịu sự kiểm soát giá cả. Trong thực tế biện pháp này chỉ mang lại sự thỏa mãn lý thuyết mà thôi. Chánh quyền không đủ người để phát giác mọi vụ bán quá giá. Người mua nhiều khi đồng lõa với gian thương, nhưng thường là không ý thức rõ rệt quyền lợi của mình hoặc ngại sự phiền nhiễu trong việc cộng tác với chánh quyền để duy trì sự tôn trọng giá hợp lệ. Rồi khi đã nhu nhược để cho giá thực sự vượt lên trên giá hợp lệ, người ta quay ra nghi ngờ giá biểu chính thức cùng giá trị của thống kê !

Điều kiện mua hàng Mỹ và dùng tấu bè Mỹ trong việc sử dụng viện trợ đã làm cho hàng nhập cảng khó tiêu thụ. Sự gia tăng mãi lực nói trên chưa chắc đã thúc đẩy mọi người nhắm mắt mua sắm với bất cứ giá nào. Nhờ sự tín nhiệm nơi tiền tệ, nghĩa là sự xúc tích tiền trong tay dân chúng, mấy năm nay tuy khối tiền tệ lưu hành đã tăng nhưng ta chưa thấy phát xuất áp lực lạm phát đáng kể. Mặc dầu những khó khăn hiện tại và sắp tới, ta có thể vững tin rằng sự tín nhiệm nói trên chưa bị lay chuyển. Dầu sao nếu thể-lệ sử dụng viện trợ Mỹ được thay đổi để nước ta có một số ngoại tệ tam giác như mấy năm trước ngõ hầu nhập cảng hàng hóa rẻ hơn, thị trường sẽ được điều hòa hơn; ta sẽ tránh được nạn chợ đen phát sinh từ sự căng thẳng giữa cung và cầu đối với một số hàng hoá. Ai cũng công nhận rằng hiện tượng chợ đen là một bằng chứng thiếu lành mạnh trong nền kinh-tế. Và sự xúc tích tiền bạc trong tay dân chúng vẫn tiềm tàng một đe dọa; khi nào những số tiền ấy được tung ra để mua sắm, thị trường sẽ sáo động rất nhiều.

Biện pháp hữu hiệu về phương diện kinh tế cũng như thích hợp với quyền lợi Quốc Gia là huy động phần mãi lực gia tăng vào việc đầu tư để tăng cường năng lực sản xuất của nước nhà. Việc huy động có thể do chánh phủ hay do tư nhân. Không ai dám nói liều rằng vấn đề này dễ dàng ; những thực hiện ban đầu rất có thể không mang lại kết quả mong muốn. Nhưng không phải vì thế mà ta thôi chí ; chỉ những kinh tế cộng sản mới có tham vọng loại bỏ tiết kiệm tư nhân trong việc tài trợ phát triển. Cho tới nay người ta không sốt sắng gởi tiền vào các chương mục tiết kiệm lắm vì lợi suất hàng năm rất hạ so với mức lời áp dụng trong dân chúng. Tiết kiệm có thể biến thành cổ phần hay trái khoán của các xí nghiệp. Luật lệ đầu tư dành nhiều ân khoản cho những vụ đầu tư mới, không ngoài mục đích bảo đảm sự thành công của chúng. Nói một cách khác, những vụ đầu tư mới mang lại lãi chắc chắn. Vậy doanh gia và các chuyên viên tài chánh có thể đề ra những biện pháp nào để những người tiết kiệm cũng được chia xẻ một phần các ân khoản ấy, tức là hưởng mức lời hấp dẫn hơn là ký ngân vào những chương mục tiết kiệm được không ? Nhiều người đã chủ trương thiết lập thị trường

chứng khoán. Việc nầy thực hiện càng sớm càng hay. Qua hoạt động của thị trường chứng khoán, công chúng có thể biết rõ tình hình tài chánh của các xí nghiệp ; như vậy những xí nghiệp phồn thịnh hay vững chắc dễ bề huy động tiết kiệm của tư nhân để khuếch trương hoạt động. Trong khuôn khổ những cố gắng ấy, việc giáo dục quần chúng có tầm quan trọng rất lớn.

NGUYỄN-NHƯ

✱ Khi ta nhận thấy thiện tâm hình như đã rời bỏ thế gian rồi, thì ta nên nghĩ thiện tâm có lẽ đã rời bỏ lòng ta trước.

George Duhamel

XIN GIỚI THIỆU VỚI BẠN ĐỌC BÁCH-KHOA

THỜI BÁO

tờ báo của mọi gia đình

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Café TÙNG

6, Khu Hòa-Bình — ĐALAT

● Đặc biệt Café filtre ● Khung cảnh yên tĩnh và trang nhã ●
● Âm-Thanh nổi — Máy Stéréo Hifi ●

QUÝ VỊ DU KHÁCH KHI ĐẾN ĐÀ-LẠT, XIN MỜI GHÉ LẠI CAFÉ TÙNG ĐỂ THƯỞNG THỨC :

● Hương vị cà-fé thơm nồng. ● Những chén trà ướp hoa ngào-ngạt, tinh-khiết ● Những âm-thanh trầm-bổng mơ-huyền của những đĩa nhạc Tây-Phương và Việt-Nam chọn-lọc.

CHỦ-NHÂN KÍNH MỜI

ĐẸP Ở NGƯỜI

ĐOÀN-THÊM



Vệ Nữ Vénus de Milo
của Hy-Lạp

ĐỐI với con cóc đực, thì đẹp nhất là nàng cóc của nó (Le beau, pour un crapaud, c'est sa crapaude).

Câu hài-hước của văn-hào Voltaire, với ngụ-ý giễu cợt các nhà mỹ-học lần-thần tìm quanh những kiểu-mẫu lý-tưởng, được hiểu là mỹ-cảm hoàn-toàn tùy chủ-quan, ít ra là đối với Đẹp ở người.

Nhưng trong thực-tế, ngoài những trường-hợp riêng biệt mà chỉ một mình tôi thích, vẫn lắm khi tôi đồng ý với nhiều người, và ngược lại.

Cùng giao cảm là khát-vọng tự-nhiên của những ai muốn hòa đồng với xã-hội. Nên tôi cố tìm xem có thể hợp ý người chung quanh về những điểm hay phương-diện gì, ở trạng-thái nào của Đẹp, hình thể, dáng vẻ, hay tất cả ?

* * *

Dáng tùy cử-chỉ, điệu-bộ, thái-độ, hoặc bất-cứ chuyển-động nào ở người hay ở toàn-thân; có thể bao quát trong một thoáng nhìn mà không bắt nỗi trên một bộ-phận, tuy đôi khi tưởng chừng nắm được. Dáng đẹp thì nên duyên.

Nữ-tài-tử Ingrid Bergmann hễ cười thì nở tươi bừng sáng khác hẳn lúc thần-nhiên, không phải nhờ miệng hồng răng trắng, vì che môi đi vẫn thấy cười ở mắt, che cả mắt vẫn còn ở hai bên má... thành ra toả chiếu khắp dung-nhan.

Bởi dáng không thể phân tích, thấp thoáng như bóng của hồn, chỉ mượn hình của cơ-thể mà hiện và biến, nên cảm-tưởng gây ra thường mơ hồ, nhưng thầm thía vào các thần kinh có khả-năng tiếp nhận, nghĩa là phải cùng thanh khí như lời người xưa, mới tương ứng được. Thành ra *về phương-diện này, khó lòng có sự đồng-ý giữa nhiều cá-nhân.*

Trên mặt, cũng có sự dễ nhận hơn vì chỉ biểu lộ những tính hay tình quen thuộc ; đó là các vẻ vui, buồn, thương, lành, sắc sảo... những yếu-tố không kém phần quan-trọng ở con người Đẹp. Có những diện-mạo sầu một chút thì dễ coi hơn là hớn-hở. Vẻ tùy nét, và nét tùy sự giao-động và liên-quan của các bộ-phận, nên họa-sĩ giỏi vẫn vẽ ra được, có khi bằng một vài vệt bút ; song nếu khẽ chuyển tay, vẻ đã khác rồi, tươi thành cau, mềm hóa cứng, cong thành yêu, đẹp biến ra xấu và ngược lại, không biết mỗi vẻ nhờ những nét chi ?

Nếu chụp ảnh riêng từng cặp mắt, đôi môi, chiếc mũi v. v... của hai mỹ-nhân như một vài tạp-chí đã thử, thì khó bảo ai hơn ai kém hoặc có đặc-sắc ở chỗ nào, vì các bộ-phận kia cùng xinh xắn mịn màng... Rồi hãy ngắm lại toàn-diện mỗi người : đáng là hoa-khôi cả, song một bên thanh-tân vui sống, một bên trầm-ngâm mơ mộng. Vì chi-tiết gì ? Mỗi khán giả giải thích và thưởng ngoạn một khác, chỉ có thể kết luận rằng : ở người đẹp, mỗi chúng ta ưa một trạng-thái nào hợp nhất với nhu-cầu hay ước-ao riêng mà không ai thăm dò nổi.

Có lẽ chỉ còn hy-vọng đồng ý về những gì không quá vi-vút, nhưng hiển-nhiên tĩnh-tại cho nhận được kỹ hơn, nghĩa là về Thể ? Khôn thay, Thể đã gây ra biết bao tranh-luận trong lãnh-vực chung là nghệ-thuật, tất chẳng khỏi chia rẽ ở phạm-vi riêng là thẩm-mỹ. Bởi thế, nếu cần hướng về Thể, cũng còn phải thu hẹp bớt tham-vọng *và chỉ hòng thỏa hiệp về những điều-kiện tối-yếu* : có đủ, chưa chắc đã đẹp, nhưng hễ thiếu thì hẳn là xấu. Như vậy, nhiều người cùng tôi có thể trả lời ngay : Ít nhất phải lành mạnh, trẻ trung và đều đặn.

* * *

Đui, què, tàn tật là những sự tối-kỵ ; con người phải toàn vẹn theo hình thể mà tạo-hóa đã cho. Người một mắt như Polyphème tất bị coi là xấu.

Song nhiều khi không hề thấy tai của các mỹ-nhân, vì theo thời-trang, tóc lấp mất cả : sao vẫn đẹp ? không trông rõ nhưng yên trí là có, như vậy đủ rồi. Trái lại, nếu biết là cụt thật, thì dẫu mớ tóc cho phép lòa xòa che-phủ, kẻ quan-sát cũng chỉ sợ hay thương.

Thừa cũng chẳng được. Một ngón tay nữa có hại gì đâu ? Lý thì như vậy, nhưng ở phạm-vi này, đâu có thể khác thường và cưỡng thiên-nhiên mà định-luật in sâu vào thần-kinh chúng ta. Nổi loạn, thì chỉ thành quái - thai của Picasso hoặc con đẻ của thuốc thalidomide mà không cha mẹ nào chấp nhận.

Thuận thì hơn. Và thuận ở đây, là đầy đủ các bộ-phận, mỗi bộ-phận nảy nở cho đều theo *tác-dụng* (mắt phải sáng, da phải mịn) theo *âm-dương* (đàn bà chớ có râu, đàn - ông đừng yểu điệu) theo *niên-tuổi* (các ông cụ non ít được thưởng thức) theo *hình-trạng tự-nhiên* (sọ phải tròn, không được méo, cẳng phải dài, không thể ngắn).

Về điểm sau cùng, đã có sự tranh-luận cần được phân định. Theo triết-gia Kant, thì có đẹp nếu thật đúng với ý-niệm về chủng - loại (un objet est beau quand il répond à son type, c'est - à - dire à son concept). Nhà mỹ - học R. Bayer không chịu, vì mỗi vẻ đẹp phải một khác, tùy cá-tính mỗi vật.

Song thiết nghĩ nên phân biệt : nếu là đồ-đạc chế hóa, thì không cần đúng kiểu gì sẵn có, cũng vẫn có thể đẹp ; còn đối với các sinh-vật, ý-kiến của Kant xác-đáng hơn. Con chim chỉ đẹp nếu ít nhất đủ lông cánh theo ý-niệm của ta về loài chim, chớ không thể thiếu cánh và có mõm như bò theo ý-niệm về loài bò. Đối với người, cũng vậy ; ở Việt-Nam, thường có câu mắng nhiếc : « bất thành nhân-dạng » hoặc « người chẳng ra người, ngợm



Thần Thái-Dương *Apollon du Belvédère* của Hy-Lạp

không ra ngợm » như thể là đòi hỏi rằng thân-thể hình-dáng phải thực là của giống người (1)

Những người đẹp, dù về riêng khác nhau, đều thỏa mãn các đòi hỏi của cuộc sống toàn-bị về thể-chất (2). Và bởi sớm linh cảm được như vậy, các nhà điêu-khắc từ thượng-cổ Hy-Lạp đã tạo nổi những thân hình kiểu mẫu, vừa để tượng trưng các thần thánh trên thiên - cung Olympe, vừa cho người đời ý thức về mức đẹp cao nhất muốn đạt và có thể đạt.

---

(1) Les Phénomènes du Schématisme, Traité d'Esthétique của *R. Brayer*.

(2) Theo triết-gia *Guyau*, thì đẹp là sống mạnh, và sống mạnh cũng đã là đẹp rồi, ta thấy đẹp khi nào thấy một sức sống mạnh-mẽ và dễ-dàng hơn : Vivre d'une vie pleine et forte est déjà esthétique. Là où il y a sentiment d'une vie plus intense et plus facile, il y a beauté.

Những kích-thước hình-trạng mà họ tìm ra ở người đẹp, chỉ xác nhận trên thân-thể các tỷ-lệ chi phối sự sinh-trưởng của các sinh-vật khác như ở giống cây hay vỏ ốc. Và các nghệ-sĩ thời sau cũng không khám phá gì mới lạ hơn tính-cách phù-hợp thiên-nhiên ở mỗi thớ thịt khúc xương người đẹp (1).

***

Đẹp là hoa nuôi bằng khí huyết và nở có mùa: ý đó qua các thời-đại đã được các thi-nhân phổ biến thành sáo ngữ quá nhàm nên ít được xét lại.

Các nhà mỹ-học cũng chấp nhận dễ dàng và còn tò mò hỏi nhau ở tuổi nào thì người đẹp nhất. Theo một truyền-thuyết lâu đời, là 18/20 đối với đàn bà, 33 đối với đàn-ông (2); như thể không khác mấy những câu ca-dao của ta : « con gái mà xấu như ma, đến khi mười tám cũng ra con người » ; — hoặc « trai ba-mươi tuổi đương xuân, gái ba mươi tuổi đã toan về già ».

Thực ra, làm gì có lệ chung ? và sớm muộn tùy trường-hợp cá-nhân. Có điều chắc chắn, là phụ-nữ 30 hoặc 50, 60 như Marlène Dietrich, hiện nay nhất định chưa chịu về già, không phải chỉ vì khéo son phấn, nhưng vì vận động nhiều hoặc biết giữ gìn. Về phía nam giới, có người chưa tới 25 đã bơ phờ mỏi mệt, song ngược lại, quá tứ, ngũ tuần mà nhiều ông đương mạnh và được coi là đẹp : những tài-tử bậc nhất như Curl Jurgens, Robert Mitchum, Burt Lancaster, Yul Brynner, Kirk Douglas, Anthony Quin, James Stewart, Cary Grant v.v... Họ vạm vỡ nhanh nhẹn, hăng hái, vui vẻ, nghĩa là đầy tính-chất thanh-niên thực-sự.

Cho nên, nếu đẹp đi đôi với trẻ, hoặc trẻ dai, thì tuổi ở đây không thể tính theo cuốn lịch, song theo sức-lực của cơ-thể (âge physiologique) hoặc sinh-khí thì đúng hơn. Duy mặt người 45,50 không che nổi dấu vết ngày qua. Trán dăn, mắt nheo, má lõm hoặc chảy dài, vạch sâu kẻ hai bên khía mũi... Như thế chắc đâu là đẹp ? Phải trả lời rằng không, nếu hiểu đẹp là xinh tươi (joli, gracieux) rằng có, nếu cảm được một thứ đẹp chẳng ở đường nét khuôn khổ, nhưng ở một toàn-diện nhờ tinh-thần nhiều hơn nhờ thể-chất, gây sức hấp dẫn đủ mạnh cho quên những chi-tiết nào không ngoạn-mục (Beauté expressive).

---

(1) Từ thượng-cổ, người ta đã tìm ra tỷ-lệ đẹp nhất, gọi là tỷ-lệ Vàng (nombre d'or 1,618). Tỷ-lệ này thấy ở cây, lá, các giống vật, người, và được đem áp-dụng vào kiến-trúc, hội-họa... Như ở người, chiều cao của toàn-thân so với chiều cao từ chân đến rốn, phải được 8/5 = 1,618 thì mới đẹp (Đã giải thích rõ trong cuốn Tìm hiểu Hội-họa).

Như họa-sĩ Rubens chuyên về người đẹp, đã ghi nhận tỉ-mỉ rằng đặc-điểm rõ-rệt và căn-thiết ở đàn-ông đẹp là hình tháp, khối vuông; ở đàn bà đẹp là hình tròn nét cong (Traité de la Figure humaine — *Rubens*)

Nếu áp dụng các khuôn khổ đó vào nghệ-thuật, thì không khỏi chật hẹp ; song đây là đẹp ở người, nghĩa là của thiên-nhiên.

(2) Có vị còn bảo đó là tuổi của Eve và Adam khi giáng sinh, vì con người vốn là kỳ-công bậc nhất của Chúa, tất đối nam nữ đầu tiên hiện xuống trần giữa lúc thân hình toàn-mỹ (*E. Souriau : L'enfance*).

Cũng vì thế mà càng ngày càng thấy thiên-hạ hoan nghênh những minh-tinh ít tuổi, nhưng diện-mạo khác xa những chàng đẹp trai lớp trước.

Kế nghiệp những Rudolph Valentino hay Ramon Novarro, Tyrone Power, và thế chân họ cả về phương-diện sô đào-hoa, là những Jean-Pierre Belmondo, những Laurent Terzieff, Horst Bushholtz, Jonnhy Haliday . . .

Cân-đối, trắng-trẻo, bóng-bẩy đã nhường bước cho lệch-lạc, nhăn-nheo, hốc-hác; thời-đại đề cao những mũi lõ nhòm mồm, những môi dày không rõ nét, những gò má nhô xương. Ấy thế mà được hàng vạn «fans» hoan hô và quần quít. (1)

Đến nỗi có nhà báo đã phải đặt câu hỏi: có phải ngày nay người ta thích xấu và ruồng bỏ Đẹp? và tình-trạng đó phải chăng là kết-quả của những nghệ-thuật mới, vì nhiều họa-sĩ hay điêu-khắc-sĩ thi nhau bóp méo hình người và phơi bày những quái-vật. (2)

Thiết nghĩ không đúng, vì mặc dầu say mê những thần-tượng sồng rất thiếu khôi-ngô tuấn-tú, quần-chúng vẫn chẳng ưa chuộng những đàn-bà một mắt trên tranh Siêu-Thực, hay những rễ cây mọc thành người của G. Richier.

Và đặt vấn-đề như trên, tức là gián-tiếp chủ trương rằng Đẹp phải theo các tiêu-chuẩn cổ-điển, chú trọng về Thể và Sắc, mà Thể-Sắc thì phải đầy đặn, ông chuốt . . .

Song những đặc-tính này, nếu còn bị đòi hỏi nhiều ở phụ-nữ, thì đã khá lâu được miễn thứ cho nam-giới, cốt sao đàn-ông con trai đủ những điều-kiện khách-quan tối-thiểu là toàn vẹn và lành mạnh, với yếu-tố chủ-quan vô-hình là đáng kể.

Nếu Thể ở người đẹp không thay đổi mấy, — thân mỹ-nữ của Le Titien thế-kỷ XVI cũng đại-khái như của Gina Lollobrigida — thì dáng người rất dễ biến dịch theo trình-độ trí-thức, hướng tư-tưởng, sức thụ-cảm, ý-niệm xử thế... tóm lại, theo các tình-trạng và hoạt-động tâm-lý.

Tâm-lý các thế-hệ mới, sau những cuộc khủng-hoảng của thế-kỷ, đã bị rung chuyển mạnh, và một điều mà các giới văn-hóa đều công nhận và nhắc lại hàng trăm lần, là lòng người bây giờ chứa đầy thắc-mắc, lo-sợ hoang-mang, dù sao cũng mất bình-tĩnh và thăng-bằng.

Như vậy, những hình-thể dáng-điệu nào điều-hòa, thanh-nhã như ở các thời không biết loạn, chỉ mang một ý-nghĩa mia-mai. Muốn phù hợp, phải cho thấy mạnh, bạo, xô lệch, kèn cựa

---

(1) Một nhà mỹ-học mới đây cũng phải than rằng: Người ta thích những màu sặc-sỡ, và những hình-thể quái lạ, những sự thi đua đổi mới. Rồi ra, thay vì tôn thờ sự Đẹp, người ta sẽ theo đuổi sự xấu — On considère comme agréables de vives couleurs et on s'amuse des formes bizarres, des surenchères d'innovations. Après un temps, cela pourrait finir dans une course à la Laideur, substituée au culte de la Beauté: *Jean Furtenberg, Les Sources de la création artistique.*

(2) Báo Cinémonde 1962, số 1466.











Hàng thứ I : Đẹp cũ : Ramon Novaro, Robert Taylor, Tino Rossi

Hàng thứ II : Đẹp bây giờ : J. Pierre Belmondo, Laurent Terzieff, Christian Marquand.

Hàng thứ III : Đẹp già : Cary Grant, Frank Sinatra, Kirh Douglas.



Rudolph Valentino
Diện-mạo cũ
Nếu bây giờ mới chết,
chưa chắc có ai tự tử theo



Monty Cliff
Dung-nhan mới
Nếu đóng phim hồi 1925
chưa chắc gì được hoan
nghênh như ngày nay

phá khuôn - khổ ngay ngắn vuông tròn : cử động thì nhảy múa như điên rồ ; ngoan-ngoãn làm cho bực ; phải biết kêu, khóc, cười, giận cho thật dữ, gân guốc, chiêu đăm, hoặc tỏ ra cuồng nhiệt. Cần có bộ mặt bi-đát (tragique) và bi-đát, về phương-diện mỹ-học, cũng là vẻ đẹp, đẹp của ngày giông tố.

Song đối với đa-số trong quần-chúng, nhất là những tâm-hồn giản-dị hoặc ôn-hòa, thì *đẹp-xinh* vẫn dễ ưa hơn, và nếu cũng cần Dáng hơn Thể, thì dáng đó phải cho cảm-giác êm, dịu, sáng, vui, hiền...

Nói một cách khác, vẫn là đẹp thuần nhã, với một ý niệm cổ-truyền bao hàm Mỹ-Thiện. Nhưng liệu đẹp và tốt có đi đôi không ? và nếu có, thì xấu tất ác ?

* * *

Nỗi thắc-mắc đó đã khiến người ta chú ý chiêm nghiệm từ mấy ngàn năm nay, rồi tổng hợp kết-quả vào khoa xem Tướng ở Tàu, xét mặt ở Âu-Châu (physionomonie) hoặc lối đo người (anthropométrie) của các nhà chuyên môn về hình-tội-học.

Tuy các phương-pháp thăm dò khác nhau, các nguyên tắc đều có điểm tương đồng : tròn, ngay, đầy, dày, cân, cao, sáng = đẹp và tốt ; trái lại, méo,

queo, mỏng, lệch, thấp, tối = xấu và ác, là triệu chứng không bình-thường, có tật, bịnh thần kinh, hoặc thói di-truyền bất-hảo. Ở nhiều kẻ phạm trọng-tội, tai nhọn, sọ nhọn, cẳng ngắn hơn thân v. v...

Cẳng ngắn hơn thân . . . có lẽ điều nầy chỉ đúng với người da trắng. Còn phần đông nam nữ da vàng, có đặc-điểm kia: họa chăng thiều mỹ-thái, chẳng lẽ ăn cướp giết người cả? Mặt choắt mắt sâu: văn-hào Voltaire đã làm nhiều việc thiện; cằm nhọn, trán nhỏ, hàm lệch: ai từ-bi bằng thánh Saint-Vincent de Paul?

Hoặc-giả còn phải coi cả dáng? Đoan-chính hay gian-giảo, quả thật nhiều khi hiện ra mặt. Nhưng chúng ta cũng rất dễ lầm. Thúy-mị, ngây-thơ, e-lệ? Vẫn có thể thay chồng như thay áo. Ai thấu được những gì sau bao nhiêu con mắt dịu dàng? Ai dám tin về nhu-mì của những Georges Sand hay của nhiều nữ-tiên màn bạc?

Cả Thể lẫn Dáng chưa chắc gì phản chiếu đích thực Thiện và Ác, dù có những trường-hợp cho phép trông mặt biết lòng: ở lãnh-vực này, tạo-hóa còn dành cho ta lắm sự chẳng ngờ, và không ai có thể tự tin khi xét đoán kẻ khác, nhất là khi tài-nghệ đóng trò của người đời đã lên tới mức rất cao.

* * *

Nhiều thầy tướng còn dạy rằng đẹp người thì tốt số, song lại phân biệt: nếu đẹp bạc hay tẻ — nhưng tẻ thì đẹp sao được — ? tất phận mỏng cánh chuồn, «hồng-nhan đa truân», và chỉ được sung sướng nếu đẹp phúc-hậu, nghĩa là đúng những tiêu-chuẩn điều-hòa đã kể.

Tai dài và dày, trán cao rộng, hàm vuông, mắt sáng . . . : tôi quí, sẽ sống lâu, giàu bền, làm nên . . . Đứng về phương-diện khoa-học, cũng không phải là vô-lý. Huyết mạch có tốt thì mới đem chất bổ tẩm tưới cho cả những đầu mầu xa xôi của cơ-thể như vành tai dáy tai; răng khỏe thận khỏe thì hàm mới nở; sọ lớn óc nhiều, có thể thông-minh: trí não mở mang, sức lực dồi dào, tất ra đời dễ thành công và hưởng thọ.

Nhưng thủ-tướng Adenauer bên Tây-Đức, mặt choắt, tai mỏng và nhỏ, nhất là khi nằm hai bên trán to của ông: sao ngoài 80 còn giữ trọng-quyền? Một bạn hay xem tướng đã bảo tôi: chính vì bỏng tai nên ông từng chịu vất-vả gần 70 năm như Thái-Công-Vọng nhà Chu: âu cũng là một cách giải thích vậy.

Cứ luận điệu của bạn tôi mà theo, thì mỗi hình đẹp, mỗi bộ phận đều ảnh hưởng vào số mệnh? Xin nhường lời các vị chuyên-khoa. Về phần riêng, nhân khi học sử, hoặc ngắm tranh ảnh, tôi không khỏi nghi hoặc.

Nhiều danh-nhân có diện-mạo phương-phi: Vua Gustave-Adolphe Thụy-Điển, vua Albert I nước Bỉ, Tổng-Thống Tôn-Dật-Tiên, các nhà bác-học Arago, Pasteur, Einstein, thi-văn-hào Keats, Lamartine hồi trẻ, Victor Hugo và Hemingway khi già, nhạc-sĩ Toscanini v. v . . .

Nhưng ai cắt nghĩa hộ tôi : vua Georges V bên Anh, và vua Nicolas II bên Nga, giống nhau như đúc, cả hai đều khôi-ngô. mặt và thân đều-đặn; tuy vậy một người yên vui đến tuổi 71, còn một người bị giết thảm hại khi cách-mạnh Nga-Sô bùng nổ. Ngoài ra, cũng nhiều vị thành-đạt, có sự-nghiệp. mà chẳng thấy tướng-mạo đẹp đẽ hơn gì người khác, dù chấp nhận những quan-điểm thẩm-mỹ thời cổ: có tiếng là dúm dó cỏ giả, mà vẫn là Frédéric II xứ Đức-Phổ, một ông vua thao-lược, ở ngôi 46 năm, thọ 74 tuổi; hay có ấn-tướng gì như Mạc-đình-Chi, thì cũng chưa ai chứng tỏ

Bởi vậy cũng không thể quả quyết rằng xấu thì ngu xi và đẹp thì thông-minh. Trán cao và rộng, là của các nhà bác-học Ampère, Berthelot, Claude Bernard, Carrel, Darwin, Chevreul, các triết-gia Schopenhauer hay Bergson, nhà văn Dos Passos, cựu Thủ tướng Churchill, cựu Tổng - Thống Eisenhower... Nhưng văn hào Pierre Loti, cựu Thủ-tướng kiêm văn-sĩ Edouard Herriot, nhà toán-học trứ-danh Henri Poincarré . . . đều có thiên-đình thấp ngắn : thiết nghĩ môn xem tướng sọ (phrénologie) của Lavater và Gall, chưa có giá-trị của một khoa-học chính-xác.

Tóm lại, đẹp ở Thể và ngay ở Dáng, tuy cho sướng mắt, không gắn liền với đức, với phúc, hoặc với tài : nếu cùng gặp ở một người, thì sự ngẫu-hợp đó chưa cho phép suy diễn quá xa mà biến thành định-lệ ; vì chẳng định-lệ nào không bị cải-chính trong thực-tế vô-cùng phức-tạp.

Phức-tạp gây nghi-hoặc. Song chính sự nửa tin nửa ngờ lại khiến cho Đẹp hấp dẫn hơn. Đẹp dễ hiểu và hiểu được hết, là của đồ trang-trí. Dung-nhan kiều-diễm của người không quen thuộc hoặc chẳng rõ tinh-tinh, được một vẻ bí-mật gợi mơ-màng với những băn-khoăn vô-nghĩa, phần ưa phần ngại, nhưng cũng nhiều thú-vị, gần như thấy ở trong tranh những mặt đẹp mang đầy dấu hỏi.

Nếu hỏi vì sao, thì biết nói làm sao ? chỉ biết sự thật đành như vậy, song lòng người xưa nay vẫn mơ tưởng sự hoàn-toàn dẫu biết là không thể đạt, vẫn muốn coi Đẹp là dấu hiệu của tốt-lành và sáng-láng. Chúng ta không chịu rằng Đẹp chỉ thuộc xác thịt song còn phải vượt Thể tới Hồn, để hợp với nhu-cầu hướng thượng (1).

Đẹp-tốt Đẹp-sướng chẳng qua là một *khát-vọng* và Xấu-ác Xấu-khổ là một phản-ứng, cả hai đều tự-nhiên và thâm-thiết, ở con người ham tiến.

Đi hỏi vợ, thì kén cả người lẫn nết ; đẻ con, muốn vừa xinh vừa ngoan vừa khôn, rồi may ra thấy khôi-ngô, dễ tin là sẽ lành sẽ giỏi ; nhìn cụ già râu tóc bạc phơ, nghĩ ngay tới hiền-từ đạo-đức ; coi hình một danh tướng, lại ngạc-nhiên vì không thấy uy

---

(1) La valeur physiologique le cède à des valeurs spirituelles plus hautes.

Le surclassement de la beauté par l'aboutissement à la transcendance. (Catégories Esthétiques. *E. Souriau*)

phong lẫm-liệt như các nguyên-soái truyện Tàu.

Chưa được thỏa-mãn giữa thực-tế, con người tìm an-ủi trong tưởng-tượng, Bởi vậy, ở tiểu-thuyết, kịch, dã-sử, bất-cứ ở thời nào xứ nào, hình như Đẹp là độc-quyền và bổn-phận của hạng lương-thiện để ta vui thích ; rồi đã ưa thì mong cho sướng ; các vai chính đều phải tuấn-tú, yêu-kiều, trung-hậu để xứng đáng hạnh-phúc, và 90 lần trên 100, câu chuyện kết liễu bằng cuộc kết-hôn. Những cảnh gian-lao mà họ thường gặp, cũng chỉ để cho ta càng thương mến và tăng gấp bội sự mừng rỡ về sau. Trái lại, những tướng cướp, kẻ buôn lậu, hoặc chỉ là đối-thủ của Chàng và Nàng, đều bắt buộc xấu theo thường-lệ, phải có bộ mặt hung dữ như tinh-tinh, và chẳng mấy khi được sống sót, ít nhất là ở lòng ta.

D.T.

Kỳ tới : *Con người đẹp qua các thời-đại.*

✱ Trong đời chúng ta chỉ gặp đôi ba cơ hội để tỏ ra dũng cảm, song lúc nào ta cũng có dịp để tỏ ra ta không hèn nhát.

René Bazin

QUÝ-VỊ HÃY DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU



HERMES



LOẠI XÁCH TAY ◇ LOẠI ĐỂ BÀN, GIÁY

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

Đường Nguyễn-Siêu — Téléphone : 20-82 — SAIGON

NGÀY TẾT THỬ THỜI-VẬN

TRẦN-THỨC-LINH

NGAY từ đêm ba mươi, đợi đón Giao thừa cho đến ba ngày Tết, có khi suốt cả giêng hai, dân ta thường hay mượn quân bài nước bạc để thử thời vận.

Nhiều người tỏ vẻ lo âu về nỗi lúc này phong trào bảo-vệ luân lý lên cao, e công an cảnh-sát sẽ quá mẫn cán trong công tác lành-mạnh hóa xứ sở chăng ? Nỗi e ngại ấy hữu ích. Đó là bước đầu trên đường cảnh giác. Nhưng cũng chớ quá lo âu . . .

Dù ái ưu cũng có khi nhàn.
Thì tiêu khiển trong cuộc rượu cung đàn,
âu cũng nhã.
Gác hết cả vinh nhục, thị phi, cổ kim,
nhân ngã.
Đem hạo nhiên mà hi hả với quân bài...

Người cảnh binh nào khác xa xa. Chưa bao giờ nhân viên công lực áp dụng luật lệ một cách cạn tàu ráo máng nói chi những lúc toàn dân vui vẻ lúc ngày xuân. Tuy nhiên biết rõ những trường hợp nào khỏi phải nửa bước ra đi có lính hầu. âu cũng vừa được yên tâm mà thử thời vận vừa tránh cho nhà chức trách những việc làm chính họ chẳng lấy gì làm thú.

Trước hết *đừng có bày trò cờ bạc đỏ đen ở vỉa hè nơi ngoài lộ, tại các chốn công cộng*. Phạm vào sẽ bị phạt vi cảnh theo điều 475 đoạn 5 luật hình.

Nhưng chỉ có cờ bạc đỏ đen như đánh cua cá, đánh loto, đánh xóc đĩa, đánh bài cào . . . mới vi luật. Nếu đánh bi-da, đánh cờ tướng . . . chơi những trò gì phải vận dụng nhiều trí khôn, cần đến nhiều khéo léo tay chân thì không sao.

Chốn công cộng không những chỉ những công trường, công lộ mà cả những nơi ai ra vô cũng được. Bỏ cỏ bắt, bộ bài

các-tê ra chơi nơi một tiệm phở, trên chuyến xe lửa cũng phạm điều 475 đoạn 5 luật hình.

Nhưng phạm điều luật này chỉ bị phạt vi cảnh, không thể bị bắt bị giam. Nhưng nộp phạt xong, đừng tưởng rút lui vào nhà là tha hồ đen đỏ. Luật không cấm người ta giải trí nhưng trừng phạt những ai gây sòng.

Cho nên điểm thứ hai nên ghi : *Chớ có tổ chức sòng bạc.*

Đã từ lâu, tòa Phá-án định nghĩa bản hỏi thế nào là một sòng bạc ; phải có tiền sâu (tiền hồ), phải là nơi ai ra vô cũng đặng và phải là nơi mục đích khai thác máu ham đen đỏ của con người.

Không phải là tổ chức sòng bạc những khi bà con, bè bạn tụ hội « lấy đỏ đen mà gỡ rối giang sơn ». (1) Không phải là sòng bạc những câu lạc bộ như nhà Khai trí tiến đức ; câu lạc bộ thể thao, bàn bạc bầy hàng dãy, nhưng chỉ dành riêng cho hội viên, không phải ai ra vô cũng đặng.

Tất nhiên có kẻ lợi dụng, gởi thiếp mời các con bạc hay tổ chức người rước khách... Những mánh khoé ấy khó qua mắt ông dự thẩm. Nếu hỏi các con bạc, người nọ khai không biết người kia đủ chứng tỏ đã bắt nhằm một sòng bạc.

Về việc bắt các sòng bạc, vì đã là chỗ công khai, ai vô ra cũng được, nên cảnh sát bắt luận ngày đêm, lúc nào vào lập biên bản cũng đặng.

Nhưng nếu sòng bạc được tổ chức trong một tư gia, bất luận là nhà ở hay tàu bè, về ngoài không có tính cách công khai, nhưng thực ra ai vô ra cũng được, cảnh sát chỉ được quyền vào lập biên bản nếu có một con bạc bị thua đến tố cáo hay có hai bảo cáo của hai nhân viên cảnh sát chứng tỏ tính cách thường xuyên, liên tục, tập quán của sòng bạc. Vì điểm này Tòa Phá-án đã tỏ thái độ một cách rõ ràng : «Chiếu theo điều 2 sắc lệnh ngày 20-10-1924, các sĩ quan tư-pháp hình cảnh chỉ có thể khám nhà bắt bạc, trong trường hợp nhà này không phải là nơi công nhiên mở cho công chúng, nếu có phúc trình của hai nhân-viên công lực hoặc sự tố cáo của một con bạc bị bóc lột tại đó ; thủ tục ghi trên được qui định để bảo vệ sự tự do của công dân và sự bất khả xâm phạm được dự liệu như một sự vô hiệu của biên bản khám xét có hậu quả làm cho thành vô hiệu bản án được tuyên căn cứ vào biên bản ấy » (2)

Tội tổ chức sòng bạc là một tội phạm vật chất. Cứ có sòng bạc là có tội, không cần xét đến ý định của chủ chứa. Dù tổ chức sòng bạc để làm việc nghĩa, dù chỉ bạc đánh cò con, bể thành sòng là có tội (3) Nhưng ta cũng đừng vội tưởng luật lệ

---

(1) Maison de jeux dont la tenue est réprimée par l'article 410 du Code pénal est celle où tout venant est admis sans condition, où il existe une cagnotte et qui est constituée non en vue d'un amusement mais pour l'exploitation de la passion du jeu.

Le législateur n'a pas entendu viser dans l'article 410 le jeu familial organisé un jour de fête entre indigènes voisins et qui est plutôt une sorte de passe-temps qu'une entreprise réelle de jeux (C I. 11-4-1914. JJ 1915 p. 186).

(2) Bản án ngày 31-8-1960 đăng trong Pháp Lý Tập San do bộ Tư Pháp xuất bản, số 1, tháng Giêng, Hai, Ba 1961 trang 20.21.

(3) Cour cassation C. crim 4-12-1935. J. J. 1935. p.5.

quá khắt khe, tổ chức sòng bạc chỉ có tội khi cờ bạc bầy ra có tính cách may rủi mà thôi. Nếu là một sòng bi-da sòng cờ tướng, sòng mạt chược... thì cũng chẳng có tội gì.

Vì vậy, điểm chót *chớ có chơi cờ bạc may rủi*. Điều này, đối với chúng ta, hầu như khó nghe. Đã là cờ bạc mà còn phân ra cờ bạc đấu trí, cờ bạc đấu may, quả thực là quá tế nhị. Tòa Phá án đã cho mạt chược là một trò trí sảo hơn là may rủi (1) nhưng ai chẳng biết, cũng như tổ tôm, «có lúc tôm lèo lên chờ rộng, với phải thằng bạch thủ phỗng tay trên ; gớm ghê thay đen thực là đen, sắc như mác cũng thua anh vận đỏ ».

Về tổ tôm, cho đến 1934, các tòa Thượng-Thẩm Saigon và Hà-Nội đều cho là «nếu cần có đôi chút trí khôn, phần lớn sự được thua là do may rủi và những trường hợp ngoài ý chí và óc thông minh người chơi». (Le jeu de Tổ tôm constitue un jeu de hasard, car si l'intelligence ou l'habileté du joueur est parfois quelque part dans le succès final, il est évident que le succès est surtout le résultat des circonstances hasardeuses et des chances indépendantes de la volonté et de l'intelligence des joueurs. C.H. 15-10-1929 J.J. 1929 p. 159. C.S. 13-11-1934. J.J. 1934. p. 81).

(1) C. Cass 19-2-1921. J. J. 1925 p. 261. Ne constitue pas le délit de tenue d'une maison de jeux de hasard prévu par l'article 410 C.D. le fait d'organiser le jeu connu sois la dénomination de mạt chược. Dans le jeu de mạt chược qui est un jeu à combinaisons multiples, le hasard ne prédomine pas sur l'adresse et l'intelligence des joueurs, ce qui exclut l'application de l'article susvisé du. C..P

Những án lệ này chưa lấy gì làm vững chắc. Ngay về mạt chược, một bản án tòa Saigon ngày 30-11-1961 đã định : « phải gạt bỏ lý lẽ của các bị cáo dựa vào một số các bản án gần đây cho rằng mạt chược là một trò chơi hoàn toàn có tính cách đấu trí. Thực ra sự may rủi cũng chiếm một phần quan trọng trong lối chơi bài này vì sự được hay thua của một người chơi bài mạt chược, ngoài tài cao thấp, còn trông thuộc một phần lớn vào sự sắp đặt sẵn của các quân bài mà người này có trong mỗi ván và sự ra quân của các người khác, nghĩa là nó tùy thuộc ở những sự kiện ngoài ý muốn của người chơi, tùy thuộc ở sự may rủi ».

Bản án nói trên có nhắc lại : « Theo thông lệ từ trước đến nay bài mạt chược và bài tổ tôm vẫn thường được hưởng sự khoan hồng của Tòa án, nhưng sự khoan hồng này không phải là được áp dụng cho mọi trường hợp mà chỉ áp dụng cho trường hợp trong đó các người chơi bài điếu là số ít người bà con gia đình, đánh ăn thua một số tiền không đáng kể, không đánh thường xuyên và không có ai lấy xâu ». Ở đây chúng tôi không có ý đem một số bản án ra phê bình mà chỉ trình bày thái độ của Tòa án đối với cái thú cờ bạc. Nhưng cũng phải nói ngay khi không phải là tổ chức một sòng bạc lấy đỏ đen sát phạt nhau, không có gì mà phải xin tòa khoan hồng, việc sẽ không ra tới tòa, mà cũng không tới đâu cả, người dân có quyền tiêu khiển công khai bằng các thú đó.

Nếu đối với các thú mạt-chược, tổ tôm, tứ sắc... án lệ chưa lấy gì làm vững chắc vì khó lòng định được trong các cách chơi bài đó, giữa may rủi và trí sảo, phần nào

ưu thắng, thì các Tòa án luôn luôn cho đánh bài cào là phạm điều 410 Hình luật.

Gần đây một bản án Tòa Thượng-thẩm Saigon ngày 22-5-1962 đã nói rõ :

« Chiếu chỉ bài cào là một trò chơi gồm có 52 lá bài chia ra làm bốn loại gọi là cơ, rô, chuồn, phích, mỗi loại có 13 lá bài : lá thứ nhất mang 1 nút gọi là ách cơ, hoặc ách rô, ách chuồn, ách phích (tùy theo loại), lá thứ nhì mang 2 nút, lá thứ ba mang 3 nút v.v. đến lá thứ 10 mang 10 nút, còn 3 lá nữa mỗi lá mang một hình người khác nhau gọi là bồi, mụ hay đầm, già.

Số người tham dự vô hạn định, người làm cái chia cho các tay con ngồi vòng tròn mỗi người 3 lá bài úp lại, rồi giở ra, đếm số nút của 3 lá bài, sự ăn thua tính theo số nút lớn nhỏ, nếu « tay con » nào có số nút lớn hơn số nút của « tay cái » là người đó « ăn », còn trái lại nếu số nút nhỏ hơn là thua ; cũng có khi số nút 3 lá bài cộng lại thành 10, số 10 hoặc số 20 gọi là « bù », bù có nghĩa là không có điểm nào cả, như vậy số lục không kể chỉ lấy số lẻ để định ăn thua, thí dụ số nút 3 lá bài cộng 12 hay 23 thì kể là có 2 điểm hay 3 điểm mà thôi. Riêng về trường hợp có 3 lá ách, 3 lá già, mụ, bồi, hoặc 3 lá bài mỗi lá 10 nút, thì sự ăn thua, tùy theo địa phương, người chơi giao kết với nhau rằng hoặc 3 lá ách kể là lớn hơn hết, hoặc kể có 3 điểm mà thôi, hoặc 3 lá già lớn hơn hết hoặc nhỏ hơn 3 lá ách, nhỏ hơn 3 lá mười v.v.

« Chiếu chỉ sự ăn thua về cách chơi bài cào chỉ căn cứ trên may rủi chớ không đòi hỏi một phần thông minh nào của người tham dự, như vậy bài cào là một môn bài đã được dự liệu và trừng phạt do điều 410 Hình luật canh cải ».

Ở miền Nam, nhiều người chơi bài cào, cũng như ở miền Bắc chơi sóc đĩa, đánh bắt.. Không mấy ai không biết. Sở dĩ dẫn án trên khi dài cốt để trình thêm một bản án không nói rõ cách chơi, không tả đủ cách đánh, để Tòa phá án có thể kiểm soát được, bản án ấy có thể bị phá : các tòa dưới không có toàn quyền thẩm định sự kiện này để quyết định là trò chơi may rủi hay không.

Vi phạm điều 410 Hình luật bị trừng phạt rất nặng. Hơn nữa các tiền bầy ra trên chiếu bạc đều bị tịch thu. Bị tịch thu cả những đồ vật dùng vào việc cờ bạc như chiếu, bàn, giường, cỗ bài, con phỉnh . . . Các đồ đạc dùng để trang hoàng nhà chứa, như gương, như thảm, dù của người khác, cũng bị tịch thu

Tòa án toàn quyền quyết định xem đồ đạc tịch thu dùng để trang hoàng nhà chứa hay không, cũng như tiền bạc tịch thu là tiền để đánh bạc hay không. Điểm đáng lưu ý là chỉ được tịch thu tiền bỏ ra đánh bạc, không bao giờ được lần lưng con bạc hay mở tủ chủ nhà để khám xét.

Nhưng hình phạt dù nặng thế nào, bắt bớ dù gắt gao đến đâu cũng khó lòng ngăn ngừa được nạn cờ bạc. Nhiều khi chỉ khiến người ta tổ chức lén lút tai hại hơn hay — như ở một vài nước ngoài — giúp cho một số người quyền thế thâu thuế bỏ túi riêng. Cho nên tốt hơn hết, về phần nhà cầm quyền nên cấm sản xuất, nhập cảng, tàng trữ các loại bài. Còn về phần dân chúng muốn thử thời vận tốt hơn là bầy ra cuộc... đánh cờ người.

TRẦN THÚC-LINH

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT



Guigoz

— Mau mập

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẨM CUỘC

66, GIA-LONG — SAIGON

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIET-NAM)

Số vốn : V.N. $ 50.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại - lộ Hàm - Nghi

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NHÁNH :

— SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo

— ĐÀ-NẴNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập

ĐẢM-NHIỆM tất cả NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG

— CÓ ĐẠI-DIỆN KHẮP HOÀN-CẦU —

NGUYỄN-VĂN-HẦU

LÝ-LIỄU

và phong-trào Đại-Đông-Du

TRONG cuốn *Cuộc đời cách-mạng Cường-Để*, đoạn thuật lại lúc mắc nạn tại Hồng-Kông năm 1913, Kỳ-Ngoại-Hầu có nói :

« Khi ấy, (Nguyễn-Thần-Hiền) vừa từ Thượng-Hải về tới Hồng-Kông thì tiếp được thư đồng-chí ở Nam-Kỳ viết ra bảo mua tạc đạn gửi về, bèn cùng Huỳnh-Hưng đi mua mấy quả tạc đạn. Cảnh-sát biết đến khám nhà, bắt được quả tang. Bây giờ trong nhà cả người lớn lẫn trẻ con có bảy người đều bị bắt.

« Khi ra tòa, Huỳnh-Hưng khai tạc đạn là do một mình y mua về chứa ở đó, người khác không biết chuyện. Quan tòa xử : Huỳnh-Hưng phải nộp phạt hai trăm bạc và ngồi tù 6 tháng, các người khác đều được tha.

« Bi-nhân thấy báo đăng như thế, liền đi tìm những người được tha kia... ».

Trừ Nguyễn-Thần-Hiền và Huỳnh-Hưng mà Kỳ-Ngoại-Hầu có kể tên, mấy người « được tha » kia là ai ? Nhất là những trẻ con nào trong bọn, có liên-quan gì tới đại cuộc đến nỗi mà Kỳ-Ngoại-Hầu phải bận tâm tìm kiếm để sau đó bị bắt giam và nếu không nhờ có Nguyễn-Hảo-Vĩnh và Lâm-Cẩu vận-động lãnh ra kịp thì cụ khó khỏi cái án tử-hình hoặc ít ra cũng bị lưu đày như các vua Duy-Tân, Thành-Thái ?

Trong bài *Hà-Thành lâm nạn*, làm tại Nhà pha Hỏa-lò Hà-Nội, cụ Nguyễn Quang-Diệu — một trong số mấy người bị bắt trong vụ vừa nói — sau khi cho biết mình bị án mười năm, có kể rõ tên họ các nạn nhân khác cũng bị tòa án thực-dân bức xử như cụ :

« Thương ông Thần Hiền râu mày,
Cùng Đinh-Hữu-Thuật đều đày mười năm.

Càng thương gã thiếu-niên Nguyễn-Truyện,

Du học mà án biện chung thân
Oan anh Trần-Ngọ quá chừng,
Tám năm tân-khổ không phân lẽ nào.
Chàng Lý Liễu cũng vào một đảng,
Vì Châu-liên phải án năm năm...»

Chưa kể những nguồn *tài-liệu phóng-vấn* khác, nội hai *tài-liệu viết* của hai nhà cách-mạng dẫn trên đã bổ-túc nhau mà minh xác rằng vụ án tạc-đạn tại Hồng-Kông có cả thảy bảy bị can: Trần-Ngọ, Nguyễn-Quang-Diêu, Nguyễn-Thần-Hiến, Đinh-Hữu-Thuật, Huỳnh-Hưng, Nguyễn-Truyện và Lý-Liễu; và số «trẻ con» mà cụ Cường-Để nói đó không ai khác hơn là Lý-Liễu và Nguyễn-Truyện.

Bảy người này, nói chung, đều là cán bộ hoạt-động của phong-trào, hoặc học-sinh do phong-trào đưa ra du-học từ mấy năm trước. Cuộc đời họ luôn luôn mật-thiết với công việc chung, nên Kỳ-Ngoại-Hầu Cường-Để khi hay tin họ bị bắt thì lo buồn, cũng như nghe nói họ được tha thì vui vẻ, mong sao tìm cho tận mặt.

Họ ngày nay đã là người của lịch-sử. Những chi-tiết cần biết chung quanh họ thật còn mênh mông mà phạm vi sưu tầm thì có hạn, lại đòi hỏi khá nhiều điều-kiện, nhất là điều-kiện thời gian. Cho nên ở bài biên khảo này, chúng tôi chỉ xin dành cho Lý-Liễu, một người tuy tuổi còn «trẻ con» nhưng đáng coi là quái-kiệt của Phong-trào, tuy ngoài giới cách-mạng ra ít ai biết tiếng nhưng xứng đáng là một tấm gương trong mà thiết-tưởng thanh niên bây giờ cũng như sau này cần được soi chung mỗi khi có dịp bước chân vào đường chiến-đấu bảo-vệ Tổ-quốc.

***

Trong các cuốn sử cách-mạng, tôi chưa thấy nơi nào ghi tên Lý-Liễu. Ông là con cụ Lý-Chánh — một nhà ái quốc quán ở Tam-Bình (Vĩnh-Long), từng quen thân với các cụ Bùi-Chi-Nhuận (Tân-An), Nguyễn-Quang-Diêu (Cao-Lãnh), Nguyễn-Thần-Hiến (Cần-Thơ) và từng đóng góp nhiều công-tác cho các nghĩa-đảng, các hội kín chống Pháp từ khi Phong-trào Đông-Du chưa được tổ-chức.

Ngay từ lúc mở mắt chào đời, tuy đã là người dân vong-quốc, Lý-Liễu luôn luôn được thở không-khí cách-mạng của gia-đình. Lên sáu tuổi, đã tỏ ra có tư chất cực thông-minh, nên dù không phải là hạng giàu có, cụ Lý-Chánh cũng cố gắng cho con đi học.

Cuối năm 1906, sau nhiều phen tham-gia cách-mạng mà đại sự không thành, cụ Lý-Chánh xoay sang hoạt-động cho Phong-trào Đông-Du. Cụ và các cụ Bộ-Tòng, Xã-Trinh, Huỳnh-Hưng... hiệp nhau lo liệu mọi việc trong tỉnh Vĩnh-Long.

Năm 1907, Bùi-Chi-Nhuận nhận mệnh lệnh của các cụ Cường-Để, Sào-Nam từ Nhật trở về nước kêu gọi thanh-niên xuất-dương, cụ Lý-Chánh kịp thời hiệp với cụ Nguyễn-Thần-Hiến trong *Khuyến du-học hội*, cổ-động học-sinh du-học.

Để làm gương cho mọi người, cụ Lý-Chánh đưa con mình là Lý-Liễu xuất-dương ngay trong đợt đầu năm ấy. Lý-Liễu bây giờ tuổi mới vào khoảng 14, 15, cùng với Nguyễn-Truyện, con cụ Xã-Trinh, tuổi cũng xấp-xỉ như thế, được lên đường với các thanh-niên du-học.

Hình như học-sinh hồi đó không nhất thiết phải sang Nhật, hoặc vì ở Nhật sau đó không tiện cư-ngụ, nên Nguyễn-Truyện và Lý-Liễu được đưa tới Hồng-Kông, học tại *Trung-Anh học-đường*, cũng như Đỗ-Văn-Y học tại *Trung-Đức học đường* và Lâm-Tỷ, Lâm-Cần học trường *La-Mã (1)*.

Chân trời hiểu biết từ đó được thênh-thênh rộng mở trước tầm mắt Lý-Liễu, ông rất say-mê học tập và không bao lâu, đã đoạt được nhiều thành-tích khả-quan so với các học-sinh ngoại-quốc tại Trung-Anh học-đường. Ông đã được cụ Cường Để nhiều lần khen-ngợi và một lần thưởng tiền trong hồi Kỳ-Ngoại-Hầu bị trục-xuất ở Nhật, sang Hồng-Kông và đi học tiếng Anh (1910).

Cậu bé con ít học ở một nơi nhà quê năm nào tại Vĩnh-Long, nay đã trở thành một thanh-niên học-sinh ưu-tú của Trung-Anh học-đường. Bao nhiêu hy-vọng đuổi Tây cứu nước mơ-mơ màng-màng trong óc ngây thơ từ trước bây giờ đã được dịp bồng-bột lên theo tuổi thanh-xuân, Lý-Liễu chỉ còn chờ ngày đem tài-năng trở về thi-thố.

***

Nhưng ý định đó đã bị dở-dang.

Nguyên là trong năm 1913, khoảng cuối tháng 5, một phái-đoàn từ Nam-Kỳ, do Nguyễn-Quang-Diêu cầm đầu, lên đường sang Hồng Kông với mục đích lãnh chỉ-thị tiền-phiếu, mua vũ-khí và đưa thêm vài học-sinh du-học. Phái-đoàn ngụ tại nhà Huỳnh-Hưng ở ven đảo Cửu-Long, phía bên kia Hồng-Kông.

Huỳnh-Hưng tức Huỳnh-Văn-Nghị, gốc ở Tam-Bình (Vĩnh-Long), người đồng-hương với Nguyễn-Truyện và Lý-Liễu. Cụ có phận-sự liên-lạc giữa các đồng-chí Nam-Kỳ và các lãnh-tụ cách-mạng trên đất Tàu và đất Nhật. Cả hai vợ chồng đều sang ở đây từ lâu, rất tận-tụy với nhiệm-vụ và rất được các lãnh-tụ quý mến. Lý Liễu và Nguyễn-Truyện ngoài nghĩa đồng-chí còn có tình đồng-hương, nên thường hay tới chơi nhà Huỳnh-Hưng vừa để nhận thư từ gia-đình, vừa thăm nghe tin-tức trong nước. Bởi vậy từ hôm có phái-đoàn ra,

(1) Xem bài *Nguyễn-Thần-Hiến, một lãnh-tụ trọng yếu trong Phong-trào Đông-Du miền Nam* của tác-giả đã đăng *Bách-Khoa* số 124-125 (1962), để biết thêm về Bộ-Tòng, Xã-Trinh, Bùi-Chí-Nhuận và Đỗ-Văn Y. Còn Lâm-Tỷ, Lâm-Cần là hai anh em ruột, con của Lâm Bình ở Vĩnh Long. Cụ Lâm-Bình nhà giàu lớn, năm 1907 có sang Nhật yết kiến cụ Cường-Để và hiến vào quỹ cách mạng một số tiền to. Cụ gởi hai con cho cụ Cường-Để trông nom đi học tại Nhật. Lúc cụ Cường-Để bị bắt tại Hồng-Kông về việc tìm thăm các đồng chí Nam-Kỳ trong vụ ám tạc dạn, chính Lâm-Cần đã xuất hai nghìn bạc ký quỹ để trạng sư lãnh ra và nhờ đó Kỳ-Ngoại-Hầu mới thoát thân được.

Nguyễn-Truyện và Lý-Liễu được Huỳnh-Hưng cho hay và từ ấy hôm nào hai người cũng đến để gặp-gỡ bàn-bạc với các đồng-chí.

Ngày 16 tháng 6 (1913), không rõ vì có ai điểm-chỉ, nhà Huỳnh-Hưng bị cảnh-sát Anh đến khám. Họ xét gặp 13 quả tạc-đạn và một ít giấy tờ, nên bắt hết những người có mặt. Lý-Liễu lúc đó vừa đến nhà Huỳnh-Hưng một chặp, cũng bị cảnh sát bắt luôn. Tất cả bị điệu về bót và bị giam chung để chờ cuộc điều tra sẽ tiến hành của nhà chức trách.

Khi ra tòa, như cụ Cường-Để đã nói, chỉ một Huỳnh-Hưng nhận tội và bị án tù, còn các người khác thì tòa tuyên bố tha, tuy nhiên họ chỉ được tha tại Hồng-Kông chứ còn phải bị tạm giam để chờ ngày trục-xuất cảnh-ngoại (1).

Mùa đông năm 1913, sau khi bị giam tại Hồng-Kông ít lâu, Lý-Liễu và các đồng-chí của ông bị đưa về Hà-Nội. Họ bị tra tấn rất đỗi ngặt nghèo. Một phiên tòa Đại hình đặc biệt họp tại Hà-Nội vào khoảng cuối năm, tuyên án các «chính-trị-phạm» ấy như sau:

— Nguyễn-Quang-Diêu 10 năm khổ sai.

— Nguyễn-Thần-Hiến 10 năm khổ-sai.

— Đinh-Hữu-Thuật 10 năm khổ-sai.

— Nguyễn-Truyện chung thân khổ-sai.

— Lý-Liễu 5 năm khổ-sai.

Tất cả bị giam tại Hỏa-Lò để chờ ngày đi đày. Nhưng Nguyễn-Truyện già đau ra nằm nhà thương rồi dùng dao mổ bụng tự-tử (2); còn cụ Nguyễn-Thần-Hiến thì nhịn ăn để phản đối Pháp mà chết. Xét rõ ra trong vụ án này, trừ hai người chết vừa nói và Huỳnh-Hưng sau khi mãn tù tại Hồng-Kông bị Anh đưa về cho Pháp rồi bị đày Côn-Nôn (3), còn lại cả thảy bốn người: Lý-Liễu, Nguyễn-Quang-Diêu, Đinh-Hữu-Thuật và Trần-Ngọ; họ đều bị đày đi Guyane (Nam-Mỹ).

* * *

Xứ Guyane là thuộc-địa của ba nước: Pháp, Anh và Hòa-Lan. Thị-trấn vùng Pháp chiếm: Cayenne; vì vậy họ đem đày các nhà cách-mạng Việt-Nam sang đây cũng như họ từng đày đi Madagascar hay Réunion vậy.

Tàu không đi thẳng Cayenne (Mỹ) mà lại về Marseille (Pháp). Các chính-

(1) Xem *Bách-Khoa* số 125, 15-3-1962 để hiểu rõ hơn về vụ án này.

(2) Sự thật, Nguyễn Truyện không bị bắt tại nhà Huỳnh-Hưng. Nguyên do là hôm xử vụ tạc đạn tại tòa án Hồng-Kông, ông vì nóng lòng lo lắng cho các đồng-chí nên đến phòng xử dự thính, bị cảnh sát Anh tình nghi tra giấy rồi bắt luôn. Lúc giải về Hà-Nội, tòa án thực dân truy ra tông-tích ông là con cụ Xã Trình — một cán bộ hoạt động đắc lực — và ông cũng không khỏi nhận rằng mình là du học sinh do phong trào đưa đi học tập để đem tài năng về khai hóa cho quốc dân, bởi vì người Pháp đã hứa khai hóa mà không khai hóa gì hết. Do đó ông đã bị kết án rất nặng.

(3) Trong cuốn *Tự Phán* (viết năm 1929), đoạn nói về những học-sinh Đông-Du bị giải tán mà không chịu trở về nước, cụ Phan-Bội-Châu có chép về Huỳnh-Hưng như vầy:

«Huỳnh-Hưng ở lại Nhật-Bản, cần công khổ học ước nửa năm, sau về Hương-Cảng, khổ tâm tích lự, định làm một nhà thực hành; vì chế tạo đạn dược, toan hành động một việc phi thường, bị chánh phủ Anh dẫn-độ cho Pháp, được án đày Côn-Lôn, hiện bây giờ về Nam-Kỳ rồi. Nam-Kỳ thanh niên lúc đó như ông Huỳnh-Hưng thật à hiếm».

trị phạm bị đem lên tạm giam tại đây vài tuần lễ rồi mới đổi sang một chiếc tàu khác mà đi Guyane.

Ở Guyane người ta đem các cụ lên rừng bắt đốn cây, cắt củi... làm những việc nặng-nhọc của hạng tù-đồ, tuy nhiên các cụ không vì vậy mà thối chí, trái lại vẫn coi thường khổ-cực và vẫn quyết tâm hy-vọng một ngày quốc vận vinh-quang.

Tình-hình chính-trị thế-giới mỗi ngày một căng-thẳng, làm các cụ càng nuôi nhiều hy-vọng, nên dù là tù-phạm, luôn luôn bị canh chừng để ý, các cụ vẫn tìm cách thăm dò tin-tức ở ngoài. Công việc khó-khăn và có phần nguy-hiểm nầy, các cụ hoàn-toàn trông cậy vào tay Lý-Liễu.

Lý-Liễu như chúng ta đã biết rõ, là một du-học-sinh của Phong-trào Đông-Du, vì có mặt tại nhà Huỳnh-Hưng mà bị bắt nên chỉ bị án «Châu-liên» ông trẻ tuổi nhất trong số các đồng-chí, thông tiếng Anh, tiếng Tàu và biết chút ít tiếng Tây, nên từ khi bị đày sang Guyane, xếp Tây ở trại tù miễn cho ông những việc nặng-nề của tù-phạm để sai ông liên-lạc những chuyện vặt từ trại tù xuống Cayenne. Trại tù ở ven rừng, cách Cayenne hằng chục cây số, cho nên Lý-Liễu thong-thả tới lui, có khi được ở đêm tại Cayenne, tha hồ đi lại với kiều dân Trung-Hoa, Nhật-Bản. Nhờ vậy mà ông có phương-tiện thi-hành công việc của các đồng-chí giao phó.

Có một buổi chiều, ai nấy đều nghỉ việc, Lý-Liễu ở đâu xồng-xộc chạy vào trại tù reo lên:

— Vạn-tuế cách-mạng Việt-Nam!

Ai nấy nhao nhao xúm lại:

— Cái gì mà vạn-tuế?

Lý-Liễu tỏ vẻ quan trọng, ngồi phệt xuống, hạ giọng thì thầm:

— Một người trong chi-điếm thương-hội Anh-Hoa vừa cho tôi biết tình-hình cách-mạng Việt-Nam khả-quan.

— Sao? sao?

— Hắn nói Kỳ-Ngoại-Hầu đã sang Âu-Châu với Đỗ-Văn-Y để vận-động ngoại-giao, chính hắn đã gặp tận mặt. Đỗ-Văn-Y năm ngoái tại Đức. (1) Hiện nay Kỳ-Ngoại-Hầu đã về Trung-Hoa rồi, đã được Viên-Thế-Khải và Đoàn-Kỳ-Thụy nhận viện-trợ Việt-Nam để đánh Pháp, chúng ta chắc sẽ được phóng-thích nay mai!

Cái tin của Lý-Liễu làm không-khí trong trại tù nóng rực cả lên trong đêm ấy và âm-ỉ luôn năm bảy ngày sau đó, nhưng dần dần rồi im bặt, không nghe thấy có chuyện gì xảy ra tại nhà tù cũng như ở Việt-Nam (2).

---

(1) Cuối năm 1913, Kỳ-Ngoại-Hầu có sang Đức với Đỗ-Văn-Y thật, nhưng chỉ là chuyến đi du-lịch chứ không phải ngoại-giao. Lúc đó Lý-Liễu và các nhà cách-mạng nầy đang còn bị giam tại ngục Hà-Nội nên chưa nghe được tin.

(2) Tin nầy không phải hoàn-toàn thất-thiệt. Tháng 4 năm 1914, cụ Cường-Để rời Anh để về Trung-Hoa, vì có thư của Hồ-Học-Lãm gởi qua nói Viên-Thế-Khải có ý muốn gặp cụ để bàn về việc ủng hộ cách-mạng Việt-Nam. Thượng tuần tháng 6 năm ấy thì cụ tới Bắc-Kinh, Đoàn Kỳ-Thụy tiếp đón trọng hậu và hoạch-định chương-trình viện-trợ làm hai thời-kỳ: thời-kỳ chuẩn-bị và thời-kỳ tiến-hành. Nhưng về sau vì có chuyện lôi thôi với Nhật, Viên-Thế-Khải bận chuyện ngoại-giao nên vấn-đề viện-trợ Việt-Nam hóa ra việc xuông.

Ở xứ người xa lạ, tứ bề bị bưng-bít, mà biết được những cái tin như vậy các cụ cũng thấy vui vui.

Một lần khác mọi người đang nghỉ trưa, Lý Liễu từ Cayenne về, lay Nguyễn-Quang-Diêu và Đinh Hữu. Thuật dậy, bảo :

— Vua Duy-Tân đã hiệp với Trần-Cao-Vân chống Pháp, nhân-dân trong nước sôi-nổi hưởng-ứng khá quan...

Đinh-Hữu.Thuật chận lại :

— Lại khả-quan nữa !?

— Thì đây, một tờ báo Tàu có loan tin đó, các anh coi . . .

Cụ Nguyễn-Quang-Diêu cầm tờ báo xem. Một bài đăng trang đầu, xét về tình-hình các nước nhược-tiểu giữa thế chiến, có nói phớt qua tình-hình Việt-Nam và tin-tức trên.

Thêm một phen nữa tưng-bừng vui nhộn trong lòng các cụ, dù rằng sau đó cũng chẳng có gì (1).

Thời khắc cứ trôi qua, lòng yêu nước của các cụ vẫn không hề lay chuyển ; tuy nhiên đứng trước viễn-tượng mịt-mờ của con đường trở về cố-quốc, các cụ có lúc không khỏi bồi-hồi ngao-ngán. Một bức thư của Lý-Liễu gởi về cho người thân năm 1915, có kèm theo một bài thơ thăm chị, đã có bộc-lộ ý đó :

Có quân chi em bước lạc-loài,
Đạo nhà nhờ chị đỡ hôm mai.
Đã rằng chung đội ơn trời đất,
Thôi chớ phân bì phận gái trai.
Ngoài cuộc phong-trần em gánh cả,
Trong khi huờn cập chị gồm hai (2)...

Mối lòng chờ đợi mà tình thế Việt-Nam vẫn chưa có gì thay đổi lớn, mặc dù cuộc thế giới chiến tranh đã bùng nổ từ tháng bảy năm 1914, các cụ bàn nhau nhất quyết tìm cách vượt ngục.

***

Trong thời-gian ở Guyane, Lý-Liễu có một vai trò rất quan-trọng đối với các đồng-chí cách mạng : kêu với Tây để đòi quần áo thuốc men là tay ông, bắt tin tức bên ngoài để hiểu biết tình hình chính trị là nhờ ông, gởi thơ về thăm gia-quyến và nhận thơ của gia-quyến gởi sang, cũng một tay ông ; rồi nay tính chuyện vượt ngục, anh em cũng chỉ trông cậy vào ông nốt.

Ông sẵn có quen biết và có nhiều cảm tình với một số kiều-dân Trung-Hoa. Một lần ông đem ý định muốn vượt ngục đó nói cho vài bạn thân biết và ngỏ ý nhờ họ giúp đỡ, ông được họ bằng lòng liền.

Công việc sắp đặt bắt đầu từ giữa năm 1916, nhưng đến đầu năm 1917 mới có một chuyến khởi hành.

---

(1) Vua Duy-Tân khởi-nghĩa ngày 3 tháng 5 năm 1916, việc thất-bại nên bị Pháp bắt đày sang đảo Réunion. Ngày 26 tháng 12 năm 1945, nhà vua bỏ mình vì một tai nạn máy bay tại xứ Benghi, thuộc Phi Châu. Cái chết bí-đát của nhà vua có điều bí-ẩn đáng chú-ý.

(2) Bài thơ này do cụ Nguyễn-Quang-Diêu viết giúp cho Lý-Liễu vì ông thạo thơ Nôm. Lý-Liễu hồi xuất dương chưa vợ, ông có người chị gái chưa chồng ở vậy săn-sóc cho cha. Thời tiền chiến, lúc bà chị ấy còn sống mà Lý Liễu thì đã bỏ thấy ngoài Côn-Đảo người ta thấy bà thỉnh-thoảng đọc bài thơ này, nhắc-nhở em và sụt-sùi giọt tủi . . .

Nguyễn-Quang-Diêu và Đinh-Hữu-Thuật đi trước. Hai cụ được đưa xuống một chiếc thuyền đánh cá của thổ-dân để rời bờ biển Guyane dong buồm sang đảo Trinidad. Mọi việc lo liệu tồn kém đều do mấy bạn Hoa-Kiều gánh chịu, họ còn tốt bụng viết thư giới-thiệu trước với một thương-hội ở Trinidad về tình cảnh của các nhà cách-mạng Việt-Nam và yêu cầu ủng hộ (1).

Từ bỏ ở Guyane thình-thoảng có người trốn thoát. Pháp nổi giận, tra-khảo những tù phạm còn lại để khám phá manh mối những tổ-chức vượt ngục ấy. Các đồng-chí của Lý-Liễu lấy làm lo sợ cho ông, có người bảo ông trốn đi trước kẻo nguy, ông khẳng-khái trả lời : « Việc này anh em chỉ cậy vào tôi, việc chưa xong, tôi nỡ nào đi trước » ! Rồi ông khôn khéo vận động để thực dân bỏ qua những cuộc điều tra ; ông lại sắp đặt những chuyến vượt ngục khác và mấy tháng sau, ông cũng trốn được theo anh em sang Trinidad.

Trinidad là một hải đảo thuộc Anh, Pháp gọi Trinité và Tàu gọi Trì lý-ni đích - đảo ; rộng 4822 cây số vuông, 530.000 dân, tỉnh lỵ là Port of Spain. Sản-vật có dầu-hỏa, ca-cao, đường... kiều dân Trung-Hoa ở đó cũng nhiều như ở Guyane và việc buôn bán của họ có phần phát-đạt. Họ giúp các cụ có cơ-sở làm ăn : Nguyễn-Quang-Diêu coi về thư từ giao-dịch cho một chi-điếm thương - hội, Đinh-Hữu-Thuật kiểm soát hàng hóa xuất nhập cho thương hội đó ; còn Lý-Liễu thì chỉ ở trong thương - hội một thời gian rồi ra lấy vợ Anh ; nhờ của hồi-môn, vợ chồng ông mở riêng một hiệu buôn để tự-lập sinh nhai.

Việc ở ăn được yên ổn, Lý-Liễu giao du rất rộng ; ông dụng ý đò xét từng chi-tiết một về cách tổ - chức hành-chánh, kinh-tế và tìm học những cách sử-dụng máy móc của người Anh. Ông thích đọc những sách báo nói về tự-do dân-chủ và tiểu sử các nhân-vật danh tướng của Anh quốc. Ông từng nói với các đồng-chí : Sau nầy về nước phục-vụ cho quốc dân, tôi chắc rằng nếu chúng ta có tiến-bộ được gì hơn lớp người đi trước, là một phần nhờ ở kinh - nghiệm của chuyến phiêu - lưu đầy nguy hiểm nầy.

Không khí tự-do ở Trinidad tuy có làm các cụ dễ chịu về phần thể-xác, nhưng tâm-hồn các cụ luôn luôn quằn-quại vì trách-nhiệm dở dang. Nhất là từ sau ngày thế-giới đại-chiến chấm dứt tình-hình cách mạng Việt-Nam vẫn im-lặng, các cụ càng thêm buồn bực. Cụ Nguyễn-Quang-Diêu có lần nóng nảy xin với thương-hội cho cụ nhiệm vụ công-tác sang một chi-điếm bên Anh. Bề ngoài làm việc cho thương-hội thật, nhưng bên trong để cụ có dịp ngóng nghe tin tức. Tuy nhiên, cụ cũng thất-vọng hoàn-toàn vì không

(1) Chuyến đi nầy thì gần đến Trinidad thì thuyền bị đắm, vài thổ dân bị mất tích.

gặp được đồng-chí và cũng không tìm hiểu được gì xác-thực về tâm hơi của các lãnh-tụ cách-mạng nước nhà. Lý-Liễu có một lần sang Anh, nhưng rồi ông cũng không làm gì hơn được cụ Nguyễn.

Thời-gian cứ lặng-lờ đi tới mà sự bồng bột trong lòng các cụ vẫn mỗi lúc mỗi mãnh-liệt. Khoảng năm 1920, các cụ họp nhau bàn định trở về; cụ Đinh-Hữu-Thuật nói:

— Mục đích vượt ngục của chúng ta là trốn cái nhục về tâm-hồn hơn trốn cái khổ về vật chất, nay thể chả được sung-túc mà tâm hồn vẫn không hơn gì khi ở Guyane thì phỏng có sướng gì mà mãi ở đây, vậy tôi đề-nghị anh em tìm phương về nước.

Cụ Nguyễn-Quang-Diêu khoa tay:

— Đồng ý. Nhưng theo tôi thì không thể về nước ngay được, vì hiện nay ta chưa rõ tình-trạng nước nhà ra sao; tôi thấy ta hãy về ngay Trung-Hoa trước đã mới tiện.

Lý-Liễu reo lên:

— Anh Cảnh-Sơn nói phải (1). Chúng ta bây giờ bề ngoài là người Tàu cả, chúng ta hãy về Tàu rồi sẽ liệu cách hiệp đoàn với Tàu mà về trong nước. Và hiện nay các nhà lãnh-tụ chắc còn ở Tàu, chúng ta về đó để may ra có cách gì hoạt-động được chăng!

Các cụ tiếp-tục bàn thêm và sau rốt quyết-định:

— Yêu-cầu thương-hội cấp chứng-thư và giới-thiệu với các hiệu buôn lớn bên Trung-Hoa để khỏi bị nghi-ngờ trong lúc đi đường.

— Đi lần-lượt từng người cho êm chuyện.

— Về Trung-Hoa để lắng nghe tin-tức chứ chưa về thẳng trong nước.

Trong mấy năm sống ở Trinidad, nhờ làm việc siêng-năng và chi-tiêu tằn-tiện, bây giờ ai cũng có dư tiền, nên chuyến này ra đi, các cụ khỏi phải nhờ các bạn Trung-Hoa quyên giúp.

Giữa năm 1920, Nguyễn-Quang-Diêu đáp tàu lên Hoa-Thịnh-Đốn, cụ ở đó một lúc rồi đổi sang tàu khác mà về Trung Hoa. Lần-lượt các cụ khác đi theo.

Riêng Lý-Liễu phen này ra đi chắc là khổ tâm chẳng ít. Ông có vợ Anh, như đã nói, và đã sanh với nhau được hai mặt con (2). Hôm ra đi, thừa lúc vợ con về quê ngoại, ông lấy một ít tiền, khóa kín các tủ lại, để lại một phong thư...

Bỏ vợ trẻ con ngoan ra đi, không được nói lên một câu từ giã, mà là một chuyến đi vĩnh-quyết, ai lại không thấy lòng mình xót-xa! Lý-Liễu ngày về nước, trong một buổi chiều nhàn-rỗi ngồi chơi nói chuyện với một bạn thân đã than thở:

---

(1) Cảnh-Sơn: Một biệt-hiệu của cụ Nguyễn-Quang-Diêu.

(2) Hai con của Lý-Liễu, một gái một trai. Đứa con gái, đặt theo tiếng Trung Hoa, tên Ngoành; còn đứa con trai tên gì không thấy tài-liệu nào ghi và cũng chưa gặp ai nhớ được.

— Hiện bây giờ, bên kia trời xa vợi, vợ con tôi có dè đâu tôi ở đây! Chắc chúng nó nhớ nhung tôi dữ lắm!

Thật vậy, từ ngày cưới vợ cho tới lúc bỏ vợ ra đi, khoảng sáu năm, ông chưa hề nói thật cho vợ biết mình là người Việt. Vợ con ông vẫn tưởng đâu ông người Tàu.

* * *

Giữa năm 1925, Lý-Liễu về tới Hồng Kông. Nhân lúc ở trên tàu, ông có gặp một thiếu-phụ người Trung-Hoa trước kia là bạn học, nên khi về tới Hồng-Kông, ông nhờ người bạn gái ấy lo liệu giúp cho giấy tờ hợp-pháp và chỗ nơi nương ngụ (1).

Trong khoảng ở Tàu, Lý-Liễu có tìm được cụ Nguyễn-Hải-Thần và gặp gỡ một số thanh-niên trong nước ra học tại « Hoàng-Phổ quân-quan học-hiệu ». Nhưng vì tình-hình cách-mạng Việt ở đây hồi nầy rất đổi rối-rạc, không ai làm được việc gì đáng kể, cho nên ông chỉ ở Quảng Châu ít lâu rồi xuống Hồng-Kông để liệu-phương về nước. Ông hẹn với cụ Nguyễn-Hải-Thần và và các đồng chí nếu cơ-hội thuận-tiện, năm sau ông sẽ vận-động tài-chánh mang ra và đưa thanh-niên ra học.

Bây giờ là năm 1929, ông đã có được giấy thông hành Trung-Hoa, nên giả như người Tàu sang Việt-Nam làm ăn, xuống tàu tại Hồng-Kông về Sài-Gòn.

Khi tàu cặp bến, ông công-nhiên lên xe xuống Mỹ-Tho (2). Ở nơi đây, tại quận An-Hóa, ông có một người bà con mà trong lúc sửa-soạn xuất-dương, ông nhớ đã có ghé qua từ-giã.

Hôm sau, khi cụ Lý-Chánh biết tin con về, liền lén sai Lý-Thảo—em ruột của Lý-Liễu—sang rước anh về Tam-Bình cho gia-đình gặp nhau. Kể từ khi

(1) Trên chuyến tàu về Trung-Hoa, tàu chạy hai hôm thì Lý-Liễu gặp được người bạn học cũ nói trên. Hỏi ra mới biết người bạn gái ấy ngày nay là vợ một bạn trai của Lý-Liễu mà trước kia cả ba đều cùng học với nhau tại Hồng-Kông. Người bạn gái ấy cho biết sau ngày ra trường, họ lấy nhau và đem nhau sang Hoa-Kỳ kinh-doanh. Nhờ sẵn vốn và làm ăn phát-đạt nên bây giờ họ đã giàu to, nhưng chồng cô rủi mắc bệnh lao trầm trọng thế không sống được, nên cô phải trở về quê-quán để cho chồng vùi nắm xương tàn.

Lý-Liễu nghe vậy rất cảm-động, theo chân cô bạn gái ấy đến phòng riêng thăm anh bạn trai. Được mấy hôm thì người bạn trai chết. Trong khi chuyến tàu còn lênh-đênh giữa trùng-dương, mà người bạn gái chỉ có một mình với một người ở, Lý-Liễu phải đứng ra lo liệu mọi việc giúp bạn. Nhờ có cảm tình sâu đậm đó mà khi về Hồng-Kông, người bạn gái kia hết lòng giúp đỡ lại cho ông.

(2) Hôm về đến Mỹ-Tho thì trời vừa tối mà nhà bà con cũng chưa nhớ chắc ở đâu, nên Lý-Liễu vào trọ khách-sạn đợi sáng mai sẽ đi tìm.

Ngồi trên lầu dòm xuống, khung-cảnh toàn xa lạ, không còn nhận được di-tích gì của ngày xưa. Bỗng một giọng rao hàng lanh lảnh từ dưới đưa lên: « Ai mua bánh hỏi... » Cái giọng rao quen quen ấy làm ông nhớ lại thứ mùi vị của quê-hương mà gần ngót một phần tư thế kỷ nay ông chưa hề nếm lại.

xuất-ngoại (1907) cho tới khi trở về (1929), Lý-Liễu đã rời quê-hương 22 năm dài đăng đẳng.

⁂

Ở Tam-Bình không lâu, Lý-Liễu lại lên đường tìm kiếm đồng-chí. Tới đâu ông cũng nghe than « cách-mạng đã thoái trào ». Ông xuống Tân-An với Bùi Chí-Nhuận, lên Mương-Điều với Đinh-Hữu-Thuật rồi sang Vĩnh-Hòa với Nguyễn-Quang-Diêu, nhưng ai cũng nói là cơ-hội chưa thuận-tiện, phải nán đợi ít lâu. Ông chạy kiếm Huỳnh Hưng, hy-vọng đôn đốc được ông này hoạt-động. Nhưng Huỳnh-Hưng từ được ân-xá ở Côn-Nôn về, Pháp theo dõi trông chừng ngặt lắm nên cũng không rục-rịch được. Bực quá, ông phát ngờ, cho rằng có khi tại các đồng-chí nầy đã già nua không muốn hoạt-động nữa, nên xoay sang kết-nạp các bạn trẻ.

Nhờ có tài và có nhiệt-độ phụng-sự cao, nên kết-quả thu-lượm được khả-quan. Nhiều người theo ông một cách say-sưa, có kẻ hăng-hái quá đến nỗi muốn bạo-động, ông phải dàn xếp và cắt nghĩa cho họ biết là càng sớm bạo-động thì càng thất-bại sớm, phải làm sao cho đa số nhân-dân đều ý-thức được cái lợi của sự đoàn-kết và thế nào là quyền tự-do đã.

Một nhóm thanh-niên có dấu ác nghe ông giảng-giải về tinh-thần dân-chủ ở nước người, mê quá, yêu-cầu ông mở lớp đào-luyện cán-bộ, ông từ chối, bảo : « Phi xuất-ngoại, yên đắc kiên tự-do » (3). Rồi ông lần hồi tìm cách đưa họ ra nước ngoài học tập.

Thực-dân biết tin ông về nước hoạt-động, có ý lo, vì ngại ông có tài sẽ lôi cuốn được số đông quần-chúng, nên sai người chiêu-dụ ông ra thú. Họ hứa sẽ không làm tội và ban thưởng quan chức cho. Ông không nhận lời đó, rúc sâu vào đồng quê, vững một lòng tranh-đấu.

Bầy lâu sống ở ngoài được đi lại thong-thả đã quen, nay nằm trong cảnh chật buộc tối-túng, ông rất đỗi bứt-rứt. Tuy-nhiên chí nhẫn-nại có thừa, ông quyết-tâm chịu đựng mà đợi chờ cơ-hội ( ).

Bụng đói, nghe bánh hỏi càng thèm, mà gọi lên để mua thì e lậu việc ông liền gọi người bồi vờ hỏi xem người ta rao gì. Người bồi, vốn là khách-trú, lắc đầu đáp rằng thứ này không thể ăn được, bởi nó phải chấm với một thứ nước chấm đặc-biệt mà người Việt mới biết ăn. Nghe vậy Lý-Liễu càng thèm hơn, ông biết người bồi ngỡ ông là khách-trú thật, không ăn được nước mắm nên mới nói thế. Ông bèn làm mặt lạ, bảo người bồi cứ gọi lên ăn thử chơi cho biết.

Một sàng bánh hỏi la-liệt, hơi nóng còn bốc lên nghi ngút, ông chan nước mắm ăn luôn một hơi hết một phần tư. Cô bán bánh chưng-hửng mà người bồi cũng ngẩn-ngơ, không rõ anh ba-tàu nào đây từ bên Tàu mới qua mà « mạnh ăn » và « biết ăn » đến thế !...

(3) Không ra nước ngoài, đâu thấy được tự-do.

(1) Mặc dù có tính nhẫn-nại, nhưng đứng trước nhiều nỗi căm-hờn chồng-chất Lý-Liễu có lúc cũng không giấn được giận. Trong năm 1930, một lần lên biên-thùy Việt-Miên để tìm cụ Nguyễn-Quang-Diêu do người con trưởng cụ

Nhưng cơ-hội đó không tới kịp trong đời ông. Thực-dân sai người đò tìm tung-tích của ông mãi. Ông phải hóa-trang, dời đổi chỗ ngụ luôn luôn mà hễ tới đâu ít lâu rồi cũng lậu tiếng. Một ngày về hè đâu vào khoảng năm 1933-1934, ông đang lẩn trốn tại một nơi nhà quê ở Vĩnh-Long (trong một căn nhà lá nhỏ bên Lộ-Ông-Kè, cách quận lỵ An-Hóa không xa lắm), bị linh Pháp đến vây bắt được.

Tòa án thực-dân gán cho ông tội gây loạn, phá cuộc trị-an và truy ra cái án vượt ngục tại Guyane ngày trước, nên lên án 15 năm khổ sai; ông bị đày ra Côn-Nôn rồi không chịu đựng được sự khổ-sở nhọc-nhằn trong cảnh lao tù ông đã bỏ xương ngoài đó sau một thời-gian dài đau ốm liên-miên mà không có thuốc men.

Cha ông, cụ Lý-Chánh, sau ngày ông bị bắt, cũng bị truy-tố về tội « làm quốc-sự », cũng bị đày Côn-Nôn và cũng chết trên đảo nầy.

Có ai cắm giùm nơi Lộ Ông-Kè, tại mái tranh nghèo che thân của nhà cách-mạng nầy một tấm bia kỷ-niệm? Có ai tìm được dấu vết nắm xương tàn của hai cha con nhà ái-quốc nầy để đặt lên đây vài phiến đá cho người đời ghi nhớ và cho linh-hồn liệt-vị đỡ bớt phần nào nỗi quạnh-hiu? . . .

NGUYỄN-VĂN-HẦU

(tiếp theo cước chú trang trước)

hướng-dẫn, khi tàu tới Tân-Châu thì trời qua trưa, không còn đò để sang Vĩnh-Hòa. Lý-Liễu ghé vào hớt tóc trong một hiệu Huê kiều. Tên thợ Huê-Kiều tưởng Lý-Liễu không thông tiếng Quảng-Đông nên trong khi hớt-tóc, đã nói xấu người Việt-Nam với một người khách-trú khác. Họ cho rằng người Việt dốt-nát, người Việt hèn kém nên mới bị Pháp cai-trị v.v... Lý-Liễu ngồi lặng-thinh nghe, đợi khi hớt tóc xong, đưng dậy trả tiền rồi, ông mới thẳng tay quật mắng hai người khách-trú. Ông vạch cho họ nghe cái nhục chung của nhiều nước phương Đông hiện đang bị các nước phương Tây uy-hiếp, trong đó có Trung-Hoa chứ không riêng gì Việt-Nam, rồi ông hỏi họ ăn đâu mà no, ở đâu mà ấm mà dám khinh-khi người Việt! Hai tên khách-trú thấy Lý-Liễu ăn nói thông suốt mà bộ-điệu cang-cường thì thất-kinh, hạ giọng xin lỗi và hứa sẽ từ đây xin chừa.

ĐỂ SỐNG MỘT ĐỜI SỐNG TỰ-DO

hằng ngày các bạn hãy đọc

***nhật báo* TỰ-DO**

TIẾNG NÓI CỦA NGƯỜI VIỆT TỰ-DO

B. N. C. I.

BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de 80.000.000 N. F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẤT-ĐẠM
135 *Đại-lộ NGUYỄN-HUỆ*
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*
(ex Dudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 343
B.P. 122

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601
P.O. Box n° 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1 000 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.)

NGUYỄN-CAO-ĐÀM

kiểm điểm một năm nhiếp ảnh nghệ thuật Việt Nam

CHÀO đời cách đây đúng 25 năm với cuộc triển lãm đầu tiên do trường Mỹ Thuật Đông-Dương tổ chức, nền Nhiếp ảnh nghệ thuật Việt-Nam đã trưởng thành trong 10 năm qua và thực sự sáng chói kể từ năm 1957. Trong vòng 5 năm (57-61), chiếm đoạt không dưới 200 huy chương tại các cuộc Triển lãm quốc tế, Việt-Nam được kể là một lực lượng hùng hậu ở vùng Đông Nam Á Châu và đương nhiên có một địa vị trên thế giới ảnh.

Năm 1962, bảng thành tích dài thêm thắng lợi.

Ô. Nguyễn-văn-Lân — Saigon.

— Huy chương vàng tại Turin (Ý đại-lợi) với tác phẩm *Suy tưởng*.

— Huy chương vàng tại Salujjo (Ý đại-lợi) với tác phẩm *Âm ảnh*.

— Huy chương vàng tại San Adrian Besos (Y pha-nho) với tác phẩm *Cô gái Việt*.

— Huy chương đồng tại Nantes (Pháp) với cùng tác phẩm *Cô gái Việt*).

Ô. Phạm-văn-Mùi — Saigon.

— Huy chương vàng tại Valparaiso (Chí-Lợi) với tác phẩm *Suối tóc* — đĩa bạc tại Tân-gia-Ba với tác phẩm *Duyên dáng*.

— Cúp tại Karachi (Hồi quốc) với tác phẩm *Duyên dáng*.

Ô. Hứa-văn-Ban — Hội-An.

— Hai huy chương đồng tại Nantes (Pháp) với tác phẩm *Nước lụt* và *Mất dượi*.

Ô. Lý-lan-Siêu — Chợ-lớn,

— Đệ nhất ngân tượng tại Sydney (Úc) với tác phẩm màu *Trái tim cô độc*

Cô Đặng-quế-Thanh — Chợ-lớn.

— Đệ nhất ngân bài bằng bạc tại Melbourne (Úc) với tác phẩm *Ngăn cản hòa bình*.

Ô. Trần-cao-Lĩnh — Saigon.

— Đệ nhị ngân bài bằng đồng tại Melbourne (Úc) với tác phẩm *Vấn quyết định.*

Bản thống kê trên đây còn có thể thiếu xót vì những tin tức về chậm và sự hiểu biết riêng không đầy đủ của chúng tôi, tuy nhiên cũng phần ánh được phần nào về sống gió mà nền nhiếp ảnh của ta đã gây được trong những cuộc tranh tài ở năm Châu.

● Năm 1962 còn được đánh dấu bằng cuộc Triển lãm quốc tế kỳ III do Việt-Nam tổ chức vào dịp Lễ Quốc Khánh với 1955 tác phẩm đen trắng và màu của 552 nhiếp ảnh gia thuộc 34 quốc gia gửi tới tham dự.

● Năm 1962, thêm Ông Nguyễn-văn Lân của Việt-Nam được nhận làm Hội viên chánh thức Hội nhiếp ảnh hoàng gia Anh (A R P.S) sau các Ông : Trần-phương Cư, Triệu-Văn, Trần-Việt, Nguyễn-cao-Đàm Trần-Linh, La-Huy, Long-Thuận, Lý-lan-Siêu, Lê-anh-Tài, Đinh-bá Trung, Huỳnh-Hoa, Nguyễn-mạnh-Đan, Trần-cao-Lĩnh, Châu-Kiên về những năm trước.

● Năm 1962, Hội nhiếp ảnh Nghĩa An ở Chợ-lớn gởi 119 tác phẩm chọn lọc qua trưng bầy tại nhiều tỉnh ở Liên-bang Mã-lai do Học Hội nhiếp ảnh Tân-gia-ba đứng tổ chức.

● Năm 1962, Văn-hóa-vụ chuẩn bị xong cuộc Triển lãm lưu động vòng quanh thế giới bằng 120 tác phẩm của một số nhiếp ảnh gia có uy tín.

● Nếu trên địa hạt quốc tế, những hoạt động nhiếp ảnh của ta gia tăng rõ rệt, thì ở phạm vi quốc nội, năm 1962 có thể được coi là năm khởi đầu cho phong trào nhiếp ảnh tài tử.

● Năm 1962, Hội Nhiếp ảnh Việt-Nam được chánh thức thành lập. Trong cuộc thi đầu tiên, Hội thâu nhận được trên 200 tấm về 3 loại ảnh: loại A cỡ lớn 30 × 40, loại B cỡ nhỏ 18 × 24 và loại phim màu dương bản. Sang đầu năm 1963 ảnh đoạt giải và một số được tuyển lựa sẽ trưng bầy tại Saigon.

● Trước cuộc thi này là cuộc thi Ảnh tài tử do tuần báo Điện Ảnh đứng ra tổ chức. 451 tấm ảnh thuộc 18 tỉnh từ Quảng trị vào tới Vĩnh-Long gởi tới tham dự. Cuộc thi còn đưa ra lần đầu tiên bản thống kê nghề nghiệp và tuổi tác để cho ta có được một khái niệm về thành phần của phong trào nhiếp ảnh tài tử hiện tại theo đó học sinh và sinh viên chiếm 36% và 66% những người cầm máy ở lứa tuổi từ 16 đến 30. Một số mầm non xuất hiện đầy hứa hẹn : Ngô-đình-Cường Văn - Khánh, Huỳnh-tấn-Trị . . . tỏ rõ tài năng trong nhiều sáng tác phẩm độc đáo. Cuộc thi đã biến thành triển lãm tại Phòng Thông Tin đô thành vào tháng 5-1962.

● Tại Chợ-lớn, Hội Nhiếp ảnh Tinh-Võ mở triển lãm thường niên thứ 3, trưng bầy trên 100 tác phẩm mới tạo của trên 40 hội viên.

***

Kiểm điểm bước tiến của nhiếp ảnh trong năm qua, chúng ta thấy những tác phẩm đoạt giải quốc tế phần lớn đều được thể hiện từ mấy năm trước. Ngoài những bức chân dung thiếu nữ của

Nguyễn-Văn-Lân, mớ tóc dài óng ả trong *Duyên dáng* của Phạm-Văn-Mùi vẫn còn gây mới lạ. Với *Nước lụt*, Hứa-Văn-Ban ghi lại cảnh nước dâng ngập đường phố, nhưng không phải con nước hung dữ tàn phá mà là mặt nước do mưa lớn đọng lại, trong trẻo, phẳng lặng trên đó những con thuyền thong dong qua lại như ở một góc của Venise thơ mộng. Cô Đặng-Quế-Thanh, nữ nhiếp ảnh gia trẻ tuổi của Chợ-lớn đề cập một chút đến câu truyện thời sự. Ghi lại những cây tre dựng ngược ở bãi biển Phan-Thiết như cản đường bay của đàn chim câu, cô muốn thể hiện hình ảnh của bức «màn tre» với vấn đề hòa bình thế giới hiện tại.

Trong số những nhiếp ảnh trẻ tuổi đang lên, còn có thể kể thêm Tào-Can, Nguyễn-Thống bắt đầu có tác phẩm được tuyển chọn trưng bầy, tuy chưa đoạt được huy chương.

Con đường sáng tác trong năm 1962, nhìn chung, không được mấy sáng lạn. Về phía nhiếp ảnh gia lớp trước, một hai người đã giải « nghiệp » Trần-Phương Cừ phá buồng tối, Hà-Phi xếp máy, một số khác « thẩm mệt » sau nhiều cố gắng. Hoàn cảnh của đất nước không cho phép người nhiếp ảnh lang thang ở bãi biển Phước-Hải « chờ trăng lên » hay đèo nhau ếch bà băng qua Rừng lá thắng tiến ra đồi cát Mũi-Né, Phan-Thiết, những chiều thứ bẩy như trước nữa.

Chúng ta chờ một sự chuyển mình ở những nhiếp ảnh gia lớp trước, chúng ta cũng chờ những ngôi sao mới, xuất hiện từ lớp thanh niên băng hái, nuôi dưỡng bởi phong trào nhiếp ảnh tài tử, kịp thời gây dựng bắt đầu từ năm 1962 vừa qua.

NGUYỄN-CAO ĐÀM

★

- Một ngày chẳng nghĩ đến điều thiện thì mọi điều ác tự nổi lên.

  Trang-Tử

- Tỏ ra mình hơn người khác chưa phải là hay.
  Cái chân giá trị là ở chỗ hôm nay mình đã hơn chính mình ngày hôm qua.

  Tục-ngữ Ấn-Độ

CHỨC MỪNG NĂM MỚI

Hiệu THIÊN-THAI

MẠCH NHA, KẸO GƯƠNG,
CÓ NHẬN GỞI RA NƯỚC NGOÀI

114, đại lộ Quang-Trung *Quảng-Ngãi (Trung-Việt)*

Chủ nhơn : Bà NGUYỄN-ĐÍCH-QUANG

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiếu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chiếu năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim
DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim

*

LUÂN - ĐÔN TỔNG - CỤC

38, Bishopsgate, London E. C. 2

*

SAIGON CHI - CỤC

CHI - CỤC CHÁNH : 3, Đường Võ-Di-Nguy
CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhất
(Immeuble Esso Standard Eastern Inc.

*

NAM - VANG CHI - CỤC

10, Phlauv Preah Kossamac

*

CHI-NHÁNH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIEN-ĐÔNG

*

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

LÝ-QUANG

Con đường Thiền

QUA hai bài của ông Lê-Xuân-Khoa, bạn đọc của Bách-Khoa đã có dịp biết nhiều về Thiền-tông, một tông phái nhà Phật chủ-trương lấy Thiền làm con đường Giải-thoát. Những dòng thô sơ mà chúng tôi cống hiến bạn đọc hôm nay không nhằm nghiên-cứu Thiền-tông, nhưng chỉ tìm hiểu Phương-pháp Thiền và bản-chất Thiền mà thôi.

Trong các sách vở của ông, giáo sư Suzuki thường chủ-trương Thiền là một cái chi đặc-biệt Trung-Hoa, phải sang đất Trung-Hoa thì Phật-giáo mới phát sinh ra Thiền. Chúng tôi trộm nghĩ câu nói của Suzuki hơi có vẻ hàm-hồ : nếu ông muốn nói rằng Thiền-tông là cây đã mọc trên đất Trung-Hoa, thì không ai dám chối ; còn nếu như ông muốn bảo rằng Thiền-na (tức Thiền) đã phát sinh ra trên đất Trung-Hoa thì chúng tôi sợ rằng điều đó không đúng sự thực : Thiền-tông tự nhận đã có những 28 vị tổ-sư (coi B. K. số 138), và ít nhất vị tổ-sư đích-thực của Thiền-tông, Bodhidharma, đã là một vị tu-sĩ người Ấn, tự Ấn qua Tàu để giảng cái đạo Thiền. Đàng khác, một điều quá hiển-nhiên là : những lời dạy của Bodhidharma không mang lại điều chi mới, ngoài những điều mà chúng ta đã thấy trình bày rất đầy đủ trong hai vị tiên-sư *Nagârjuna* (Long-thụ) và *Vasubandhu* (Thế-thân). Hai vị này được coi là tổ-sư thứ 14 và 21 trong hàng 28 vị tổ-sư. Hơn nữa, mở Kinh Tam Tạng ra, chúng ta thấy Phật Thích-Ca cũng đã đề-cập khá tỉ mỉ về Thiền.

Nước ở nguồn trong hơn, đạo-lý khi ở nguồn thường sáng sủa và dễ hiểu hơn. Chúng ta cùng nhau tìm hiểu Thiền nơi lời dạy của Phật, rồi nơi hai cao-đệ của ngài là Long-Thụ và Thế-Thân ; sau đó chúng ta mới thử đi sâu vào bản-chất của Thiền.

* * *

I.— PHƯƠNG-PHÁP THIỀN

Trong phần này chúng tôi sẽ bàn về những bậc thang của con đường Thiền, từ những bậc chuẩn-bị cho đến bậc đạt tới đích là Giải-thoát. Quả thế, mục đích của Thiền là Giải-thoát : những vị tu-hành chăm chỉ tu-luyện Thiền đều có ý coi đó là con đường thực-tế dẫn tới Giải-thoát. Như vậy chúng ta không nên tách rời Thiền ra khỏi Giải-thoát, không nên coi Thiền như một khoa dinh-dưỡng tinh-thần, mặc dầu những người không theo Phật-giáo vẫn có thể coi Thiền là một trong những phương-pháp bổ-dưỡng tinh-thần. Khi chúng ta tách rời Thiền ra khỏi Giải thoát, chúng ta thấy Thiền chỉ còn là một khoa thuộc lãnh-vực Tâm-lý-học mà thôi, và như vậy chúng ta làm cho Thiền mất nguyên-chất của nó : Thiền của một số trí-thức Nhật ngày nay thường có hình thức đó, nó không trực-tiếp nhằm Niết-bàn nữa, nhưng chỉ nhằm mang lại sự an-tịnh và cao-khiết cho tâm-hồn. Đây chúng tôi chỉ bàn về Thiền chính-đạo mà thôi, tức Thiền có chủ-đích giải-thoát con người ra khỏi cái cảnh trầm-luân luân-hồi này. Nói cách khác, Thiền có tham vọng dẫn con người tới Chính-giác, tức Bồ-đề. Như vậy vai trò của Thiền thực là quan-trọng trong Phật-giáo, kể cả những tông-phái không phải là Thiền-tông.

Đạo lý của Phật thu gọn trong ba câu *Vạn sự khổ, vạn sự vô thường, vạn sự vô ngã*. Bao lâu con người chưa nhận ra chân-tướng của mình, bao lâu con người còn tưởng mình có bản-ngã tức chấp-ngã, thì con người sẽ không thoát khỏi kiếp trầm luân sinh sinh tử tử. Chỉ khi nào con người chứng-nghiệm rằng đời là khổ (Khổ thánh đế), và nhận ra rằng mình khổ vì mình còn mang những tham-vọng và dục-tình (Tập thánh-đế), khi đó con người mới cố gắng diệt dục để chấm dứt cảnh luân-hồi (Diệt thánh-đế). Tuy nhiên, công việc diệt đó không phải ai cũng làm được : chỉ Phật mới làm được, và ngài đã trối con đường Diệt đó lại cho chúng sinh : đó là Đạo thánh-đế, cũng gọi là Bát-chính Đạo. Không phải thông thạo giáo lý nhà Phật lắm, người ta cũng biết Bát-chính Đạo là : chính kiến, chính tư-duy, chính ngữ, chính nghiệp, chính mạng, chính tinh tấn, chính niệm và chính định. Trong 8 cái Chính, có đến 5 cái trực tiếp liên can tới Thiền, và cái thứ 8 thì chính là Thiền, vì Thiền (dhyâna) và Định (samâdhi) chung quy cũng là một, thành thử Phật-giáo Thiền-Tông Trung-Hoa thường gọi Thiền là Thiền-Định.

Xem thế đủ biết Thiền là Con Đường thực hành, đường dẫn tới Giải-thoát. Nếu Đạo thánh-đế là con đường mà Phật-Tử phải đi để bước tới chính-giác, thì Thiền lại là thành phần quan-trọng của con đường đó. Khi xem vào sách vở của Long-Thụ hay Thế-Thân, người ta càng cảm thấy rõ ràng Phật-giáo coi Thiền như chính phương-thế để thực hiện Bồ-đề : Thiền là đường dẫn tới bậc La-hán trong Tiểu-thừa và bậc Bồ-tát trong Đại-thừa.

Bây giờ chúng ta cùng nhau nhìn thẳng vào các Kinh nhà Phật xem lần lượt Phật

Thích-Ca, Long-Thụ và Thế-Thân quan-niệm Thiền như thế nào.

A.— Thiền trong Tam Tạng Kinh

Dầu Phật, dầu các chư đệ về sau, mỗi khi bàn về Thiền đều nói đến những điều kiện chuẩn-bị rồi mới nói đến những bậc Thiền. Dưới đây là mấy trang rút trong Kinh Tạng (Sutta-Pitaka) :

Phần chuẩn bị : « Có sẵn những lẽ luật luân-lý đó, lại luôn luôn giữ gìn ngũ quan, hầu làm chủ được lòng mình, thày Tì-khưu tiến vào quãng rừng sâu, hoặc một ngọn đồi, một hốc đá. Thày ngồi xếp chân lại, và bắt đầu đi vào cuộc suy-niệm :

1) Trước hết thày xua đuổi những dục-tình đi, gột rửa tâm-hồn sạch mọi nhục dục (Kâmachanda).

2) Rồi xua đuổi tất cả mọi mối ác-tâm (vyâpâd.) để lòng được yên hàn.

3) Thày cũng xua đuổi tính ươn lười (thinamiddha) để tâm-hồn được linh-hoạt.

4) Thày cũng không quên xua đuổi tính sao lãng (uddhaca-kukkucca) để lòng được an-tịnh và tinh ròng.

5) Sau hết thày khử trừ những nghi-nan (vicikiccha) để tâm hồn mình không còn bị u ám bởi những nghi-nan. (*Dighanikâya* 1,47)

Năm cái trên đây gọi là 5 chướng-ngại Nivarana) : trước khi bước vào Thiền, người tu-sĩ phải cất 5 chướng-ngại đó đi đã. Để ý một chút, người ta nhận thấy trong 5 chướng ngại thì 3 cái trên thuộc về xúc-động tâm-tình, còn 2 cái dưới thuộc loại những xúc-động trí-tuệ. Nếu không cất những chướng ngại đó đi, con người không thể có tâm-hồn thảnh thơi và trong sạch, thanh-bình và phẳng lặng như gương mặt hồ ; mà không thanh-bình và trong sạch thì không thể hiện được Thiền, dầu là bậc thấp nhất của Thiền. Cho hay : Thiền là không khí sinh hoạt của những tâm-hồn đã quen « canh phòng ngũ-quan » và đã khử trừ xong 5 cái chướng-ngại là 5 xiềng xích thường trói buộc con người trần. Sau này, nhờ những chú-giải của Long-Thụ, chúng ta sẽ biết nhục dục là những thú-vui của xác-thịt nói chung và mỗi giác-quan nói riêng. Bây giờ chúng ta chỉ nhớ rằng mục đích của Thiền là giải-thoát con người khỏi những ràng buộc của dục giới (kâmadhâtu), sắc giới (rûpadhâtu) và vô-sắc-giới (arûpvadhatu), nghĩa là giải-thoát con người khỏi vũ-trụ hiện-tượng này hòng đưa con người vào trong một thực-tại tinh-kiết. Cho được bước vào Thiền, con người phải qua những chuẩn-bị kia đã.

4 bậc Thiền. — Sau khi đã trút bỏ được 5 chướng ngại kia, con người bước vào Thiền thứ nhất, tức bậc thứ nhất của Thiền. Rồi dần dần tiến lên Thiền hai, Thiền ba và Thiền bốn. Đây là đoạn kinh nhà Phật về 4 bậc Thiền :

> « Hỡi các Tì-khưu, Thiền có 4 bậc. Đó là những bậc nào ? Trong Thiền thứ nhất, tu-sĩ đã trút bỏ được những thú vui của giác quan và những sai lầm của suy-tưởng, thày nhập vào Thiền thứ nhất và ở vững nơi đó. Thiền này gồm có những yếu-tố : nghĩ-tưởng (vitarka), suy - luận (vicara), khoái - lạc (piti), hạnh-phúc (sukha) và định (samâdhi).

Khi thày bỏ được hai yếu-tố nghĩ-tưởng và suy-luận, tâm hồn thày sẽ yên-tịnh và vững chắc hơn : khi đó thày nhập vào Thiền hai : Thiền này không còn có nghĩ-tưởng và suy-luận, nhưng chỉ có : bình-an (adhyâtmasamprasada), khoái-lạc (pîti), hạnh phúc (sukha) và định (samâdhi).

Sự khoái-trá giảm dần, thày trở nên bình-thản (équanimité) : thày cảm thấy hạnh-phúc trong thân thể mình, lúc đó thày vào Thiền ba. Thiền này gồm những yếu-tố : bình-thản (upeksa), niệm (smrti), an tịnh (samprasâda), hạnh-phúc (sukha) và định (samâdhi).

Sau đó thày cảm thấy mình không còn ý-thức gì về đau-khổ hay khoái-lạc nữa : đó là lúc thày nhập vào Thiền thứ bốn, và thày ở vững nơi đó. Thiền này là : hết cảm thấy khổ và khoái (adukhasukhavedâna), thanh-bình tối cao (upeksapariudhi), niệm tối cao (smrtiparisudhi) và định (samâdhi).

(*Samgutta-nikâya* V. 307-308)

Để ý theo dõi bước tiến lên của Thiền, chúng ta thấy càng lên cao thì tu-sĩ càng bỏ được những yếu-tố khuấy động. Hay nói đúng hơn, càng bỏ được những yếu-tố khuấy-động, tu-sĩ càng vượt lên cao, cho tới bậc thứ bốn của Thiền là bậc «thanh-bình tối cao» và «hết cảm thấy khổ và hết cảm thấy sướng». Những yếu-tố nào bị coi là khuấy-động ? Trước hết là hai yếu-tố nghĩ-tưởng và suy-luận của Thiền I. Gọi là khuấy-động vì nó bắt tâm trí ta suy nghĩ lại, suy luận cân nhắc : bao lâu tâm-hồn còn vướng hai yếu-tố này, thì vẫn bị vướng ở bậc Thiền I. Khi trút khỏi hai yếu-tố đó, tâm-hồn vươn lên Thiền II : Thiền này có một yếu-tố mới, phát sinh do sự vắng mặt của vitarka và vicara, yếu-tố mới này là : an-tịnh Tuy nhiên Thiền II vẫn mang một yếu-tố khuấy-động là khoái-lạc (pîti). Khoái-lạc lay chuyển nhiều, và hạnh-phúc khuấy-động ít : cho nên khi trừ được khoái-lạc, thì tu-sĩ vươn lên Thiền III : vì bỏ được khoái-lạc, cho nên một yếu-tố mới khác vừa phát-sinh nơi Thiền III : đó là bình-thản (upeksa). Tuy vậy Thiền III vẫn mang một yếu-tố khuấy-động, dầu khuấy-động ít : đó là hạnh-phúc. Cho nên khi trút bỏ được tất cả mọi cảm-giác (vedâna) về hạnh-phúc và đau khổ, thì lúc đó tu-sĩ mới đạt tới Thiền IV : Thiền này có tên là « cảm thấy không sướng và không khổ » ; hơn nữa những yếu-tố tốt của Thiền III mà Thiền IV còn giữ lại được, thì nay vươn lên bậc « tối cao » (parisudhi) : niệm tối cao, bình-thản tối cao.

Nhìn lại một cách tổng quát, ta dễ thấy từ Thiền I đến Thiền IV, sự khác biệt thực đã xa lắm : Thiền I còn mang nặng những yếu-tố khuấy-động cả về trí-tuệ cả về tình-cảm. Hai yếu-tố khuấy-động thuộc trí-tuệ là nghĩ-tưởng và suy-luận, hai yếu-tố khuấy-động về tình-cảm là khoái-lạc và hạnh-phúc. Còn nơi Thiền IV, chúng ta không còn thấy dấu vết nào của những yếu-tố khuấy-động đó nữa : về trí-tuệ, Thiền IV không còn suy tưởng nữa, nhưng chỉ là « niệm tối-cao » nghĩa là tập-trung tư-tưởng một cách tuyệt-hảo : sách nhà Phật thường ví tâm-trí con người phàm-phu như ngọn đèn trước gió : gió thổi chiều nào nó ngả theo chiều đó, trái lại tâm-trí người đã được đạt tới Thiền IV giống như ngọn đèn được hoàn toàn che

kín, cho nên nó đứng vững như tờ. Đó là về phía trí-tuệ, còn về phía tình-cảm thì Thiền IV càng có đặc-điểm rõ-rệt hơn nữa: Thiền này thường được gọi tắt là « Thiền hết cảm giác », nghĩa là không còn cảm thấy sướng và cũng không cảm thấy khổ gì nữa: thực là đã như thoát khỏi cảnh trần lụy.

4 bậc Định (samâpatti).— Sau khi nói về 4 bậc Thiền, các sách Kinh Phật thường nói liền đến 4 bậc Định. Thiền và Định, thực sự có khác nhau, vì cảnh-giới (bhumi) của Thiền là Sắc-giới (rûpadhâtu), còn cảnh-giới của Định là vô-sắc-giới (arûpyadhâtu). Nói đến đây cũng nên nhắc lại rằng Phật-giáo chủ-trương có ba thế-giới chồng lên nhau: dưới cùng là Dục-giới (Kâmadhâtu), lên trên là Sắc-giới (Râpadhâtu) và trên cùng là Vô-sắc-giới (Arûpyadhâtu). Dục-giới là thế-giới của luân-hồi, tức thế-giới của địa-ngục, ngạ-quỷ, súc-sinh, loài người, thần-thánh. Sắc-giới là thế-giới của Brahma: gọi là sắc-giới, vì những thần-linh ở thế-giới này, tuy có thân xác, nhưng thân-xác các ngài nhẹ nhàng và tế-vi như ánh sáng. Còn như Vô-sắc-giới thì tuyệt-đối không có mảy may vật-chất: khi nhờ công đức và nhất là nhờ phép Thiền, ai được tái sinh trong thế-giới này, thì người đó tuyệt nhiên không có thân-xác, cho nên cũng không có cảm-giác và chỉ có phần tinh-thần mà thôi. Cũng nên biết: dầu là Vô-sắc-giới, nhưng tựu trung vẫn còn là thế-giới, chưa phải Niết-bàn; theo các cao-đệ nhà Phật, những ai đã sinh vào sắc-giới và Vô-sắc-giới, thì không bị rơi xuống Dục-giới nữa, nhưng sẽ sinh đi sinh lại ở trên đó cho tới khi đạt được Chính-giác và vào Niết-bàn.

Trên đây chúng tôi nói đến *cảnh-giới* (bhumi): đây là « những thế-giới của nhà Phật » nghĩa là những thế-giới mà tu-sĩ đạt tới khi nhập Thiền, và cũng là những nơi con người ta tái-sinh sau khi đã đạt tới những bậc Thiền cao thấp tùy đó. Như vậy, nếu kể cả Dục-giới nữa thì có tất cả 9 tầng thế-giới, bởi vì Thiền có 4 Cảnh-giới và Định cũng có 4 nữa.

Trở lại 4 Định, chúng ta đọc trong Kinh nhà Phật:

« Sau khi vượt lên trên Sắc-giới, không còn có những tri-giác về hình-thể và màu sắc: nào nữa, tu-sĩ nhận thấy Không-gian vô-hạn (Akâsânantyâyatana) và ở lại đó. Này các Tỉ-khưu, vị tu-sĩ này được gọi là người đã làm mù mắt Tử-thần (Màra), vì Tử-thần và sự Ác không còn bắt được thày nữa.

Vượt quá lên trên thế-giới của « Không-gian vô-hạn », thày nhận thấy: Ý-thức là vô-hạn (Vijnânânantyâyâtana). Và thày ở lại đó.

Rồi vượt lên trên thế-giới của « Ý-thức vô-hạn », thày nhận thấy: Hư-vô, không gì hiện hữu hết (Akimcanyâyatana). Và ở lại đó.

Sau cùng, vượt quá lên trên thế-giới của Hư-vô, thày đạt tới bậc ngưng mọi tri-giác và ý-thức: đó là giới « Phi-thức phi-vô-thức » (naivasamjnanâsamjnâyatana). Và ở lại đó».

(*Anguttara-nikâya* IV, 433)

Cũng như mục-đích của Thiền, chúng ta thấy mục-đích của 4 Định là giải-thoát con người khỏi những hình ảnh

và xáo-động về cuộc đời. Thiền và Định đều có chủ-đích gỡ con người ra khỏi cảnh khuấy-động của trần gian. Nhìn vào các Định, chúng ta không thấy những yếu-tố khuấy-động như ở các Thiền nữa, bởi vì đây là *Vô-sắc giới*: không còn cảm-giác và không còn những đối-tượng của giác quan nữa, cho nên cũng hết cảm-xúc và hết nghĩ-tưởng. Trong Định I, con người đối-diện với Không-gian vô-hạn và hoàn toàn trống rỗng, trống rỗng vì không chứa hình sắc nào hết. Khi con người thả hồn vào cái đối-tượng đó và dừng lại ít lâu, chắc sẽ cảm thấy như bị xuất-thần: quên hẳn cái vũ-trụ đầy hình sắc cảm dỗ này, và như vậy sẽ « định », nghĩa là sẽ vững trong cảnh an-tịnh lâng lâng. Trong Định II, con người không thu-tập ý-thức mình vào cái đối-tượng là không gian vô hạn nữa, nhưng sẽ lấy chính ý-thức rỗng không làm đối-tượng cho ý-thức. Không gian vô hạn, nhưng ý-thức còn bao quát được không gian vô hạn kia, cho nên ý-thức càng vô hạn hơn. Khi con người rút ý-thức ra khỏi đối-tượng khách-thể cuối cùng là Không-gian trống rỗng, thì chính lúc đó con người tự ý-thức về mình: *mình* đây không phải con người có xương thịt, vì đây là vô sắc giới; cho nên mình đây chỉ là ý-thức thuần-túy, không phản chiếu một hình ảnh trần-gian nào. Một ý-thức như thế tất nhiên là an-tịnh vô chừng trong « định » của mình. Đến Định III, ý-thức chuẩn bị đổi hướng: trước đây ý-thức đã bỏ được đối-tượng khách-thể cuối cùng là Không-gian vô-hạn, thì bây giờ nó lại bỏ chính dự-phóng cuối cùng là hình ảnh trống rỗng mà nó có về mình: như vậy, đã đến lúc ý-thức không còn ý-thức nào nữa. Thực ra, nó vẫn còn một chút ý-thức: ý-thức về Hư-vô. Nó ý-thức rằng không có chi hiện hữu cả. Thực là tịch mịch vô biên, và cô liêu tuyệt-đối. Định IV là đỉnh của Thiền-định: đây là trạng-thái được gọi là « Phi thức, phi vô-thức ». Trên đây, nơi Định III, ta vẫn còn ít là một mảy may ý-thức, vì có thể ta mới đối-diện với Hư-vô và ý-thức rằng không có chi hiện hữu. Nơi Định IV này, không còn một ý-thức nào, kể cả ý-thức cho ta biết rằng ta không còn ý-thức: vì thế mà gọi là phi-thức phi vô-thức, nghĩa là không nói được là có ý-thức và cũng không nói được là không có ý-thức. Phê bình về Định này, các nhà Phật học thường cho rằng đây là chỗ vượt quá mọi phạm-trù, cho nên đây là chỗ có là không, và không là có. Có có không không, hết phân biệt. Đó là tình trạng « ngưng » (épokhé) của tâm-thức, và ngưng hoàn toàn.

***

Trên đây là Thiền theo những văn-kiện của bộ Kinh Tam Tạng. Chúng tôi chỉ trích dẫn vài bản Kinh mà thôi, vài bản làm điển-hình. Thực ra những bản-văn như thế khá nhiều trong bộ Tam Tạng, hoặc là những bản song song với những đoạn mà chúng tôi đã trích dẫn, hoặc những bản rộng ý hơn. Rộng ý hơn, nhưng bao giờ lời dạy của Phật cũng nói đến 5 chướng-ngại, 4 Thiền và 4 Định như chúng ta đã thấy trên đây. Nhìn vào những đoạn Kinh Tam Tạng, người ta chưa thấy những quảng-diễn cùng là những nghiên-cứu tỉ-mỉ về Thiền-định, nhưng tất cả học-thuyết về Thiền sau này không ra ngoài cái căn-bản mà Phật đã đặt ra đó.

Ngay bây giờ, nếu tinh ý một chút, chúng ta đã có thể nhận-thức đâu là bản-

chất của Thiền. Chúng ta không thể không chú ý điều này: Thiền-định có bản-chất hoàn toàn *thực-hành*, và hoàn toàn xây dựng trên những kinh nghiệm về *Tâm-lý-học*. Tự đầu đến cuối, tự giai-đoạn khử trừ 5 chướng-ngại cho đến Định IV, chúng ta không thấy nói tới một tín-điều nào hết, cũng không thấy một câu kinh kệ nào cả. Hoàn toàn chỉ là tu-luyện tâm-thần theo những kinh-nghiệm Tâm-lý-học mà thôi. Thực ra, Thiền có hai bộ mặt, tùy theo ta nhìn nó theo quan-điểm một Phật-tử hay quan-điểm một nhà Phật-học. Phật-tử coi Thiền là con đường giải-thoát theo nghĩa chữ Giải-thoát (vimoksa) của Phật-giáo, Giải-thoát này đồng nghĩa với Niết-bàn. Trái lại những nhà Phật-học Tây-phương và Nhật-bản thường coi Thiền như một khoa tu-luyện tinh-thần, giúp con người mặc dầu không tin Phật và không tin thần thánh nào hết, mà vẫn đạt tới mức làm chủ được tâm-hồn mình. Giữa những phơi bày xác-thịt của cái xã-hội đề cao phụ-nữ-tính, giữa những cám dỗ và ám ảnh thường theo dõi người thanh-niên ở mọi nơi, ở nhà trường, ở công sở, ở cả thánh đường và chùa chiền, có lẽ Thiền sẽ là một phương được giải-thoát con người khỏi những khuấy-động nhục-dục kia chăng? Chúng tôi sẽ trở lại vấn-đề này nơi Phần II, khi bàn về bản-chất của Thiền.

LÝ-QUANG

Kỳ sau: *Thiền trong bộ Đại bát-nhã Ba-la mật-đa-luận của Long-Thụ.*

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

hiệu NGUYỄN-VĂN-TẬP

(BÁN BÔNG KIỂNG, CÂY ĂN TRÁI)

241, đường Nguyễn-Trãi — Chợ-Lớn (Bầu-Sen)

Chủ-nhơn: Bà NGUYỄN-VĂN-ĐỒN

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

HIỆU THUỐC ÂU-MĨ

NHƠN-THẠNH

537, đường Nguyễn-Trãi — Chợ-Lớn

(dược sĩ: Cô LƯU-HỮU-TUYẾN)

NANCY

537, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — Chợ-Quán

(dược sĩ: Cô LƯU-HỮU-DUNG)

PASTILLES : { **VANCO** MÙI • MENTHE •
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuống họng

VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRƯƠNG-VĂN-CHÔM

Dược khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

DOHAMIDE

MỘT VÀI NHẬN XÉT VỀ NGƯỜI CHÀM TẠI VIỆT-NAM NGÀY NAY

45

(xem từ B. K. số 135)

Như đã trình bày ở các bài trước, người Chàm tại Việt-Nam ngày nay sống thành hai nhóm chính-yếu.

Một nhóm ước độ 60.000 lưu lại khoảnh đất cũ với những di tích lịch-sử, những đền đài đã bị chôn vùi dưới những lớp cát trắng tại các tỉnh Ninh-Thuận, Bình-Thuận, Bình-Tuy...

Một nhóm khác ly hương, sau khi trải qua bao nhiêu gian khổ chinh chiến nay còn lại độ 12.000 định cư tại tỉnh An-Giang.

Sự phân chia thành hai nhóm chính yếu kể trên căn cứ vào địa thế và lề lối sinh hoạt.

Cuộc sống xã hội của hai nhóm, dù ngăn cách trên không gian ngày nay vẫn còn giữ lại được một số tiêu điểm tương đồng căn bản.

Có thể kể một nhóm thứ ba ngày nay sống tập trung tại xã Thái-Hiệp-Thạnh tỉnh Tây Ninh, một đàng chịu ảnh hưởng người Chàm Châu Đốc về phương diện tôn giáo, một đàng khác vẫn giữ được màu sắc đặc biệt trong y phục và ngôn ngữ của đồng bào Chàm miền Trung. Nhóm này chỉ còn độ hơn 2.000.

Do ảnh hưởng của hoàn cảnh địa-phương, sự chi phối của đời sống kinh tế, tôn giáo... mỗi nhóm đều chịu những đổi thay theo chiều hướng riêng biệt của mình.

Chúng tôi xin kết luận loạt bài bằng một vài nhận xét trong phạm vi các đề mục sau :

1. Sự hiện tồn của ngôn ngữ Chàm.
2. Viễn ảnh cuộc sống xã.hội.
3. Một vài vấn đề của cộng đồng.

***

I. — SỰ HIỆN TỒN CỦA NGÔN NGỮ CHÀM

Qua bao nhiêu giai đoạn thăng trầm vì hoàn cảnh trong lịch sử, người Chàm ngày nay còn lưu giữ lại được một ngôn ngữ, tiêu biểu cho màu sắc dân tộc tính của mình trong cộng đồng xã hội Việt Nam.

Năm 1906, A. Cabaton hợp tác cùng E. Aymonier đã xuất bản một quyển tự điển Chàm, Pháp khá đầy đủ, mặc dù về phương diện phiên âm vẫn có một đôi chỗ cần xét lại.

Công trình nghiên cứu kể trên tạo nên một căn bản, đánh dấu một giai đoạn trong đời sống một ngôn ngữ, vốn có đặc tính phát triển theo tiến trình của xã hội mà nó tiêu biểu.

Ngôn ngữ Chàm, sau sự sụp đổ của triều đại Chiêm Thành, dường như đã mất cơ sở vật chất thuận tiện cho sự phát triển phong phú như ngày nào. Trong những khoảnh đất thu hẹp, nó chỉ còn giữ địa vị khiêm tốn lu mờ làm phương tiện thông đạt tư tưởng cho vài chục ngàn dân có khuynh hướng sống khép lại trong phạm vi vòng rào thôn xã.

Sự xâm nhập của đạo Bà-la-môn, của Phật Giáo, của Hồi Giáo, rồi lại đến ảnh hưởng chữ Phạn, ngôn ngữ Chàm đã tùy từng giai đoạn mà phát triển. Mấy năm gần đây lại thêm sự xâm nhập của Việt ngữ, khiến ngôn ngữ Chàm ngày nay khác ngôn ngữ Chàm ngày xưa rất nhiều.

Cũng chính vì những ảnh hưởng kể trên của ngoại cảnh mà ngày nay một người Chàm miền Trung khi mới trao đổi câu chuyện lần đầu với một đồng bào Châu-Đốc, lắm khi lại phải dùng tiếng Việt thay tiếng Chàm để hiểu nhau dễ dàng hơn.

Trong ngôn ngữ bình dân, người Chàm miền Trung thường chỉ định đồng bào Chàm Châu-Đốc bằng danh từ « *Chăm brâu* » tức Chàm mới và ngược lại, người Chàm Châu-Đốc hay gọi đồng bào Chàm miền Trung là « *Ugang Panik Panang* » tức người Phan-Rí Phan-Rang.

Giọng nói của người Chàm miền Trung khác giọng nói của người Chàm Châu-Đốc ; cũng có thể ví như giữa một đàng là giọng nói người Việt miền Bắc và đàng khác là giọng nói người Việt miền Nam vậy.

Người Chàm Châu-Đốc nói chầm rãi, đôi khi hơi kéo dài và âm điệu cũng không lên xuống cách biệt quá.

Trái lại, giọng nói người Chàm miền Trung có vẻ dồn dập, cách phát âm hơi khúc mắc và âm cuối cùng của câu thường có cái gì bị như chận lại đột ngột, rồi bỗng chốm lên, tắt hẳn.

Phải chăng đó cũng là do ảnh hưởng của khung cảnh sồn , một đàng là núi cao hiểm trở bao quanh, một đàng chỉ có những cánh đồng bằng và dòng sông luôn luôn suôi chảy ?

Về phương diện nội dung, có những khác biệt sâu xa hơn.

Đầu tiên là cùng một từ ngữ, người Chàm Châu-Đốc đọc « *s* » người Chàm miền Trung đọc là « *th* ».

Thí-dụ :

Cái nhà : Sang — Thang.

Một : Sa — Tha.

Thiên - Đàng : Sôr-Ka — Thôr-Ka.

Người Chàm Châu-Đốc đọc là « g » thì người Chàm miền Trung đọc là « r ».

Thí-dụ :

Ngày : Hagei — Harei.

Mình : Dagei — Darei

Người ta : Ugang — Urang

S ở Châu Đốc đổi thành *ts* ở miền Trung. Thí-dụ :

thứ sáu : Suc — *Ts*uc

G ở Châu-Đốc lại tương ứng với *L* ở miền Trung. Thí-dụ :

Của cải : Dgab ăg — Drăp ăl.

Thế nào ? : Yâu bơg ? — Yâu băl ?

Ig, *Iăk* ở Châu-Đốc là *Ik* ở Trung.

Thí dụ :

Giữ : Khiũk hoặc Khig — Khĩk.

Mất : Lahiũk hoặc Lahig — Lahĩk.

Lại còn cùng một từ ngữ mà ở hai địa phương, lại nghĩa khác nhau.

Người Chàm Châu-Đốc nói « *khinh* » có nghĩa là « muốn » thì ở Trung lại có nghĩa là « dám ». Còn khi nói « muốn » thì dùng chữ « ưng » có lẽ xuất xứ từ Việt ngữ.

Giàu ở Châu-Đốc nói « *kaya* » và « *mađa* » là có, nhưng ở Trung, « *mađa* » có nghĩa là giàu và « *hu* » mới là có (« *hu* » ở Châu-Đốc vẫn dùng với nghĩa « có », « được », « có thể »).

Có những từ ngữ có nghĩa hoàn toàn khác biệt.

Thí dụ : Châu-Đốc nói « *ăm* » là đất, trong khi đó, người Phan-Rang Phan-Rí nói là « *chúh* ».

Tìm về nguồn gốc của loại từ ngữ khác biệt đó có lẽ là cả một sự thích thú đối với nhà ngôn ngữ.

Ở đây với tư cách không phải là người thầu đáo về ngữ học, chúng tôi chỉ xin tạm đưa ra so chiếu một số từ ngữ, làm thí dụ điển hình.

✱ Chẳng giữ gìn nết nhỏ, kết cục lụy đến đức lớn.

Kinh thư

NGHĨA	CHÂU-ĐỐC	MIỀN-TRUNG
— Nói	Mayai	Đơm
— Chín	Săm-Lanh	Thalipanh
— Bận việc	Ga-wăl	Djăl wăl
— Ông mai	Ôông maha	Ôông kuhŭk
— Ngăn cản	Khăk	Kăk
— Nhưng mà	Tatapi	Boh minh
— Đi đâu ?	Nao halei ?	Nao tao ?
— Tôi	Haluynh	Lăk

Người miền Trung lấy trời (*langĭk*) biến « *thi* » để hình dung, trong một câu tán thán, những cái gì ghê gớm hoặc lớn lao quá, nhưng trong khi người Phan-Rí nói « Langik *thi lỏ* ! » hoặc « thí kinh ! » hoặc « *U dah* ! » thì người Phan-Rang lại nói : « Langik thí beăk ! »

Do đó, cả trong một nhóm xã hội miền Trung với nhau, cũng đã có sự khác biệt trong ngôn ngữ, và người Chàm Châu-Đốc khi nghe các câu trên có lẽ hầu hết sẽ không hiểu gì cả !

Cùng chữ « Đâu có ! », 3 nhóm nói khác nhau :

— Châu-Đốc : « Hu ô co ! »

— Phan-Rí : « Hu-ô cò ! »

— Phan-Rang : « Hu ôh ».

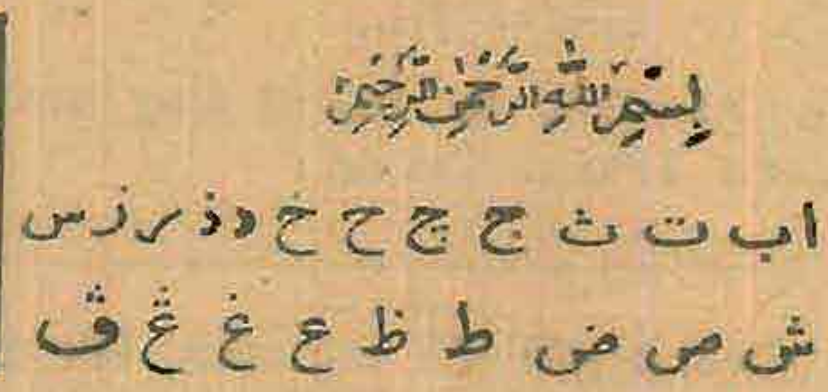
Sự khác biệt chính trong cùng một ngôn ngữ giữa người Chàm Châu-Đốc và người Chàm miền Trung là do sự thiếu liên lạc thường trực và sự cách biệt trong không gian giữa 2 nhóm xã hội.

Ngôn ngữ phát triển theo tiến trình của xã hội và nhu cầu của xã hội này.

Chịu sự chi phối của điều kiện địa lý, nhân văn và kinh tế khác nhau, cả



Vài mẫu tự Chàm miền Trung



Vài mẫu tự Chàm Châu-Đốc

hai nhóm xã hội Chàm ở đây đều theo một chiều hướng độc đáo của nhóm mình.

Nhưng dù sao, thì trong cả hai nhóm ngày nay, ngôn ngữ Chàm vẫn còn giữ lại được phần căn bản thuần tuý, linh hồn của nó, giúp nó tồn tại ít ra cũng trong nhiều năm mữa.

Trong khi đó, thì nó vẫn tiếp tục biến đổi. Một khuynh hướng được ghi nhận trong cuộc sống của ngôn ngữ Chàm hiện nay là khuynh hướng vay mượn tiếng Việt ; mượn vì thiếu đã đành, nhưng đôi khi không thiếu cũng vẫn mượn. Nguyên nhân của hiện tượng là nguyên nhân thực tế.

Ngôn ngữ Chàm ngày nay chỉ còn được dùng trong một phạm vi thu hẹp, giữa người Chàm với nhau mà thôi. Một số người Chàm, sinh sống bên ngoài thôn ấp bắt buộc phải dùng tiếng Việt. Đôi khi lại chính giữa người Chàm với nhau, vì muốn hoà mình trong đám đông người Việt vẫn dùng tiếng Việt để trao đổi câu chuyện.

Ngược lại cũng có một số người Việt đến buôn bán trong các thôn ấp Chàm biết nói tiếng Chàm và thường dùng tiếng này để nói chuyện với khách hàng Chàm địa phương, nhưng số người này chỉ là một số ít mà thôi.

Thành thử do sự quen dùng, một số tiếng Việt bỗng nhiên được kết nạp vào tiếng Chàm.

Lấy thí dụ câu « làm không nổi », người Chàm Châu-Đốc vẫn nói « Ngăk đi *tgúh* ô », trong khi đó thì

— Phan-Rang nói : « Ngăk đi *nôi* ô »

— Phan-Rí nói : « Ngăk đi *nởi* ô ».

Từ ngữ « *nởi* » đã xâm nhập vào tiếng Chàm và thay thế chữ « *tgúh* » cho đến một lúc nào đó, người ta sẽ quên hẳn và không còn hiểu nghĩa nó nữa.

Cũng như chữ :

— « *khâm* » : răng ;

— « *kagang* » : thiếu ;

— « La hơi » : mát mẻ ;

— « *Biên halei la hê* » : Dịp nào rảnh.

— « *Ai djưa ô ?* » : Anh tin không ?

Ở miền Trung, người ta đã chấp nhận các chữ :

— « *Rang* » tức răng

— « TsicêũK » tức thiếu

— « Mát mẻ »

— « *Djip* halei *rảnh* » v.v....

Những Việt-ngữ được kết nạp vào tiếng Chàm phần nhiều không còn giữ cách phát âm nguyên thủy ; như thí dụ trên chẳng hạn :

— « *Ráng* » thành « *Rang* » (không dấu sắc)

— « *Dip* » thành « *Djip* »

— « Thiếu » thành « *TsicêũK* ».

Âu cũng là một sự biến hình để thích ứng với điều kiện khung cảnh ; nhưng sự biến hình này xảy ra một cách rất tự nhiên, theo sự thuận tiện, đến khi từ ngữ đã được kết nạp vào rồi thì không mấy người nhớ đến gốc của nó nữa và người ta có thể hiểu lầm rằng đó là một từ ngữ chàm chính cống.

***

Thường trong một khung cảnh nào cũng thế hễ có sự đổi thay do nguyên nhân từ bên trong hay do một áp lực bên ngoài thì hầu như là luôn luôn xảy ra một sức đề kháng, một phản ứng đúng hơn, cứu vớt lại sự nguyên vẹn hay ít ra cũng trì hoãn lại được sự hủy diệt trong một thời hạn nào đó.

Trên phương diện này như đã trình bày trên người Chàm Châu-Đốc được ở vào một lợi thế hơn người Chàm miền Trung, lợi thế do cuộc sống xã-hội và tôn giáo thúc đẩy người ta gắn bó với ngôn ngữ và do những yếu tố thuận tiện duy-trì phần nào uy lực của ngôn ngữ đó trong sinh hoạt hàng ngày.

Chúng tôi muốn nói đến chữ viết.

Thực ra, tại lãnh địa cũ miền Trung ngày nay vẫn còn lưu dụng trong dân gian thứ chữ viết của người xưa. Các trẻ em Chàm đến học ở các trường tiểu học địa phương cũng còn được truyền dạy thứ chữ này mỗi tuần. Đó là một loại chữ hơi ngoằn ngoèo, ảnh hưởng của loại chữ miền Nam Ấn-Độ, nhưng có những mẫu nét riêng biệt và viết từ trái sang phải. Nhưng học là chỗ học để biết, ngõ hầu đọc được một số bài văn xưa ghi khắc trên những tấm lá cũ kỹ mà gia quyền giữ làm của gia bảo mà thôi. Thứ chữ này không có giá trị thực dụng khiến các trẻ em Chàm miền Trung nói chung có thể sử dụng vào công cuộc mưu sinh khi trưởng thành. Khi lên đến Trung học, các học sinh Chàm đối với các chữ viết đó dường như chỉ còn giữ lại một số kỷ niệm lờ mờ. (Dĩ nhiên ngoại trừ một số ít thanh niên lưu tâm và tha thiết tìm tòi về nền văn hóa Chàm qua các triều đại).

Lề lối sống, trong khuôn khổ tập tục địa phương đều do giới tăng lữ nắm giữ giềng mối và thay mặt tất cả lo liệu về phương diện tinh thần.

Cho nên trong phạm vi của vòng rào người dân Chàm miền Trung yên tâm lo về khía cạnh vật chất cho gia đình.

Hoạt động của giới tăng lữ được xem như là việc huyền bí hoàn toàn không một ai dám xen vào, hoặc tìm hiểu kinh sách hay gì khác cả.

Người ta cố giữ lấy những giòng chữ cũ vẽ ngoằn ngoèo trên tờ giấy thô, những tờ lá buôn màu sắc đã lòa nhòa, sau khi được chuyền qua nhiều tay.

Phần sáng tác hầu như hoàn toàn không có; nên ở đây người ta dễ dàng chấp nhận những cái mới đưa từ ngoài vào, miễn là cái mới ấy không động chạm đến sự cúng kiến thần linh, xâm phạm đến quyền lợi của hệ thống tăng lữ.

Trong ngôn ngữ trao đổi hàng ngày, những chữ thông dụng tiếp tục tồn tại vì nó liên quan đến hoạt động thường xuyên, còn một số từ ngữ hình dung một cái gì ít xảy ra, chỉ được dùng một đôi khi thì ban đầu có thể bị bỏ quên một góc, chừng cần dùng đến và khi mà sự tìm tòi thường đòi hỏi công lao, người ta rất dễ với lấy những cái gì gần nhất, dễ dàng nhất, bằng sự vay mượn tiếng Việt.

Các cụ già còn quyến luyến với từ ngữ cũ, thấy mình lẻ loi, nên mặc

nhiên chấp nhận sự xâm nhập của Việt ngữ ngày một lớn dần trong ngôn ngữ Chàm.

Tại Châu-Đốc, người ta không dùng thứ chữ trên, nhưng tôn giáo ở đây có qui tắc thành văn đặt khuôn khổ cho tập tục, bắt buộc mọi người với tư cách là tín đồ Hồi Giáo, phải hiểu rõ những lễ đạo hàng ngày và ít nhất cũng phải đọc được Thánh - kinh Cor'an.

Giới «sĩ phu» được hấp thụ những kiến thức đạo giáo ở ngoại quốc qua ngôn ngữ Á-Rập và trước gương Mã-Lai, đã lần hồi dùng những mẫu tự Á-Rập, sáng tạo thêm vài mẫu tự thích ứng để ghép thành một thứ chữ Chàm viết từ phải sang trái. Nhờ đó những ai đọc được Cor'an, nếu được chỉ bảo thêm chút ít, thì đều đọc được thứ chữ này.

Sự liên hệ mật thiết với Thánh kinh Cor'an đã tạo thêm uy lực cho kiểu chữ viết này được phổ cập trong dân chúng.

Mặt khác, các trường học đạo (madrasah) thiết lập tại các thôn ấp Chàm vốn do các *Tuôn* quản đốc, biến thành một thứ trung tâm nuôi dưỡng và bảo vệ tính cách thuần túy của ngôn ngữ Chàm. Chính sinh hoạt văn hóa nơi đây đã tác tạo nên những từ ngữ mới ứng đáp với nhu cầu xã hội luôn luôn đổi mới.

Giới «Tuôn» vốn đã có một căn bản uy tín vững vàng và lớn mạnh trong dân chúng, những gì từ ở «Tuôn» phát xuất ra đều được tôn trọng và giới binh dân xem như là những «mẫu toàn toàn thiện» của trong bất cứ lãnh vực nào.

Ngôn ngữ Chàm Châu-Đốc, nhờ đó còn giữ được căn bản toàn vẹn, một phần nào kìm trì hoãn được sự xâm-nhập quá mau chóng của Việt ngữ như ở Trung.

Nhân đề cập tính cách chủ yếu của chữ viết trong vai trò bảo vệ ngôn ngữ Chàm tại Châu-Đốc tưởng cũng cần nhắc đến một thứ chữ do một nhà trí thức Chàm đặt ra vào lối 1943: Ông KIM SOP.

Nhà trí thức này là người có căn-bản Tây học, nhận thấy sự không thông hiểu Pháp ngữ và Việt ngữ đã kìm hãm hầu hết người Chàm trên bước đường tiến hóa, khiến họ rất bỡ ngỡ, khi phải sống bên ngoài xóm làng. Vị này mới nghĩ ra việc dùng những mẫu tự của Pháp ngữ để hệ thống hóa thành một thứ chữ Chàm mới và nhờ đó, các trẻ em Chàm sẽ học được Việt ngữ và Pháp ngữ một cách dễ dàng.

Có một thời, vào khoảng trước ngày Nhựt đảo chánh Pháp tại Đông-Dương thứ chữ này đã được đem giảng dạy trong các trường Chàm Châu Đốc, đạt được phần nào mục tiêu lý tưởng của nhà trí-thức kia, nhưng đồng thời cũng gây một sự tranh giành ảnh hưởng khá sôi nổi giữa hai thứ chữ.

Giá trị thực dụng và hậu-thuẫn tôn giáo của thứ chữ cũ đã loại thứ chữ mới ra khỏi «vòng chiến».

Thứ chữ còn lại, tuy gặp một số trở ngại về mặt tiến-bộ xã hội, nhưng địa-vị nó vững vàng với sứ-mạng duy trì sự hiện-tồn của một ngôn-ngữ, trong khung-cảnh tương đối chật hẹp của thôn ấp Chàm Châu-Đốc.

DOHAMIDE

Kỳ sau: — *Viễn ảnh cuộc sống xã-hội.*
— *Một vài vấn-đề của Cộng-đồng.*

FOREIGN EXCHANGE BANK

THE BANK OF TOKYO LTD

HEAD OFFICE : TOKYO JAPAN

SAIGON OFFICE

No 12 - 22, Dai lo HAM NGHI

Tel : 25.807-25.808 P.O. Box No M. 7

DOMESTIC OFFICES

Head Office - Ginza - Yaesudori - Ningyocho - Marunouchi - Yurakucho - Hibiya - Shimbashi - Asakusa - Uchisaiwaicho - Yokohama - Shimizu - Nagoya - Akatsuka - Osaka - Semba - Shinsaibashi - Kobé - Tor Road - Hiroshima - Shimonoseki - Fukuoka - Nagasaki - Sapporo - Otaru.

OVERSEAS OFFICES

New York - San Francisco - Los Angeles - Seattle - Rio De Janeiro - Sao Paulo - Buenos Aires - London - Hamburg - Dusseldorf - Paris - Karachi - Bombay - Calcutta - Vientiane - Kuala Lumpur - Singapore - Hong Kong - Bangkok.

REPRESENTATIVES OFFICE

Chicago - Houston - Toronto - Mexico City - Lima - Brussels - Lagos - Johannesburg - Beyrouth - Baghdad - Teheran - New Delhi - Rangoon - Phnom-Penh - Djakarta - Manila - Sydney - Caire - Frankfurt - Vancouver.

THE BANK OF TOKYO OF CALIFORNIA

San Francisco - Los Angeles - Gardena - San Jose

THE BANK OF TOKYO TRUST COMPANY

New York

nghĩ về những tiếng danh-xưng nhà-nước

Đến cuối năm, mọi nhà đều làm công việc kiểm điểm. Nhà chữ-nghĩa cũng kiểm-điểm thứ ít danh-từ, gọi là góp công-tác cuối năm với bà con trong làng.

Triều-đình — Chính-phủ

THỜI xưa, nước ta cũng như nước Tàu, dưới chế-độ quân chủ, nhà vua ngự trị trăm họ, *Triều-đình* là cơ-quan tối cao trung-ương tập quyền. Tiếng *Triều-đình* có tính cách tôn-nghiêm thần-thánh.

Từ ngày các ngai vàng nghiêng đổ, chính-thể dân-chủ cộng-hòa thay cho chính-thể quân-chủ chuyên-chế, tiếng *Chính phủ* mới được đem thay cho tiếng *Triều-đình*.

Tiếng *chính* đó ngày xưa cũng đã có, để nói về việc trị nước chăn dân. Như có tiếng *chính-sự*, *chính-lệnh*, *chính-tích*, *hà-chính*, *thiện-chính*, nhưng mà đều không có tính cách bao trùm như tiếng *Chính-phủ*, viết chữ hoa, dịch tương-đương tiếng *Gouvernement* của Pháp-ngữ.

Từ khi có tiếng *Chính-phủ* chỉ cho *Nhà-nước* thì các cơ-quan công-cộng thuộc về Nhà-nước chỉ-huy quản-lý, mà không phải của tư-nhân, hết thảy đều được đặt kèm với tiếng *Chính*.

Như *công-chính*, *tài-chính*, *thương-chính*, *bưu-chính*, *pháp-chính*, *học-chính*, cho đến *đô-chính*, *thị chính*.

Nhưng không phải chỗ nào cũng đều được đặt kèm với tiếng *chính* đâu. Như cơ-quan trông nom thuốc men cho Nhà-nước, săn-sóc sức khỏe cho quốc-dân thì lại không gọi *Y-chính*, như đã gọi *Tài-chính*, *Công-chính*, mà lại gọi là *Y-tế* cũng như đã

gọi *Kinh-tế* là cơ-quan trông nom việc làm ăn buôn-bán giàu nghèo của Nhà-nước.

Hãy trở lại một chút về tiếng danh-xưng các cơ-quan thời quân-quyền cho có đầu đuôi.

Triều-đình ngày xưa đặt ra sáu bảy bộ lớn ở trung ương, tổ-chức cũng gọn, mà danh xưng cũng gọn, vì công-việc Nhà nước ngày xưa cũng không phiền-phức như ngày nay. Cứ lấy một tiếng đơn-độc chỉ cho công-tác, và kèm thêm tiếng *Bộ*. Tất cả gồm trong mấy bộ:

Lại bộ, Hộ bộ, Binh-bộ, Hình-bộ, Học-bộ, Công bộ, Lễ bộ.

Chấp-chưởng các Bộ là các quan Thượng-thư. Ví dụ, hoặc nói theo tiếng Hán: *Lại bộ Thượng-thư, Hình-bộ Thượng thư*, hoặc nói theo tiếng Việt: *Thượng-thư bộ Lại. Thượng-thư bộ Hình v.v...*

Dưới Chính-thể dân-chủ, các Bộ có thêm nhiều mà danh-xưng cũng phiền-phức hơn thêm. Các quan *Thượng-thư* thì đổi thành các ông *Tổng-trưởng* hoặc các ông *Bộ-trưởng*.

Có bộ bớt, có bộ thêm, có bộ còn giữ lại, nhưng cũng đều đổi danh-xưng, theo nhu-cầu của xã-hội, theo biến-chuyển của ngôn-ngữ.

Ví dụ: Bộ *Hình*, đổi thành bộ *Tư-pháp*, bộ *Lại* thì bây giờ không rõ đã nằm vào Bộ nào; nếu có, thì tiếng danh-xưng chắc cũng thêm nhiều hơn một tiếng *Lại* đơn độc. Cũng như Bộ *Kinh tế* và Bộ *Tài-chính*, thì có thể là giữ công-việc của Bộ *Hộ* ngày xưa.

Học Bộ — Nha Học-chính

Chúng ta nên nghĩ đến các tiếng xưng-danh về cơ-quan này hơn hết. Vì đây là căn-bản sản xuất ra chữ-nghĩa cho thiên-hạ. « Chữ từ trong Bộ ấy ban ra ».

Cơ-quan này là cơ-quan trông nom việc dạy-dỗ, việc học hành cho quốc-dân, đào luyện tri-thức, gìn-giữ đạo-đức cho cả một dân tộc. Có thể nói Bộ này là đầu não, là linh-hồn của một nước.

Nước ta, ngày xưa có *Học-bộ*, mà quan Học-bộ Thượng-thư cũng là một vị học-giả uyên-thâm, đạo cao đức trọng, là Thái-sơn Bắc-đẩu của cả nước, xứng đáng coi trùm việc *Học* cho quốc-dân.

Theo nghĩa đen tiếng danh-xưng, thì cơ-quan đó chú-trọng đến việc *học*. *Học* là người đốt *học*, người ngu *học*, người dưới *học* với người trên. Danh-xưng đó nhằm người dưới làm đối-tượng.

Tiếng và chữ chính-thức được học là tiếng Hán và chữ Nho. Từ khi ngoại-thuộc Pháp, tiếng Tây chữ Pháp thay cho tiếng Hán chữ Nho, việc học hành của « thuộc-dân » thì chính-quyền « thuộc quốc » lo. *Bộ-học* thu hẹp về Triều Huế, dần dần kể như không có nữa.

Các cơ-quan thuộc về việc học-hành đều đặt theo tiếng Pháp. Trùm đầu là *Direction de l'Instruction pubilique*. Thường dịch là *Nha Học-chính*, đặt ở thủ-phủ Hà-Nội.

Mỗi xứ, trong năm xứ Đông-dương, thì có *Service de l'Enseignement*. Chúng ta đã thấy : cũng thì một cơ-quan trông coi một công việc như nhau, mà trên thì dùng tiếng *instruction*, dưới lại dùng tiếng *enseignement*.

Cho đến năm 1933, người Pháp giúp Nam-triều cải-tổ cạnh tân Nội-các. Ông Phạm Quỳnh đang làm báo Nam-Phong ở Hà-Nội được rước vào làm Thượng thư ở Huế. Từ đó, *Học-bộ* ở Huế đổi ra là *Ministère de l'Education nationale*, mà quyền hạn cũng có đôi phần rộng-rãi hơn trước.

Bây giờ chúng ta thấy, cũng thì một công-việc mà ba nơi có ba danh-xưng khác nhau. Hà-nội thì *instruction*, Sài-gòn thì *enseignement*, Huế thì *éducation*.

⁂

Bộ Quốc-gia giáo-dục

Từ khi Triều Huế bỏ tiếng *Học-bộ*, mới có tiếng *Quốc-gia giáo-dục*, dịch tiếng *Education nationale* của người Pháp đặt cho Bộ này.

Thật ra danh-xưng *Education nationale* này cũng là tiếng sẵn của Pháp bên chánh-quốc. Hiện họ cũng còn dùng.

Bây giờ họ đem tiếng đó để đặt thay vào tiếng *Học-bộ* ở Huế cho nó lịch-sự và đẹp lời, lại cũng để « nịnh » thị-hiếu của ông chủ-bút báo Nam-Phong, đánh trúng vào sở-thích của ông Phạm-Quỳnh là con người ưa chữ nghĩa và có chí muốn đem chữ Quốc-ngữ thay cho chữ Pháp làm chuyển-ngữ.

Tựu-trung người Pháp họ có thâm-ý. Trong thời-kỳ thống-trị nước ta, tiếng *national* họ ít khi dám dùng đến, sợ nhắc-nhở lòng ái-quốc của người thuộc dân.

Nếu cần phải dùng đến là để nói cho lịch-sự cho đẹp lời, trong « danh-từ ngoại-giao » mà thôi, chớ thật sự, họ hiểu nó hơn tiếng *local* hay tiếng *indigène* một chút mà thôi.

Nghĩa là, khi nào họ đã có một cơ-quan nào đó sẵn rồi, mà muốn đặt thêm một cơ-quan phụ vào cơ-quan chánh của họ, họ chọn được người bản-xứ tín-cẩn giao cho giám-đốc, thì họ đặt thêm cho một tiếng *national*, để mình dịch thành tiếng *quốc gia* nghe cho kêu, nghe có vẻ như đã nhượng quyền tự chủ cho người mình.

Ví dụ như hồi độ khoảng mười, mười hai năm trước đây người Pháp có đặt một bộ gọi là bộ *Sureté nationale* giao cho ông Nguyễn Văn-Tâm làm Tổng trưởng, danh xưng là *Tổng trưởng bộ Công-an quốc gia*. Thật sự là một chức thanh-tra hay giám-đốc công-an dưới quyền ông Giám-đốc *Công-an liên bang Đông-dương*. Tiếng *Sureté nationale* đó, nghĩa nó có khác gì tiếng *locale* là để phân biệt với tiếng *fédérale* mà thôi.

Thôi bỏ chuyện ngày cũ đi, nó không vui-vẻ gì mà nhắc đến.

⁂

Quốc-gia và Quốc-gia

Từ khi nước ta thâu hồi được độc-lập thật sự, chúng ta có một *Bộ Giáo-*

dục thật sự hẳn-hòi, coi trùm hết cả việc dạy-dỗ, việc học-hành trong nước, từ tiểu-học đến Đại-học; và đã đường-hoàng lấy tiếng Việt làm chuyển-ngữ. Về tinh-thần về hình-thức, mọi cơ-cấu, mọi tổ-chức đều cải-thiện hết cả, duy có tiếng danh xưng thì cứ còn giữ y như cũ là *Bộ Quốc gia Giáo-dục*.

Tôi không biết tiếng *Quốc gia* còn ở đây có được ổn-đáng không. Như trên tôi đã nói, nước Pháp họ cũng có danh-xưng *Education nationale*, nhưng mà tiếng *nationale* của họ đó có nghĩa là *quốc-dân*, *Quốc-dân giáo-dục*, chớ không phải nghĩa là *quốc gia*, như tiếng *quốc-gia* của ta, có nghĩa để chỉ cái gì truyền-thống của mình, có tính cách cá-biệt của mình, mà không phải do ngoại-lai.

Nếu bảo rằng *Quốc-gia giáo-dục* nghĩa là cơ-quan trông-nom việc giáo-dục của Nhà nước thì hãy còn bao nhiêu cơ-quan khác, có cơ-quan nào mà không là của Nhà-nước.

Đã thế thì sao không gọi *Bộ Quốc gia Tài-chính*, *Bộ Quốc-gia Công-chính*, *Bộ Quốc gia Y-tế*, *Bộ Quốc-gia Kinh tế v. v*.. Sao mà riêng có mỗi một *Bộ Giáo-dục* được gọi là « *Quốc-gia* » mà các Bộ khác đều không được gọi.

Nếu đã gọi *Bộ Y-tế*, Bộ *Tài-chính* ngắn gọn đủ nghĩa thì cũng cứ gọi gọn là Bộ *Giáo-dục*, cũng đủ nghĩa lắm rồi. Để thêm tiếng *Quốc-gia* làm chi cho khó cắt nghĩa.

Cũng không thể cắt-nghĩa được rằng là Bộ này chuyên *Giáo-dục* về *Chủ-nghĩa Quốc gia* mà không Giáo-dục Chủ-nghĩa Quốc-tế.

Như trên đã nói, hồi Pháp thuộc, ít khi nào dùng tiếng *Quốc gia*. Nó gần như là một tiếng cấm kỵ, như tiếng *Ái quốc* tiếng *Cách-mạng*, tiếng *Chính-trị*.

Cho nên, từ khi độc-lập rồi, tiếng *Quốc-gia* được dùng thong thả, như là một phản ứng. Trong khoảng bảy tám năm nay, bất kỳ cơ-quan nào mới đặt ra cũng đều có tiếng *Quốc-gia* kèm theo. Thử kể :

Nha Du-lịch quốc-gia, *Nha Văn-khố và Thư-viện quốc-gia*, *Hiến-binh quốc gia*, *Doanh-tế-cục quốc gia*, *Quốc gia nông-tín cuộc*, *Nha Thủy-lâm quốc gia*, *Nha Khuyến-nông quốc-gia*, *Nha Mục-súc quốc gia*, *Nha Quốc-gia danh-bộ*, *Viện thống kê quốc-gia*... Thường dùng hơn hết là các trường : *Trường Quốc gia hành-chính*, *Trường Quốc-gia sư phạm*, *Trường Quốc-gia nông lâm mục*, *Trung-tâm quốc gia kỹ thuật*, *Viện Quốc gia âm-nhạc*, *Đại-học viện quốc gia v. v*...

Tôi không được biết, khi trường mới khai giảng, khi học-viên mới nhập môn, các giáo sư có giảng ý-nghĩa tiếng *quốc gia*, danh-xưng các trường-sở này hay không ? Và nếu có giảng, thì giảng nghĩa các tiếng *quốc-gia* đó như sao. Chắc là có một nghĩa hay lắm. Và chắc là tùy công-tác, tùy tính-cách của mỗi tiếng *quốc gia* có mỗi nghĩa khác nhau, vì có khi thấy tiếng *Quốc-gia* đứng trên, có khi thấy tiếng *Quốc-gia* đứng dưới.

Ví dụ : *Quốc-gia âm-nhạc*, tất là phải khác nghĩa với *Du-lịch quốc gia* và *Quốc-gia sư-phạm*, tất là phải khác nghĩa với *Mục-súc quốc gia v.v*...

Điều tôi nghĩ quả không sai, Tiếng *quốc-gia* là để tuyệt hận, để tuyệt sỉ cho thời-kỳ ngoại-thuộc. Kiểm-điểm lại thì thấy bao nhiêu cơ-quan còn đính dáng với cơ-cấu cũ, thì không có kèm tiếng *quốc gia*, mà bao-nhiêu cơ-quan mới đặt ra mấy năm gần đây thì hầu hết đều có kèm tiếng *Quốc-gia* mà cũng không cần phải phân-tích cho minh - bạch nghĩa đen nghĩa trắng làm chi.

Nghĩ mình phương diện quốc-gia,
Quan trên trông xuống người ta trông vào.

Cho nên khi muốn chọn một tiếng danh-xưng đặt tên cho một cơ-quan Nhà nước, thì phải chọn một tiếng uy-nghi trịnh-trọng cho có phương-diện quốc gia như thế cũng phải.

Tiếng *Quốc-phòng* ở đây, nghĩa vừa hay, lời vừa đẹp, cũng như tất cả bao nhiêu tiếng *quốc* ghép với mọi tiếng khác, đều có một nghĩa trang-trọng khả kính. Ví dụ : *quốc-kỳ, quốc-ca, quốc-hiệu, quốc-thiều, quốc táng, quốc-phục, quốc-sách, quốc-hội*. Những tiếng *quốc* trên đó nếu muốn dịch ra tiếng Pháp thì đều dịch thành tiếng *nationale* được hết. Cho đến những tiếng đau-đớn như *Quốc-biến, quốc sỉ*, tức tối như *quốc-hận, quốc-cừu* mà nghe cũng cứ hay quá. Nói chi *quốc-sĩ, quốc-hồn, quốc túy* thì đã sẵn có một nghĩa thâm-trầm.

Thấy tiếng *quốc* tài-tình như vậy, tôi có ý nghĩ thử gọi Bộ *Quốc-gia giáo-dục* là Bộ *Quốc-học*, thì lời nghe cũng đẹp lời, mà nghĩa cứ e còn đói nghĩa.

∴

Quốc...

Tiếng *quốc-gia* thì rắc-rối như vậy mà một tiếng *Quốc* trơn gọn-lỏn lại rất tài-tình. Nếu muốn nói là dịch, thì tiếng *Ministère de la Défense nationale*, mà dịch là *Bộ Quốc-phòng* thì thật hay, đã gọn mà rất đủ nghĩa. Nếu theo như cách đã gọi Bộ *Quốc-gia Giáo-dục* mà gọi, phải gọi là Bộ *Quốc-gia Phòng thủ*, thì nghe làm sao cho được.

Hai tiếng *Quốc phòng*, lại còn hay vì âm-thanh của nó, mạnh bạo quả quyết như công-việc của Bộ đó phụ-trách. Quả là con nhà vũ-dũng có khác con nhà văn-nhược. « *Quốc-phòng* » hai tiếng đủ rõ đủ mạnh lắm rồi, chi mà phải đến những bốn tiếng như bên « *Quốc-gia giáo-dục* » cho lôi-thôi.

Bộ-binh — Bộ chiến-tranh — Bộ Quốc-phòng

Nhân nói đến tiếng *Quốc phòng*, Tôi nhớ lại mấy tiếng danh-xưng về Bộ này.

Nước Tàu và nước ta xưa đều gọi là *Binh-bộ*. Nghĩa là Bộ phụ-trách về mọi việc binh nhung, binh-bị trong nước. Chữ *binh* đứng đơn độc như vậy nghe cũng hiền lành, ít có tính cách hung dữ. Ví dụ nghe tiếng *Binh-bộ thị lang* không có vẻ giặc-giã gì hết.

Nước Pháp, khi trước, gọi bộ này là *Ministère de la Guerre*, nghĩa là Bộ *Chiến-tranh* nghe có nghĩa gây chiến ham làm giặc Cho nên sau mới đổi lại là *Ministère de la Défense*. Ý nghĩa rằng : Bởi có ai xâm - phạm lãnh-thổ

thì mới phòng thủ, chớ không phải muốn gây giặc-giã với ai.

Nhưng mà nghĩ, nếu không nước nào muốn xâm phạm nước nào cả thì có cần gì phải phòng-thủ. Nước nào cũng nại lý do phòng thủ mà tư chiêu binh mãi mã, đổn lương tích thảo thô sơ cho đến thứ nguyên-tử lung-ung, phóng hỏa-tiễn vun-vút, kêu gào tài binh như kêu gào trong sa-mạc, thì nếu mọi nước đều nhất luật bỏ hẳn *Bộ Quốc phòng* đi hết cả mà thay vào đó một Bộ, gọi là *Bộ Hòa-bình, Ministère de la Paix*, thì đỡ khổ bao nhiêu cho nhân-loại.

⁂

Tòa

Trong những tiếng danh-xưng trịnh trọng của Nhà-nước từ đâu, bỗng xen vào một tiếng hết sức cộc-lốc nôm-na là tiếng *Tòa*. Mà tiếng này lại để chỉ một cơ-quan hết sức tôn kính uy-nghiêm.

Gọi rằng *Pháp-đình*, gọi rằng *Thẩm-phán*, gọi rằng *Tư-pháp* gọi rằng *án-lịnh* là trên giấy tờ mà thôi. Chớ tất cả mọi người đều nói là *Ông tòa*, là *án-tòa*, là *hầu tòa*, là *trát tòa*, là *phiên tòa*, là *mũ tòa*, là *trưởng tòa*, là *tòa đời*, là *tòa xử*, là *tòa đình* là *tòa áo đỏ*, là *tòa áo đen* là *tòa kêu án* v. v...

Đối lại với *Ông Tòa* lại cũng có một tiếng danh-xưng nôm-na là *Thầy-kiện*.

Tôi nghĩ rằng vì cơ-quan này tiếp xúc với giới bình-dân thường hơn hết. Mà người bình-dân thì thích dùng những tiếng gọn-ghẽ dễ-dàng : *Ông Tòa*, *Thầy-kiện*.

Đã biết rằng cơ-quan này, cầm cân nảy mực, bảo-vệ công-lý cho xã hội, bình-vực quyền lợi cho nhân-dân, nhưng mà đối với người dân, sợ thì họ có sợ, mà yêu thì họ không yêu. Họ thấy những bắt bớ phạt vạ, những tội tình tù đày đều trong tòa nhà thâm nghiêm này ban ra, mà những ông « áo đỏ mặt sắt » ngự trong tòa nhà thâm thẳm đó quyết định được số phận phần nhiều là không may mắn cho họ, rồi họ không cần văn-vẻ hoa mĩ nữa, họ gọi xách mé một tiếng *Tòa* cho bõ. Hay là khi vào đó, họ kinh sợ quá mà không dám ngửa trông lên, họ chỉ dám nhìn thấy cái chỗ ngồi, nên chỉ dám gọi tên chỗ ngồi là « *Tòa* » cũng như thời Quân-chủ không dám gọi ông vua mà chỉ dám gọi cái bệ của vua ngồi như tiếng *Bệ hạ* chẳng hạn.

Nhưng gọi gì thì gọi, đố có ai mà không sợ tòa nhà nghiêm-nghị đó. Nghe truyền một bản *án tòa*, nhận được một tờ *trát tòa*, đố ai mà không hồi-hộp. Lành dữ chưa biết đâu, cứ nơm-nớp mà đợi sấm sét búa rìu, cứ lo sợ gặp những tai bay vạ gió.

Như vậy, chúng ta thấy rằng tiếng danh-xưng mà được tôn kính đâu có phải tôn kính vì tiếng danh-xưng mà tôn kính vì người mang nó. Tiếng *ông Tòa*, tôi thấy nó còn nôm-na bình-dân hơn tiếng *Thầy thuốc* nữa, mà nào có ai đã dám khinh thường nó đâu nào.

Nếu các ông Thẩm-phán mà khó tính như các ông *Đông-y gia* thích so-đo, ưa chú-trọng tiếng danh-xưng thì tôi chắc

rằng Bộ Tư pháp đã phải ra một nghị-định cấm gọi các ông là *Tòa* lâu rồi. Bởi vì tiếng *Ông Tòa* xét cho cùng, quả là không có nghĩa gì hết, đừng nói chi là văn-chương hoa-mĩ nữa.

***

Trường-tiền

Nói đến tiếng danh xưng Nôm của Nhà Nước cũng nên đề-cập luôn vài tiếng Nôm là lạ.

Trong Nam, thường gọi sở *Công-chính* là sở Trường-tiền, và sở *Thủy-xưởng* là sở *Ba-son*. Không biết nghĩa nó như sao, nhưng một tiếng thì nghe có vẻ giàu có, cốt-sắt bê-tông, một tiếng thì nghe có vẻ lao-động máy-móc dầu mỡ. Hai tiếng danh xưng đó dùng đã rất quen, khó mà sửa lại được, cũng không ai nghĩ đến việc sửa nó nữa. Gọi ông X. là ông *ký Ba-son*, hay gọi ông Y. là ông *Trường-tiền bộ*, ông Z. là ông *Trường-tiền thủy*, không ai mích lòng cả.

Nói đến *Ba-son*, *Trường tiền* tôi nhớ đến tiếng danh-xưng Pháp. Người Pháp họ quen gọi các Bộ của họ bằng tên đường phố, mà không cần gọi đúng tên cơ-quan phụ-trách. Ví dụ các báo đều viết *Quai d'Orsay* là chỉ cho bộ Ngoại-giao của Pháp. Cũng như họ viết *Pentagole* mà các báo ta thường dịch là *Ngũ giác đài* là chỉ cho Bộ *Tham mưu quân lực* của Hiệp-chúng-quốc. Vì tòa nhà này xây hình ngũ giác.

Âu đó cũng là một lối gọi *Trường-tiền*, *Ba-son* của ta vậy.

***

Sở-thú — Bách-thảo — Thảo-cầm-viên

Ở Hà-nội có một cảnh vườn. Ở Sàigòn cũng có một cảnh vườn. Hai cảnh vườn này dành cho công-chúng vào chơi giải-trí, do người Pháp thiết-lập từ khi họ mới đến đô-hộ. Cách tổ-chức đại-khái giống nhau. Nghĩa là trong vườn trồng các thứ cây cỏ, và nuôi các thứ chim muông. Cứ theo đó, họ đặt tên vườn là *Jardin botanique et zoologique*.

Nếu đúng như cách gọi đó mà gọi theo tiếng danh-xưng Hán-Việt thì phải gọi là *Thực-vật, động vật công-viên*. Dài quá và khó khăn quá. Người Hà-Nội gọi ngắn lại là *Vườn Bách-thảo*. Có khi rút ngắn hơn nữa, chỉ gọi *Bách-thảo* trơn mà thôi. Tuy ngắn mà nghe vẫn văn-vẻ lịch-sự như người Hà-Nội. Người Sài-gòn thì quê thật, ngắn-ngủn hơn nhiều. Họ gọi là *Sở-thú*. Bởi họ chú ý đến đám thú mà vùng rừng sác đồng bằng miền Nam này không có.

Trong vườn Bách-thảo Hà-nội còn di-tích một ngọn gò, người gọi là Nùng-sơn, người gọi là Khán sơn. Dầu là Nùng, dầu là Khán, cũng đều là di-tích lịch sử, dầu không phải là cao-sơn tuấn-lĩnh, mà nghe tiếng danh-xưng đó cũng đủ cho các nhà thi văn lấy làm đề tài ngâm vịnh, gợi mối thương kim điếu cổ. Nơi đó đã sản xuất bao nhiêu vần thơ phong-nhã thanh-tao.

Trong *Sở thú* Sài-gòn, cũng có một ụ đất nhỏ con. Trên đó, có một ngôi

tiểu đình; không biết kỳ-thủy, người Pháp họ cất cái kiosque đó để làm gì. Có lẽ để hòa nhạc cho vui tai công-chúng, tức là một thứ « bồn kèn ». Sau thì thấy cho người Tàu thầu để làm quán giải khát. Các người lính Tây vào chơi vườn thường tụ lại đó uống rượu, uống nước đá, nước dừa. (Ngày đó chưa biết bán nước mía). Có một món uống đặc-biệt là rượu Pernod pha với nước dừa xiêm, thơm ngon lắm. Vì thế mà sản xuất một bài quảng-cáo có vần Tây. Anh chú quán người Tàu, tay cầm khối nước đá vừa bào xẹt xẹt, vào ly nước dừa pha rượu Pernod màu hoa lý, miệng vừa hát rao hàng : Nầy *Zô-ô*, này *cô-cô*, này *bẹt-nô*. . . Sẵn vần *cô-cô, bẹt-nô*, anh hát thêm cho dài : này *si rô*, này *li-mô*, này *xi-trô*, để quảng-cáo một loạt nước ngọt rượu màu trong quán giải-khát của anh.

Người lính Tây hiểu-ý người bán muốn nói là vào chơi vườn Thú (Zoo) thì được uống rượu Pernod pha nước dừa (ô cô) lại còn có nước cam (limonade) nước đường (sirop) nước chanh (citronade).

Bọn con nít bán đậu phộng bánh kẹp, thấy bọn lính Tây thích nghe, cũng bắt chước hát theo : *này xi rô*, này *Zô-ô*. . . (họ nói trại và hiểu nghĩa là : này đi-vô, này xô-vô) Thành ra nhờ bán *Xi rô* mà họ gọi được tên vườn *Zoo*, rất đúng danh-xưng khoa-học.

Bây giờ, bình-dân vẫn cứ gọi nơi đây là *Sở-thú*, mặc dầu có yết biển ở cửa vườn và trong giấy tờ đều viết là *Thảo-cầm-viên*. Họ không gọi theo danh xưng mới, chắc là vì họ đã quen gọi *Sở-thú* xưa nay, chớ không phải họ chê hai tiếng *Thảo cầm* không gồm đủ nghĩa *Botanique* và *Zoologique*.

Họ cũng không cần phân-tích chữ nghĩa làm chi, rằng : *Thảo* thì còn thiếu *mộc* thiếu *hoa*, rằng *cầm* thì mới chỉ cho loài *hai cánh* như ở chuồng chim, chuồng vịt, chuồng kéc, chuồng cò mà thôi. Còn ở những chuồng cọp, chuồng voi, chuồng nai, chuồng khỉ ở ao cá, ao sấu, nhất là ở chuồng kangourou, chuồng giả-nhân, họ bu đen chung quanh suốt ngày nhìn ngắm chọc phá những loài *bốn chưn* tó, mà sao trong bảng để tên ngoài cửa Công-viên, họ không nhìn thấy ghi con thú nào trong đó.

***

Trường Bưởi — Trường Áo Tím Trường Nhà Trắng

Bài này mở đầu ở Bộ Giáo-dục nên kết thúc ở Trường-học cho có thượng hạ hồi ứng, thủy chung nhất trí.

Hồi thời Pháp-thuộc, ở Hà-nội có một trường Trung-học cất ở làng Bưởi bên bờ Hồ-Tây tiếng Pháp gọi là *Collège du Protectorat*. Ở Sài-gòn thời đó cũng có một nữ học-đường gọi là *Collège de jeunes filles indigènes*. (Trường-sở là nữ Trung-học Gia-long bây giờ). Có lẽ trong tiềm-thức dân tộc không thích tiếng *protectorat* và tiếng *indigène*, cho nên ở Bắc họ ít khi gọi là *Trường Bảo hộ*, và trong Nam thì tuyệt nhiên không hề

gọi là *Trường con gái bản xứ* theo như tiếng danh-xưng Pháp đặt cho tên trường. Một đàng lấy tên làng mà gọi tên trường, họ gọi là *Trường Bưởi*. Một đàng lấy màu áo đồng phục của nữ-sinh mà gọi, họ gọi là *Trường Áo tím*. Hai danh-xưng đó là hai danh-xưng nôm, mà thật là đẹp. Một đàng thơm-tho, một đàng tươi sáng. Nghe người bình-dân gọi « Các thầy học-sinh trường Bưởi » hay nghe gọi « Các cô học trò trường Áo tím » như nghe họ làm thơ, vì bông-hoa bưởi và tà áo tím tự nó đã là hai vần thơ thơm thơm, đẹp đẹp biết bao nhiêu.

Lại còn *Trường Nhà trắng*. *Ecole Sainte Enfance*, đối với họ khó nói quá và xa vời quá. Chiếc mũ to vành che tối khuôn mặt lạnh lẽo hiền lành của các Bà Phước, vành mũ trắng tinh, da mặt càng trắng lạnh hơn, thấp-thoáng trong dãy nhà lầu, kín cổng cao tường, nhìn thấy vậy, họ buột miệng gọi là *Trường Nhà trắng*. Còn tiếng nào trong sạch, còn tiếng nào tinh-khiết cho bằng.

Cô học trò *Trường áo tím* xinh như một bài thơ Nôm, thì cô học-trò *Trường Nhà trắng* đẹp như một quyển kinh Thánh.

Tiếng Việt nôm-na tài-tình dễ yêu như vậy. Người bình-dân đã dẫn đầu tự lâu rồi. Mà lạ sao chưa có ai nghĩ đặt tên trường học tên công-sở bằng tiếng Nôm thử xem.

ĐÔNG-HỒ

*

● Phải biết nhận « cái không thể tránh được », biến thành « cái có thể dùng được ».

Talleyrand

✱ Uy quyền mạnh là uy quyền biết dựa vào sức mạnh của lòng người.

Thellier de Poncheville

TUYỂN TẬP

HAI MƯƠI NHÀ VĂN HAI MƯƠI TRUYỆN NGẮN

(1954 – 1962) *do PHÙ-SA trình bày*

Sẽ giúp quí bạn hiểu rõ hơn các nhà văn

— Bình-Nguyên-Lộc — Cao-Hữu-Huấn — Hoàng-Anh-Tuấn — Kiêm-Minh — Lê-Vĩnh Hòa — Lưu-Nghi — Mai-Thảo — Mặc-Đỗ — Nguyễn-Văn-Xuân — Nhật-Tiến — Sơn-Nam — Thanh Nam — Thanh-Tâm-Tuyền — Tiêu-Kim-Thủy — Trang-Thế-Hy — Cô Tuyết-Hương Vĩnh-Lộc — Võ Phiến — Vũ-Hạnh — Vũ-Khắc-Khoan.

Đã phát hành : **NGÃ RẼ TÂM TÌNH**

tiểu thuyết của **NGỌC-LINH**

Nguyên-Hiến-Lê



Gamal Abdel Nasser

GAMAL ABDEL NASSER

và những bí mật về vụ kinh Suez

I — GAMAL ABDEL NASSER

Những ngày tủi nhục

« NGẨNG đầu lên, anh em, vì những ngày tủi nhục đã qua rồi ! ».

Những « ngày » tủi nhục đó đã kéo dài quá lắm ! Non hai ngàn rưỡi năm, từ 525 trước Tây-lịch tới 1954 sau Tây-lịch. Mà tổ tiên họ đã văn-minh sớm nhất thế giới : năm ngàn năm trước, trong khi nhân loại còn dã man thì dân tộc Ai Cập đã vượt hẳn lên, « tỏa hào quang rực rỡ một góc trời, chẳng khác chi bình minh ở phương Đông » Những kim-tự-tháp của họ xây khoảng 2 800 trước Tây-lịch, đến nay vẫn còn làm cho loài người ngạc nhiên, coi là một kỳ quan của thế giới.

Vậy mà rồi ánh hào quang đó lần lần tắt hẳn. Họ bị ngoại thuộc Hi-Lạp trong ba thế-kỷ, rồi ngoại thuộc La-Mã trong bảy thế-kỷ nữa. Khi nữ-hoàng Cléopâtre của họ thua Auguste rồi tự tử thì họ không còn vua nữa, mà ngay đến chữ viết của họ, trong nước cũng không còn ai biết ; thành thử lịch sử oai hùng của tổ tiên, mặc dầu còn chép ràng ràng trên những tờ papyrus và trên những bức tường ở các đền đài, lăng tẩm, mà không một người nào đọc được ; họ đã mất hẳn lịch sử. Sau La-Mã, tới Ả Rập : chín thế-kỷ tối mọi ; rồi tới Thổ Nhĩ Kỳ : thêm bốn thế-kỷ nữa. Đầu thế chiến thứ nhất, (1914) Thổ đi thì Anh tới, mà tình trạng của họ vẫn không thay đổi. Năm 1922, Anh

tuyên bố cho họ độc lập, nhưng đó chỉ là thứ độc lập bánh vẽ. Quốc vương của họ, vua Farouk, là một người ngoại quốc, lại Thổ và Albanie, muốn quyết định điều gì cũng phải hỏi ý-kiến những người « đỡ đầu » của mình. Anh đem lục quân lại đóng ở Caire, Port Saïd, Ismailia và Kinh Suez, đem chiến thuyền lại đậu ở Alexandrie, lúc nào cũng sẵn sàng nã súng vào quân cảng đó nếu có gì đáng nghi ; cho mãi tới ngày 19-10-1954 Anh mới chịu ký hiệp-ước với Ai, hứa rút hết quân đội ra khỏi Kinh Suez trước ngày 19-6-1956, dân tộc Ai-Cập mới được ngửng đầu lên mà hò reo : « Những ngày tủi nhục đã qua rồi ! ».

Hai luồng dư luận về Nasser

Trong số các nhà **thủ lãnh** ở Tây-Á và Bắc-Phi hiện nay, Nasser là người được thế-giới chú ý tới nhất ; nhiều người khâm phục ông mà cũng có người mạt sát ông thậm tệ ; ý kiến rất tương phản.

Trong nhóm khen ông, tôi thấy Georges Vaucher, tác-giả bộ *Gamal Abdel Nasser et son équipe* (Julliard-1959) và Benoist Méchin, tác giả những cuốn *Un printemps arabe*, *Le roi Saud* (Albin Michel, 1959, 1960).

Vaucher bảo ông biết lựa mục-tiêu, có nghị-lực kiên nhẫn đợi những biến cố mà lợi dụng hoàn cảnh để cho Ai-Cập thoát được ách người Tây-phương. Hình như ông tin rằng Nasser tuy là một quân nhân nhưng ghét chiến tranh, không tàn bạo, khát máu như Mustapha Kémal kẻ đã lạnh lùng ra lệnh xử tử bạn thân của mình. Ông căn cứ vào lời tuyên bố dưới đây của Nasser trong tập *Hồi ký về chiến tranh Palestine* (1948).

« Tôi quyết tâm rằng một ngày kia, nếu tôi ở vào một chức vị có trách nhiệm — hồi đó ông chỉ là một thiếu tá — thì tôi sẽ suy đi nghĩ lại cả ngàn lần rồi mới đưa binh ra chiến đấu. Chỉ khi nào cần thiết lắm như khi quốc gia lâm nguy thì tôi mới phải dùng võ lực ».

Có lẽ lời đó thành thật : vì năm 1956, khi Israël thình lình tấn công Ai-Cập ở Sinaï, Nasser đã làm Tổng-thống Ai Cập, ra lệnh cho quân đội bỏ Sinaï mà rút về phía Tây Kinh Suez, để khỏi bị tiêu diệt một cách vô ích, mặc dầu các tướng lãnh bộ Quốc-phòng phản đối, cho như vậy là mất thể diện, vì chưa chiến đấu mà đã bỏ chạy. Ông không muốn đổ máu một cách vô ích. Hai năm trước, hồi tháng Hai năm 1954, một bọn sĩ quan phản đối ông ông tha thứ cho cả, vì ông nghĩ rằng họ đã là đồng chí của ông hồi trước và sau này còn có thể dùng họ được nữa. Coi nét mặt của ông ta cũng thấy không có vẻ hung dữ như Mustapha Kémal hay Hitler.

Còn Benoist Méchin, sau một cuộc phỏng vấn Nasser luôn mấy giờ, tỏ ý thán phục, viết :

« Tôi tới chú ý là để thăm một chính khách như vô số chính khách khác, và tôi đã gặp một vị Quốc-trưởng có thể làm được lịch sử ».

Ông khen Nasser là có óc thực tế, mà ôn hòa, nghị lực rất mạnh mà sinh lực cũng phi thường, lại tự tín, cho rằng mình có một sứ mạng lịch sử phải thực hành cho được. Chương trình của Nasser rất lớn lao nhưng Nasser biết làm được cái gì thì

làm cái đó, chứ không hấp tấp. Đáng để ý nhứt là vị thủ lãnh Ai-Cập đó nhũn nhận một cách thành thực, nói với Méchin :

— *Quần chúng hoan hô tôi là vì họ tin rằng họ hoan hô họ & trong con người của tôi. Cầu Trời cho tôi đừng kiêu lắm ! Khi tôi đứng trước đám đông và có hàng ngàn tiếng dậy lên, tôi tự nhủ : « Họ không hoan hô mình đâu mà hoan hô họ đấy ».*

Cho nên ông vui, chứ không tự đắc, vui vì thấy mình « hòa hợp hoàn toàn với quần chúng ». Ông còn nói thêm :

— *Tôi biết rõ rằng ngày nào mà tôi phản những nguyện vọng của họ thì ngày đó, họ sẽ coi tôi nhẹ hơn một cọng rơm. Chính nhờ sự hòa hợp đó sự hợp nhất đó mà tôi đứng vững được chứ không phải là nhờ những tài năng của tôi ».*

Về phái người chê tôi phải kể Noury Saïd thủ tướng Irak, nhất là François Mu-sard, tác giả cuốn *Israël, miracle du 20è siècle* (P. Téqui — 1958)

Noury Saïd cho Nasser là giả dối, là cổ óc đế quốc, hô hào thành lập Liên-hiệp Ả-Rập chỉ để bành trướng thế lực của Ai-Cập, và chẳng có tài năng gì cả chỉ khéo nói và hứa hão ; cứ đứng ngoài mà thúc nghĩa quân Algérie chiến đấu với Pháp, chứ chẳng giúp họ được gì cả.

François Musard có giọng hằn học hơn nhiều, đại ý bảo Nasser là một tướng lãnh rất tồi, không biết tổ chức, hễ cầm quân là thua, thua Israël 2 lần năm 1948 và năm 1956 ; về chính trị thì không có lương tâm, tìm mọi cách để trừ địch thủ của mình ; không có một chính cách ngoại giao rõ ràng, chỉ biết nắng chiều nào che chiều ấy, mà lại độc tài theo kiểu Hitler.

Ta nhận thấy rằng điều mà Noury Saïd chê là hứa hão, Musard chê là thiếu tài, thì Méchin khen là « biết làm được mới làm »

Chính sách của Nasser

Sở dĩ có hai luồng dư luận trương phản như vậy là vì chính sách của Nasser không làm vừa lòng nhiều quốc gia.

— Ông theo chế độ dân chủ, được lòng các nước Cộng-hòa Ả-Rập như Syrie, nhưng lại mất lòng những nước quân-chủ Ả-Rập như Irak. Nhất là từ khi ông hô hào Liên hiệp các quốc-gia Ả-Rập làm thành một khối tự-do, phú cường thì người ta càng nghi kỵ ông. Các quốc vương Ả-Rập nghi kỵ vì ngài ngại cho ác ngai vàng của mình ; tới Âu Mỹ cũng nghi kỵ vì ông đã quốc hữu hóa kinh Suez thì thế nào cũng xúi các nước Ả-Rập khác quốc hữu hóa các mỏ dầu lửa.

Nhưng chế độ dân chủ của ông hơi có tính cách độc tài.

Trước hết « nhóm » cầm quyền của ông đều là những quân nhân trẻ, tuổi từ 30 đến 35. Quân nhân mà cầm quyền thì thế nào cũng độc tài, không nhiều thì ít ; họ lại có nhược điểm này là không có nhiều kinh nghiệm về chính trị, kinh tế cho nên dễ bị chỉ trích. Nasser khi lật đổ Farouk rồi, muốn dùng những chính khách cũ mà trong sạch, nhưng sau ông thấy rằng họ không có tinh thần cách mạng, không chịu chấp nhận chương trình cải cách điền địa của ông, không muốn bãi bỏ chế độ nô lệ ở các đồn điền, sợ mất lòng giới địa chủ ; nên ông bắt buộc phải dùng các sĩ quan trong nhóm của ông. Ông thấy ở Ai-Cập, phải có hai cuộc cách mạng : một cuộc cách

mạng chính trị (để diệt phong, đã thực) và một cuộc cách mạng xã-hội, mà nhóm sĩ quan của ông đã thực hiện được cuộc cách mạng trên thì cũng phải thực hiện luôn cuộc cách mạng dưới nữa, vì chỉ có bọn sĩ quan đó mới nhiều nhiệt huyết.

Sau khi bị ám sát hụt ở Alexandrie, ông giải tán Đảng « Huynh đệ Hồi giáo », bắt bớ, giam cầm nhiều người phản đối ông, và ở Ai Cập chỉ còn mỗi một đảng, tức đảng của ông. Điều đó tất nhiên gây nhiều nỗi bất bình trong xứ, mà các nước dân chủ Tây-phương tất nghi kỵ ông (Đoạn sau chúng tôi sẽ chép lại vụ Alexandrie đó). Tuy nhiên ta phải nhận rằng ông độc tài mà không đến nỗi như Hitler, và từ trước ta chưa từng thấy ở Ai-Cập một cuộc « thanh trừng » nào như ở Nga cả.

Nhất là từ khi ông quốc hữu hóa các nhật báo quan trọng ở Ai-Cập, thì người ta càng chê chính sách của ông. Ông mạt sát kịch liệt lối đưa những tin giật gân, lối làm báo mà nhận phụ cấp của các công ti, các bọn « tư bản » và chủ trương rằng báo chí phải hướng dẫn quần chúng trong con đường cách mạng xã hội. Tuy nhiên, hình như ở Ai-Cập không có chế độ kiểm duyệt và những tờ báo ít ảnh hưởng, không bị quốc hữu hóa, vẫn được quyền tự do ngôn luận.

— Mới đầu ông thân Tây phương, muốn nhờ Anh, Mỹ, giúp khí giới để đánh Israël, giúp tiền để xây đập Assouan, nhưng Anh Mỹ hoặc không chịu giúp, hoặc đòi những điều kiện làm tổn thương cho nền tự-do của Ai-Cập, nên ông phải quay về phía Nga-Sô.

Ông kể với Méchin rằng năm 1956, trước khi có chiến tranh Suez, Ai-Cập mất mùa, hai chục triệu dân cấp đói tới nơi, tình cảnh rất nguy-ngập, nội loạn có thể xảy ra, ông mời viên Đại-sứ Mỹ lại hỏi xem Mỹ có thể bán lúa cho Ai-Cập được không. Viên Đại-Sứ đáp :

— Được.

Ông hỏi :

— Với giá nào ?

— Giá trên thị trường quốc-tế.

— Trả cách nào ?

— Trả bằng Mỹ kim.

— Giao trong kỳ hạn là bao lâu ?

— Từ một tháng tới một tháng rưỡi.

Ông thấy những điều kiện đó gắt quá, nhưng không biết làm sao, đã định nhận, thì viên Đại-sứ Nga lại xin yết kiến, đề nghị một giá hạ hơn giá trên thị trường quốc-tế là 20%, trả bằng bông gòn (Ai-Cập sản xuất nhiều bông gòn) thành nhiều đợt, và có thể giao lúa ngay nội ba ngày sau.

Ông vốn không muốn nhận sự giúp đỡ của Nga, vì mang ơn họ thì sau này khó xử lắm, thế nào họ cũng kể ơn : « Chúng tôi nuôi các anh, trong khi các nước khác bỏ đói các anh . . . » ; nhưng nếu không nhận thì đài phát thanh Moscou sẽ la ầm lên là vị lãnh tụ Ai-Cập bán đứng dân Ai-Cập cho Washington, không chịu mua lúa Nga vừa rẻ, vừa trả bằng bông gòn được, mà lại đi mua lúa Mỹ vừa đắt lại vừa phải trả bằng Mỹ kim, như vậy thì dân chúng làm sao không nghi ngờ ông, phản đối ông.

Năm sau, Syrie được mùa, muốn bán lúa cho Ý ; Mỹ hớt tay trên, đề nghị với Ý một giá hạ hơn giá trên thị trường quốc tế là 20%, chủ ý là làm khó Syrie,

gây lòng phẫn uất của dân chúng Syrie đối với nhà cầm quyền của họ và mong có cuộc đảo chánh ở Syrie, mà một số nhân vật thân Tây phương sẽ lên cầm quyền. Nhưng Mỹ không nghĩ rằng đã mất lòng dân-chúng rồi thì có được lòng vài nhà cầm quyền cũng là vô ích, còn tai hại là khác nữa (1).

Vì những sự vụng về đó của Âu, Mỹ mà Nasser phải nhận sự giúp đỡ của Nga; Tây phương lại càng ghét ông. Gần đây ông muốn chủ trương binh sách trung lập, nếu các quốc gia Ả-Rập theo ông thì mối nguy cho Tây phương càng tăng, vì như trên kia tôi đã nói, rất có thể các mỏ dầu ở Ả-Rập (80% tổng số ở thế giới) sẽ không còn ở trong tay Âu Mỹ nữa.

— Sau cùng một lẽ nữa để cho người phương Tây ghét ông là ông chỉ muốn tiêu diệt Israel, có lần tuyên bố rằng « Israel là một quốc gia nhân tạo, thế nào cũng sẽ phải mất trên bản đồ thế giới ». Các quốc gia Âu, Mỹ trái lại rất có cảm tình với Israël; chính họ đã ký bản tuyên ngôn Balfour cho dân tộc Do-Thái được thành lập một quê-hương ở Palestine, và đã thiên vị với Israel trong chiến tranh giữa Do-Thái và Ả-Rập năm 1948. Riêng Anh Pháp lại còn âm mưu với Israël để tiêu diệt Ai-Cập năm 1956, trong vụ kinh Suez, như độc giả sẽ rõ trong phần thứ hai.

Như vậy thì những lời khen hay chê Nasser không đáng cho ta tin hẳn, nhất là khi do những chính khách hoặc ký giả phương Tây thốt ra. Hầu hết họ thiên vị vì quyền lợi hay cảm tình của họ. Quốc gia nào cũng có cổ phần ở kinh Suez, hoặc có độc quyền khai thác mỏ dầu ở Ả-Rập, hoặc: muốn bênh vực Israël thì tất ghét ông; còn những quốc gia nào kình địch với những quốc gia đó tất có thiện cảm với ông. Dù khen hay chê thì ông cũng đương bước vào lịch sử của nhân loại và muốn hiểu tại sao ông đã thành công được, ta cần phải biết qua đời ông.

Mới 12 tuổi đã làm cách mạng

Gamal Abdel Nasser sinh ngày 15 tháng giêng năm 1918 ở Alexandrie trong một gia đình trung-lưu. Tổ-tiên làm nghề nông, tới đời cha mới làm một công chức nhỏ ở Sở Bưu-điện: mẹ giòng gõi doanh thương, phong lưu. Thân phụ ông vì việc sở, phải đổi chỗ ở hoài, nên ông phải ở trọ nhà một ông chú (hay bác) tại Caire để đi học. Năm 8 tuổi mồ côi mẹ, ông rất đau lòng; lớn lên, mỗi khi nhớ tới mẹ vẫn bùi ngùi. Có lẽ vì mà thế tính tình hoa ra buồn, nghiêm ít nói, hay nghĩ ngợi. Có lần ông hỏi thân phụ ông: « Ba à tại sao nhà mình thường ăn thịt mà các người chăn cừu lại không ăn thịt? » Thân phụ ông lúng túng đáp rằng trời sinh ra như thế. Vậy, ông đã có óc suy xét ngay từ hồi nhỏ.

Một lần khác, hồi thân mẫu ông mới mất, ông đào một hố sâu ở vườn. Thân phụ ông cho là nghịch lẫn thẩn, bảo lấp đi, hôm sau ra thấy hố còn sâu hơn, rầy ông, ông đáp: « Con muốn biết dưới đất có gì mà loài người ở đất sinh ra rồi chết đi lại về với đất ».

Thời đó những cuộc biểu tình phẫn đối người Anh đều do sinh viên và học sinh

(1) Tài liệu trong *Un printemps arabe*.

tổ chức. Sau bao nhiêu năm nô lệ, những người lớn hầu hết đã chán nản, chỉ còn bọn thanh niên là hăng hái chiến đấu. Ở trường, Nasser đã được nghe các bạn lớn tuổi kể lại cuộc nổi loạn của học sinh năm 1919. Trong thế chiến thứ nhất, Anh hứa bình trị trở lại, sẽ trả độc lập cho Ai ; nhưng rồi Anh nuốt lời. Ba ngàn sinh viên đại học và học sinh Trung học làm biểu tình ở Caire để tỏ lòng phẫn uất. Một số cảnh sát nhập bọn. Anh phải dùng súng để uy hiếp, 5 sinh viên bị bắn chết.

Năm 1930, chính phủ Ai-Cập lại yêu cầu Anh trả lại tự do. Anh cũng lại từ chối, buộc vua Ai-Cập phải lập một nội các khác, độc tài hơn, thân Anh hơn. Các đảng chính trị phản đối một cách yếu ớt, và bọn học sinh lại biểu tình nữa ở Caire và Alexandrie Một nhóm học sinh Alexandrie la lớn : « Ai-Cập muôn năm ! » bị cảnh sát đập túi bụi.

Lúc đó, Nasser mười hai tuổi, cũng nhập bọn, bị đánh chảy máu mặt. Về nhà ông suy nghĩ mà đau lòng : « Bọn cảnh sát đó là người Ai-Cập, họ đã chẳng đoàn kết với thanh niên thì thôi lại còn đàn áp ; thực là loài chó săn ! ». Từ đó Nasser thành ra phẫn uất.

Ba năm sau, ông lại nhập một bọn biểu tình nữa ở Caire, lần này hình như để đòi đuổi một vị Bộ trưởng bất lực nào đó. Cảnh sát lại dùng sức mạnh để đàn áp, ông chống cự lại kịch liệt, bị bọn họ bắt giam mấy ngày. Ở khám ra, ông hiểu thế nào là làm chính trị rồi, và ông bắt đầu chuẩn bị vào con đường cách mạng.

Hoạt động trong giới sinh viên

Ông đóng cửa đọc sách luôn năm năm ; có khi muốn cho tĩnh mịch — vì nhà chật — ông vô một giáo đường ở Caire để coi sách đến tối mới về. Gặp sách nào ông cũng đọc, nhưng ông thích nhất những cuốn của các học giả Ả-Rập viết về lịch sử miền Tây-Á, rồi tới những tác phẩm của Voltaire, Rousseau, Victor Hugo dịch ra tiếng Ai-Cập và tiểu sử các danh nhân như Alexandre đại đế César, Nã-Phá-Luân, Gandhi. . Đọc những trang lịch sử vẻ vang của Islam, tả những chiến thắng oai hùng của Ả-Rập thời trước, ông tin rằng dân tộc Ả Rập nếu biết đoàn kết thì sẽ có một sức mạnh lớn lắm và ông tìm một đảng để hoạt động hầu giải thoát dân tộc khỏi ách nô lệ của người Anh.

Từ năm 1935 ông tiếp xúc với các đảng Wafd (Quốc dân đảng của Ai, do Nahas Pacha thành lập năm 1919) đảng « Anh em Hồi giáo » và đảng « Tân Ai-Cập », một đảng xã hội mà đảng viên bận sơ mi xanh lá cây, tập sử dụng khí giới trong sa mạc Hélouan, chờ ngày khởi nghĩa. Chương trình của đảng này hợp ý ông : cải cách điền địa, quốc hữu hóa kinh Suez, thống nhất Ai-Cập và Soudan, kỹ nghệ hóa thung-lũng sông Nil. Nhưng đảng gồm nhiều phần tử ô hợp nên ông không vô. Sau cùng ông quyết định hoạt động trong giới sinh viên, ông thấy họ tuy có nhiệt tâm nhưng thiếu đường lối, và chỉ lo tranh giành địa vị trong các ủy ban. Ông bất mãn, chưa biết phải cải thiện tình thế ra sao, còn hoang mang. Nhưng chí ông đã quyết. Trong một bức thư cho bạn, ông viết :

« Dù trái tim tôi có đời từ bên trái qua bên phải, dù các Kim-tự-tháp có di chuyển; dù dòng sông Nil có thay hướng thì chí tôi cũng không đổi. »

Năm 1935, sinh viên lại biểu tình để đả đảo chính sách đế quốc của Anh.

Ngày 11-11, Nasser cầm đầu một đoàn học sinh Trung học, tiến lại một công trường ở Caire. Một học sinh đứng lên diễn thuyết ; cảnh sát lại đập. Nasser bảo các bạn đứng yên, và cùng la : « Ai-Cập muôn năm ! » Bọn cảnh sát lấy nhiệt tâm của thanh niên, không đàn áp nữa, cũng la lớn với họ : « Ai-Cập muôn năm ». Rồi thì giải tán, không ai bị bắt bớ cả.

Lần đó thành công một chút, Nasser càng phấn khởi. Hôm sau ông cầm đầu một nhóm đông hơn, tinh nhập bọn sinh viên Đại học và Cao đẳng kỹ thuật để biểu tình rầm rộ khắp đường phố. Lần này hai sinh viên bị bắn chết, một số đông bị bắt giam. Chính ông cũng bị một viên đạn sướt qua trán, nhưng may chỉ chảy máu chứ không bể đầu. Hiện nay vết xẹo vẫn còn.

Thành lập Hội Sĩ-quan tự-do. Tình hình Ai - Cập trong thế chiến vừa rồi.

Năm sau (1936) vua Farouk lên ngôi, thương thuyết với Anh và Anh ký một hiệp ước trả độc lập cho Ai - Cập, nhưng còn đóng quân ở vài nơi để che chở kinh Suez và thung lũng sông Nil. Cũng vẫn chỉ là một thứ bánh vẽ nữa. Dân Ai - Cập vẫn bị một người ngoại quốc cai trị vì Farouk lai Thổ và Albanie, mà Farouk chẳng có quyền gì cả, muốn quyết định điều gì đều phải hỏi ý-kiến Đại Sứ Anh. Nasser chán nản, nghĩ rằng muốn thành công thì phải dùng lực lượng của quân đội mới được, nên thi vào trường Võ-bị.

Năm 1938 ông ở trường Võ-bị ra với chức Thiếu-úy, phục vụ ở miền Thượng Ai-Cập. Ông thành lập Hội các sĩ-quan tự-do, kết bạn với Anwar El Sadat và Abdel Hakim, Amer, đọc thêm nhiều tiểu sử về các nhà cách-mạng như Robespierre, Danton, Lénine, Tôn-Dật-Tiên, Nehru.

Rồi một hôm đài phát thanh loan tin thế chiến thứ nhì đã nổ. Ông nóng mấy muốn biết thái-độ của nhà cầm quyền Ai ra sao.

Đức tấn công Anh, Pháp, Ai-Cập không liên quan gì trong vụ đó cả. Nhưng do hiệp-ước 1936, Anh đem quân lại đóng ở Ai-Cập, thành thử Ai-Cập có thể hoa ra một chiến trường, mà dân chúng sẽ bị vạ lây. Hiệp-ước 1936 quả thực nguy hiểm cho Ai.

Thủ tướng Ai là Aly Maher biết vậy, đòi được trung lập, không chịu tuyên chiến với Đức, Ý, nhưng làm sao có thể trung lập được, khi mà quân đội Anh đóng trên đất Ai.

Một hôm, Đại sứ Anh lại kiếm Farouk, nói thẳng ngay :

— Aly Maher phải từ chức ngay !

Farouk không dám cãi lệnh. Và Sabry Pacha lên thay Aly Maher.

Hai trăm ngàn quân Ý tấn công Lybie, băng qua sa mạc Cyrénaïque để uy hiếp quân Anh tại thung lũng sông Nil, cách biên giới Ai - Cập có sáu chục cây số,

định nhắm Alexandrie mà tiến tới, nhưng không hiểu sao bỗng nhiên ngưng lại để rồi bị quân Anh đánh tan tành.

Vừa yên, thì Anh lại phải lo đối phó với đội quân Afrikakorps của Rommel. Thấy Đức tiến mạnh quá, một số sĩ-quan Ai-Cập do tướng Aziz el Mazri cầm đầu, muốn đứng về phe Đức, liên lạc với Rommel, đã hẹn nhau họp một nơi trong sa-mạc, nhưng cả hai lần đều thất bại vì xe hơi và máy bay trục trặc.

Anh hay tin đó, bắt Farouk thay đổi nội các một lần nữa, đuổi Aly Maher đi, mà đưa Nahas Pacha lên. Nahas Pacha tuy chống Farouk, cũng không thân Anh nhưng rất ghét Đức. Farouk không ưa Nahas Pacha, không chịu nghe Anh. Đại sứ Anh gạt hết các lính thị vệ của Farouk, cầm súng tiến thẳng vào văn phòng Farouk, chìa hai tờ dụ cho Farouk, một tờ chỉ định Nahas Pacha làm thủ tướng, một tờ tuyên bố thoái vị.

— Tôi cho nhà vua hay rằng nhà vua bị quân đội Anh cầm tù rồi. Hai tờ này, tùy ý nhà vua ký tờ nào thì ký.

Farouk hoảng hốt hỏi :

— Nếu tôi không ký ?

— Thì bị truất ngôi . . .

Từ đó Farouk như một con chiên trong tay người Anh.

Anh có hứa với Ai là hễ diệt được Đức thì sẽ cho Ai-Cập và Soudan thống nhất, sẽ rút hết quân đội ra khỏi Ai-Cập. Nahas Pacha tin thực bèn thẳng tay trị những người thân Đức để lấy lòng Anh.

Rommel thua. Rồi chiến tranh kết liễu. Anh lại nuốt lời hứa một lần nữa, chỉ hờ hững đáp :

— Những vấn đề đó tế nhị lắm, chưa thể xét lúc này được.

Trong khi đó Nasser vẫn ngấm ngầm chỉ huy và gây thêm thế lực cho phong-trào cách-mạng

Năm 1947 không khí giữa Anh và Ai quá căng thẳng. Dân chúng phẫn uất, bảo nhau : « Thương thuyết với tụi đế quốc làm gì cho phí nước miếng ; chúng chỉ chịu nghe sức mạnh thôi ».

Thế là nội trong một đêm, tại khắp thành phố Caire, người ta dựng lên những chướng ngại vật để bít đường. Hai bên bắn nhau. Hai chục sinh viên chết vì đạn của Anh. Luân-Đôn hoảng hốt. Clement Attlee ra lệnh cho quân đội rút ra khỏi miền hạ du Ai-Cập, mà đóng trong khu vực Kinh Suez. Dân chúng Anh ngán chiến tranh quá rồi, đòi được giải ngũ để về thăm gia đình và để bớt gánh nặng về thuế má ; cho nên nội các Anh phải rút quân đội ở thuộc địa, chẳng những ở Ai-Cập mà cả ở Ấn-Độ, Ả-Rập, Thổ Nhĩ-Kỳ... nữa.

Thế là nền độc-lập của Ai-Cập đã vững thêm một chút. Dân chúng hơi tin tưởng ở nhà cầm quyền và ở tương lai của quốc gia.

Chiến tranh Ả-Rập — Israël

Nhưng năm sau, Ai-Cập cùng với Trans jordanie, Syrie, Liban, Irak tấn công quốc gia Israël mới thành lập, và lần này dân chúng mới thấy rõ sự bất lực, sự thối nát của chánh quyền.

Năm quốc gia gồm 35 triệu người mà thua một quốc gia không đầy một triệu người! Kể ra k ông có gì đáng nhục cho lắm. Tính dân số thì bên Ả-Rập hơn nhưng tính quân số thì bên Israël hơn. Khí giới của Ai-Cập đã cũ, xấu; mà sự chỉ huy của liên quân Ả-Rập không thống nhất, nên thua là phải. Quân của Ai-Cập, Irak và Transjordanie ba mặt tiến đánh Tel Aviv mà không có một chiến lược chung, không liên lạc với nhau, để đến nỗi Irak bị đánh tan trước, rồi Transjordanie bị vây ở gần Jérusalem, Ai-Cập bị vây ở phía bắc Hébron mà chẳng bên nào cứu bên nào được. Như vậy thì thua là lẽ dĩ nhiên.

Nasser lúc đó làm Đại-uý, chưa có ác cảm với Israël, mà cũng chỉ mới có những tư tưởng quốc gia thôi chứ chưa thấy sự liên hiệp các xứ Ả-Rập là một điều cần thiết. Nhưng ông cũng hăng hái ra trận.

Ở ngoài mặt trận ông mới thấy rằng quân đội Ai Cập kém xa quân đội Israël về mọi phương diện. Quân số đã ít, khí giới lại thiếu. Trong cuộc chiến vừa qua, đồng bào ông bị người Anh nghi kỵ, không cho sử dụng các vũ khí mới, không cho ra mặt trận, nên thiếu kinh nghiệm. Nhất là thiếu sự tổ chức. Tấn công một làng mà không có bản đồ của làng đó, không có thiết giáp để mở đường trước, thành thử binh Ai-Cập càng dũng cảm thì càng chết nhiều. Thiếu xe để chở họ, thức ăn cũng thiếu. Người ta phát cho mỗi đại đội một số tiền, (1000 Anh-bảng) để mặc đại đội trưởng mua tại chỗ ô-liu và phó-mát cho quân lính.

Ông lại biểu thêm rằng chiến tranh đó là một « chiến tranh chính-trị »; chính quyền Ai-Cập ra lệnh chiếm cho được thật nhiều đất, không cần nghĩ đến sự hao quân tổn tướng. Vì họ biết rằng thế nào Liên-Hiệp-Quốc cũng can thiệp, mà bên nào chiếm được nhiều đất thì bên đó lợi. Cho nên người ta hấp tấp lùa quân ra trận mà không tổ chức, chuẩn bị trước, cũng không hề giảng cho dân chúng tại sao lại tấn công Israël, thành thử nhiều người lính ngờ rằng chính-phủ bắt họ hy sinh tánh mạng để chiếm đất cho những ông chủ điền bự nào đó, cho các cụ lớn ở triều đình.

Mặc dầu vậy họ chiến đấu vẫn hăng. Nasser bị thương ở ngực, điều trị ở dưỡng đường, rồi về thăm nhà ít lâu, sau lại trở ra mặt trận với chức thiếu-tá.

Ngay từ những ngày đầu, hai đội quân Ai-Cập đã tiến tới Gaza và Hébron và định từ đó sẽ tiến lên Tel Aviv, nhưng bị Israël chặn lại. Liên-Hiệp-Quốc ra lệnh ngưng chiến; ngưng ít lâu rồi choảng nhau lại, như vậy tới lần thứ tư mới thật là đình chiến. Cuối năm 1948, Nasser lập một chiến công. Điểm của ông chiếm, Erak El Manchia, với một điểm nữa ở gần đó, Falouja, bị Do-Thái bao vây luôn hai tháng, sau bị dội bom luôn ba ngày. Ông rán an ủi sĩ tốt, săn-sóc họ, ra những chỉ thị rõ ràng cho họ để cùng nhau chống cự. Ngày cuối cùng, Do-Thái tưởng ông đã hết tinh thần, bèn tấn công, không ngờ bị chận đứng lại rồi bị tiêu diệt. Nhờ vậy mà tinh thần Ả-Rập ở Falouja cũng cao lên và cả hai nơi đó chống cự được cho tới lúc đình chiến.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

Kỳ sau : *Người Anh cút đi.*

Những nét chính về sinh hoạt thư tịch trong năm 1962

THƯ - TRUNG

MÔN-LOẠI đáng kể nhất trong sinh-hoạt thư-tịch từ trước vẫn được kể là *biên - khảo*. Đáng tiếc là sách thuộc môn loại này càng ngày càng trở nên hiếm hoi, và trong năm nay số sách xứng với tên phân-loại có thể đếm được trên đầu ngón tay : *Nhật - Bản Sử - Lược* quyển 2, của *Chêm-Vũ* Nguyễn-Văn-Tần (1). — *Tìm Hiểu Hội-Họa* của Đoàn-Thêm — *Việt-Nam Ca-Trù Biên-Khảo* của Đỗ-Bằng-Đoàn và Đỗ-Trọng-Huề...

Nhật-Bản Sử-Lược là bộ sách Việt-ngữ đầu tiên viết về lịch-sử Nhật-Bản, từ thời lập-quốc tới hiện-đại. Sách biên-soạn công-phu, và giá trị nội-dung đã được nhắc nhở tới nhiều. Chẳng hạn như mới đây, giáo sư Trần-Kinh-Hòa, một học giả thông thạo lịch-sử Đông-phương, có viết bài phê-bình đăng trên *Khảo-cổ tập-san, số 3*.

Tìm Hiểu Hội Họa là cuốn sách đầu tiên khảo-luận về môn hội họa. Nhờ công-phu biên-soạn thận trọng, kỹ-thuật ấn-loát tinh vi, lại đáp ứng đúng nhu-cầu của độc-giả hiếu học, nên đây là cuốn *sách biên-khảo bán chạy nhất trong năm*. Đạt được thành quả tốt đẹp đó, có lẽ ta cũng nên kể tới phần hi-sinh đóng góp của soạn-giả và nhà xuất-bản : giá bán gần hai trăm đồng một quyển tuy có là *cao* nhưng không *đắt*. Bởi vì chẳng cần rành nghề in lắm ta cũng biết được đó là giá vốn in, chưa kể cả tới tác-quyền.

Việt-Nam Ca-Trù Biên-khảo tuy không là cuốn sách đầu tiên song lại là tác-phẩm lớn lao nhất từ xưa tới nay khảo về môn

(1) Về các ghi-chú thư-tịch của tất cả các cuốn sách nhắc tới trong bài này, xin độc-giả xem trong đặc-san *TIN-SÁCH*.

Ca-Trù. Sách bán không chạy lắm. Có lẽ tại vì giờ đây môn Ca-Trù ít được mấy ai ưa thích, và chỉ còn riêng có học-giới để tâm nghiên-cứu mà thôi. Tuy vậy, chắc chắn đây là một tác-phẩm sẽ chịu đựng được sự thử thách của thời-gian.

Ngoài ba cuốn sách đáng kể trên đây, còn có chừng mươi công-trình nhỏ khác.

Về loại sách « Học làm Người », các cuốn có giá-trị được tái-bản đều đặn, chứng tỏ là các bạn trẻ vẫn ham đọc loại sách này để trau-giồi kiến-thức. Những sách mới trong loại này có : *Gương hi-sinh*, *Tương lai ở trong tay ta*... của Nguyễn Hiến-Lê ; *Sen giữa lầy*, *Thuật lãnh đạo*... của Hoàng-Xuân-Việt v..v... Hai tác-giả kể trên là những tên tuổi « xưa » nhất trong tủ sách này. Họ Nguyễn soạn sách nhiều, sẵn nhà xuất-bản, nhưng lại in ra rất ít, cầm chừng. Còn họ Hoàng thì viết rất bằng, in rất nhiều, nếu không muốn nói là đ-ạt, tựa như hàng sản-xuất từng loạt (production en série) vậy.

Về lịch-sử Việt-Nam, có mấy cuốn đáng kể như : *Việt-Nam Giáo-Sử quyển 2* của L. M. Phan-Phát-Huồn, là cuốn lịch-sử giáo-hội Thiên-Chúa-giáo đầy đủ nhất hiện nay. *Việt-Nam Kháng Pháp Sử* là quyển thứ 5 trong bộ sử dầy nhiều trang nhất của Ông Phạm-Văn-Sơn. *Cận-Đại Việt-sử Diễn ca* gồm 4.444 câu thơ, ghi chép lịch-sử từ thời Tây-Sơn và Nguyễn-Ánh phân-tranh đến giai-đoạn nước Việt-Nam trong thời Âu-chiến (1785-1918), của tác-giả Huỳnh-Thiên-Kim người muốn làm tiếp công-việc của hai sử-gia tiền-bối Lê-Ngô-Cát và Phạm-Đình-Toái.

Nhìn chung, so với mấy năm trước, số sách biên-khảo năm nay xuất-bản cũng không được nhiều. Tuy vậy, chúng ta cũng nên lấy làm mừng là trong số lượng ít ỏi ấy, chúng ta đã có một vài tác-phẩm thật có giá trị.

***

Trong năm 1960-61, có một vài nhà xuất bản, không rõ vì ham lời nhiều hay vì không rành nghề, nên đã tung ra thị-trường chữ nghĩa một số *sách dịch* cẩu thả, tệ hại. Bị báo-chí chê bai, loại sách dịch này tuy chịu chết song vẫn còn để lại trong lòng người đọc một mối nghi ngờ sâu đậm.

Sang năm 1962, số sách dịch do tư-nhân xuất-bản không được bao lăm, song lại có nhiều sách dịch do các cơ-quan ấn-hành, trong khuôn khổ các chương-trình hợp-tác với những tổ-chức văn-hóa nước bạn (như The Asia Foundation, UNESCO, USIS v. v. . .).

Bộ Quốc-gia Giáo-dục và Viện Đại-Học Huế xuất-bản được mấy tác-phẩm (dịch) triết-học và tài-liệu (dịch) cổ-sử có giá-trị (*Những suy niệm siêu hình học* của Descartes do L. M. Trần-Thái-Đỉnh dịch ; *Ý thức Luận* và *Năng lực tinh thần* của H. Bergson do L. M. Cao-Văn-Luận dịch) giúp ích nhiều cho học-giới. Sở Tu-thư (thuộc Bộ QGGD) xuất bản được vài tập truyện dịch, đơn-ngữ hoặc song-ngữ thích-hợp với độc-giả học-sinh, tiện dụng trong việc học tập, trau giồi ngoại-ngữ.

Trung-tâm Nghiên-cứu Việt-Nam phiên-dịch và xuất bản được mấy cuốn về kinh-tế-học, hành-chánh-học . . . tiện dụng cho các sinh-viên Luật-khoa và các viên-chức nhà nước cần nghiên-cứu về ngành chuyên-môn vừa kể.

Nhà xuất bản Ziên Hồng, một nhà chuyên phiên-dịch các văn-phẩm của Hoa-Kỳ, đã hoạt-động rất đều đặn trong năm qua. Mặc

dầu có nhiều nỗ-lực đáng kể, song các sách do nhà này xuất-bản chưa làm thỏa lòng độc-giả yêu văn dịch. Một phần vì việc phiên-dịch có vẻ vội vàng, kém thận-trọng và phần khác dường như nhà xuất-bản này cũng không được tự-do chọn lựa các tác-phẩm hay để dịch. Ấn-phẩm mới nhất của Ziên Hồng là *Tang Tóc* một « tiểu thuyết mới» của James Agee, được trao tặng giải thưởng văn-chương Pulitzer của Hoa-Kỳ (1958) do tính chất độc-đáo về kỹ thuật, và do bút pháp tế-vi của một nhà văn có tâm-hồn thi-sĩ. Một cuốn khác mới được tái-bản gần đây là cuốn *Thoát ly Hỏa-ngục*, chứng-từ của cố bác-sĩ T.A. DOOLEY, về cuộc di-cư vĩ-đại của hơn một triệu đồng-bào Bắc-Việt chạy trốn nạn Cộng-Sản. Biết chọn lựa sách khéo léo hơn, và biết thận trọng hơn trong việc dịch-thuật, chắc chắn là nhà xuất-bản này sẽ chiếm được cảm tình của nhiều độc-giả.

Khoảng cuối năm nay, bộ Công-Dân-Vụ có nêu ra một chương-trình vĩ-đại, dự định phiên-dịch và xuất-bản nhiều văn-phẩm có giá-trị của nước ngoài, nhằm mục-đích cung ứng cho giới thanh - niên những bản văn dịch tốt, vừa giải trí vừa giáo-dục. Thấy chương-trình đó, thức-giả không khỏi lấy làm mừng. Nhưng sau một phiên họp, người ta không thấy một dấu vết hoạt-động gì khác, và chẳng biết giờ đây công việc đó đã được thúc đẩy tiến triển tới đâu rồi.

Trong hoàn cảnh nghèo nàn của sinh hoạt thư-tịch hiện nay, một chương-trình như vừa kể rất đáng hoan nghênh. Các bạn trẻ nước ta hiện nay thiếu sách để đọc. Những cuốn sách xứng đáng là tác-phẩm Văn-nghệ hay Văn - học, hàng năm sản - xuất không được bao lăm. Hiện tại nghèo nàn như thế, quay đầu nhìn lại quá-khứ thì cũng không có gì khác ngoài loạt sách quá thời của Tự-Lực Văn-Đoàn cùng một số truyện giải-trí của những cây bút tầm thường xuất-bản thời tiền chiến mà lẽ ra ngày nay ta nên để mặc chúng chìm trong quên lãng. Hơn bao giờ hết, đây đúng là lúc mà chúng ta cần mở rộng ngành phiên dịch ngõ hầu giới thiệu với lớp bạn trẻ (nhất là giờ đây, người đọc thông ngoại ngữ chưa mấy đông) những trào lưu tư-tưởng mới, những tác-phẩm văn-nghệ, văn-học thật độc đáo của người.

Ước mong sao các cơ-quan phiên-dịch và xuất-bản có sẵn, cũng như các tổ-chức sẽ được thành-lập trong tương-lai, lưu tâm đặc biệt tới vấn đề *các bạn trẻ hiện đang thiếu sách hay để đọc*, ngõ hầu tăng gia nỗ lực, thực hành cho được cái ý hướng mà tự mình đã đề ra...

Một khía cạnh khác của môn loại dịch thuật mà ta cũng cần lưu ý tới, là nếp sinh-hoạt có phần nhộn nhịp của loại truyện cổ. Đa số đều dịch thuật các bộ truyện lịch-sử hấp dẫn của Tàu (như *Tam-Quốc Chí*, *Thủy-Hử*, *Tây-Du*, *PhongThần v.v...* Hoặc các truyện võ hiệp (như *Lã - Mai-Nương*, *Xuân-Thu-Oanh-Liệt v.v...*); còn một số ít dịch thuật truyện thần thoại Á-Rập và Hy-Lạp (như *Ba Mối Tình của Thần Bích-Tiên*, *Cây Đèn Thần v. v . . .*) Ngoài một số nhà xuất bản chạy theo thị hiếu thấp kém của độc giả, chỉ ngắm hình thức trình bầy cho lộng-lẫy, xuyên tạc nội dung, ganh đua giá bán sao cho hạ, để bán được nhiều... Còn có nhiều nhà xuất-bản khác, tỏ ý quan tâm nhiều đến giá trị nghệ thuật phiên dịch. Ta thấy có nhiều nhà xuất bản đứng đắn cùng ấn hành loại

sách nầy: như nhà Khai-Trí (*Tây-Du-Ký bình khảo*..) Tân-Việt (*Thủy-Hử*..) và Sống-Mới (tức là *Hương-Hoa*) *Tam Quốc Chí, Thủy Hử v. v...*) Còn có nhật báo *Ngôn-Luận* chuyên xuất-bản các truyện dịch (Tàu) của Tử-Vi-Lang đã đăng trên trang trong của nhật-báo này.

Nếu kể về lượng thì dịch-thuật quả là môn loại có nhiều sách mới nhất, không thua gì thi ca (không kể giáo khoa, hàn thế). Nhưng trong số đông đó, đáng tiếc thay, lại không có được mấy cuốn có giá trị. Mục đích giải trí vẫn nặng hơn là giáo dục. Đó là một thực tại mà những ai lưu tâm đến ngành xuất-bản ở nước ta đều nên chấp nhận, để đặt vấn-đề từ đó, trên đó.

***

Nếu cứ kể theo số thống-kê thì số tiểu thuyết xuất-bản trong năm vừa qua đâu có phải là ít. Nhưng nếu những con số đó có thể làm vừa lòng những ai ưa thích những gì to tát, rậm đám, thì trái lại chúng càng làm cho thức-giả thêm chán ngán về thị-trường tiểu-thuyết hiện nay. Chán ngán vì chính những con số rành ràng đó đã che dấu cả một tình trạng đình đọng thật sự, một tình trạng đáng ngại ngay cả với những ai quen tính lạc quan.

Mà tình-trạng đầy mâu-thuẫn này không phải mới có trong năm vừa qua. Nó có từ nhiều năm trước. Duy có điều là trong hai năm gần đây, nó được bột phát đến độ mãnh-liệt mà thôi: Sách bán vỉa hè.

Trên cái thị-trường lộ-thiên này, có lẽ không ai chối cãi là hiện đang tràn ngập tiểu-thuyết đủ loại. Thôi thì ái-tình, tâm-lý, xã-hội, đồng quê, xây-dựng gia-đình, trinh-thám, phiêu-lưu, mạo-hiểm, kỳ-tình... đủ cả. Hầu hết những tiểu-thuyết này đều thuộc loại truyện dài đã từng được đăng trên trang trong các báo. Nay đem in thành sách nên tác giả cũng không chăm lo bao nhiêu tới việc tác quyền cũng như lơ là việc duyệt lại kỹ-thuật, bỏ bê việc ấn loát... In rẻ (tốt cần cái bìa, trình-bày cho hấp dẫn) tác quyền mua rẻ, mấy ông lái sách in xong đem bán liền tay cho mấy chú lái buôn người Tàu. Mấy chú ba Tàu này buôn sách không cần cửa hiệu, tủ kệ chi lôi thôi. Vỉa hè chính là nơi trưng bầy tiện lợi nhất. Giá bán thường khi dưới phân nửa giá ghi ngoài bìa, lại còn kèm theo nhiều lời mời chào mại dô rất là chiều khách nữa.

Nằm phơi mình bên cạnh loại sách mà thân phận đã được xếp đặt từ trước khi in đó, còn có không ít những tiểu-thuyết của các cây bút đứng-đắn, nay đã qua đời nên tác-phẩm được con cháu đem ra bán thí, được món nào hay món đó, của hương hỏa sá gì! Cũng có tác-phẩm của người còn sống song dường như độ sống «người khôn của khó» hiện nay không cho phép tác-giả đó chăm-lo đến chỗ nằm ngồi cho những đứa con đã từng xây-dựng nên cái quá-khứ vàng-son của một thời đã mất.

Rời vỉa hè, vào trong tiệm sách, có mặt nhiều nhất vẫn là loại sách của Tự-lực văn đoàn. Hai nhà xuất-bản của văn-đoàn này (Phượng-Giang và Đời Nay) vẫn tiếp tục in lại khá nhiều truyện cũ và lai rai tung ra một vài cuốn mới (như *Số đào hoa* của Khái-Hưng, *Những đêm mưa* của Linh-Bảo, *Mấy hoàng hôn* của Nhật-Tiến...) Một phần tác-phẩm của nhóm Tự-lực, những tác-phẩm của Thế-Lữ, lại đã được

con cháu tác-giả này nhượng lại bản quyền cho một cơ-sở khác. Thơ và truyện của Thế-Lữ ngày nay, tuy ngoài bìa sách vẫn ghi là nhà Đời Nay xuất-bản song dường như tác-quyền lại thuộc nhà sách Khai-Trí nắm giữ... Cả năm 1962, không có tác-phẩm mới nào của Nhất-Linh. Ba cuốn mới in kể trên không có gì mới lạ về tư-tưởng cũng như về kỹ-thuật. Những cây bút mới gia nhập nhóm này, cho đến bây giờ vẫn chỉ là vang bóng của những tên tuổi cũ.

Sau khi nhà xuất-bản Nguyễn-Đình-Vượng ngưng hoạt động vào hồi cuối năm 1961, có một vài nhà xuất-bản nhỏ được thành-lập với mục-đích chuyên xuất-bản tiểu-thuyết. Qua một năm hoạt động mỗi nhà chỉ ấn-hành được một hai cuốn cầm chừng (*Bách Khoa*, *Bút Nghiên*, *Sáng-Tạo Thời Mới*, *Ngày-Xanh*..) kỳ dư, hầu hết các tiểu-thuyết được ấn hành lẻ tẻ trong năm đều do các tác-giả tự tay xuất bản lấy.

Dẫn đầu trong năm 1962 là tiểu-thuyết gia Võ-Phiến, với ba cuốn : *Giã Từ*, *Thương Hoài Ngàn Năm* và *Thư Nhà*. Ảnh hưởng của nhà văn này hiển nhiên là càng ngày thêm lớn mạnh trong quần chúng độc-giả.

Cơ-sở xuất-bản *Tự Do* in hai quyển của hai tác giả, một già một trẻ, đều được nhắc nhở tới nhiều : *Chị Em Hải* của Nguyễn-Đình-Toàn và *Mùa Áo Ánh* của Đỗ-Thúc-Vịnh. So với mấy năm trước, năm nay nhà Tự-do đã tỏ ra biết chọn sách khéo tay hơn nhiều

Nam-Chi Tùng-Thư tái-bản *Chuyện vô lý* và xuất bản *Chơi chữ* (của Lãng-Nhân) bán khá chạy. *Cái Bong Bóng Lợn* (của Phan-Văn-Tạo) bán được, nhưng *Những viên sỏi* (của Tạ-Tỵ) thì lại rất ế. Xem vậy mới biết là sách có in đẹp cũng cần phải văn hay ý lạ thì mới bán được. Và điều dị nghị có nhiều người chỉ mua sách đẹp về trưng cho bảnh thiết nghĩ cũng không hẳn là đúng vậy

Ba Sinh Hương-lửa. (Doãn-Quốc Sỹ) tác-phẩm đầu của nhà xuất-bản Sáng-tạo, xem chừng cũng phải gian nan trong việc thử hách với thời-gian.

Về phía các tập truyện ngắn, ngoài *Hương Rừng Cà Mau* (của Sơn Nam) bán được, còn hầu hết đều chịu chung cảnh ế-ẩm. Nhìn chung mấy tập kể sau đều sàn sàn như nhau, không có giá trị của chương nào nổi bật : *Màu mưa đêm* (của Thu-Vân) *Ngày vui* (của Đặng-Trần-Huân) *Thuở ban-đầu* (của Minh-Đức) *Nỗi lửa* (của Thanh-Hương-Hoàng) *Giá-Thú* (Lan-Giao) v.v.

Các nhà văn tôn-giáo cũng đóng góp được mấy cuốn truyện có chủ đề xây dựng luân-lý, như *Xóm giáo* của Hà-châu, *Hai Tâm-hồn* của Nguyễn-Duy-Tôn... (Thiên-Chúa-Giáo) — *Nét đẹp Đông-Phương* của Thích-Nữ Thể-Quan, *Thoát vòng tục lụy* của Tinh-Vân (Phật-giáo).

Nhìn chung về môn loại tiểu-thuyết, ta thấy số tiểu thuyết đứng đắn đã ít mà trong số ít đó, số tác phẩm thật có giá-trị quả là hiếm hoi.

Từ mấy năm nay, cứ cách hai năm lại có ba bốn nhà văn được trao tặng giải thưởng văn-chương toàn-quốc về bộ môn tiểu-thuyết. Với đà này, chúng ta thấy nhà văn dù biết là mình viết dở cũng nên chịu khó xuất-bản lấy tác-phẩm, rồi sớm muộn gì cũng sẽ tới lượt được tặng giải. Lúc đó sẽ vừa được nổi tiếng lại vừa thu

lại được tiền in sách chịu lỗ. Nhưng nếu các nhà văn không chịu soay tiền (hốt hụi, bán xe, vay nợ v.v)... để in lấy tác-phẩm nữa thì sao? Phải chăng lúc đó giải thưởng văn-chương toàn-quốc rồi sẽ trao tặng cho các tác-phẩm thuộc loại « đấu tranh không tưởng » hay « mẹ già vườn dâu » như trước đây đã có, hoặc giả sẽ trao tặng cho loại truyện giải-trí thấp kém đang tràn ngập trên các vỉa hè của thủ-đô văn-hóa Saigon?

Chúng tôi không phải là người đầu tiên đề-cập tới sự bế tắc này. Tôi chỉ muốn lập lại: Sự bế-tắc có đó, còn đó.

Không có nhà xuất-bản, ít có nhà văn nào để tâm chăm lo sáng tác. Bởi vì sáng tác rồi để làm gì?

Không có sách mới, sách hay xuất-bản, còn đặt giải thưởng để làm gì? Trong thực trạng não lòng hiện tại, có nên bỏ bớt, hay dành bớt một phần tiền treo giải thưởng để dùng vào việc xuất-bản hay không? Chắc có bạn đọc muốn chận tôi lại để bảo: thế từ trước không có cơ-quan Văn-Hóa Vụ xuất-bản giúm sách cho nhà văn nghèo (ngoại trừ một vài trường hợp đặc biệt, nhà văn nào mà chẳng nghèo!) đó sao? Xin đáp: Thưa có. Nhưng theo nhận xét chủ-quan của riêng chúng tôi, số sách do Vụ này xuất-bản ít quá, năm vừa qua hầu như không có cuốn nào. Lại nữa, Vụ có lo in sách thật, nhưng lại không chăm lo nhiều lắm tới việc phát-hành. Thành ra, có được chiếu cố in sách giúm, cũng chưa hẳn đã là có... phước. Tập truyện ngắn của Phan-Du ngày nào nằm phơi mưa dãi nắng trên các vỉa hè Sài-Gòn, ít nhiều chẳng đã đóng góp vào việc mở mang thị-trường sách « bán sỗn » đó sao?

Một nhà xuất-bản đứng đắn nào cũng phải có một tiêu chuẩn chọn lựa tác-phẩm xác đáng, một hệ-thống phát-hành sâu rộng chặt chẽ, và thêm vào đó là một tấm lòng yêu sách, yêu văn. Thiếu những yếu-kiện đó, thà đừng làm nghề xuất-bản còn hơn. Đánh trống bỏ dùi, chỉ tổ cho người đời thêm đàm tiếu!

Nhưng không phải tất cả mọi người đều chấp nhận ảnh hưởng bế tắc này. Nhiều cây bút yêu nghề đã bắt đầu, bằng những phương-tiện khiêm tốn, xây dựng những cơ sở xuất-bản nho nhỏ để ấn-hành sách cho chính mình và cho bạn hữu. Ta có thể ghi nhận sự hoạt-động của nhóm *Phù-Sa*. Nhóm này quy tụ một số anh em người Nam. Họ viết truyện binh-dân bằng báo và in sách để lấy tác-quyền đó đem in những tác-phẩm đứng đắn. Trong năm 1962, tác-phẩm đáng kể nhất của nhóm này là tập truyện *Hương Rừng Cà-Mau* của Sơn-Nam. Anh em ngoài Bắc có nhóm *Sáng Tạo*. Tác-phẩm đầu của nhà xuất-bản Sáng-Tạo là *Bụi Sinh Hương Lửa* của Doãn-Quốc-Sỹ. Sách của nhóm này in bằng tiền lương để dành, tiền nhuận-bút các bài đăng báo v. v.. Anh em miền Trung có nhóm *Thời Mới*. Tác-phẩm đầu của Thời Mới là *Thư Nhà* của Võ-Phiến. cũng nên nhắc đến Nguiễn-Ngu-Í, « đơn thương độc mã » trong nhóm *Ngày Xanh* mà tác-phẩm đầu tiên ra mắt bạn đọc là *Khi người chết có một*, viết xong từ... 1954 và nằm chờ đã tám năm nay. Sách của hai nhóm này in bằng tiền nhuận-bút của người chủ-trương (viết cho các báo), và tiền chung lưng góp sức của anh em trong nhóm. Sau chót, có một nhóm khác đang thành hình: Nhóm *Giao Điểm*. Nhóm này được một vài vị Mạnh-

Thường-Quân văn-nghệ tiếp tay và nghe đâu sẽ chỉ chuyên in các truyện phiên-dịch ngoại văn.

Nếu các nhà xuất-bản tiểu thuyết đã chết không được phục-sinh, nếu các nhà còn sống không tăng gia hoạt-động, nếu chính quyền không để tâm chăm lo tới việc xuất-bản tiểu-thuyết, thì phải chăng tất cả tương-lai của môn-loại này đều đặt cả trong tay những nhóm vừa kể trên đây ?

Với lòng băng say của những tâm hồn còn trẻ, với đôi chút niềm tin còn bấu víu được ngoài cuộc đời, những nhóm đó đang đi tìm lối thoát của văn-hào Emerson (Tout mur est une porte). Họ là những người lữ-hành đơn độc, mà đường đi thì mênh mang như sa-mạc cát còn nắng lửa. Không lẽ tất cả chúng ta, độc-giả, người thụ-hưởng. Không lẽ tất cả những ai hằng lưu-tâm tới sinh - hoạt văn-học, thức-giả, người có trách nhiệm... đành an lòng nhìn họ khởi-hành với một cây gậy mục nắm chặt trong tay ?

⁂

Nếu quang cảnh của tiểu-thuyết điu hiu như thế thì trái lại môn thi-ca lại rất phồn - thịnh. Có thể nói là không một tháng nào lại không có ít nhất là vài ba tập thơ mới được khai sanh. Nhất là trong mấy tháng cuối năm hàng tháng có tới cả chục tập thơ lớn nhỏ ra đời.

Giải thích cho sự ồ-ạt này, có người cho là tại vì năm nay giải thưởng thi-ca (văn chương toàn quốc) được trao tặng cho một vài thi - tập không lấy gì làm xuất sắc cho lắm, và việc ấy đã khiến cho một số người chủ tâm nhằm vào giải thưởng năm tới mà... xuất tiền in thơ. Có người khác lại bảo rằng sự ồ-ạt vừa kể phát sinh bởi sự « tháo khoán » của Hội-đồng kiểm-duyệt. Một số thi phẩm bị chận lại hồi mới áp-dụng chính-sách « văn-nghệ chiến-đấu » nay được phép in (như tập *Hoa-Thề* chẳng hạ). Ngoài ra, còn nhiều lời giải thích khác. (Chẳng hạn như in thơ thì đỡ tốn tiền hơn in truyện .) mỗi người nói một lối, thành ra rút cục không ai giải thích được gì cả.

Khác với nhiều nhà văn nổi tiếng ngoại-quốc hay quan-niệm là nghệ-thuật làm thơ rất khó, khó hơn viết truyện dài hoặc truyện ngắn nhiều, khó hơn cả viết kịch nữa .... các nhà văn bên nước ta lại cho là làm thơ dễ lắm. Khởi đầu nghiệp văn, ai chẳng làm thơ rồi mới viết truyện ngắn, truyện dài và sau chót mới soạn kịch? Ở điểm này Đông và Tây không những không gặp nhau mà còn ngược chiều nhau nữa chứ !

Về lượng thì như thế đấy, song về phẩm trong số đông thi-phẩm đang ồn ào góp mặt trên thi-đàn thật khó mà tìm thấy được một tập thơ hay độc đáo. Tới 7/10 các thi-phẩm đó có thể đem xếp chung vào một loại trữ tình, mà đề-tài thì đã có quá nhiều người khai thác xào nấu còn ngôn ngữ thì đã có quá nhiều người chia nhau dùng chung một số tiếng nghèo nàn, khuôn sáo ; 2/10 lao đầu vào những hình ảnh tối mò, những ngôn ngữ bí-hiểm kỳ khu, những thế-giới mông lung, lập-dị ; chỉ còn 1/10 những thi-phẩm đó ghi dấu tiếng-nói của thơ, những rung cảm tế-nhị của tâm hồn-thơ . . .

Trong tỷ số 1/10 vừa kể, có những thi-phẩm tự mình xác-định sự có mặt

của mình trên thi-đàn. Ta có thể kể *Thân Phận* của Hoài-Khanh, tiếng nói nhỏ nhẹ của một tâm hồn cô-độc, làm vừa lòng khá nhiều độc giả trung-bình. Đến *Mưa Nguồn* của Bùi Giáng cũng có thể coi được là một thành-công, dầu trước đó một số người đọc đã bình giá việc dẫn giải triết-lý hàng thơ của họ Bùi (*Tư Tưởng Hiện-Đại*) như một thất bại.

Trong lớp thi-nhân nổi tiếng từ thời tiền-chiến, có Vũ-Hoàng-Chương đóng góp thêm thi-phẩm *Trời Một Phương*, có Nguyễn-Vỹ với *Hoàng-Vũ*. Nhà thơ Đông-Hồ tuy còn nhiều thơ sáng-tác chưa in song năm nay lại dành tiền cho việc khai quật một tập thơ cổ : *Truyện Song Tinh* của Nguyễn-Hữu-Hào. Những độc-giả hâm mộ cũng như không hâm mộ đều dành cho tác-phẩm của ba nhà thơ kể trên rất nhiều cảm tình. Lòng hăng say cống hiến cho đời những tác-phẩm mới của những vị đàn anh ấy quả là tấm lòng can đảm, đáng ngưỡng mộ.

Có một giáo-sư người ngoại-quốc nói đùa với tôi là nếu muốn thấu hiểu về cơ cấu xã-hội Việt-Nam, ta chỉ cần vào trong một hiệu sách, lật coi mấy tập thơ là rõ cả. Mặc dầu ông bạn nói đùa song nhận xét của ông ta không hẳn là vô-lý : Nếu có tập thơ in bằng máy móc tối tân (thơ Đinh-Hùng, nhà in Kim-Lai) thì có tập lại in bằng máy rô-nê-ô quay tay tòng-tọc ở trong nước (thơ tự-do, nhà Đại-Nam Văn-Hiến), hoặc ở ngoài nước (*Thơ-tình Trương-Chi* của cô Minh-Đức *Tình em nho nhỏ* của Hoài-Việt). Những tập thơ in đẹp nhất trong năm có *Chuyện của nàng* (Diên-Nghị) và *Hoa-Thề* (Lê-Minh-Ngọc).

Những tập thơ bán chạy nhất trong năm có *Chuyện chúng mình* (Nhã-Tuấn), *Hoa Trắng Thôi Cài Trên Áo Tím* (Kiên-Giang), và *Tâm-Sự Ngàn Thu* (Bút-Trà).

Trên đây tôi đã nhắc tới những nhà thơ nổi tiếng từ thế-hệ trước, và hai nhà thơ mới nổi của thế-hệ hôm nay. Giữa hai thế-hệ thi-ca già, trẻ đó, chúng ta cũng nên ghi nhận một thế-hệ gạch-nối. Trong năm nay có hai tập thơ của hai tác-giả thuộc thế-hệ gạch nối này là *Độc Hành Ca* của Lý-Quốc Sinh và *Hoa Thề* của Lê-Minh-Ngọc. Cả hai người đều làm thơ đã lâu (tiền-chiến) nhưng mãi nay mới có tác-phẩm đầu. Thi-tứ của họ không có gì đặc sắc, nhưng họ viết đều tay, vần điệu chững chạc, rung cảm mực thước. Tác-phẩm của họ đứng cách xa những tác-phẩm bình-dân hạ cấp, nhưng cũng không đáp ứng đúng sở thích của thế-hệ trước, họ là những vang bóng trung thành và mờ nhạt.

Nhắc đến những tập thơ bán chạy, tôi cũng cần mở dấu ngoặc để viết thêm về lý-do của sự-kiện khác thường đó. Nói *khác thường* vì lẽ thơ là thứ khó bán nhất trong tất cả các loại sách. Ngay những người có tên tuổi lớn, có sẵn số đông người hâm mộ, mà cũng phải chật vật mất vài ba năm mới bán hết một, hai ngàn tập thơ, còn những tác-giả trẻ thì đem tiền in thơ cũng như cầm bằng thua bạc, chẳng mấy khi thâu được một nửa tiền vốn bỏ ra. Ba tập thơ bán chạy kể trên đây đều có những lý-do rõ-rệt : Tập thơ *Tâm Sự Ngàn Thu* của ông Bút-Trà sở dĩ bán chạy là nhờ tác-giả của nó có sẵn hai ba cơ-quan ngôn-luận trong tay, nên có nhiều phương-tiện để quảng-cáo. Nếu phải trả tiền những quảng-cáo *thương-*

mại đó thì lại không có việc « bán chạy » nữa rồi. *Hoa Trắng Thời Cài Trên Áo Tím* được tái-bản, mấy tháng sau ấn-bản kỳ đầu, là vì sơ-bản in ít. Nghe đâu có một ngàn cuốn mà tác-giả lại đi biếu, đi tặng mất đến... một nửa. Lại nữa, ông Kiên-Giang có sẵn một số người hâm mộ trong kịch-giới (kể cả khán-giả) cải lương — bộ môn văn-nghệ bình-dân nhất hiện nay. Còn *Truyện Chúng Mình* bán chạy là nhờ tác-giả bán được cho các cơ-quan công-quyền một phần lớn, thứ nữa ông Nhất-Tuấn lại có tài quảng-cáo khéo-léo, biết cách đem tác-phẩm gắn liền vào thời-sự và đánh trúng vào tâm-lý các bạn trẻ đang tuổi mơ mộng... Nói tóm lại, cái sự kiện bán chạy của cả ba tập thơ vừa kể đều không chứng tỏ đó là những thi-phẩm tuyệt-tác...

Trong số những nhà thơ trẻ, có tác-phẩm đóng góp trong năm nay, cũng có một vài người gây được trong lòng người đọc một niềm hy-vọng. Ta có thể kể : Hoàng-ngọc-Liên, Hoài-Thương, Kim-Tuấn, Diễm-Châu và Ninh-Chữ. Mặc dầu chưa có bản sắc độc-đáo, song những người vừa kể còn đi được xa trong tương lai — nếu như họ có đủ can-đảm để đi tiếp những chặng đường còn lại.

***

Trong phần trên, tôi có đề-cập tới những truyện giải-trí xuất bản từ thời tiền-chiến và được đem ra *tái-bản một cách khá bừa-bãi* trong năm qua. Bên cạnh những truyện tầm thường đó, trong năm nay có nhiều sách giá-trị của thời tiền-chiến được tái-bản *một cách xứng đáng*. Những sách loại sau vừa thỏa-mãn được khao-khát của giới chơi sách vừa đáp ứng đúng nhu-cầu của học giới nên sẽ bán rất khả-quan. Những tác-phẩm chính có : *Trước Đèn*, *Chuyện Vô Lý* của Lãng-Nhân Phùng-Tất-Đắc *Chuyện Giải Buồn* của Huỳnh-Tịnh-Của, *Chuyện Đời Xưa* của Trương Vĩnh Ký — *Mái Tây* của Nhượng-Tống (dịch) — *Thượng Chi Văn Tập* của Phạm-Quỳnh v.v..

Ước mong sao những sách có giá-trị như thế sẽ được tái bản nhiều hơn nữa, ngõ hầu cho giới độc-giả trẻ tuổi có phương-tiện để tìm về quá-khứ văn-học một cách đầy-đủ hơn, cặn kẽ hơn.

***

Trên các sàn gỗ của chúng ta hiện nay chỉ còn có bộ-môn cải-lương là hoạt-động đều đặn. Để cung ứng cho sự đòi hỏi của số đông khán giả các nhà soạn tuồng sáng tác rất nhiều kịch-bản, nhưng đáng tiếc là không có lấy một vở tuồng nào được in thành sách cả.

Về môn tuồng cổ (hát bộ) trong năm 1962 có hai vở tuồng được in thành sách :

Anh Hùng Việt-Nam của Hồ-Văn-Lang.

— *Trưng-Vương Bình Ngũ-Lãnh* của hai cụ Huỳnh-Thúc-Kháng và Phan-Thúc-Duyện.

Về thoại-kịch, chúng ta có ba kịch-bản : *Hương Lúa Tình Quê* của Anh-Tuyến — *Thành-Cát Tư-Hãn* của Vũ-Khắc-Khoan — *Con Vật Phi Lý* của Ngô-Xuân-Phụng.

Cuốn đầu, được trao tặng giải thưởng văn-chương của Liên-đoàn Công-chức Cách-mạng Quốc-gia, nhưng không được đưa lên sân khấu trình diễn lần nào. Mới đây soạn giả đã soạn thanh tuồng cải-lương và giao cho một gánh hát lớn trình

diễn. Đó là một việc làm thích-đáng vì ngay từ khi còn là thoại-kịch, *Hương Lúa Tình Quê* đã được xây dựng với rất nhiều mầu sắc cải-lương rồi.

Thành Cát Tư Hãn là một vở kịch được văn-học giới nhắc nhở tới rất nhiều vì chứa đựng triết lý của một tác phẩm văn học nhiều hơn là vì kịch tính của một kịch-bản. Tuy vậy, hiện nay Câu-lạc-bộ Sinh-viên Đắc Lộ đang tập rượt rán riết và một ngày gần đây vị Đại-hãn Mông-Cổ của Vũ-Khắc Khoan chắc chắn sẽ ra mắt khán-giả Thủ-đô văn-hóa . . .

Con Vịt Phi Lý cũng được nhiều người nhắc nhở tới. Vì làm văn-nghệ kịch nên Ngô-Xuân-Phụng cũng đã đẩu một đề-tài triết-lý dưới một « *parabole* ». Nhiều người tin là nếu kịch-bản này được trình-diễn trên sân-khấu sẽ dễ gặt hái được một thành công đáng kể, nhờ tính chất tổ-cộng tế-nhị và sâu sắc của chủ đề.

Trong lúc đèn màu ngưng thắp, ba hồi võ ngưng đập, tàn gỗ ngưng rung, thiết tưởng chúng ta cũng nên lấy làm hài lòng với mấy vở kịch vừa kể. Bởi vì ít nhất, qua hàng chữ, bằng tưởng tượng, chúng ta còn được lạc vào thế-giới vô cùng sống động tưởng chừng như thể tìm thấy phía sau những bức màn nhung...

Những ai giầu tưởng-tượng còn có thể tìm gặp cái thế-giới đó trong một tác-phẩm khác của Nhật-Tiến : *Người kéo màn*, một tiểu-thuyết kịch. Sở dĩ người đọc văn-phẩm này cần « giầu tưởng tượng » vì lẽ không những Nhật-Tiến trình bầy với độc-giả cái thế-giới kịch (sau màn nhung) mà ông còn dẫn người đọc vào mé sau những cánh gà, mé ngoài cổng hí-viện...

Tuy trọn năm chỉ có dăm ba kịch bản, song bộ môn có ít tác-phẩm nhất lại không phải là kịch mà là *phê-bình văn-học*.

Năm 1961 chúng ta có một tập phê-bình văn-học khá độc-sáng là cuốn *Chinh-Phụ-Ngâm hay Tâm-thức-lãng-mạn của kẻ bị lưu đày*. Với tác-phẩm này ông Lê-Tuyên đã mở đường cho một lối phê-bình mới từ trước vốn vắng bóng trên văn đàn nước ta : *phê-bình triết-lý*.

Sang năm 1962, chúng ta có hai tập phê-bình văn-học : *Nghệ-Thuật Xây-Dựng Tiểu Thuyết* của Nguyễn-văn-Trung và *Kỷ Niệm Văn-Thi-Sĩ Hiện-Đại* của Bàng-Bá-Lân. Cuốn trên là một quyển sách đã được nhiều người nói tới và sẽ còn nhiều người nói tới trong tương lai vì tính chất tạp-đa của chủ-đề. Còn cuốn dưới thì đã được phê-bình trong một bài điểm sách của Cô Phương-Thảo trên Bách-Khoa số 144 rồi.

Về một vài cuốn khác, chúng tôi không đồng ý với sự phân-loại có tính cách quá tổng-quát. Chẳng hạn như cuốn *Những khuynh-hướng trong thi-ca Việt Nam* của Minh-Huy thật ra chỉ là một tuyển tập thơ có phần giới-thiệu mà thôi. Bởi vì dễ tính tới đâu ta cũng khó đồng-ý với lối phê bình đại loại « *Thơ Nguyễn-Sa bài nào cũng hay* » (trang 256) . . .

Viết về sinh-hoạt thư tịch của nước ta hiện nay mà không nhắc tới cả sách giáo-khoa quả là một thiếu sót không-thể-tha-thứ. Bởi vì nếu các nhà xuất-bản còn sống được, các nhà sách còn mở cửa được, ấy chính là nhờ có loại sách này.

Căn cứ vào **lượng, tổng** số sách **giáo-khoa năm nay** có **thua sút hơn các năm trước**. Phần lớn các **sách mới in** đều là tái-bản các sách đã bán chạy từ trước.

Cuộc cạnh tranh giữa **các sách** giáo-khoa càng ngày càng trở **nên** mãnh liệt **hơn**. Có điều đáng tiếc là các cuộc cạnh tranh ở nước ta lại ít dẫn đến tiến-bộ, như mọi người thường nói. Hậu quả của những vụ tranh thương công khai hay ngấm ngầm này sớm muộn cũng chỉ dẫn đến sự thoái-hóa, và rốt cuộc ngành xuất-bản làm ăn đã khó khăn lại càng trở nên khó khăn hơn...

∴

« *Năm nay tình hình chưa thấy mời khá mà còn tệ hơn năm ngoái* ». Câu của nhà văn kiêm giám-đốc nhà xuất-bản Nguyễn-Hiến-Lê viết từ ba năm trước, đến nay còn đúng, đúng quá.

Chắc bạn đọc muốn biết là tình hình ấy tệ như thế nào, vì sao tệ, và tệ là làm sao ?

Ở đây chúng tôi không muốn đi sâu vào những chi tiết chuyên môn, chúng tôi không muốn tính toán. Sự tiến bộ hay thoái-hóa, mở mang hay bế tắc của ngành xuất-bản, chúng tôi xin nhường cho các chuyên-viên kinh-tế-học, xã-hội học cùng các ông lái sách . . . để tâm nghiên-cứu. Với số trang có hạn của một bài báo nhỏ, chúng tôi chỉ xin trình bày một vài nhận xét chủ-quan mà thôi.

Ngành xuất-bản của chúng ta hiện nay tệ thật. Hiển nhiên trước mắt, không ai chối cãi được, là chúng ta *thiếu những tác phẩm lớn*. Đừng ai vội trách là nhà văn của chúng ta không chịu sáng tác. Như đoạn trên chúng tôi đã nêu ra câu hỏi : nhà văn viết sách rồi để làm gì ? Nếu có vị nào chưa tin, cho chúng tôi là có ý bênh vực cho cái lười của các bạn nhà văn, chúng tôi xin phép được nêu ra một vài thí-dụ : Nhà văn Nguyễn-Hiến-Lê đã phiên dịch xong một tác-phẩm lớn của Somerset Maugham (*Of Human Bondage*). Sẵn có cơ-sở xuất-bản trong tay, lại đã mua sẵn bản quyền dịch-thuật, mà sao đã mấy năm nay ông chưa cho ấn hành bản Việt-dịch ? Sự đắn đo của Nguyễn tiên-sinh thiết-tưởng đã phần nào gián-tiếp minh chứng cho lập-luận của chúng tôi : *Chúng ta thiếu tác-phẩm lớn, không phải vì các nhà văn lười biếng mà lỗi do tại tình-trạng bế tắc của ngành xuất bản hiện nay.*

Không những nhà văn chúng ta không lười biếng mà họ còn dám hi-sinh nhiều lắm nữa. Tự xuất-bản lấy tác-phẩm của mình là một hi-sinh. Đối với các tác-giả trẻ, các bạn có thể không tin mà chỉ bĩu môi dè bỉu. Nhưng đối với những tác-giả danh vọng có thừa (như Đông-Hồ, như Vũ-Hoàng-Chương ..) tại sao họ vẫn chịu bỏ tiền ra in những tác-phẩm của mình ? Vì ham danh chăng ? Vì họ không biết trước tình-trạng bế-tắc này chăng ?

Chúng tôi dùng chữ *hi sinh* ở đây thật tình là không có gì quá đáng. Bởi vì những ai có qua cảnh chầu chực ở nhà in để sửa ấn-cảo, trông nom cho thợ lên khuôn, rồi lếch-thếch chở sách đi nhờ cậy phát-hành, vất-vả đi đi về về thâu lượm từng ít trăm đồng bạc tiền bán sách để trả nợ.. Những ai có qua cảnh đó trong lúc còn phải bận-rộn trăm công ngàn việc khác

để kiếm sống mới hiểu được đúng nghĩa hai chữ « hi-sinh ».

Tình-trạng tệ của ngành xuất-bản hiện nay *có hai điều đáng than phiền hơn cả là ấn-loát và phát-hành.*

Về ấn loát, vì ham lời nhiều nên các nhà in thường mướn công-nhân làm khoán. Thợ sắp chữ, khoán ; thợ chạy máy, khoán; thợ gấp, xén, đóng, khoán. Tiền công hạ, người thợ khoán phải làm nhiều mới đủ sống. Muốn làm nhiều phải làm nhanh do đó làm ẩu — bất đắc-dĩ mà phải làm ẩu. Cái lối tác-giả tự tay sửa lấy ấn-cảo lâu dần đã trở thành tục lệ. Bạn viết đến đâu, nếu bạn in sách, cũng ráng dành thì giờ mà sửa lấy ấn cảo. Thợ xếp chữ làm khoán, ráng xếp cho nhanh. Thấy có lầm khoán, ráng sửa cho gấp Đừng ra cây cũng như đừng chê trách gì họ. Bạn hãy tự tay làm lấy, nếu không sẽ phải đính-chính tới lui mà vẫn còn lỗi như thường.

Trước khi sách in khuôn đầu bạn hãy lo ngay việc phát-hành. Tôi nói *trước khi* bởi vì phát-hành mới là việc làm bạn mất thì giờ nhất, và để làm bạn điên đầu nhất.

Như nhà văn Nguyễn-Hiến-Lê đã có lần nhận xét (2), hiện nay chúng ta có nhiều nhà phát-hành thật đấy nhưng đúng ra lại không có một cơ-sở phát-hành nào được tổ-chức có hệ-thống, quy củ cả Đầu năm 1961 cũng như ông Nguyễn-Hiến-Lê, rất nhiều người khác nóng lòng mong chờ một tổ-chức phát hành « làm ăn cho đàng hoàng » ra đời. Đầu năm 1963, chưa có một nhà phát-hành nào khả-dĩ gọi là đàng hoàng. Việc phát-hành ăn lẻ tẻ, mạnh ai nấy làm cạnh tranh nhau rào riết.

(2) Tạp-chí « Bách-Khoa », số 97 (15-1-1961), trang 32.

Ngoài các nhà xuất-bản kiêm phát hành của *tư nhân* tiếp-tục hoạt-động một cách vô tổ-chức như trước đây mấy năm, nhà phát-hành *Thống-nhất* (cơ-quan của Hội Cựu Chiến-sĩ Việt-Nam) đã ngưng hoạt-động, không phát-hành sách nữa, chỉ còn có *Ủy ban Phân-phối sách* (thuộc nghiệp đoàn các nhà sách Việt-Nam) là một tổ-chức phát-hành có danh nghĩa *công* tiếp-tục hoạt động mà thôi.

Đối với các nhà phát-hành tư-nhân, việc họ có nhận phát-hành sách cho nhà xuất-bản hay không là một việc hoàn-toàn tùy thuộc những « sở thích » của các vị chủ nhân. Một nhà văn in lấy sách có khi phải nơi khó mới nhờ được họ phát hành. Một nhà xuất-bản nếu in nhằm loại sách khó bán cũng phải qua cảnh gian nan như vậy. Thường sách giao cho nhà phát hành, trừ 45% Trung-gian phát-hành ăn lời từ 10, 15%. Số lời này ít ỏi lắm, không đáng để tốn công chăm lo Nếu bạn có giao sách cho một nhà phát hành nào đó rồi ít bữa sau dạo qua hàng sách mà thấy sách của bạn không được bầy bán thì xin hiểu ngầm cho rằng nghề phát-hành ở nước mình hiện nay có rất nhiều « khó khăn kỹ thuật » Một vài tháng sau, nếu bạn có hỏi tiền bán sách mà được nhã nhặn khất lần thì cũng xin hiểu ngầm cho rằng việc chậm trễ đó cũng là một khó khăn khác hoàn toàn thuộc về kỹ-thuật Đương-nhiên là không phải tất cả mọi nhà phát-hành đều tệ như vậy cả Cũng có nhà rất yêu nghề, thông cảm với cảnh khó của người xuất-bản, vui vẻ nhận sách phát hành và ứng trước một số tiền để nhà xuất-bản tiêu đỡ hoặc là mua đứt cho một số sách. Nhưng số nhà phát-hành này rất hiếm, và nếu bạn đang dự tính xuất-bản ấy một

cuốn sá h nào đó thì điều chúng tôi thành thật muốn khuyên bạn là *hãy tự phát-hành lấy cũng như đã tự ấn-hành lấy*. (Chúng tôi không tiện trình-bày cách tự phát-hành nơi đây, song nếu bạn thật cần, xin hỏi nơi tòa-soạn Bách-Khoa, chúng tôi rất vui lòng được gặp để bàn với bạn về việc này).

Khi nghe tin nghiệp-đoàn các nhà sách Việt-Nam thành lập một tổ-chức phát-hành, những ai lưu tâm đến ngành xuất bản đều hết sức hoan nghênh. Sau hai năm hoạt động, Ủy-ban Phân-phối Sách không những đã không gây được một uy-tín đáng kể nào mà còn tỏ ra luộm thuộm, kho coi. Với một danh nghĩa lớn, Ủy-ban đó không khắc-phục được mảy may những khuyết-điểm thông thường Sách gửi bán không được phổ-biến sâu rộng, tiền nong thanh-toán chậm trễ nếu không muốn nói là bê bối. Đáng buồn hơn nữa là đã hai năm nay, Ủy ban không ấn-hành nổi một tập thư-mục cập-nhật-hóa. Và mỉa mai thay, khi tờ *Tin-Sách* đặc san duy-nhất chuyên giới-thiệu và phê-bình sinh-hoạt thư-tịch, được Ủy-ban nhận phân phối rồi hàng tháng sau vẫn còn .. nằm chết trong kho !

Tình hình chiến sự, trong ít tháng gần đây có gây cho việc phát-hành tại các tỉnh ít nhiều khó khăn và vô hình chung đã thu hẹp một số thị trường vốn từ trước đã nghèo nàn. Nhưng thị-trường chính vẫn là các đô-thị lớn. Mà tại những nơi đó, an-ninh vẫn hoàn toàn được bảo đảm. Vậy không thể quy cho sự ém an-ninh tại một vài địa-phương cái lý do của sự bế tắc càng ngày càng trầm trọng trong ngành xuất-bản.

Phải tìm ngược lại cội rễ của vấn-đề. Những biện-pháp đề-nghị của ông Nguyễn-Hiến-Lê (4) vẫn còn y nguyên giá-trị. Không nên chờ đợi ở sự « cùng làm thì phải thông » mà phải bắt tay vào việc. Và nếu không làm thì thôi, còn đã làm thì phải ráng làm cho đàng hoàng, đứng-đắn.

* * *

Nếu như các nhà xuất-bản và phát-hành cần đoàn-kết lại mới làm ăn được thì các nhà văn lại càng cần đoàn-kết hơn nữa mới xác-nhận được sự có mặt của mình.

Những tổ-chức của nhà văn (như Hội Bút-Việt, Hội Văn-Hóa Á-Châu, Hội Các nhà Văn Việt-Nam v. v..) thiết tưởng nên lấy vấn-đề in sách và bán sách làm trọng tâm hoạt-động của Hội mình.

Bởi vì nếu không có tác-phẩm thì nhà văn không còn là nhà văn nữa. Không một nhà văn nào được quyền hài lòng với một vài tác-phẩm đã in, cũng như không một nhà văn nào còn xứng với tên gọi khi chịu gác bút giữa lúc sinh lực còn dồi-dào và còn được sống tự-do.

Giữa độ sống xô-bồ, chật vật như hiện nay, người cầm bút có thể bị cuộc mưu-sinh chi-phối. Nhưng không một người nào có đầy-đủ ý-thức lại quên lãng việc dâng hiến cho cuộc đời những tác-phẩm khả-dĩ làm cho kiếp sống của mình có một ý-nghĩa vẻ-vang.

THƯ-TRUNG

✱ Nhận cái ý nghĩ của một chiến bại, là đã bại trận rồi.

Foch

THIỆN-Ý

Viễn-ảnh nền y-học ngày mai

Quãng đường hôm nay

Y-HỌC là một nghệ-thuật, nghệ-thuật vị nhân sinh. Hàng năm, những phát-minh sáng kiến, những dược-phẩm tân tạo, những nghị luận hội trao đổi kết-quả, ý-kiến... tất cả đều có cứu cánh khắc phục bệnh tật bảo-vệ giống nòi để cho y học tiến lên, mỗi ngày mỗi mới, chẳng mấy lúc ngoảnh lại thấy con đường cũ đã xa lắc xa lơ...

Từ công-trình một ông thầy thuốc ở miền quê hẻo lánh phải lặn lội lên tận thủ đô trình-bày một bản điện-tâm động-đồ (E. C. G. électrocardiogramme) đến ngày nay bấm một nút điện, làn sóng truyền đi đến một nơi cách xa ngàn dặm, ở đó vị giáo sư chuyên môn theo dõi căn bệnh trên màn ảnh truyền hình, rồi gọi điện-thoại cho ý-kiến trong một thời-gian mười phút đồng hồ (1).

Đấy, trong vòng nửa thế-kỷ nay, y-học với các bộ môn của nó đã tiến một bước khá dài như vậy.

Nhưng nhân-loại còn bệnh-tật không ?

CÁC bệnh nan-y như lao, cùi, xuyễn ngày nay không còn gì đáng ngại nữa. Các ngành khảo-cứu về ung-thư, phong thấp, tim phổi tiến không ngừng. Y-học phòng-ngừa (2) đi đến mực độ cùng tột của nó, các thuốc chủng và huyết-thanh nhan-nhản đủ loại. Khoa vi-trùng học mở-mang triệt-để, nhất là từ khi sử-dụng máy hiển-vi điện tử, các tế bào được phóng to

(1) Dụng-cụ này đã được cơ-quan C. E. R. M. A. (Pháp) đem trình-bày tại Hội-nghị Y-Khoa quốc-tế họp tại La-Mã.

(2) Médecine préventive, một bộ môn mới có ít lâu nay của Y-Khoa.

gặp tới 700.000 lần, người ta không lạ gì các hình thể đặc-biệt mà còn muốn đi sâu vào tới thành phần hóa-học của tế bào (Anatomie chimique de la cellule) (3).

Văn-minh cơ khí đem lại gì ?

TUY-nhiên nhân loại vẫn đau yếu vì bệnh tật do nền văn-minh cơ-khí đem lại. Thật thế, mỗi nền văn-minh đều đem theo những bệnh tật của nó. Thời trước con người có bệnh hoại huyết, bệnh phù thủng, bệnh thiếu sinh tố, còn bây giờ lại có bệnh ngày nay. Điều chắc chắn hơn là mỗi khi một hình thức văn-minh nào đổi thể, thì cũng thay đổi luôn một số chứng bệnh, để tạo ra một loại bệnh mới, phù hợp hơn và dễ dàng bành trướng trong một môi trường thuận tiện. Đó là bệnh trong tương-lai (maladies d'avenir). Con người khi còn thô sơ mộc-mạc sống từng bộ-lạc trong khu rừng, ven biển chỉ biết có bệnh địa-phương (endémie) thì từ khi biết di chuyển, đi đó đi đây, đã gây ra biết bao bệnh dịch tai hại, khủng khiếp.

Bệnh sung-mãn

NGÀY nay, ngập lụt trong nền văn-minh cơ-khí dồi-dào phương tiện, mực sống con người được cải-thiện, nâng cao, thì một thứ bệnh mới lại xuất hiện. Đó là bệnh sung-mãn (maladies par pléthore, par surcharge) : người ta đau ốm vì ăn uống quá bừa-bãi, thích-khẩu, thân-thể béo mập, nước tiểu có đường (diabète) chứa nhiều muối urate (goutte)... những chứng tật mà xưa kia chỉ riêng một thiểu số phong lưu mới mắc phải.

Bệnh thần-kinh

DƯ dật trong cuộc sống vật-chất, con người lại hỗn độn trong nếp sống tinh-thần, nhọc mệt vì quá dư cảm giác phức-tạp, thành ra đời sống không còn bình thản như trước mà trái lại, theo đà thời gian cứ tăng nhịp dần, làm rung chuyển cả toàn bộ cơ thể. Con người suy-nghĩ, băn-khoăn, thần-kinh luôn luôn căng-thẳng, những kích-thích tố, những cholestérol adrénaline vì thế mà tăng gia mau chóng ảnh hưởng không nhỏ tới bộ máy tuần-hoàn.

Bệnh mệt-mỏi

NGOÀI ra, nền văn-minh hiện đại cũng dẫn còn người dần dần vào những trạng thái bệnh hoạn lưng chừng mà ta chỉ cảm thấy lờ mờ là mệt mỏi chán chường. Chính trường hợp này rắc rối nhất, vì mệt mỏi không phải do lao động vất vả mà vì không còn được bình tĩnh khoan thai, luôn luôn bị cuộc sống tấp-nập, sô bồ thúc đẩy, dấy-vò.

---

(3) Khoa mới này sẽ mang tên là Cơ-thể hóa học của tế-bào : Anatomie chimique de la cellule. Tài-liệu của Bác-sĩ M. Bessis, giám đốc phòng nghiên cứu về truyền máu của Pháp.

Một ngành mới xuất-hiện

THÊM vào đó, một phân-khoa mới được phát-triển. Đó là ngành y học không-gian (Médecine de l'espace). Thật vậy, trong tương lai con người du lịch không gian như cơm bữa lúc đó khoa học phải theo đà tiến đó mà cung ứng các nhu cầu. Hiện nay những trường hợp y-khoa không gian cũng đã được bàn tới, tuy còn nhiều phạm-vi — vì một lý do nào đó — chưa được giải thích rõ ràng.

Có những vấn-đề nào ?

SỰ C nóng ghê gớm do sự cọ-xát tuy mãnh-liệt, nhưng đã có phương tiện đề phòng. Vòng đai bức-xạ Van Allen tuy nguy hiểm, con người cũng có hi vọng tránh khỏi. Tuy nhiên còn vấn đề mất trọng-lực, vấn đề tốc độ, vấn đề nhiệt độ trong không-gian ? Sức hút của trái đất giúp cho sự chuyển vận máu trong cơ thể được dễ dàng một khi mất đi sẽ gây trở ngại không nhỏ và ảnh hưởng nhiều sang các cơ năng khác nữa. Con người sẽ chống đỡ thế nào khi mà thức ăn không chịu chạy xuống ruột non, khi mà nhịp thở quá ư chậm chạp, khi mà bàng-quang nước tiểu mất hẳn cơ năng bài tiết (4) ?

Vấn-đề tốc độ quá lớn, 8 c. s. trong một giây — tuy con số tối thiểu phải là 11,180 c. s. — đã gây nên nhiều sáo trộn. Và vấn đề nhiệt độ trong không gian, sẽ nóng nhiều hay lạnh nhiều, khi mà không khí hiếm, loãng, thì vấn đề truyền nhiệt có còn được đặt ra nữa không (5) ?

Ta nhận-định gì ?

THEO thời-gian, các vấn đề sẽ dần dần được đặt ra để con người theo đó mà giải-quyết.

Dù sao, khi mà khoa học tiến bước không ngừng thì nhân loại cũng nhờ đó mà giảm bớt được nhiều đau khổ, lo lắng. Ta còn lạc quan tin vào ngày mai một nền khoa-học huy-hoàng hữu lý, một ngành y-học hoàn-thiện, nhân-bản sẽ là cứu cánh độc-nhất của con người trên trái đất này.

THIỆN-Ý

---

(4) (5) Tài liệu của Giáo-Sư STRUMZA, giảng-sư trường y khoa Paris và của dược-sĩ BIGET Giáo sư thạc-sĩ trường Quân-y ngành Không-quân-Pháp

---

* Khi ta nhắm mắt sẽ tồn tại không phải những gì ta đã góp thu mà chính là những gì ta đã hiến dâng cho kẻ khác.

Gérard Chantry

* Bạn chỉ nên mở miệng khi nào bạn chắc rằng những lời bạn sắp nói ra sẽ tốt đẹp hơn sự im lặng.

Tục ngữ Á-Rập

BIẾN CHUYỂN CỦA *sân khấu cải lương*

TRƯƠNG-ĐÌNH-CỬ

NỀN ca kịch sân khấu miền Nam bắt đầu thành hình vào năm 1917. Trước đó, các công chức thời Pháp thuộc cũng đã có đứng ra trình diễn kịch bản « Người hà tiện » (L'Avare) của Molière. Buổi trình diễn này được tổ chức tại Đình Mỹ-Phước — Long-xuyên (bây giờ gọi là An-Giang). Kết quả thu được rất tốt đẹp, nhất là về tài chánh. Các công chức tiếp tục, cùng với mục đích giúp « mẫu quốc » trong trận Đại chiến 1914-1918, trình diễn « Những kẻ khốn nạn » (Les Misérables) của V. Hugo.

Lúc bấy giờ, kỹ thuật sân khấu thiếu hẳn. Sân khấu không màn, không tranh cảnh, không bài trí. Vấn đề diễn xuất cũng không có vì là tay ngang đứng ra đảm nhiệm những vai tuồng kể ra rất khó ngay cả đối với những nghệ-sĩ có tài. Về hóa trang các diễn viên tự túc lấy. Còn về cách « dậm mặt » thì quả thật không có được tối thiểu kỹ-thuật chuyên môn.

Tiếp năm sau đó, gánh « Thầy Thận » ở Sadec ra đời. Gánh nầy chủ trương hát « *xiệc* » như đi dây, nhào đu, nhảy vòng lửa, *ca tài tử* do 3 nhạc sĩ cổ nhạc, khăn đóng, áo dài, sử dụng nhạc khí : kìm (nguyệt), tranh và tỳ bà, hòa tấu ngay tại sân khấu để cho một nam và một nữ ca sĩ trình bày sáu « Bắc », vài « oán », một « nam xuân » và cuối cùng là « *ca với động tác* » nghĩa là vừa ca, vừa làm cử chỉ nhịp nhàng với nội dung lời ca.

Sân khấu gánh « Thầy Thận » đã được trang bị màn, phông, cánh gà.. Tất cả đều bằng toàn vải bông.

Chúng ta có thể nhắc lại những nam nữ diễn viên xuất sắc của Đoàn này như :

Về phía nam : Bảy Thông, Tám Cang, Tư-Hương, Sáu Chương.

Về phía nữ : Hai-Cúc, Năm-Thoàng, Hai-Biêu, Ba-Biêu v.v...

Những nam nữ diễn viên có tên kể trên là những danh ca cổ-nhạc xứng-đáng của thời kỳ ấy.

Năm 1918, sân-khấu đã có chút ít biến-chuyển. Tại Mỹ-Tho, Đoàn « Đồng bào Nam » được thành-lập, chủ trương « Hát kim thời » — Ông Tư Đa, giám đốc Đoàn nầy, khai từ lối *ca với động tác* và thực-hiện trình-bày loại tuồng xã-hội như « Ơn đền oán trả » « Cô Ba lưu-lạc » Trong các vở tuồng này, Đoàn « Đồng Bào Nam » vẫn xử-dụng những bài bản cổ nhạc nhưng thiên về sự bình « Kiều » của Nguyễn-Du nhiều hơn.

Quần chúng thưởng-thức ham-mộ các nam nữ diễn-viên như kép Hai-Giỏi, Năm-Tỵ, Sáu-Chánh, Hai-Mới. Đào Năm-Phi, Hai-Thà, Sáu-Chúc v. v...

Kỹ-thuật hóa trang của đoàn được chú ý, sân khấu được kiện toàn : phông, cánh gà bồi bằng giấy bạch, có tranh ảnh màu sắc rực-rỡ.

Đoàn « Đồng Bào Nam » quả có tiến được một bước trên con đường Nghệ-Thuật Ca Kịch sân khấu vậy.

Chính vào năm 1920, danh từ « Cải lương » mới xuất hiện. Tại Sàigòn, ông Trương-Văn-Thông thành lập Đoàn « Tân Thinh » — Kỹ-thuật sân khấu của gánh Tân Thinh chuyên hướng rõ-rệt. Màn ngoài bằng nhung, màn trong cũng bằng nhung. Cánh gà hai bên sân khấu bằng vải dày có đóng khuôn. Phông, lớp toàn bằng vải, đều có đóng khuôn ngoài. Những cảnh rừng, biển nhà cửa... được thực-hiện với nhiều tiểu xảo mỹ-thuật.

Cũng vào năm này (1920) Thầy tuồng (soạn giả) mới xuất hiện. Tại Đoàn Tân Thinh Cải Lương Sàigòn, hai soạn giả Lâm-Hoài-Nghĩa và Nguyễn-Quốc-Biểu hợp soạn vở tuồng xã-hội đầu tiên « Bạch-Tuyết kiên trinh ».

Những nam nữ kịch sĩ có khả năng cũng bắt đầu xuất hiện = Hai Nhiều (kép chánh) Ba Nam. Chín Phót, Sáu Châu, Chín Ích — Về phía nữ, có đào Hai Thành, Ba Biểu, Sáu Vui v. v...

So với những Đoàn khác, Đoàn Tân Thinh đã trội hẳn về kỹ thuật sân khấu cũng như về diễn xuất.

Riêng về nữ diễn viên, kể ra đào gánh Tân Thinh cũng chưa vượt nổi tài diễn xuất của Đào Năm Phi ở gánh « Đồng Bào Nam » về âm nhạc, gánh Tân Thinh xử dụng toàn những bài bản Cổ nhạc miền Nam không chen vào một âm điệu Tây, Tàu nào cả ngoại trừ bản nhạc Tây Phương Madelon, lời Việt, được Đoàn áp dụng để khai mạc đêm hát. Gánh Tân-Thinh cũng chuyên về « Kiều » theo lối ngâm miền Nam, và từ ngày Đoàn Tân Thinh hoạt động, nhiều đoàn cải lương khác ở nhiều nơi

cũng được tổ chức và bước vào thị trường Cải lương.

*
* *

Ông Huỳnh-Kim-Vui, điều khiển gánh « Văn Hí Ban » khai mạc buổi trình diễn đầu tiên tại Chợ-Lớn — Vở tuồng xã hội « Kỳ duyên phố » do soạn giả Đào-Châu soạn được quần chúng ham thích.

Thành phần diễn viên của Đoàn Văn Hí Ban gồm có, về phía nam : Tư Dậu, Hai Tỷ, Tư Đề, Năm Cúc. Về phía nữ : Tô-Ngọc-Diêu, Mười Nhường v. v...

Về kỹ thuật « dậm mặt » (maguillage) Đoàn « Văn Hí Ban » đã tiến được một bước khá dài — Về diễn xuất, Đoàn nầy cũng ngang với Tân Thinh. Riêng về nữ diễn viên, kể ra cũng chưa có đào nào vượt nổi nghệ thuật diễn xuất của Đào Năm-Phí.

*
* *

Qua năm 1921, Ông Vương-Có thành lập Đoàn « Tập Ích Ban » tại Thốt-Nốt. Soạn giả của Đoàn là Ông Nguyễn-Trọng-Quyền tự Mộc-Quản. Đoàn chủ-trương trình diễn toàn loại tuồng xã-hội. Vì kỹ-thuật sân khấu cũng như kỹ thuật diễn xuất, kể ra Đoàn « Tập Ích Ban » cũng chưa vượt nổi hai Đoàn « Tân Thinh » và « Văn Hí Ban ».

*
* *

Trong khoảng thời gian hai năm kể từ 1922 đến 1924 nhiều biến chuyển lớn đã xảy ra, do ảnh hưởng của hai Đoàn ca kịch Quảng-Đông và Triều-Châu đến trình diễn tại Chợ-Lớn. Ba Đoàn Cải Lương tương đối có danh tiếng trong thời kỳ ấy (Tân-Thinh, Văn-Hí-Ban, Tập Ích Ban) bắt đầu chuyển qua diễn tuồng tàu.

Những tuồng tích : Phụng Nghi Đình, Tiết Đinh San cầu Phàn Lê Huê, Xử án Bàng Quí Phi, Trảm Trịnh Án, Tang Đại giả gái, Phụng Kiều Lý Bằng, Tây Sương Ký v.v.., được đem thực hiện trên ba sân khấu của ba đoàn hát nói trên. Nhận xét về ba sân khấu trình diễn tuồng tàu thời ấy, về phương-diện kỹ thuật chuyên môn, chúng ta không tìm thấy được những yếu-tố căn bản của một bộ môn nghệ-thuật ngoại quốc mới nhập cảng. Động tác của diễn viên thiếu hẳn sự nghiên cứu công phu, y phục hóa trang tùy thuộc ở sự sáng chế của người phụ trách, do đó, kỹ thuật diễn xuất trở nên lai căng « Tàu » và nghệ thuật toàn bộ bị ngoại lai một cách lệch lạc. Còn về phương diện trang trí sân khấu, chúng ta nhận thấy rằng đến vua thì có rồng quấn cột, cung điện thì có Phụng, dưới chân cột thì có vẽ Lân và Qui, rốt lại là Long, Lân, Qui, Phụng để tượng trưng cho Triều Đình Nhà vua.

Sự chuyển hướng thiếu căn bản và thiếu phương pháp của các Đoàn Cải Lương nói trên nằm trong những nguyên nhân thuộc về tài chánh nhiều hơn là về khả năng. Các gánh hát thời kỳ đó không đủ sức nghiên cứu tại chỗ và lâu dài một bộ môn nghệ-thuật ngoại quốc tương đối không phải dân dị và đã bằng lòng với sự

đạo diễn của một Thầy tuồng « tay ngang », đồng thời cũng không đủ sức mua sắm ngay tại Quảng-Đông những y-phục, mão hia nên đã bằng lòng tự tìm cách chế ra vài kiểu áo, miễn sao cho có nhiều màu sắc lòe loẹt trên sân khấu là được.

***

Bước qua năm 1925... các sân khấu tuồng Tàu bắt đầu thay đổi từ hóa trang, y phục cho đến kỹ-thuật diễn xuất, căn cứ theo kỹ-thuật hát Bộ và hát Quảng-Đông. Ông Nguyễn-Ngọc-Cương, giám-đốc gánh « Phước-Cương » là người đầu tiên đã dám làm những thử thách và cũng đã thu được những thành công đáng kể. Đào Năm Nhỏ (vợ của Ô. Nguyễn-Ngọc-Cương), một nữ diễn viên tài danh của bộ môn Nghệ-Thuật Hát Bộ, trở nên đào chánh trong các vở tuồng Tàu « cải lương » của Đoàn Phước-Cương.

Ngoài ra, Đoàn Phước-Cương còn thu thập được nhiều đào kép có tài như : Đào Năm-Phí, Bảy-Lựu, Tư-Huê, kép Bảy-Nhiêu, Tám-Danh, Sáu-Chương v. v...

Kỹ - thuật « dặm mặt » hóa trang được rắp theo đúng kỹ-thuật các gánh hát Quảng-Đông.

Những động tác nằm trong kỹ-thuật diễn xuất được Đoàn nghiên-cứu kỹ càng — Âm thanh hậu trường (kèn trống) vang lên ăn rập theo từng động tác của người diễn viên trên sân khấu. Dụng cụ như gươm, giáo, song tô, kiếm kích v.v. đều là dụng cụ thật, mua tại Quảng Đông.

Năm 1925 là năm mà sân khấu tuồng tàu đã biến chuyển từ hình thức đến nội dung, do chủ trương của Đoàn Phước Cương vậy. Có thể nói lúc bây giờ các diễn viên tuồng tàu đã có được phong độ « tật tàu ». Có khác chăng là những « Tòng nhân Tôn, Bao Công, Bàng Quí Phi, Địch Thiên Kim, Lý-Thần-Phi, Tào-Chánh-Hậu, Đổng-Trác, Lữ-Bố, Lý-Nhu, Điêu-Thuyền, Trương-Ôn, Đinh-Quảng đều nói và ca bằng tiếng Việt tất cả những bài bản cổ nhạc miền Nam. Và còn một điểm cần nhắc đến nữa là Ông Bầu-Cương là kẻ sành về kỹ thuật Hát Bộ, một bộ môn nghệ thuật gồm được nhiều yếu tố tương quan với kỹ thuật Quảng Đông, Triều Châu, và đã chủ trương có hiệu quả cho các diễn viên của Đoàn ông phát triển nghệ thuật tuồng Tàu căn cứ vào kỹ thuật Hát Bộ — Lúc bây giờ, người diễn viên Cải lương tuồng Tàu không những phải tập ca Cổ nhạc cho đúng nhịp, đúng phách mà còn phải học tập kỹ thuật động tác, đôi khi phải học cả đến nghề võ nữa, trường hợp phải thủ những vai cần đến sự tinh luyện thể dục.

Các nghệ sĩ diễn xuất lúc bây giờ, đua nhau ra sức học tập kỹ thuật động tác vì muốn trở nên một kịch sĩ tuồng Tàu, ngoài vấn đề ca hát, họ còn phải am tường tinh luyện kỹ thuật múa men và động tác trên sân khấu.

Dần dần các Đoàn Cải Lương khác chuyển hướng theo mục tiêu nghệ thuật của gánh Phước-Cương.

***

Khi Đoàn « Hồng Nhựt » xuất hiện gồm có 3 kịch sĩ then chốt là Mười Bửu, Sáu Lực và Năm Diệp, phong trào Cải Lương tuồng Tàu xem như đã phát triển đến tột độ. Đoàn « Hồng Nhựt » trình diễn tuồng « Tàu » pha điệu « Phước Châu », phổ biến những bài hát « Quảng » do Mười Bửu học được của kép hát Tàu và truyền giáo lại cho đồng nghiệp.

Đặc biệt và xuất sắc nhất của bộ ba : « Bửu, Lực, Diệp » là lớp chưng tượng : « Quan Công — Châu Xương — Quan Bình ».

Phong độ của các diễn viên nói trên đương nghiên cứu đúng theo phong độ của các diễn viên Quảng Đông nhưng kỹ thuật « dậm mặt » và động tác diễn xuất thì lại áp dụng theo kỹ thuật Phước Châu.

Năm 1920-1921 gánh Phước Châu (Tàu) có qua trình diễn tại Cholon — Quần chúng thưởng thức đã say mê về kỹ thuật múa và đánh nhau toàn bằng dụng cụ thật của đoàn nầy — Khán giả Việt-Nam ham mộ nhất kỹ thuật nhào bàn, quăng mình của diễn viên Tàu. Có thể nhận định rằng kỹ thuật diễn xuất của « Phước-Châu » điêu luyện, tinh vi hơn kỹ thuật của « Quảng-Đông » — Kỹ thuật động tác của Quảng-Đông chỉ chú trọng đến yếu tố mỹ thuật mà thiếu hẳn yếu tố thể dục.

Ngoài ra, Đoàn « Hồng-Nhựt » còn xử dụng những bài hát Quảng-Đông lời Việt như : Maùm paãng, Chúng paãng, Dì phaạn v. v... (đọc trại tiếng Tàu). Những bài ca cổ nhạc được thay thế bằng những bài hát Quảng-Đông nói trên.

Tiếp theo gánh « Hồng-Nhựt » là gánh « Phụng-Hảo » chủ trương trình diễn tuồng Tàu như Hồng-Nhựt nhưng lại xen thêm tuồng xã-hội, y phục hóa trang theo Tây-phương.

Đào Phùng-Há là ngôi sao sáng của Đoàn Phụng-Hảo. Phùng-Há đã tiến đến một trình độ cao đẳng về nghệ thuật diễn xuất trong vai Lữ-Bố, An-Lộc-Sơn, Đường-Minh-Hoàng v. v... của tuồng Tàu.

Trong làng ca kịch sân khấu tuồng Tàu, Phùng-Há là nữ diễn viên duy nhất đã lột được tinh thần của các vai kép võ nói trên. Ngoài ra Bảy Phùng-Há còn có một giọng ca thiên phú hợp với âm giai Quảng (Quảng-Đông).

* *

Bắt đầu từ năm 1928, gánh Trần-Đắc ở Cần-Thơ do Ông Trần-Đắc-Nghĩa tổ chức, hoạt động ở thị trường Cải lương. Người phụ trách chuyên môn của Đoàn Trần-Đắc là Ông Nguyễn-Thành-Châu tự Năm-Châu — Bên cạnh Năm-Châu, còn có Huỳnh-Thủ-Trung tự Tư-Chơi phụ soạn. Đoàn Trần-Đắc còn được sự hợp tác của một số nghệ sĩ có tài như Tư Út, Từ-Anh, Tư Thạch, Năm Tỵ, Ba Cương. Bên nữ có Phùng-Há, Tư Sang, Ba Huôi, Hai Nhàng, Ba Liêng v. v...

Trước đây mấy năm, sân khấu ca kịch chuyển hướng sang Tàu, đến nay lại chuyển hướng sang Tây. Gánh Trần-Đắc chủ trương diễn tuồng

phóng tác theo Tây - phương và ca những âm điệu Tây-phương.

Những âm điệu Tây-phương do màn ảnh phổ biến như ; Ô ! nina ! Les gars de la marine, Reviens, chérie v. v . . . chuyển lời qua lời Việt được đem sử dụng trong các tuồng xã-hội tình cảm như : Ngọn cờ hiệp nữ, Lửa đỏ lòng son, Khúc oan vô lượng, Tội của ai ! v. . .

Bắt đầu từ đây cho đến năm 1934, bốn Đoàn Hát qui mô là Phước-Cương, Tiếng-Chung, Trần-Đắc, Phụng-Hảo đua nhau trình diễn tuồng xã-hội, do các soạn giả Đoàn sáng tác hoặc phóng tác theo các kịch bản Tây-phương hay các phim tuồng xã-hội của màn bạc. Duy chỉ còn có đoàn Tân Thinh là vẫn chủ trương trình diễn tuồng Phật như « Thích ca đắc đạo » « Phật nhập niết bàn » v. v... Cũng còn có một số ít đoàn ca kịch khác thuộc hạng trung bình, đi theo chủ trương của « Tân Thinh », tiếp tục trình diễn tuồng Phật nhưng vì kỹ thuật sân khấu và diễn xuất kém không thu hút được khán giả bằng đoàn Tân Thinh.

Từ năm 1936 trở đi, song song với các tuồng xã-hội thực hiện bằng một kỹ thuật sân khấu và diễn xuất cải tiến theo ảnh hưởng của phim ảnh, các tuồng « Phật » và tuồng « Tiên » vẫn còn xuất hiện trên sân khấu ca kịch.

Đoàn « Tân đồng Ban » do Ông Lê-Quang-Sô (Long-Xuyên) thành lập, trình diễn những tuồng tiên như : Phong Thần, Tôn-Tẫn hạ san — Tây Du, Tề Thiên đại náo Thiên Cung.

Lúc bây giờ, trên sân khấu ca kịch tuồng Tiên, chúng ta còn được mục kích những trò đu bay, đầu phép, thăng thiên, độn thổ, ngựa bay qua mặt thành. Kỹ thuật quảng cáo cũng được cải tiến căn cứ vào thị hiếu của quần chúng thưởng thức. Trên những bảng hiệu quảng cáo, chúng ta đọc những dòng chữ lớn : 5 phút 7 cảnh, ý muốn nói rằng chỉ trong thời gian 5 phút, sân khấu đã thay đổi 7 lần bài trí. Đoàn nào thực hiện được kỹ thuật dọn lớp càng chớp nhoáng càng thu hút được khán giả.

Bước qua năm 1937, nhận thấy tuồng Tiên có đu bay, đầu phép, độn thổ thăng thiên v.v .. lôi cuốn được đa số khán giả, soạn giả Mộng-Vân thành lập Đoàn Mộng-Vân và tung ra loại tuồng Kiếm-Hiệp trong loại tuồng nầy, diễn viên đeo mặt nạ, đầu dao găm, mã tấu, gươm và cũng bay qua cửa sổ đánh đu dây vượt thành.

Loại tuồng Kiếm Hiệp thường được phóng tác theo nội dung các truyện phim hoặc tiểu thuyết trinh thám. Và chính cũng từ giai đoạn này, danh từ « La-mã » xuất-hiện, làm tinh tử cho các tuồng Kiếm Hiệp sau này.

Phong trào Cải lương « Kiếm Hiệp » hấp dẫn đa số quần chúng, do đó, hầu hết các đoàn hát đều ngả chiều theo. Loại tuồng Kiếm Hiệp quả thật đã sống rất lâu vì được quảng đại quần chúng nuôi dưỡng.

1945... kháng chiến toàn quốc.

Toàn bộ các đoàn hát « xếp giáp » lo chạy giặc.

1947... Ánh sáng trở lại Thủ Đô Saigon.

Các đoàn hát lục tục kéo về.

Chiến tranh bao phủ cả bầu trời Việt.

Đoàn Cải lương « Hậu-Tần » do ông Phạm-Minh-Tần người thầu rạp Thành Xương thời ấy, giao cho kịch sĩ Bảy Cao điều khiển, tung ra loạt tuồng « Chiến Tranh » và đã kích thích được giác quan quần chúng. Loại tuồng « cắc bùm » nầy được căn cứ vào các mẫu truyện giặc giã ngoại quốc, thoát ly hẳn không gian và thời gian. Có thể nhắc lại đây một vở điển hình là vở : « Đoàn chim sắt ». Trong tuồng nầy, các dụng cụ chiến tranh như tàu bay, tàu lặn, tàu chiến, xe tăng thiết giáp v.v. được thực hiện bằng cạt-tông. Ở hậu trường sân khấu, vấn đề âm thanh được triệt để chú trọng. Tiếng động cơ của máy bay, tiếng nổ của ca-nông, F. M. Bazôka, mi-trây-dết v. v. . . được thực hiện bằng các chất nổ (magnésium) và bằng nhiều tiếu xảo khác.

Loại tuồng chiến tranh « cắc bùm » của Đoàn Hậu Tần đã thu hút hầu hết quần chúng bình dân, vì đã biết khai thác cái tâm lý mặc cảm của số quần chúng nầy, sự mặc cảm của kẻ ở lại Thành, không trực tiếp tham gia chiến đấu. Thêm nữa, trong một cuộc sống quá bức xúc, do sự phong tỏa của thực dân Pháp, quần chúng lúc bấy giờ muốn đi tìm sự kích thích giác quan để quên lãng thực tại.

Nhận thấy Đoàn Hậu Tần thu được những kết quả bất ngờ, tất cả các đoàn cải lương khác đều hùa nhau chạy theo thị hiếu và tâm lý của quần chúng thưởng thức, chủ trương áp dụng kỹ thuật trình diễn như Hậu Tần.

Có một điều cần nhắc đến là do kỹ thuật sân khấu buộc áp dụng những chất nổ trong loại tuồng nói trên, nhiều tai nạn trầm trọng đã xảy đến cho công nhân và kịch sĩ sân khấu vào thời kỳ ấy.

* * *

Soạn giả Năm Châu tổ chức Đoàn Việt Kịch vào năm 1948 theo nguyên tắc tập thể sinh hoạt. Kể đây là một lề lối sinh hoạt tiến bộ đối chiếu với các tổ chức sinh hoạt của những đoàn khác.

Đoàn Việt Kịch Năm Châu chủ trương trình bày những cảnh đời thực tại, nuôi mộng tưởng giải quyết mâu thuẫn tâm lý thời đại.

Những vở tuồng xã hội của Năm-Châu gây được ít nhiều tác động đối với một số quần chúng của thời ấy có thể là những vở : Tịn hạnh phúc. Tấm lòng trinh. Con không cha. Chàng đi theo nước. Chị chồng tôi v. v...

Đoàn Việt Kịch Năm-Châu cũng đã triệu tập được một số nghệ-sĩ có tài như : Ba-Vân, Từ-Anh, Ba-Sanh, Tư-Tâm, Bảy-Nhiêu v.v.. về phía nữ có : Phùng-Há, Kim-Thoa, Ngọc - Sương, Thanh Loan, Kim-Cúc, Kim-Lan v.v...

Đến năm 1949, thành phần diễn viên của Đoàn Việt-Kịch Năm Châu

thay đổi. Đào Phùng-Há đứng riêng dựng bảng hiệu Phụng-Hảo. Đào Kim-Thoa, Kép Tư-Anh, Ba-Vân thoát ly khỏi Đoàn. Lại có nhiều đoàn viên mới gia nhập : Thừa - Vinh, Hoàng-Kinh, Tám-Vân, Bảy-Nhàn và các đào Ngọc-Đáng, Tương-Lai, Hai Nữ. Với thành phần diễn viên mới, Đoàn Việt Kịch Năm-Châu xoay qua trình diễn các loại tuồng phóng tác theo Tây-phương như : Dân chúng trước pháp trường, Cách Lan Phương Từ, Ca lộ thi. Trang trí sân khấu thay đổi, Y phục, hóa trang cũng thay đổi. Y-phục của diễn viên được sắp theo hình thức của y-phục cổ điển Tây-phương. Loại tuồng phóng tác theo Tây-phương của Đoàn Việt kịch Năm-Châu không thu hút khán - giả nên Đoàn chuyển hướng sang loại ca kịch đường Rừng, do soạn giả Viễn-Châu phụ trách soạn vở tuồng đường Rừng đầu tiên của Đoàn được ra mắt khán giả là vở : « Đường ra biên ải », những loại tuồng Đường Rừng cũng không thu gặt được kết quả mong muốn.

Mãi đến năm 1953, Đoàn Việt-Kịch Năm-Châu trình diễn « Gió ngược chiều » do Năm Châu soạn và đạo diễn. Tiếp đó lại trình diễn vở : « Tình ghen vương giả » do Vạn Lý soạn. Hai vở tuồng vừa kể trên đã đáp lại một phần nào yêu cầu của quần chúng thưởng thức. Sự cải tiến nghệ thuật diễn xuất hướng theo thoại kịch và màn ảnh của Đoàn V. K. N. C. đã gây nên sự bỡ ngỡ của một số đông quần chúng thưởng thức vốn quen thuộc với kỹ thuật cải lương, một nghệ thuật vừa ca vừa diễn.

Tóm lại, chúng ta chỉ có thể còn nhắc đến vở : « Tây Thi gái nước Việt » của Năm-Châu, trình bày dưới hình thức Thi ca Vũ nhạc. Trong tất cả soạn giả ca kịch của Năm-Châu, soạn phẩm « Tây Thi gái nước Việt » tương đối đã thành công và đã sống lâu nhất.

Được quần chúng khuyến - khích, Năm Châu tiếp tục xuất diễn : Hàm liệt, Miếng thịt người (Hamlet, le marchand de Venise) phóng tác theo một kịch bản của Shakespeare.

Vào năm 1955, Năm-Châu, Kim-Cúc, Kim-Lan từ - giã sân - khấu ca kịch. Đoàn Việt Kịch Năm Châu đổi bảng hiệu là Phước Chung và giao qua cho ông Phạm-văn-Kiết làm giám đốc, Ông Trần Hữu Khang soạn tuồng.

Vào giai đoạn này, chúng ta có thể ghi lại rằng phim ảnh Việt Nam đang ở vào thời kỳ phát triển. Nhiều kịch-sĩ sân khấu muốn xoay chiều, bước vào địa hạt điện ảnh.

Những phim Việt-Nam như : Quan-Âm Thị Kính. Những tấm lòng vàng, Người đẹp Bình Dương, Ngưu - Lang Chức-Nữ, Chị chồng tôi, Tiền - thân Phật Tổ v.v... được hãng Mỹ-Vân thực hiện với sự cộng tác của nhóm nghệ-sĩ cải lương giải nghệ ca kịch.

Vì thiếu một căn bản vững vàng về kỹ thuật chuyên môn điện ảnh, hãng Mỹ Vân đã thất bại về phương diện nghệ thuật và mặc dù phim Quan Âm Thị Kính đã thu được hàng triệu bạc lời, hãng ấy vẫn xoay qua mướn phim Ấn, Nhật, để chuyển - âm qua tiếng

Việt, xử dụng những nghệ sĩ cải lương nói trên trong việc chuyển âm này.

Đoàn Năm Châu nói riêng, các nghệ sĩ ca kịch của một giai đoạn qua nói chung, xem như đã tự ý rút lui khỏi hẳn sân khấu kịch trường và các nghệ sĩ cải lương của giai đoạn mới bắt đầu lộ diện. Các Đoàn mới bắt đầu hoạt-động ở thị trường.

1957 «Ca kịch Đoàn Thúy-Nga» đã hấp dẫn được đa số quần-chúng bình dân với vở tuồng «Khi hoa anh đào nở» trình-bày dưới hình-thức Nhật Bổn do hai soạn-giả Hà-Triều và Hoa-Phượng hợp soạn.

Các Đoàn khác thi đua trình diễn tuồng Nhật. Cái hình thức Nhật Bổn mới mẻ nầy, với những bộ kimônô sặc sỡ của đào hát, với những cái búi tóc của kép hát thủ vai người hùng của miền núi Phú Sĩ quả đã hấp dẫn được đa số bình dân.

Trong thời gian từ 1958 đến 1959, trên màn bạc, phim Ấn-Độ chiếm con số kỷ lục về khán giả. Nhận định được thị hiếu của quần chúng, các soạn giả cải lương lấy ngay đề tài, nội dung phim Ấn, viết thành tuồng và cho diễn viên hóa trang theo sự biến chế của mình.

Hiện nay các Đoàn Hát chú trương trình diễn đủ loại tuồng : đã sử Việt Nam, ngoại quốc, đường rừng, xã hội trinh thám v.v... và xử dụng đủ mọi hình thức : La-mã, Nhật, Tàu, Tây-Ban-Nha v.v... miễn sao thỏa mãn được thị hiếu quần-chúng khán-giả. Chỉ riêng loại tuồng xã hội thời đại không thu hút được khán giả, nguyên nhân là do nội dung các soạn phẩm xã hội thiếu hẳn tính chất thời đại, không giải quyết, cũng không thỏa mãn được cảm quan của quần chúng thưởng thức. Nhiều soạn phẩm đã mất hẳn thời gian tính vẫn còn được nhiều Đoàn hát vì thiếu tuồng, đem ra trình diễn cho nên sự thất bại không có gì đáng phải giải-thích nữa.

Đoàn «Kim Chung» chuyên về loại tuồng diễm huyền và ngoài ra, còn phổ biến lối ngâm thơ theo điệu sa-mạc, bồng mạc, và cũng được quần chúng hâm thích. Các Đoàn khác cũng bắt chước ngâm thơ nhưng diễn viên của mỗi đoàn ngâm theo một lối riêng biệt tự mình sáng chế lấy. Có Đoàn không ngâm thơ thì lại hò theo lối Hò miền Nam. Những lối ngâm thơ hoặc «Hò» nầy thường thường là dùng để bắt đầu và chuẩn bị bắt vào ca những bài bản cổ nhạc miền Nam.

(còn nữa)

TRƯƠNG ĐÌNH CỬ

Kỳ tới : *Sân khấu cải lương trong ba năm qua (1960-62).*

★ Chúng ta chịu trách nhiệm về những gì chúng ta làm, những gì chúng ta không làm và những gì chúng ta ngăn kẻ khác làm.

Hồng-y giáo chủ Suhard

MÙA XUÂN

NGUYỄN NHO SA MẠC

Nụ mai vàng nở trong vườn thơm ngát
Bướm vờn quanh say phấn nội hương đồng
Lũ chim rừng về ngủ một mùa đông
Cũng thức dậy leo lên cành ca hót

Nắng lộng lẫy nhỏ trong hồn từng giọt
Mùa xuân sang em xõa tóc ngồi hong
Nắng reo vang trên cặp má em hồng
Đôi mắt đẹp mùa xuân tươi cỏ mọc

Dạ em mát. Mầu trời xanh như lọc
Chiếu bâng khuâng phủ xuống cặp mi hiền
Bàn tay mềm thon mười đóa thủy tiên.
Còn khép kín một linh hồn rạng rỡ

Em bơ ngơ. Mùa xuân đang bơ ngơ
Dãy đồi xa nằm ngủ dưới sương mù
Mây trên trời thương nhớ gió mùa thu
Muốn đứng lại — ngập ngừng — rồi trôi mãi

Vòng tay nhỏ em ôm mùa xuân lại
Còn gì đâu trong đó một khoảng không
Thuyền vào bờ xa mãi một giòng sông
Con nước chảy bơ vơ tìm cửa biển.

Mai nở vàng cho mùa xuân hiện diện
Hoa nắt nhầu, em héo úa dung nhan
Vòng xe lăn theo nhịp chuyển thời gian
Em trở lại mùa xuân thành mùa hạ

N. N. S. M. 62

Đầu năm phỏng đoán

BÙI - HỮU - SỦNG

THỜI VẬN QUA TRANH ẢNH

1. — Xem tranh ảnh, để giải thích chiêm bao.

« ĐẦU năm, xem quẻ sớm mai ». Trong một năm những người đi coi số tướng, đoán thẻ, bói bài, xem bàn tay không bao giờ đông bằng mấy ngày Tết. Nhất là mấy năm gần đây, thời thế khủng hoảng, chiến tranh nóng lạnh đe dọa, đời sống vật lộn, ngày mai bất chắc, ai ai cũng băn khoăn về hậu vận. Nhưng trong khuôn khổ một bàn tay, một quẻ thẻ hay một cỗ bài, chúng ta chỉ đọc lên được số mệnh cá-nhân, chúng ta có đâu dự đoán được thời thế xoay vần ra sao. Vả lại khác với ngày xưa, đời sống cá-nhân ngày nay phụ thuộc vào đời sống của toàn cầu. Nếu chẳng may chiến tranh bùng nổ, tiêu diệt loài người, sự nghiệp cá-nhân cũng tan trong khói lửa. Vậy đã xem hậu-vận bản thân chúng ta cũng cần biết tới thời vận nữa. Mấy câu hỏi đặt ra và làm ta thắc mắc thêm : có biết trước được vận-hội chăng ? Bằng cách nào ? Bây giờ « bói » đâu ra một Nguyễn-Bỉnh-Khiêm, một Nostradamus ? Để trả lời mấy câu đó phải viết một pho sách. Dưới đây tôi chỉ dựa vào vài tranh ảnh để phỏng đoán tương-lai.

* * *

Theo một truyền thống từ thời cổ Hy-Lạp và cổ Trung-Hoa, các hình ảnh trong giấc điệp mơ màng là do qui thần hiện lên báo mộng và người đời căn cứ vào đấy để đoán trước được số mệnh : Thúy-Kiều mộng thấy Đạm-Tiên và tiên cảm rằng đời mình sẽ hoa trôi bèo giạt ; trong một vở kịch của Racine, hoàng-hậu Athalie nằm thấy một cơn ác mộng hãi hùng,

khi nhờ thầy giải thích, bà ta biết trước bà sẽ mất ngôi và bị giết. Ngày nay sống trong đời thực-tế, giữa thế giới *văn-minh tranh ảnh*, chúng ta cũng có thể bắt gặp một số tranh ảnh sản phẩm của các nghệ-thuật (như hội-họa, điện-ảnh, điêu-khắc v. v...) báo mộng một cách kỳ-diệu như vậy. Các nghệ-phẩm ấy bắt nguồn từ ở giấc mộng tỉnh tao (des songes éveillés) của một số nghệ-sĩ để cảm xúc trước thời cuộc, trước những cuộc tan vỡ của nền văn minh. Các nghệ phẩm ấy đợi chờ chúng ta xem xét ; chúng sẽ giải cho ta hiểu vận mệnh loài người hay hé mở cho ta thoáng thấy vài khuynh hướng của ngày mai hiện dần ra như đỉnh núi hiện dần ở nơi chân trời khi ta tiến tới gần. Vì số trang hạn định, dưới đây tôi chỉ đưa ra vài tranh ảnh tiêu biểu cho thời đại, để chúng ta sẽ cùng nhau xét đoán xem tương lai chung của chúng ta sẽ diễn ra thế nào.

2.— Tranh ảnh Tây-phương.

« *Dòng sông Héraclite* » (hình số 1) là một họa-phẩm (năm 1940) của họa-sĩ Pháp Masson. Sông nổi sóng lớn, những mảnh tường mái của đền đài Lý-Trí bị sụp đổ và đang bị đảo lên lộn xuống giữa những dòng nước điên cuồng. Bức hoạ này nhắc lại cả một pho lịch-sử triết-học và khoa-học Âu-châu. Lý-trí đã ngự trị từ cổ Hy-lạp qua Descartes, Bacon (thế-kỷ 17) tới thế-kỷ 19. Mặc dầu Héraclite (quê ở Tiểu-Á-Tế-Á) nói rằng vũ-trụ biến dịch : « người ta không



Hình 1 : Dòng sông Héraclite (1940)

tắm hai lần trong một dòng sông » nhưng Lý-trí vẫn cứ ngừng đọng vạn vật lại để suy luận (triết) để khám phá ra định-luật (khoa-học), để ấn-định hình thức đẹp (hội-hoạ). Lý-trí thu cả thế-giới vào trong mấy phương-trình toán, mấy công thức hoá học, khám phá ra các năng lượng (hơi nước, than, dầu hoả, điện) để lập các xưởng máy lớn, thành phố vĩ-đại. Lý-trí có tham vọng chi phối cả tâm trí con người (tâm-lý-học) và gò ép xã-hội vào những khuôn khổ của khoa xã-hội học. Nhưng từ thế-kỷ 19 tình-cảm và óc tưởng tượng (phái Lãng-mạn), lay động thành-trì của Lý-trí. Trực-giác của Bergson, tiềm thức của Freud đục khoét ngầm dưới nền tảng của Lý-trí. Thơ Verlaine, thơ phái Tượng Trưng (Symbolisme) cảm thấy lý-trí bất lực trước những cái khó tả (l'inexprimable), cái thoáng qua của tâm-tình. Nhóm họa sĩ Dada và siêu-thực ly-dị hẳn với Lý-trí. Lâu đài cổ kính của Lý trí sụp đổ và từ nay không biết phiêu lưu về đâu.

Trước những sự biến đổi đột ngột như thế, một số người hoặc không



Hình II : Bức họa của Léonor Fini (theo thuyết của Freud)

hiểu đà tiền của lịch sử hoặc chưa kịp thích ứng với đời mới, đâm ra hoang mang. Thi-nhân thì than rằng :

« *Đường đời mở rộng muôn chiều nghìn ngả,*

« *Nhưng biết tìm đâu chốn ở yên thân ?*

« *Biết bờ nào dừng chèo, ghé bến ?*

« *Biết giây nào ký thác tâm tư* » ? *(1)*

Nhóm hiện-sinh của Sartre thì nôn mửa (nausée), Camus cho đời là vô-lý (l'absurde). Hội-họa điêu khắc thì trình bày những con người mất hướng. Họa phẩm của Léonor Fini (hình số 2) trình bày một thiếu-nữ, đầu tóc rũ rượi, nét mặt bơ phờ. Những hình kỳ quái chung quanh nàng tượng trưng cho những ma-lực từ nơi tiềm thức (theo Freud) hiện lên hoành hành tâm hồn và gợi ra những hãi hùng ghê sợ. Nhìn qua một số nghệ-phẩm và văn-phẩm, ta thấy thế giới ngày nay đang ở thời kỳ phi-lý, không tin ở gì hết trọi. Đồng thời những quái-vật trước thời tiền sử lại xuất hiện, nạt nộ con người. (hình số 3)

Những họa-phẩm hình dung quái vật, xuất hiện rất nhiều trong mày chục năm nay ví dụ Minotauromachie (1935), bồn đứa trẻ nhìn một quái vật (1933). Nhưng bi đát hơn cả có lẽ một số bức họa vẽ những bộ xương tượng trưng con người bị nguyên tử hóa (homme atomisé) hay vẽ hai bộ xương đang tranh nhau một con cá của James Eusor. Người ta tưởng rằng Lý-trí và Khoa-học đã xua đuổi hết ma quỉ ra khỏi cõi trần không ngờ chúng trở lại đe dọa loài người.

Cả đến con người với con người cũng không hiểu nhau, không thông cảm với nhau : ngoài những câu



Hình III : Con quái vật thời tiền sử trong phim Nhật (Godzilla)

(1) Innombrables sont nos voies et nos demeures incertaines. A nulle rive dédiée à nulle page confiée) *Saint John Perse.*



Hình IV : Nhóm ba người
(điêu khắc của Albert Gacometti)

sáo ngữ nhắc đi nhắc lại nhàm tai : « Ông có mạnh khỏe không ? Thế nào có gì lạ không ? » không có nhịp cầu từ tâm hồn người này sang tâm hồn người khác còn đâu những chuyện tâm giao như Montaigne và Boétie như Nguyễn Khuyến và Dương Lâm, thí dụ : « *Nhóm ba người* » của nhà điêu khắc Alberto Gacometti. Qua bức ảnh này và vài tác phẩm tương tự của ông, ta thấy những người Tây Phương lang thang vơ vẩn trên cõi trần khô khan máy móc của khoa học. Họ gặp nhau mà tuồng như cũng không biết là gặp nhau, họ sống trong một mảnh đất trơ vơ gần như nơi tha ma : trong vắng vẻ họ hao mòn dần đi.

Nhưng nghệ-phẩm nào cũng phản ảnh những lời kêu than, tuyệt vọng như trên cả ư ? Không. Thời kỳ chuyển tiếp sắp chấm dứt, hy-vọng đã lóe ra ở chân trời. Nhưng hy-vọng mới không đặt ở cơ - khí nữa mà đặt ở con người : nếu con người biết sớm cứu lấy thế-hệ ngày mai, nếu các cha mẹ hiểu, các nhà giáo-dục biết tránh cho thanh-niên những tai hại của nền văn-minh cơ-khí và của xã-hội bị máy móc hoá.

« *Tàu điện ngầm* » là một hoạ-phẩm của G. Tooker (hình số 5) người Mỹ. Ở Mỹ cũng như ở các nước tân tiến khác, tại các thành thị, nhà nào cũng giống nhà nào, người nào cũng bơ vơ, đơn chiếc như những hành khách trong chuyến Tàu điện ngầm : Ông nào cũng như ông nào, y phục nào cũng giống nhau. Duy trên bình diện thứ nhất của hình số 6, một bà mẹ rùng rợn trước cái « đồng hình đồng dạng », cái giống nhau toàn thể (ressemblance collective). Mặc dầu chịu ảnh hưởng tai hại của thời cơ-khí, bà sớm tỉnh ngộ, đưa tay lên bụng để giữ gìn cho đứa con tương lai của bà không bị xâm nhập bởi cuộc đời đồng mầu, đồng y-phục, đồng diện-mạo như hiện giờ ở khắp các nước văn-minh. Cử chỉ của bà thật đầy ý-nghĩa tượng trưng cho ai còn quan tâm đến tiền đồ, muốn bảo tồn lấy « nhân tình » (l'humain) trước ảnh hưởng ồ ạt của văn-minh cơ-khí. Gạt bỏ được thành kiến, hy-sinh địa-vị và quyền lợi trước mắt để sửa soạn tương lai là một điều rất hiếm có trong giai đoạn này. Trước



Hình V : Tàu điện ngầm (1950) của Tooker

đà tiến triển quá mau, người ta không theo kịp, đâm ra « liều » chỉ tận hưởng hiện tại không muốn nghĩ tới mai sau. Theo các nhà tâm-lý học và nhất ở Á-Đông, số người hướng về tương lai thường ít ỏi hơn so với số người cổ níu lấy dĩ vãng hay thích sống trong giây phút hiện tại.

3.— Tranh ảnh ta và Tàu

Bây giờ chúng ta trở về tranh ảnh Tàu và Việt-Nam chúng ta không thấy ở đây những bức họa quá trừu tượng hay đen tối như ở Tây-Phương. Đi xem triển lãm nghệ-thuật Quốc-tế (tháng 11 năm 1962) tại Saigon, chắc ai cũng nhận thấy thế giới ngày nay hướng cả về hội-họa trừu tượng như xô nhau chạy theo Khoa-học và kỹ-thuật. Nhưng trên con đường chạy thi ấy, trong số tranh ta và Tàu vẫn còn những bức giữ tâm hồn Á-Đông. Có lẽ, mấy họa-sĩ sau này cho rằng con người ở các quốc-gia chậm-tiến chưa đến nỗi hoang-mang bị « nguyên-tử hóa » (atomisé), hay bị xâu xé vụn bởi văn-minh cơ-khí. Con người còn sống trong khung-cảnh đồng ruộng, hô-hấp sinh khí gần núi, sông, sức khỏe còn tùy thuộc âm-dương thay đổi trong bốn mùa, tình nghĩa gia-đình hay làng xóm còn bền bỉ trong tình cảm. Nhưng đề-mục « vô-lý » « hỗn-mửa » hay « trừu-tượng » chỉ cảm qua sách, báo, tranh-ảnh từ Tây-Phương đưa sang chưa đủ lực làm nguồn cảm hứng dồi dào ở xứ này. Xin đan cử : niềm vui của bà mẹ của Nguyễn-Khoa-Toàn ; tình mẹ của Võ-Minh-Nghiệm ; chiều về của Trần-Đắc : người chồng đánh trâu đi bừa về, người vợ ẵm con đón mừng. Dân chúng kéo đến vườn Tao-Đàn đa số thông-cảm và thưởng-thức những



Hình VI : Sơn thủy của Hoàng-Công-Vọng (Nguyên)

bức : Thôn nữ gánh lúa, Khởi tinh Trương Chi, Hội mùa xuân, Ngõ trúc, Thuyền đánh cá v.v...

Vào dịp Giáng-Sinh, người ngoại-quốc, học - sinh ở Sài - Gòn vẫn còn thích mua những tranh « sơn thủy » đời Tống, đời Đường in lại trên mặt thiệp mùa xuân hay chúc Tết.

Ở nơi thôn quê vẫn còn một số người thích « chơi » tranh tàu vì chúng có vẻ hiền dịu, tươi mát chớ không khô khan, khó hiểu và bi-thảm như những họa phẩm của các phái Tây-Phương : Biểu Hiện, Siêu Thực, Lập-Thể v.v... Tại sao Tây-Phương lại xa cách với quần chúng còn Á-Đông vẫn còn cổ níu lấy quá khứ, nghĩa là gần đôi chút với thiên nhiên, với quần chúng ?

4.— *Nguyên-nhân sự dị-biệt giữa hai nền nghệ-thuật và văn-minh.*

Có người cho rằng nghệ - sĩ Tây-Phương hiểu « động » và đưa chủ nghĩa cá-nhân đến chỗ cùng cực nên họ càng đi xuống đáy lòng, họ càng bắt gặp ở tâm khảm những cái siêu - hình trừu-tượng mà họ tưởng chừng đấy mới là tinh-chất thật của con người. Còn ở Á-Đông, chúng ta sống tập-thể và hiểu « tĩnh », nên họa-phẩm hay thi-ca đều mát mẻ, thanh-thản, dễ hiểu như bài thơ « Thú-điền » của Nguyễn-Khuyến hay phong-cảnh của Hoàng-Công-Vọng đời Nguyên. (Hình số 6)

Lại có người đứng về triết - lý cho rằng Họa và Thơ của Á-Đông thích diễn tả « Sơn-Thủy » là vì nghệ-sĩ đây hòa mình vào thiên nhiên để hòa mình nhịp-nhàng với nhịp đôi của Âm (thủy) và Dương (núi). Trái lại người Tây-Phương tách mình ra ngoài, đối-lập với thiên nhiên, lấy thiên nhiên làm khách-thể (objet) còn mình là chủ thể dùng lý trí để quan sát, phân tích : do đó Họa và Thơ văn Tây-Phương xa cách với thiên nhiên.

Những cách giải thích như vậy, kể cũng đúng và lý thú, nhưng chưa đạt tới nguyên-nhân sâu sắc, chưa tìm tới nguồn gốc của giấc mộng Đông và Tây. Theo thiển ý, nguyên nhân cuối cùng là ở chỗ mỗi bên dùng một *năng lượng riêng*, một nền văn-minh riêng, thành ra nhân - sinh quan khác nhau, phong tục văn-nghệ do đó cũng khác nhau.

Ở xã-hội Tàu và Ta, xã-hội chuyên về nông nghiệp, người ta chỉ biết dùng *năng lượng tự nhiên* (énergie naturelle) như gió, nước lửa, người ta chưa biết đổi thành *năng lượng biến chế* (énergie transmutée). Được hay mất mùa lúa tùy theo mưa nắng ; sức khoẻ

tốt hay xấu tùy theo hàn nhiệt ; gieo mạ hay gặt lúa tùy theo mặt trời mặt trăng. Tư tưởng cũ chỉ luẩn quẩn trong vòng một năm bốn mùa, một hội 60 năm và triết-lý chu tuần trong cái vòng tròn, hết Đông lại trở về Xuân Hạ Thu, hết hồi bĩ cực đến tuần thái-lai. Những hôn lễ, những đình đám, việc canh nông đã ghi sẵn giúp trí nhớ trong bốn câu hát như một cuốn niên lịch thông thư :

Tháng chạp là tháng trồng khoai
Tháng giêng trồng đậu, tháng hai trồng cà.

Trong một xã-hội quanh quẩn như vậy chỉ có *ký-ức* là quan trọng còn óc sáng kiến hay óc lý-luận phê bình chỉ gây ra loạn trí hay phạm đến tôn-giáo. Phải có *ký ức* để nhớ lấy kinh nghiệm truyền lại, phải có *ký ức* để nhớ điển tích làm văn hay họa. Trong một cuốn sách « L'esthétique mondiale au XXe siècle» (1961) khi nói về hội họa ở Tàu ngày nay, tác giả, Raymond Bayer có viết : « Cũng như ở Tây Phương, hội họa tân thời của Trung Hoa cũng đã theo các phong trào ấn-tượng, siêu-thực, tượng trưng và trừu-tượng với vài sự thay đổi. Còn các họa sĩ Trung Hoa theo môn phái cổ truyền vẫn vẽ *bằng ký-ức* » (trg 173). Thế là lúc vẽ cũng quanh quẩn dùng mực tàu giấy bản hay vật liệu do thiên nhiên cung cấp như thiên nhiên cung cấp gạo, ngô, khoai.

Trong một xã-hội im lìm như vậy, chân trời chính-trị cũng giới hạn sau lũy tre xanh bao vây làng xóm còn ngoài ra không biết gì tới thời cuộc :

Thành đổ đã có vua chúa xây,
Can chi mà phải lo ngày lo đêm.

Triết-lý cũng chỉ trong vòng « thiên địa tuần hoàn » « âm thúc dương, dương bão âm », rồi lại dung hòa với nhau. Đôi khi có muốn đưa cao nó lên, hay để cạnh tranh với Phật-học, như Lão-Tử đưa ra Đạo là lý uyên nguyên hay, Tống Nho đưa ra Lý Thái Cực thì rồi muôn vật cũng sinh ra ở Đạo, ở Lý Thái Cực rồi chết lại trở về gốc và cứ luân chuyển trong một vòng tròn, hết một vòng bốn mùa lại trở về Xuân hay hết một hội 60 năm lại trở về năm Tý. Phải, ta có thể nói tư-tưởng ở các nước văn-minh nông nghiệp là một *vòng tròn* hai đầu gặp nhau.

Còn ở Tây Phương từ thế-kỷ 16 đến 19, tư tưởng tiến theo *vòng tròn ốc* (spirale) và vòng sau không gặp vòng trước nữa ; đến ngày nay, sang thế-kỷ 20, tư tưởng Âu-Mỹ tiến xa hẳn gốc và càng tiến thì càng đoạn tuyệt hay đối lập với quá khứ. Hãy lấy cái nhà building làm tượng trưng cho tư tưởng mới, nó *vươn theo chiều cao và xa mãi với nền móng.*

5. — *Hội-họa và tiến-triển của khoa-học.*

Tại sao lại tiến hóa đột ngột như vậy ? Vì Tây Phương theo văn-minh cơ khí ; hễ mỗi kỹ thuật phát sinh là nó phá bỏ kỹ thuật trước và lại đặt điều kiện và hoàn cảnh để sửa soạn sự *phát minh* ra một kỹ thuật mới. Và cứ tiến bộ, cứ đuổi theo ó ạt cái mới là nhờ ở *năng lượng biến chế*. Hãy lấy lịch-sử bánh xe làm thí dụ : trước

là ngựa kéo, sau khi tìm được sức hơi nước và than, bánh xe biến thành đầu xe lửa, chân vịt tàu thủy, chong chóng tàu bay, rồi bánh xe làm turbine hydraulique sản xuất ra điện, điện dẫn đến việc tìm ra nguyên-tử lực. Năng-lượng mới phát minh đến đâu thì nó tạo ra đến đấy một *tình trạng tinh thần mới* (*nouvel état d'esprit*) : các văn nghệ sĩ hoặc tán thành, hoặc chống lại hay xa lánh đà tiến triển ấy nhưng cũng sống trong *tinh thần* của thời đại ấy.



Hình VII : Đồng lúa vàng của Van Gogh : nét vẽ quằn quại như sóng gió trong tâm hồn

« *Tình trạng tinh thần* » này không bị quyết định một cách máy móc như kiểu Taine (hoàn cảnh, thời thế, giống nòi) hay kiểu K. Marx (giai cấp đấu tranh). Nó tế nhị hơn, linh động hơn vì tuy cùng đi về một hướng nhưng thi ca, nghệ thuật tự do áp dụng phương pháp khác nhau, đứng ở lập trường khác nhau. Ví dụ : khi khoa học thiết lập ra nhà máy lớn và đường hỏa xa (cuối thế-kỷ 18) nghĩa là vào lúc con người làm chủ được thiên nhiên thì thi-sĩ văn nghệ-sĩ lại đi lánh ẩn (évasion), đắm đuối vào tình cảm dào dạt hay trí tưởng tượng mung lung để tạo ra một phong trao lãng mạn.

Để chứng minh rõ, ta hãy trở về hội họa cuối thế kỷ 19 sang đầu thế kỷ 20. Giữa lúc các nhà vật lý Chevreul (ở Pháp), Helmohtz (Đức) khảo cứu về quang học và *cảm-giác* của thị giác, giữa lúc hai nhà tâm-lý học Weber và Fechner tìm cách đo *cảm-giác* thì phái hội-họa ấn-tượng impressionnisme ra đời, chú trọng đến vẽ ánh sáng và truyền *cảm-giác trực tiếp* cho mắt khán giả. Phái này không cần dùng tới lịch-sử, loại cả ký-ức và học-thức hay suy-tưởng ; họ chỉ vẽ ngay cảnh vật mình trông thấy (L'impressionniste peint ce qu'il *voit* non ce qu'il sait). Trong phái này có một họa sĩ vẽ mà vẫn nghĩ vơ vẩn đi đâu ; khi có người hỏi họa-sĩ vẽ gì, ông phải nhìn lại bức họa rồi mới trả lời được. Tóm lại *tình trạng tinh thần* trong giai đoạn này về vật-lý, về tâm lý cũng như về hội-họa là đề cao *cảm-giác*.

Sau phái Ấn tượng, Van Gogh trong phái Biểu hiện (expressionnisme) tuy mượn thiên nhiên để tả bi-kịch trong

tâm hồn minh (xem hình số 7) nhưng ở đây ta không cảm thấy tâm hồn thổn thức như sau vần thơ của Racine hay của Đoạn Trường Tân Thanh. Trái lại những quằn quại, những cuồng nhiệt đập mạnh (un choc) vào mắt ta như tuyết của Vlaminck vỗ vào ngực ta : *cảm-giác* giật gân, *cảm-giác* mạnh mẽ. Một nghệ thuật xây dựng trên *cảm-giác* đã thay thế cho nghệ thuật xây dựng trên học thức, trên *lý-trí*, trên *ký-ức*. Trước bức họa tân thời người thưởng ngoạn không trầm ngâm như xưa và cũng không để thơ vào tranh. Họa theo *cảm-giác* còn tiến thêm một bước nữa : bức họa là những nét thuốc bắn vung bắn tóe trên vải (1). Ở nước Mỹ, kỹ thuật cơ-khí càng cao, nghệ thuật *cảm-giác* càng rõ ràng hơn nữa.

Hoạ-sĩ, người Mỹ, tên là Pollock cho thuốc vẽ vào trong một cái thùng đáy có lỗ thủng và rải sẵn một tấm vải gần đầy. Khi nào cảm thấy *ngứa ngáy gân cốt* (xưa kia gọi là cảm hứng), Ông ta cầm thùng vung đi vung lại trên vải. Nghệ-thuật như vậy là phát xuất từ thớ thịt, từ *cảm-giác sinh-lý* (sensation physiologique) không cần thấm qua tư tưởng hay tình cảm, cũng không bị xếp đặt lại bởi ký-ức hay lý-trí. Nó thoát hẳn ảnh hưởng nền văn-minh cũ. Bức hoạ của Pollock là những nét nguệch ngoạc tựa hồ như thuốc vẽ kêu lên, thét lên trên tấm vải. (Un cri pictural) (hình số 8).

Như vậy trong khi các nhà khoa học tấn công vật-chất, khám phá ra năng lượng ẩn tàng ở chỗ *thầm kín* nhất



Hình VIII : Một bức họa vẽ theo cảm giác của Pollock

(1) Vừa đây, một tờ báo ngoại quốc cho biết tin, có họa-sĩ lại cho thuốc vẽ vào thùng, rồi lấy súng carabine bắn để thuốc vẽ chảy xuống thành tranh vẽ.

của vật chất, thì các hoạ-sĩ cũng đi tìm cái gì là « bản chất *thầm kín* của con người » tức là *cảm-giác* chưa bị quét một nước sơn ở ngoài bởi văn-minh hay học thuật. Rồi các họa-sĩ này tìm bản chất ở cảm-giác, hoạ sĩ kia ở bản năng (instinct) của nghệ-phẩm nhi-đồng, hoạ-sĩ nữa ở tính hồn nhiên của dân tộc nguyên-thủy (primitif) hay bán khai (l'art nègre). Thế là khoa-học, hội-họa, triết-học v. v... đều đi tìm phần « sâu kín » của vật của người, tạo lên một xu-hướng, một tình trạng tinh thần của thời đại.

7. — Thế-giới đi về đâu hay tan giấc mộng Đông Tây.

Paul Claudel có thuật lại một câu chuyện cổ tích Trung-Hoa. Trong chuyện có một nhà hiền-triết cao tuổi băng mình qua sương mù để đi tìm đạo-lý, bỗng chân cụ vấp phải một cái bia. Cúi xuống đọc, cụ thấy mấy chữ : đây là đường ranh giới giữa hai thế giới. Trên đây, chúng ta cũng vừa băng mình qua rừng tranh ảnh Đông và Tây, chúng ta đã lựa chọn vài bức không phải đẹp hơn các bức khác nhưng là những tranh ảnh có ý nghĩa đối với vấn đề của chúng ta. Khi chân vấp phải thực-tế, chúng ta nhận thấy Saigon là nơi ranh giới giữa hai Thế-giới : Về Hội-họa cũng như về phương diện Văn-nghệ, Saigon là ranh giới của hai nền Văn-minh : Văn-minh thời nguyên-tử từ Âu-Mỹ tràn sang ; văn-minh nông nghiệp của Tàu, của Việt-Nam đang bắt đầu suy sụp. Mà nó không suy sụp sao được ? Các miền Lục-Tỉnh cũng bị thay đổi về chính-trị, quân-sự, cải cách điền-địa, điện-ảnh, đường giao thông và dòng điện sắp từ đập Danhim đưa về. Các làng bên kia màn tre cũng bị xô đẩy gò ép vào Xã-hội Cộng-Sản và đời sống cơ-khí

Tôi nhớ lại : Thời báo Nam-Phong, (1917-1933) một số cụ cựu Nho và một số trí-thức Tân học (ví dụ Cụ Trần-Trọng-Kim) còn hô hào dung hòa văn-hóa Đông và Tây, chống lại câu « Đông là Đông, Tây là Tây » của Kipling. Các cụ đưa nước Nhật ra làm gương mẫu cho chủ trương nói trên.

Nhưng từ đấy đến nay, hai mươi năm trời đã qua, hai mươi năm đầy biến-cố ghê-gớm : như bom nguyên-tử ném xuống Hiroshima, như các nước bị trị ở Á, ở Phi tiến lên địa-vị độc lập, như làn sóng đỏ Cộng-Sản tiến đến đâu, lôi cuốn đạo đức và tinh-hoa của « mấy nghìn năm văn-hiến », ở Tàu, ở Việt-Nam. Còn nước Nhật mà xưa kia các Nho-sĩ ca-tụng, thì nay cũng đang qua một cơn khủng hoảng trầm-trọng. Năm 1956, sử-gia trứ-danh Arnold Toynbee (người Anh) qua thăm nước Nhật đã viết trong East to West : « Sự sụp đổ của thế-giới tinh thần trong đó dân Nhật đã từng sống trước thời tiền chiến, nay để lại một lỗ hổng vẫn chưa sao lấp đi được ». Trong báo France Asie số 164 năm 1960, người Nhật tên là Takehiko Nishiyama cũng viết đại-ý rằng : sau khi thua trận, dân Nhật chia làm hai khối, một khối đi tìm trật-tự mới, một khối đi tìm bầu rượu chua cay thất vọng trong hư vô, và cả hai

khởi đều nhất quyết *đoạn-tuyệt với mọi giá-trị cổ-truyền*. Giới-thiệu bộ lịch-sử tư tưởng cận-kim của Nhật-Bản (gồm 8 quyển, từ thời Minh-Trị đến nay, rất tiếc chưa có ai dịch ra Việt-văn), ông Kinhide Mushakoji cũng yêu cầu các độc-giả đừng tìm hiểu nước Nhật một cách phù-phiếm qua võ sĩ đạo, tranh ảnh hay các cô gái geisha mà nên tìm hiểu một nước đang hối-hộp cảm thấy những nỗi sức lực mong manh của mình trong trận cuồn phong đang lôi cuốn toàn-cầu.

Tới nay, hai chục năm đã trôi qua, mộng dung hòa Đông Tây đã tan như khói và loài người còn đang lo sợ một thế chiến nguyên-tử tiêu diệt cả văn minh Âu Á. Trong hai chục năm vừa qua, bộ mặt thế-giới biến đổi hoàn toàn. Không nói gì văn-minh Đông Phương bị lu mờ vào bóng tối lịch-sử mà cả đến Âu-Châu — trước đây tự hào là kẻ thừa hưởng tinh thần khoa-học của Hy-Lạp và mẹ đẻ ra nền kỹ-nghệ mới — ngày nay cũng phải lùi bước trước cuộc tiến bộ mau lẹ về kỹ-thuật của Mỹ và Nga. Trong hai chục năm qua, loài người tìm ra hai *năng lượng* tối quan trọng mà hiện loài người không những chưa làm chủ được chúng mà còn bị chúng lôi cuốn vào cuộc phiêu lưu đầy gian nguy.

Năng lượng thứ nhất là nguyên-tử năng nó có thể phụng-sự được nhân loại mà đồng thời có thể sản-xuất ra bom A, bom H, với một sức tàn phá ngoài sự tưởng tượng. Cả đến các nhà khoa học, cha đẻ của nguyên-tử lực, cũng hối hận về sự phát minh của mình và hối hộp lo sợ không biết loài người có tỉnh táo để tránh được một cuộc chiến tranh nguyên-tử chăng.

Năng lượng thứ hai mà tôi muốn nói đây, là sức lực tiềm tàng trong đại chúng và cũng mới xuất hiện sau 1945. Hơn 1/3, dân số thế-giới xưa kia bị trị trong các nước thuộc địa ở Á, ở Phi, nay lần lượt tiến lên địa vị độc lập và đóng vai trò quan trọng. Họ đói, họ hậu tiến, họ đòi được viện trợ, họ đòi quyền học hỏi, quyền được bảo-vệ bởi Liên-hiệp-quốc. Họ được bỏ phiếu trong các cuộc trưng cầu dân-ý về hiến-pháp v. v... Về chính-trị, về kinh-tế, xã-hội, văn-hóa, họ đặt ra cho cả thế-giới những vấn-đề mới mẻ. Nay họ dọa đứng về phe này, mai họ dọa nhận viện trợ của phe kia, họ có thể làm lệch bánh xe lịch-sử. Riêng về kinh-tế và văn-hóa, ta thấy 1/3 dân số thế-giới tiêu-thụ rất mạnh nào vải lụa, nào máy móc, phim ảnh, máy radio, máy chụp hình v.v... Nói khác đi, nhờ nguyên-tử năng, nhờ sự tiêu-thụ sâu rộng của khối người đông đảo mới này, bắt đầu xuất hiện trên mặt địa-cầu một nền văn-hóa mới, *văn-hóa dân-chúng* (civilisation de masse) trong đó tranh ảnh sẽ đóng một vai trò tối quan trọng và hội-họa sẽ là thứ ngôn-ngữ chung cho cả thế-giới thay thế cho espéranto. Nền văn-hóa mới này sẽ không chú trọng về chất phẩm (la qualité) như văn-minh Á-Đông xưa, không quá trừu-tượng như hội-họa Tây-Phương. Văn-hóa đại chúng sẽ lạc quan, thiết tha với đời sống hằng ngày. Nó sẽ không siêu hình yểm thế

như Phật Lão, nó không nôn mửa như phái Hiện sinh, nó không phân tích tỉ mỉ tâm hồn như Freud.

Quần chúng không phải riêng ở Việt-Nam mà ở cả thế-giới gần đây trở thành là một *năng lượng* ghê gớm hơn cả nguyên-tử-lực, chuyển động đến cả nền kinh-tế, chính-trị, xã-hội, văn-hóa của toàn cầu. Những người trí-thức đừng coi thường lực lượng ấy, đừng cho rằng dân chúng chỉ phải tuân theo, không được phép biết (theo ý trong Luận Ngữ) và cũng đừng xét tâm lý quần chúng (psychologie de la foule) qua tâm-lý cá nhân (psychologie individuelle mà chúng ta đã lượm được một cách trừu-tượng trong các sách lỗi thời. Thực ra, ảnh-hưởng của điện-ảnh, các tuyên truyền chính-trị, các vô-tuyến truyền-hình đã thay đổi cảm-nghĩ, phản-ứng, y-phục, ngôn ngữ của quần-chúng khác hẳn với tư-tưởng cổ điển rồi. Đã đến lúc người trí-thức chúng ta phải hướng về quần chúng, khảo-sát tâm-lý quần-chúng, quan sát các hiện-tượng xã hội trong lòng quần-chúng. Còn các nhà chính-trị, cố nhiên, các ông ấy đã đi trước chúng ta về điểm trên. Các chính khách đã sớm biết dựa vào sức lực quần chúng như con thuyền dựa vào sự nâng đỡ của dòng nước để quét dần dần các tàn tích cũ (ví dụ : tổng-thống De Gaulle dựa vào quần chúng Pháp để chống lại các đảng phái chính trị). Nhưng sớm muộn quần chúng sẽ tự-giác, sẽ nhận ra ai phản bội họ, ai trung thành với nguyện vọng chính đáng của họ, ai áp bức họ và tôi e có sự biến chính đột ngột, bất ngờ phát xuất từ quần-chúng bất mãn hay bị kích thích. Quần-chúng sẽ sớm thấy rằng một cá nhân họ chỉ là một hạt cát không có lực lượng gì, nhưng nhiều hạt cát nắm lại có thể xây được một tòa building, một vạn-lý trường thành. Nhất là ngày nay qua báo chí, điện ảnh, quần chúng các nước đều cùng chung một ý-thức, *ý-thức toàn cầu* (une conscience planétaire), do đó sức lực của họ mạnh hơn cả bom nguyên tử. Chính sức lực ấy sẽ định đoạt tương lai thế giới, cả đến chiến-tranh thứ ba bùng nổ hay thế-giới còn tạm hòa hoãn, một phần lớn cũng trông mong ở dư luận của đông đảo quần-chúng quyết định.

Tuy không phải là một nhà tiên tri như Trạng-Trình hay Nostradamus, nhưng chúng ta cũng dự đoán được mấy việc sau đây :

1) Quần chúng đóng vai trò mỗi ngày một quan trọng trên trường Quốc-tế. Các nhà kỹ-nghệ (ví dụ sản xuất phim) các nhà thương-mại đều trông vào túi tiền của quần chúng ; sách báo, các nhà xã-hội-học, các nhà kinh-tế-học khảo sát về tâm-lý và nhu cầu của quần chúng. Còn về chính-trị, chính-phủ nào thực sự nắm được quần chúng, chính-phủ ấy sẽ vững vàng hơn.

2) Nước Mỹ hơn nước Nga về khí-giới nguyên-tử, nên chiến tranh thứ ba chưa có thể xảy ra trong năm 1963 nhưng nó vẫn là một viễn ảnh đe dọa ở chân trời trong các năm sau.

3) Trong khi thế-chiến thứ ba còn tạm hoãn thì chiến tranh lạnh vẫn tiếp diễn gay go ở các địa phương dưới những hình thức thâm độc, tinh vi với những danh từ bịp bợm : sống chung hòa-bình trung lập v. v...

Riêng ở Việt-Nam tự-do, năm 1963 là năm phong đăng hòa cốc mà bên kia màn sắt dân chúng lại đói rét, bởi vậy ở cánh đồng biên giới có thể xảy ra những trận bẻ người đánh ổ ạt cướp thóc gạo (một thứ năng-lượng thiên nhiên) rồi mang ra Bắc để tạm « an dân ».

BÙI-HỮU-SỦNG

XUÂN TRONG THƠ

S. — Trong không khí thân mật đón Xuân và Tết cổ-truyền, các nhà thơ kể sau đã mượn vần điệu quen thuộc để giãi tỏ những tâm tình cố-hữu. Mỗi người muốn gợi ra một sắc-thái hay một ý-niệm riêng về Xuân mà không nói hẳn đến Xuân hoặc Tết, và tuy giữ thể cũ, đã bỏ hết các chữ Hán, các điển-tích, các thành-ngữ thường gặp ở nhiều bài theo Đường luật.

ĐOÀN-THÊM

Biết đã bao năm, gặp mỗi ngày
Thay màu, lặng bước, vẫn quanh đây
Phơi tà gió mỏng hoa mơ nắng
Nấp bóng cành thưa ráng hẹn mây
Buổi đón thơ vàng trăng gọi hứng
Phía dâng hương trắng rượu đòi say
Yêu nhau chẳng đợi mùa xem cúc
Ca khúc bừng xanh nhuộm lá cây

ĐÔNG-HỒ

Đã có từ bao năm tháng ngày
Có từ trời đất có rồi đây
Hồ gương soi bóng da ngời tuyết
Sao ngọc cài trâm tóc óng mây
Mái gió thềm trăng nhà mở rộng
Ca chim nhạc suối giấc ru say
Một hai tám chín nghìn muôn nữa
Vẫn ngát hồng hoa vẫn biếc cây

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Đêm trắng liền đêm, vẫn trắng ngày
Mùa xanh, Trời cợt núi xanh đây :
Quyến đi khói bạc từng ươm mộng
Đổi lại thơ vàng đã kết mây.
Chẳng mắc màn sương trao hẹn gặp
Còn nghiêng bầu nắng rót mời say.
Rừng ơi ! Chỉ có thơm lòng Đất
Cả bốn mùa đem nhựa tới cây.

TRẦN ĐÌNH KHẢI

Một mảnh tình trao vẫn đợi ngày
Cúc vàng mai trắng hẹn về đây
Lời yêu không nói chìm đuôi mắt
Thơ ý ngàn câu chải suối mây
Mình nhỉ, hương trầm gây nỗi nhớ
Người ơi, đào thắm gợi men say
Năm năm nhớ mãi, tìm nhau mãi
Bướm vẹn hoa thề, hoa vẹn cây

HÀ THƯỢNG NHÂN

Bỗng rực chồi tơ gợn chén mây
Trao thơ, vén đẹp, mở vòng tay
Trầm ca vớt gió buông cành múa
Nở gót thơm chiều nhuộm khói bay
Mắt nắng hương thầm lay nhịp nõn
Nét mơ bông vẳng lạc hồn ngây
Mưa dăng tóc quỉ xanh đèn mộng
Ngõ ẩm trời quê ngát tuổi say

XUÂN TRONG THƠ

PHÙNG - TẤT - ĐẮC

Nắng mới hoa reo ý nhạc đầy
Mào gà mươi khóm, lựu dăm cây
Cúc phô cánh lụa buông nhành lá
Mai nhớ hương xa ủ nét gầy
Tươi thắm dẫu không chìm giấc cũ
Mặn nồng vẫn đủ bốc cơn say
Vui chân lướt gió tình ru cảnh
Mở rộng lòng tơ đón nước mây

BÙI - KHÁNH - ĐẢN

Nhạc vút trời cao, hương thoảng mây
Hồn rung từng giọt thấm men say
Tình xa bến cũ, tan màu khói
Hoa biệt cành khô, ngả dáng cây
Bước chậm, sóng dồn hơi thở nhẹ
Trông theo, lòng rụng ý thơ gầy
Chiều dăng sương lạnh đường chia ngả
Níu một thời qua giữa kẽ tay

MỘNG TUYẾT

Tiệc đời náo rộn suốt đêm ngày
Suối chị rừng em gặp gỡ đây
Đã mượn lời trăng thăm ý nước
Thì đem duyên gió gởi lòng mây
Cành đong đưa nhịp cho chim giỡn
Hoa lẳng lơ mời để bướm say
Vạn vật hội mùa xuân vĩnh viễn
Nguồn dâng nhựa sống lá xanh cây

TẠ TỴ

Từ thuở nào xa trôi tới đây ?
Từng dòng lá biếc thả hương bay.
Ai xui gió lướt đôi bờ mộng,
Ta lắng thơ dâng ý nhạc đầy...
Cúc nở vườn xưa xanh lối cỏ
Áo phơi nắng mới ấm bàn tay.
Có nghe chăng nhỉ tròn hơi thở ?
Không rượu mà sao lòng thấy say...

XUÂN HIẾN

Mấy hẹn trăm hoa nở một ngày
Sáu mùa hồn bút gặp nơi đây
Thoáng trong bát chữ bao hương sắc
Trôi giữa dòng thơ một ráng mây
Cảnh lặng nằm im khuôn cửa hẹp
Nhà nghiêng che khuất mảnh trời say
Mỏng rơi tờ lịch năm gần hết
Tưởng mộng sông hồ, thẹn cỏ cây.

Cô-Liêu

VĂN MINH VÀ CON NGƯỜI

« Người ốm yếu cũng như người già cả đều là tác phẩm của văn minh ».

J. Rostand

Văn minh làm bại hoại phẩm chất truyền thống

Từ thuở giống Homo Sapiens hiện diện trên trái đất để sau này thống trị muôn loài, họ không ngừng tăng gia hoạt động chinh phục thiên nhiên, chế ngự bản năng thiên phú, và lý trí để sáng kiến ra kỹ thuật, khoa học mỹ thuật, triết lý, luật lệ và đạo lý, với những sáng kiến ấy loài người xa dần nguồn gốc thấp hèn của mình.

Tất cả những cái gì người đã thêm vào người, ta gọi chung là văn minh. Những phần thêm vào người thật là to tát rậm rạp đến nỗi khi thấy một bộ xương trong hang núi giống với bộ xương của ta, ta phải dày công nghiên cứu và tưởng tượng mới hình dung được con người nguyên thủy khi mới thoát khỏi hình hài loài thú.

Yếu tố chính yếu để loài người tiến hóa là khả năng truyền lại kinh nghiệm bản thân cho thế hệ sau. Nhờ bộ điệu rồi sau đến lời nói, đến chữ viết và nghề in, người già có thể truyền lại cho đám trẻ những phát minh sáng kiến khiến cho kiến thức tăng thêm nhanh chóng. Từ đứa con người Cro-Magnon học của đàn anh trong bộ lạc nghệ thuật làm bẫy bắt thú đến người thanh niên học tập trong phân khoa đại học, vẫn là nhờ khả năng truyền lại kinh nghiệm mà có thể dạy dỗ được. Hiện tượng ấy không xảy ra với loài vật, con chó được người ta dạy cho biết cái gì không thể dạy lại con nó.

Nhiều nhà bác học cho rằng sự tiến bộ về phương diện trí thức và tâm tình lâu ngày có tác động đến sự cấu tạo thể chất con người. Cái gì phải tiếp thu ở ngoài

vào mới có lâu dần người ta sinh ra đã có ngay, cái do xã hội truyền lại sẽ thành truyền thống của mỗi cá nhân. Hẳn là không ai nghĩ rằng sau hàng ngàn năm văn minh ở trình độ cao, con người sinh ra đã có kiến thức vào đạo lý thiên bẩm, nhưng người ta có thể cho rằng người ta học hỏi và tìm hiểu mãi sẽ trở nên dễ học dễ hiểu hơn, tôn trọng mãi kỷ cương xã-hội sẽ có xu hướng phục thiện những kỷ cương ấy. Tuy nội dung văn minh không ghi khắc vào truyền thống của giống nòi nhưng thay đổi thói quen và bẩm tính khiến cho bản chất con người dễ dạy, dễ uốn nắn, dễ hấp thụ văn minh.

Đó là ý kiến của Auguste Comte, ông tổ triết lý thực nghiệm tin rằng con người tăng tiến sinh lý thì tính tình sẽ mỗi ngày thêm khuynh hướng cao đẹp.

Triết gia Herbert Spencer cũng nghĩ rằng loài người xa dần thời kỳ man rợ sẽ trở nên thuần hậu ngay từ trong máu huyết, trong thể chất. Ngày nay con người có khi còn phải khó nhọc mới đặt mình vào được kỷ cương xã hội là vì con người đi chưa hết đường tiến hóa, con người mới văn minh nửa chừng ; nhưng trong vài thế kỷ nữa hay hơn thế, ý thức làm điều thiện sẽ trở thành bản năng thiên nhiên con người tự nhiên phục thiện không cần phải suy xét.

Felix le Dantec quy về ảnh hưởng của truyền thống không những nguyên lý nhân luân, mà cả ý thức siêu hình, ý thức luận lý.

Nếu những ý kiến đó đúng, nếu quả thật trí thức và đạo lý của óc người tạo ra vang dội đến thể chất con người, hẳn là ta có thể đặt hết hy vọng vào tương lai nhân loại. Từ thế kỷ nọ sang thế kỷ kia, con người sẽ thêm thích ứng với xã hội, trí thức và đạo đức nâng cao sau mỗi thế hệ, con người sẽ tăng tiến không có giới hạn nào theo chiều hướng cần cho trật tự tập thể.

Nhưng không thể chấp nhận được những ý kiến lạc quan ấy. Tin rằng những cái gì tiếp thụ của xã hội có thể truyền lại cho con cháu là theo thuyết của Lamarck, theo thuyết ấy thì những sự biến đổi trong cơ thể người ta có thể ghi khắc vào yếu tố di truyền và nhờ thế truyền lại cho con cháu được.

Thuyết đó ngự trị trên lãnh vực sinh vật học rất lâu, nhưng ngày nay đã bị loại hẳn vì lý do thực nghiệm cũng như lý thuyết : khoa học tân tiến biết chắc chắn rằng bất cứ yếu tố nào, tinh thần hay vật chất, thu thập ở ngoài vào chứ không phải di truyền, đều không thể truyền lại cho con cháu được.

Như vậy ta phải từ khước quan niệm văn minh có thể biến cải thể chất con người và trong tương lai con người sẽ biến đổi mãi.

Tất cả những gì con người thu thập được bằng kiến thức, suy tưởng, kỹ thuật, đều chỉ ghi vào lớp ngoài của thể chất, những yếu tố di truyền không nhận ảnh hưởng gì, vì thế những cái ấy không trở thành cái sở đắc của loài người.

***

Văn minh tự nó không phải là điều kiện làm tăng tiến con người về phương diện sinh lý, trái lại nó có thể là điều kiện gián tiếp làm cho sinh lý thoái hóa.

Phẩm chất những yếu tố di truyền, tức là hạt truyền giống gène (1), rất khác nhau từ người này sang người khác, xét về phương diện trí tuệ hay thể chất cũng vậy. Bởi thế lúc nào phẩm chất trung bình của nhân loại cũng tùy thuộc tỷ lệ những hạt truyền giống tốt và xấu. Một mặt số hạt truyền giống xấu có khuynh hướng tăng gia vì luật hoán cải (mutation), sự hoán cải thường tác động theo chiều hướng xấu chứ không theo chiều hướng tốt, mặt khác luật đào thải thiên nhiên có khuynh hướng loại trừ những hạt truyền giống xấu (vì hạt truyền giống xấu làm suy kém khả năng sinh sản của người ta).

Thuở mới có nhân loại, người ta còn ăn lông ở lỗ luật đào thải thiên nhiên rất gắt gao cho nên mặc dầu có nhiều hoán cải xấu, nhân loại vẫn giữ được mức trung bình phẩm chất, còn có thể tăng tiến chút ít. Những người yếu ớt, bệnh tật không sống được đến tuổi sinh sản, họ chết đi và chôn theo hạt truyền giống xấu của họ. Ông Henri Vallois nhận ra gần như không có người già trong những bộ xương hóa thạch tiền sử. Điều kiện sinh sống khắc khổ cũng không thuận lợi cho người ốm yếu. Người ốm yếu cũng như người già cả, đều là tác phẩm của văn minh.

Luật đào thải còn tác động đến tập thể, những bộ lạc can đảm, có tinh thần tập thể mạnh và được người cầm đầu khôn ngoan gan dạ sẽ thắng những bộ lạc khác. Trong trường hợp này luật đào thải thuận lợi cho sự phác triển đức tính xã hội và trí thông minh.

Tình trạng thay đổi hẳn khi xuất hiện những tập thể to lớn có tổ chức tinh vi, nét đặc biệt của văn minh.

Trước hết luật đào thải không có hiệu quả đối với các tập thể ấy, chiến tranh chỉ tiêu hủy những phần tử khỏe mạnh và can đảm. Sau đến lượt y học vệ sinh, cứu tế, ý thức nhân đạo, bao nhiêu yếu tố cản trở tác động thanh lọc của luật đào thải thiên nhiên.

Hàng ngàn người yếu kém trước kia tất phải chết yểu thì ngày nay vẫn có thể sống được. Số trẻ con sơ sinh yếu ớt vẫn nuôi được. Những biện pháp chủng hay tiêm ngừa bệnh được phổ biến, làm cho sức chống cự của con người tăng thêm. Nhờ phương pháp giải phẫu, đàn bà háng hẹp vẫn có thể sinh con được, và nhờ có sữa, đàn bà thiếu sữa vẫn có thể nuôi con được. Những người có tật nhỏ như hư răng và cận thị không còn phải chịu thiệt thòi (sự trừng phạt của thiên nhiên).

Đối với những hạt truyền giống liên hệ đến trí thức và đạo lý có lẽ sự hăng hoại không đến nỗi quan trọng. Nhưng ai dám cả quyết rằng thông minh và đạo đức cho người ta khả năng sinh nhiều con. Trái lại hình như số người có hạt truyền giống phẩm chất tốt lại không sinh nhiều con.

Về phương diện hôn-thú thì không còn mấy ý nghĩa đào thải trong những xã-hội ngày nay. Trong việc lựa chọn lứa đôi địa-vị xã-hội, tiền của, thường mạnh hơn và đẹp thể chất và tài năng đức độ.

Tóm lại, không có sự đào thải thiên nhiên. Sự đào thải tác động ngược chiều đó là kết quả của văn minh. Không có gì hãm bớt những hạt truyền giống xấu sinh

1) Hạt truyền giống gène và dây truyền giống chrosome ở trong trứng và tinh trùng.

sản ra thêm mãi. Luật hoán cải còn làm cho hạt truyền giống xấu luôn luôn xuất hiện. Do đó loài người suy vi mau chóng.

Sự suy vi ấy đã khởi sự từ lâu, bây giờ càng rõ rệt hơn. Đó có phải là nguyên do các bệnh viện, các trại y-tế, các nhà tù, chứa đầy người tàng tật, người suy nhược, người phạm tội? Người ta không lạ rằng trước những tai họa ấy, các nhà sinh vật học phải lên tiếng. Muller đã viết những câu : « trong nền văn minh hiện tại, sự cạnh tranh không làm cho sống sót những mầm mống có ích cho loài người . . . Văn minh đem lại nhiều may mắn cho những người yếu ớt và ngu độn có thể sinh sản được .. chúng ta phải đề phòng một tiến trình phá hoại cơ cấu giống nòi... ».

Như vậy ảnh hưởng văn minh làm cho nhân loại suy vi chớ không tinh tiến. Cơ cấu hạ từng thể chất suy bại trong khi thượng tầng sở kiến tinh thần và xã-hội trở nên nặng chìu. Văn minh quay mũi dìo trở lại mình vì không đào luyện con người thích ứng với nhu cầu văn minh mỗi ngày một nhiều, lại làm cho suy kém khả năng thiên bẩm của nhân loại. Tuy nhiên nhân loại không thể đi giật lùi, khước từ những lợi ích của khoa học và đẹp tình bác ái. Như vậy có cách nào cứu vãn vốn liếng truyền thống tốt đẹp đã thu thập được trong thời kỳ còn sống man rợ?

Đó là câu hỏi trọng đại mà khoa ưu sinh học đang tìm câu giải đáp.

Sự đào thải nhân tạo

Ý thức được mối họa cho loài người, nhiều bác học tán thành ưu sinh học có nguồng vọng thay thế sự đào thải thiên nhiên ngày trước bằng phương pháp đào thải nhân tạo. Người ta không nhằm đào thải người nhưng nhằm đào-thải những mầm mống sẽ sinh ra người.

Có hai cách thực hiện sự đào thải ấy : hoặc tiêu cực, nghĩa là làm cho con người có hạt truyền giống xấu không sinh sản được, hoặc tích cực, nghĩa là làm cách nào thuận lợi để sinh ra những người có hạt truyền giống tốt.

Về phương diện tích cực, phương pháp chính là triệt hạ đường sinh dục của những người mắc bệnh truyền thống. Đối với đàn ông rất dễ, chỉ việc cắt đứt ống dẫn tinh trùng từ hạ nang lên, người ta không vì thế mà mất dục tình. Đối với đàn bà thì khó hơn, vì phải giải phẫu, nhưng có lẽ người ta sẽ tìm ra phương pháp cắt dạ con giản dị hơn.

Nhiều nước đã thi hành nguyên tắc bắt buộc người mắc bệnh di truyền phải tuyệt tự, như Hiệp Chủng Quốc, Đức, Thụy-Sĩ, Phần Lan.

Người ta mong đợi gì ở biện pháp ấy?

Nếu là bệnh di truyền, chỉ chính người mắc bệnh mới truyền cho con cháu được, thì áp dụng phương pháp tuyệt tự cho tất cả những người bệnh ; theo nguyên tắc, sẽ trừ được hầu hết bệnh di truyền trong một thời gian ngắn (không trừ được hết hẳn vì hiện-tượng hoán cải vẫn làm phát sinh những hạt truyền giống xấu mới). Tuy nhiên cũng có nhiều người có hạt truyền giống xấu mà không truyền bệnh cho con vì nhờ có hạt truyền giống tốt của người hôn phối bù lại. Ngoài ra còn có những bệnh di truyền như bệnh glaucome (bệnh xanh mắt) chỉ phát ra khi tuổi đã cao thành ra không ngăn ngừa được kịp thời.

Sau hết, nói chung thì những bệnh di truyền nặng tương đối hiếm có, mà phần nhiều chỉ phát ra trong những trường hợp đặc biệt như những bệnh nổi cục trong dây thần kinh ở tai, teo mắt.

Nhiều hơn, là những trường hợp di truyền không phát ra, người có di truyền bệnh của ông cha nhưng vẫn bình thường rồi sinh con lại có bệnh di truyền (một vài trường hợp suy nhược thần kinh, điếc, v.v...) Trường hợp này chỉ có thể tác động hiệu quả phần nào và rất chậm.

Hiện giờ chưa có cách nào biết được một người bình thường mà có hạt truyền giống bệnh tật, vả lại cũng không thể bắt những người ấy phải tuyệt tự, vì hầu hết người bình thường đều có ít nhất một hai hạt truyền giống xấu trong số hàng ngàn hạt của mình.

Trong những trường hợp tật di truyền trầm trọng như bệnh ngu độn (idiotie), người ta nghĩ đến cách tuyệt tự thấy những người trong gia đình đã phát ra bệnh ấy.

Người ta có thể bớt những bệnh gia truyền khi cấm những cuộc hôn nhân giữa họ gần như con chú con bác, con cô con cậu, con dì. Cùng giòng họ rất dễ có cùng những hạt truyền giống xấu hơn người ngoài. Nhưng thực ra người ta không bớt số lượng những hạt truyền giống xấu mà chỉ giảm bớt trường hợp chúng có thể gặp nhau để phát ra bệnh.

Mặc dầu gặp nhiều giới hạn về phương diện lý thuyết cũng như hành động người ta cũng không chối cãi được ảnh hưởng tốt đẹp đến giống nòi của ưu sinh học tiêu cực.

Không phải rằng những hạt truyền giống xấu rất hiếm mà người ta không muốn trừ cho tuyệt, không phải rằng luật hoán cải thiên nhiên luôn luôn tạo ra hạt truyền giống xấu mà người ta đã để mặc nó thêm vào số đã có rồi, không phải rằng không thể thanh lọc hoàn toàn nhân loại trong một thời gian ngắn mà người ta không thực hiện phần nào một cuộc thanh lọc chậm chạp, không phải không thể kiểm soát được tất cả mọi người mà ta không kiểm soát những trường hợp có thể xem xét được.

Nếu có những thắc mắc về phương pháp ưu sinh học tiêu cực thì chỉ là vấn đề hiệu lực tương đối và phương diện tình cảm. Tật di truyền đến mức độ trầm trọng nào thì xã-hội phải can thiệp bắt tuyệt đường sinh dục ? Sự ích lợi cho giống nòi, sự giảm bớt số người sinh ra đã tang tật để giảm bớt thống khổ cho con người, liệu có chuộc được lỗi phạm đến nguyên tắc tự do và tôn trọng nhân vị không ?

Thật rất khó quyết định giữa những giá trị không thể ước lượng theo một quan điểm chung. Nhà sinh vật học chỉ đóng vai trò nghiên cứu và bá cáo cho tập thể biết lợi hại của một biện pháp, quyền định đoạt tối hậu là quyền của tập thể. Mỗi người chúng ta có dự phần vào tập thể trí thức của mỗi người bằng bạc trong linh hồn của tập thể. Bởi vậy cần phải làm sao cho nhiều người biết những tài liệu càng nhiều càng hay để có đủ điều kiện quyết định trong sự hiểu biết. Nhân loại chỉ có thể rút được bài học hữu ích của sinh vật học. Điều đáng mừng là một vài biện pháp ngày nay có thể chấp nhận được vì mọi

người đã am hiểu vấn đề, không như xưa vẫn cho là phạm đến danh dự và tự do con người.

Sau hết, nếu kiến thức sinh vật học được phổ biến, chắc có người sẽ tự mình xin giải phẫu cơ quan sinh dục nếu biết mình có bệnh di truyền quan trọng. Ta thử nghĩ đến trường hợp người mắc bệnh đui lòa di truyền, tất không muốn sinh con năm đứa đui hết bốn và những đứa con đui ấy lại sinh ra những dòng giống đui khác.

***

Ưu sinh học tiêu cực chỉ nhằm giảm bớt bệnh tật di truyền chứ không tăng tiến phẩm chất nhân loại. Ưu sinh học tích cực hướng về mục đích ấy và đề nghị những phương pháp lợi cho sự sinh sản nhiều người có bẩm truyền giống trên mức trung bình về phương diện di truyền, trí thông minh của người ta khác xa về phẩm chất từ người này sang người khác. Trong điều kiện xã hội ngày nay, nhiều người có thể có những truyền thống thông minh tốt đẹp nhưng không có cơ hội phát triển, tuy nhiên ta có thể chắc chắn rằng những người thông minh khác thường tất phải có những bẩm truyền giống ưu hạng. Làm cho những người ấy sinh được nhiều con cái tức là làm lợi cho giống nòi. Hẳn những thiên tài, những vĩ nhân không mấy khi có con tài đức lỗi lạc như mình, nhưng người ta có nhiều hy vọng họ sinh con thông minh trên mức trung bình.

Nhà sinh vật học Muller đề nghị việc áp dụng phương pháp ưu sinh tích cực như sau :

Đối với loài vật có thể lấy tinh trùng của một con vật tốt để gây giống cho nhiều con cái bằng cách thụ thai nhân tạo. Ở Liên-Xô người ta đã dùng được tinh trùng của một bò mộng làm thụ thai 500 bò cái trong một năm ; người ta đã làm thụ thai 15.000 cừu với tinh trùng một con cừu đực.

Như vậy trên lý thuyết, có thể đem phương pháp này áp dụng cho người. Muller nói : «có thể làm cho một số lớn trẻ con thế hệ sau thụ hưởng những đức tính ưu tú của một vài người siêu việt mà cha mẹ chúng không từng gặp nhau bao giờ ». Dĩ nhiên thụ thai nhân tạo chỉ có thể thực hiện với những người đàn bà tình nguyện « thụ thai có hướng dẫn ».

Theo lời nhà sinh vật học ấy thì chỉ cần một thế-kỷ nỗ lực truyền giống ưu tú là phần lớn nhân loại sẽ gồm những người ngang hàng với những thiên tài chói lọi hiện nay. Ông viện lý : « một là nhân loại tiếp tục chính sách phó thác việc sinh sản cho sự ngẫu nhiên để đi đến chỗ suy bại tất nhiên, hai là kiểm soát hữu hiệu việc sinh sản. Như vậy sẽ tránh được sự sụp đổ tất nhiên và làm chủ được vận mạng. Nhân loại sẽ đạt được mức tiến hóa cao tột xưa nay chưa bao giờ có ».

Đối với loài vật, khi tuyển lựa con giống, người ta đã có thể tăng tiến bội phần những căn tính tốt đẹp, như gây được giống gà đẻ nhiều trứng, giống bò có nhiều sữa.

Hẳn là kết quả sẽ tốt đẹp và mau chóng hơn, khi người ta có thể tuyển chọn cả hai con : đực và cái, nhất là sự tuyển chọn không căn cứ vào phẩm chất riêng biệt của chúng, mà căn cứ vào phẩm chất của trứng và con đã sinh sản được.

Xét đến loài người, thật là khó tuyển lựa lấy những bà mẹ « tốt nái », vả chăng người ta sinh đẻ muộn thành thử khi biết được phẩm chất đứa con sinh ra thì cha mẹ đã già. Tuy rằng phép tuyển lựa của Muller không hoàn hảo, nhưng về phương diện sinh vật học cũng có phần khả thủ.

Nhưng trong tương lai người ta có thể ướp để dành lâu những tinh trùng của đàn ông để có phương tiện nghiên cứu phẩm chất rồi mới đem dùng. Muller tưởng tượng ra có thể tàng trữ tinh trùng như ngày nay tàng trữ da và hạch bằng sức lạnh. Klinke đã chứng minh rằng tế bào loài có vú có thể « sống » được với sức lạnh của đạm khí lỏng (— 196°) và khinh khí lỏng (— 253°). Theo Luyet và Otto Rahn thì muốn cho tế bào không chết khi đem ướp lạnh, phải thực hiện lãnh độ thực mau chóng để tế bào bắt thình lình từ trạng thái sinh bào đổi ra trạng thái trong suốt chứ không phải qua trạng thái kết tinh rất nguy hiểm. Có lẽ tinh trùng ướp lạnh như thế sẽ để được nhiều năm.

Cho rằng con người đã toàn thiện không cần tăng tiến nữa là một quan niệm quá lạc quan.

Đành rằng về phương diện trí tuệ, con người đã khá tiến bộ, giữ nguyên hiện trạng ấy loài người cũng đã có thể khai-thác rộng rãi hơn những khả năng truyền thống tốt. Khi tổ chức xã hội chu đáo hơn, những hạt truyền giống tốt đều được may mắn phát triển, khi mỗi nước không cần mở rộng bờ cõi vẫn có thể lớn mạnh nhờ cách đem lại may mắn đồng đều cho hết thảy mọi người phát triển và thi thố tài năng, trình độ trí-thức đạt được hẳn là phải trình độ cao.

Nhưng phần đạo đức của con người ta không chắc tiến triển được tốt đẹp như thế. Người ta có thể dạy dỗ theo những phương pháp hợp lý từ lúc thơ ấu để con người phát triển nhịp nhàng, tránh những sự thiên lệch tâm tình. nhưng ta nên biết tâm để người ta là những bản năng thấp hèn, dữ tợn, tham lam ; ta chẳng nên lấy làm lạ, vì loài khỉ không khác tổ tiên ta mấy tý, không phải là loài có bản năng vị tha.

Tóm lại, ưu sinh học về đủ mọi phương diện, đem lại cho nhân loại một nguồn hy-vọng lớn, có lẽ là hoài bão lớn hơn cả những hoài bão khác.

Nhưng nhân loại có chấp nhận kỷ luật ấy không, có chịu sử dụng những phương tiện của sinh vật học đem lại để siêu thăng ? Người ta có phần kinh tởm những phương tiện ấy. Phe chống đối ưu sinh học tích cực được lợi thế khi họ viện dẫn những lý lẽ nhân cách và tự do của con người. Ý niệm tuyển giống người ta như tuyển giống gà hay bò không khỏi xúc phạm đến những ý niệm khả kính ta sẵn có về con người. Có lẽ chỉ là thành kiến thật nhưng những ý niệm ấy liên hệ mật thiết đến nền nếp văn-minh nên chúng ta không thể động chạm đến mà không có hại.

Danh dự con người sẽ ra thế nào ? Vấn đề này cũng như vấn đề ưu sinh tiêu cực, phải để cho công chúng quyết định, chọn lựa con đường siêu tiến hay ngưng trệ, có khi thoái hóa.

Khi công chúng biết rõ phương-pháp đào thải nhân tạo có thể mở đường cho nhân loại siêu tiến, công chúng sẽ đem đối chiếu với những điểm thắc mắc và ghê tởm của mình, để cân nhắc mà chấp nhận một kỷ luật mới mẻ đưa mình lên trình độ tiến hóa siêu tuyệt.

CÔ-LIÊU

Theo JEAN ROSTAND
Viện Hàn-Lâm Pháp

NGƯỜI VỀ MÙA XUÂN

Dù những đêm đông dài còn cúi đầu
Quanh bếp lửa
Anh vẫn nuôi hoài lòng tin
Giữa một sớm mai Bắc-Âu
Trời rét không sao bằng nỗi sầu có quạnh

Chợt nhớ tới em
Em ơi ! Anh muốn được trở về
Đồng hoa vàng che khuất lối vào xóm nhỏ
Bờ đất nâu viền thửa ruộng lúa non
Lòng sông lấng bùn chở nắng trôi êm
Anh muốn được trở về
Cười vỡ ngực cuộc đời xưa tối tăm
Đánh giấc dài giữa thành phố đau tim cũ
Buổi sáng thơ ngây hồn trẻ con
Sẽ ngắm nhìn rất lâu
Khuôn mặt những người cùng máu thịt
Những người được ràng buộc vào số phận quê hương
Anh sẽ xin ngắm nhìn rất lâu
Những tia mềm rực rỡ
Sao mắt bâng khuâng
Em ơi Anh muốn được trở về
Với nhịp thở cuồng nhiệt
Tự tay gõ cửa tình yêu
Quê hương Anh thường nhớ vô cùng
Như lúc Anh ôm hôn em
Những người đã yêu nhau
Như đôi ta
Không muốn rời nhau một phút

Trên bãi trán rũ tóc thơm
Trên gò má ngọt
Trên nụ hồng đời ven mi mắt xanh
Rừng đã khởi sự điểm trang
Mai khoe mấy hàm răng bạch tuyết
Đường biển về chân trời đầy chim
Xuôi theo dòng máu chung thủy
Về tim em hay tim quê hương
Từng bước khoan thai
Từng bước
Đầm thắm mặt trời Xuân.

HOÀNG-BẢO-VIỆT

THỜI GIAN

ĐỖ - TẤN

Mỗi ngày ta đến lớp
Không biết mình ngu hay chúng dốt
Những cặp mắt đi trong sương mù
Những lời giảng hiền lành như nắng ngọt

Mỗi ngày ta đến lớp
Mỗi năm một số con gái lấy chồng
Mỗi năm một số con trai ra trận
Mỗi năm ta ho vào những ngày mùa đông

Những bữa cơm trưa nghe tiếng máy bay rền-rỉ
Những chiều mưa dầm nghe tiếng nhà ai khóc than i-ỉ
Những đêm lặng im nghe tiếng thở dài của ta
Những sáng mai hồng nghe tiếng xe hồng thập tự từ xa

Nhà nhà được tin : mùa xuân đã chết
Một tiếng súng vu vơ : một tiếng than dài « chấm hết »
Ta gầm mặt đến trường
Ta cúi đầu vào lớp.

●

mùa xuân đã hết

Có con tu hú gọi dài bóng đêm
Có ánh ráng hồng trên giòng sông im
Có những người đi, đi trong im lặng
Có anh buổi chiều bỗng dưng nhớ em

Có chiếc xích-lô chạy trong buồn ngủ
Có đám chuồn chuồn bay vào sân khô
Có rất nhiều mây trên trời u-rũ
Có một mình anh thấy mình bơ vơ

Có một đoàn tàu rúc vào mưa bụi
Có gió từng hồi chạy trên đồng không
Có những chấm đèn lạnh run buồn tủi
Có anh trên đường thở dài chờ mong

Có độc, một mình, bơ vơ, trống trải
Mùa hạ, mùa thu, rồi nay mùa đông
Muốn gởi đến em những lời thăm hỏi
— Nhưng gọi tên em hay gọi tên chồng

Đ. T.

Mùa xuân trong mắt em

Em vội chào xuân quên điểm trang
Áo tơ vàng nhuộm nắng xuân vàng
Riêm mi khẽ động, mơ hồ nhạc
Cung phím trời mây trôi nhịp nhàng

Xuân đến từ gương mặt dậy thì
Ngón măng mười búp thả xuân đi
Trần gian hoài vọng thanh bình điệu
Đôi mắt Em như có nghĩ gì?

Có biết chim mùa mơ gió xanh
Niềm xuân man mác ý quân hành
Ngàn xa sương khói vây chiều mộng
Trăng núi từng thương liễu thị thành

Nhãn ảnh chìm sâu dấy mắt ai
Một mùa xuân cũ, giấc xuân dài
Giấc xuân từ độ nhầu binh lửa
Dường cứ xa dần, bóng chửa phai

Em có buồn không, có dợi không?
Mùa chưa trả vẹn lứa xuân hồng
Chiều Em, mây trắng nhường chân núi
Xuân vẫn còn thương kẻ nhớ mong

Hướng mắt hoài xuân khó đổi dời
Lời xưa mặt đá nét xuân vơi
Rượu mùa sau lẹn màng duyên trước
Men dậy mười phương ngát gió khơi.

TU ÒNG-LINH

Hội nghị âm-nhạc tại La-Mã

Ng. xa cách,

BẠN hỏi tôi đi dự hội nghị âm-nhạc tại La-mã có gì lạ. — Tôi định để cho những điều nghe thấy lắng lại trong đầu tôi mới viết thư cho bạn, chớ bạn nghĩ coi, trong bốn năm cái hội-nghị liên-tiếp nhau cử-hành tại La-Mã, có hàng mấy chục diễn giả trình-bày, hàng mấy chục vấn-đề, hàng trăm người tham-gia thảo-luận, những toát-yếu các bài thuyết-trình góp lại đã thành một tập dầy mấy trăm trang! Lựa gì nói lại bạn nghe.

Lần này phần tôi phải tham dự năm hội-nghị lớn nhỏ :

1.— Ban chấp-hành của Hội-Đồng quốc-tế họp riêng để thảo chương-trình hành-động trong hai năm tới đây (1963 và 1964).

2.— Hội-đồng quốc-tế nhóm Đại-hội để xem bản báo-cáo của ủy ban quốc-gia âm-nhạc xem những điểm đã thực-hiện trong hai năm vừa qua, xem bản thâu xuất chi-tiêu của Hội-Đồng, duyệt y chương-trình hành-động, đề-nghị chi-tiêu trong hai năm tới. Và cử những hội-viên cá-nhân hay nhân-viên ban chấp-hành để thay thế những người mãn khóa trong năm nay.

3.— Đại hội-nghị với chủ đề thảo luận : Âm-nhạc và thính-giả.

4.— Hội-nghị về « Những phương-tiện kỹ thuật và sự trình-bày âm-nhạc cho công-chúng.

5.— Ủy ban chuyên-môn họp để xem các báo-cáo do gần 30 đài phát-thanh các nước Âu-Á gởi đến, để thấy qua địa-vị của dân ca, cổ-nhạc trong

chương-trình phát-thanh âm-nhạc của mấy đài ấy và dự thảo một bản báo-cáo chung cho cơ-quan văn-hóa Liên-hiệp-quốc (UNESCO).

Năm hội-nghị ấy có thể chia ra làm ba loại :

— Loại thiên về công-việc hành-chánh quản-trị hay tổ-chức (hai hội-nghị đầu).

— Loại thiên về xã-hội (hai hội-nghị kế).

— Loại chuyên-môn (hội-nghị chót).

Về hội-nghị thứ năm, tôi chưa nói rành cho bạn nghe được vì trong ba ngày, chúng tôi nghe không hết những cuốn « băng » đã nhận được, và về Ba-lê chúng tôi sẽ còn họp lại một hai lần nữa để định-nghĩa vài danh-từ thường dùng trong các bản báo cáo, và nghe kỹ lại những thí dụ của các loại nhạc.

Về hai hội-nghị đầu, có hai điểm làm tôi để ý nhất là sinh-hoạt âm-nhạc trên thế-giới và địa-vị quan-trọng của âm-nhạc Á-Phi.

Theo bản báo cáo của Ủy-ban quốc gia về âm-nhạc của các nước có chân trong Hội-đồng quốc-tế âm-nhạc, thì ngoài việc tham-dự các hội-nghị hay nhạc-hội quốc tế, nhạc công, nhạc sĩ nhạc sư trong nước, họ để ý đến vấn-đề giáo-dục âm nhạc đào tạo nhân tài, khuyến-khích công-việc sáng tác sưu tầm. Không nói đến những nước lớn như Hoa-Kỳ, Nga-Sô hay những nước có truyền-thống âm nhạc như Đức, Pháp, Ý, Hung-Gia-Lợi, xem qua sinh-hoạt âm-nhạc của những nước ở Á-Châu như Nhật-Bản, những tổ-chức thanh-niên yêu nhạc (Jeunesses Musicales), hay những nước mà điều kiện kinh-tế không hơn nước Việt bao nhiêu như Cuba hay là Tuy ni zi, chẳng hạn, chúng ta sẽ giựt mình vì so với người chúng ta còn kém họ rất xa.

Lẽ tất nhiên, nhờ điều-kiện chính-trị và kinh-tế đặc biệt, nước Nhật có thể đem sánh với các cường-quốc trên thế-giới về mọi mặt cũng như về sinh-hoạt âm-nhạc. Nhưng thấy họ trao đổi văn-hóa với các nước Đức, Mỹ, Pháp, Hòa-Lan, Hung-Gia-Lợi, Ba-Lan, Thụy-Sĩ Tiệp-Khắc và Nga-Sô (theo bản báo cáo của Ủy-ban quốc-gia Nhật Bản về âm-nhạc) thấy họ có người tham-gia rất nhiều hội-nghị quốc-tế, dự vào những cuộc thi tài quốc-tế mà họ đoạt nhiều giải, chúng ta cũng tự hỏi về cổ nhạc, tân nhạc, hay nhạc quốc-tế chúng ta đã làm gì để giữ gìn, vun bồi, mở mang vốn cổ và đã học hỏi hay áp-dụng những cái gì mới để cho chúng ta có thể góp mặt với người trên thế giới ?

Khi nghe đại biểu của nước Thụy-Sĩ mà dân số chỉ độ hơn 5 triệu, nói rằng trong nước họ có độ 7000 (bảy ngàn) ban hợp ca và lối 400 giàn nhạc không phải hạng nhà nghề, thì bạn nghĩ sao ?

Bà de Reding, chủ tịch Liên bang quốc-tế các hội Thanh-niên âm-nhạc cho biết rằng trong mấy năm vừa qua, Liên bang gồm có 512 chi nhánh trong 17 nước và số hội-viên được 450.000. Liên bang đã tổ-chức 575 buổi trình bày vũ khúc, 1240 buổi hòa nhạc, 157 trình bày hợp ca, 700 buổi đọc nhạc công độc tấu, 1360 buổi phát thanh trên các đài vô tuyến-điện hay

vô tuyến truyền hình. Liên bang đã thành lập 73 giàn nhạc thanh niên, 100 ban hợp xướng, 8 trại âm-nhạc để cho thanh niên thế-giới đến gặp gỡ và học tập âm-nhạc, phát hành 94 tờ báo và tạp chí về âm nhạc thường thì 2 tháng xuất-bản một lần, mỗi lần lối 230.800 số. Thanh niên âm nhạc đã tập dượt và giới thiệu 774 nhạc phẩm cận-đại. Đó là chưa kể những buổi diễn thuyết về âm-nhạc cổ-điển hay âm-nhạc Á-châu.

Từ đầu năm 1961 đến giờ Ủy-ban quốc-gia Tuy-ni-zi đã khuyến-khích công việc sưu tầm vốn cổ của Viện « La Rachidia » thành lập các ban nghiên cứu cổ nhạc. Viện La Rachidia tổ chức hàng tuần những buổi hòa nhạc cổ truyền. Đài vô tuyến điện phát thanh nhạc cổ truyền. Trong các trường Trung học, giáo-sư môn giáo-dục âm-nhạc phải dạy về lý thuyết cổ nhạc Á-rập đi đôi với lý-thuyết Âu nhạc. Sinh-viên nào muốn học nhạc Âu phải có bằng về cổ nhạc Tuy-nizi do Âm nhạc viện Tunis cấp mới được xuất dương. Các nước Phi-Châu hiện đang lo việc thu thanh và sắp loại những bài dân ca cổ truyền, quay phim các dân vũ để giữ lại nghiên-cứu, và nhiều nhà nhạc học Âu đã được chánh phủ mấy nước Phi-Châu mời đến để tổ-chức việc nghiên cứu và đào tạo cán-bộ. Bạn nghe thế có « thèm » không ?

Trong sinh-hoạt âm-nhạc trên thế-giới, âm nhạc Á-Phi đang chiếm một địa vị mỗi ngày thêm quan-trọng. Từ trước đến giờ, người Âu thường cho rằng nhạc cổ truyền Á-Châu hay Phi-Châu không thể được coi ngang hàng như nhạc cổ-điển Âu-Mỹ. Nhưng từ năm sáu năm nay, nhiều nhạc sư Nhật-Bản, Ấn-Độ sang Âu-Châu trình bày nhạc cổ truyền của nước họ, những đoàn ca vũ nhạc kịch Triều-Tiên, Phi-Luật-Tân, Ấn-Độ Nam-Dương, Dahomey (Đa-hê-mê) Phi-Châu sang biểu-diễn các dân vũ được công chúng và báo chí bên này hoan nghênh. Thành ra sách vở, và đĩa hát về các loại nhạc cổ truyền được xuất bản nhiều hơn trước. Bên Pháp từ hơn hai năm nay có Trung-tâm học nhạc Đông-phương dạy nhạc Việt, Ba-Tư và Ấn-Độ về hai phương diện-lý thuyết và thực hành. Bên Đức có hội học nhạc Đông phương tổ-chức những buổi diễn thuyết và hòa nhạc Á-châu. Bên Anh có hội Asian Music Circle » (Á-châu âm-nhạc hội) tổ chức dạy nhạc và vũ Ấn-độ tại Luân-Đôn. Hội có chi nhánh bên các nước Âu-châu như Đức, Áo, Thụy-Sĩ v.v... Bên Mỹ có viện Dân tộc nhạc học do giáo-sư Mantle Hood điều khiển tại Los Angeles. Ngoài các môn về ngôn ngữ học, khoa nghiên-cứu, và đặc tính của nhạc-khí, nhạc ngữ trên thế giới. Viện có dạy đàn tỳ bà và đàn cổ cầm Trung-Hoa giáo sư Lui Tsun Yuen) đàn nhã nhạc Nhật Bản (Giáo sư Robert Garfias) đàn Nam-Dương (giáo sư Tjokorda Mas và Wajan Gandera) đàn Ba-Tư (giáo sư Harmaz Farhat) đàn Mã-Lai (giáo sư Manthe Hood) sinh viên Mỹ có thể học nhạc Nam-Dương, Ba Tư v.v... Và trình-bày luận-án Tiến-Sĩ. Đồng thời các giáo-sư và sinh-viên thường họp để hòa-nhạc Nhật-Bản hay Nam-Dương và có nhiều đĩa hát do giàn nhạc gồm giáo-sư và

sinh-viên Mỹ đàn nhã nhạc Nhật-Bản (Gagaku) và hòa tấu nhạc Nam-Dương (Gamelan) Giáo-sư Manthe Hood hai lần ngỏ ý mời tôi đến dạy nhạc Việt tại trường nhưng công-việc nghiên-cứu của tôi ở Ba-Lê đang tiến-hành, tôi không thể bỏ dở. Tại trường Đại-học Ba-Lê, trước có ông Maurice Courant người Pháp và Makino Tsiun người Trung-Hoa trình luận án về cổ nhạc và tân nhạc Trung-Hoa, ông Barkechli (Bạc kế sơ li) trình-luận án về âm giai trong nhạc Ba-Tư, kế tôi trình-luận án về nhạc Việt cổ truyền, trong vài năm tới đây có ông Duriauche Safvate người Ba-Tư trình-luận án về lý-thuyết nhạc Ba tư, ông Gilbert Rouget người Pháp trình-luận án về nhạc Dahomey (Phi-Châu). Không những nhạc cổ-truyền Á-Phi được người Âu Mỹ bắt đầu để ý và nghiên-cứu, nhạc công, nhạc sĩ Á-Châu cũng được trọng-đãi và hoan-nghênh. Những Nhạc-sư danh tiếng như Ali Akbar Khan hay Ravi Shankar, mỗi đêm hòa nhạc bên Mỹ hay bên Ấn-độ đều được trả lối 400 Mỹ kim — tức là lối 4 vạn bạc ta. Trong mấy cuộc thi tài quốc-tế người Nhật đã nhiều lần chiếm giải. Năm nay về nhạc cận đại, nhạc-sĩ Nhật Akira Miyoshi được chấm giải ba với một bài tứ tấu vĩ cầm (quatuor). Năm rồi với bài Tam khúc giao hưởng nhạc-sĩ đã được chấm giải nhì. Chỉ có nhạc-sĩ Miyoshi là người năm rồi trúng giải mà lại được tiếp cả năm nay. — Trong kỳ Đại-hội Salzbourg bên nước Áo, với chủ đề « Âm nhạc và vô-tuyến truyền hình » có cuộc thi về đại-nhạc-kịch (Opéra) — Đài vô-tuyến truyền-hình của 6 nước Đan-Mạch, Pháp, Anh, Ý, Nhật, Áo trình-bày 7 vở đại-nhạc-kịch do nhạc-sĩ cận-đại sáng-tác — Ban giám khảo chấm vở nhạc-kịch mà người Pháp dịch là « Le tambour de soie » (Trống lụa) do nhạc-sĩ Yoshiro Irino sáng tác — Tôi không được xem nhạc-kịch ấy nhưng giáo sư Egon Kraus người Đức nói với tôi rằng nhạc tuy viết theo phương-pháp sáng-tác Âu-Mỹ, tác nhạc và nhất là chủ đề vở kịch và cách trình-diễn thì đặc-biệt Á-đông. Chính sự dung-hòa khéo léo giữa cái tế-nhị Á-đông và cái khoa học Âu-Mỹ làm cho ban giám khảo phải phục, (1). Trong kỳ Đại hội vừa rồi tại Salzbourg, nơi chôn nhau cắt rốn của nhạc-sĩ Mozart, tôi tuy không đến dự, mà vẫn có mặt, bạn nghĩ có lạ không ? Số là nhiều Đài vô tuyến truyền-hình các nước trình-bày những chương-trình giáo-dục âm-nhạc. Đài vô-tuyến truyền-hình Pháp chọn phim về « Âm nhạc và cuộc đời » do nhạc sư Daniel Lesur giới thiệu trong đó có tôi đàn tranh, đàn cò (nhị) và đàn kim (nguyệt). Cũng như năm rồi, nhờ cuốn phim của Đài N. H. K. Nhật-Bản quay để so sánh cách đàn Koto và đàn tranh, lúc tôi đến Đông-Kinh, mà tôi được dự Đại hội Salzbourg cùng với giáo-sư Kolzumi và nhạc sư Sumiko Hirai. Năm nay cũng trong tinh-thần trọng nhạc Á-Phi mà Đại hội cử ông Narayana Menon nhạc-sĩ Ấn chuyên đàn Vina, tốt-nghiệp Đại-học Edimbourg giám-đốc Đài vô-tuyến điện

(1) Tôi vừa gặp nhạc-sĩ Irino tại Ba-Lê, có dịp sẽ viết thơ sau.

Ấn-độ, và ban chấp-hành. Ấn-độ chưa thành lập Ủy-ban quốc-gia về Âm-nhạc. Ông Menon cũng như tôi cách đây 2 năm trước, được cử vào ban chấp-hành với tánh-cách cá-nhân. Đồng thời ông Nkettia người nước Gha-na (Phi-Châu) nhạc-sĩ vừa cổ vừa tân nhạc, giáo-sư âm-nhạc viện Ghana, cũng được cử làm hội-viên của Hội-đồng quốc-tế âm nhạc với tánh-cách cá-nhân. Thế là trong số chín nhân-viên ban chấp-hành có hai người Á-Châu và trong số mười hội-viên với tánh cách cá-nhân được bầu năm nay có một người Phi-Châu.

Người ta càng để ý đến nhạc Á-Phi, thì mình càng cố làm sao cho kho tàng cổ nhạc Á Phi phong phú thêm và trình độ sáng-tác hay thưởng-thức nhạc của người Á-Phi được cao thêm.

Bây giờ đến lượt hai hội-nghị có tánh-cách xã hội. Tôi có gởi cho bạn hai bốn chương-trình Đại-hội, chắc bạn đã thấy rõ ràng trong ba ngày liền, 39 người được mời thuyết trình những vấn đề đặc-biệt tùy theo sở trường của họ. Chủ đề của Đại-hội là « Âm-nhạc và thính-giả ». Nhưng các diễn-giả không những nói về thính giả mà đề-cập đến chương trình của những buổi hòa-nhạc những buổi phát-thanh, truyền-hình, sự tổ chức của giới nhạc công nhà nghề, nhạc công tài-tử, và vấn-đề chi phí trong lúc tập dượt. Có người đứng về mặt lịch-sử mà nói về người thính giả ngày xưa và ngày nay như ông Mario Labroca.

Ngày xưa, thính giả phải đến phòng hòa nhạc để nghe nhạc. Ngày nay, muốn thưởng-thức nhạc, họ có thể ở nhà vặn máy vô tuyến điện, máy vô tuyến truyền hình, hay máy hát. Họ là những người « thính-giả vô hình ». Số thính-giả nầy mỗi ngày một đông thêm, nên vấn đề hiến cho họ một « thức ăn » nghệ-thuật rất quan trọng.

Có người đứng về mặt xã-hội như giáo sư người Đức Walter Wiora mà nhận xét sự biến chuyển của thính-giả qua những sự đổi thay trong xã-hội. Ông thấy rằng ngày nay số thính-giả đông hơn xưa. Những người trong giai-cấp cần lao, hay ở hang cùng ngõ hẻm, hay ở bất cứ nước nào trên thế-giới ngày nay cũng có thể nghe hoặc thưởng-thức nhạc. Và vì họ đông hơn xưa, họ ở các tầng lớp khác nhau trong xã-hội mà sự ưa thích của họ cũng khác nhau, có người ưa dân ca, có người thích nhạc mà giáo-sư Wiora gọi là « nghệ-phẩm », nhạc giao hưởng, đại nhạc kịch, nhạc thính phòng v.v... Tôi cũng đứng về mặt xã-hội mà nhận-xét những sự thay đổi trong thành phần cũng như trong thái độ của người thính-giả phương Đông qua những biến-chuyển xã-hội — Tôi có gởi về cho bạn một bản in ronéo *của bài thuyết-trình ấy. Tôi nhấn mạnh ở điểm : ngày xưa nhạc đi đôi với lễ và chỉ có* người tấu nhạc *và* người hành lễ *trong các loại lễ nhạc, hoặc người nông dân hay lao công vừa hát vừa làm việc, tức là người hát không khác người nghe. Âm-nhạc để làm cho cuộc lễ trang nghiêm hay để giúp cho người lao động quên mệt nhọc. Âm-nhạc không phải để làm vui tai người nghe mà có một công-dụng xã-hội. Người*

thính-giả đầu tiên xuất-hiện trong cuộc sinh-hoạt âm-nhạc là những lực vương già công hầu khanh tướng. Trong những buổi yến tiệc, họ uống rượu để nghe những nhạc công chuyên-nghiệp đàn hát. Người thính-giả trước chỉ gặp trong vương-phủ, sau gặp ngoài dân gian trong giai-cấp sĩ-phu hay thương-gia. Đến nay, không cần phải rõ trong hoàng tộc, người Nhật cũng nghe được những bản triều nhạc, nhã nhạc (gagaku) người Việt cũng nghe được những bài Đăng đàn Tam Thiên do đội Đại nhạc hợp tấu — Chúng ta chứng kiến sự dần chú hóa người thính-giả. Số thính-giả càng đông thêm, nhưng sự tham-gia của người thính-giả trong việc tấu nhạc bớt lần. Ngày xưa, người nghe nhạc hoặc đặt cho ả đào hát, lúc nghe lại cầm chầu để thơ vừa đánh nhịp vừa tán thưởng.

Ngày xưa, người Trung-Hoa nghe hát tuồng, gặp lúc hay, la to « Hí » (Hảo) để tán-thưởng và nưng chí diễn-viên. Ngày nay, họ ngồi yên nghe đến màn hạ mới vỗ tay. Âm-nhạc Âu-Mỹ lại lan tràn khắp Á-Châu do những đài vô tuyến điện, những phim điện ảnh hay đĩa hát đem tới. Có những lối nhạc ngoại lai ra đời và thính giả chia ra nhiều hạng tùy theo sở-thích của họ: Cổ nhạc, tân nhạc và Âu nhạc. Theo sự nhận xét của tôi khi đi một vòng Á-Châu trong năm vừa qua, thì đa số thính-giả ngày nay chỉ thích những lối nhạc dễ-dàng, mà một phần lớn tại ảnh hưởng của điện ảnh và các hãng đĩa. Sau khi xét qua nguyên-nhân của hiện trạng ấy, tôi đề-nghị đưa ra hai vấn-đề để thảo-luận là việc tổ-chức sinh-hoạt âm-nhạc và sự giáo-dục âm nhạc cho dân chúng.

Cũng có nhiều người đồng ý với tôi. Giáo-sư Dorel Handman và ông Hans Rutz trong khi bàn về ảnh-hưởng của đĩa hát trong sự ưa thích của người thính-giả. Hai ông nhấn mạnh vào điểm đĩa hát có thể giúp cho người thính-giả hiểu và thích lối đại nhạc, cũng như có thể làm cho họ quen với những lối nhạc không có giá trị nghệ-thuật. Về việc làm đĩa hát, có một đại-biểu người Anh, đại diện cho các nhà làm đĩa hát, đứng ra bênh vực lập trường của những người làm đĩa. Trong bài thuyết trình của ông có ba điểm chính.

1.— Người làm đĩa vì không được tiền trợ cấp của chánh-phủ nên phải làm sao cho hãng đĩa đừng bị khánh tận, vì thế họ phải theo thị hiếu của đa số và cho sản xuất những loại nhạc mà phần đông những người tham dự Hội-nghị cho rằng không có tánh-cách nghệ-thuật. Nhưng người làm đĩa không phải là người vô lương-tâm và không yêu nhạc đâu.

2.— Người ta thường cho rằng đa số thính-giả không có khiếu thẩm-mỹ. Nói thế rất sai vì theo ông, thính giả đã đào-thải những bản nhạc hay bài hát không có chút nghệ-thuật.

3.— Người thính-giả có quyền nghe lối nhạc nào tùy họ, dầu cho lối nhạc đó dở hoặc hay.

Tôi phải đứng lên phản đối vì theo ông ta thì miễn có nhạc cho công chúng nghe, là được và như thế thì vấn-đề trách-nhiệm của người chủ trương

sinh hoạt âm-nhạc trong một nước hay vấn-đề giáo-dục âm-nhạc không còn có lý-do của nó. Tôi lập lại 3 điểm chánh của ông và nêu lên 3 câu hỏi.

1.— Tôi nhìn nhận rằng có rất nhiều nhà làm đĩa dầu thiện chí muốn phục-vụ âm-nhạc. Nhưng cũng có một nhà làm đĩa đã tìm tôi, nhờ tôi đem dân ca, cổ nhạc Việt cho ông ta biến thành những bản « mambo » hay « cha cha cha ». Như thế thử hỏi ông ta muốn « giới-thiệu » « phụng sự » hay là « tiêu diệt » nhạc Việt.

2.— Đa số thính giả có óc thẩm-mỹ. Nhưng óc thẩm-mỹ con người là do sự đào tạo bên ngoài. Cứ nói mãi rằng chỉ có « sữa Con chim » là tốt nhất, thì công chúng sẽ tin là « sữa Con chim » tốt nhất. Hằng ngày mấy hãng đĩa ăn chịu với mấy đài vô tuyến điện, cho phát thanh luôn luôn một bài hát không chất nghệ-thuật thì đa số thính giả sẽ bị ảnh-hưởng đó mà « làm quen » rồi « ưa thích » bài hát mà hãng đĩa muốn tung ra thị-trường. Quần chúng có thể có khiếu thẩm mỹ. Nhưng ông có nghĩ rằng sự tấn công bằng quảng cáo có thể làm cho khiếu thẩm mỹ ấy sai dịch đi chăng ?

3.— Quần chúng có quyền muốn nghe loại nhạc nào tùy họ, dầu nhạc đó dở hoặc hay. — Như thế thì nếu quần chúng thích hút thuốc phiện hay uống rượu để thì cứ tha hồ cung cấp cho họ đủ thuốc phiện đủ rượu để họ tự tử lần mòn hay sao ?

Cũng như về vấn-đề giáo-dục âm-nhạc cho quần-chúng thì giáo-sư người Đức Egon Kraus và nhạc-sĩ người Nga Boris Yaroustovsky trong bài thuyết trình của hai ông, cũng phát biểu ý kiến giống như tôi. Bà Nancy Martin đại biểu Tân Tây Lan không tin rằng giáo-dục âm-nhạc có thể làm cho thính-giả yêu nhạc. Bà cho một thí dụ cụ thể là bên Tân Tây Lan, có nhiều nơi sự giáo-dục âm-nhạc làm cho một số đông thính giả hiểu nhạc, nhưng họ hiểu nhạc mà không thích đi nghe nhạc. Ngược lại, ở những đô thị mà quần chúng không được giáo-dục âm-nhạc, mấy buổi hòa nhạc lại được nhiều người đến nghe. Để trả lời bà Martin tôi cho rằng đó có lẽ là một ngoại lệ, và khi mà sự giáo-dục âm-nhạc không đem đến kết-quả mình chờ đợi thì không phải đổ lỗi cho sự giáo dục âm-nhạc mà phải xem xét lại phương-pháp giáo-dục âm-nhạc. *Tôi nhắc lại một kỷ niệm riêng. Lối năm 1948, bạn Võ-Đức-Thu trình-bày nhạc phẩm « Một ngày đã qua ». Công chúng chưa quen lối nhạc giao hưởng, lại không hiểu ý tác-giả, nên không thích lắm. Đến chừng bạn Lê-Thương phân tách nhạc phẩm, nói rõ mấy nhạc đề thì thính-giả lại nhiệt-liệt hoan-nghinh bài « Một ngày đã qua ». Tôi thường lập lại câu của nhà văn hào, nhạc-sĩ Romain Rolland viết trong truyện « Jean Christophe » : « Dầu ai bảo thế nào đi nữa, âm-nhạc không phải là một ngôn-ngữ đại-đồng. Phải cần có cây cung tiếng nói để bắn cây tên âm thanh vào lòng của mọi người » (La musique, quoiqu on dit, n'est pas une langue universelle. Il faut l arc des mots pour faire pénetrer la flèche des sons dans le coeur de tous).*

Cuộc thảo-luận rất sôi nổi, và còn nhiều vấn đề được nêu ra, không thể kể hết cho bạn nghe. Có điều vui là sau mấy ngày bàn cãi lúc tôi đưa kiến-nghị của tôi ra thì toàn thể hội-nghị tán thành để ghi vào quyết-định của Đại-hội để gởi cho cơ-quan Văn-hóa Liên-hiệp-quốc.

Để giáo-dục thanh niên — người thính-giả của ngày mai — tôi đề-nghị :

1 — Yêu-cầu chánh phủ các nước cho ghi môn giáo-dục âm-nhạc vào chương-trình học-vấn của các trường tiểu học và trung-học : Môn giáo-dục âm-nhạc sẽ là một môn cưỡng bách như các môn khác.

2.— Yêu-cầu các âm-nhạc viện Âu Mỹ tổ-chức những buổi nói chuyện về nhạc Á-Phi.

3.— Yêu-cầu các âm-nhạc viện Á Phi bắt buộc sinh viên ở lớp dạy nhạc khí Âu phải học sử-dụng một nhạc khí bản xứ cùng loại.

Để giáo-dục người thính giả ngày nay, tôi đề nghị :

1.— Yêu cầu chánh quyền miễn thuế cho những loại đĩa hát có tánh-cách giáo-dục âm-nhạc.

2.— Yêu-cầu các ban tổ-chức những buổi hòa nhạc tăng số vé rẻ tiền cho sinh-viên hay những người trong giới cần lao.

3.— Yêu cầu các ban giám-đốc Đài vô-tuyến điện cho phát-thanh âm-nhạc có chất nghệ-thuật vào những giờ đông người nghe.

4.— Yêu cầu chánh-quyền các nước tăng gia sự trao đổi văn hóa với nước ngoài, (để cho dân ngoại quốc có dịp thưởng thức hay tìm hiểu nhạc nước mình và cho dân mình nghe được nhạc nước ngoài).

Về sự trao đổi văn-hóa, nhạc-sĩ Yehudi Menuhin có gởi một bức tâm thư cho Đại-hội yêu cầu những người có trách-nhiệm về giáo-dục để ý đến vấn-đề bảo-tồn và làm sống lại những vốn cổ để trong cuộc gặp gỡ giữa các dân-tộc, mỗi tiếng nói người phát biểu những gì đặc-biệt và đáng nói.

Tôi vẫn biết rằng các quyết nghị ấy chỉ là những lời kêu gọi hay thỉnh cầu. Nhưng khi mà tiếng nói của mình có thể tới tai được nhiều người thức giả, nhiều giới thẩm quyền, mình có bổn phận phải nói lên những điều mình thấy có ích cho tương lai của âm-nhạc nói chung và Việt nhạc nói riêng.

Trong những buổi họp, không phải chỉ nghe thảo luận xuông. Hôm nói về nhiệm-vụ của vô tuyến điện, đài vô tuyến truyền hình các hãng đĩa, hãng phim trong việc trình-bày hay truyền bá âm nhạc chúng tôi đã nghe được mấy buổi phát thanh âm-nhạc của đài B. B. C. (Anh) đài Mexico và sau nầy trong lúc họp ban chuyên môn nghe chương-trình âm nhạc của gần 30 đài trong đó có cả đài Sàigòn. Chúng tôi được xem chương-trình truyền hình của nhiều đài trên thế-giới, xem nhiều phim giáo-dục âm-nhạc và nghe rất nhiều đĩa hát đủ các loại. Không thể kể hết cho bạn nghe những phim hoạt họa để giải thích địa vị của mỗi nhạc-khí trong một giàn nhạc giao hưởng, phim về sinh hoạt trong

trại nhạc của Liên bang quốc-tế thanh niên âm-nhạc, phim về cách tập dượt một giàn nhạc giao-hưởng, phim về đại nhạc kịch, về vũ khúc cổ điển v.v...

Mỗi lần tham dự một hội nghị, tôi học hỏi rất nhiều, không những trong lúc xem thực hiện của người để rút kinh-nghiệm mà trong mấy dịp tiếp xúc với những nhạc sư nhạc sĩ ngoại quốc, tôi biết được họ đã làm gì để chấn hưng quốc nhạc hay giáo dục thanh niên. Câu chuyện với đại biểu các nước «hậu tiến» về kỹ-thuật mấy nước nghèo, theo lời ông Sandi giáo-sư nước Mexique (Mễ-tây cơ) soi sáng con đường chúng ta phải đi để cho người Việt yêu thích thưởng thức nhạc Việt tìm tòi, học hỏi nhạc Việt trình bày sáng tác và phát triển nhạc Việt, đồng thời biết đón nhận những cái hay cái đẹp của âm-nhạc trên hoàn-cầu — Có dịp tôi sẽ thuật lại cho bạn nghe mấy buổi hội đàm ấy.

Thư đã quá dài, xin hẹn bạn thư sau.

Xa-xôi

TRẦN-VĂN-KHÊ

Xuân không mầu

Tôi ngồi đây giữa hoàng hôn
Lắng nghe Xuân nở trong hồn đau thương

Mùa đông vừa chết bên đường
Sương lan trắng đục lịm vườn chim đen

Lòng như sầu chớm lên đèn
Hồn thương sóng vỗ qua ghềnh tuổi xanh

Bỏ trời mây quyện mong manh
Xuân về thung-lũng cho thành tình yêu

Rừng thông đồng vọng gió chiều
Mười con chim én mang nhiều cô đơn

Lối mòn ôm nặng hoàng hôn
Đường lên dĩ vãng như còn vi-vu

Tôi nằm lịm giữa âm-u
Để từng hơi thở tạ-từ trần gian

Sầu đông làm lạnh chim ngàn
Mùa xuân đang nở điêu tàn trong tôi.

PHẠM-CÔNG-THIỆN

THÁI - TUẤN

VÀI NHẬN XÉT
về cuộc phỏng vấn hội họa của tạp chí Bách Khoa

L. T. S. Cuộc phỏng-vấn về quan-niệm Hội-Họa của Tạp-chí Bách-Khoa (căn cứ vào thắc mắc của người thưởng ngoạn để tìm hiểu họa-sĩ) được trên bốn chục họa-sĩ trả lời là nhờ sự kiên nhẫn và cố gắng của bạn Nguiên-Ngu-Í. Nếu người phụ trách cuộc phỏng vấn đã được nhiều họa-sĩ sốt sắng cởi mở thì cũng gặp không ít người nghi ngại dè dặt lúc ban đầu ; nếu mục đích cuộc phỏng-vấn đã được số đông người làm Hội-Họa hiểu rõ và tán thành thì cũng vẫn còn gây nên một vài ngộ nhận, mặc dầu lý do cuộc phỏng-vấn đã nêu lên rõ ràng và mấy câu hỏi đặt ra đã được ghi là chỉ để gợi ý. Những tình tiết trên đây, lẽ ra bạn Nguiên-Ngu-Í là người có dịp tiếp xúc và trao đổi ý kiến, tâm sự với các họa-sĩ, sẽ trình bày đầy đủ cùng bạn đọc và đứng ở lập trường người thưởng ngoạn mà tổng kết các ý kiến trong cuộc phỏng-vấn để giúp công chúng xem tranh hiểu những người sáng tạo nên họa phẩm đã nghĩ gì, muốn gì, tâm việc ra sao. Nhưng không may vì lý do sức khoẻ, bạn Nguiên-Ngu-Í phải tạm ngưng viết ít lâu, nên bạn Thái-Tuấn, không trực tiếp phụ trách cuộc phỏng-vấn, đành chỉ căn cứ vào các câu trả lời trên Bách-Khoa để tóm kết các ý kiến. Sự kiểm kiểm những lời phát biểu trên đây đồng thời cũng gợi ra một số nhận xét mà đứng về phía

người làm Hội-Họa, bạn Thái-Tuấn có nhã ý trình bày thêm để bạn đọc rộng đường tìm hiểu.

Bạn Nguiễn-Ngu-Í hẹn gặp lại bạn đọc sau Tết Quý-Mão trong cuộc phỏng vấn về « quan-niệm sáng tác trong địa hạt âm nhạc », sẽ tiến hành trong năm 1963, của Tạp-chí Bách-Khoa.

Do bức thư ngỏ, ngày 15 tháng Tư 1962, tạp chí Bách Khoa đã nêu rõ mục đích và kêu gọi sự hưởng ứng của các họa sĩ Việt-Nam trong cuộc phỏng vấn về hội họa do anh Nguiễn-Ngu-Í phụ-trách.

Những câu hỏi chính đã được nêu lên như sau :

1.— Theo ý bạn, thì hội họa ngày nay ở Việt-Nam có những xu hướng nào đáng kể nhất, và riêng bạn hiện đã ngả về xu hướng nào hay bạn tự tìm lấy một đường lối riêng biệt.

2.— Nếu có người cho rằng hội họa phải có dân tộc tính thì có người lại cho rằng hội họa cần phải được quốc tế hóa. Theo ý bạn 2 lập luận trên đây có trái nghịch nhau không và bạn có nghiêng về lập luận nào không ?

3.— Xin bạn cho biết những công trình tìm kiếm và những kết quả của trên địa hạt hội họa.

4.— Trong các họa phẩm của bạn, bức nào bạn cho là hợp hơn cả với đường lối riêng của bạn và xin bạn vui lòng giải thích rõ các đặc tính của tác phẩm đó.

5. — Xin bạn cho biết ý kiến về tình trạng hiện tại và triển vọng của ngành hội họa Việt-Nam.

Năm câu hỏi đưa ra với mong muốn rằng : giới họa sĩ sẽ « cởi mở giải thích » để tăng sự thông cảm giữa những người thường ngoạn và nghệ sĩ. Có thể coi đó là mục đích chính của cuộc phỏng vấn. Nhưng đây là đứng về phía của người làm cuộc phỏng vấn và của tờ báo. Về phía họa sĩ có nhiều người đã nói đùa rằng : Một cuộc lấy khẩu cung ; mặc dù là với tính chất nghệ thuật cũng đã làm cho nhiều người bối rối và lúng túng. Bởi vì vốn người Họa-sĩ xưa nay, đã phải nhờ đến ngôn ngữ của đường nét, của màu sắc, của hình ảnh nói hộ, những điều mình nghĩ, mình cảm, mình thấy ; tóm lại là tất cả những gì mà họa sĩ không thể dùng văn tự, ngôn ngữ thông thường mà diễn tả được. Cho nên phần đông thường rất hà tiện lời nói. Lại còn có một số Họa-sĩ, vì cớ này hay cớ khác, hoặc vì quá khiêm nhượng nên đã ngần ngại trong việc nói lên những ý nghĩ của mình.

Nhưng, rồi tất cả đã phải « cung khai » vì nhận thấy rằng : cần thiết và một phần, có lẽ cũng vì sự khéo léo và nhẫn nại của người phụ trách cuộc phỏng vấn. Kiểm điểm lại, qua những câu trả lời của hơn 40 họa sĩ ;

người ta chẳng những được hiểu biết thêm rất nhiều về từng cá nhân họa sĩ, mà còn có thể biết được một phần nào về những xu hướng những trào lưu của nền hội họa hiện đại ở Việt-Nam.

Trước hết về câu phỏng vấn thứ nhất. Có những ý kiến cho rằng : Hội họa ngày nay ở Việt-Nam cũng có gần đủ các trường phái như ở các nước ngoài.

Điều nhận xét này đã căn cứ trên phương diện hình thức diễn tả : về kỹ thuật và về lối vẽ.

Lại có một ý kiến khác nhận định rằng : chưa có một xu hướng nào đáng kể mà nếu có thì chỉ có thể chia ra : có hình, và không hình.

Ý kiến thứ hai, đã căn cứ trên phương diện tinh thần các họa phái mà nhận định. Đối với ý kiến thứ nhất : Sự thực, người họa sĩ có thể chỉ ảnh hưởng ở một họa phái về khía cạnh hình thức diễn tả.

Nhưng, một bức họa chứa đựng những hình vuông hình tròn, hình lục lăng, tam giác, hoặc có những hình thể bị bóp méo, chưa hẳn gọi được là một bức họa lập thể, đúng với ý nghĩa của nó.

Theo hình thức diễn tả của môn phái này hay môn phái khác, mà không thông cảm được cái tinh thần đã phát sinh ra môn phái đó thì chỉ là một bắt chước, cóp lại theo cái theo cái vỏ bên ngoài của một trường phái. Những hình thức sẽ mất hết ý nghĩa, mất hết hiệu năng, mất hết công dụng nếu hình thức chỉ vì hình thức. Chỉ có thể nói rằng : cùng một xu hướng với trường phái này hay trường phái kia, khi nào mà người họa sĩ cũng đồng *một quan điểm một chủ trương* với trường phái mà họ noi theo .

Nhận định cho kỹ hơn, thì không phải chỉ riêng hội họa mới có những xu hướng hiện thực, siêu thực, trong địa hạt văn chương cũng đã có những xu hướng như vậy.

Nếu không ý thức được cái phần hồn, cái tinh thần của một họa phái mà chỉ nhìn thấy cái vỏ bên ngoài thì dù bức họa có một hình thức của trừu tượng hay lập thể, người thưởng ngoạn sành sỏi cũng vẫn nhận rõ cái bản chất giả hiệu ẩn núp sau cái hình thức mới mẻ đó.

Những hình thức thể hiện đã luôn luôn thay đổi theo từng thời đại ; cho phù hợp với sự đòi hỏi của những quan niệm mới về cuộc sống và về cái đẹp.

Bởi vì, nếu con người vốn sẵn chung một bản chất nhân loại như nhau ; thì sự cảm nghĩ cũng đã do ảnh hưởng của nếp sống, sự sinh hoạt thường ngày của từng thời đại mà thay đổi phần nào. Mỗi thời đại lại cũng có những vấn đề đặt ra khác nhau, mà những vấn đề phải giải quyết khác nhau.

Người ta cũng có thể dùng những hình thức mới để đánh thức cái thị giác đã bị tê liệt, cái cảm-súc đã bị trơ mòn, mài nhẵn ; vì những hình ảnh quá quen thuộc đã chẳng còn gây

được một phản ứng nào nữa. Chung quanh đời sống hằng ngày của chúng ta sự hiện diện quá thường trực của một số đồ vật đôi khi làm cho người ta chẳng còn nhìn thấy nó nữa.

Tóm lại, Hội họa Việt-Nam ngày nay, nếu có một số họa phẩm vẽ theo trường phái này hay trường phái khác ở Âu châu, thì phần lớn chỉ là noi theo về hình thức kỹ thuật.

Một số ít họa sĩ khác đang cố gắng tìm hiểu đi sâu vào các trường phái ở khía cạnh tinh thần, ở quan niệm nghệ thuật với mong muốn khám phá cho mình một con đường mới cả về tinh thần lẫn hình thức. Họa phẩm của họ đã cho thấy một ý thức chín chắn về nghệ thuật, một hướng tiến nhất định và bút pháp của họ cũng như kỹ thuật dùng sơn, đã có nhiều đặc điểm tách rời khỏi các trường phái hội họa Âu-châu. Đó là một số các họa sĩ trẻ tuổi Việt-Nam đang khai đường tiến bộ cho nghệ thuật của xứ sở, tác phẩm của họ đã được các giới văn nghệ tiền bộ hoan nghênh và ảnh hưởng cả đến những người thưởng ngoạn có ý thức. Tuy nhiên, hình như đó là một định luật chung, tác phẩm của họ là loại rất kén khách.

Về câu thứ nhì, của cuộc phỏng vấn đã có những ý kiến trái ngược nhau. Nhưng sự trái ngược đó, không phải là sự bất đồng ý kiến trong việc nên gìn giữ hay loại bỏ «dân tộc tính» ra khỏi tác phẩm. Mà do sự định nghĩa thế nào là dân tộc tính. Sự định nghĩa khác nhau, tất nhiên đưa đến những ý kiến xung đột. Thường thường trong cuộc sinh hoạt nghệ thuật của chúng ta ít có những thảo luận về vấn đề nghệ thuật. Và một số người làm nghệ thuật nghĩ rằng: Công việc chính của mình là «vẽ» chứ không phải là «nói». Danh từ là của những nhà lý luận văn nghệ đặt ra với nhau. Danh từ của họa sĩ là đường nét, màu sắc. Điều đó mới nghe qua, thực là chí lý. Nhưng, nghĩ cho kỹ có bao nhiêu nghệ sĩ đã thoát được ảnh hưởng của những lý luận, những danh từ? Danh từ của một nhà triết học, danh từ của một nhà tôn-giáo, và cả danh từ của những nhà chính trị nữa! Người nghệ sĩ khác nhà chính trị, vì ngoài lòng yêu mến quê hương chủng tộc, còn có lòng yêu mến tha thiết nghệ thuật. Bởi vì lẽ sống của họ là nghệ thuật. Danh từ «dân tộc tính» sẽ trở nên vô nghĩa trong một tác phẩm chưa đạt đến mức nghệ thuật hoặc phi nghệ thuật.

Trong trường hợp ấy nó chỉ còn có thể là một sự tuyên truyền trơ trẽn.

Nếu triết học có mục đích đi tìm điều «chân». Tôn giáo đi tìm điều «Thiện» thì nghệ thuật cũng có mục đích là đi tìm điều «Mỹ». Không thể có sự thực nào dành riêng cho một dân tộc, có điều tốt nào dành riêng cho một địa-phương và một cái đẹp nào dành riêng cho một quốc gia. Cũng không có thể lầm lẫn mục đích với phương tiện. Người ta có thể dùng nghệ thuật như một phương tiện phục vụ cho tôn giáo, chính trị. Nhưng mục đích của nghệ thuật không phải là như vậy.

Có thời kỳ, nghệ thuật đã bị tròng vào cổ ba khẩu hiệu : Dân tộc, khoa học, Đại chúng. Nhưng nghệ thuật đã trút lại trên tay kẻ chủ trương một cái xác không hồn : Tất cả nếp sống, sự cảm nghĩ, hoàn cảnh : xã hội, lịch sử, chính trị cùng truyền thống sẽ để lại những dấu vết trên tác phẩm. Những cái giây liên hệ về tinh thần cũng như vật chất ấy, ảnh hưởng đến đời sống của người nghệ sĩ, dù muốn dù không chẳng thể chối bỏ được. Và tác phẩm của họa sĩ hồn nhiên là phản ảnh lại cuộc sống mà họa sĩ bơi ngụp trong đó, đồng thời tác phẩm cũng để lại những dấu vết cả về cá nhân họa sĩ nữa. Những sự âu lo cũng như niềm hoan hỉ, sự sung sướng cũng như điều khổ cực tiềm ẩn trong đường nét và màu sắc cũng nhờ vậy, mà bút pháp của cá nhân họa sĩ này khác với cá nhân của họa sĩ kia. Những dấu vết đó xâm nhập vào tác phẩm cũng là ngoài sự quyết định, ngoài cái « ý muốn nghệ thuật » (volonté artistique) của nghệ sĩ. Họa sĩ chẳng bao giờ muốn phơi bày những khổ cực, những tham vọng của mình trên tác phẩm, những dấu vết đó là những yếu tố cần thiết tạo nên vẻ đẹp, tạo nên nghệ thuật, nhưng không phải chính nó là nghệ thuật, là bản chất của cái đẹp. Cái điều đầu tiên mà người nghệ sĩ cũng như người thưởng ngoạn tìm gặp trong một tác phẩm là : nghệ-thuật; là cái tinh chất (essence) của nghệ thuật. Nhận xét về « dân tộc tính » trong một nghệ phẩm, còn có những ý kiến đứng hẳn ra ngoài phạm vi của nghệ thuật và ngoài cả địa hạt hội họa Nó chỉ đúng, khi người ta định sắp xếp các chất liệu dùng chế tạo đồ hàng của từng địa phương. Sở dĩ phải nêu ra vì sự lẫn lộn đó là một trường hợp được phổ biến thông thường và gây ra nhiều tai hại, cho những người trẻ tuổi mới bước chân vào nghề.

Nếu nhận định rằng : *chất liệu sơn ta* làm cho người ngoại quốc phân biệt được một họa phẩm Việt-Nam, thì điều đó chẳng vinh dự gì cho tác giả của bức họa ; vinh dự đó phải nhường cho những cây sơn mọc ở các đồi núi Việt Nam. Trong một họa phẩm nếu người thưởng ngoạn nhận được những phản ảnh của đời sống, những cảm nghĩ của một dân tộc là do ở bút pháp ở đường nét, ở tài nghệ của người họa sĩ, chứ không phải do ở chất liệu mà nghệ sĩ đã sử dụng. Một họa sĩ người Pháp hay người Đức nếu có dùng chất liệu sơn ta để thể hiện tác-phẩm của họ, thì không thể bảo rằng : bức họa đó có dân tộc tính Việt-Nam.

Dân tộc tính cũng chẳng phải là những đề tài mà họa sĩ dùng để xây dựng tác phẩm. Hình ảnh những bụi tre, bụi chuối, những mái nhà tranh và những con thuyền buồm chỉ là những điểm đặc biệt của một địa-phương, mà bất cứ một họa sĩ ngoại-quốc nào cũng có thể dùng để xây dựng tác phẩm của họ.

Những họa phẩm của Inguimberty, Henri Mège v.v... đã nói lên được những gì ? phải chăng chỉ là những phong cảnh thông thường của một và miền thôn dã ; những hình ảnh chứa đầy địa phương tính ấy chỉ có giá tr

về mặt tài liệu ghi chép sự sinh hoạt ở nông thôn Việt-Nam. Chỉ có vậy thôi : Đề tài và kỹ-thuật. Cái điều quan trọng không phải là những đề tài địa phương này hay địa phương khác. Mà cách cảm nghĩ, cách nhìn của người nghệ sĩ đối với những đề tài đó.

Riêng Gauguin đã làm cho thổ dân và hải đảo Tahiti đời đời trở nên bất tử trong nghệ thuật của ông. Chẳng có ai chê trách rằng : Gauguin nhãng quên mất dân tộc tính của xứ sở ông. Trong lúc bị quyến rũ bởi vẻ đẹp thơ mộng của hải đảo, bởi nếp sống hồn nhiên và cũng đầy lo âu khổ cực của các thổ dân, thì đồng thời nghệ sĩ Gauguin cũng đã nhìn thấy những vấn đề chung cho cả nhân loại. Và điều quan trọng là ông đã nói lên được những điều đó trong tác phẩm. Một tác phẩm hội họa đã đạt đến mức nghệ thuật, thì tự nó đã phản ảnh đầy đủ tính chất dân tộc và đồng thời cũng chứa đựng tính chất phổ quát (universel) chung cho cả nhân loại. Bởi vậy, vấn đề bảo vệ dân tộc tộc tính hay quốc tế hóa nghệ thuật không còn phải đặc thành một vấn đề. Đáp lại câu phỏng vấn thứ 3 và thứ 4. Có nhiều ý kiến và chủ trương riêng của từng cá nhân ; nhưng người ta có thể nhìn những nét chung mà phân ra làm hai loại chính.

Loại thứ nhất, là những chủ trương theo hẳn đường lối cũ, với những luật tắc đã được công nhận một cách chính thức từ lâu. Những xu hướng mới không hề ảnh hưởng đến nhóm này. Phải công bình mà nhận định rằng : những họa sĩ có chủ trương bảo thủ đó là những người có căn bản, có lương tâm nghề nghiệp ; họ hiểu biết rõ những luật tắc của kỹ thuật tạo hình. Với những giá trị duy nhất ấy họ nhất định đứng lại chẳng muốn làm những cuộc thử thách phiêu lưu và nguy hiểm theo những xu hướng nghệ thuật hiện đại. Đó là quyền tự do chính đáng. Không thể chê trách.

Một số ý kiến khác, thuộc loại thứ nhì : Chủ trương nghệ thuật là khám phá thường trực, là sự biến đổi không ngừng, là những cuộc phiêu lưu vô tận. Họ không chối bỏ hoàn toàn những giá trị cổ truyền nhưng đòi hỏi sự xét lại vấn đề, để bổ cứu và tiến tới cho kịp với thời đại. Bởi vì nếu nghệ thuật chứa chấp trong nó tính chất vĩnh cửu thì đồng thời cũng mang nặng tính chất nhất thời ; (vì mỗi thời đại có những dấu hiệu riêng biệt). Nhóm người này đã cho người ta thấy ý thức khả năng và thiện chí của họ trong vấn đề tìm hiểu và sáng tác nghệ thuật. Không ai có thể chối nhận ảnh hưởng của họ đối với nền hội họa Việt-Nam trong những năm gần đây. Ảnh hưởng đó người thưởng ngoạn và giới văn nghệ có thể tìm thấy dễ dàng trong một số lớn tác phẩm ở các phòng triển lãm hiện nay.

Ngoài ra, người ta còn có thể nhận thấy trong giới họa sĩ Việt-Nam hiện. Một con số đáng kể, những người làm hội họa với một chủ trương thương mại. Đường lối của họ là do khách mua tranh định đoạt. Hình thức

cổ điển hay hình thức trừu tượng chỉ là một cách chế sơn, pha mầu cho giống với mẫu hàng đòi hỏi.

Nhìn về tương lai của nền hội họa Việt-Nam, tất cả ý kiến đều hy vọng ở một sự phát triển và tiến bộ mạnh mẽ. Sự ước muốn đó một phần tin tưởng vào những công trình tìm kiếm của những người có khả năng, có thiện chí trong vấn đề nghệ thuật và một phần mong đợi ở sự lưu ý và xây dựng thích đáng của chính quyền trong mọi công việc tổ chức văn hóa.

Nhìn lại lịch sử nền nghệ thuật của bất cứ một quốc-gia, một thời đại nào, dù là ở Ai-Cập hay ở La-Mã, dù là ở thời kỳ toàn thịnh của nền hội họa Pháp Quốc hay hồi cực thịnh của nền thi ca Trung-Quốc; thì không ai có thể chối nhận sự đóng góp lớn lao của những chính thể, ở thời đại đó. Đành rằng : một chính thể, một chế độ không có thể chế tạo ra một thiên tài, nhưng nó có thể làm thui chột mọi nhân tài. Ở địa hạt nghệ thuật lòng nhiệt thành và thiện chí chưa đủ, nó còn đòi hỏi ở sự sáng suốt và ở khả năng của mọi người.

THÁI-TUẤN

ĐÍNH CHÁNH

Trong bài phỏng-vấn họa-sĩ Lê-Yên đăng trên Bách-Khoa số 144 ngày 1-1-63, trang 94 có in lầm bản kẽm một họa phẩm, đó không phải của họa-sĩ trả lời cuộc phỏng-vấn.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng họa-sĩ Lê-Yên và bạn đọc thân mến.

VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ
GIẢNG-ƯỚC TÂN-BIÊN

của PHẠM-THẾ-NGỮ

ĐÃ RA TẬP II VỀ QUỐC-VĂN LỊCH TRIỀU
TẤT CẢ MỘT CÔNG TRÌNH BIỆN KHẢO VÀ KHÁM PHÁ

●

500 TRANG — 23 HÌNH VÀ ĐỒ GIÁ ĐỀ **190 $**

Truyện ngắn LÊ-TẤT-ĐIỀU



Tranh sống

HÙNG quơ vội mấy cái áo, cuống quít mặc lên mình. Trời lạnh làm nó co người lại. Nó bước những bước thật ngắn, đến khêu to chiếc đèn dầu. Cả nhà còn đang ngủ, thỉnh thoảng mẹ nó lại nói mê. Tiếng bà rành mạch rõ ràng, có lẽ bà đang mãi mời khách, bán hàng trong giấc ngủ.

Tiếng máy chiếc xe tắc-xi của anh Ba, đi làm đêm về, vừa rú lên một lần cuối cùng rồi tắt. Chính tiếng xe ấy lúc nãy đã đánh thức nó dậy. Hùng cầm đèn xuống bếp lấy hai cái ống bơ lớn. Trời lạnh khiến nó rất ngại cái việc phải đem hai cái ống đổ nghề này ra tráng cho sạch như lời mẹ nó thường căn dặn. Nhưng Hùng cũng cẩn thận thổi mạnh vào mỗi ống bơ vài hơi cho sạch bụi. Nó trở lên nhà, đặt chiếc đèn vào chỗ cũ, mở cửa đi ra. Gió đêm làm nó tỉnh hẳn ngủ, sợ muộn, nó chạy một mạch qua con đường chợ vắng và tối. Đến cuối chợ Hùng vui mừng thấy anh hai Cung cũng đang rảo bước đến lò heo. Trông dáng đi bình thường của anh ta Hùng nghĩ rằng anh ta không biết rét là gì. Hùng chậm bước lẽo đẽo theo sau hai Cung vì cho đến bây giờ dù sao nó cũng vẫn ngán con ma ở đầu ngõ. Con ma ấy được bọn trẻ bàn tán đến rất nhiều. Hùng chưa trông thấy nó bao giờ, nhưng Hùng đinh ninh rằng nó vẫn nấp trong rặng cây ở đầu ngõ tối, rình Hùng sơ hở là nhào ra chộp liền

Bọn trẻ đã tề tựu đông đủ trong lò, chờ đợi. Thấy hai Cung chúng nhốn nháo hẳn lên, có đứa vui mừng toét miệng cười như muốn chào anh ta. Hai Cung đáp lại sự đón tiếp nồng hậu ấy bằng cách đưa tay đẩm dứ vào mặt những đứa đứng gần mình :

— Làm chó gì mà đến sớm thế ? . . .

Chợ chưa họp kẻ cắp đã đến.

Khoảng ba giờ sáng, lò heo bắt đầu hoạt động.

Trong chuồng, hơn hai chục con heo mập lù nằm, đứng ngổn ngang. Chúng được chở đến đây từ chiều hôm trước để chờ giờ đến nợ cám, rau và cơm nguội. Hai Cung vừa cởi áo, sửa soạn đồ nghề, vừa nói với mấy người đồ tể khác :

— Ba mươi Tết mà chỉ được làm có bốn năm con thì bõ đếch gì. Chả bù với năm ngoái... bà chủ đến chưa?

— Chưa.

Hai Cung phân vân :

— Có phải đợi không ?

Anh chàng canh chảo nước sôi lắc đầu :

— Cứ làm mấy con nhỏ trước đi

Ngọn đèn măng - xông được thắp lên sáng rực. Hai Cung cầm dao và móc sắt đến cổng chuồng heo. Năm sáu đứa trẻ lớn nhất trong bọn theo sát gót hai Cung, sẵn sàng phục vụ để gây cảm tình. Hai Cung mở cửa chuồng làm lũ heo sợ hãi lùi rạt cả vào phía trong, nhốn nháo lên. Một con chậm chân chưa kịp rút lui bị cái móc sắt của hai Cung cắm xuyên thủng vành tai. Nó kêu và rẫy như muốn nhảy lên nhưng không lùi lại được bước nào. Càng rẫy mạnh nó càng bị cái móc sắt mở rộng vết thương, máu trước còn ứa ra thành một vành màu đỏ, sau, nhỏ xuống thành giọt. Rồi con heo đứng yên, thỉnh thoảng lại lắc lư đầu và kêu lên thật dữ dội. Những con khác vừa chạy cuống cuồng vừa kêu theo át hẳn tiếng lũ trẻ cười khanh khách. Thành chuồng bị xô động thình thình.

Hai Cung cúi xuống, cánh tay anh nổi gân, anh bắt đầu vừa kéo vừa tước giật lùi, miệng lẩm bẩm những lời ngọt ngào như anh đang dỗ dành một đứa nhỏ :

— Thôi tiêu rồi ! Ra đi cho xong, con ơi !

Tai con heo bị kéo căng ra, lỗ rách lớn dần, không bịu nổi cơn đau, nó vừa kêu vừa tiến lên, nhưng vẫn cố gắng cưỡng lại Đôi cẳng sau của nó vừa ra khỏi cổng chuồng là lũ trẻ reo ầm lên.

— Hệ ! Được rồi.

— Đun đít ! mau ! Đun đít nó !

Chúng xúm lại sau con heo, mỗi đứa đặt một bàn tay lên mông con vật và mím môi đẩy như đẩy một chiếc xe chết máy. Có đứa nắm đuôi heo xách ngược lên, có đứa lại choãi cả hai chân làm việc một cách đẩy nhiệt tình. Hai Cung vừa văng tục, chửi thề vừa điều khiển cho lũ trẻ đẩy heo khỏi đùa cợt, làm con heo ngã kềnh như một vài lần trước. Và cứ thế, như một thuyền trưởng điều khiển hướng đi của con tầu trong cơn giông tố, hai Cung vững chãi đi dẫn đầu, con heo và lũ trẻ hò la bước theo anh ta.

Đi được ít bước, thình lình, con heo rẫy mạnh, nó không lùi lại mà vùng mình theo chiều ngang, ba bốn đứa trẻ ngã lăn ta đất. Chúng nhốm dậy ngay, có đứa bị đau nổi giận đá luôn vào bụng con heo để trả thù Hai Cung trợn mắt quát :

— Giữ lấy cẳng sau nó! Nó mà tuột ra thì ông đánh bỏ bỏ chúng mày ! Đếm đá cái đếch gì !

Lũ trẻ vâng lời ngay. Hùng không dám nhập bọn với lũ trẻ, đẩy heo cho hai Cung. Đã có lần nó bị ngã như thế, đau tưởng gẫy xương sườn. Công việc này có vẻ nguy hiểm, một bà lão « thầu » lòng heo, bị một con heo lớn rẫy phải, đã ngã gẫy tay. Hơn một tháng nay Hùng không thấy bà ta đến lò heo chầu chực nữa.

Con heo được dẫn đến chỗ cuối cùng của đời nó. Lũ trẻ rạt ra để cho hai Cung rảnh chỗ hành nghề. Những tay đồ tể xoàng thường phải trói hai chân sau con heo vào một cái cột trước khi cắt tiết nó. Nhưng hai Cung không phải dùng đến một tí dây rợ nào cả. Cuộc dằng co giữa người và vật làm cho tai con heo gần rách đôi. Hai Cung nhanh-nhẹn dùng một cái móc khác móc luôn vào hàm dưới con heo. Con heo chỉ còn kêu được những tiếng nhỏ, rớt rãi bắt đầu từ miệng nó chảy ra hòa lẫn với những dòng máu ở tai và hàm dưới.

Một anh đồ tể khác chạy đến giúp hai Cung. Con heo bị đẩy ngã nằm trên thềm xây cao. Hai Cung đâm chéo con dao vào cổ con vật và ấn sâu xuống phía trên. Con dao vừa rút ra thì máu vọt theo, vết thương phun phì phì. Con heo chết rất nhanh. Đầu nó ngã vào khoảng trống, ngoài thềm xây, huyết bắt đầu phun vào một cái chậu hứng ở dưới

Hùng và lũ trẻ xúm quanh cái chậu, chúng đặt hết ống bơ xuống để hứng những tia huyết chảy ra ngoài chậu. Cả bọn đều khoái hai Cung vì mũi dao của anh ta bao giờ cũng vào tới tim con vật, con vật không còn ngắc ngoải gây phiền nhiễu mà lại cung cấp rất nhiều huyết. Thỉnh thoảng một dòng rớt rãi con heo lại nhiễu xuống chậu và tan liền ngay trong màu huyết hồng.

Hồi mới đến đây, trông thấy con heo bị rách tai, thủng hàm và chết một cách khổ sở như vậy Hùng cảm thấy thương hại nó và thù hai Cung vô cùng, nhưng bây giờ quen rồi nó bắt đầu khâm phục hai Cung vô cùng, và sẵn sàng nghe anh t sai bảo.

Hùng may mắn chiếm được một « tia » chảy khá mạnh và đều, nó quỳ hai đầu gối xuống đất, kẹp cái ống bơ vào giữa hai đùi, thật chắc. Nó phải đề phòng cẩn thận như thế vì mấy đứa lớn đầu vẫn thường dùng sức mạnh để lấn át bọn nhỏ hơn. Thằng cu Tình thì lúc nào cũng tỏ ra tham lam, một mình nó có đến bốn cái ống bơ hứng tiết. Mặc dầu cái chậu khá lớn và số ống bơ của bọn trẻ rất nhiều nhưng huyết heo vẫn chảy xuống đất mất một ít. Một vài chỗ lõm trên mặt sân nhẵy nhụa biến thành những lỗ chứa huyết. Cu Tình lăn lượt vục hai tay xuống từng hố, hai bàn tay nó khum khum sát vào nhau, giống như một cái thìa múc canh. Tiết « bốc » ở hố lên nó cho riêng vào một ống bơ. Trong những cái hố này có cả cát, sỏi và nước tiểu của con vật vừa chết nên huyết có vẻ loãng hơn. Mẹ cu Tình làm nghề bán cháo tiết, nó chẳng được sơ múi gì về những ống bơ tiết này nên nó không bao giờ chế một vũng tiết nào. Mà giả thử mẹ nó có cho nó thưởng thức món tiết do chính nó kiếm được thì cu Tình vẫn thích thú như thường, những ống bơ huyết heo qua tay mẹ nó luôn luôn biến thành những miếng tiết chắc nịch, ngon lành và thơm tho.

Bọn thằng Tín, thằng Phan luôn luôn tìm cách múc trộm huyết trong chậu, mỗi lần mấy anh đồ tể mải nói chuyện không để ý. Mỗi đứa cầm trong tay một cái bơ sữa bò nhỏ. Chúng giả vờ thay đổi chỗ hứng, kỳ thực chỉ để có dịp đưa nhanh cái ống bơ qua dòng huyết chính, kiếm chác

chút đỉnh. Công việc này có vẻ phiêu lưu nguy hiểm, nếu hai Cung bất chợt được một vụ múc trộm, việc trước tiên của anh ta là tịch thu tất cả những bơ huyết heo của thủ phạm, đổ tất cả huyết vào chậu. Việc thứ hai là anh ta sẽ dơ chân đá cho thủ phạm một cú đích đáng. Đôi chân hai Cung to mà chắc, anh ta chưa hề đá nhẹ bao giờ. Hình phạt bằng cẳng chân của hai Cung chỉ có những cặp mông dẻo dai của bọn thằng Tín mới có hy vọng cầm cự nổi.

Mặt mũi, quần áo bọn trẻ bây giờ đã ướt nhếch, trên những mái tóc đen của chúng có lấm tấm những giọt huyết heo nhỏ. Thằng Phan kiếm được nhiều huyết hơn cả bọn, nhưng nó chưa vừa ý, trong lúc cu Tình mãi bốc huyết trong vũng, nó thò ngay ống bơ hứng chặn cái « vòi » của cu Tình. Tình trông thấy ngay, thằng này vốn hiền lành, ít nói, đứa nào bắt nạt cũng được nhưng nó chẳng chịu cho đứa nào xâm phạm đến nguồn lợi của nó. Tình xông đến đẩy mạnh tay thằng Phan :

— Chơi kiểu gì vậy ?

Phan rút nhanh tay về nhưng không kịp, một ít huyết bị xánh ra khỏi miệng ống bơ, nhuộm đỏ bàn tay nó. Thằng Phan hét lên :

— Ớ ! Đồ của ông...

Nó văng tục và định đá đổ ống bơ của cu Tình. Cu Tình đoán được ý địch thủ nên nhanh nhẹn nhấc cái bơ lên, ôm khư khư cái đá của Phan trúng sườn cu Tình, Tình quay lại chửi nhưng không dám đánh trả. Hùng nhấc hai ống bơ của mình lùi ra. Bọn đồng nghiệp của nó có vẻ sắp sửa cãi nhau chí choé và đánh lộn như mọi ngày. Nhưng, đúng lúc đó, hai Cung và ba người nữa khênh con heo thả vào chảo nước sôi lớn, đun từ hồi nửa đêm. Dòng huyết từ cổ heo chảy ra vẫn còn chưa tắt.

Trong khi người ta xúm xít cạo lông con heo này thì một người đồ tể khác tiến đến cửa chuồng heo. Cái cảnh móc tai heo co kéo, hò hét lại tái diễn hệt như lúc nãy, Chỉ khác, lúc này, bọn trẻ phụ lực đẩy heo không đông đảo như trước. Bọn chúng còn mãi xúm quanh con heo, đang được cạo lông, để chờ đợi.

Trong nháy mắt hai Cung đã mổ xong con vật. Anh ta vứt cổ lòng heo ra đất, cắt lấy trái tim rồi hướng về phía một bà cụ ngồi sưởi bên chảo nước, gọi :

— Tim này, bà cụ.

Bà lão chậm chạp đứng dậy, co ro tiến lại đón lấy trái tim heo còn nóng hổi trong tay hai Cung. Hình như cứ rời khỏi chỗ ngồi bên lò lửa là bà lại không chịu được cái lạnh buổi sáng. Bà lão làm công việc giặt giũ bếp nước cho một nhà giầu ở đầu chợ. Sáng nào Hùng cũng thấy bà đến mua tim heo về nấu cháo tôm cho chủ. Buổi tối, những hôm thức khuya Hùng vẫn thấy bà ta lúi húi quét dọn, nó tự hỏi không hiểu ban đêm bà ta có ngủ không.

Bà lão cúi cái đầu bạc phơ xuống để nhìn cho rõ cái bụng đã được banh ra của con heo, rồi bảo hai Cung :

— Tôi lấy thêm buồng gan.

Cắt xong buồng gan heo cho bà lão, hai Cung khéo léo lượn một đường dao dọc theo vết mổ rồi nháy mắt nhìn các bạn. Đó là lối ăn cắp thịt tài tình của bọn đồ tể, chủ heo không thể nào biết được vì sau khi

mất một miếng thịt hẹp và dài như thế con heo vẫn có vẻ nguyên vẹn, bình thường. Hai Cung tách xương sống con vật, những đoạn tủy sống tròn to và trắng đục tòi ra. Đó là món quà đặc biệt cho bọn trẻ đã có công « đun đít » heo. Khi hai Cung vừa nhắc dao, đứng thẳng người, là lũ trẻ đã nhào đến tranh nhau cấu, dứt những đoạn tủy sống. Nhiều đứa vừa cướp tủy vừa luồn một tay vào bụng heo để tìm những đám « tiết đọng », chúng moi ra được những tảng máu đông đặt to bằng nắm tay. Thằng Phan và thằng Tín bao giờ cũng nhân cơ hội này, cào dứt thêm mấy miếng mỡ nhỏ xíu. Cuộc tranh dành này thường gây ra nhiều đụng chạm quyền lợi nên bọn trẻ bắt đầu chửi rủa nhau dữ dội hơn. Tuy nhiên, không có đứa nào đủ thì giờ ngừng lại đánh nhau. Chúng chỉ có thể vừa tranh cướp vừa dùng vai hay cùi chỏ tặng cho đối thủ một vài đòn ngầm

Hai Cung và bọn đồ tể mải làm việc nên chỉ chú ý đến bọn trẻ khi nào chúng cãi nhau to quá, át hẳn tiếng heo kêu, làm ù cả tai họ.

Trong vụ tranh cướp tủy heo này không bao giờ Hùng đoạt được kết quả như ý muốn. Là một trong những đứa trẻ bé nhất, Hùng cho là mình toàn thắng khi cướp được một đoạn tủy heo dài bằng ngón tay. Nhưng từ ngày đến kiếm chác ở đây nó mới đạt tới cái thành quả tốt đẹp ấy có hai lần. Thường thường nó bị bọn trẻ kia đẩy văng ra, hoặc chèn ép cho đến lúc nó phải tự ý rút lui. Có khi cấu được một mẩu tủy heo rồi nó còn bị bọn kia đằng dựt, khi nó rút được tay ra thì bàn tay nó chỉ còn lại những đám tủy nát bét, trắng đục, nhê nhết.

Hôm nay cũng thế, mấy lần Hùng chồm lên lưng thằng cu Tình để len vào đều bị cu Tình vừa chửi vừa hất xuống. Đến lần thứ tư Hùng vô ý làm lưng áo cu Tình bị rách một miếng nên đành với vàng bỏ cuộc chờ con heo sau, sợ Tình biết điều đó mà đòi bồi thường.

Cuộc tranh cướp đang gay cấn thì một người đồ tể mang một chậu nước lạnh đến. Chậu nước này dùng để rửa con heo và nhân thể để chấm dứt việc làm ăn của bọn trẻ. Anh đồ tể đứng lại, quát khẽ :

— Thôi, lui ra các bố.

Nói chưa dứt câu anh ta đã đổ ào chậu nước xuống. Bọn trẻ có phản xạ mạnh, có đôi cẳng nhanh đến thế nào cũng đừng hòng chạy thoát. Nước dội xuống con heo chẳng được là bao vì đã rơi hết cả lên đầu lên lưng bọn trẻ. Lũ trẻ kêu la ầm ĩ, vừa lùi ra vừa cuống quít vuốt mặt. Những đứa đứng gần con heo nhất thì ướt như chuột lột.

Có đứa yếu quá không chịu được rét phải đến ngồi cạnh lò lửa hong cho khô quần áo. Hùng rút lui sớm nên luôn luôn thoát được cái vụ tắm nước lạnh bất đắc dĩ này. Bây giờ đối với bọn trẻ, nguồn lợi ở con heo thứ nhứt đã chấm dứt, chúng bắt đầu dồn cả về phía con heo thứ hai.

Bọn đồ tể bắt đầu làm việc nhanh hơn, có lúc hai con heo cùng được chọc tiết nên bọn trẻ chia làm hai, ba nhóm, việc tranh giành đã bớt phần cực nhọc.

Vài người chủ heo lục tục kéo đến. Một lúc sau có tiếng xe của bà chủ rổ ngoài cổng, rồi bà chủ vào, đến ngồi cạnh một cái bàn đặt ở một nơi sạch độc nhất trong lò heo. Lúc nào bà cũng mỉm cười. Mấy người đàn bà, có heo đem thuê lò giết,

xúm quanh bà chủ để tính toán và nói chuyện. Họ bàn về những vụ heo lậu, thuế má nặng nhẹ và những chùa chiền mà họ sẽ đến lễ trong dịp đầu năm tới. Người nào cũng có vẻ sành về việc lễ bái, khi nói đến trời, phật họ giữ vẻ trang trọng, kính cẩn. Hùng nghe bà chủ nói chuyện về Tết và cảm thấy nao nức trong lòng. Ngày mai là tết rồi còn gì! Sự nhàn hạ, miếng ăn ngon đối với Hùng là những thứ mà chỉ có tết mới đem lại cho nó. Khi nghe thầy giáo kể truyện cổ tích, nói đến những xứ thần tiên Hùng nghĩ rằng xứ thần tiên là nơi người ta có một cái tết dài cả năm.

Hai Cung và mấy tay đồng nghiệp bắt đầu chọc tiết con heo lớn và đẹp nhất trong chuồng. Huyết con heo này được hứng vào ba cái tô lớn, trắng tinh, chính tay hai Cung bưng đến để trên bàn trước mặt bà chủ. Mầu huyết heo đỏ rực trên nền sứ trắng, có ba tô huyết còn lờ mờ bốc lên những sợi hơi trắng.

Bà chủ và hai người đàn bà khác cùng ngừng nói những câu như: « Mô phật! mình làm ăn ngay thẳng chăm chỉ hạ bột hà thế nào trời phật cũng thương mình ». « Mình cứ ngay lành mình làm, những kẻ buôn lậu heo mà giàu đã chắc gì giữ được của mãi » để cùng mời nhau bưng ba bát tiết heo sống lên, uống ừng ực.

Hết một hơi, bà chủ ngừng lại, nhăn mặt.

— Gớm! Cái món này bổ thì bổ thật nhưng khó uống quá.

Một bà ngừng lại theo phụ họa:

— Vậy! Thật cứ như uống thuốc. Đắng khó.

Chưa nói dứt câu bà ta đã bưng bát lên, làm thêm một hơi ngon lành, cái bát cứ được nâng cao dần cho đến lúc bà phải ngửa cổ ra phía sau và cái bát sắp sửa chụp bẹp lên mặt bà ta.

Trước khi nâng cái bát lên uống tiếp, bà chủ còn thêm một câu:

— Nếu tôi không yêu thì tôi cũng chẳng thiết...

Khi bà chủ nhã cái bát ra, lòng bát gần như trắng toát màu sứ.

Bà chủ tươi tỉnh và có vẻ khỏe khoắn hơn trước. Câu chuyện về sự ăn ở hiền lành, tu nhân tích đức, từ bi bác ái, lễ chùa lễ làng lại được tiếp tục một cách hào hứng.

Sau mỗi lần uống huyết heo bà chủ đều vui vẻ, hai Cung biết rõ điều đó nên vừa cạo lông con heo anh vừa nói vọng vào:

— Năm nay bà chủ thưởng tiền Tết cho tụi em sớm một chút nhé. Đứa nào cũng túng quá.

Bà chủ vẫn cười nhưng thở dài lắc đầu:

— Năm nay thì không có tiền đâu. Chị cũng túng chết đi đây. Thôi để chị biếu cho mỗi chú mấy cỗ lòng về mà ăn Tết. Các chú cũng biết đấy, năm nay gần Tết mà cũng vẫn thưa việc có khác gì ngày dưng.

Hai Cung xụi mặt, hơi buồn. Lòng heo, về Tết, chẳng có ai mua bà chủ cho lũ nhân công thì bà cũng chẳng thiệt mấy. Bực mình hai Cung đưa một đường dao và « thuỗng » một miếng lớn.

Bà chủ hỏi:

— Có chú nào mua heo làm thịt không đấy?

Một anh đồ tể gãi tai :

— Dạ ! Em mới mua được hai con.

— Thế hả ? Lát về sớm thịt bán cho kịp. Làm một con ở nhà thì khỏi phải thuê má gì sao mấy chú kia không làm một vài con kiếm tiền tiêu Tết. Biết nghề mà chỉ lười thôi . . .

Lúc này cái chảo nước sôi lớn, đã rửa cho hàng mấy chục con heo, quánh đặc những lông và đất, nước biến thành màu nâu vàng, sền sệt như một nồi cám lợn. Những con heo được nhúng vào chảo nước này trở nên bẩn và nhiều lông hơn trước. Cả một khoảng sân trở nên ướt át nhầy nhụa vì tiết heo, nước rửa, nước tiểu và phân heo. Những bộ lòng chưa được làm còn nằm la liệt giữa các đống phân lổn nhổn. Mùi phân hòa với mùi nước tiểu xông lên ngạt mũi. Tham lam như cu Tình mà lúc này nó cũng đành phải từ chối những vũng huyết trên mặt sân.

Mấy tay đồ tể thì tay chân bóng loáng những mỡ và loang lổ màu đỏ của huyết. Sự phấn đấu quá mãnh liệt của mấy con heo sắp chết khiến họ cảm thấy mệt dần.

Lũ trẻ hầu hết đều ướt từ đầu đến chân, mặt mũi chúng cũng lấm tấm đỏ và bóng loáng như mặt mấy bác đồ tể. Nhưng đứa nào cũng có vẻ hả hê vì ống bơ của chúng đã đầy tiết heo. Những đứa quen chịu lạnh, cởi phăng áo ra để tranh cướp cho dễ. Chúng dẫm bừa lên cả những đống phân heo và rải rắc sự bẩn thỉu ra khắp nơi.

Heo làm xong được treo la liệt quanh lò. Những người buôn thịt lác đác kéo đến trả giá, chọn lựa.

Hai cái ống bơ của Hùng đã đầy tràn. Hôm nay được nghỉ học nên nó không phải chạy về sớm. Hùng đến ngồi cạnh lò lửa và vừa nghỉ ngơi vừa theo dõi hành động ám muội của thằng Phan. Phan đã đem tất cả những thứ nó kiếm được về nhà và bây giờ nó trở lại, la cà quanh chỗ mấy tay đồ để dấu thịt họ đánh cắp. Một lát sau Phan thản nhiên đi ra cổng, Hùng mỉm cười khi thấy tay phải thằng Phan thẳng đuỗn vì phải hẹp chặt một miếng thịt. Thế nào rồi chốc nữa cũng có một anh đồ tể mất thịt và nổi trận lôi đình.

Bọn hai Cung nghỉ tay rủ nhau ra cổng mua sôi điểm tâm. Mỗi người cầm một đĩa sôi nằm đồng cao ngất và vừa đi quanh quẩn vừa ăn. Bọn trẻ không có việc làm. Đứa ngồi kiểm soát lại những thứ đã kiếm được, đứa giúp đỡ ông lão chủ nhà quét dồn lông heo vào một đống, có đứa lăm le định theo gương ăn cắp của thằng Phan. Hùng, hai tay bưng hai ống bơ, lặng lẽ đứng nhìn người ta chia heo cho khách mua. Nhiều con heo đã được phân thành nhiều tảng thịt, nhưng chưa đem ra chợ vì còn phải chờ được khám nghiệm.

Trời hửng sáng, những người đến khám heo bước vào lò. Họ xem xét từng con heo một và khi họ rời con heo nào thì lập tức bọn đồ tể vác con heo đó ra chợ. Những anh chàng vác heo này không biết nể nang ai ngoài bà chủ. Nếu trên con đường trước mặt anh ta không có bà chủ đứng thì anh ta coi như không còn có gì đáng để anh ta phải né tránh nữa. Vừa vác con heo lên vai anh ta vừa hét :

— Nước sôi ! lui ra ! Nước sôi ! Nước sôi...

Và anh ta lao vùn vụt ra cửa, đâm xầm vào tất cả những thứ có thể làm cản trở sự lưu thông từ lò heo cho tới chợ. Tốt hơn hết là người ta nên tránh trước. Những người chậm chân bị cái đầu heo húc vào người đều tỏ ra đại lượng vì con heo rất nặng, thường làm còng lưng người vác.

Lúc này hai Cung đã thanh toán xong con heo cuối cùng trong chuồng anh ta đội qua một gáo nước lên người, vuốt mạnh những chỗ có vết huyết heo rồi đến gần bà chủ nằn nì về món tiền thưởng tết. Bà chủ vẫn tươi cười và từ chối một cách quyết liệt. Nhưng hai Cung không phải là kẻ nằn nì dở nên sau cùng bà chủ phải ghé tai nói nhỏ với anh ta :

— Thôi được, mồng hai lên nhà chơi, chị mừng tuổi cho.

Hai Cung gãi tai, nhe răng cười sung sướng. Lúc bà chủ ra xe về hai Cung còn nói với theo :

— Mồng một, nếu rảnh, lúc đi lễ làng Ông về bà chị nhớ tạt qua xông đất cho nhà em nhé.

— Được rồi, để xem đã.

Chiếc xe bà chủ vừa chuyển bánh thì lò heo chợt nhốn nháo vì một câu tuyên bố của nhân viên khám heo :

— Con heo này bệnh.

Bọn người lớn, nhỏ kinh ngạc chạy lại xúm quanh ông ta. Người đàn bà, chủ của cái khối thịt khổng lồ nhưng vô dụng đó, hốt hoảng :

— Heo bệnh ư thầy ?

— Bệnh. Có gạo.

— Trời ! Thầy xem kỹ lại giùm cho.

— Kỹ rồi.

Ông ta chỉ vào những điểm trắng như hạt gạo nếp rải rắc trên những thớ thịt con vật rồi kết luận.

— Phải đốt.

Sau khi phán ra một lệnh truyền ngắn, gọn và chắc nịch như thế ông ta lại tiến đến một con heo khác, tiếp tục công việc khám xét.

Người đàn bà, một tay rờ rẫm trên cái lưng trắng toát của con vật chết, một tay cố vạch những thớ thịt như muốn nhìn cho rõ những cái mầm trắng tai hại trong đó. Tay bà ta bắt đầu nhầy nhụa bọng mỡ. Miệng bà ta há ra, thở thắn, hàm dưới giật lên như run rẩy. Và bà ta chợt oà lên gào khóc :

— Thôi chết tôi rồi ! Ối giời ơi ! Cả cơ nghiệp nhà tôi...

Hai Cung buông một câu thương hại :

— Rõ cái số ăn mày. Tết nhất đến nơi rồi !...

Anh quay sang người cảnh binh :

— Đốt chứ thầy ?

Sau cái gật đầu của người Cảnh binh, hai Cung tiến đến gỡ nhẹ tay người đàn bà không may. Không còn được bám vào con heo bà này ngồi phệt ngay xuống đất. Mái tóc dài của bà ta xổ tung và bà ta rú ra khóc heo thảm thiết như khóc một người thân vừa tạ thế. Mấy bà chủ heo khác xúm lại an ủi bằng những câu đổ tội cho số mệnh, trời đất.

Bọn trẻ chia làm hai phe. Một phe giàu tình cảm thì đứng đần mặt nhìn bà chủ heo khóc lóc. Một phe dày dạn hơn, đã được chứng kiến nhiều cảnh khóc heo, thì nhảy nhót chạy theo hai Cung, đỡ bớt sức nặng cho anh ta. Đứa nào cũng có vẻ hớn hở và hồi hộp.

Mấy anh đồ tể đã khiêng được cái chảo nước sôi ra khỏi lò lửa. Than trong lò còn rừng rực đỏ. Họ chất thêm củi và mồi cho ngọn lửa bốc cao ngùn ngụt. Nếu để ý kỹ người cảnh binh sẽ thấy rằng con heo được đặt lên đống lửa, thiếu mất hai tai và cái đuôi ! Hùng cho rằng chỉ có bọn thằng Tín mới nhanh tay được đến thế.

Trong phút chốc thịt heo gặp lửa, hóa vàng, bốc mùi thơm lừng như heo quay. Xác con vật quằn quại trên đóng lửa như một con heo sống đang cựa quậy. Mỡ chảy xuống cháy xèo xèo làm ngọn lửa bốc cao thêm dần dần, trong mùi thơm có lẫn cả mùi khét.

Bà chủ heo vừa khóc vừa kể công nuôi nấng tốn kém. Đuôi mắt bà dúm dó, chồng chất những vết nhăn. Thỉnh thoảng bà lại dương mắt nhìn đống lửa, nhìn con heo đang cháy đen dần :

— Thế nầy... thế nầy có khổ tôi không ? Trời ơi !

Hùng và những đứa trẻ khác cắt dấu bết những ống bơ tiết của chúng đi và, với hai tay không, chúng đứng vây quanh đống lửa đốt con heo gạo một cách rất biển lành, ngoan ngoãn. Khi mấy nhân viên khám heo làm xong nhiệm vụ quay ra thì người cảnh binh cũng quay ra theo. Ngọn lửa đốt heo vẫn bốc ngùn ngụt nên ông ta không ngờ mình đã để lại đằng sau một vụ tranh cướp ác liệt.

Ngay khi người cảnh binh vừa ra khỏi cổng lò là bọn trẻ đã nhất loạt múc nước đổ vào đống lửa rồi lăn xả vào dằng dựt cái xác heo cháy đen thui. Tan lửa bắn tung lên, những mảnh than hồng làm nhiều đứa hỏng chân rẫy nẩy, nhưng chúng không hề nản chí.

Hùng lầm tưởng một khúc cũi là cái cẳng trước của con heo nên bị bỏng nhẹ ở bàn tay trái nhưng liền lúc đó nó túm được cái đùi sau mập mạp của con vật. Tảng thịt lớn quá, Hùng phải hết sức dằng co với ba đứa nữa, miếng thịt vẫn trơ trơ không đứt. Nhớ đến con dao nhỏ trong túi, Hùng vội lấy ra xẻo mạnh một cái. Một tảng thịt lớn như cái dĩa tây, dầy cộm đã nằm gọn trong tay nó. Nhìn miếng thịt, phía ngoài chỗ đen chỗ vàng rộm, phía trong còn tươi máu, Hùng sướng tỉnh người, không ngờ mình thành công một cách vẻ vang đến thế. Thật quả chưa bao giờ nó kiếm được một nguồn lợi phong phú như vậy. Nhưng Hùng chưa kịp lùi ra thì thằng Tín đã túm lấy tay nó :

— .... mẹ ! Thằng này cướp được miếng to quá.

Hùng nghiến răng giựt phắt tay lại, Tín xuống giọng năn nỉ :

— Cho tao một nửa. Mai có tao cho lại.

Nhìn vẻ cương quyết của Hùng, thằng Tín biết chắc rằng đường lối mềm dẻo không thể đưa đến kết quả, nó xấn lại nhất định chiếm một nửa miếng thịt trong tay Hùng. Trong lúc say mê với nguồn lợi vừa kiếm được Hùng không còn biết sợ

là gì nó huých ngay một cùi chỏ vào rốn thằng Tín làm thằng này nổi khùng lên. Hai đứa ôm chầm lấy nhau và ngã lăn ra đất.

Hùng bị thằng Tín vật ngửa trên mặt sân ôm vớt và lầy nhầy. Hai Hùng còn vướng miếng thịt nên nó chỉ còn hai cẳng để đấy đạp và một cái miệng để chửi bới tất cả họ hàng, làng xóm thằng Tín. Một tay chẹn ngực, một tay thoi lia-lịa vào cạnh sườn Hùng, thằng Tín cũng chửi rủa lại.

Hết sức rẫy rụa mà không thoát nổi, Hùng lừa thế ngoạm được luôn vào cổ tay Tín và.. nghiến răng. Nhưng khi thằng Tín rú lên Hùng lại sợ hãi, tưởng địch thủ sắp bị nát tay, nó vội nhả ra. Thằng Tín vừa khóc vừa đấm xuống. Hùng đau quá cũng khóc nức lên. Tiếng khóc của hai đứa cùng ngắn ngủi, đứt quãng vì những tiếng chửi.

Hai Cung đi qua thấy hai đứa lăn lóc trên mặt sân bẩn anh ta vãng tục lên và cười :

— Đã cho vào kiểm chác lại còn đánh nhau. Mấy thằng ôn con này chẳng được cái bộ đếch gì cả.

Anh ta ngồi thụp cạnh hai đứa rồi tỏ vẻ ngạc nhiên :

— Ớ ! Thằng con nhà này lớn mà lại ăn hiếp thằng bé... Và hai Cung thản nhiên nắm ngay một cẳng thằng Tín xách ngược lên, đẩy sang một bên. Thằng Tín ngã lăn ra, Hùng đè lên bụng nó. Nhờ hai Cung, Hùng chuyển bại thành thắng và hấp tấp đánh trả thù. Sau khi làm một việc nghĩa hiệp, cứu khốn phò nguy như thế hai Cung đứng dậy bỏ đi. Vị cứu tinh của Hùng vừa bước được ít bước thì thằng Tín đã vùng mạnh làm Hùng ngã nghiêng xuống nền gạch. Hùng cảm thấy ở khuỷu tay mình kêu « khục » một tiếng và cả người nó bắt đầu lạnh toát, cánh tay phải nó đờ ra đau đến tê đi. Nó kêu ré lên :

— . . . Mày làm gẫy tay ông rồi !...

Tín đứng phắt dậy, có vẻ sợ, nhưng tay nó vẫn cầm chắc miếng thịt heo gạo mà nó vừa đoạt được.

Bỗng có tiếng hai Cung kêu :

— Thằng nào ăn cắp của tao một miếng thịt đây ?

Một người đỡ tế chỉ về phía Hùng :

— Hai thằng kia đang tranh nhau một miếng thịt nào đó.

Hai Cung hầm hầm tiến đến. Tín đưa miếng thịt ra thanh minh :

— Không, miếng này là miếng thịt con heo bị đốt mà.

Hai Cung dằng lấy miếng thịt, nhìn sơ qua rồi ném bẹp xuống đất, có vẻ thất vọng. Hùng biết chắc thủ phạm của vụ trộm thịt là thằng Phan nhưng nó chỉ ngay vào ngực thằng Tín :

— Thằng này ăn cắp của anh đó. Em trông thấy.

Tín kêu lên :

— Ê ! đồ điêu ! đồ điêu ! Tao lấy bao giờ ?

— Lúc nãy, tao trông thấy.

— Sư mày, đứa nào nói điêu thì chết hộc máu nhá.

— Ừ.

Tín vừa lúi húi nhặt miếng thịt vừa chửi Hùng, nó ức quá đến nỗi môi nó cứ rung lên và nói ấp úng một cách thật đáng nghi. Thằng Tín vốn cũng chẳng lương thiện gì, nhưng vì không bắt được quả tang nó nên hai Cung chỉ biết biểu lộ cơn giận của mình bằng cách dằng lấy miếng thịt trong tay Tín rồi ném cho Hùng. Hùng khoái quá quên cả cánh tay không còn cử động được. Tín bậm hực đi ra cổng, nó vừa sợ hai Cung vừa sợ vì thấy thằng Hùng kêu bị gẫy tay.

Lũ trẻ xúm quanh Hùng, xem xét cánh tay nó rồi lao nhao kêu :

— Thằng này gãy tay.

— Chết cha ! Thằng này gãy tay rồi.

Hùng bật khóc tru tréo. Hai Cung bước đến sờ cánh tay phải của Hùng. Khuỷu tay biến hình vì một mẩu xương chồi lên trông rất rõ. Hai Cung nhận xét :

— Sai khớp ! Đếch phải gẫy. Bố cha thằng này rồi ! Cuội tay là hết ăn Tết.

Hùng từ từ đứng dậy, hai Cung kéo nhè nhẹ cho cánh tay duỗi ra nhưng thằng bé kêu rú lên vì đau. Anh ta hét :

— Yên nào ! Tao nắn cho. Để thế này là què.

Hùng sợ hãi, nhưng nó ngần cái việc phải giao cánh tay cho hai Cung nắn hơn là ngại sự què quặt. Mồ hôi vã ra hai bên thái dương nhưng Hùng cảm thấy mình run rẩy. Nó rên rỉ :

— Thôi, thôi, bỏ ra...

Hai Cung chẳng nói chẳng rằng mím môi kéo mạnh một cái. Hùng đau lả người, ngã ngồi xệp xuống đất. Hai Cung co kéo thế nào mà rồi tay Hùng không còn cứng đơ ra nữa, có thể gập vào duỗi ra được. Nhưng nó không thể tự ý cử động cánh tay vì cơn đau vẫn chưa dứt. Trong lúc thằng Hùng khóc lặng đi thì hai Cung buông tay nó ra bảo bê :

— Được rồi ! Thế là khỏi què. Về buộc chặc lại ít lâu là khỏi. Có thế mà cũng sợ, rõ đồ nhát như cáy.

Lũ trẻ nhìn anh ta khâm phục Hùng lủi thủi đứng dậy, kẹp miếng thịt vào nách, hai tay gượng ôm hai bơ tiết, ra khỏi lò heo. Trời còn chưa sáng hẳn. Đi qua chợ, đến bên một con lạch, Hùng bỏ các thứ xuống rồi mò mẫm lần heo bờ cỏ tới dòng nước. Nó dùng tay trái múc nước lên để gột những vết bẩn trên quần áo và những vết nhầy nhớm máu trên da thịt. Hai đầu gối Hùng đầy những vết xát, nước làm vết thương bị lạnh và xốt.

Tới nhà Hùng thấy hai em nó còn ngủ. Mẹ nó đã đi chợ rồi. Trên bàn thờ ba nén hương còn cháy dở. Cha nó ngồi trên bàn thờ, trong cái khung kính ảnh rạn ở lúc nào cũng nhìn nó bằng đôi mắt buồn rầu, bất động. Nước ảnh ngày một ố vàng, ba nó ngày một mờ dần.

Hùng rửa kỹ miếng thịt heo rồi đem ướp muối, nó cũng cho một ít muối vào hai bơ huyết heo rồi để cả vào trong chạn. Nó lấy bát sới cơm rang trên cái chảo nhỏ mẹ nó để trên bếp than từ sáng, và ngồi ăn. Thế nào rồi Tết này mẹ nó cũng mua một con gà, con gà cộng với miếng thịt khổng lồ mà nó kiếm được sẽ đem lại cho nhà nó một cái Tết phong phú hơn. Hùng ngắm mãi miếng thịt heo muối và quên được phần nào cái khuỷu tay nhức nhối như đang sưng tấy lên.

LÊ-TẤT-ĐIỀU

MÙA XUÂN HỌP MẶT

HOÀI - HƯƠNG

Anh từ Cao-nguyên về
Bụi vàng hoen nếp áo
Mang món quà sơn khê
Cho mùa Xuân độc đáo

●

Chị Tư rời Phú-Quốc,
Theo mùa Xuân về nhà.
Mận mới chai mắm ruốc,
Chút tình cô giáo xa.

●

Còn đây, em bé nhỏ
Vẫn tay trắng bao năm
Gượng cười, kêu mở ngõ :
— « Linh Quân dịch về thăm ! »

Cả nhà mừng rối rít.
Mẹ hỏi : « Đâu về đây ? »
Con chỉ trời xa tít :
— « Miền Tây .. »

●

Bọn mình như bầy én
Tản mác bốn phương trời
Chờ mùa Xuân ấm nắng
Lại tìm về chung nơi.

●

Khi người còn vui Tết,
Rượu mừng 4 đương say,
Chuyện chúng mình chưa hết,
Em mở lời : chia tay.

1962

ĐỌC THƠ AI

Mùa thu rồi lại mùa thu
Đọc thơ ai giấc miên du ngỡ ngàng
Ngàn thương nhớ phủ con đàng
Quê hương vào mộng canh tàn thoáng bay
Thở than ly biệt là sai
Ra đi mới có ngày mai trông chờ
Đoái thương chỉ có... nàng thơ
Đắng cay dĩ vãng ngục tù sầu thương
Buồn dâng quyện nắng chiều hôm
Mộng xuân xưa nát trong hồn xót xa
Mái sau sương tuyết phai nhòa
Phiêu diêu muôn hướng người xa nhớ về
Bâng khuâng hồn mộng hương thề
Mênh mang thi tứ đi về lòng ai...

TRANG-PHƯỢNG
(Thu Paris 62)

Quê hương

thơ THÁI-DƯƠNG

Anh cảm thương niềm đau chúng sinh
Mặt trời không hiện giữa bình minh
Anh run sợ bụi trời Đô-thị
Và dáng xe điên bỗng chuyển mình!

Dạ-hội đèn giăng chưa phải sang
Từng tia lửa đạn cháy kinh hoàng
Anh trông tà áo hoa lửa đảo
Nét ửa vành môi đẹp thuở vàng

Tìm quê hồn-hậu, bỏ kiêu-sa,
Xin quỳ chiêm ngưỡng phút xum họa
Anh nâng cặp má hương đồng nội
Hồng biếc dìu qua tim nõn nà

Mái cỏ, bờ ao thơm bóng sương
Giường tre đón mát lá quanh vườn
Khuya nghe chim gọi lay huyền hoặc
Anh nửa giường, Trăng ngủ nửa giường

Sáng dậy mừng vui như cỏ cây
Cành non ca hát, chĩu chim bầy
Vỗ tay mà chạy quanh bờ ruộng
Vàng điệp mùa Xuân hạt lúa say.

T. D.
(Bình-Quới thôn)

NẮNG MÙA XUÂN

ĐYNH-HOÀNG-SA

Nắng mùa xuân ngoài đời
vén màn che cửa sổ
căn phòng hốn âm thầm
thấy lại một hình cây,
— sương không thời-gian phủ —
đầy ánh sáng dư hương
trên nền xanh đi vắng

xác chết lịm từ lâu
đã phút giây tái hiện
nét sinh thời ban đầu,
lòng thu vàng xao-xuyến.
ánh đèn chợt thắp lên
soi tỏ nhà hoang phế
từng đồ vật bỏ quên
trong cõi lòng bóng tối
bừng mắt ngủ hồi sinh.
bốn mùa ao nước đục
một buổi thoáng trong xanh
từng viên sỏi kỷ-niệm
— chìm nghỉm xuống lòng ao
từ bàn tay huệ trắng
bày ra trong đáy bùn.

thân cây và xác chết
sỏi trắng với nhà hoang
hiện ra rồi vụt biến
im lìm trong mù sương.

Đ. H. S.

HAI cái khăn choàng tắm rằn-ri, nhớp-nhúa và châm khíu tứ tung vừa buông xuống thì thằng Năm Cà-Khêu đã bước ra chào khán-giả. Nó hơi ngả người về phía trước, khẽ cúi đầu và nhích mép mỉm cười một cách khá dạn dĩ. Đoạn trong khi chờ những tiếng vỗ tay và những lời hoan hô dịu bớt xuống, nó dùng bàn tay mặt vuốt mái tóc chải rẽ bảy ba theo kiểu lưỡi mèo của nó cho đỡ ngượng.

Cử chỉ này nó vừa học được của ông từ Niệm, ông ngoại thằng Chín-Địa, hiện làm ông từ đình Cồn Bần và ba mươi mày năm về trước từng làm «nhưu» (1) cho gánh bầu Huệ, một gánh hát bội thuộc hạn nổi tiếng nhất trong vùng thời bấy giờ.

Thằng năm Cà-Khêu chỉ cho bàn tay phớt nhẹ lên mái tóc một cách cẩm chừng thôi chớ không dám vuốt mạnh. Tóc của nó thuộc loại tóc rễ tre rất cứng, mới hớt chải lửa đầu tiên. Nếu vuốt mạnh tay, thay vì nằm sát xuống da đầu, tóc ấy có thể xửng lên như những cái gai trái lôm chôm hay những cái lông gà xước. Và như thế, cái đầu áp-mê-ơ của thằng năm Cà-Khêu càng trở nên dị-hợm, khó coi hơn. Bởi chắt nhơn tạm thời khuất phục được mớ tóc ngoan cố kia không phải là dầu sáp thơm mua ngoài chợ. Đó là chắt nhớt của hột bưởi ngâm trong nước pha thêm vào một chút dầu dừa có ướp bông Công-chúa. (2)

Năm Cà-Khêu mang cái biệt danh này vì cái cặp giò nó ôm teo dài nhẳng

(1) Tiếng miền Nam chỉ ông thầy tuồng của các gánh hát bội hồi xưa.

(2) Tiếng miền Nam chỉ hoa Hoàng-lan.

TRONG TRẮNG

truyện ngắn của TRANG-THẾ-HY

như ông sậy và hai hàm răng hô-hốc thưa rếu như răng bù-cào. Nhưng bù lại cái hình thù xấu háy ấy, nó ăn nói trôi chảy và có duyên. Nhờ vậy trong gánh hát bội bù-tọt xóm Cồn Bần nầy nó được phân-công đứng ra giới-thiệu mỗi màn.

Buổi trình-diễn đêm nay hơi đặc-biệt vì là Tết Trung-thu. Ngoài số đông khán-giả con nít và một ít người lớn quen thuộc trong xóm còn có thêm vài chục học trò nhỏ ngoài trường tiểu-học quận được thầy giáo của chúng hướng-dẫn đến đây thưởng ngoạn trăng đồng quê.

Vì vậy Năm Cà-Khêu có hơi khớp trong bụng.

Tiếng vỗ tay và những lời hoan-hô dịu xuống rồi dứt hẳn. Chỉ còn lại những tiếng xầm-xì nho nhỏ và những giọng cười khúch-khích. Năm Cà-Khêu tằng hắng lấy giọng cười rồi bắt đầu nói :

— Thưa quý vị và quý bạn ! Quý vị và quý bạn vừa thưởng-thức vũ điệu "Mừng trăng tròn» do các bạn học-sinh ngoài chợ quận biểu diễn. Bây giờ trong khi chờ đợi gánh hát bội bù tọt xóm Cồn-Bần của chúng tôi diễn tuồng « Tôn-hành-giả loạn thiên cung», tôi xin trân trọng giới-thiệu cùng quý vị và quý bạn một màn kịch cương thật ngắn tựa là « Chú Xối mừng máy bay Đồng Minh ». Trong màn kịch nầy, chúng tôi phân công như sau : bạn Tư cù-nèo thủ vai chú Xối, bạn Chính-Địa thủ vai ông hàng xóm và em Bé tự là Bé-Đầm-Cuống thủ vai thiếm Xối. Kính chào quý vị và quý bạn.

Năm-Cà-Khêu vừa dứt lời, tiếng vỗ tay và tiếng hoan-hô chim mồi của tụi con nít Cồn-Bần lại vang lên hộ-trị tinh-thần. Giữa sự ồn-ào đó, Năm-Cà-Khêu sụt cà lui, giơ hai tay ra phía sau vén hai tấm màn thụt trở vô hậu trường. Lối rút lui nầy cũng do ông « Nhưn » dạy rằng bất cứ trong trường hợp nào người đứng trên sân-khấu cũng đừng nên đưa lưng cho khán-giả nhìn.

Năm Cà-Khêu càng chú-ý tuân theo lời dặn nầy vì cái quần kaki xanh

dương của nó bị rách đít một lỗ lớn, chị nó mới vá hồi chiều bằng một miếng vải cũ, mặc cười không đẹp tí nào.

*
* *

THẰNG Thạch mặt khỉ, vai chánh trong vở tuồng « Tôn-hành-giả loạn Thiên-cung », cầm cái áo chẹc đưa cho Thằng Tư Cù-nèo, hối thúc :

— Mau đi mậy Tư. Để người ta chờ lâu coi kỳ quá mà !

Tư Cù nèo là một thằng nhỏ mập mạp, trắng trẻo, sạch sẽ đứa, mặt mũi khôi-ngộ rất dễ thương, tánh tình hiền hậu, vui vẻ, hay chiều lòng bạn. Nó mang cái tên Tư Cù-nèo xấu háy nầy có phần oan-ức so với trường-hợp bị mang biệt-danh của các bạn nó trong gánh hát bù-tọt xóm Cồn Bần. Tay nó có cáng dá thiệt, nhưng đầu đến nỗi nào cong cong như cái cù-nèo của mấy người phát cỏ. Thành thử năm nay nó đã mười ba tuổi và bắt đầu biết tự ái vì cái tên xấu háy ấy.

Nó cầm lấy cái áo chẹc nhưng không chịu mặc mà vùng-vằng cự-nự :

— Tao không diễn màn kịch nầy đâu !

— Sao vậy ?

— Có tụi học trò ngoài chợ quận vô, tao khớp lắm.

Thằng Thạch mặt khỉ tức mình nhăn nhó làm cho cái mặt vốn đã giống mặt khỉ của nó càng dị hợm hơn :

— Thằng nói lạ ! Có tụi nó mình càng phải rán sức diễn cho hay để lấy tiếng chớ. Làm điệu nầy, tụi nó cười mình thúi đầu.

— Cười thì rán chịu. Tao khớp lắm. Tao có nói hồi nãy rồi. Ai biểu thằng Năm Cà-Khêu nó giới-thiệu ầu?

Chín Địa thủ vai trùm-xuyên Ngọ là một tay bợm nhậu nhà ở gần chú Xồi, đã sắm tuồng xong. Nghe Tư Cù-nèo thối-thoát như vậy nó khích lệ :

— Khớp mốc-xì gì mậy Tư ! Tụi nó ở chợ mặc dầu, chớ nó cũng ngán mình lắm. Phải chi mình ra ngoài, thì mấy-khớp đã đành. Cứ việc ra diễn tưởi hột sen, coi như không có tụi nó vậy.

Tư Cù-nèo lặng thinh không nói gì một lúc rồi lắc đầu :

— Biết vậy rồi nhưng tại trong bụng tao khớp quá. Đứa nào không khớp thì diễn đi.

Thạch mặt khỉ nổi giận :

— Mấy đừng làm khó anh em như vậy Tư à ! Tụi tao đâu có đứa nào nhảy tiếng chẹc bằng mấy được.

Con Bé Đầm Chuồng thủ vai thiếm Xồi cũng đã sắm sửa xong. Tóc nó xắp xải chấm vai giống xầm sẵn rồi. Chỉ cần mặc vào cái áo xầm bằng vải dấu láng, xăng quần ống thấp ống cao là nó trở thành thím Xồi.

Nó khều Chín Địa lại đằng xa nói nhỏ :

— Đâu phải thằng Tư Cù-nèo nó khớp.

— Vậy chớ tại sao !

— Tại nó sợ con Lìn giận nó. Nó bị con Lìn giận một lần rồi. Mà giận là phải. Nhè diễn kịch kêu ngạo tía nó, biểu nó đừng giận làm sao được ? Chuyện hai đứa nó giận nhau, có một mình tao biết, tụi bay đâu có biết...

— Ờ... con nhỏ nầy nói có lý. Bây giờ mình phải làm sao ?

— Phải chi tao đừng mắc thủ vai thiềm Xổi thì tao làm bộ rủ con Lìn đi chơi chỗ khác...

— Đỡ vậy thôi chớ thằng Năm Cà-Khêu giới thiệu hồi nãy con Lìn nó nghe rồi.

— Bởi vậy mới ngặt !

Chín Địa như chợt nghĩ ra điều gì hay. Nó vỗ vai con Bé Đầm Chuồng hỏi :

— Kỳ rồi, nhờ đâu mà con Lìn nó hết giận thằng Tư Cù-nèo ?

— Nhờ tao phụ năn nỉ. Dòng xầm nó giận dai lắm chớ không phải như tụi mình. Tao năn-nỉ muồn gãy lưỡi...

— Thì bây giờ mầy cũng vô mầy hứa với thằng Tư Cù-nèo rằng mầy sẽ năn nỉ con Lìn lần nữa.

— Biết năn-nỉ được hay không.

— Thì hứa ầu vậy mà. Đi.

Hai đứa trở vô buồng. Không hiểu thằng Thạch mặt khỉ làm cách nào mà bây giờ Tư Cù-nèo đã mặc cái áo chẹc vô rồi. Nhưng mặt nó vẫn còn bí-xị. Chín Địa bước lại vỗ vai nó :

— Ê, Tư à ! Tao hiểu mầy rồi. Làm như tao ở vào cảnh mầy, tao cũng rầu lắm. Nhưng mà mầy nên rán với anh em một lần đi. Danh-dự của xóm Cồn Bần mình mà. Thề nào con Lìn cũng giận mầy. Nhưng con Bé nó sẽ năn-nỉ giùm cho.

Tư Cù-nèo thở ra :

— Kỳ rồi tao lỡ đã hứa rằng sẽ bỏ biệt không bao giờ diễn màn kịch này nữa...

Thằng Thạch mặt khỉ nổi nóng :

— Thôi ! Nó vì một con xầm con mà bỏ anh em thì mình cũng rán chịu cho thiên hạ cười chớ biết sao giờ. Cởi áo chẹc đưa tao mầy Tư. Tao thủ vai chú Xối tưới hột sen một lần coi con Lìn nó có chém tao hay không cho biết. Cho mầy hay ghen : vài năm nữa chừng con Lìn trổ mã con gái, má nó gởi về Tàu hoặc để ở đây thì cũng gả cho chẹc chớ mầy đừng có thấy má nó và má mầy thân với nhau rồi ham. Chẹc là chuyên môn « dụ khị » mà mầy quên sao ?

Bị khích động anh hùng tính, thằng Tư Cù-nèo đứng lên lườm Thạch mặt khỉ một cái rồi biểu Chín Địa :

— Mầy ra trước đi Chín.

Chín Địa vén hai tâm xà-rông bước ra trong lúc Thạch mặt khỉ khều con Bé Đầm Chuồng nói nhỏ, vừa nói vừa nhướng cặp lông mày dợt-lót như lông mày khỉ của nó :

— Tụi bây thấy cái tài nói khích của tao chưa ?

Bé Đầm Chuồng nguýt :

— Ừ giỏi lắm. Nhưng rốt cuộc tao cũng mắc năn ni con Lìn.

Màn kịch cương «Chú Xối mừng máy bay Đồng-Minh » bắt đầu. Trùm xuyên Ngọ (do Chín-Địa thủ vai) bước vào nhà Chú-Xối. Y ở trần, quần vận trái ổi, xế-xệ dưới rún, đầu xước khăn rằn, tay cầm cù-ngoéo, bước cẳng cao cẳng thấp, tằng-hằng lớn rồi hỏi :

— Tía thằng Xiệu đâu rồi cà ?

Thím Xối (tức Bé Đảm Chuồng) bước ra :

— Ai đó ? À ... anh Chín ! Mời anh Chín ngồi chơi. Tía nó ở đằng sau lên bây giờ.

— Ông làm gì đằng sau vậy thím ?

— Ông đang trải mắc cây lố-ố làm cán cờ.

— Cờ gì ?

— Cờ Tàu

— Chi vậy ?

— Ông tính hễ có máy bay bắn thì thượng cờ Tàu lên. Ông nói máy bay Tây nó thấy cờ Đồng-Minh nó hổng dám bắn.

— Trời ! Ở đó mà tin ba thằng Tây. Nè, tin nó tràn xuống tới Chợ-Đệm rồi nghe chưa. Thím phải lo gom đồ đạc cho gọn xuống nghe cà-vom đi. Đừng có nghe lời ổng, không được đâu.

Thím Xối đồng ý :

— Bởi vậy. Tôi cũng nghĩ như anh Chín, nhưng nói ổng đâu có được. Đâu anh phụ bàn với ổng coi.

— Chú Xối (tức Tư Cù-nèo) bước ra :

— Hà ! Ăng Ching ! Li-chôi hả ăng ching ?

— Chơi bời gì ! Tây xuống tới chợ Đệm rồi, qua coi chú có sửa soạn tản-cư phụ giùm chú đây chớ.

— Hà ! Người Vẹc-Lam lo chước cái lấy phải đôi. Ngộ cái lấy, khôi cẳng !

— Ngon vậy ?

— Tống.Ming mà hổng ngon sao lược ! Lước Tào pây-giờ là Tống-Ming, piếc chưa ? Tống-Minh cái lấy mặng lắm, thằng Tây làm sao dám ?

— Vậy mà họ tôn người Tàu chưa biết chè máy bay.

— Lói tầm pậy ! Hổng thèm chớ làm sao hổng piếc chè !

— Hổng thèm chớ rồi làm sao có ?

— Hà ! Vậy mà có mới hay chớ. Ăng ching piếc hôn ! Pên Tàu người ta khôn lắm. Người ta làm pộ chia da hai pa phe oắng qua oắng lại, mấy lước khác thấy vậy tưởng oắng thiệt lem máy pay qua pán. Pán cái lấy dề-dề một chứt !

— Trời ơi ! oánh qua oánh lại vậy chết dân hết.

— Làm sao chiếc hiếc lược ! Người Tàu tông lắm. Lễ tông quá không có ngạo lâu cơm ăn, lói pụng chiếc cũng vậy mà !

— Rồi chừng nào máy bay Tàu mới qua đây ?

— Chưa piếc ! Nhưng thề lào dối cũng qua chớ. Thằng Tây cái lấy làm lộng quá dối.

Cuộc đối thoại tới đây tạm ngưng. Trong buồng có tiếng thằng Thạch mặt khỉ giả làm máy bay kêu ù-ù, Chú Xồi bước tới trước vài bước lấy tay che trán nhìn lên trời kêu lớn :

— Má thằng Xiệu tâu dồi ?

Thiềm Xồi chạy ra hỏi :

— Cái gì đó ?

— Thượng cây cờ lên.

Thiềm Xồi chạy vô rồi chạy trở ra.

— Rồi. Thượng cờ rồi. Nhưng máy bay nó bay cà-vòng, cà-vòng thấy ghê quá.

Chú Xồi vỗ vai trùm xuyên Ngọ lúc bấy giờ có vẻ sợ hãi ngó dớn-dác.

— Cứ việc ngồi chơi li ăng chíng. Hồng có hại gì mà !

Thiềm Xồi báo động nữa :

— Máy bay nó nghiêng, coi chừng nó bắn đa tía thằng Xiệu à !

— Làm sao pắng lượt ! Máy bay tổng-ming thì là pố nhà. Còn máy pay thằng Tây thì hồng dám pắng.

Từ trong buồng tiếng giả làm động cơ máy bay của thằng Thạch mặt khỉ to thêm và dồn - dập thêm. Thiềm Xồi sợ quá chung lòn dưới đít ghế.

Trùm xuyên Ngọ khom người xuống, bò ra ngạch cửa liếc lên trời nhìn rồi hoảng hốt la :

— Hồng được chú Xồi ơi ! Máy bay Tây. Tôi thấy cây cờ tam-sắc rõ ràng. Chú Xồi vẫn bình-tĩnh :

— Thằng Tây thấy kệ thằng Tây chớ ! Ló hồng có dám pắng lâu mà ! Cờ tam sắc làm sao mặng pằng cờ tổng-ming lược !

Bây giờ, trong buồng, thằng Thạch mặt khỉ nhái tiếng máy bay hú khi nó cắm đầu xuống bắn và nhái luôn mấy loạt súng Đại-liên bắn xối xuống ; tạch, tạch tạch ! ... tạch, tạch, tạch !...

Chú Xồi và trùm-xuyên Ngọ té bò càn đè lên nhau. Trùm-xuyên Ngọ thở hổn-hển :

— Thấy chưa chú Xồi ? Đồng-minh của chú mạnh hay yếu ?

Chú Xồi không trả lời. Chú kêu lớn :

— Má thằng Xiệu tâu dồi ?

Từ dưới đít ghế thiềm Xồi hỏi :

— Tui đây nè. Tía nó kêu cái gì ?

— Lo dọn tổ xuống ghế cà-vom ti.

— Đợi một lát nữa, máy bay về mới dọn được chớ.

— Hà ! thì một lát nữa chớ sao ! Pây giờ, da ló pắng chiếc cha mồ tổ còn gì !

Bằng một giọng run lập-cập vì sợ hãi, trùm-xuyên Ngọ còn rán nói gay chú Xồi :

— Đồng-minh ! Đồng-minh ! Đồng-minh còn mạnh nữa thôi ?

— Tíu na má. Tổng-ming cái lấy yêu xiểu !

Hai cái khăn choàn tắm rắn ri buông xuống. Khán giả vịn vào nhau cười nghiêng ngửa giữa những tiếng vỗ tay vang dậy.

∴

NHƯNG có một nữ khán giả mười hai tuổi không cười. Đó là con Lin. Từ lúc màn kịch mới bắt đầu, con Lin đã tách rời mấy đứa bạn gái của nó, lủi ra ngoài góc me cách sân đình hơn một trăm thước, ngồi một mình. Và bây giờ thì nó ôm mặt khóc. Những tiếng cười òa tiếng vỗ tay từ đằng đình vọng lại ví như những mũi kim đâm vào lòng tự-ái của nó. Không phải nó chỉ giận thằng Tư cù-nèo thôi. Nó còn tủi thân và thương tía nó với thằng Xiệu, anh nó nữa. Chú Xối và thằng Xiệu đã bị Tây bắn chết trong lúc chèo ghe cà-vom đi tản-cư hồi tháng mười năm 1945, không bao lâu sau cái cảnh « mừng máy bay Đồng-minh » đại đột thơ ngây mà tụi con nít xóm Cồn Bần mới diễn lại đằng đình. Hồi ấy thằng Xiệu mới bốn tuổi và con Lin còn bồng nách. Hơn mười năm trời đã trôi qua. Một vai nạn thảm thương cho gia-đình nó như vậy mà bây giờ, tụi con nít Cồn Bần nỡ lòng nào đem diễn lại cười thiệt là độc-ác quá chừng. Nhứt là thằng đứng ra thủ vai chú Xối để nhận bánh tía nó cho thiên-hạ cười lại là thằng Tư Cù-nèo, thằng bạn thân nhứt của nó tự thuở giờ.

Một bàn tay của ai vịn lên vai con Lin. Nó biết đó là bàn tay của thằng Tư Cù-nèo. Nó lập tức hất bàn tay đó bằng một cử chỉ giận dữ rồi vùng đứng dậy cắm đầu chạy một mạch về nhà.

∴

ĐẦU đội một thúng đồ hàng bông đủ loại : khổ qua, dưa gan, dưa leo, mướp, bí đao, thằng Tư Cù-nèo vừa bước chầm chậm vừa tính. Tết Trung-thu là rằm tháng tám. Bây giờ là hăm sáu tháng chạp. Đếm coi một cái rằm, hai cái rằm, ba cái rằm... hơn bốn tháng nay rồi, nó chưa làm quen được với con Lin. Nó đếm từng tháng như vậy mà trong lòng buồn vô hạn.

Hằng năm, vào khoảng cuối tháng chạp, khi bà con trong xóm Cồn Bần trao đổi với nhau chút đỉnh đồ vật để chuẩn bị ăn Tết, thì thằng Tư Cù-nèo và con Lin lại có dịp làm thân với nhau thêm. Hai đứa nó bưng hai thúng đồ đi rảo quanh trong xóm, ghé từng nhà, từng nhà, cho thứ nầy, nhận thứ khác đem về. Nhà thằng Tư Cù-nèo làm rẫy. Thúng của nó đựng đồ hàng bông. Nhà con Lin bán hàng xén. Thúng của nó đựng những óp nhang, những phong bánh in, những gói chà-là.

Năm nay, thằng Tư Cù-nèo đội thúng đồ hàng bông đi có một mình. Thím Xối vẫn còn bán đồ hàng xén nhưng con Lin không còn ở nhà nữa. Sau Tết Trung thu không bao lâu, thím Xối đưa nó ra ngoài chợ tỉnh cho nó làm công tại một tiệm nước lớn của người Tàu mà người chủ có bà con sao đó với chú Xối. Từ bấy đến nay, Tư

Cù-nèo không còn gặp con Lìn lần nào nữa.

Theo chỗ dọ hỏi của nó, thì hình như mỗi ngày con Lìn được đi học mấy tiếng đồng-hồ tại một trường học chữ Tàu gần đó.

Kỳ dư, con Lìn phải làm những công việc của tiệm nước chẳng khác gì người ở đợ. Nó bưng cà-phê, bánh trái cho khách hàng, lau bàn lau ghế, có khi phải lau nhà hoặc quảy thùng ra phong tên gánh nước.

Thằng Chín Địa trong nhiều dịp đi chợ tỉnh với ông ngoại nó, đã trông thấy rõ ràng như vậy rồi về tường thuật lại :

— Con Lìn bây giờ khác hơn hồi ở Cồn Bần nhiều lắm — lời Chín Địa nói Nó ăn bận các kiểu gì mà áo chẹt bó, tay vắn ngủn sát nách, quần dài không ra dài, vắn không ra vắn lơ lửng nửa ống quyển. Ở tiệm nước, nó cười với khách hàng. Đằng trường-học nó giỡn với mấy thằng từng con trương lửa với nó. Nói cho ngay nó vẫn chưa quên xóm Cồn-Bần mình. Gặp tao và ông ngoại tao, nó mừng lắm. Nó hỏi thăm đủ hết không sót đứa nào . . . ờ quên chớ, nó không có hỏi thăm mấy. Tao bày đặt chuyện nói mấy gởi lời thăm nó, nó trề môi hứ cái cốc gạt ngang. Nghĩa là mấy kể như ra rìa đi Tư Cù-nèo ơi ! Một là nó sẽ về Tàu, hai là nếu không về Tàu, nó cũng lọt về tay thằng từng con nào ngoài chợ.

Tư Cù-nèo ngầm ngầm hy-vọng rằng thằng Chín Địa kiếm chuyện nói láo cho nó thôi chí đừng thèm nghĩ gì đến con Lìn nữa chớ sự thiệt không đến nỗi nào như vậy.

Nó quẹo vào quán thím Xổi Quán không có vẻ gì Tết nhứt. Từ ngày con Lìn ra chợ làm công, về đơn chiếc, thím Xổi chỉ buôn bán cầm chừng. Mọi năm vào những ngày cuối tháng chạp nầy, hai má con thiếm bận rộn suốt ngày không hở tay. Năm nay thím ngồi trên cái ghế đẩu cao cẳng phía sau tủ tài phú, mặt mày buồn xo. Tuy thế, khi nhìn thấy thằng Tư Cù nèo thêm vẫn mỉm cười rồi cất giọng ngọt-ngào :

— Kìa ! Thằng con trai tôi tới kìa ! Đội cái gì trong thúng mà è-ạch vậy nhỏ ?

— Dạ, má con sai con đem qua cho thím ba một ít đồ hàng bông.

Đáp xong, Tư Cù-nèo để thúng đồ xuống bàn, lần lượt sắp ra những trái khổ qua, dưa leo, dưa gang, bí thuộc về phần dành riêng cho thím Xổi.

Thím Xổi bước lại sâm soi từng trái, khen là tốt rồi nhìn sổ còn lại trong thúng hỏi :

— Còn phần của ai nữa vậy con ?

— Dạ con đi giáp hết rồi, còn có một phần của thiếm sáu, má thằng Năm Cà-Khêu.

Thím Xổi bước lại kệ, soạn một mớ bánh mứt gói bằng một miếng giấy dầu màu hường ràng lại đàng-hoàng cẩm để vào thúng nói :

— Con về thưa lại với má con nói thiếm ba năm nay buôn bán xập-xệ

lắm, gởi cho má chút đỉnh bánh mứt ăn lấy thảo, nghe chưa.

— Dạ.

Dạ xong, Tư Cù-nèo không đứng lên bưng thúng ra về mà cứ ngồi ỳ đằng bộ vạc ngó quanh-quất trong quán. Chỗ nào, món đồ gì cũng có thể gợi cho nó nhớ tới con Lìn từ cái quận đong dầu hôi cho đến mấy con khô lóc treo tòng teng trên sợi kẽm. Thím Xối hỏi nó :

— Thôi về đi con. Về coi má nó còn sai đi đâu nữa không.

— Dạ . . . Thưa thím ba, con về.

— Ờ. Thôi về đi chớ. Thưa rồi, sao còn đứng xớ rớ đó. Mà mặt mày lại bí xị vậy ? Bộ mới bị rầy hay bị đòn gì rồi hả ?

— Dạ, hổng có.

— Vậy sao con buồn hiu mà nói giọng bệu-bạo như muốn khóc vậy ?

— Dạ . . . dạ, Tết nầy con Lìn nó hổng có về sao thím ba ?

Sau khi bậm gan hỏi câu hỏi chuẩn bị từ lâu ấy, thằng Tư Cù-nèo ngó xuống. Do đó nó không nhìn thấy một thoáng giựt mình chưng-hửng trên khuôn mặt hiền từ và nồng nàn, mẫu tính của thím Xối. Sau thoáng chưng hửng ấy thiếm Xối nhìn nó khẽ gục gặt đầu rồi thím Xối cười đáp :

— Nó ở đợ cho người ta mà đâu có về được con.

— Ở đợ chừng bao lâu lận thím ơi.

— Năm năm.

— Dữ ! Hết năm năm đó, nó về hôn ?

— Về chớ. Nhưng nó về luôn bên Tàu. Bây giờ nó ở đợ là cốt để kiếm tiền đi về Tàu.

— Sao nó phải về Tàu vậy thím ba ?

— Bên nội nó bắt nó về. Nó không muốn về cũng được, nhưng tại ý nó muốn vậy.

Im lặng chừng nửa phút. Tư Cù-nèo ngước lên nhìn thiếm Xối với hy-vọng tìm thấy trên khuôn mặt thiếm một nét nào đó của sự pha-lửng. Đang dợm bật cười, thím Xối nghiêm nét mặt lại. Tư Cù-nèo bệu-bạo hỏi :

— Thiệt vậy hôn thiếm ba ?

— Thiệt chớ ! Thím nói gạt con làm gì ?

Tư Cù-nèo quay mặt đi. Nó không muốn để thím Xối nhìn thấy nó khóc. Nhưng đã trễ rồi. Hai giọt nước mắt đã ứa ra và chảy dài trên má nó.

***

BÓNG đã xế dài khi thằng Tư Cù-nèo ngước mặt lên nhìn dòng rạch. Nãy giờ Nó gục mặt xuống đôi cánh tay khoanh lại trên hai đầu gối mà khóc. Nơi nó ngồi là một mỏm đoi gần đầu cầu rạch đình, khuất sau một lùm lau rộng dày bịt, người đi ngoài đường làng không nhìn thấy.

Chỗ nầy là chỗ nó thường ngồi câu cá chốt với con Lìn. Lúc nó cho đồ xong trở về nhà, má nó đang bận công việc gì ngoài sau. Thừa cơ-hội đó, nó

chẳng nói chẳng rằng, để thúng lên bộ ván rồi chạy một mạch ra đây ngồi.

Nước đang những lớn. Có tiếng bìm-bịp kêu ngoài xa. Vài giề rau mác trời lờ-đờ.

Chắc mình ngồi đây lâu lắm, về thè nào cũng bị má rầy. Tư Cù-nèo nghĩ vậy và kéo vạc áo lau cho thật sạch nước mắt để đứng lên ra về. Bỗng nó giựt mình muốn nhảy dựng vì từ phía sau một bàn tay của ai đè lên vai nó. Nó quay lại nhìn và kinh-ngạc đến tột bực. Con Lìn ngồi sau lưng nó không biết từ lúc nào. Mặt con Lìn rạng-rỡ hơn bao giờ hết trong chiếc áo xắm nền xanh dương bông trắng mà nó thấy là rất đẹp rất vừa vặn chứ không kỳ-dị khó coi như thằng chín Địa diễn tả. Hai đứa nó nhìn nhau trân-trân một lúc không nói gì. Con Lìn hơi mím môi để kìm giữ một nụ cười. Thằng Tư Cù-nèo vừa mắc cỡ, vừa tủi thân vô-lý mà cũng vừa sung-sướng. Và trong tâm-trạng phức tạp đó, sự sung-sướng lấn dần hai thứ tình cảm kia. Con Lìn lên tiếng trước :

— Thôi về chớ. Ngồi hoài đây sao ?

Tư Cù nèo lượm một cọng sậy khô quơ đuổi một con rắn mối đang bò gần đó cho đỡ mắc cỡ.

— Sao mầy biết tao ngồi ở đây mà kiếm ?

— Tao đoán chừng. Chỗ nầy ngoài hai đứa mình ra, đâu có đứa nào biết.

— Mầy còn giận tao hết Lìn ?

— Hổng biết... Ăn cái nầy đi.

Con Lìn vừa nói vừa đưa cho thằng Tư Cù-nèo một cái gói nhỏ. Thằng nầy tay mở gói, miệng hỏi :

— Bánh gì vậy ?

— Bánh bao.

Nó bẻ cái bánh làm đôi chia cho con Lìn phân nửa. Con Lìn lắc đầu :

— Mầy ăn đi. Tao ngán lắm. Ở tiệm nước ăn hoài mỗi ngày... Ê khoan, đưa tao lột cái vỏ mỏng ở ngoài cho. Ăn bánh bao mà không biết gỡ cái bột mỏng áo ở ngoài nầy, thì người ta cười, biết chưa. Nè, ăn đi.

Tư Cù-nèo cắn bánh ăn. Ngon quá. Thuở giờ nó chưa ăn bánh bao lần nào. Hơn nữa, nó đang đói. Nó vừa ăn vừa nhìn con Lìn lột nửa cái bánh còn lại.

— Ờ .., Lìn à ! Người ta nói ở bên Tàu ai cũng biết làm bánh bao hết cũng như bên mình chiên bánh xèo, hấp bánh lá mít, tráng bánh tráng vậy. Có hôn ?

— Có chớ, Nhưng « bên mình » sao được. Ở đây là xứ của mầy chớ đâu phải xứ tao mà mầy nói « bên mình ».

Tư Cù-nèo ngừng nhai bánh nhìn bạn, nét mặt đang vui, u-ám trở lại.

— Bà ngoại mầy là người Việt-Nam mà.

— Một mình bà ngoài tao mà nhằm nhè gì. Ông ngoại tao, ông nội, bà nội tao, tía tao đều là người Tàu.

Thằng Tư Cù-nèo bật cười.

— Cười gì mầy nhỏ ?

— Hổng cười sao được. Ông nói bà nội mấy người Tàu, thì tía mấy người gì hổng phải Tàu? Vậy mà cũng hài ra cho đông!

Cả hai cùng cười.

— Tư à! Sao mấy sợ tao về Tàu quá vậy ?

— Sao mấy biết tao sợ ?

— Hồi sáng, lúc mầy nói chuyện má tao, tao ở trong buồng chớ đâu.

— Ờ, hèn chi... Vậy mà mấy chơi ác hổng thèm lên tiếng, báo hại tao rầu muốn chết từ hồi sớm đến giờ. Mà mấy có tính về Tàu thiệt hôn vậy Lìn ?

Hai tiếng « chơi ác » làm con Lìn ân hận. Giọng nó trở nên âu-yếm :

— Mắc mớ gì mà về ? Về kiếm ai ở bển ? Ne, còn nửa cái bánh ăn luôn đi.

— Vậy mà thím ba thím nói...

— Ai biểu mấy khóc làm chi, bà già bả thấy vậy bả chẳng ghẹo. Cái mặt coi vậy mà mít ướt.

— Coi vậy là sao ?

Con Lìn dùng ngón tay trỏ chỉ lên trán thằng Tư Cù-nèo đúng vào chỗ có một cái thẹo nhỏ :

— Cái mặt lỳ nè! Hồi năm ngoái tụi con nít cốn Hương nó đập mấy chảy máu đầu mấy đâu có khóc...

— Ờ, kỳ ghê ha! Tao cũng hổng hiểu tại sao vậy. Hai tiếng « về Tàu » nghe nó buồn kỳ-cục lắm. Má tao dỗ em ngủ, thường hay hát : *Anh về ngoài Huế lâu vô, họa bức tranh đồ để lại em chơi.* Mình đâu có biết Huế là xứ nào, vậy mà hễ nghe nói « ngoài Huế » sao mình thấy nó biệt mù, diệu-vợi. Rồi hai tiếng « bên Tàu » nghe còn xa tổ mẹ hơn nữa.

Con Lìn nhìn thằng Tư Cù-nèo. Sự xúc-động làm cho giọng nói nó bùi-ngùi và nồng-nàn thương mến :

— Mà bây giờ tao hổng có về Tàu, mấy nghe ai nói « bên Tàu », mấy cũng buồn nữa sao ?

— Buồn mà buồn ít.

Đáp xong, nó nhìn con Lìn một lúc rồi chép miệng :

— Bánh bao ngon quá. Còn cỡ hai cái nữa, tao quất hết như chơi!

— Coi vậy chớ ngán lắm. Ăn hổng nổi đâu. Cỡ chừng một cái « xá-xíu páo » nữa thì được.

— Xá-xíu báo là sao ?

Con Lìn cắt nghĩa :

— Bánh bao có nhiều cỡ lắm. Thứ lớn tổ mẹ gần bằng một trái dừa xiêm đèo kêu là «Woòng páo» Thứ lớn vừa vừa mấy mới mới ăn đó là «trài páo». Thứ nhỏ hơn nữa là « xá xíu páo ».

Mấy cái tên bánh bao, con Lìn phát âm bằng giọng Tàu đặc sệt làm thằng Tư cù-nèo nghe rất thích. Có một cái gì véo-von như chim kêu trong lối phát-âm ấy của bạn nó. Nó cười chúm-chím, hỏi :

— Còn thứ nào nữa hôn Lìn !

Con Lìn chưa kịp đáp, bỗng từ phía sau chúng nó, trong lùm sậy, giọng nói của một người đàn ông cất lên :

— Đó, còn hai cái bánh bao con Lìn nó để dành sẵn cho mấy đó.

Con Lìn và thằng Tư Cù-nèo giựt mình quay lại nhìn, gặp chú trùm xuyên Ngọ đang cười hề hề. Tay trái chú cầm con dao yềm tay mặt chú ôm một bó lạt dừa nước lớn gần bằng cột hàng nhì. Tư Cù.nèo cự :

— Bác chín quỷ nẩy. Làm tụi tôi hết hồn hết vía hè !

Trùm xuyên Ngọ lại cười :

— Tao gặp tụi bây tao cũng hết hồn vậy.

Đoạn chú hạ giọng nói nhỏ :

— Hồng giấu gì tụi bây, tao đốn lạt trộm đẳng doi lá của đất làng. Bây đâu có muốn gặp tao, cũng như tao đâu có muốn gặp bây. Thôi thì kẻ như huề, thấy sao hay vậy, nghe chưa ?

Tư Cu-nèo cười :

— Dạ, huề thì huề chớ sao.

Rồi nó ngây thơ hỏi :

— Đâu ? Bác nói còn hai cái bánh bao nữa đâu bác Chín ?

Trùm xuyên Ngọ cười ngất :

— Ý ! Cái thằng coi vậy mà tôi dạ ghê. Đó, hai cái bánh bao con Lìn nó giấu trong cái áo xắm của nó đó. Mà điều thứ bánh bao nẩy để cầm chơi chớ không phải để ăn.

Hai đứa nhỏ cùng chợt hiểu ý-nghĩa câu nói đùa thiều tao-nhã của trùm xuyên Ngọ nên mắc-cỡ đỏ mặt trong lúc ông nẩy ôm bó lạt đi lần theo bờ rạch về hướng cầu rạch đình.

Tự-nhiên, con Lìn cúi mặt nhìn xuống ngực nó và biết rằng thằng bạn trai của nó cũng lén nhìn chỗ đó. Rồi kể từ phút ấy, hai đứa nó đâm ra ngượng không nhìn nhau nữa, mà nhìn dòng nước. Nước đã lớn đầy lòng rạch. Phù-sa nhiều quá làm cho guồng nước không trong.

Hai đứa nhỏ không nhìn thấy hình ảnh của chúng phản chiếu dưới guồng nước mà chỉ thấy hai cái bóng của chúng giao đầu vào nhau, do nắng nhạt của buổi chiều tàn niên giọi xuống.

Hai đứa cùng lắng tai nghe. Bên kia bờ rạch, có tiếng tu hú kêu trong tàng rậm của một cây bàng. Xa hơn, có tiếng chày quết bánh phồng trong xóm.

Con Lìn bứt đưa cho thằng Tư Cù-nèo một cái bông dại mà nó không biết tên. Bông nhỏ xíu màu tím xanh như bông lựt bình. Hai đứa nó chuyền cho nhau ngửi. Không có hương gì cả. Thế nhưng không hiểu tại sao một chút gì ô-trọc do câu nói đùa của trùm xuyên Ngọ khi nãy gợi lên làm cho hai đứa nhỏ mất tự-nhiên, bỗng chốc tiêu tan mất tựa hồ như nó không hề có hiện ra vậy.

Cùng với tiếng tu-hú kêu và tiếng chày quết bánh phồng đẳng xa vọng lại, hai đứa nhỏ nghe tâm-hồn trong-trắng thơ ngây của chúng từ từ đượm nồng một thứ tình-cảm gì mới lạ thoạt tiên có về như sẽ làm vẩn đục tình thương giữa hai đứa tự thuở giờ. Đồng thời chúng cũng bắt đầu nhận rằng thứ tình cảm kỳ lạ chưa đặt tên ấy lại gắn bó chúng nhiều hơn trước. Và sự quyện-luyến đậm-đà ấy mới chính là cái gì thơm-tho, khiết bạch nhứt của tuổi thơ.

TRANG-THẾ-HY

1963

Cô Minh-Đức

Hiệp tá đại học « Thổ »

BÀNG vừa khênh cái xe đạp lên gác sáu vừa thở hồng-hộc, hôm nay mải vui chàng quên cả nhịn thở, nhất là lúc đi qua gác hai. Lệ thường mỗi khi qua gác hai chàng không dám thở mạnh quá, sợ nhỡ cô gái gác hai nghe được thì thật là xấu hổ.

Ở Ba-Lê chỉ có hạng thợ thuyền nghèo, hoặc sinh viên tự túc hay các chú bé phát thư cấp tốc mới dùng xe đạp, ai người ta cũng có xe gắn máy xe máy dầu, xe hơi hai ngựa, bốn ngựa.

Bằng cũng thừa biết vậy nhưng nhà chàng nghèo quá nên đành lóc cóc cái xe đạp, vừa tiện, vừa ít tốn.

Cô gái ở gác hai lúc bìu đầu gặp chàng có khẽ gật chào rất ngoan-ngoãn nhưng từ hôm thấy chàng vác cái xe đạp lên gác sáu thì không thèm chào nữa. Hẳn cô nàng sợ mất giá trị của mình đi chăng ?

Chẳng lẽ vì một cái chào suông ấy mà chàng đành rời bỏ chiếc xe đạp thân yêu, đã từng cùng chàng đi hàng năm bảy nghìn cây số từ nước nầy sang nước khác. Biết bao nhiêu lần lên núi xuống vực, những buổi trưa hè mệt đừ nằm lăn ra ruộng ngủ bên cạnh chiếc xe đạp cũng ngã nghiêng. Kỷ niệm nhiều như thế vả lại trường ở xa, mỗi ngày còn phải đi bao nhiêu chỗ, vứt chiếc xe đạp sao đành . . .

Đêm nay giao thừa, suốt buổi chiều Bằng đi tìm mãi mới mua được hương vàng, để đốt cúng cha mẹ. Có lẽ vì thế mà chàng vui mừng nên quên không để ý nhịn thở lúc đi qua gác hai chăng ?

Ai nghe được chắc sẽ chê cười anh chàng sống ở thế kỷ hai mươi mà vẫn còn tin nhảm. Thật ra Bằng chỉ hành động theo tình cảm, xa gia-đình từ hơn mười năm nay, lúc ra đi bố mẹ còn nguyên vẹn, a

cũng hy-vọng có ngày gặp lại, những bức thư đầu tiên toàn nói chuyện : « Con về nhớ đừng mang đầm theo, mẹ không biết nói tiếng pháp mẹ buồn con nhé ».

Thế mà định mệnh đã thay đổi tất cả, trong hai năm liền bỏ với mẹ theo nhau chết, tuy thỉnh-thoảng Bằng vẫn còn ngờ vực chưa tin hẳn rằng đấy là sự thực.

Ăn xong cơm tối Bằng và hai chị Nhân với Mai cùng ngồi lại xếp vàng hương thành từng tờ một, lấy kéo cắt bớt những giấy bìa chung quanh. Ba chị em làm giống hệt như thuở bé đã thấy mẹ làm với tất cả niềm tin tưởng rộn ràng.

— Có thật chúng ta đốt thế nầy rồi cậu me nhận được không nhỉ ?

Mai hỏi giọng hơi ngờ vực, tính Mai vốn nghi-ngờ tất cả mọi sự ở đời, lắm khi cô nàng ngờ ngay cả chính mình nữa.

— Nhận được hẳn đi chứ, nhưng phải viết địa chỉ cho rõ-ràng nếu không sẽ lạc mất thì phiền cho cậu me.

Nhân giả lời chị với giọng vững chắc như chính đã đi có dịp chết đi sống lại và đã biết rõ tất cả những gì xảy ra ở cõi chết.

— Nhất là tính cậu vốn lười, chúng ta cố xếp cho tử tế, không có sẽ bị cậu mắng cho câu : « tụi bây làm ăn như quần không vận ».

— Thật ra thì ai mặc quần cũng có thắt lưng, hoặc cài hai ba cái cúc chứ vận làm sao được mà mỗi lần mắng chúng mình là cậu cứ dùng câu ấy nhỉ ? Mai hỏi hai em.

Ba chị em vừa xếp giấy vàng vừa nhắc đến những kỷ niệm xưa, trong lòng đứa nào cũng bâu hoan nghĩ đến phút cha mẹ sẽ nhận được đủ số tiền. Giá có ở nhà chắc Nhân sẽ lén mọi người đi đến thợ mà để đặt một áo vân hồng biếu mẹ tết một ống điếu bút thuốc trà làm quà cho cha. Nhưng thôi gửi tiền xuống cậu me muốn sắm gì thì sắm như thế lại hợp ý hơn.

Xếp xong mớ giấy vàng, Mai đi nấu trà, Bằng đi sang viết địa chỉ và công việc của Nhân chỉ là dọn đẹp cái lò sưởi để tí nữa đốt vàng.

Nhà cửa được quét sạch sẽ từ chiều vì ngày mai mùng một kiêng không quét rác. Người ta nhận thấy những kẻ ở xa quê hương lại cổ hũ hơn những người vẫn sống hiện tại trong xứ, có lẽ vì lòng nhớ nước, ai cũng muốn níu kéo lại những hình ảnh trước lúc ra đi. Hay vì nhìn thấy những sự văn minh hời hợt chung quanh làm cho con người càng có ý muốn giữ mình đứng ra ngoài những sự lôi cuốn ấy. Không gì hơn tìm về với những hình ảnh thân yêu cũ.

Bằng vẫn buồn rầu mỗi khi nghĩ đến cái chết của bố mẹ, bố chết không ai biết là bệnh gì, mẹ chết vì một chứng bệnh rất tầm thường nhưng ở quê nhà chẳng quen ai nhiều, lại thêm từ độ chiến tranh gia đình kém sút, những người thân cũ đã trở thành những người xa, mới. Sự săn sóc không được chu đáo và người mẹ chưa già đành chịu chết một cách oan ức.

Lắm khi nhìn những hộp thuốc mẫu của các hiệu bào chế gởi biếu. Bằng chỉ muốn khóc, cảm thấy lòng căm hờn mà không biết căm hờn ai, những hộp thuốc

có những chữ A chữ O tròn mở to mắt nhìn chàng trân tráo như khiêu khích, như mỉa mai.

— Bằng viết xong chưa ?

— Chưa.

Nhân vừa cài cúc chiếc áo Việt, lâu ngày không mặc vừa đi đến cạnh em trai hỏi xem mình mặc áo Việt trong có còn được không. Nghe giọng bằng hơi buồn nàng vội ngừng bước im lặng tỏ sự kính trọng những ý nghĩ cuối năm của cậu em.

Mỗi lần giao thừa là trong đầu óc của mỗi người đều có một sự xáo trộn, nào kỷ niệm quá khứ, hoài vọng tương lai, nào nhớ thương nào căm hờn, tức giận... Nhân cũng thế nhưng nàng chỉ buồn lúc nào tất cả mọi người đều đi vắng hoặc lúc nào lang thang một mình ra n hia trang vì chỉ có nơi ấy là con người được tự do buồn mà không bị ai chất vấn.

— Giờ này ở quê nhà hoa đào đang nở chị nhỉ.

— Giao thừa đã đến từ lâu rồi.

Bằng ngước lên nhìn chị.

— Ừ nhỉ đi sang mùng một đáng lẽ phải kiêng không được buồn nhưng mỗi lần nghĩ lại thấy tức, em mong học chóng xong để về nước, dành rằng đâu cũng là người nhưng quê hương cần đến mình hơn.

Bằng và Nhân đang nói chuyện thì có tiếng Mai gọi ở phòng bên.

— Bằng viết xong chưa, sang đây chứ gần bắt đầu qua năm mới rồi đấy. Nghe Mai gọi Bằng vội giục Nhân sang trước, đợi cúng giao thừa xong, Bằng định mặc áo đi suốt đêm, năm nay vừa đúng mười hai cái tết xa xứ. Cuối khóa học này Bằng thi ra, chàng nhất định trở về dầu trong lòng hơi lo sợ không biết liệu mình có đi cùng một nhịp với quê hương chăng. Thế nào cũng bị phê bình là lạc hậu cổ hủ nhưng thà bị phê bình như thế vẫn hơn là kéo dài cuộc sống cô độc ở xứ người. Hình như quê hương bây giờ văn minh lắm các cô cậu nào cũng biết nhảy « rốc » với « tuýt », âm nhạc mới rất thịnh hành, hàng sơ gin-gum bán đầy nhan nhản. Quê hương đã thay một chiếc áo mới khác hẳn với ngày chàng ra đi. Nhưng Bằng tin rằng thế nào cũng sẽ có vài người hiểu mình, vả lại dầu cho thị thành có không hiểu thì chàng sẽ tìm về thôn quê, ở nhà quê chắc các cô gái chưa đến trình độ vừa nhai kẹo vừa nhảy « tuýt », và cảm tình của họ chắc sẽ dịu dàng hơn.

Bên này lắm khi tức bực không biết nói với ai, nhớ đến những ngày đi làm nội trú cho bệnh viện ở ngoại ô, một hôm có đứa bé con bị rắn độc cắn, chân sưng to tướng. Đưa vào bệnh viện không có bác-sĩ, phòng thuốc khóa cửa, không có cả phu khiêng « băng-ca » một mình chàng phải bế đứa bé vào lòng ai nạy cửa lấy thuốc. Cứu được đứa bé thoát chết ngày mai người ta phê bình rằng chàng phá nhà và để cảm ơn chàng, cha mẹ đứa bé không ngừng điện thoại bắt đền chiếc giày cao su đâu mất.

Mỗi lần nghĩ đến Bằng cảm thấy buồn, thà chúng nó nghèo nàn cho cam. Đấy là chưa nói đến những sự dèm pha ghen tức trong đám bạn bè.

— Bằng ơi, Bằng ơi đến giờ rồi, sang mà khấn, công trình đi lùng khắp Ba-Lê

mới mua được vàng hương, sang khấn kể công với cậu mẹ đi.

Lần nầy Bằng phải lấy bút mực viết vội tên tuổi của cha mẹ, không quên viết chức tước của cha : Hiệp tá đại học sĩ. Chàng nhớ đến ngày xưa mỗi lần giỗ ông nội thì cha chàng quỳ sớ trong lúc nhà sư ngân giọng đọc tên tuổi với chức Hiệp tá đại học sĩ, ông nội và cha cùng mang một chức, chỉ đến đời anh em chàng thì chẳng có sĩ siếc gì cả. Ngày xưa nghe cha chàng kể lại mỗi lần ông nội chàng đãi tiệc phải có sự tập luyện giàn cảnh trước. Mặt người phụ trách việc đạo diễn : món ăn nào đưa ra thì người nầy phải làm gì, người kia tiến mấy bước, lùi mấy bước v.v... Đến đời cha chàng thì người « Mét-đô-tên » mặc quần đen áo trắng nơ đen giày bóng nhoáng, bao tay trắng toát đi ra đi vào điều khiển mấy chú bồi. Đến đời chàng mỗi lần mời bạn thì để cả soon chảo nồi niêu ra dưới đất, ăn xong còn phải bắt thăm để xem đứa nào phải rửa bát. Cố nhiên là rửa bát trong chậu rửa mặt.

Viết xong tên tuổi và chức vị của cha mẹ, Bằng đứng lên thay bộ quần áo màu xanh thẫm, rồi ra trước gương ngắm nghía thắt lại chiếc cà vạt đồng mầu, quanh năm muốn ăn mặc thế nào cũng được nhưng qua năm mới bao giờ chàng cũng cố rất đàng hoàng, đối với Bằng đấy là một tục lệ cần phải giữ gìn mãi.

Mai trông thấy Bằng điện chép miệng tiếc.

— Giá cô gác hai gặp Bằng lúc nầy chắc lại chào ngay.

— Không chắc. Cô ấy sẽ nghĩ rằng thằng nầy nghèo kiết xác, để dành mãi mới sắm được bộ quần áo, cả năm chỉ dám mặc vào có mỗi một lần. Nghĩ thế thì cô ấy đâu có thèm chào.

— Ở cái thế hệ phi « cách ru » (quatre roues) bắt thành phu phụ nầy cũng không nên trách người ta làm gì.

— Hạng bét, không thèm Bằng ạ, học ra rồi tha hồ kén vợ. Bằng cứ tin đi bây giờ Bằng viết thư về nhà đòi cưới cô nào là được tắt. Nếu hai, ba năm trước thì thế nào cũng sẽ khó khăn nào là... lý do nầy, lý do khác, cha mẹ già, xin đi không được.

Nhân nói cô làm cho Bằng bớt buồn. Thật ra, đêm nay Bằng đâu có buồn vì những chuyện vặt vãnh ấy, đêm nay cái buồn của Bằng nó nặng nề hơn, nó là cái buồn nối dài từ mười hai năm mà mỗi đêm giao thừa là một mối thất gút thêm vào.

Hơn nữa, năm nay lại là năm cuối cùng, ngã ba đường của cuộc đời Chàng trai nào lúc học sắp xong chắc cũng có những phút giờ đứng ngập ngừng trước ngã ba đường như thế cả. Đây chỉ là bước đầu mà thôi.

Từ giã ghế nhà trường, từ giã những đống sách dày cộm, những cốc cà-phê đen thâm như lối về âm phủ để bước sang con đường mới, mà ai cũng thừa biết rằng sẽ gai gốc hơn.

Từ giã xứ người để về với quê hương. Tiếc rằng giờ nầy cha mẹ không còn nữa nếu không thì chàng sẽ vui sướng biết mấy.

Tưởng tượng cái cảnh đứa con trai đi học đỗ đạt về, từ trên máy bay vừa bước xuống vừa đưa mắt nhìn ra khắp nơi để tìm cha mẹ, đằng xa người vợ sung sướng níu lấy tay chồng và hét lên : « Nó

kia rồi ». Đứa con trai sẽ bước vội xuống chạy ào ra phía cha mẹ, bất kể cả giấy tờ luật lệ, làm sao chạy ngay đến để được ôm lấy cha mẹ, được ngửi lại mùi hương thân yêu cũ... mười hai năm trước cha mẹ tiễn lên đường một chú bé khờ dại, mà bây giờ là một người nhớn có thể nói chuyện đời với cha mẹ như tất cả những người lớn hiểu biết khác...

Sung sướng biết mấy những ai đã được và sẽ được sống trong cảnh ấy.

Từ này đến giờ Mai và Nhân cùng theo dõi từng cử chỉ của Bằng thỉnh thoảng hai chị em lại đưa mắt nhìn nhau, không ai dám lên tiếng sợ làm bận rộn những ý nghĩ cuối năm của Bằng. Tính Bằng thường ngày rất vui nhộn, lúc nào cũng cười, cũng đùa, đêm nay thấy chàng khác hẳn nên cả Mai và Nhân đều biết rằng có sự gì không thường đang xảy ra trong lòng người em trai.

Đợi mãi không thấy hai em nói gì Mai đành phải lên tiếng trước.

— Bằng viết địa chỉ lên giấy chưa ?

— Ừ nhỉ, quên đi mất, em để bên bàn cho khô mực, sợ nó nhòe không đọc được lại không đến tay cậu mợ.

Bằng đứng dậy chậm rãi đi sang phòng bên đầu óc như không ngừng suy nghĩ. Chờ Bằng đi xong Mai thì thầm hỏi Nhân :

— Sao Bằng nó có vẻ buồn buồn thế ?

— Vì giao thừa.

— Giao thừa lại càng phải vui chứ.

Nhân chưa biết tìm lý gì để cãi hộ Bằng thì Bằng đã đi sang với mảnh giấy viết địa chỉ ở trong tay. Cả ba chị em cùng

TÌNH YÊU

TRẦN-ĐẠI

Niềm u-uất nào trên môi
Ngăn anh thổ lộ tiếng nói
Nỗi bí mật nào nhẹ trôi
Làm anh nhớ nhung một người

Thân thể anh thèm chiếm đoạt
Nhưng chưa dám nắm bàn tay
Sao xác thịt anh hổi lỗi
Khi nhìn vầng trán thơ ngây

Tóc đó có gì thiêng liêng
Mắt đó có gì thiêng liêng
Sao như mùa thu xứ lạ
Làm anh rung động êm đềm

Sao như cỏ xanh đồng nội
Cho tim trỗ lời hát ru
Cho anh trở về bé nhỏ
Nằm nghe tiếng động ngày thơ

Không gian có gì thay đổi
Thời gian có gì đổi thay
Chưa bao giờ nghe mỗi nói
Mà hồn sa-mạc cát bay

Nỗi tiêu điều nào thầm kín
Mọc lên trong nghìn hân hoan
Sự vô hình nào vừa chín
Trong những đêm trường mênh mang

Sự vô hình đó thức dậy
Mùa xuân hôm nay thiu thiu
Chứng nhân lời thượng-đế phán
Ta ban cho con tình yêu

đến phía lò sưởi. Bằng đưa mẩu giấy viết cho hai chị đọc, ngày xưa mẹ vẫn dạy chàng viết chữ nhỏ nên nét bút rất mềm mại, ai nhìn cũng khen phục và Bằng vẫn tự xưng mình là thầy đồ. Mẹ chàng với những lập luận rất đơn sơ đi dạy cho con rằng ai cũng cần phải biết chữ nho, nếu không thì chết sẽ không được làm quan, vì tất cả giấy tờ công văn trên trời đều viết bằng chữ nho.

Bé Bằng hồi ấy cứ tin như thế, cho mãi đến bây giờ tuy khôn lớn Bằng vẫn không muốn rời bỏ những sự tin tưởng mộc mạc ngây thơ nhưng rất thi vị ấy.

Mai đọc xong phá ra cười làm cho mọi người ngơ ngác.

— Chết thôi Bằng ơi, sang chữa lại ngay Bằng viết nhầm chữ sĩ ra chữ thổ. Hiệp tá đại học thổ thì ai biết đâu mà đưa.

Bằng giật vội tờ giấy trên tay chị liếc xem rồi cũng cười theo.

— Quần không vận, may quá chưa đốt, nếu không thì đêm nay chúng mình sẽ nằm mơ thấy cậu về nhăn mặt gắt ầm lên : « Tụi bay làm ăn như quần không vận ».

Bằng còn giả vờ giọng cha hét lên : « Chỉ lo đi cà-rỏn » Chữ nầy chỉ một mình cha dùng để mắng mấy đứa con những lúc nào tìm không thấy chúng nó.

Giọng Bằng giống hệt cha, cả đến nét mặt của chàng cũng thế làm cho cả Mai và Nhân đều lăn ra cười, tưởng như ngày nào còn bé lén cha đi chơi về nhà bị bắt gặp.

Đồng hồ láng giềng vừa điểm mười hai tiếng. Thế là qua mùng một rồi. Chẳng ai bảo ai nhưng cả ba chị em đều cảm thấy sung sướng vì đã đón năm mới bằng một trận cười hồn nhiên.

Nhân chạy ra mở toang cửa sổ để đón mùa xuân mới.

Paris, Đông 1962.
CÔ MINH ĐỨC

đã phát-hành TIN SÁCH

số 6, Tháng 12-62

Nguyệt-san giới-thiệu và phê-bình sách mới do Trung-Tâm Văn-Bút Việt-Nam xuất-bản

●

XIN HỎI TẠI CÁC HIỆU SÁCH

●

Độc-giả mua dài hạn trong năm 1963, xin gửi 60 đ. 00, đề tên ông Nguyễn-văn-Giậu, số 36/59, đường Cô-Bắc, Sàigòn

MẸ VÀ CON

dương nghiễm mậu

TÔI bỏ đi ba ngày, khi về thì căn nhà đã được sửa sang đẹp đẽ và gọn gàng hơn, một nước sơn màu xanh phủ lên lần ván gỗ, những khuôn cửa ngày xưa trơ trọi nay đã được treo màn màu hoa tím xẫm, một chiếc bàn với bốn cái ghế còn bóng. Căn nhà được ngăn ra làm hai bằng một bức ngăn cách ; tận phía trong kê một cái giường, chiếc tủ, phía ngoài kê bộ bàn ghế. Chiếc bàn học và giá sách của tôi được kê vào góc có cửa sổ ngó ra mặt ngõ. Chiếc bàn của tôi cũng được săn sóc đến — điều tôi chẳng quan tâm bao giờ và được trải một chiếc khăn nhựa màu vàng nhạt nhã-nhặn. Tôi không ngờ bộ mặt gian phòng lại được thay đổi mau chóng như thế. Mùi sách vẫn còn hơi, chỉ ba ngày trước ; tôi không còn tìm ra dấu vết nào.

Căn nhà sạch sẽ nhưng tôi không thấy còn thân mật — tôi nghĩ nó như nhà của một người khác. Tôi và mẹ tôi không phải là người đã ở căn nhà này từ nhiều năm tôi thấy đau đớn như đối diện với những sự thật lạ mặt. Tôi vẫn nguyền rủa. Mẹ tôi từ dưới bếp đi lên — Tôi thấy mẹ tôi cũng đang muốn làm tôi lạ mặt nữa. Hôm tôi bỏ đi chính là hôm mà khuôn mặt mẹ tôi đang muốn xa lạ với sự quen thuộc của ngày tháng cũ. Tôi vẫn không ngờ là mẹ tôi sẽ cắt bỏ cuộn tóc dài búi về đằng sau để đến hiệu uốn cho hợp thời trang, nhưng từ sự nhỏ ấy tôi biết : Mẹ tôi sắp chính thức kết hôn với ông Phúc.

Cuộn tóc dài đen không còn nữa, mẹ tôi đã trở nên một người trẻ hơn — cái dáng dấp của một mái tóc uốn — của một

làn môi con — làn phấn mông đã làm cho tuổi tác bị đánh lừa quá nhiều.

Lúc nhìn đến khuôn mặt ấy tôi thấy khó chịu và gần như phát khóc. Sau 16 năm từ khi bỏ tôi qua đời bây giờ tôi mới thấy mình đau khổ thực. tủi hổ thực và chán chường thực. Bao nhiêu sự thay mặt đổi hình của một cái gì rộng lớn từ trước đến nay chẳng cần thiết gì, nhưng nay nhìn thấy mặt mẹ tôi thay đổi tôi mới hiểu trong 16 năm ấy có thay đổi và nay mới hiện ra cho tôi nhìn thấy. Tôi thấy mình vô lý. Sao chỉ nhìn đến một khuôn mặt thay đổi mà tôi đã muốn bỏ đi. Mẹ tôi đã nuôi tôi 18 năm nay còn được sao tôi nỡ tàn nhẫn như thế?

Tôi nhìn lần đầu tiên — rồi bỏ đi ba ngày — tôi đến tìm một người bạn rồi nằm ở đó tính thuê truyện kiếm hiệp về đọc. Nhưng tôi không thể quên, tôi phải về đây — và tôi vẫn thấy không thể rời xa mẹ tôi dù sao.

Căn nhà đã đổi mới, mẹ tôi có mặt trong khuôn cảnh mới đó. Mẹ tôi đi đến gần tôi. Tôi ngước mắt nhìn muốn tìm ra tin mẹ tôi không thay đổi chút nào. Khuôn mặt mẹ tôi buồn rầu, dáng đi lúng túng, bà biết là khó nói chuyện với tôi, nhưng nhìn đến tôi về có mặt tại đây hẳn mẹ tôi vẫn còn vui mừng — Tôi muốn nói một điều gì đây, và có lẽ chính cả mẹ tôi nữa nhưng không ai biết bắt phải nói gì: Giữa hai sự im lặng ấy tôi thấy xa cách, trở ngại bao nhiêu. Tôi quay mặt đi nhìn lên chiếc bàn thờ đóng ở trên tường.

Mẹ tôi bắt đầu nói:

— Mẹ vẫn nghĩ rằng thế nào con cũng về, con không chịu được sự thay đổi của mẹ— có lẽ rằng mẹ biết chắc như thế. nhưng mẹ không muốn biết ý kiến của con. Tất cả những điều mẹ đã làm ra sắp làm dù mẹ không nói con cũng hiểu ra làm sao. Nhưng mẹ không biết làm sao. Mẹ không còn đủ sức để chỉ sống với con — bây giờ con đã lớn, rồi mai kia con sẽ tạo một đời sống khác... Mẹ sẽ lấy ông Phúc. Mẹ cũng hiểu rằng con không muốn nhìn thấy mặt ông ta: ông ta cũng chỉ có một mình và mẹ cũng chỉ có một mình. Nhưng dù lấy ông Phúc mẹ cũng vẫn nghĩ có đời sống của con ở giữa mẹ...

Mẹ tôi nói rất lâu nhưng dần dần tôi không nghe rõ mẹ tôi nói những điều gì, tuy nhiên tôi hiểu lờ mờ rằng mẹ tôi giải thích cho tôi rõ về việc làm của mẹ tôi. Sự kết hôn với ông Phúc. Tôi không rõ tôi phải nói thế nào. Tôi để cả hai tay lên bàn, tôi nhìn xuống những giọt nước mắt rơi trên đó. Tôi súc động như gặp Quyên lần cuối cùng trước đây và tôi nói nhỏ, ngắn:

— Thưa mẹ, lúc nào con cũng thương mẹ, con không bao giờ trái ý mẹ, mẹ bảo sao con làm thế — nhưng xin mẹ đừng nói thêm nữa, như 16 năm nay bỏ đi không nói một điều nào với con... Con yêu mẹ như bố con — nhất là bây giờ...

Mẹ tôi quay đi hỉ mũi, tôi nhìn thấy chiếc gáy trắng, làn da ấy mái tóc ưa che mờ 16 năm và bây giờ ông Phúc vén lên cho tôi nhìn vào.

Tôi đứng tựa vào giá sách tìm tòi, tôi không biết nên tìm một cái gì để cầm lên tay, để mắt nhìn vào đấy, tôi mở một cuốn vở cũ và gặp một lá đơn xin học viết hồng của mẹ tôi viết lúc tôi học

lớp nhì trong ấy ghi nghề nghiệp của mẹ tôi : buôn bán

Tôi ngồi vào bàn — vị trí mới và Ông Phúc đẩy cửa bước vào lúc ấy. Tôi ngồi yên. Ông Phúc lên tiếng hỏi tôi trước, dù mẹ tôi ngồi ngang ở phía ngoài. Ông hỏi tôi xem có vui lòng cùng ông và mẹ tôi xuống phố chơi không — để mua một vài thứ cần thiết, ông nói đến một loại sách hồi xưa tôi muốn mua nhưng không có mà ông mới nhìn thấy nơi hiệu. Ông mang đến trong giọng nói một âm thanh âu yếm dịu và hấp tấp như một nỗi vui bỏ quên lâu ngày. Tôi nghĩ đến bố tôi. Tôi chưa nhớ bố tôi nói thế nào vì khi hai tuổi tôi đã mồ côi.

Tôi đứng dậy vui vẻ, tôi muốn chung nỗi vui vẻ của ông. Mẹ tôi tắt tưởi thay áo, ông Phúc tìm lược rồi chải đầu cho tôi, tôi muốn bé đi mười tuổi để khóc lớn như một đứa con làm nũng cha mẹ. Nhưng bây giờ tôi đã lớn tôi không có quyền được khóc làm buồn nỗi vui.

Tôi cười nói huyên thuyên, tôi nói với ông Phúc là tôi vui lòng thấy căn nhà được thu gọn một cách nhẹ nhàng. Tôi kể rằng trong ba ngày tôi đi vắng là tôi đi theo một người bạn gái về quê nàng. Ông Phúc vỗ vai tôi và cười :

— Chắc cô ta xinh lắm chứ.

— Thì nhất định.

Tôi lục ví tìm tấm ảnh — tôi đăng chí — nhưng tôi không tìm ra — tôi có ảnh một tài tử màn bạc khi làm hề Tôi đưa cho ông Phúc coi và bảo :

— Đẹp hơn người này nhiều...

Ông Phúc đưa cho mẹ tôi — ông cười rũ rượi mẹ tôi nín lặng đưa tấm ảnh cho tôi. Chính tấm ảnh đó tôi cất giữ vì mẹ tôi bảo gần giống bố tôi mỗi khi nói chuyện bài bước.

Chúng tôi xuống phố, ông Phúc bỏ tiền mua cho tôi bốn cuốn sách — ông mua khăn tay, khung ảnh, cái gạt tàn thuốc. Mẹ tôi mua vải... Chúng tôi vào một tiệm kem. Ở đấy tôi gặp một người bạn cũ. Hắn hỏi tôi đi với ai — Tôi bảo : Tôi đi với bác tôi — một người bác họ xa — và tôi chảy nước mắt.

Tôi trở về để tên mẹ tôi lên đầu bốn cuốn sách của ông Phúc mua và bỏ vào giá. Tôi chán nhìn vào những giòng chữ. Ông Phúc lưu lại tới hơn mười giờ tối mới về. Tôi lưu ông lại nhưng ông từ chối rồi nheo mắt bảo tôi :

— Rồi còn ở với nhau lâu...

Tôi mắc màn và ngả ghế vải ra ngủ sớm. Tôi gặp Quyên trong giấc mơ và thức dậy lúc ba giờ sáng. Tôi nhớ lại lời trách móc của Quyên trong giấc mơ — Chỉ tại mẹ anh nên chúng mình khổ. Tôi nhớ rõ như là Quyên nói về nhiều đời sống hiện nay của Quyên bên một người chồng thô bạo, dốt nát và xảo trá nàng phải chịu khổ sở khôn cùng. Tôi thấy mặt nàng xanh xao vô vàng bế một đứa con thiếu tháng đứa con ấy mang tên tôi.

Tôi thấy đau đớn, tôi ngồi bỏ thân thể mình trong bóng tối. Hồi trước hai đứa yêu nhau và nghĩ thế nào cũng có ngày để chung sống với nhau. Nhưng chúng tôi đã không làm được theo ý mình. Gia-đình Quyên và mẹ tôi đã liên kết với nhau để cho hai đứa chúng tôi rời nhau. Trước tiên là gia-đình Quyên giàu có địa vị, Quyên đẹp và có nhiều người khác hơn

tôi muốn lấy — và nhiều người đó sẽ làm nàng cũng như gia-đình được nhờ. Còn tôi theo họ chỉ là một thứ vứt đi. Mẹ tôi không muốn tôi có gia đình sớm, cũng như không muốn tôi yêu ai theo ý muốn. Tôi nghĩ chắc mẹ tôi sợ mất uy quyền và sợ tôi không còn dành tình yêu cho mẹ tôi nữa.

Bởi thế tôi đã bỏ Quyên, chúng tôi xa nhau và nghĩ là hy sinh cho hạnh phúc của nhau. Cũng như tôi đã hy sinh để chiều ý mẹ tôi ở lại nuôi tôi và thờ bỡ tôi.

Nhưng bây giờ tôi thấy vô lý. Quyên lấy chồng không được hạnh phúc — mẹ tôi bắt tôi giáp mặt với một người đàn ông khác. . . .

Buổi sáng ông Phúc đến sớm cùng với một đầu bếp và ít người giúp việc để tổ-chức tiệc trà. Rồi ông cùng mẹ tôi và hai người bạn của ông ra thị-sảnh làm hôn thú. Tôi mặc quần áo ra phố mua một ổ bánh mì rồi chui vào một rạp chiếu bóng thường trực. Tôi chọn một chiếc trong cùng, giáp tường ngồi vào vừa coi vừa ăn, mỏi mắt thì ngủ, trở dậy lại coi. Thân xác tôi ê ẩm, rã rời tôi không muốn cựa quậy hay là cử động. Mãi buổi chiều tôi mới ra khỏi rạp và trở về nhà. Tôi nhớ vài nhân vật, tôi không rõ cuốn phim ra sao. Rồi nhớ rõ khuôn mặt của một đứa con gái trong quán rượu và một vài tiếng súng nổ vào đám đông.

Buổi tối ở nhà không nấu cơm, mẹ tôi bảo là chờ tôi về để đi ăn tiệm. Tôi muốn gọi ông Phúc là dượng nhưng nghĩ đến bố tôi thì nghẹn ngào. Tôi cười nói vui về khi thuật lại một tai nạn ở ngoài phố. Đó là một chuyện không hiểu là từ bao giờ. Câu chuyện làm mẹ tôi cười theo cho mãi đến khi mẹ tôi im lặng một lúc lâu mà tôi không biết — lúc đó ông Phúc mới bắt đầu cười.

Chúng tôi tới một quán ăn lúc đó đã vắng khách. Tôi nói là muốn ăn bất cứ cái gì ông Phúc muốn. Mẹ tôi cũng cùng ý ấy. Tôi nghĩ rằng chính lúc này mới là đám cưới của mẹ tôi bắt đầu. Tôi xin uống rượu. Ông Phúc tán đồng. Nhưng giữa lúc ăn tôi có cảm tưởng mọi người đang đánh lừa nhau, khi tôi không nói thì ai cũng nín lặng, và nỗi nín lặng ấy đau nhói, bao la khôn cùng, cho đến bây giờ tôi vẫn chưa được dự một đám cưới nào. Bạn bè tôi chưa có đứa nào có vợ, nhưng cũng đã có đứa có con. Họ hàng thân thích tôi không còn ai để được mời dự, lần đầu tiên tôi dự đám cưới mẹ tôi ở một tiệm ăn và ba người.

Ông Phúc chính thức là chồng mẹ tôi và ngủ ở giường trong. Từ khi tôi thôi bú đến bây giờ mẹ tôi mới được nằm với một người thứ hai. Tôi chong đèn định đọc sách — nhưng tôi chán mà buông màn ngủ.

Tôi không nhắm mắt được, tôi nghĩ lung tung và gần như rối trí vì chút rượu, tôi bỏ ra đường đi lang thang giữa bóng đêm. Tôi mua thuốc châm hút liên hồi không dứt. Tôi không muốn trở về nhà. Tôi nghĩ đến một người bạn và tìm đến. Đó là Hoành. Hoành ở một mình, cha mẹ đã chết và tự lập từ lâu, bây giờ Hoành đi làm, căn nhà của Hoành ở biệt lập trong một xóm vắng, nhà gạch, tối nơi thì không còn ánh đèn tôi gõ cửa và cất tiếng gọi. Hoành trở dậy và mở cửa cho tôi :

— Này đi đâu mà về khuya vậy. Tao tưởng không bao giờ mày đi đêm, vì mày có hiếu lắm mà.

— Thôi đi . . .

— Tao vừa đi nhảy về mệt quá !

Hoành cởi trần và quấn một cái sa-rông sặc sỡ như tụi mọi.

— Tại hôm nay về muộn sợ về gõ cửa phiền nên tạt vào cậu.

— Ở đâu về vậy, mặt đỏ và tao ngửi thấy mùi rượu :

— Ăn cưới . . .

— Hay, ăn cưới ai vậy.

— Một người bạn gái cùng trường. Thật chưa bao giờ tao được dự một tiệc rượu vui như vậy — nên lần đầu tiên tao uống rượu thì mày đủ biết. Hai cô cậu xứng đôi vừa lứa. Vợ thì dịu dàng nền nếp. Chồng thì có căn bản đứng đắn, gia - đình đôi bên tương xứng và đều còn ở trong không khí lễ giáo xưa, nên tiệc rượu rất vui vẻ. Tao chưa bao giờ thấy một cặp vợ chồng mà lại có nhiều hạnh phúc đến như thế? Trong đám cưới có một trường trình âm nhạc có một thằng đánh dương-cầm thật tuyệt. Ai cũng thấy vui vẻ nâng ly rượu mừng, nhưng có chuyện đặc biệt là một ông khách tự nhiên lại khóc.

— Chắc hắn điên.

— Không rõ — nhưng thấy hắn khóc lâu quá nên cả đám tiệc đều khóc theo.

— Sao vậy ..

— Vì ông khách loan tin mẹ ông ta vừa tạ thế vì bệnh đau tim trước đó 15 phút.

— Ồ hy hữu...

Tôi cúi nhìn vào bóng tối, tôi bảo Hoành :

— Cho mình ngủ lại đây được chứ ?

— Ngại chi — nhưng có điều này. Tao chuyên ngủ khỏa thân, và ai ngủ lại đây cũng thế.

— Đùa kỳ cục vậy.

Tôi cho là Hoành nói chơi nên bỏ quần áo ngoài mặc may-ô và quần đùi rồi lên giường. Tôi thấy Hoành bỏ tấm sa-rông. Hắn thấy tôi chưa cởi hết thì nói lớn :

— Không đùa đâu, không bỏ hết thì không được ngủ.

— Chơi mà. Ta không quen ngủ vậy, và cởi ra tao không chịu được.

— Cái thằng này lạ nhỉ. Dễ sợ tao nhìn thấy mày hả. Hay mày sợ phải nhìn thấy mày.

— Có lẽ tao sợ tao phải nhìn thấy tao, mày nói đúng.

Tôi trở dậy mặc quần áo rồi mở cửa ra ngoài.

Tôi thấy lạ mặt tất cả. Tôi chẳng biết đi qua những đâu, tôi hút thuốc lá từng hơi dài cho tới gần ngạt thở. Phố dài vắng. Trời mây đen dầy.

Tôi còn đủ sức về đến nhà, và yên tâm không thấy ai. Tôi ngồi ở bậc cửa tối. Bóng đêm đè nặng sự im lìm. Tôi như một vật vô tri giác và tôi có cảm tưởng ở chung quanh loài thảo mộc, đang bắt rễ từ thân thể tôi — và nấm mốc quá khứ mọc lên bao phủ. Tôi ngất đi giữa cảm tưởng đó.

Tôi tỉnh dậy vào một ngày sau và nhìn thấy mặt một người đàn ông tôi không biết tên, và tôi cười thành tiếng.

DƯƠNG-NGHIỄM-MẬU

TUỔI THƠ

Kính dâng Cậu Mợ
VŨ QUỲNH-BANG

Tuổi thơ tôi thơm mùi cỏ rạ,
Ngủ thường mơ những bướm bướm, cào cào.
Mùa gặt mới, mê câu hò giã gạo,
Diệu án tình, thề thốt có trăng sao.
Nhà tôi đó, năm gian, vườn bỏ ngỏ,
Tôi lớn lên với cây nhãn, cây xoài.
Những trưa nắng, cây buồn, hiu hắt gió,
Mẹ tôi ru trong giọng hát u-hoài...
Trường tôi đó, dăm chiếc bàn xiêu vẹo,
Lũ bạn tôi, đứa học, đứa chăn bò,
Đời thái bình, tưởng học là như vậy.
Đem vào trường, sách vở với chim cu.
Tuổi thơ tôi hiền lành như ruộng lúa,
Những bình minh cu gáy trước sân nhà
Tôi ca hát như con nhồng, con sáo,
Và sống đơn sơ như cây ớt, cây cà.

●

Nhưng tất cả đã trở thành quá khứ.
Ôi tháng năm, cơn gió loạn giao thời.
Nồi cơm áo đã mòn chân lữ thứ,
Ai đắt giùm tôi trở lái những ngày thơ ?

Tôi sẽ đi trên những con đường quê có bóng tre râm mát,
Không có ánh đèn trơ trẽn của phố phường,
Không có những giọng ca trong máy thu thanh dìu dặt,
Chỉ có những câu hò, dìu dịu, như tình thương...

Tôi sẽ đạo trên những đồng lúa xanh bát ngát,
Hát nghêu ngao như một kẻ vong tình,
Tôi sẽ tắm trong ao nhà trong mát,
Và nghe tiếng chim gù trong những buổi bình-minh.

Tôi sẽ đốt trầm hương, cho hương trầm thơm ngát,
Đứng trước bàn thờ Cậu — Mẹ tôi xưa.
Tôi sẽ ngâm những vần thơ lục bát,
Để nhớ giọng hát của mẹ hiền, trong tiếng võng đung đưa...

(Sơn-bà, mùa lúa chín 1962)
V. Q. B.

Cuối năm rời nhà trọ

thơ PHAN - DUY - NHÂN

Lòng trống không mà mưa cuối năm
Tre câm cam chịu nỗi cơ hàn
Chăn đơn đời ngủ không đành dậy
Tay vắt ngang mày đợi bóng trăng

Này lối thăm xưa ngùi kỷ-niệm
Này vuông cửa sổ ngó chiều rơi...
Mai sương như khói lên đầu ngõ
Giọt nến đêm dài thêm tủi thôi

Cau vút thân vời cao chín bậc
Thăm ru chim phượng ngủ trong lòng
Bạn bè mộng thấy dăm ba bận
Ai nhớ ta nằm đây nữa không ?

Mơ ước xa như người đã khuất
Cam thua, cau mặt lật con bài
Mưa chiều tượng mỏi im như Phật
Từng giọt buồn rơi qua kẽ tay

Trang sách, vuông khăn, vài vạt áo
Vò lòng cúi mặt bước chân ra
Chỉ cầu mưa ngớt cho đôi chút
Trời rộng xin đừng gió thổi qua.

P. D. N.
(Ngậm ngải tìm trầm)

VÔ-HỒNG



Thế-giới của
NĂM NHIỀU

KHÔNG biết trong bảng số Tử vi của anh Năm Nhiều có phải « Mệnh Thân có Tử-Vi cư Mão-Dậu gặp Kiếp Không » hay sao mà đời anh lại gắn liền quá mật-thiết với sự cúng kính như vậy. Phải chứng-kiến sự sắp đặt qui-mô của bàn thờ nhà anh mới thâm-cảm được phần nào sự an-bài bất khả kháng của Hóa-công. Nhà nhỏ lợp tranh đã cũ mèm, gần nát vụn ra và vách đất. Nền nện đất, nứt bũng ở nhiều chỗ. Hai cái cửa sổ lùa và một cửa ra vào bị mái che thấp xuống nên ánh sáng vào quá ít. Nhà thành ra tối hùm hụp suốt ngày. Tôi chưa hề nghe một ngọn gió nào thổi ngang qua đây nên ngồi trong nhà thì phải ngửi mùi hôi cố-hữu của ngôi nhà, mùi hôi lưu lại từ ngày mẹ anh còn bán nước mắm, dầu hỏa, dầu phộng, cốm kẹo, thuốc lá.. Mùi hôi ấy như phát xuất từ nền nhà, từ xó kẹt ghế bàn, từ vách đất. Những bàn tay dính nước mắm, dính mỡ hôi đã bôi qua quẹt lại lên vách nhiều lần trong nhiều năm nên vách cứ láng bóng lên nhất -là ở những chỗ thường qua lại. Cả gian nhà chính chỉ kê một bộ ván còn bao nhiêu chỗ dành cho ghế thờ. Ghế lớn đặt ở dòng giữa. Một bộ lư đèn ngự ở đây, toàn bằng gỗ trắc đánh bóng lên nước. Trước ghế kê cái bàn. Ngày thường đó là nơi đặt ký trà để tiếp khách. Đến ngày giỗ chạp thì trên sắp bầy những chè xôi, canh, thịt... Một cái ghế tương đối nhỏ hơn kê ở bên tay phải sau bộ ván. Cũng lại một bộ lư đèn bằng gỗ Trên đầu thêm một cái khám thờ ông Thổ Địa. Nhưng bà mẹ Năm Nhiều thì lại bảo là khám thờ ông Táo. Hai mẹ con dường như chưa đồng-ý về điểm này. Tính Năm Nhiều ít nói và hay nhường nhịn. Vả lại ông Táo thì cũng đáng sợ như ông Địa nên anh chưa dám cả tiếng truất phế.

Thôi thì thờ ai cũng được. Hơn nữa, nhà có lắm trẻ nhỏ mà theo lời truyền thì ông Táo lại thích quở trẻ con, hay bắt chúng nóng vặt. Thấy mẹ và anh nhân nhượng nhau, chị Của — em út của anh Năm Nhiều — mượn ngay nơi đó để thờ « các đẳng ». Chị buôn bán đang, mấy hôm nữa ở từ chợ Lùng chở về nên phải luôn luôn với « các đẳng » phù hộ. Không có chỗ thờ nào dành cho chị hết nên chị phải mượn tạm cái khám. Vả lại, đặt vên vẹn một nải chuối và cắm một cây hương thì chỉ có chỗ ấy là tiện lợi hơn hết. Đã tránh được sự chõa vẽn trơ trọi mà được nơi kín đáo, cần thiết để nải chuối kịp chín. Đặt ở ghế dưới thì không yên được với lũ trẻ con. Chúng nó đòi ăn và có gan dám bẻ trộm lắm.

Khi đã đặt vấn-đề chiếm-hữu nơi cái khám thì lẽ tự-nhiên là hai dòng bàn thờ cũng phải qui-định thuộc phần ai. Mẹ anh phụ-trách việc cúng-kính từ hồi cha anh mất, lúc bấy giờ anh mới lên năm. Tính bà xuề-xòa nên bà nghĩ rằng ai cũng xuề-xòa như bà, kể cả các vị tổ-tiên khuất mặt cũng vậy. Thành ra dù giỗ ông nội, bà nội, ông cố, bà cố hay cha Năm Nhiều, bà cũng chỉ sắp đồ cúng ở bàn-thờ lớn. Vừa rộng-rãi, vừa dễ đi lại. Bàn thờ nhỏ do đó mà chịu ế suốt cả thời kỳ bà cầm quyền. Kịp đến khi Năm Nhiều thay bà mà giữ quyền tế-tự thì Năm Nhiều tổ chức có lễ-lối hơn. Bàn thờ nhỏ dành riêng cho cha anh. Bàn thờ lớn dành cho tất cả các vị tổ-tiên khác. Để phòng ngừa mẹ lộn-xộn, anh lấy khuôn hình của cha anh vốn treo trên vách đem dựng chình-viễn trên ghế nhỏ. Hình chụp cha anh đội mũ chào-mào, áo quần lính tập thất nịt da to và bắp chân vấn xà-cạp. Để tỏ sự tột-độ nghiêm-trang, ông cụ giơ tay mặt lên ngang trán chào theo kiểu nhà binh. Ông cụ đi lính mộ và binh như chết ở Mạc-xây, bên Pháp (chi-tiết này tôi nghe cha tôi kể lại). Mẹ Năm Nhiều thì chỉ nhớ chắc-chắn là ông cụ chết ở bên Tây còn địa-danh đích-xác thì cứ vài năm bà lại đổi một lần. Trí nhớ của bà không được mẫn-nhuệ. Ngay cái tên làng Định-Trung, ấp Phong-Nhiêu là nơi bà sống trên năm mươi năm rồi mà đố bà có nhớ nổi. Ai hỏi bà ở đâu thì chắc-chắn là bà chỉ trả lời được rằng: « Ở Soi giữa ». Vậy thì cứ chừng vài năm ông cụ Năm Nhiều lại phải vì bà mà thay đổi chỗ chết một lần. Ban đầu thì đúng là Mạc-xây, rồi Mặt-xây, rồi Xây-mặt... cho đến một hồi nào đó sáng-kiến của người chinh-phụ này cùn đi, năng-lực biến-chế của bà cạn đi và bà nói liều: « Chẳng biết chết ở cái xứ Xây Xây gì đó. Có cái hình của « Ông » kia kìa ». Cái hình đó nay đã vàng và bong đi mất nhiều mảng ở quanh rìa. Và theo sự phối-trí mới của Năm Nhiều thì bây giờ nó được ngự-trị ở trên bàn thờ nhỏ. Quả tình Năm Nhiều có năng lực tổ-chức thật. Mọi sự cung kính được điều hành có trật tự, ngoại trừ cái khám còn đang ở dưới chế-độ cộng-đồng tương-đối bất ổn.

Vừa hoàn-thành tổ chức quản-trị mới thì Tết đến. Đây là dịp thử thách tài của Năm Nhiều. Ngày 24 tháng chạp, sau khi sang giấy mã dùm cho nhà tôi xong, anh vay mẹ tôi hai giạ nếp và năm mươi đồng bạc sang mùa tháng ba trả. Hăm chín tháng chạp nhằm chợ phiên. Thành anh mua vác về một tấm bức thờ bằng giấy trên viết một chữ « Thọ » thật to ở giữa và hai bên viết hai câu đối. Bức đó để treo trên vách nơi bàn thờ tổ tiên. Bốn bức khác khổ nhỏ

hơn vẽ hình chim hạc, chim phượng, hoa sen, hoa mẫu đơn... treo ở bàn thờ cha anh. Với mấy bức vẽ màu chói chang lòe loẹt, ngôi nhà anh sáng hẳn ra, tươi vui như có hội. Mấy đứa cháu, — con chị Của, — cứ thập thò đứng nhìn làm quấn cả chân anh.

Khi cắm những cành bông điệp vào lọ độc-bình, bông điệp hai màu vàng và đỏ anh xin ở nhà Trùm Diếc, thì anh vừa sắp xếp vừa lẩm bẩm trong miệng « Đông hoa Tây quả. Đông bình, Tây hộp hương.. Đông hoa, Tây quả... » Đông hoa, Tây quả thì tôi hiểu rồi. Đã có lần anh giảng cho tôi nghe rằng cái lọ cắm hoa và cái cỗ bồng sắp chuối không phải muốn đặt ở chỗ nào trên bàn thờ cũng được, mà đã có kinh điển qui định rõ. Lọ hoa thì phải đặt ở hướng Đông và cỗ bồng chuối thì ở phía Tây Hồi : Còn Đông bình, Tây hộp hương » nghĩa là sao ? » thì anh đánh trống lảng không trả lời. Tôi thật không ngờ việc xếp mấy món đồ thờ, — nói chi đến việc tế-tự to lớn ?, — mà cũng khó khăn bí-hiểm đến có thể làm cho Năm-Nhiều lúng túng. Đã vậy mà lại không có một quyển Tự-điển nào về nghi-lễ để tra cứu nên trên bàn thờ của Năm-Nhiều đành thiếu hết một bình và một hộp hương. Tuy vậy tôi cho rằng anh đã cố ý đến bù chỗ thiếu sót này bằng một cỗ bồng rất đỗi phong phú, xếp đến bốn, năm tầng nải chuối, hai tầng quả quít, một quả bưởi to và mấy chùm mận thế mà vẫn giữ được thăng bằng kể cũng đã khéo tay. Tối ba mươi và những ngày mồng một, mồng hai, bàn thờ đầy ắp những lễ vật, đèn nến sáng choang. Cái khoảng trống còn lại trước dãy ghế, đầy những người : Bà mẹ Năm Nhiều, Năm Nhiều, chị Của và bốn đứa con của chị Của. May mà Năm Nhiều chưa lấy vợ nên trong cái khoảng hẹp ấy còn có chỗ để tránh nhau. Tôi thấy không khí nơi đây quả thật là ấm cúng đặc-biệt. Mà nào có cần phải đẹp để sang trọng ? Mẹ anh thì già lắm cắm, gầy mòng như một cái lá sả và đôi mắt lèm kèm. Một cái miệng khoét quá rộng trên một khuôn mặt quá dài. Miệng đó không phải là dấu hiệu của sự hòa-mục. Chị Của thì lùn và đen. Đôi con mắt nhỏ, loại tinh ranh vặt. Mấy đứa con của chị thì mặt mũi chả mấy khi sạch sẽ. Ngoại trừ con Lượm 8 tuổi có đủ quần áo còn thì thằng Khá 6 tuổi, con Khen 5 tuổi, con Mùi 2 tuổi đều chỉ mặc một cái áo còn quần thì mẹ chúng hẹn để sang năm. Đó là vào những ngày tư ngày Tết, những ngày lạnh mùa Đông. Còn thì quanh năm, ba đứa ở trần như ba con lợn nhỏ. Sự lẫn quẩn của từng ấy người trong một khoảng quá hẹp, dù vậy, vẫn không làm bực mình ông thầy tế-tự là Năm Nhiều. Một người cậu nào khác sẽ chết hết sức bốn đứa bé đang lườm lườm hoặc lén lút nhìn mấy đĩa thức ăn bày trên bàn. Chúng không có kỹ-luật nguỵ-trang nên sự thèm ăn được biểu-hiện một cách quá lộ-liễu, có thể gọi là trắng trợn nữa. Năm Nhiều làm như không để ý đến sự biểu-diễn khiếm-nhã đó. Anh xoa đầu một đứa và cất giọng ôn tồn bảo :

— Đi xuống dưới chơi. Đừng hỗn. Để lát nữa dọn xuống đã. Đứa bé được xoa đầu lặp lại lời anh, rủ ba đứa kia cùng đi xuống nhưng rốt cuộc chả đứa nào đi xuống hết. Và thế là cả bảy người lại lộn vòng trong cái khoảng hẹp.

Đã nhiều lần tôi đứng ở cửa sổ nhìn vào cái khung cảnh ấm áp bề bộn đó và

tôi so sánh với nhà tôi. Nhà tôi quá rộng có từng ngăn từng phòng thành ra dù trên bàn thờ tam sơn ngũ sự đồ sộ, đèn nến sáng choang, hương trầm nghi ngút mà tôi vẫn cảm thấy lạnh lẽo nghiêm trang làm sao ấy. Ngày Tết mẹ tôi mua sắm bận rộn đủ thứ nhưng vì thứ nào cũng có chỗ cất dọn ngăn nắp thành ra tôi vẫn không thấy vui mắt bằng căn nhà ra Năm Nhiều. Ở nhà anh thứ gì cũng bày trong một khoảng hẹp. Có bao nhiêu mứt, bao nhiêu cốm, bánh in, mấy lọ dưa món, mấy đòn bánh tét là biết hết. Nhưng đánh tam-cúc chơi mà mắt vẫn có thể lượng trên những miếng mứt bí dày cộm đường, trên những miếng nhân thịt của đòn bánh tét đang cắt dở. Mắt no những màu sắc, tai no những âm-thanh, mũi no những hương-vị, quả cái tiểu thế-giới của anh có nhiều sức hấp-dẫn thực. Mà không phải chỉ ngày Tết mới thế. Quanh năm hình như không có ngày nào là ngày nhà anh không có khách. Khách tầm-thường thôi và là những người ở quanh quẩn gần nhà anh. Chẳng là bình trà nhà anh luôn luôn có bỏ trà ngon và những người khách kia chiếu-cố đến bình trà nhiều hơn đến anh. Ngoài những chén trà đầu do anh mời còn thì những chén trà sau đều do khách tự tay rót lấy. Họ chọn những lúc nào anh nói chuyện hăng hái nhất và họ đã tán thành anh một cách nồng nhiệt nhất. Lúc bấy giờ chủ khách đều lì bì thông cảm với nhau, và làm như vô tình, tay họ nghiêng cái bình cho nước trà lặng lẽ chảy vào tách. Thật tội nghiệp, những người bạn nghèo của Năm Nhiều! Anh không giàu gì hơn nhưng được cái anh không so đo. Có đường, có kẹo, có chuối anh mời mọc thật tình. Riêng phần anh, anh luôn luôn nhịn miếng đãi khách. Chỉ khổ cho bà mẹ anh khi khát nước lại cầm bình lên thấy nhẹ bổng. Thì là bà nối tam bành.

— Đồ quỉ! Uống cái gì mà cạn ráo không còn để phần cho ai một giọt. Uống gì mà như rồng hút nước. Cũng phải biết...

Câu chửi, dù nhẹ nhàng cũng bị Năm Nhiều ắt ngang. Anh chỉ sịu mặt hung ra năm tiếng «Bà này thật... Sao mà...» thế là bà cụ im. La lắm chỉ tổ khát thêm mà bà thì có tật không uống được nước lã.

Những bữa có giỗ thì nhà Năm Nhiều tấp nập khỏi phải nói. Anh lục đục nấu nướng đầu sứt mặt tối dù cho nhà anh có dư đàn bà để lo việc ấy. Một người chị lấy chồng ở mãi Thái-Long dẫn về ba đứa con. Một người em lấy chồng ở xóm Đường dẫn về bốn đứa. Một đứa cháu gái gọi bằng cậu lấy chồng ở Xuân-Đài cũng có nách hai đứa con về. Cộng với mẹ anh và chị Của thì quả nhà này dư đàn bà để làm một bữa cỗ linh-đình. Nhưng họ chỉ được anh sai bảo ạ. Việc nấu nướng, xắt thịt, đơm dĩa anh đều tự đảm-nhiệm hết. Xong, lại cũng chính anh lo sắp dọn bàn. Rồi rửa mặt thay áo dài, đội khăn, anh châm hương châm đèn đứng lâm thâm khấn. Về điểm này, anh có khác mẹ anh. Bà cụ thì khấn to như đang nói chuyện với khách. Mà bà cụ nói chuyện thật. Lúc giỗ chồng thì bà kể lể những hồi ông ra đi binh cách... «Anh ra đi thong thả hơn tôi ở nhà. Một mình nuôi bốn đứa con nhỏ. Thằng Nhiều thì ghẻ chốc. Dán hết mụt này thì trổ sang mụt khác. Con Của thì đái dầm. Hết đứa

này ấm đầu đến đứa kia là chảy... Cửa nhà đơn chiếc, mời hương hồn anh về uống chén rượu, ăn miếng chả...» Năm Nhiều nghe đến đoạn mình bị gắp chốc mà cảm thấy thương mẹ. Mấy đứa con chị Của nghe hỏi nhỏ mẹ chúng đái dầm thì cười rồ lên. Bà cụ đang khấn cũng cười theo rồi xì mũi và lau nước mắt. Năm nào đến ngày giỗ bà cụ cũng kể thuộc lòng từng đoạn như vậy khiến Năm Nhiều cứ thấy mình như nhỏ lại. Tuy khấn khứa lắm cắm lắm vậy nhưng phải công nhận là giữa bà và người chết có sự cảm-thông mật thiết. Đến bữa cúng «các đẳng» thì bà cụ quả có nhiều trí tưởng-tượng. Bà mời... những vị chết sông chết suối, chết lửa chết củi, chết chém chết đâm, chết đường chết xá, chết gió chết máy, quá giang chìm đò, đẻ rơi bóp mũi, ăn mày xó chợ... Những năm sau này khi đường ô-tô chạy qua đầu xóm và con đường xe lửa băng qua cánh đồng Chí-đức thì bà thêm một số nạn nhân nữa: «... những người xe cán dẹp mình, tàu nghiến đứt ruột, những người sẩy chân lỡ bước, những người...» Số người thụ-hưởng thật quá nhiều đối với một mâm cháo, con gà bằng bắp tay và một nải chuối còn xanh Năm Nhiều khấn nhỏ hơn với một vẻ mặt nghiêm trang hơn. Thật đúng là cái dáng dấp khả kính của một ông thầy tế-tự biết tự trọng. Anh lim dim đôi mắt và hai bàn tay kẹp một nắm hương lớn để ngang trán rất lâu. Lũ cháu tỏ dáng sợ hãi len lén nhìn cái tư-thế trầm mặc ấy của cậu chúng rồi lăng bỏ xuống bếp. Ừ, mà thật vậy, vẻ mặt của Năm Nhiều chỉ có giá-trị khi Năm Nhiều nghiên-trang trong ánh nến và khói hương. Bình thường đó chỉ là một cái mặt bèn-bẹt với đôi mắt nhỏ và cái mũi hếch. Nước da mai mái, da nơi hai gò má bóng lên một cách vô duyên. Răng lại mọc khập-khểnh, mọc thành đôi ba hàng lộn xộn. Cái khuôn mặt ấy nói cười đều không gây niềm kính nể. Tại sao Năm Nhiều lại có duyên với sự cúng bái làm vậy, đó là câu hỏi tôi đã tự đặt ra từ lâu. Lúc tôi còn nhỏ anh được mẹ tôi thuê đến ở nhà bế tôi. Khi tôi biết chạy chơi thì anh chuyên lấy đất sét nắn bình long đình, bộ lư, đỉnh, cây đèn. Anh bát những quả mãnh bát già, cắm bốn cộng nhang ngắn vào giả làm con lợn. Anh cắt ngang cổ quả mãnh bát rồi bày riêng ra làm thủ lợn (ruột mãnh bát già màu đỏ như máu). Anh lấy những lon, những thau bày một hàng trước bàn thờ giả rồi gõ nhịp lên và tụng niệm ê a. Anh bắt tôi chắp tay vái lạy. Thế là tôi học tiếp-xúc với thần-linh do sự môi giới của anh Năm-Nhiều vậy. Ngày nào anh cũng bày cỗ cúng một vái lần. Khi có đông lũ trẻ nhỏ đến chơi thì anh tổ chức thành đám rước. Đứa thì thổi kèn, những cái kèn cuộc bằng lá chuối, đứa thì đánh trống đánh chiêng bằng miệng, nhưng tuy bằng miệng mà vẫn có trật tự tiếng «bầm» tiếng «beng» xen nhau. Anh Năm làm tổng chỉ-huy. Mẹ anh mỗi lần gặp bầy anh cao lêu nghêu đi «rước sắc» giữa bầy trẻ con còn ở trường như thế là bà bửi liền:

— Mầy tổ mày, to đầu mà còn chơi chuyện con nít. Mày coi, mày đã cao bằng cây cau kia rồi.

Và thế là đám rước rồi loạn hàng ngũ, trống chiêng bỏ chạy hết.

Sau đó, anh thôi không cúng giả nữa mà anh vái ông Táo ông Địa thật với đồ cúng thật. Mỗi khi quên đóng chuồng gà để

gà đi lạc sợ cha tôi rầy, mỗi khi đánh mẹ đánh lú bị thua xiểng liểng là anh mua một cái bánh tráng nướng và một miếng đường để vái ông Địa. Không dám đốt nến sợ tỏ ra quá lễ mễ, anh chỉ đốt một cây đèn Hoa-Kỳ nhỏ.

Cũng không dám đốt hương nữa vì sợ mẹ anh bắt hơi mùi hương mà lên hỏi lôi thôi. Sự cúng vái do đó đã mang tính-chất du kích, nghĩa là nếu nghe tiếng guốc của mẹ anh lẹt xẹt đi lên thì anh thổi phụt ngay ngọn đèn, thế là xong. Cái bánh tráng và miếng đường trở lại vị trí cũ là món ăn xoàng xĩnh ngang tầm của anh, mẹ anh không có cớ gì để nghi ngờ nữa. Nhưng phải đợi đến lúc năm anh chấp-chưởng quyền gia-trưởng thay mẹ thì năng-khiếu cúng bái của anh mới phát-triển toàn vẹn. Thổi thì nhà anh cứ phăng phắt mùi khói hương quanh năm. Anh giỗ cha, ông nội bà nội, ông cố bà cố. Anh giỗ ông chú bà thím, cô Hai cô Ba là những người tuyệt-tự. Anh giỗ ông Ngoại bà Ngoại vì lòng hiếu với mẹ. Ngày Rằm, mùng Một, ngày vía Phật, ngày vía Quan Thánh . . . anh nhớ không sót. Nếu không vì nghèo thì tôi chắc cái gian giữa nhà anh phải là nơi gặp gỡ của còn nhiều các vị thần linh nữa. Gặp trường hợp nào anh cũng kêu cầu sự phù-hộ. Nhưng bảo rằng sự cúng-kiến thái quá của anh là một lối hối-lộ thần-minh thì sợ có oan cho anh không ? Chứ riêng tôi thấy hình như sự nghiêm-trang trầm-mặc của anh là một thái-độ hạ mình để kêu gọi lòng trắc ẩn. Trong khi cúng vái tôi thấy anh hay hít mũi mà không hề nghe có tiếng nước mũi chạy lên. Như vậy thì sự hít mũi đúng là một lối trang bị hơn là một sự cần-thiết sinh-lý. Anh muốn nhún mình, hạ mình, muốn tỏ rằng mình khổ mình cần sự giúp đỡ che chở. Những người khổ, những người muốn chứng tỏ rằng mình khổ đều có những phép trang-bị tương-tự. Chẳng hạn họ cố ý đi khòm lưng xuống. Chẳng hạn họ hay thở dài. Chẳng hạn họ hay thốt ra những thán-tự tỏ sự ngạc-nhiên, sự sợ hãi : « Trời ! Trời ơi ! Chết chết ! Mô Phật ! Chúa ơi ! ».

Đúng là Năm Nhiều đang đi trên con đường xây dựng mặc cảm đó. Tôi có thể chứng minh điều này bằng lối bẻ bánh tráng của anh. Sở là mỗi lần có cúng giỗ thì cỗ đầu tiên, cỗ ngon nhất anh dùng để mời khách. Khách đó trước tiên là cha tôi mà anh nài-nỉ hết sức để mời đến cho được. Thứ đến là ông Xã Tám, một người hào phú đương kim Lý-trưởng. Rồi đến hương-kiểm Bản và Câu hai Dẫn. Tôi cũng được anh và mẹ anh trì kéo cho vào ngồi chung bàn « Vì cảm-tình riêng », anh nói. Ngồi ăn như vậy tôi đóng vai trẻ con hay nhìn người lớn khề khà uống rượu. Tôi mới để ý đến tia mắt khinh bỉ mà ông Xã Tám dành cho Câu Dẫn. Nhiều câu nói của Câu Dẫn ông Xã làm như lãng tai không nghe để không trả lời. Ý ông Xã chê Câu Dẫn chức-vị quá nhỏ không xứng được chung bàn với ông. Thực-tế thì quả có như vậy. Ở trong thôn xóm, trừ những người u-mê thậm-tệ, còn thì ai cũng được nhận một chức-vị nhỏ. Chẳng lẽ trong suốt một đời người mà không có dịp nào sao ? Những chức Câu, Trùm, Kim tri... đâu phải món hàng có nhiều người đầu-cơ mà trái lại, thừa-thãi ra đó, ai muốn cũng được. Vậy mỗi người sẽ đến lượt mình. Câu Ba, Trùm Sáu, Kim Hai đã thay hẳn những cái tên riêng. Nhưng mặc dù vậy mà cho đến ba mươi mấy tuổi, anh Năm Nhiều vẫn chỉ là Năm Nhiều chứ

không hề được gọi là Trùm Năm, Câu Năm... Và do đó mới xảy ra việc nể nang một ông Câu như Câu Dần mà ông Xã Tám xem là thái quá. Khi bữa ăn gió bắt đầu, anh Năm cầm những cái bánh tráng nướng để bẻ. Nhưng thay vì bẻ trên tay, anh lại để bánh lên đầu. Hai tay anh kéo hai bờ vành bánh xuống cho bánh bể một tiếng gọn trong khi đầu anh rụt xuống. Thái độ khúm núm này chắc là làm vui lòng cha tôi và ông Xã Tám lắm. Nhưng gia anh Năm đừng lặp lại cử chỉ ấy đối với cái bánh tráng đặt trước mặt Câu Dần! Khi rót rượu, anh cũng lễ-độ đúng mực. Tay phải cầm bình rượu chúc xuống còn tay trái vòng ngang để giữ vạt áo dài.

Những năm chiến-tranh Năm Nhiều làm không đủ ăn nhưng trong cảnh nghèo, anh vẫn không bớt mẫn-cán trong việc tế-tự. Tội thân anh, đã phải chạy đồ cúng một cách chật-vật mà nhiều khi còn phải che giấu bớt sự cúng kính qua thường xuyên của mình. Trong khi xung-quanh ai nấy cũng phải khó-khăn lắm trong sự sinh sống mà mình cứ thắp hương một cách thừa-thãi thì quả là vô ý-thức. Vả lại lúc bấy giờ còn có phong-trào bài trừ mê-tín nên anh cần phải thận-trọng nhiều lắm. Nhớ có lần toàn Huyện thi đua bắt chuột bảo-vệ mùa màng, ai nấy mang cuốc xẻng ra đồng đào hang chuột, mang rơm về un khói chuột, mang chó theo săn chuột, mang lưới giăng bẫy chuột thế mà riêng Năm Nhiều thì biện một mâm cỗ lớn mang ra miếng ruộng nhà để cúng vái ông Tí. Thì ra anh Năm quan-niệm rằng mọi sự mọi vật trên đời này đều có một sự cảm thông huyền-bí với nhau, kể cả những vật nhỏ nhất. Mỗi gốc cây, mỗi phiến đá cũng có thần-linh trong đó. Chứ sao? Trong khắp xóm chỗ này chỗ kia người ta vẽ những hình Tướng và bùa chú lên mặt những viên đá để trấn-áp các góc rào. Những thanh tre cũng được bôi vôi trắng và vẽ bùa chú lên để dắt trên sườn nhà. Hèn chi anh chẳng lúc nào cũng trầm-tư. Dễ thường anh đang lắng nghe tiếng nói thần-linh của mọi vật xung quanh anh. Những đêm tốt trời, anh ngồi chơi với tôi mà thấy mặt vì sao đổi ngôi là anh im lặng cắt đứt câu chuyện. Sau đó anh thì-thầm nói :

— « Bà » mới bay. Chắc « Bà » bay về miếu.

Bà nào, tên gì, anh không trả lời được nhưng nhất-định là « Bà » vừa bay. Bình vôi cũ ông Táo vỡ, anh xếp cẩn thận ở gốc mít và cấm ngặt lũ cháu không cho đến gần. Rồi hễ đứa nào ăm đầu đi tướt là anh đố riệt rằng nó đã khuấy phá ông Táo và ông Bình Vôi. Đứa cháu có cam đoan mười mươi là không bao giờ bước đến, đó anh cũng không tin. Lập tức một lễ nhỏ được bày biện ra và anh xuýt xoa tạ lỗi.

Ngày tôi lên bảy tuổi, mẹ tôi sắp đặt cho tôi đi học A B C. Anh Năm Nhiều tỏ ra xao-xuyến hết sức đối với cái giây phút long-trọng mà tâm hồn tôi sắp giã-từ những vật tầm-thường xung quanh mình để tiếp xúc với cái cao-siêu của chủ nghĩa. Anh trầm-ngâm hỏi mẹ tôi :

— Cô định bữa nào cúng khai-tâm cho thằng Thiết?

Mẹ tôi ngạc-nhiên quay hỏi lại :

— Cũng phải cúng khai-tâm nữa sao?

— Có chứ. Nó mới bắt đầu đi học thì phải cúng khai tâm cho nó.

— Cô tưởng ngày xưa đi học chữ Nho thì mới cúng khai tâm chứ thời bây giờ học chữ quốc ngữ thì có thần thánh đâu mà phải cúng ?

— Xưa nay gì cũng vậy. Phàm đã có chữ nghĩa thì phải có Thánh. Không có Thánh thì lấy ai bày ra chữ nghĩa ? Phải cúng khai tâm thì mới sáng dạ học mau thuộc.

Mẹ tôi lưỡng-lự một lát rồi nói :

— Ừ thôi thì cúng cũng được. Mà cúng món gì bây giờ ?

— Cô đưa tiền con đi tìm mua một con gà cồ trắng, thứ gà non chưa hề đạp mái. Phải đi chợ Đèo mới có nhiều gà mà lựa. Rồi cô nấu một nồi xôi.

Mẹ tôi y theo lời anh và anh bươn bả đi tìm mua về được một con gà cồ trắng thật. Quả là một thành tích hi-hữu đáng phục vì gà cồ trắng không phải là một vật dễ tìm. Anh sung sướng ra mặt khi về khoe với mẹ tôi

— Con đi rảo suốt cả chợ mà không tìm ra gà trắng. Chỉ có gà cồ chuối thôi. Con định mua đỡ một con gà cồ chuối thì may thay có bà già đem đến con gà này.

Vừa nói anh vừa vuốt ve cái mào mới như đỏ choé của con gà và con gà ngây thơ nhắm đôi mắt lại, sung sướng và tin cậy nơi anh.

Tối hôm trước ngày ra trường là buổi cúng khai-tâm. Con gà luộc nằm trong cái đĩa lớn ngửng mặt nhìn trời. Mình nó vàng bóng loáng những mỡ. Hai bên là hai đĩa xôi trắng. Anh Năm tắm cho tôi rồi bắt mặc quần áo mới. Anh đẩy tôi lại gần con gà, nơi cha tôi đang đứng lầm rầm khấn. Cha tôi vốn không nhiệt thành mấy về điểm cúng bái, nhất là đối với môn cúng khai tâm này nên ông để yên cho Năm Nhiều ra lệnh bắt tôi lạy ba lạy. Tôi hồi hộp làm đầy đủ nghi thức nhưng mỗi khi qui xuống đứng lên mắt đăm đăm nhìn vào con gà mà lòng lại thắc mắc tự hỏi không biết con gà kia có quan hệ gì đến chữ Quốc ngữ mà mình sắp học. Khi con gà được dọn xuống thì cũng chính Năm Nhiều ra lệnh cho tôi phải ăn cái đầu gà. Anh ngồi nhìn tôi ăn với một vẻ vừa sung sướng vừa cung - kính khiến tôi áy náy mà quên mất rằng mình đang ăn thịt gà. Có lẽ lúc ấy tôi tưởng rằng tôi đang làm một lễ-nghi gì nghiêm-trang hệ-trọng lắm, còn anh thì chắc anh đang hài lòng vì nghĩ đến một ngày kia tôi sẽ học hành thông-minh, kết-quả của bao công phu của anh : Tìm gà cồ trắng, lạy, bắt ăn đầu gà.

Một người sống quá khắng khít với những linh hồn : của tổ-tiên, của thánh thần của đủ loại ma quỉ như vậy, chắc chắn là rất kém trong việc làm ăn thực-tế. Anh nghèo luôn luôn và mắc nợ mẹ tôi không biết mấy lớp. Đối với đàn bà con gái anh cũng không thành-công gì hơn. Dù là con gái nhà quê người ta cũng muốn có một ông chồng lanh lẹ thực-tế. Chứ ngồi nói chuyện tâm-tình với một người quá lẽ mẽ mà đôi tay lúc nào cũng như chuận bị kẹp bó nhang hay vừa giữ vạt áo vừa rót rượu thì chán chết. Cũng như đôi mắt, bàn tay là tiếng nói của ái-tình Thế mà bàn tay của Năm Nhiều thì đúng là bàn tay câm. Thành ra cho đến bốn mươi tuổi anh vẫn chưa có một người đàn bà nào. Thật ra thì nói như vậy cũng chưa hoàn toàn đúng. Hình như anh đã có yêu một người : Đó là chị Gần. Chị Gần không

đẹp nhưng mặt mày cũng dễ coi. Có điều cặp môi hơi dầy. Cái kho ca-dao tục-ngữ là mẹ anh đã vô-tình sót cho anh một mớ kinh nghiệm về tướng người, than ôi lại nhằm vào điểm bất lợi của chị Gấn.

Mỏng môi nói láo đã xong.

Dầy môi ăn vụng, cong môi ăn hàng.

Nhưng nghèo như anh mà lại vừa không đẹp trai thì anh không mong gặp một cô Hằng-Nga. Vậy chắc chắn là anh đã chọn chị Gấn. Chị là bạn thân của chị Của, cùng đi về một chợ, cùng ngồi nhỏ to bàn tính tiền nông giá cả hàng giờ ở ngách cửa nhà anh. Cứ cách vài ngày là có chị bên cạnh chị Của. Mỗi lần đứng gần chị anh hay đưa tay vuốt tóc, những sợi tóc cứng đứng sừng sững, bướng bỉnh. Đó là lối làm dáng độc nhất của anh, biểu lộ một sự bối rối mực thước. Thỉnh thoảng anh cũng có đưa đẩy vài câu chuyện nhưng mà khó nhọc biết bao! Anh phải đằng hắng nhiều lần để nuốt một miếng đàm tưởng tượng nào đó rồi mới nói được những câu rất đỗi vô duyên.

— Chị Gấn... à à... mấy lọn mây của con Của... à à... bán nửa tháng nay chưa hết...

Hoặc: — Ở dưới nhà chị... à à... cúng mồng Năm có to không?

Chị Gấn cũng không hoạt bát gì hơn. Đôi môi dầy chuyển động một cách chậm chạp. Thành ra hai người sắp sửa thành tình nhân ấy chỉ còn biết chăm chăm nhìn xuống hai bàn chân của mình như chưa bao giờ thấy chúng. Sự tỏ tình mặc dầu đạm bạc, gần như tiêu-cực đó, cũng đã không lọt khỏi mắt người anh rể của chị Gấn. Người anh rể này bấy lâu nay đã ngầm coi chị như người vợ dự khuyết của anh ta. Vợ anh đau ốm hom hem nên anh phải lo xa một cách phũ phàng như vậy. Nhưng từ ngày chị Gấn lui tới nhà Năm Nhiều thường xuyên và với những lý do không chính đáng lắm thì anh khởi sự lo. Anh thấy phải vội vàng thực hiện cái ý-định của anh. Anh bắt đầu chửi vợ. Để sự chửi bới không trở thành thô tục, để dỡ ngượng với hàng xóm, anh uống rượu trước khi chửi. Chửi vợ chán, anh chửi luôn em vợ và mẹ vợ. Cuối cùng không biết bằng cách dàn xếp nào mà chị Gấn đã trở thành vợ anh ta. Thế là chai rượu và cái ly không còn cần thiết nữa. Chỉ có tiếng chửi là vẫn còn nhưng lần này lại là tiếng chửi the thé, nhọc mệt, tiếng rủa lẫn tiếng khóc của vợ anh. Chị chửi chồng, chửi em gái mình. Chị chửi Trời, chửi Đất. Cho đến một buổi tối lìa, chị Gấn cuốn áo quần đi mất biệt. Ở lại cái xóm nghèo nàn này có hai người đàn ông đau khổ vì chị: Người anh rể và Năm Nhiều.

Năm Nhiều có buồn nhiều không, buồn bao nhiêu lâu thì không ai biết. Vì có bao giờ anh vui về đâu? Anh lúc nào cũng mơ mơ màng màng, đi dưới đất mà tưởng chừng như đang bay theo các « Bà » ở giữa không trung. Chỉ biết là từ ngày đó anh hay ngồi tần-mần hàng giờ trước chiếc gương soi, có lẽ để tìm xem vì những khuyết điểm nào ở trên mặt mình mà mình phải chịu một sự thất bại lớn về tình ái dường ấy. Thói thường thì khi nhìn vào gương, người nào cũng thấy mình không đến nỗi xấu. Chỉ cái khuôn mặt phản chiếu ra thấy hơi là lạ, ngường ngượng, là vì trên thực tế mình chưa hề gặp một con người như vậy lần nào. Đôi mắt anh quả có nhỏ thật đó,

nhưng nhìn vào gương thì tự nhiên anh đã phải mở to mắt rồi. Đôi hàm răng có vụng về đó nhưng có bao giờ người ta há miệng để soi gương đâu mà biết ? Cái mũi, đôi mày, gò má đều được anh soát xét cẩn thận nhưng vì ranh giới giữa xấu và đẹp là một ranh giới mơ hồ nên anh rất yên tâm mà thấy mình cũng « trông được ». Qua những lần thám hiểm như vậy, anh mới có dịp để ý đến những mụn tàn nhang có rất nhiều trên mặt mình. Anh dùng hai ngón tay cái để nặn và cái mụn trồi ra, chầm chậm, dễ dàng, đúng lúc, như chính nó cũng cùng chia sự thích thú với anh. Đầu mụn mang một vết thâm đen. Chính những vết thâm này làm từng chấm trên khuôn mặt anh. Khi nặn xong một mụn thì chỗ cái mụn vừa ly khai có một lỗ chân kim nhỏ màu hồng, trông đẹp hơn cái chấm đen trước nhiều. Đến đây, một sự hối tiếc lặng lẽ gậm nhấm tâm hồn anh. Anh tự trách mình đã bỏ qua bao nhiêu năm mà không hề để ý đến những vết mụn thù nghịch kia. Bây giờ đã có quá nhiều mụn đã già rồi, vết đầu đen đã nhẫn sát xuống da mặt khiến trên khuôn mặt rải rác như có rắc những hạt mè đen hay những hạt hoa mào gà. Ái tình đến quá chậm nên mới có những sự bất lợi như thế. Khi yêu người ta mới hay làm dáng. Năm Nhiều thì vừa chậm yêu vừa ý-thức sự làm dáng quá chậm chạp. Ít ai như anh, thất bại trong tình trường rồi mới chợt để ý đến những mụn tàn nhang.

Từ lúc phát kiến ra lối làm đẹp không tốn kém mà khéo gây thích thú này, Năm Nhiều có khi ngồi suốt giờ cạnh chiếc gương soi, chơi một mình với những mụn tàn nhang. Những khi bạn đến chơi nhà, anh không ham nói chuyện như trước mà chỉ thích tìm những mụn tàn nhang nơi mặt bạn. Có khi anh bắt người bạn xoay mặt đủ chiều để anh tìm vết mụn. Vì trong nhà tối nên anh phải kéo bạn ra ngồi ở ngạch cửa, nơi đó dưới ánh sáng của mặt trời, những cái mụn sẽ không lẩn trốn đi đâu được. Rồi với đôi ngón tay cái thành thạo, anh đã nặn vết mụn ra, sau khi tám ngón tay còn lại kẹp cứng khuôn mặt của người bạn để không cựa cậy được. Sự say mê ma quái này làm khổ những người bạn của anh không ít. Đôi khi những người bạn này la « ái » lên, nước mắt ràn rụa nhưng anh cũng không tha. Anh phải suỵt suỵt nho nhỏ : « Im, im. Sắp ra rồi. Sắp ra rồi » làm như nên nói to thì cái mụn sẽ nghe được và nó sẽ chạy mất.

Nhưng số lượng những cái mụn có thể nặn được thì có hạn mà sự say mê của anh thì không cùng nên khi những cái mụn đã hết rồi thì anh lại rơi vào sự trầm mặc của anh. Anh đành phải rời bỏ khuôn mặt mình mà đưa mắt chậm chạp, uể oải nhìn ra xung quanh. Đúng vào lúc ấy, anh thấy chị Ba Răng Vàng. Chị này ở Tuy-hòa tản cư ra. Ngoài ba cái răng cửa bọc vàng tây, chị có hai con mắt sắc hay liếc và một cái miệng hay nói hay cười. Đôi hàng lông mày in rành rành vết dao cạo nén và môi có bôi một lớp son đỏ nhạt. Tóc bới vồng lên ở trước như hai cái sừng mới nhú và trên mái tóc mang rất nhiều kẹp. Lọn tóc bới lõng bõ rơi xuống dưới ót trông tựa cái bụng của một con tò vò. Vóc người chị thon nên khi đi, đôi tay đưa đẩy dịu dàng, một sự dịu dàng dường như cố ý, có sắp đặt trước. Tất cả đều trái hẳn lại với chị Gần chậm chạp nặng nề.

Chị Ba Răng Vàng ở trọ nhà ông Cống, cách nhà Năm Nhiều chừng vài trăm thước. Chị bán xôi chè và cơm rượu. Miệng con nhà buôn gặp ai cũng mời cũng cười nhưng Năm Nhiều ngây thơ cứ tưởng nụ cười đó, nhất là con mắt liếc chỉ dành cho mình. Thành ra anh hàng hái tuyên bố rằng anh đã nghiện mon chè « bột lọc bọc đậu phọng » của chị. Những bữa ế hàng rồi chè còn đầy thì chị Ba càng đậu phụng phung phí mắt liếc và nụ cười với anh. Chị dám nắm tay anh mà kéo, — bàn tay tinh khiết chỉ quen cầm nắn nhang !, — bắt lại ngồi ăn dùm cho chị một chén chè. Anh đau khổ từ chối bảo rằng không có tiền thì chị cười :

— Ăn đi rồi bữa nào có trả cho em.

Tiếng « Em » ngọt ngào làm nhột sau gáy anh. Từ xưa đến giờ chưa ai xưng hô với anh như vậy, kể cả lũ em gái. Đứa nào cụng chỉ xưng « tui » một cách nhạt nhẽo, cộc lốc. Duy lợi dụng tình thế liếc trả lại chị một cái rồi uể oải lại ngồi húp chén chè. Uể oải vì nghĩ đến đồng bạc lát nữa không biết phải mượn của ai để trả.

Có lần chị Ba Răng Vàng hỏi :

— Sao anh Năm không lấy vợ ?

Năm Nhiều thầm nghĩ : « Đàn bà con gái ở thành phố bạo dạn thật dám hỏi đàn ông điều đó. » Anh mỉm cười lấy giọng nửa đùa nửa thật :

— Tôi nghèo mà ai thèm lấy.

— Xì ! Có anh hà tiện thì có. Cưới vợ về sợ nó ăn hết gạo chớ gì !

Đó không khải là sự thật vừa không phải là câu nói mà anh mong đợi. Anh muốn chị Ba nói rằng : « Tôi thương anh lắm. Tôi muốn lấy anh. » Nhưng chị Ba chỉ mê mải ngồi rửa cái chén và sau cầm lấy đồng bạc đưa anh bỏ kỹ vào túi, cài kim băng cẩn thận.

Một hôm chị Ba gánh gánh chè vào sân nhà anh nhằm lúc có những người bạn nhàn tản của anh đang ngồi tán chuyện gẫu. Ăn vặt là một tính hay lây nên một người ăn chơi rồi cả bọn cùng ăn. Gặp được bữa bán mau tay, chị Ba nói cười vui vẻ. Một anh bạn hỏi :

— Chị Ba sống một mình không biết buồn à ?

— Buồn chứ. Nhưng biết sống với ai cho có hai ?

— Để tôi làm mối anh Năm Nhiều cho chị.

Chị cười :

— Em nghèo lại tản cư mà. Anh Năm đâu có thèm em.

Năm Nhiều cười híp hai con mắt, không biết nói sao. Tối đó anh trằn trọc không ngủ được Hôm sau bần thần không làm gì được. Cứ hay mỉm cười một mình và lát lát nhìn vào chiếc gương soi. Mẹ anh thấy chị Ba năng ghé bán chè thì tỏ ý không vui nhã là bà liếc những đồng bạc anh trả cho chị. Bà lên tiếng chỉ trích :

— Cái con cười cười liếc liếc. Trông như con đĩ.

Bị chạm phải lòng tự-ái, anh cãi ngay :

— Bà này nói lạ. Chuyện của người ta...

— Chuyện của người ta tao nói không được sao ? Ai bảo mày bệnh ?

Phương trời lưu viễn

biển mù mịt đó mưa đan
tôi ngàn năm nhớ nào tàn mộng xưa
vi vu mấu gió đe mùa
núi non đồng vọng cũng thừa xót thương
đà nghe đất dậy môi trường
cõi miên viễn bỗng vô thường thanh âm
bơ vơ chiều đựng chuông trầm
sông dài, trôi quạnh hồi âm nẻo nào
cuối trời nghe rụng vì sao
đêm đi từng giọt sương vào hư vô
là thôi những ý mong chờ
sẽ còn luân lạc bên bờ suối xanh
còn em mộng suốt hồn anh
sẽ bay vào cõi cây cành hẻo khô
sẽ đi một bóng xa mờ
phương lưu viễn đó hẹn giờ phùng sinh

HOÀI-KHANH

— Bệnh cái gì ? — Năm Nhiều sừng sộ nói.

— Vậy mà mày nói không bệnh hả ? Nó là mẹ mày đó à ?

Rồi không cần chuyển tiếp, bà khóc bù lu bù loa :

— May bệnh con dĩ, mày chửi lại mẹ mày. Bớ làng xóm ơi, thằng Nhiều nó chửi tôi Bớ làng xóm ơi thằng Nhiều nó muốn giết tôi. Nó cắt cổ tôi đây, bớ làng xóm ơi ?

Năm Nhiều tức quá mà không làm gì được, sẵn chân đá luôn cái ấm đất lăn lông lốc ra chái bếp Nước vãng vãi tung toé ra đầy đất. Thế là hai mẹ con giận nhau, tránh mặt nhau Bà mẹ bỏ cơm Anh ngồi ăn mà không nói một lời Không khí trào đầy thù hằn. Nhưng oái oăm thay, ngay hôm sau lại nhằm vào ngày giỗ Phải mua sắm nấu nướng, phải sắp dọn bàn thờ, phải mời mọc họ hàng . . . Hai mẹ con đành phải hòa với nhau để chung lo việc cúng kính.

Mối u-tình anh dành cho chị Ba Răng Vàng nung nấu trong lòng anh cho đến một tối kia anh cầm cây gậy đi canh ổ xích hậu. Đi qua đám bắp ông Chánh Bát, anh nghe tiếng nhỏ to rì rầm. Lấy tư cách là tuần phiên, anh dõng dạc hỏi to :

— Ai đó ?

Có tiếng trả lời yếu ớt :

— Dạ tôi.

— Tôi là ai ?

— Dạ tôi.

Anh bước trờ tới : chị Ba Răng Vàng.

— Còn ai kia ?

Anh nổi giận quát lớn.

— Tôi.

— Tôi là ai ? Nói mau.

— Tao.

Một người đàn ông đứng dậy bước lại gần anh. Nhìn vào mặt thấy rõ là Xã-Tám, anh vội vàng bước lui một bước, đưa tay trái lên gãi đầu theo thói quen, lí nhí nói :

— Dạ thưa cậu.

— Mày đi canh bà ?

— Dạ.

— Ừ. Thôi, đi đi.

Năm Nhiều lê cái gậy nặng nề bước. Quả đúng như lời mẹ anh nói, con đó là con đĩ. Nhưng quên một con đĩ không phải là điều dễ nhất là khi người ta không có một người đàn-bà đứng đắn nào để mà nhớ như anh Năm. Có thể anh ngồi nhớ đến đôi môi dầy của chị Gần và tự trách mình đã quá bạc tình đối với một người yêu cũ (cứ tạm nhận là thế). Những người rụt rè như anh thường có những ý nghĩ tẩn mẩn quanh co như vậy. Không đi tới mà cũng không bước lui, không có cái gì dứt khoát hết. Trong khi đó thì những người đàn bà dứt khoát hơn anh. Chị Gần chọn con đường phiêu-lưu thay người anh rể. Dễ thường hôm nay chị đã có người chồng mới rồi. Chị Ba Răng Vàng thì chọn ông Xã Tám và vài người khác bạo dạn và thực tế hơn anh. Người ta trả anh lại cho cái bàn thờ uy-nghiêm và cái khoảng hẹp trước bàn thờ. Anh khỏi phải chọn. Như một cái bóng mờ, anh cứ chập choạng trong cái khung cảnh âm-u của khói hương và ánh nến.

Người ta thất vọng vì tình đều khó ngủ, anh Năm Nhiều không thoát khỏi cái thông lệ đó. Nhưng khác với những người văn-minh uống thuốc ngủ vào những trường hợp tương tự, anh Năm Nhiều chỉ biết lăn qua trở lại trên bộ ván. Cái gối bị dày vò một cách tàn nhẫn như tâm hồn của anh vậy. Khi trằn trọc đã chán anh ngủ thiếp đi thì chợt anh bàng hoàng thức giấc. Không phải vì một giấc mơ quái đản trong đó anh vụt một gậy vào đầu chị Ba Răng Vàng hay vào bông Xã Tám gây nên một vụ án tình đẫm máu mà chỉ vì mấy con chó hầm hè ầm ĩ trước nhà. Chúng cãi nhau vì tình, tranh giành nhau, cấu xé nhau mãnh liệt ồn ào chứ không chịu bại trận thầm lặng như anh. Trong đêm tối, anh lắng nghe tiếng từng con một và anh cố gắng phân biệt tâm tính của mỗi con. Gầm gừ hàng tràng dài trước mái hiên như để đe dọa ai là tiếng của con Vàng nhà anh. Đúng là anh chàng nhút nhát, nhút nhát như chính anh vậy. Tiếng sủa ông ổng, mạnh dạn là tiếng một con chó lạ, anh không biết của ai. Con này có vẻ thách-thức, sẵn sàng lao mình vào chiến đấu nếu có con nào muốn. Một tiếng sủa rời rạc, bàng quan phát xuất từ sàn nhà ở xế trước mặt. Đó là con Mực của bà Từ. Nó đã có tuổi, thận, thủy kém suy nên giọng sủa có vẻ là một kẻ đã nếm đủ mùi đời bây giờ muốn xuất-thế, muốn người để mình ngủ yên. Xa xa hơn là một số những tiếng gầm ghè lẫn lộn. Rồi vụt nhiên nổi lên những tiếng cấu xé tiếng những thân hình quấn nhau lăn lộn trên mặt đường, tiếng « cẳng cẳng » của một anh chàng bại trận bị cắn đau. Năm Nhiều giận vì bị phá giấc ngủ, mở cửa bước ra. Anh rón rén lại

góc rào nhặt một viên đá, nhắm ném mạnh vào một con chó khá đẫy đà. Bị trúng đá, nó kêu ẳng ẳng mấy tiếng bỏ chạy nhưng cách đó không xa nó đứng dừng lại. Mấy con chó khác im lặng đi lẳng dẳng. Chỉ duy con chó bà Từ vẫn rối rạc sủa những tiếng uể-oải. Nhìn chuồi sao Bắc đẩu đuôi chổng ngược lên cao, anh bẫn thẩn bước vào nhà đóng chốt cửa lại. Nhưng vừa đặt mình xuống ván thì những tiếng sủa lại nổi lên, hợp-tấu trở lại. Anh chợt nhớ rằng tháng này là tháng Mười và hình như anh đã có nghe ai bảo rằng những con chó hoạt động mạnh về ái-tình trong tháng này. Ngày anh xin con Vàng về nuôi, nó đau ruột bỏ ăn và đi tiêu lông tưởng chết mất. Một ông cụ láng giềng sang chơi bày nấu canh rau diếp cá cho nó ăn rồi cụ bảo :

— Chó tháng Năm. Khó nuôi lắm.

Anh không hỏi xem « chó tháng Năm » nghĩa là thế nào, nhưng anh đinh ninh rằng chắc hẳn mẹ nó thụ-thai vào tháng Năm. Vậy thì tháng Năm và tháng Mười là hai tháng ái-tình mạnh nhất của loài chó. A ! Phải có những đêm trằn-trọc vì tình, phải mang một tâm-hồn xt-xa vì tình, anh Năm Nhiều mới phát-kiến được mối tình có định-kỳ của loài chó. Không phải việc này mới xảy ra lần đầu nhưng mà đúng là lần đầu anh để ý đến điều đó. Người ta kể chuyện rằng nhà độc-tài Hitler vì một đêm mất ngủ mà nghĩ ra được phương pháp phòng-thủ một đảo nào đó (tôi quên mất tên) khiến các chiến-lược gia đại tài cũng phải phục là kỳ-diệu. Năm Nhiều là một người tầm thường nên kết quả của những đêm mất ngủ của anh cũng chỉ là một phát-kiến tầm thường. Nhưng đó chẳng phải là cũng nhờ Ái-tình mà anh đã tìm hiểu cuộc đời xảy ra xung quanh anh một cách đầy đủ hơn xưa đó sao ? Những sự phát-kiến vụn-vặt đó, tiếc thay, người bàng quan là mẹ anh không hề biết đến. Bà chỉ, một cách thiển cận, tính nhẩm số tuổi của anh mỗi năm mỗi cao, nhìn mái tóc của bà trong gương mỗi năm mỗi thêm bạc mà lo lắng tìm vợ cho anh.

— Con Mừng đó, mày coi được không ? Nó xấu người mà cấy hái giỏi. Của tư riêng của nó nghe đâu được tới ba chục gia lúa.

Nhưng Năm Nhiều chỉ ậm-ừ rồi bắt sang nói chuyện khác.

— Hay là con Tỵ ? Tuổi nó cũng ngang với tuổi mày đấy. Mày sanh tháng hai còn nó sanh tháng mười một. Mẹ nó cũng hiền lành như tao. Ý tạo trong đám này hơn.

Nhưng Năm nhiều cũng lại im lặng. Đối với người con gái nào anh cũng không phản-đối mà cũng không tán thành. Nếu bị hỏi riết lắm thì Anh bảo : « Để xem đã ». Để bao lâu, anh không nói rõ. Thật ra thì anh có « xem » gì đâu ? Anh chỉ thản-nhiên nhìn những người con gái tuần-tự lấy chồng. Anh trang trọng đến giúp gia-đình họ nấu cỗ cúng, — lại cúng ! — và nấu cỗ dọn hai họ. Phải nhìn anh vin nhẹ cành bông điệp để chọn bẻ từng cành, xếp tỉ-mỉ vào lọ hoa, đặt thận trọng lên bàn thờ, phải nhìn anh mặt đỏ rực lắm-tấm mồ hôi xào nấu nêm nếm trong bếp, nghiêm-trang và say mê như một nhà thực-học đứng trước bầu thủy-tinh và ống nghiệm thì mới hiểu rõ cái lòng chí-thành của anh đối với tục-lệ, cái lòng vị-tha của anh đối với những người con gái. Tâm-hồn

anh như một bãi sa-mạc trên đó họa chăng chỉ còn dấu chân của hai người đàn-bà đã đi qua. Mẹ anh lấy thế làm một điều phiền lòng. Đã gần đất xa trời mà không có một đứa cháu nội để bế. Nhưng làm sao bây giờ? Bạn của anh quanh-quẩn chỉ có mấy người đàn ông biết lợi-dụng bình trà và chiếu-cố tận-tình đến những bữa gỗ. Nước trà, đó không phải là sở thích của những người đàn-bà đang độ yêu-đương. Tóm lại, cứ như thế Năm Nhiều đi sâu mãi vào cuộc đời, chật-vật trong cái diện-tích hẹp của khoảng trống trước bàn thờ.

Lâu lâu ghé về thăm quê hương tôi tạt lại thăm anh tìm một vài thay đổi nơi anh. Làn da nơi gò má bớt bóng dỉ, cái miệng móp thêm vì vài cái răng đã gãy, hàm râu thưa dâm tua tủa vì lười cạo và đôi mắt mỏi mệt thêm. Ngược lại, hai bàn thờ và cái khám thấy phong-phú hơn xưa vì chiến-tranh chấm dứt anh có phương-tiện để bổ túc thêm những món thiếu-sót. Đó là một dây bông đèn điện đứt râu anh sưu-tầm ở đâu về và đựng đầy nước có pha màu xanh, vàng, đỏ. Đó là những nhánh hoa bằng giấy rẻ tiền mau úa vì bụi bám. Đó là những cái cỗ bồng bằng đất trên sắp đầy ụ những nải chuối, quả quít, quả bưởi cũng bằng đất nung có tráng men và pha màu lòe-loẹt. Những mon bang giả này choán nhiều chỗ trên cái bàn thờ. Nếu một ngày kia anh sắm thêm một mớ đĩa xôi giả, đĩa bánh tét bánh ít giả, đĩa thịt gà thịt lợn giả, — cũng bằng đất có tráng men và pha màu, — thì không biết còn chỗ đâu để sắp những món ăn thật. Tôi mời anh có dịp vào Nha-Trang chơi với tôi. Mắt anh sáng lên :

— Ừ ! Tôi cũng muốn kiếm dịp vào Nha-Trang chơi. Nghe nói chùa Hội trong đó to lắm, ngày lễ vía, ngày rằm mùng Một khách thập-phương đến cúng dường hàng trăm người. Hôm Phật-Đản nghe có cộ đèn và phóng sanh đăng.

Thôi đúng rồi, đúng là sở-thích của anh Năm rồi. Ngày tôi còn nhỏ tôi nhớ anh không bỏ sót một bữa làm chay nào. Chùa ở xa làng đến hai cây số mà lúc bấy giờ anh đang ở giúp việc cho nhà tôi nên không thể tự-do muốn đi đâu thì đi. Muốn được đi coi làm chay, anh bày tôi vào khóc với mẹ tôi đòi đi cho được. Anh nói :

— Mày cứ khóc rồi nằm lăn xuống đất. Má mày có nói đi xuống chùa xa không đi được thì mày trả lời là có tao công.

Tôi làm theo thời anh vào năn nỉ xin mẹ cho đi chùa. Mẹ tôi đang bận tay chưa kịp nghe thì tôi đã nằm dài xuống đất lăn hai vòng rồi cào cấu vừa khóc rùm lên. Thật tình là tôi đã đóng kịch quá đó. Tuồng lớp anh bày ra, tôi đã lật đật thực hiện hơi vội vàng nên kém về tự-nhiên. May mà mẹ tôi tính hay mủi lòng nên chỉ nhìn tôi một giây mẹ tôi đã hỏi :

— Nhưng mà chùa xa con làm sao đi được ?

— Anh Năm Nhiều công con.

Không ngờ rằng mưu-mô do anh bày ra nên mẹ tôi hối-lộ cho anh năm xu và nhẹ nhàng phủ-dụ :

— Chịu khó công em cho nó xuống chùa chơi một lát. Đây cô cho năm xu để dành bỏ bùng binh. Nhớ về cho sớm sớm kẻo em nó buồn ngủ.

Thế là con ngựa hai chân ấy công tôi chạy tế như tế sao.

Hôm nay con ngựa đã khá già rồi nhưng dáng chừng còn ham coi làm chay, cộ đèn. Tôi nói :

— Nha-Trang thì còn nhiều thú vui lắm. Anh vào tôi mời anh đi coi chiếu bóng đi tắm biển, đi coi sở ca. Phố - xá to lớn hơn Tuy — Hòa nhiều. Có mấy khu Xóm Mới, Phước-Hải cất biệt thự trông cũng đẹp.

Nhưng bộ anh lơ đãng đối với những thú vui tôi vừa phác họa. Anh đợi tôi dứt lời, chầm rãi tiếp :

— Nghe nói ở Nha-Trang nấu đồ chay vừa khéo vừa ngon. Chẳng là nhờ có nhiều « la-ghim » ở Đa-Lạt chở xuống. Có cà-rốt, khoai tây, xúp-lơ thì dễ nấu. Ở ngoài mình chỉ quanh quẩn có mấy món thường : bí ngô, bí chanh, đậu phụng, bầu mướp...

Tôi phải đi vào nội dung câu chuyện của anh để anh vui lòng. Tôi hỏi :

— Anh nấu chay có ngon như nấu mặn không ?

— Cũng như vậy. Có đậu phụng nhiều, có đậu nành nhiều thì phải ngon. Nấu chay khéo thì đâu có thua nấu mặn ? Cũng đủ giò, chả, nem, gỏi .. cũng đủ thịt gà, thịt heo, tôm cá... có điều cũng là rau cỏ mà nấu giả như thật.

— Ở nhà-quê có đám chay nào lớn chắc là họ phải « thỉnh » anh.

— Ờ ! Chỗ nào quen họ cũng « thỉnh».

Anh nói chậm rãi, tin tưởng như một ông thầy thuốc Nam tự-phụ. « Nhất nghệ tinh nhất thân vinh», câu này có thể đem áp dụng vào anh nhưng có lẽ chỉ đúng có nửa câu, phần trên. Vì thân anh vẫn cứ nghèo và đôi mắt càng nuốt khói bếp nhiều càng mờ đục thêm và còn mang thêm một tật nheo nheo.

Một ngày tháng Bảy, con chó nhà tôi sủa ai ở trước cổng rồi sủa dẫn cho đến nhà sau. Người ở lên thưa rằng có một người khách lạ. Tôi ra phòng khách không thấy ai, bước ra nhà sau thì thấy anh đứng ngơ ngác nhìn. Anh mặc bà ba đen và chân đi dép cao-su lốp ô-tô. Tôi vui vẻ mời anh lên nhà trên. Anh rờ từng chiếc ghế, từng cộng hoa plastic gắn ở chiếc lọ đặt ở bàn nước. Anh nhìn lên trần nhà, mắt ngừng lại rất lâu ở chiếc đèn nê-ông dài. Tôi mời ngồi và anh ngồi rất khẽ, đít chỉ chấm một phần tư mặt ghế. Lưng thẳng đứng. Rồi mắt anh lại đậu ở cái quạt máy, ở cái radio. Tôi hỏi :

— Lâu quá anh mới vào thăm chơi. Ở ngoài nhà làm ăn ra sao ?

Anh đằng hắng liên tiếp ba cái rồi mới nói :

— Cũng chẳng ra sao. Mùa màng mất mát, làm ăn cứ mỗi ngày một lụn. Tôi định vào trong này kiếm việc làm.

— Đã có chỗ làm chưa ?

— Ông Hương Kính ở ngoài làng vào trong này được nửa tháng. Vừa rồi mới về quê và rủ tụi này vào làm ăn.

— Hương Kính làm việc gì ở đây?

— Làm phu đổ đá ở sân bay.

— Lúc này anh nói đi vào cả tụi. Vậy còn ai nữa ?

— Thằng Đực con bà Lý, thằng Thành móm và anh Tiùm Sáu.

— Hiện giờ họ ở đâu ?

— Dưới xóm Chợ, chỗ nhà bà con của Hương Kính.

Tôi mời nước và thuốc lá. Tiện có đĩa chuối đặt ở tủ ăn, tôi lấy mời nhưng anh từ chối :

— Tôi ít ăn thứ này lắm.

Tôi ngạc nhiên :

— Kìa, ngoài nhà thấy anh cúng chuối luôn mà.

— À, vậy mà ít ăn. Cúng thì cúng rồi lũ trẻ nó chia nhau.

— Thế thì ăn kẹo vậy.

Tôi vừa nói vừa vội-vã đứng dậy lại mở tủ lấy kẹo. Nhưng anh đưa tay ngăn :

— Thôi, đừng phiền. Tôi không ăn đâu. Buổi sáng chỉ uống miếng nước trà.

A ! Không ngờ cuộc sống của anh thanh-đạm đến thế. Tôi nhìn đôi vai gầy và nói :

— Anh ăn ít nên gầy đi đấy.

— Hồi giờ tôi vẫn ăn ít như vậy. Mỗi bữa chỉ ba sét chén.

Tôi tìm trong dĩ-vãng xem anh nói có thật không. Nhưng lạ thật, sao tôi không còn nhớ một kỷ-niệm nào về việc ăn uống của anh hết. Anh sống ở nhà tôi có đến bốn năm năm thế mà hồi-tưởng lại tôi không thể nào hình-dung ra anh cầm chén cơm hay gắp miếng thịt hay nhai nhồm nhoàm. Tôi có thể thấy như hiện ra trước mắt, anh vấn điếu thuốc và ghé vào chiếc đèn dầu lửa để đốt hoặc anh đứng ở bàn ăn, — ăn đứng chứ không ngồi bao giờ, — một chân chồi ngang vào chân đứng thẳng y như cái Chùa Một Cột, còn thì tuyệt-nhiên không nhớ cái miệng anh nhai ra làm sao. Lẽ cố nhiên là hình-dung ra anh hai tay nâng bó hương nghi-ngút khói đứng khấn vái trước bàn thờ thì càng dễ hơn nhiều.

Sau vài câu chuyện, anh đứng dậy cáo từ. Tôi hỏi đi đâu thì anh bảo xuống ở chung nhà với Hương Kính để mai đi làm. Tôi nài :

— Anh cứ ở đây với tôi rồi ngày ngày đi cũng được. Nhà tôi rộng rãi mà.

Nhưng anh không chịu.

— Để xuống ở chung cả tụi cho dễ. Ngày ngày có xe đưa đi đến công trường.

— Thế anh đã biết là anh sẽ làm công việc gì chưa ?

— Chưa. Đợi đến mai sẽ hay.

Khi anh bước theo tôi ra cửa, anh chợt dừng lại đứng sờ mó vào những quyển sách dày dựng ở kệ sách. Anh nhón lấy hai quyển âu-yếm nhìn vào gáy da rồi lật xem vài tờ. Anh mỉm cười (À ! Lâu lắm tôi mới bắt gặp nụ cười của anh) nhìn tôi nói :

— Bây giờ chú học hành giỏi. Có nhớ ngày cúng khai-tâm chú ăn cái đầu gà không ?

Kỷ-niệm ăn đầu gà vừa gợi lại làm tôi yêu mến anh thêm. Chắc anh đang hành-diện mà nghĩ rằng những quyển sách chữ Tây đó (chữ gì hay ho khó hiểu khiến cho con người ta giỏi được cũng là chữ Tây hết, theo anh quan-niệm) làm món trang-sức cho trí óc của tôi, làm phương tiện cho tôi sinh sống khá đầy đủ cũng nhờ anh mà có. Nếu không có sự chăm sóc chu đáo của anh thì bữa cúng khai-tâm đã không có và tôi sẽ cũng chỉ u-mê tăm-

thường lớn lên đủ để làm được ông Hương, ông Giáp mà thôi. Tóm lại cái tôi hiện-tại chính là tác-phẩm của anh, cái tác-phẩm mà anh cho là đã thành-công quá sức anh mong mỏi và đáng để anh hãnh diện. Tôi êm đềm đặt một tay lên vai anh, nơi cái xương quai xanh gồ ra dưới lần áo mỏng rồi nói :

— Tôi học được là cũng nhờ ba cái lạy và cái đầu gà của anh đó.

Đưa anh ra khỏi cổng, đi với anh một quãng đường rồi tôi gọi xe và trả tiền trước bảo xe dạp xuống xóm Chợ. Tôi dặn anh thỉnh thoảng có thì giờ rảnh thì ghé lại cho biết tình hình công ăn việc làm.

Mươi ngày sau anh mới trở lại. Anh cho biết là anh đã đi làm từ sáng hôm đó và anh chuyên-môn làm phu hồ.

— Sao lại làm phu hồ ? Tôi hỏi. Phu hồ là công việc của đàn bà mà.

— Tôi sức yếu không đỡ đá rải đá được. Phải làm phu hồ vậy.

Mỗi ngày công được bao nhiêu ?

— Ba mươi lăm đồng.

Tôi tự nhiên nhìn xuống đôi bàn tay của anh. Thật là làn lũ phong-trần nhưng tôi cũng ngầm mong một cái bàn tay ấy, lần này, không đến nỗi chịu cầm cuốc bên cạnh những cô phu hồ nhí-nhảnh lẫn lộn xung quanh anh. Chợt anh ấp úng nhỏ lời mượn tôi hai trăm đồng.

— Ngày kia nhằm bữa giỗ ông già tôi mà chưa tới kỳ lãnh « phơi ». Chú cho tôi mượn đỡ hai trăm đồng mai về quê rồi hôm sau vào tôi lãnh sẽ trả lại.

Tôi nhẩm tính tiền lương của anh mỗi ngày, trừ đi tiền ăn tiêu và tôi thấy hai trăm đồng là một số tiền không nhỏ. Tôi hỏi :

— Về tốn kém như vậy mà anh cũng về sao ? Thôi tạm ở trong này chừng nào để dành dư giả hãy về một lượt.

Anh lắc đầu :

— Tốn thì tốn mà không về không được. Chẳng lẽ ngày kỵ ngày giỗ mà lại . . .

Tôi lấy tiền đưa cho anh và anh vội vàng cáo lui :

— Để kịp ra phố mua vài lạng búa Bắc-thảo, da heo, kim châm và ghé chợ mua ít cái bắp su.

Sau đó không biết bao lâu anh mới lại đến nhà tôi. Hỏi anh đã để dành tiền khá chưa thì anh thản-nhiên nói :

— Đi làm chẳng được mấy ngày. Bữa trước về đám giỗ rồi kế tiếp mấy bữa sau khuôn-hội Quảng-đức nhờ ở lại để nấu chay dùm cho chùa nhân ngày Lễ Vu Lan. Nhân dịp lễ, chùa khánh thành cái đại hồng chung mới đúc và có gia-đình, Phật-tử toàn quận cắm trại. Thức ba bốn đêm rồng nên bị bể mình đến bốn năm bữa. Mới vào hôm kia.

Vẻ thản nhiên của anh khiến tôi nghĩ đến thái-độ sống của anh mà tôi đã có lần ao ước. Tôi nhớ có một buổi chiều chủ-nhật kia tôi ghé thăm một người bạn. Ở nơi giếng nước nhà anh, một người đàn bà trẻ gái đang sát vỏ đậu xanh. Trong khi chờ đợi anh thay áo để cùng đi thăm một người bạn khác, tôi bước ra sân nhìn sang dãy nhà trước mặt. Đó là một dãy nhà tôn vách ván kê sát nhau chạy dài dọc

theo một cái đầm nước. Trong một gian nhà kia, một người đàn bà đang tắm hai quả đu đủ. Một đĩa quít và một đĩa chuối đã đặt trên một cái bàn nhỏ kê sát mái hiên. Nhìn một lọ đựng chanh muối ngồi dang nắng trên cái ghế đẩu thấp đặt trước sân, tôi nghĩ rằng nhà này là một cái quán. Nhưng chợt có mùi nhang thơm ở đâu bay đến. Tôi liên tưởng đến cái rá đậu xanh vừa rồi và tôi nghĩ rằng mình đã lầm : Nhà kia không phải là cái quán đâu mà chắc là họ đang sắp đặt một bữa cúng gì đây. Tôi nhớ mấy đêm nay có trăng sáng. Thôi đúng rồi, có lẽ ngày Rằm rồi. Hỏi lại người bạn thì anh ta nói : « Ừ. Hôm nay Rằm tháng Mười ». Tôi chợt buồn nghĩ đến những bữa cúng êm-đềm mà mình cứ thản-nhiên quên. Những ngày cúng Rằm, cúng mồng Một chỉ có chị ở nhà tôi là nhớ kỹ. Chị giữ tiền chợ nên liệu nhớ mà mua sắm món gì đó tùy ý chị. Khi cỗ bàn đã đặt lên, chị giao cho tôi nhiệm-vụ đốt hương và khấn vái. Nhưng sao tôi vẫn nhọc-nhằn hết sức để khi muốn cầu một sự chở che huyền-bí của Thần linh và cũng nhọc nhằn hết sức để mà tin rằng mình hiện đang hâm hưởng sự che chở ấy. Vào những lúc ấy, tôi nhớ đến vẻ mặt rạng-rỡ của anh Năm Nhiều, tin-tưởng say-sưa vào sự phù-hộ của vị thần mà anh đang hướng tâm-trí nghĩ tới. Có một lòng tin như thế thật quí giá biết bao trong một cuộc sống đầy cam go bất trắc, đầy những sự phi-lý như người ta thường nói. Như vậy thì liệu tôi có sung-sướng gì hơn anh đâu, tôi, con người bận rộn khôn cùng, phấn-đấu khôn cùng, lo-lắng khôn cùng giữa vài tiện nghi nhỏ : Cái xe để đi, cái quạt cho ngày Hè, cái máy hát để đỡ cô đơn và bữa cơm trưa có thịt.

Bẵng đi vài tháng tôi không gặp lại Năm Nhiều. Có lẽ nhớ nhà nhớ xóm, nhớ cái bàn thờ, nhớ chùa, nhớ khuôn hội anh đã bỏ về quê rồi cũng nên.

Nhưng một sáng chủ-nhật dạo quanh chợ tôi chợt gặp Hương Kính đi với Trùm Sáu và Thành móm. Thật là dễ nhận ra họ : Quần áo bà ba, đội mũ và mắt ngó lơ láo gặp gì cũng ngó. Tôi lên tiếng trước :

— Ông Hương ! Mấy tháng nay làm ăn ra sao ?

Hương Kính thấy tôi mừng rỡ, giơ một tay ra tỏ ý muốn bắt.

— Làm ăn cũng thường. Có điều đang nắng rát cổ rát mặt quá.

— Còn anh Thành và ông Trùm !

Hai người cùng trả lời một lượt, ý không khác nhau mấy.

— Cũng tàm tạm. Làm được tiền mà để dành chẳng được bao nhiêu.

— Làm bao nhiêu ăn hết bấy nhiêu.

— Còn anh Năm Nhiều ? (Tôi hỏi). Có còn ở làm trong này không ? Sao không đi chơi với mấy ông !

Hương Kính trả lời :

— Anh Năm vẫn còn ở làm trong này, nhưng không còn ở chung với lũ tôi nữa.

— Vậy chứ anh ấy ở đâu ?

Thành Móm toe toét miệng cười :

— Ồ ! Bây giờ anh Năm « ngon » lắm. Ở nhà vợ mà.

— Vợ nào ? Ở đâu ?

Tôi vội vàng hỏi nhưng Hương Kính vẫn một giọng nói ôn tồn chậm rãi :

— Anh Năm có gặp một chị bán đồ vặt ở đầu chợ. Hai người quen nhau rồi bây giờ anh về ở nhà chị ấy.

Thật là chi tiết bất ngờ, quá sức ức đoán của tôi, Năm Nhiều có vợ ? Sao đợi đến chừng này tuổi mới có vợ mà vợ ra thế nào ? Người đàn bà nào mà lại khéo thích ứng với ông thầy tế tự có thành tích khả-kính ấy ? Nếu do miệng Thành mơn nói thì tôi sẽ hồ nghi mà cho là anh ta nói đùa. Đằng này lại do Hương Kính nói. Tôi phải hỏi lại Hương Kính kỹ hơn.

— Người vợ của anh Năm Nhiều ra thế nào ?

— Nghe nói chị ta góa chồng được được bốn đứa con. Chị buôn bán hàng vặt, nước mắm, dầu, bánh, kẹo, thuốc lá ở đầu đường Bến Cá. Anh Năm hay qua lại mua thuốc hút. Rồi hai người cảm-tình với nhau.

— Họ cưới hỏi rồi sao ?

— Cũng chẳng cưới xin gì. Thì... phàm trai không vợ gái không chồng gặp nhau. Anh Năm về ở đó ngó bộ cũng nhàn. Ngày ngày đi làm với lũ tôi, trưa tối về nghỉ...

Thế thì hai năm rõ mười là Năm Nhiều đã có ý-trung nhân rồi. Thành vợ chồng hay không thì đó chỉ là hình thức đi sau. Như vậy cũng đã là một biến cố quá lớn đối với một người thánh thiện như anh. Nhân ngày chủ nhật rảnh tôi muốn đi tìm để nhìn thấy tận mắt cái hoàn cảnh mới của anh. Tôi nhờ Hương Kính chỉ đường. Sau mươi phút đi quanh qua quẹo lại, bỏ con đường này bắt con đường khác, tôi đã đứng trước mặt nhà anh. Đó là một căn nhà gỗ mái tôn hơi thấp. Trước hiên bày một cái kệ ván nhiều ngăn sắp lộn xộn những bánh xà phòng, chai nước cam, gói thuốc lá, hương nến, dây giầu, guốc, thẩu rượu ngâm thuốc... Mỗi thứ một ít như là mẫu hàng để làm quảng-cáo. Nằm dưới đất là vò nước mắm, hũ dầu, là đống than đun bếp, dăm bó củi... Một cái lò than tắt xếp giấu cạnh đó : chắc là buổi tối quán này bán thêm bắp nướng. Ngồi giữ quán là một người đàn-bà đẫm thấp nước da ngăm đen. Đôi má bánh đúc. Hàm răng vẩu và cái miệng rộng khiến tôi liên tưởng đến một cái miệng cá sấu nếu nhìn người ấy cười. Nhưng lòng quí mến tôi đối với anh Năm Nhiều mà tôi coi như người thân trong nhà khiến tôi nhìn người đàn bà với một con mắt không nghiêm khắc. Hình như tôi đã chấp nhận chị là một người quen rồi mặc dù tôi vừa gặp chị lần đầu. Anh Năm Nhiều đã sống với tôi quá nhiều quá khứ nên cái gì anh mến là tôi sẵn lòng mến theo. Người đàn bà thấy tôi đứng dừng trước quán liền đứng dậy đon đả mời :

— Thưa ông cần thuốc lá ? Salem hay Ruby ạ ?

Mặc dù không muốn, tôi cũng phải nhận thấy có một vẻ gì láu lỉnh trong giọng nói và lời đoán trước ý khách hàng quá nhanh nhẩu của chị. Tôi không ưa tính khôn vặt liến thoắng ấy ở nơi người đàn bà. Trong óc tôi đang xây dựng cho anh một người đàn bà hiền-lành biết thưởng-thức những cử chỉ đầy lễ-nghi mực-độ của anh. Tôi nói :

— Tôi muốn hỏi thăm anh Năm Nhiều.

— A, dạ có. Dạ để tôi kêu.

Chị quay miệng vào nhà :

— Anh Năm ơi ! Có khách hỏi anh. Anh Năm !

Rồi chị quay sang tôi :

— Mời Ông vào nhà.

Tôi chần chừ không bước vào vội, đợi nghe một tiếng đằng hắng, một tiếng guốc, một tiếng trả lời chứng-tỏ sự hiện diện thực-tế của anh. Nhưng sao căn nhà im lặng quá. Rồi chợt giữa khung cửa anh hiện ra, toàn vẹn là khuôn mặt và khổ người của anh, lặng lẽ và nhẹ nhàng như một con mèo. Tôi buột miệng.

— Anh Năm.

Anh Năm cười :

— A, chú.

Tôi bước vào, ngồi ở cái bàn nước. Căn phòng hẹp, bị choán bởi những món hàng tạp hóa sặt vách dự trữ : thùng dầu, chai nước mắm, xà phòng, thuốc lá .. Một cái đi-văng gỗ trên đặt một cái gối hơi bẩn với một chỗ thôm ở giữa, dấu vết của cái đầu anh vừa đặt lên đó. Kê giữa nhà là một cái bàn thờ khá bề bộn : bộ lư đèn đồng, bát hương, cỗ bồng chuối, bình hoa huệ trắng. Một tấm bình lồng kính đặt ở giữa có phủ tấm vải đỏ. Một cái khám đóng ở trên cao, cùng với bộ lư đèn nhưng nhỏ hơn. Ở dưới ghế lại có một cái thùng để thờ ông thần tài. Chữ « Tài Thần » viết bằng chữ Nho trên giấy hồng-đơn dán lên mặt trong thùng. Một cái đèn Hoa-Kỳ vặn ngọn nhỏ và một cây hương cháy dở. Sao quang cảnh nơi đây giống cảnh nhà của anh thế ? Sao anh khéo chọn được cái không khí âm-u cố-hữu của anh ở ngay giữa thành-phố náo nhiệt này ? Một đường khói mảnh từ đầu cây hương uốn mình nặng nhọc vươn lên. Mùi hương pha lẫn với mùi thơm của hoa huệ hơi úa tạo cho cái không khí đang bao quanh tôi một vẻ huyền-bí, nhất là căn phòng hơi tối. Tôi hỏi anh :

— Anh về đây được bao lâu ?

— Được hơn tháng nay.

Không biết nên hỏi gì nữa (thật ra thì có nhiều câu hỏi quá nhưng đều không tiện nói ra) tôi đành hỏi đỡ một câu mà tôi đã biết trước câu trả lời.

— Anh vẫn còn đi làm ?

— Vẫn làm ở chỗ sở cũ. Bữa nay chủ-nhật nghỉ.

Vừa lúc ấy có tiếng chị ở ngoài hiên nói vọi vào :

— Mình ngó chừng dùm hàng một tí nghe. Tôi chạy lại bà Ba già một chút.

Anh « Ừ » và tôi mừng rằng không có mặt chị, tôi sẽ được nói chuyện với anh thong thả hơn. Tôi vào đề liền :

— Chị buôn bán có khá không ?

Anh gật đầu :

— Cũng khá. Má con Liễu (Liễu chắc là tên của đứa con đầu lòng của chị) được cái tính chịu khó. Nó buôn đủ thứ, bỏ món này bắt món khác. Cái quán này chỉ là phụ.

— Nghe nói chị được bốn đứa con.

— Phải, bốn đứa. Con Liễu, con Lý, thằng Sự, con Lùn. Chồng nó đi lính, bị chết trận bốn năm nay.

— Làm sao quen nhau rồi hạp ý với nhau ?

— Nó bán quán, mình năng tới lui mua thuốc mua diêm rồi sinh quen. Tính tôi ít oi, mua chỗ nào quen một chỗ để tránh nói thách nói bớt. Có một bữa ghé lại thấy con Lý nó sốt li bì rồi đổ nói xàm. Má nó chạy lăng xăng kiếm thuốc kiếm thầy. Ướng mấy ve Tiêu-ban-lộ vẫn như không. Đã lo cuống lên, mếu khóc. Tôi thấy tội nghiệp, lẻ cho nó mấy huyệt rồi sắn hương đèn đó vái ông Táo cho nó. Sáng ra ghé lại thấy nó mát. Má nó cảm cái ơn...

À! Thế là tôi hiểu rồi. Môi giới bắt đầu là nén hương, là cái bàn thờ, là ông Táo. Đúng vào sở trường của anh. Tôi có thể tự mình chắp nối để hiểu mạch-lạc của câu chuyện. Kể cũng không khó lắm. Một người đàn bà đơn chiếc và một người đàn ông cũng đơn chiếc gặp nhau. Sự giúp đỡ xảy đến quá tự nhiên vì nhằm vào món chuyên môn của người đàn ông. Người đàn bà có cảm tình cũng quá tự nhiên vì như trước kia ta đã biết: Khi Năm Nhiều nghiêm trang khấn vái trước bàn thờ thì về mặt anh có một cái duyên đậm-đà mà trung hậu. Khi yêu vẫn vơ, người đàn bà không từ chối người đàn ông liến láu nhưng để làm chồng thì họ chọn người trung hậu. Đức tính ấy, anh Năm Nhiều có dư.

Tôi đến ly nước anh đưa mời, nhấm nháp vài ngụm rồi hỏi:

Thế anh không định về quê nữa sao?

— Có chứ. Đi đi về về chứ có sao đâu? Hăm bốn tháng này tôi phải về ngoài nhà đây. Hăm bốn là ngày kỵ bà ngoại tôi. Chú có nhắn gì thì nhắn, tôi về ngoài nhà nói lại.

— Cám ơn anh, tôi vừa gởi thư xong.

Như vậy là Năm Nhiều đã gặp được một người đàn bà Quả tình có chậm chạp thật đó nhưng anh có dám đòi hỏi gì hơn. Cái khung cảnh này thích hợp với anh biết bao nhiêu! Đặt anh ở vào nơi đây, giữa những bàn thờ trang nghiêm thật đúng cách hết sức như khi ta đặt con gà mái lên trên ổ trứng của nó.

Sau khi giã từ anh, trên đường về tôi nghĩ đến sự thành-công chót cùng của anh. Như thế cũng đủ đền bù cho bao nhiêu thất bại anh đã nếm phải trong cuộc đời tình-ái của anh chỉ vì tấm lòng quá kính mộ tổ-tiên và thần-linh. Tôi chợt nhớ đến một đoạn phụ trong câu ghi ở sách Tử-vi.. « Mệnh Thân có Tử-Vi cư Mão Dậu gặp Kiếp Không, mười người thì chín người đi tu..» Bằng vào thực-tại hôm nay thì chắc đó là số của anh rồi và may mắn thay anh lại là người thứ mười nên số đã run rủi cho anh, cuối cùng, gặp được má con Liễu.

VÕ-HỒNG

- Những kẻ thối lui nhiều hơn những người thất bại.

Henri Foret

- Trước dĩ vãng, ta hãy ngả mũ chào.
- Trước Tương lai, ta hãy xắn tay áo, tiến!

Wells

mầu áo tháng giêng

Trao Th. B.

Chim gọi bầy, lá reo trong gió
Quyện lời ru từng bước xuân về
Nắng hanh vàng, vàng hoa nội cỏ
Vàng áo ai bát ngát ven đê

Mai em về — Anh chờ phương nao
Tà áo xưa ngun ngút phương nào
Để thương nhớ đôi bờ lai láng
Trên cành chim hay mộng lao xao

Màu tháng giêng nào màu áo em ?
Sao không qua ngõ — anh buồn thêm
Có nghe xuân biếc về trong gió
Phơ phất sau buồn bóng áo em

Tà áo nào bay ngoài chân trời
Có phải em về hay mây trôi
Mai em về hay em xa mãi
Mùa Xuân này thương nhớ đôi nơi

Mùa Xuân nầy áo bay đầy ngõ
Buồn nao nao len cả trong mơ
Em chưa về nên lòng bỏ ngỏ
Biết màu nào màu áo chân thơ...

HOÀNG-QUY



MỘNG-TRUNG

MÓN TIỀN HỘ MẠNG

KHÔNG hiểu món tiền hộ mạng có quan hệ với con người đến thế nào mà thỉnh-thoảng tiếng bà bảy Thảo rầy cô con gái cứ vọng chan-chát vào tai Phương :

— Diện cho dữ nó ! Mua sắm quần nầy áo nọ năm chí tối ! Thằng chồng nào gặp mầy thì nó sẽ cùng mắn không có một đồng tiền hộ mạng !

Rồi trong lúc mọi người đều vui vẻ sửa soạn sắm Tết thì chị Năm Liên lại trách chồng khóc lóc rùm xóm :

— Suốt năm cờ bạc rượu chè rắn-rật rồi Tết nhứt tới một bên, vợ con đau ốm không có một đồng một chữ hộ thân ! »

Hết hộ mạng lại hộ thân ?

Phương hỏi mẹ để biết nó là cái gì thì bà Hậu bảo rằng :

— Đó là tiền bỏ ống, con ạ ! Đàn bà con gái thường làm chuyện đó để rủi có việc bất trắc hay ốm đau nguy cấp, chồng con không phải đào điên củn túng. Trong nhà vén khéo đầy đủ là nhờ sự cần-kiệm của đàn bà cả đấy. Tiền của mầy cậu mầy bác cho, con đã mua gì chưa ?

— Thưa con còn để nguyên trong con heo đất kia.

— Má muốn mua cho chị Hai con một cây kiếng thật nặng thật đẹp để sau nó hộ thân luôn thể mà tiền dành dụm của má không đủ mua. Con không xài cho má mượn rồi chừng ba con lãnh lương má trả lại cho con.

Tết năm đó chị của Phương đeo cây kiếng chạm vàng ròi, còn phần của Phương thì số tiền trong bụng con heo đất lâu nay đã biến thành một con heo sống hẳn hòi.

Mẹ đã trả nợ mà Phương còn được cha cho thêm một số tiền quà Tết, Phương hả hê và đã hiểu phần nào giá trị về món tiền hộ mạng của mẹ trong lúc bình thường. Nó có thể biến thành những món quà đẹp đáng giá và là của hộ thân của chị em nàng nữa. Phương càng tin lời mẹ mà săn sóc con heo mập ú của mình sau những buổi học về, mong được như mẹ tạo cái gì cũng đẹp cũng chắc cho những ngày mai.

Khi gần đến tuổi cập kê, Phương được hiểu thêm qua lời mẹ dạy, tiền hộ mạng không phải chỉ để sắm nữ trang, phòng khi đau ốm mà còn quan hệ không ít trong sự gây hạnh phúc cho gia đình nữa. Tiết kiệm để đem lại yên lành sướng ấm cho những người mình bảo rằng mình thương yêu.

Phương cũng đã tìm ra bằng cớ cụ thể chứng minh lời nói của mẹ : Bà Năm Sây bên cạnh nhà nàng mấy lần lật ruột tượng cho con cháu trong cơn con đau chồng chết. Bà đã già nua, đã hết trách nhiệm mà món tiền hộ mạng của bà trong những ngày tàn cũng đem lại được sự êm ấm trong gia đình con cháu bà.

Khi có gia thất Phương đã nhiều phen cậy vào món tiền hộ mạng mà

làm vui, làm nghĩa, làm cho gia đình nàng thoát qua bao cơn nguy cấp; thế mà chưa có khi nào Phương thấy sự công hiệu phi thường của nó bằng một lần nọ trong thời loạn ly.

*
* *

Một đoàn ghe nối đuôi nhau lướt sóng ở ven sông Cửu Long một buổi chiều chinh chiến trông tang thương quá! Buồm, mui xơ xác, người trong ghe áo quần chằm vá chẳng chịt mà vẫn còn thấy tả tơi. Thần sắc họ đầy lo âu sầu thảm.

Chiều hôm ấy, ngược với bình thường, bóng thái dương tắt sớm. Những tia nắng hồng uất ức ngắt nghẹn dưới đám mây đen từ đâu phũ phàng dồn tới; không khác nào những cuộc đời oai hùng, sôn trẻ giãy giụa hắt hơi thở cuối cùng dưới những lưỡi dao găm tàn bạo, những viên đạn bất ngờ.

Trời mưa lâm râm, trong bóng tối mỗi lúc một đầy thêm trông rõ vào những cái mặt hốc hác đầy vẻ hãi hùng của đám người chèo ghe, người ta hiểu ngay rằng họ đang chạy: Chạy bằng tốc lực của những mái chèo trên dòng nước ngược.

Gió cứ từ phen đập sóng vào mạn thuyền và hất tạt nó vào bờ, nhưng đám người cứ gân tay nỗ lực chèo rút lên. Họ chạy bóng tối, chạy giặc, chạy cướp, chạy trốn những mũi giáo, mũi súng từ trong lùm bụi chĩa ra không biết lúc nào. Họ chạy chết! Họ phải đến một thị trấn nào đó trước khi bóng đêm kịp bao trùm vạn vật.

Phương một mình với một đàn con nheo nhóc trong một chiếc ghe nhỏ khẩm đầy những gạo và trái cây. Nàng đi chạy giặc, vừa tìm chồng vừa buôn bán nuôi con. Phương không biết chèo nên khi nàng ở sau lái thì mũi ghe bị sóng đập lủi vào bờ nàng chạy ra trước lấy sào chống mũi ghe ra thì lái không ai kềm mũi ghe bị hoát lại trôi ra dòng sâu. Cứ như thế, Phương chạy tới chạy lui vừa cầm lái vừa chống mũi mà chiếc ghe vẫn như con ngựa bất kham; rồi từ trên hàng đầu, ghe nàng rớt lần lại sau chót. Phương mệt lả, thất vọng, nhìn đoàn ghe lần lượt vượt qua ghe mình nhưng nàng vẫn không dám ngơi tay; mắt nàng theo dõi bóng đoàn ghe như sắp chết còn cố tìm nhìn ánh mặt trời để tự nhủ mình rằng mình hãy còn sống. Mấy đứa con nàng kêu lên từ chập!

— Chèo không nổi đâu, ghé lại ngủ đi mẹ ơi!

Phương cứ chèo cứ chống và ngó chừng trong bụi mà không dám trả lời cho con. Rồi bỗng như nhớ ra điều gì, Phương chèo rút đến một khoảng đồng trống đâm mũi ghe vào bờ cắm sào lại rồi chạy gấp vào trong mui. Nàng xoa trán ngó lên mui ghe đếm từ lớp lá để biết mình đã dấu tiền ở khoảng nào. Vì sợ mất trọn hết một lần mà nàng đã chia sồ tiền hộ mạng ra manh mún giắt vào nhiều nẹp lá đến đỗi nàng không còn nhớ rõ là đâu nữa. Lục lọi hồi lâu nàng lấy ra ba xấp; Phương cuốn tròn tiền lại, mở cây chổi cùn dùng quét sàn ghe nhét vào giữa cán rồi cột lại.

Mới biết con người thiết-tha cái sống đến thế ! Cuộc đời hữu ích, vô dụng hay là hiện thân của một thứ sâu bọ gì cũng được thiết-tha như nhau. Từ mấy tháng nay, hơn lúc nào hết, trải qua bao nhiêu nỗi chìm chua chát, Phương đã mệt cả thân xác và không còn thiết-tha gì nữa. Nhưng nàng tự thấy không có quyền từ bỏ cái sống, sống cho cái thai và 3 đứa con nhỏ của nàng. Chúng đã có trên đời nàng không được hủy hoại. Sau nầy chúng sẽ thành sắc hương hay bụi bặm, tinh anh hay cặn bã nàng không biết được, nàng chỉ biết chúng là những sinh vật thông minh hơn hết của đất trời. Những búp non xinh tươi tinh khiết đó nàng hết lòng thương yêu và thấy có phận sự phải bảo vệ đến cùng. Nhưng trong thời loạn nầy, kiếp người như cánh bèo con trong bão bể ; con người có khác con vật bao nhiêu ! Rủi ro hay được cầu đến thì sẽ bị hy sinh hủy-hoại một cách dễ-dàng. Phương cảm thấy cả một vòm trời máu lửa như đe dọa lên hai vai yếu ớt của nàng.

Nhìn ra phía trước, đoàn ghe đã hút bóng trong sương, Phương đành phận đốt chiếc đèn lồng treo trước mui ghe, giăng mùng cho con rồi tiếp tục chèo đi.

Đã biết thân nên lúc đi Phương cho ghe ra trước ở đầu đoàn, mà rốt cuộc nàng cũng hì hục một mình ở sau như bao nhiêu lần trước. Nghĩ đến những tai nạn bất ngờ có thể xảy ra, một thân dê giữa vòng sói dữ, chỉ còn có nước phải đương đầu với tất cả sức tàn. Phương không còn sợ hãi nữa, lì gan, nàng cho ghe tiến lấn lên trên dòng nước rùi may.

Một bó đuốc xuất hiện chơi vơi trong lùm cây lóe lên như con mắt lửa của một thứ yêu quái. Nó lè gần ra bờ sông rồi bay lên đáp xuống sát mặt sông chừng như săn muỗi. Phương nhìn sóng nước lô nhô dưới ánh đuốc đỏ au giống như những giòng lệ máu rưng rưng. Nàng chợt nhớ lại cái chết thảm thương của chị Sáu Long và chị Ba Hương do bọn cướp gây ra ở dưới ghe hôm nọ mà rùng mình. Nhưng Phương tự trấn tĩnh : Một bầy trẻ con không oán thù, một người đàn bà có thai, ghe đầy gạo và trái cây chứng tỏ nàng không còn tiền, hàng vải và nữ trang đã ở dưới đáy ghe, cùng lắm thì nàng sẽ chỉ cho chúng một chỗ dầu tiên. Đang suy nghĩ tìm cách đối phó thì một lệnh truyền quát lên nực vẻ hâm dọa :

— Ghé lại !

Phương không trả lời và cho ghé chúi mũi vào bờ.

Trước mắt Phương một đứa trẻ vị thành niên ! Một tướng cướp miệng còn hôi sữa ngược với sự tưởng-tượng của nàng ! Đầu nó chôm-bôm, mớ tóc dài dính kẹo vào nhau bằng một thứ bụi lâu ngày mốc mốc, xụ xuống gần kín cái mặt đầy vẻ hách dịch. Dưới sợi dây bồ đánh săn cột ngang chiếc khố bằng bồ tời của nó loang loáng một con dao dài người ta thường dùng thọc huyết heo. Cây giáo trường nó cầm lâm le trong bàn tay ghẻ lùi-xùi — cũng như mắt nó — lấp-lánh một thứ lửa thèm khát :

— Đ... mẹ đứa nào ở dưới ghe đi lên hết!

Bao nhiêu máu trong người Phương đều chạy dồn lên mặt. Nhưng nàng kịp ngừng lại, kéo vội chiếc khăn đội đầu sụp xuống rồi lấy giọng bình tĩnh lập lại những câu mà nàng đã nghe nhiều nạn nhân thường nói như cái máy trong trường hợp này!

— Dạ... Không có đàn ông, con nít ngủ hết rồi, cậu cần dùng món chi cứ tự tiện ».

Vừa nói Phương vừa bò vô mui mở mùng, nàng sợ nó có quyền giận bất cứ lúc nào rồi ngon tay mà chặt bậy cái mùng cho khỏi vướng vấp thì khổ.

Quả là chỉ có bầy trẻ hốt-hoảng ngồi choàng cả dậy. Nó nhảy xuống ghe và to tiếng :

— Ê, xuống xách mấy buồng chuối lên ta, còn cặp gà với thúng xoài nữa đây.

— Cậu có cần dùng gạo không ?

Nó không thèm trả lời Phương mà chỉ tiếp tục :

— Ê, xúc ít thúng thôi ta, vác nặng lắm, đem bao xuống đây. Rồi day qua Phương nó chửi thề vừa giả cây giáo trường :

— Tiền đâu ? Muốn sống đưa hết đây !

Bao nhiêu khinh-miệt và tức giận lại bừng sôi lên tim lên mặt, nhưng Phương lại bắt gặp những con mắt nhao nháo sợ hãi của con nàng. Phương vội lấy cây chổi cùn quét qua loa vài cái rồi cất vào kẹt lò nấu cơm, nàng vạch lá lấy gói tiền đưa cho nó.

— Xin cậu lại ít đồng đi đường. Có bao nhiêu tiền mua gạo và trái cây hết rồi.

Nó đếm tiền, nhìn cái bụng nàng rồi liệng xuống sàn ghe hai đồng :

— Phước ông bà bây để lại đó.

Phương vừa nhổ sào thì một tướng cướp khác từ trong lùm cây trội ra đi đùng đỉnh xuống bờ sông. Hắn nhổ bãi nước bọt, hít một hơi thuốc dài rồi lên giọng kể cà. :

— Đưa cái mùng lên đây rồi đi đâu đi.

Vừa nói y vừa lo le cây súng sáu trên tay.

* * *

Mất của và bị một đứa trẻ mắng chửi nặng nề, Phương dằn bao nhiêu uất ức nghẹn ngào, đưa tay khỏa lớp gạo lại bằng mặt và lót ván lên cho con ngủ. Nàng hiểu rằng một quốc gia bị loạn ly như một cái hồ bị khuấy, phân cặn bã của nó sẽ nổi lên và lẫn lộn vào làn nước trong. Những kẻ kia hiểu lầm rằng cứ chỉ cướp bóc kẻ cô thế của họ như vậy là « quật khởi » ! Họ đã được có vũ khí trong tay, tức thì hành động. Trước hết, do bản năng, họ hành động do cá nhân của họ ! Tất cả những sai lầm đáng thương đáng giận đó đều do sự dồn nát của tám mươi năm kéo cày nô lệ mà ra. Xã hội không thể thay đổi hẳn trong vài ngày, hay vài tháng, vài năm. Nàng còn phải

chịu nhiều lần sự phó trương vũ khí nữa...

Nàng yên phận sẵn sàng để xử sự một cách êm thấm mỗi khi gặp những con mắt lửa của loài người rực lên trên những cánh đồng trơi. Nàng tính toán chia số tiền hộ mạng nhỏ nhen của mình thật kỹ càng. Cắt nó ra nhiều phần và xử dụng có công hiệu chừng nào tức là mạng mẹ con nàng được kéo dài thêm chừng nấy. Phương nghĩ như vậy và lấy làm thú vị khi nhớ rằng món tiền của nàng trong trường hợp này đã làm phận sự với tất cả ý nghĩa cái tên của nó: Hộ mạng người khác trước, thì mới hộ được mạng của người đã tạo ra nó.

* * *

Chợ Cần-Thơ hôm nay người nhóm lưa thưa ; ít cô bán trầu cau, rau cải và vài hàng gạo, thị, cá tôm. Phần nhiều nhà phố và tiệm buôn đều đóng cửa ; khắp nơi như bị ngột dưới không khí kinh khủng. Người bán cũng như người mua mặt mày dớn dác, nghe ngóng, hình như hễ có động tịnh chút gì thì họ sẵn sàng để chạy.

Phương tất tả đi tìm chị thầu gạo. Thấy nàng chị hơ hải báo nhỏ :

— Nghe nói ngày mai không có chợ. Gạo của tôi liệu mạng sang lại giùm mợ, nhưng tôi không trả tiền lời cho mợ được, vì không chắc mầy có bán được hay phải bỏ chạy. Không biết có trận gì lớn không mà mầy anh dân quân gần nhà mượn tôi làm giùm một thúng xôi và bánh tét khuya nay. Mợ liệu được thì sang gạo cho rồi nước lớn khuya nầy mợ đi vào rạch nhỏ tiện hơn. Sông sâu tàu địch chạy được, ghe toàn đàn bà con nít rủi giặc nó rượt càn khổ lắm.

Sang gạo xong, Phương mua chút ít khoai trái trong vườn chở theo vì nàng sợ để ghe trống giặc cướp nghi nàng còn tiền cũng khổ. Phương xem xét lại mấy chỗ giấu tiền lặt vặt rồi nàng lấy ra một phần tiền lớn vuốt bằng thẳng để trên ống phải của quần hàng trắng mà nàng đã nhuộn bằng trái bã đậu với bùn cho ra màu đen mốc để phòng khi hữu dụng, nàng đắp lên xấp bạc một miếng vải cũ rồi lấy kim may bôn bên gắp giấy bạc vào trong. Nàng vá thêm nhiều miếng vải như thế lên khắp cái quần rồi mặc vào. Mới trông qua người ta chỉ cho đó là cái quần rách mà thôi.

Phương nghĩ buồn cười, càng bị cướp người ta càng nghĩ ra nhiều cách giấu tiền để hộ thân. Rủi tất cả các xấp giấy bạc nàng dấu trong ghe mất đi, thì ít nhất nàng cũng còn trong mình một số. Yên lòng Phương nằm chờ nước lớn để vào rạch cạn.

Đêm nay trăng sấu chinh chiến không buồn soi sáng rực rỡ như ngày nào. Mây đen chậm chạp trôi qua từng cụm to và cứ lũ lượt tiếp nối nhau che khuất ánh mắt của chị Hằng he hé mở càng gieo màu ảm đạm xuống trần gian.

Sông Bassac mênh mông giờ nầy chỉ còn là một vùng sữa đặc. Không có một bóng cây hai bóng của những chiếc ghe hầu xinh xắn của khách tao nhân

đu ngoạn trên trường giang lặng sóng, cũng không còn những ngọn đèn lồng rộn ràng chi chít của đoàn ghe buôn tàu kéo đi dưới trời đêm êm nhẹ, xa trông như một dây chuỗi kim cương nhấp nhánh uốn lượn lê thê trên màn nhung xám mịn. Và hình như ở cuối bờ sương bên kia sông, những tiếng sáo, giọng hò đồng vọng, véo von của khách giang hồ cũng đều chết bặt.

Đêm khuya vắng ngắt, thỉnh thoảng có tiếng súng nổ vài nơi, tiếng chơn người chạy huỳnh huỵch, vài bó đuốc bập bùng xa tít trong xóm, một tiếng chó sủa bị bóp nghẹt. Thật là một cuộc rình rập, trốn bắt, chợt động chợt tịnh, rùng rợn và quái vị.

Cửa đóng, đèn tắt mà trong nhà, ngoài vườn, dưới sông trừ trẻ con ra hình như mọi người ai cũng thức và nghe tim mình đập theo tiếng động thỉnh thoảng đột khởi trong im lặng.

Hơn ba giờ khuya, Phương mệt lả. Tất cả như bị quên lãng và biến nhòa trong trí nàng, chỉ còn tiếng vỗ về nhè nhẹ của những đợt sóng con lập nhập bên mạn thuyền như ru ngủ nàng. Phương vừa chiếp đi thì có tiếng chị lái ghe bên cạnh kêu nho nhỏ :

— Nước lớn rồi bà con ơi, dậy đi...

Phương ngồi choàng dậy, còn chị lái mía thì nói chưa dứt câu bỗng chị la oái lên luống cuống sao đó rồi lộn nhào xuống sông. Mọi người thức dậy ngóng chờ chị lái trồi lên mặt nước, vì lúc chiều, sau khi sang mía cho dựa, ai cũng thấy chị tắm và lội rất sành. Nhưng Phương lấy làm lạ tại sao chị lái mía cứ loi nhoi giãy giụa rất mệt nhọc trong đám rác to trôi bập bềnh bên lái ghe chị; rồi cuối cùng đám rác bị chị giãy đạp rút ra khỏi lái ghe mà trôi lại phía ghe Phương.

Trời ! thật là kinh khủng ! Phải như lúc người ta còn sống hạnh phúc, sung sướng trong thương yêu trên nhung lụa thì trước hiện tượng nầy người ta đã chết xỉu đi rồi. Đằng nầy chị lái lội vọt lại ôm lấy chơn Phương khóc ngất làm cho nàng không thể mê đi được, nhưng nàng hốt hoảng nắm chặt hai tay chị lái giấu mặt vào đầu tóc ướt mem của chị.

Một gặp thây người ! Một cây tắm vông lại ngang hông những con người như lựi cá để nướng ! Có lẽ thây chưa sình nên chưa nổi hẳn lên mặt nước và chưa có mùi hôi. Quân giặc chắc không giết người kiểu đó mà có lẽ đây là một vụ thanh toán lẫn nhau. Cả một sự vô nghĩa vụt qua trong trí Phương ! Những kiếp người ! bao nhiêu thông minh, khả năng, tài hoa hay gì gì nữa đều ngưng tắt nơi gặp thây người đó. Nhưng một sức sống đang níu lấy Phương và lay nàng trở về thực tế. Phương thu nghị lực định kéo chị lái lên ghe nhưng chị cứ trì xuống ở lại dưới nước và khóc thảm thiết :

— Chết tôi rồi cô ơi, làm sao nuôi con ! Tôi gạy máy chèo cho ghe ra mà không dè « đám đó » kẹt trong bánh lái. Tôi vừa nhổ sào thì tay lái bị nó quật bung ngược lại gạt tôi té nhào ngay xuống nước. Tôi đạp tung bán mạng, cái quần lưng thun của tôi chắc

bị mấy sợi dây kẽm cột tay họ móc theo mất rồi.

Chị lái đưa tay xoa mấy đường da bị kẽm xước rách rồi khóc ồ lên : Trời ơi ! Có bao nhiêu đó mà bây giờ phải tay không rồi cô ơi...

Nghe câu ấy Phương như bị điện giựt, nàng để tay lên miếng vải vá trên ống quần của mình. Ngay lúc ấy chị lái cũng nín khóc và nhìn nàng trăn trối. Có lẽ chị đã cảm thấy cái gì cồm cộm trong miếng vải khi chị ôm chơn Phương khóc kể. Mọi người chạy đến thăm hỏi. Phương gỡ tay chị ra chạy đi lấy choàng tắm cho chị mượn mặc về ghe rồi nàng vào mui lấy kéo tháo miếng vải trên quần ; nàng rút bớt giấy bạc ra cuộn chặt lại chập vào tóc rồi bới lên. Xong đâu đấy nàng vá miếng vải lại như cũ. Phương làm việc nầy như một cái máy. Linh tính khiến nàng làm vậy để hộ thân và hẳn nàng cũng thấy lòng thương chị lái kém xa lòng thương con và thương thân. Nàng cay đắng cho cử chỉ của mình. Phải như lúc nào hay trong trường hợp nào khác nàng có thể không vì nghĩ đến hộ thân mà thương người với một lòng thương trọn vẹn và một ý nghĩ tinh khiết hơn không ?

Đoàn ghe lần lượt vượt qua mặt nàng đi trước cả mà ghe chị lái mía cứ cà lơ lẽo đẽo không rời ghe Phương. Trời rựng sáng, ánh thái-dương đến như một bàn tay phúc thần đang vén cho Phương cái màn đen âm u của một đêm đầy kinh khủng. Hy vọng con người đời đời vẫn theo ánh nắng mà vươn lên !

Phương quay lại thấy mặt chị lái sưng húp mà thương hại, nhưng bỗng nhiên Phương nghi ngợi và rờn rợn sợ chị. Chị lái đã biết nàng có cái quần giống quần chị. Con người đến nước cùng thường hay liều lĩnh, nàng e trên lối thoát của chị có thể nàng là vật hy sinh chăng ?

Mặt trời xế bóng nhưng sức nắng vẫn còn gay gắt. Phương không quen chèo mà vì cố gắng quá trên đường xa nên hai tay nàng phồng và mỏi rụng rời. Quá bữa cơm trưa nàng vừa đói vừa mệt. Nhìn bầy con cũng đói nhao nhao trong ghe lòng Phương xót xa nhưng nàng chưa tìm ra chỗ đậu cho được yên lòng. Dài hai bên bờ, dưới mái nhà nào đối với một kẻ lạ cảnh lạ người đơn thân độc mã như nàng hình như cũng đều có chứa đựng một cái gì mờ ám dễ sợ. Chị lái cứ chèo lắc lư theo nàng như đợi thời cơ. Phương biết chắc như vậy ; vì nếu muốn thì chị lái ghe qua mặt nàng một cách dễ-dàng. Chị to, mạnh và chèo ghe sành hơn nàng thập phần. Nàng phải ăn cơm lấy sức để còn đi nốt khoảng đường khá xa tới nơi nàng định đi trước khi trời tối. Trước mặt là chợ, ghé lại đó chưa chắc được yên thân với bọn lính địch gát « bót », mà ở lại một mình với chị lái cũng là một mối lo không nhỏ. Phương thấy mình cần phải thi-hành dự định của mình khi sáng, lúc nàng rút bớt tiền trong miếng vải vá. Quyết định rồi Phương chờ còn

độ trăm thước nữa đến chợ nàng lên tiếng mời chị lái cũng đậu cho vui. Trông thấy thiên hạ qua lại phía chợ Phương đã hết sợ chị lái nhưng nàng muốn cởi phứt cái ách nặng nề trên cổ để được yên thân Phương nói nhỏ với chị lái :

— Chị đã hết vồn và cũng là người đồng cảnh với tôi, vậy số tiền nầy tôi định chia với chị để chị có chút vồn nuôi cháu. Chúng mình ráng sống mấy mấu qua ngày chờ khi chồng về chớ biết sao . . .

Phương còn muốn nói nữa để chị lái đừng thấy mình bội rẻ nhưng bỗng Phương tự thấy mình không trọn thành thật, nàng nín ngang và thảo miếng vải lấy tiền chia hai với chị lái. Chần chờ một giây, chị lái cầm lấy tiền. Tất cả những đường nhăn trên mặt lúc bấy giờ giãng cả ra rồi tức khắc nó co nhíu lại như cũ. Chị ngập ngừng mếu máo :

— Tôi không dè cô tử tế với một người lạ hoắc như tôi... Nói thật với cô, từ lúc tôi biết cô có cái quần giống cái của tôi thì tôi có ý định . . . mượn đỡ cô một số làm vồn nuôi con nên tôi cứ theo cô mà. . .

Có lẽ chị lái cũng khó chịu như Phương lúc nãy nên chị nín ngang, Phương đỡ lời chị :

— Chị cứ yên lòng và đừng nghĩ đến việc trả lại. Mỗi người đi một ngả biết đâu mà tìm. Vả lại cũng không nợ nần chi cả. Tôi đã gặp rất nhiều người giàu lòng từ thiện, mình với họ không quen biết mà người ta cho mình đùm đậu, đãi mình rất tử tế rồi còn tặng mình sản phẩm trong vườn cả đến cá, mắm, khoai, củi. Vẫn biết trong cơn loạn lạc, người ta vì thân mình như thân người, nhưng lòng tôi lúc ấy cũng thắc mắc như chị. Đường đời hiện giờ như dòng nước cuốn sông sâu, mà thân con người như cát bụi. Ngày nào gặp lại nhau là mừng rồi, chị đừng ngại.

Có lẽ chị không mở miệng được để cảm ơn như thói thường mà chỉ tức tưởi với bao ý nghĩ thầm kín trong lòng. Phương cũng nóng mặt vì thấy mình chưa đáng được hưởng dòng nước mắt kia; nguyên nhân cách cư xử của nàng không trọn vẹn do lòng nhân mà chỉ là một cách hộ thân. Tuy vậy lòng Phương nhẹ đi vì nàng cũng đã giải quyết được một việc khó cho người và cho mình.

Cơm nước xong, Phương nhổ sào. Chị lái cũng ra ghe và nói với Phương :

— Cô đi đường bình yên. Tôi ghé chợ coi có món gì mua bán được không. Phương để chị lái chèo đi trước nàng độ vài mươi thước. Vừa đến chợ thì đã có hai người lính Việt và một người lính Pháp đứng dưới đầu cầu vừa ngoắt vừa kêu

— Ghe ghé lại !

Chị lái nhanh nhẩn nói to...

— Dạ... em cũng định ghé kiếm đồ bán bậy kiếm cơm. Dạ giầy « lách xê bách xê » đây cậu.

— Ê còn ghe kia ghé lại !

Sách Báo Mới

Bách-Khoa đã nhận được :

— **Luận-lý-học yếu lược** của ĐỖ LĂNG, tủ sách TINH-LỰC, do tác giả gửi tặng. Sách dày 54 trang, bản đặc biệt không đề giá.

— **Hai mươi nhà văn, Hai mươi truyện ngắn** (1951 - 1962) Tuyển tập truyện ngắn của 20 nhà văn Nam, Trung, Bắc : Bình-Nguyên-Lộc, Cao-Hữu-Huấn, Hoàng-Anh-Tuấn, Kiêm-Minh, Lê-Vĩnh-Hòa, Lưu-Nghi, Mai-Thảo, Mặc-Đỗ, Nguyễn-Văn-Xuân, Nhật-Tiến, Sơn-Nam, Thanh-Nam, Thanh Tâm-Tuyền, Tiêu-Kim-Thủy, Trang-Thế-Hy, Cô Tuyết-Hương, Vĩnh Lộc, Võ-Phiến, Vũ-Hạnh, Vũ-Khắc Khoan. PHÙ-SA xuất bản và gửi tặng. Sách gồm 280 trang, bản đặc biệt không đề giá.

— **Tâm sự người đi Biển** tập thơ 63 của HỮU-PHƯƠNG, do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 60 trang, gồm 30 bài thơ. Bản đặc biệt không đề giá.

— **Giai phẩm Bút-Hoa** (năm thứ IV, tập 9) xuân Quý-Mão 1963, do Ô. TRẦN-XUÂN-CHẤN chủ trương biên tập. Giai phẩm khổ lớn, in đẹp giá 15đ.

— **Ngã rẽ tâm tình** tiểu thuyết của NGỌC-LINH, PHÙ-SA xuất bản, do tác giả gửi tặng. Sách dày 290 trang, giá 50đ.

Phương vừa chĩa mũi ghe vô bờ vừa suy nghĩ, thì quả tin tưởng của nàng không sai. Chị lái lướt liền một hơi :

— Tội nghiệp cổ... chồng chết lại có mang, một bầy con nhỏ phải nuôi mà tiền bạc thì bị... ăn cướp lấy hết rồi. Cổ đi kiếm bà con để đùm đậu. Cậu làm ơn nói giùm với ông Tây cho cổ đi sớm để tối cổ đi không kịp tội nghiệp. Phương không dè nhân quả trả vay mau đến thế. Chú lính rảo mắt từ mũi ra lái nhìn bầy con và cái bụng của nàng rồi khoát tay đi. Phương thở phào quay mũi ghe chèo thẳng.

***

Trải qua bao nhiêu đoạn đường gay khổ, Phương gặp lại chồng. Nhờ nàng giả dạng bán buôn đủ cách mà tiền lời lắm khi cũng đủ cho mẹ con nàng độ nhật và số tiền hộ mạng cũng không sứt mẻ bao nhiêu. Nhưng từ ngày có Qui xuất hiện trong chiếc chòi lá của nàng thì hình như cũng có bao nhiêu cặp mắt dòm ngó vào bao nhiêu lời bàn tán. Trước mắt họ, vợ chồng nàng đã không phải là dân làng mà cũng không phải người làm ăn lam lũ ở đồng bái. Mặc dầu áo quần chấm khíu người ta vẫn thấy được trong phong cách tự nhiên của hai vợ chồng cái gì của người ở thành thị đến hay hậu phương về.

Chiếc ghe nàng mướn đóng để bên mè rạch chưa lợp lá trên mui, chai trét ở mấy kẻ ván chưa khô mà Phương thấy đã đến lúc phải bỏ nơi này mà đi. Ở vùng quê người ta khổ nhiều cho nên kinh nghiệm đã khiến họ rất tinh tế

về việc giấu tiền. Giấu cách nào cho lúc có ánh đuốc lòa trời, tiếng la cướp inh ỏi hoặc khi lính địch càn quét mà họ có thể lấy tiền theo mình được dễ dàng để chạy, đó là cả một suy tính rất cực lòng của dân thôn. Phương cũng đã có thấy những người lúc nghe cướp là chạy nhào vô lúa bươi mướt mồ hôi, trèo lên sà nhà tháo một cái ống tre hay đỡ đít những thạp mắm rất cực khổ mà có khi cũng không lấy được tiền. Chính nàng cũng có lần đứng nhìn ngọn lửa nuốt tiền cái nhà của bà Ba Vọng — người đã cho nàng đùm đậu — mà không có đủ tỉnh táo để nhớ xem mình đã giấu tiền ở nẹp lá nào trên vách nhà bà. Cách bỏ tiền và nữ trang vào hũ chôn xuống đất đã quá cũ đối với giặc cướp và thổ dân ; chỉ có những người thừa của không cần dùng đến thì mới chôn mà thôi. Biết như vậy rồi Phương tự thấy mình không có cách nào giấu tiền qua mắt họ được, và lại họ mà không tin mình nghèo thì không thể yên thân. Cứ vài ngày thì có đôi ba người lạ mặt đứng trước lều của nàng dòm dỏ. Cử chỉ họ khiến nàng có cảm giác sinh mạng gia đình nàng sắp đến hồi nguy khốn. Nhất là cách đó vài hôm việc hai vợ chồng cậu Tám Lương đã bị dân cướp ở làng bên cạnh trói ké khảo tiền càng khiến cho Phương nhất định phải trốn đi.

Vừa hừng sáng, Phương đã dậy, nàng ra đám cỏ ở mé sông ngay nhà anh Năm Lực chỗ nàng đậu ghe nhổ một bụi sả độc chiếc nàng trống lúc mới đến, rồi sẵn dao nàng chỉ xới đất vài cái là nắm được cổ chai rút lên. Phương dùng bụi sả làm dấu chỗ nàng chôn cái chai trong ấy đựng tất cả tiền hộ mạng của nàng. Miệng chai có gắn sáp để ngăn nước và nàng chôn nó cạn bằng mặt đất để lúc cần rút lên được dễ dàng.

Phương đang lom khom lau cái chai thì bỗng có tiếng anh Năm Lực trong nhà vọng ra.

— Cô Hai làm gì đó ?

Phương lật đật cuốn chai vào trong bụi sả túm ngọn nó vừa đi riết lại ghe vừa trả lời :

— Bữa nay tôi định nhắc anh Năm chia lại cho tôi ít con lươn, nên chưa gì tôi đã nhổ sả để xào lươn.

— Bụi sả tốt quá, cô cho tôi vài tép ướp chuột nướng chơi.

Anh Năm Lực chỉ còn cách nghe nàng độ mươi bước, Phương không làm gì kịp khác hơn là nhét cái chai trên mui ghe chưa lợp lá, thấy cái bao bố lên làm như che nắng rồi phơi luôn trên ấy thêm một chiếc chiếu. Phương lụi hụi chia bó sả với anh Năm Lực thì từ phía đường mòn trong một khu vườn đi ra bốn người đàn ông lạ mặt, trong đó có một người quen với anh Năm Lực.

Họ nói những chuyện không đâu, hỏi thăm Qui từ đâu tới và sau hết họ muốn biết một việc mà Phương đã chờ đợi.

— Chừng nào thấy cô đi ?

Phương cố bình tĩnh :

— Dạ độ nửa tháng nữa, bao giờ ghe khô và lợp mui rồi sẽ ...

Bỗng một luồng gió làm tốc chiếc chiếu, chai bạc chùi theo sườn mui ghe rớt xuống đất một tiếng thụi rồi lăn đi long lóc. Mọi người nhìn nhau. Phương nghe mồ hôi rịn ra cả người nhưng cô tự trấn tĩnh, nàng vừa lượm chai vừa cười:

— Gia tài sự sản chúng tôi còn bấy nhiêu đó mấy anh. Bao giờ làm xong cái mui và lót ván sạp ghe rồi chắc là phủi tay ; không biết còn tiền đủ sống để trở về xứ sở hay không nữa». Có lẽ chai bạc đã làm bận trí mọi người nên không ai nói gì nữa. Mấy ông ấy lại từ giã, Phương bèn nhắc anh Năm Lực một lần nữa cốt để cho các ổng nghe :

— Trưa mai thế nào cũng để nhín cho tôi ít con lương anh Năm nhé !

Chiều hôm ấy, Phương không ăn cực khổ như mọi khi, nàng nấu cà ri một con gà trống thiến rồi mời anh Năm Lực nhậu, mặc dầu vợ chồng nàng không biết uống rượu.

Đêm ba mươi, trời đen như mực. Những chòm sao lấm tấm bám chặt rề trên nền trời êm, vươn tất cả những cánh hoa bạc lung linh nhấp nhánh như giúp một phương tiện duy nhất cho những kẻ băng rừng vượt bể trong cơn cấn cấp.

Nước bắt đầu ròng và chảy đến sáng thì lòng rạch sẽ cạn khô. Nghe tiếng ngáy của anh Năm Lực, vợ chồng Phương biết anh ngủ ngon nhờ rượu. Đem hết thần lực chùi chiếc ghe xuống sông rồi Phương cùng Qui về chòi ẵm con xách gói bỏ hết xuống khoang, suốt đêm chồng ghe đi nước ngược ra khỏi rạch tìm đường cũ ra chợ Cần Thơ.

Mặt trời chưa ló dạng Phương tò mò ràng kẽm gióng cái chai bạc vào giữa để rồi cột nó vào bánh lái ghe. Chỉ có cách ngâm nó dưới nước là Phương mới yên lòng. Con đường thủy từ Cần Thơ lên tới Sài-Gòn nhiều nơi nguy hiểm. Người ta ít bị giết chóc hơn trước nhưng bọn lính địch và kẻ cướp có kinh nghiệm rất nhiều về việc lục kiếm tiền bạc. Bất cứ giấu tiền bằng cách nào cũng ít khi tránh khỏi tay họ. Cột chai vào bánh lái xong, Phương chờ sáng qua chợ mua khoai trái mỗi thứ một ít để cho đầy mấy khoang ghe, cốt làm chiếc ghe khẩm để bánh lái ngập xuống nước và có chỗ kín để cho Qui trốn trong khoang giữa.

Dân hồi cư rất đông. Trường hợp thiên hạ ra sao Phương không được rõ nhưng riêng Phương thì khổ vô cùng. Đường xa, con nhỏ, có mang mà Qui thì bị rét rừng nằm trốn trong khoang ghe uống thuốc viên chịu trận chớ không dám đi bác sĩ. Phương lại cần phải có đủ giấy tờ như thông lệ mới có thể đi qua các đồn bót trôi chảy. Thiếu một tí gì nàng cũng ngại bị khám xét, đòi hỏi, như thế sẽ lòi Qui ra và thân người kháng chiến bây giờ như sợi chỉ mành treo chuông.

Đã ba ngày chầu chực mà Phương chưa thấy ông Phán nọ kêu tới mình. Bao nhiêu người đến xin giấy tờ, hoặc là các ông ăn mặc chỉnh tề bắt tay trò chuyện với ông Phán chiều như thân mật lắm, hoặc là dân quê

thì lột khăn xá dài trước mặt ông rồi một bẩm hai thưa, lập cập trả lời những câu hỏi nhát gừng coi vệ của ông. Có lẽ ông ta chỉ ưa hai hạng người trên đây, còn Phương thì ông ta nhìn chòng chọc vào mắt, vào bụng nàng mà không kêu tới. Nàng có hỏi thì ông ta bảo chờ một chút, đến mãn giờ thì ông bảo mai lại. Ngày thứ tư Phương không chờ nữa được vì Qui đau mỗi ngày một nặng và đứa con nhỏ nàng cũng lên cơn sốt. Phương xin ông ta xét trường hợp mình. Hôm ấy mới năm giờ chiều mà đã hết người đến xin giấy tờ. Ông Phán mở đầu bằng một giọng xẵng như khó chịu vì phải nói tới một người đàn bà mà ông có cảm giác là không biết quy lụy.

— Chị đó lại đây coi.

Phương để giấy tờ trên bàn.

— Nhà cửa ở đâu ?

— Thưa ở ghe.

— Ở với ai ?

— Thưa một mình.

— Cha mẹ và chồng đâu ? có mấy con ?

— Cha mẹ ở Sài-gòn, chồng... chết rồi và... mới có mang...

Ông ta đảo mắt từ đầu đến chân Phương rồi cười miệng chi :

— Sao không ở đây buôn bán đi đâu làm chi ?

— Dạ lỡ mua gạo đầy ghe, xin ông giấy phép đi qua Vĩnh-Long bán rồi vài bữa trở lại ; nếu sống được thì không về Sài-gòn.

Sách Báo Mới

— **Khúc bi ca nàng tiên nhỏ**, truyện của MAXIME GORKI, THẾ-PHONG dịch, ĐẠI-NAM VĂN-HIẾN xuất bản. Sách in roneo, dày trên 30 trang, giá 30đ.

— **Chờ sáng** tập đoản tác của NGUYỄN SỸ-TẾ, do SÁNG-TẠO xuất bản, và tác giả gửi tặng. Sách dày 165 trang, giá 45đ.

— **Kỷ niệm văn thi sĩ hiện đại** quyển I của BÀNG-BÁ LAN, do XÂY DỰNG xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách thuộc loại giai phẩm của nhà xuất bản Xây-Dựng, dày 232 trang, nói về 10 nhà văn thơ tiền chiến và hậu chiến, có ảnh các tác giả cùng thủ bút và chữ ký. Bản đẹp, giá 100đ.

— **Khi người chết có mặt** tiểu thuyết của NGUIỄN NGU-Í, do NGÀY-XANH xuất bản. Sách dày 122 trang, giá 35đ.

— **Những dòng nước trong** tập thơ của HOÀNG BẢO VIỆT, do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 82 trang, gồm trên 40 bài thơ, bản đặc biệt không đề giá.

— **A guide to Vietnamese pronunciation** (and A short outline of Vietnamese grammar) của LÊ BÁ-KÔNG, do ZIEN-HỒNG xuất bản và gửi tặng. Đây là phần văn phạm bổ túc của cuốn Tự điển Anh Việt và Việt-Anh của 2 G.S. LÊ-BÁ KÔNG và LÊ-BÁ-KHANH...

Ông ta có vẻ bằng lòng, vừa biên giấy tờ cho Phương vừa hỏi :

— Ghe sổ mấy, chiều nay lối 8 giờ, chúng tôi ra đó chơi. Chừng nào đi Vĩnh-Long ?

— Dạ sáng mai.

— Đây giấy của em đây. Đi Vĩnh-Long về tôi sẽ xin cho em cái giấy dài hạn hơn, đừng lo.

Phương thở phào, cám ơn vội-vàng rồi đi riết về ghe, nhổ sào băng ngang sông Bassac để không bao giờ trở lại.

Mỗi khi đi ngang đồn bót, Phương chạy ra mũi ghe trình giấy tờ, trao tiền nước, tặng quà trái và phải nói lại mãi câu nói mà nàng muốn tránh là « chồng chết rồi » thì nàng lại được đi.

Nàng cố tận dụng tri khôn, vào việc hộ mạng cho cả gia đình nhưng lòng không mấy tin tưởng rằng mình có được toàn vẹn trở về nguyên quán. Không tội-tình gì, lính đồn vẫn có thể mượn mình làm bia để bắn chơi một phát. Qui có thể chết trong khoang ghe không biết lúc nào và cái chai bạc cũng có thể đứt dây rơi giữa lòng sông vạn dặm. Mỗi một mái chèo Phương có cảm giác cái chai bạc mỏi mệt thêm một chút vì sức nước cuốn, vì sức nặng của nó mà cũng vì năm sinh mạng mà chỉ đeo lên có một thân nó. Tất cả hy vọng và sự sống của gia đình nàng bám vào nó bằng một sợi dây kẽm nhỏ quay mòng từng chập giữa giòng trường giang.

Saigon sầu thảm hoảng-hoại trong máu lửa. Dân hồi cư phần nhiều chỉ còn y phục để che thân, không tiền bạc cũng không nhà cửa. Vợ chồng Phương phải đùm đậu với một người bà con. Qui vừa khỏi bệnh, Phương sinh thêm một đứa con trai. Tuy đã hết chồng chèo gian-khổ nhưng chưa tìm ra phương kế sinh nhai và mọi người lại sống trong không khí hãi-hùng, ngoài việc bị « bồ ráp », khai báo, bắt bớ, con người còn là nạn nhân của sự oán thù không đâu, vì một câu nói hay vì hơn thua nhau về cái vỏ bề ngoài. Tất cả những hớ hênh sơ-sót đều có thể gặt lấy một kết quả tai hại ; bị án tù, đánh đập và có khi phải trả bằng tánh mạng nữa. Mỗi khi nghe người nào bị « bao bồ » nhìn mặt thì cả xóm đều khiếp đảm, nhất là Phương, nàng có giác như lưỡi hái tử thần đang treo lủng-lẳng giữa gia đình nàng. Mãi đến một hôm có một ông bạn cũ, đến thăm Qui. Hàn huyên cởi mở, Qui bằng lòng hùn làm ăn với số tiền hộ mạng còn lại.

Chưa bắt tay vào việc thì hai hôm sau có cuộc « bồ ráp » Qui bị dẫn về bót cho « bao bồ nhìn mặt » và khi nhìn xong « bao bồ » lại gật đầu. Họ không đem Qui ra bắn bỏ, mà lại may mắn được biết ngay qua ông bạn rằng phải có một số tiền gần đúng với số tiền hộ mạng của Phương thì có thể cứu Qui khỏi chết.

Mùng một Tết mà các con Phương không đòi mặc đồ mới chúng thấy được ở trong nhà tại Saigon là sung sướng hả hê rồi. Qui ngồi nhìn con ăn cơm với dưa hầu chấm tương, chúng

cười nói huyên thiên. Với chúng, có dưa hầu hẳn là có Tết. Bà Ba Lang bên cạnh bưng cho Phương một tô canh măng để nàng có sữa cho con. Mẹ Phương đột nhang chấp lên trán vái lâm râm. Phương nhìn chồng rồi nhìn con rất lâu không khóc cũng không cười ; nàng đang suy tưởng về lòng nhân, lẽ phải và tiền bạc. Một cuốn phim pha đủ vị đời đang quay cuồn trong trí nàng : những lũ cướp, gặp thầy người, chị lái mía, chiếc quần vá, cái chai bạc, ông Phán tây, cái « bao bố ». Tất cả những thứ ấy là một ác mộng thuộc về quá khứ. Nhưng kết quả màn cuối của cơn ác-mộng ấy là thực tế đang hiển hiện trước mắt nàng ; vợ chồng con cái đoàn tụ đều do ở món tiền hộ mạng. Bình thường nàng dùng nó để đắp vá, xoay sở, vun bồi, tô điểm cho được êm ấm, vui đẹp trong mỗi trường hợp mà ngay bây giờ Phương càng thấy rõ : tạo ra cái gì tức là đồng thời giữ chắc chắn cho mình kết quả của sự tạo tác ấy.

Ba-lê 4-11-1961

MỘNG-TRUNG

ĐẠI NAM VĂN HIẾN XUẤT BẢN CỤC

Bước sang năm thứ BỐN, gửi tới bạn đọc lời chào đầu năm. Trong những năm qua, chúng tôi đã trình bày những tác phẩm thuộc các loại phê bình, nhận định, truyện ký, giới thiệu, dịch thuật và chú trọng nhất đến các tác phẩm nghệ thuật, truyện và thơ của THẾ PHONG. CAO MY NHÂN, LIÊN HOÀN. THIẾT TỐ, ĐƯỜNG BÁ BỒN, CAO ĐAN HỒ, ĐỖ NGỌC TRÂM. Sang năm nay, sẽ giới thiệu những tác phẩm một số nhà văn trẻ tuổi, lớp dưới 25 tuổi và các dịch phẩm qua các tác giả ngoại quốc nổi danh thế giới :

● VIRGIL GHEORGHIU — LA CRAVACHE — CHIẾC ROI NGỰA.

● LOUIS ROUBAUD — VIỆT NAM - BI THẢM ĐÔNG DƯƠNG. Xuất bản từ năm 1931 ở Ba Lê đã nói gì về các hoạt động chính trị ở Việt Nam — hôm nay chúng ta đã ngẩng mặt lên với thế giới là nhờ ở một trong những con mắt tiến bộ, dày nhân ái như Roubaud ● HOBERT GIGNOUX viết về một kịch sĩ nổi tiếng JEAN ANOUILH — do ĐƯỜNG BÁ BỒN dịch — ● MAIAKOVSKI của ELSA TRIOLET do THẾ PHONG dịch, nói về cuộc đời và thiên tài một thi sĩ Nga hiện đại, quan niệm về nhân sinh quan đối sống xã hội và nghệ sĩ thế nào là phải ? ● VƯƠNG ÁI QUANG trình bày với các bạn trường hợp Việt Nam trong CHỦ NGHĨA MÁC XÍT VÀ BI THẢM NHƯỢC TIỂU mà chúng ta chịu trong bao nhiêu năm máu lửa, nước mắt, tang tóc ● CHÚNG NÓ MƯỜI THÁNG... một cuốn truyện mới nhất của THẾ PHONG trình bày ý nghĩa và đời sống của một nhóm trí thức ưu tú 30 tuổi.

Thư từ xin gửi cho THẾ PHONG

201-11, Nguyễn-Huệ — Phú-Nhuận SAIGON

Con ruồi

GEORGE LANGELAAN

NGUYỄN-CHÂU dịch

Tôi vẫn sợ những tiếng chuông điện thoại. Ngay lúc ban ngày, ở sở, bao giờ trả lời điện thoại tôi cũng thấy khó chịu. Nhưng ban đêm, nhất là lúc tôi đương ngủ say mà bỗng nhiên có điện thoại, thì tiếng chuông reo gây cho tôi một sự hoảng sợ man rợ đến nỗi tôi phải cố trấn tĩnh mới có thể phối hợp những động tác của tôi mà bật đèn, trở dậy, và nhấc máy điện thoại lên. Rồi lại cố gắng nữa mới lấy được giọng bình tĩnh mà lên tiếng : « Arthur Browning ở máy điện thoại đây » ; nhưng tôi chỉ trở lại bình thường khi tôi đã biết rõ tiếng ai ở đầu dây và tôi chỉ thực yên tâm lúc biết rõ có việc gì.

Vậy mà, tôi đã rất điềm tĩnh hỏi em dâu tôi là tại sao và bằng cách nào nàng đã hạ sát em tôi, lúc nàng gọi tôi vào hai giờ sáng để cho hay tin đó và nhờ tôi báo giùm với Cảnh sát.

— Tôi không thể cắt nghĩa tất cả các thứ đó cho anh nghe ở điện thoại được, Arthur ạ — Anh báo cho Cảnh sát rõ rồi anh tới đây đi.

— Tôi đến gặp thím trước có lẽ hơn.

— Không, tôi tưởng anh nên báo cho Cảnh sát biết trước đã thì hơn. Nếu không, họ sẽ nghĩ này nghĩ khác và chất vấn anh hàng ngàn câu hỏi... Họ sẽ khó có thể tin rằng tôi đã làm việc ấy độc một mình. Mà cũng phải nói cho họ biết là xác của Bob hiện ở xưởng máy. Có lẽ họ sẽ muốn đến đó trước khi tới kiếm tôi.

— Thím nói rằng Bob ở xưởng máy à ?

TIỂU SỬ TÁC GIẢ

George Longelaan sinh tại Ba-Lê năm 1903, nhưng cha mẹ đều là người Anh. Vì gia đình ông phải di chuyển hàng năm từ Ba-Lê đến Luân Đôn, và từ Luân-Đôn về Ba-Lê nên ông học rất nhiều trường ở cả bên Pháp lẫn bên Anh.

Công việc đầu tiên của ông, sau khi tốt nghiệp ở trường ra, là làm phóng viên cho một tờ báo nhỏ ở Huê Kỳ, sau đó hết làm phóng viên lại chuyển sang chánh trị và dự chiến tranh ở Tây Ban-Nha để viết cho tờ New York Times.

Sau thế-chiến, ông đã từng điều khiển tạp chí Echo, International New Photos sau nữa làm thông tín viên tại Ba-Lê cho tờ Picture Post và hãng United Press. Có thì giờ rảnh, ông viết truyện ngắn, những truyện khoa học dự tưởng, trong đó có truyện Con ruồi (dịch sau đây) đã được giải thưởng văn chương tại Huê - Kỳ và quay thành phim, truyện «Phép lạ» đã được diễn trên vô tuyến truyền hình Bỉ — Hai truyện ngắn trên đây cùng một số truyện khoa học dự tưởng khác được in chung vào một tập lấy tên là «Những truyện ở Phi Thế giới» Les nouvelles de l'Anti - Monde)

— Vâng, ở dưới cái búa máy lớn.

— Thôi nói... ở dưới búa máy lớn hả ?

— Vâng, nhưng anh đừng hỏi nhiều nữa. Lại đây, lại đây, ngay trước khi tôi phát điên lên. Tôi sợ, anh Arthur ạ ; anh hiểu chứ, tôi sợ lắm.

Và chỉ lúc nàng đặt máy xuống rồi, mới đến lượt tôi, tôi thấy sợ hãi. Tôi đã nghe, đã trả lời như thể đó là một công việc thường của bàn giấy và tôi chỉ bắt đầu am hiểu lúc phải thực hành điều tôi đã nghe được. Kinh hoàng, tôi vặt mẩu thuốc lá đã châm lúc nói chuyện với Anne, và quả thực hàm răng tôi va vào nhau lập cập lúc tôi quay số điện thoại gọi cho Cảnh sát cuộc.

Bạn đã bao giờ thử giải thích cho viên cảnh sát ngái ngủ hiểu rằng em dâu bạn vừa cho hay là nàng đã giết em trai bạn bằng những nhát búa máy chưa ?

— Vâng, thưa ông, tôi hiểu rõ rồi. Nhưng ông là ai ? Tên là gì ? Ở đâu vậy ?

Vừa lúc đó, ở đầu dây kia, viên đội cảnh sát Twinker đón lấy máy điện thoại và chỉ huy mọi việc. Hắn, ít ra, mới có vẻ hiểu rõ thực mọi sự. Hắn bảo tôi vui lòng đợi hắn. Phải, hắn sẽ dẫn tôi tới nhà em trai tôi.

Tôi chỉ vừa đủ thì giờ mặc cái quần, cái len và sò tay vào cái áo ngoài cũ, đội cái mũ lưỡi trai lên, thì một cái xe đã ngừng trước cửa. Viên thanh tra vừa mở máy cho xe chạy vừa hỏi :

— Ông có một người gác đêm ở xưởng máy chứ, ông Browning. Hắn không gọi điện-thoại cho ông sao ?

— Có... à không. Mà lạ thực. Quả thật là em tôi có thể đã vào trong xưởng bằng lối phòng thí-nghiệm mà hắn thường làm việc buổi chiều, ở lại rất trễ, đôi khi suốt cả đêm.

— Ông Robert Browning không cùng làm việc với ông sao ?

— Không, em tôi khảo cứu cho Bộ không-quân. Vì hắn cần sự yên tĩnh và một phòng thí nghiệm gần nơi nào có thể tiện sắm sửa đủ mọi thức, lớn, nhỏ, nên em tôi đến ở ngay tòa nhà thứ nhất mà xưa kia ông chúng tôi đã xây cất trên đồi, gần bên xưởng máy. Tôi tặng cho em tôi một trong những xưởng cũ mà chúng tôi không sử dụng nữa và công nhân của tôi, dưới sự chỉ dẫn của em tôi, đã sửa thành phòng thí-nghiệm.

— Vậy ông có biết những công cuộc khảo cứu của ông Robert nhằm mục đích gì không ?

— Em tôi rất ít nói chuyện tới công việc của hắn, vì đó là những việc mật, nhưng Bộ không quân hẳn phải rõ. Tôi chỉ biết rằng hắn đương sắp hoàn thành một cuộc thí nghiệm mà hắn đã đặc biệt chuyên chú từ nhiều năm nay. Tôi thấy dường như là về sự phân tán và hội tụ của vật chất.

Cho xe chạy hơi chậm lại một chút rồi rẽ vô sân xưởng máy, viên đội ngừng cái xe nhỏ bé cạnh một cảnh sát viên có vẻ như đương chờ đợi hắn.

Tôi không cần phải nghe lời xác nhận của viên cảnh sát. Tôi tưởng như tôi biết từ mấy năm nay là em tôi đã chết, nên như một kẻ mới ốm dậy bước đi lần đầu, tôi xuống xe với đôi chân mềm nhũn như bông.

Từ trong bóng tối bước ra, một viên cảnh sát khác đi lại phía chúng tôi và dẫn chúng tôi tới xưởng đèn sáng rực rỡ. Những viên cảnh sát khác đứng chung quanh cái búa máy lớn, ở đó ba người mặc thường phục đương đặt những đèn chiếu nhỏ. Tôi trông thấy cái máy chụp hình quay xuống đất và tôi phải cố gắng mới dám nhìn về chỗ đó.

Thế mà không đến nỗi ghê rợn quá như tôi đã tưởng đâu. Em tôi có vẻ như nằm xấp ngủ, thân mình vắt hơi chéo qua hai đường sắt, mà mọi khi người ta vẫn đẩy các thức đèn để đặt dưới búa máy. Người ta tưởng như đầu và cánh tay phải của em tôi đã cắm sâu vào trong khối thép của búa, chứ không thể nào nát, bẹp ở bên dưới được.

Sau một lúc hội ý với đồng nghiệp của hắn, viên đội Twinker trở lại phía tôi.

— Làm thế nào mà nâng được búa lên, ông Browning ?

— Tôi sẽ vặn máy.

— Ông có muốn chúng tôi đi kiếm một người thợ nào của ông không ?

— Không cần, xong xuôi ngay. Đây này, cái bảng điều khiển đây. Ông đội hãy xem này. Cái búa đã được

điều chỉnh ở công suất 50 tấn và độ rơi ở số không.

— Ở số không ?

— Phải, nghĩa là ở sát mặt đất. Búa máy đã được điều chỉnh để đập từng nhát một, nghĩa là sau mỗi nhát đập xuống, lại phải vặn máy nó mới nhấc lên. Tôi không rõ các ông sẽ nghĩ sao về Anne, chứ tôi chắc chắn là nàng không thể điều chỉnh được búa máy đập như vậy.

— Có lẽ búa được điều chỉnh từ chiều hôm trước.

— Chắc không phải. Thực tế, không bao giờ người ta điều chỉnh độ rơi ở số không cả.

— Ta có thể nhấc búa lên từ từ được không ?

— Không. Người ta không thể điều chỉnh tốc độ nhấc lên được. Tuy nhiên lúc này búa nhấc lên cũng chậm hơn là khi búa được điều chỉnh để đập xuống liên tiếp.

— Được. Ông có thể chỉ cho tôi biết phải làm thế nào không. Cảnh tượng trông thấy cũng chẳng tốt đẹp gì đâu.

— Không, không, ông đội ạ. Búa sẽ nhấc ngay đây.

— Các ông sẵn sàng chưa ? — Viên thanh tra hỏi các người khác — Ông Browning, xin ông tùy tiện cho máy chạy.

Tôi chú mục vào lưng em tôi và đồng thời nhấn hết sức vào cái nút đen lớn để nhấc búa. Sau tiếng rít dài, mà lần nào tôi cũng tưởng đến một gã khổng lồ hít hơi cho phồng ngực trước khi dùng sức, khối thép được nhấc lên nhẹ nhàng. Tuy nhiên tôi nghe tiếng mút của búa nhấc lên và tôi kinh hoàng thấy xác em tôi như động đậy về phía trước đồng thời một suối máu tràn ngập đống thịt nát bét màu nâu mà búa máy vừa để lộ ra.

— Không sợ búa lại rơi xuống chứ, ông Browning ?

— Không sợ gì cả, vừa nói tôi vừa hãm chốt an toàn. Sau đó, khi quay lại, tôi nôn thốc tháo cả bữa ăn tối ra chân một viên cảnh sát trẻ cũng vừa nôn mửa như tôi.

Trong nhiều tuần kể đó, sau hàng tháng, viên Twinker còn hăm hở điều tra về cái chết của em tôi. Về sau, hắn thú thật là hắn có ngờ cho tôi khá lâu, nhưng hắn không thể tìm thấy một chút chứng cớ khởi đầu nhỏ nhặt nào, không có một vết tích gì, một duyên cớ gì khả nghi cả.

Anne dù vẫn hết sức bình tĩnh, nhưng cũng được xem là mất trí và vì vậy vụ đó không bị xét xử gì nữa.

Em dâu tôi tự cáo là đã giết chồng và chứng minh rằng nàng am hiểu rõ ràng cách sử dụng búa máy. Nhưng nàng từ chối không nói tại sao nàng giết chồng và chồng nàng làm thế nào lại tới nằm dưới búa.

Người gác đêm có nghe thấy tiếng búa chạy và hắn còn nghe thấy cả búa chạy hai lần nữa. Công tơ, mỗi lượt búa được sử dụng, lại trở về độ không, quả thực có chỉ rằng búa đã chạy

hai lần. Nhưng em dâu tôi lại xác nhận là chỉ dùng búa có một lượt.

Viên đội Twinker mới đầu tự hỏi rằng nạn nhân có thực là em trai tôi chăng, nhưng các vết sẹo, trong đó có một vết thương chiến trận ở đùi em tôi, cùng những dấu tay ở bàn tay trái làm cho không ai ngờ vực gì được nữa.

Công cuộc giải phẫu sau rốt còn phát giác rằng em tôi không uống một thứ thuốc gì trước khi chết.

Còn về công trình khảo cứu của em tôi, thì các giám-định-viên của Bộ không quân đã tới lục soát các giấy tờ của nó và lấy đi một vài dụng cụ trong phòng thí nghiệm. Họ hội ý nhiều lần với viên đội Twinker và cho viên đội rõ rằng em tôi đã tiêu hủy tất cả các giấy tờ cùng những dụng cụ đặc biệt nhất của nó.

Các giám-định-viên của phòng thí nghiệm sở cảnh sát tuyên bố là lúc chết, đầu Bob bọc kín, và một hôm Twinker mang về một mảnh vải rách mướp mà tôi nhận ra ngay là cái khăn phủ trên một cái bàn trong phòng thí nghiệm của em tôi.

Anne sau đó được chuyển tới viện Broadmoore một nơi lưu giữ tất cả những trọng phạm loạn trí. Con trai nàng, bé Harry, sáu tuổi, được giao cho tôi nuôi giữ và dạy dỗ.

Tôi có thể tới thăm Anne vào các chiều thứ Bảy. Viên đội Twinker theo tôi vào thăm nàng hai ba bận và tôi được biết hắn còn có lần đi một mình tới thăm nàng nữa. Nhưng chẳng ai khai thác em dâu tôi được chút gì và nàng hình như trở thành dửng dưng mọi sự. Họa hoằn nàng mới đáp lại tôi một câu còn nàng gần như chẳng trả lời Twinker câu nào cả. Nàng khâu vá một vài thức, nhưng cách giải trí mà nàng ưa thích hơn cả hình như tìm bắt những con ruồi, rồi xem xét thực kỹ lưỡng sau lại thả ra.

Chỉ có một lần nàng bị cơn khủng hoảng thần kinh chứ không phải cơn điên, đó là ngày nàng trông thấy một cô y-tá giết một con ruồi bằng cái đập ruồi. Bữa đó phải chích moóc-phin để cho nàng trấn tĩnh.

Đã nhiều lần đứa nhỏ được đưa tới gặp nàng. Nàng nói chuyện rất dễ thương với nó, nhưng không tỏ vẻ gì triu mến con cả. Nàng để ý tới nó cũng như người ta để ý tới bất cứ đứa nhỏ nào không quen biết.

Bữa Anne bị cơn bịnh thần kinh về việc con ruồi bị giết, viên đội Twinker có tới kiếm tôi.

— Tôi chắc rằng đó là cái chìa khóa của sự bí mật đây.

— Tôi chẳng thấy liên-quan gì cả. Anne cũng có thể chú tâm đến cả các cái khác nữa. Những con ruồi tóm lại chỉ là cái chú-định trong bệnh điên của nàng thôi.

— Ông tin là nàng điên thực sao ?

— Làm sao ông có thể nghi hoặc điều đó được, ông Twinker ?

— Đây này, các bác sĩ nói gì thì nói, chứ tôi vẫn có cảm tưởng rất

rõ rệt là bà Browning hoàn toàn tỉnh táo, ngay cả khi bà ấy trông thấy một con ruồi.

— Cho rằng giả thuyết đó đúng nữa thì làm sao ông có thể giải thích được thái độ của nàng đối với con nàng.

— Có hai trường hợp : hoặc là nàng tìm cách để bảo vệ con nàng hoặc giả nàng e sợ nó. Cũng có thể là nàng ghét bỏ nó nữa.

— Tôi thực không hiểu.

— Ông có nhận thấy nàng không bao giờ bắt ruồi lúc có đứa nhỏ ở đây không ?

— Quả có thế ; cũng lạ thật. Nhưng tôi thú thực là vẫn chưa hiểu tại sao cả.

— Thì tôi cũng vậy, ông Browning ạ. Và tôi rất sợ rằng chừng nào bà Browning mà chưa khỏi thì bọn mình chẳng hiểu biết gì hết.

— Các thầy thuốc không hy vọng gì chữa cho nàng khỏi cả.

— Tôi cũng biết vậy. Ông có biết em trai ông có bao giờ thí nghiệm gì với ruồi không ?

— Tôi tin là không. Ông có hỏi các chuyên viên ở bộ không quân về chuyện đó không ?

— Có, nhưng họ cười vào mặt tôi.

— Phải, tôi hiểu.

— Ông may mắn lắm đó, ông Browning ạ. Riêng tôi, tôi chưa hiểu gì hết, nhưng tôi vẫn hy vọng là một ngày kia tôi sẽ rõ.

***

— Bác Arthur, Bác cho cháu biết những con ruồi chúng có sống lâu không ?

Chúng tôi đương ăn món bí tết thì thằng bé cháu tôi vừa phá vỡ sự yên lặng như vậy. Tôi nhìn nó qua tờ báo Times mà trước đó tôi đã dựng đứng dựa vào ấm nước. Như phần đông trẻ con ở vào tuổi nó, Harry có thói quen, có thể gọi là có biệt tài đặt những câu hỏi mà người lớn không thể nào trả lời chính xác được. Harry đã từng hỏi tôi hàng mớ câu như vậy, bao giờ cũng đúng lúc tôi không ngờ nhất và đôi khi, chẳng may tôi có thể trả lời được một câu, thì lập tức, lại có câu hỏi khác kế tiếp, rồi câu khác nữa và lại câu khác nữa, cho tới khi tôi phải chịu thua mà nói rằng tôi không biết. Lúc đó, như một tay chơi quần vợt lão luyện vụt trái banh cuối cùng trận đấu, nó bảo rằng : « Thế tại sao bác lại không biết, hở bác ? »

Tuy nhiên đây là lần đầu tiên nó nói với tôi về chuyện ruồi và tôi rùng mình nghĩ rằng nhỡ viên đội Twinker mà có ở đây lúc này. Tôi tưởng thấy hắn sẽ nhìn tôi thế nào, rồi đặt một câu hỏi cho đứa cháu tôi. Tôi còn biết chắc chắn đứa nhỏ sẽ trả lời ra sao và tôi ngượng ngùng mà nhắc lại những lời nó sẽ nhất định thốt ra thế nào ?

— Bác không biết, Harry ạ. Mà tại sao cháu hỏi bác câu ấy ?

— Bởi vì cháu đã thấy lại con ruồi mà mẹ cháu tìm kiếm.

— Mẹ cháu tìm một con ruồi sao ?

— Vâng, con đó đã lớn lên rồi, nhưng cháu còn nhận được nó.

— Mà cháu thấy lại con ruồi đó ở đâu và nó có gì đặc biệt không ?

— Ở trên bàn giấy của bác ấy, bác Arthur ạ. Nó có cái đầu trắng chứ không đen, và có một cái chân kỳ cục.

— Thoạt tiên, cháu trông thấy con ruồi đó bao giờ vậy, Harry ?

— Ngày Ba cháu ra đi. Nó ở trong phòng Ba cháu và cháu bắt được nó nhưng mẹ cháu tới bắt cháu thả ra. Rồi sau đó, mẹ cháu muốn cháu tìm lại nó. Cháu cho là mẹ cháu đã đổi ý và muốn nhìn xem nó thế nào.

— Bác nghĩ rằng nó phải chết từ lâu rồi còn gì.

Tôi vừa nói vừa đứng giậy thong thả ra cửa phòng.

Nhưng vừa khép cửa lại, tôi đã nhảy một bước đến bàn giấy và hoài công tìm kiếm cũng chẳng thấy con ruồi nào cả.

Những câu chuyện của đứa cháu tôi và sự xác tín của viên đội Twinker về mối liên-hệ giữa những con ruồi cái với chết của em tôi làm tôi hoang mang cực độ.

Lần đầu tiên tôi tự hỏi liệu viên đội có biết gì nhiều hơn cái mà hắn đã giả-thiết không. Và, cũng lần đầu tiên, tôi tự hỏi liệu em dâu tôi có điên thực hay không. Một tình cảm dị kỳ, ghê rợn nữa, lớn dần trong tôi, và càng suy nghĩ tôi càng đinh ninh là Anne không mất trí.

Đương lúc thảm cảnh điên loạn không thể giải-thích mà vẫn có thể chấp nhận được, mặc dầu khó hiểu và ghê tởm đến đâu chăng nữa, thì tôi lạnh người với ý nghĩ rằng em dâu tôi trí óc hoàn toàn minh mẫn mà đã có thể giết em trai tôi một cách tàn bạo như vậy được, dù là giết với sự thỏa thuận hay không của nó. Vậy lý do rùng-rợn nào đã gây ra vụ thảm sát đó ? và vụ đó đã tiến hành ra sao ?

Tôi hồi tưởng lại tất cả các câu Anne trả lời viên đội Twinker. Twinker đã hỏi nàng hàng trăm câu. Anne trả lời rất sáng suốt tất cả các câu hỏi liên quan đến cuộc sống của nàng với em tôi, một cuộc sống có vẻ như sung sướng, và không có chuyện gì xảy ra cả.

Là một người sành tâm lý, Twinker lại là kẻ giầu kinh nghiệm, có thói quen cảm thấy, xét đoán được sự dối trá. Hắn cũng thấy chắc chắn như tôi là Anne đã trả lời thẳng-thắn tất cả các câu nào mà nàng chịu trả lời. Nhưng lại có các câu hỏi khác mà nàng chỉ trả lời luôn luôn cùng một cách với cùng một lời :

— Tôi không thể trả lời câu hỏi đó được.

Nàng đã nói bình tĩnh và đơn giản như vậy.

Dầu có nhắc đi nhắc lại cùng một câu hỏi ấy, dường như nàng cũng

không phật ý. Trong bao lần bị thẩm vấn, không lần nào nàng lưu ý viên thanh tra rằng hắn đã hỏi nàng câu đó một lần rồi. Nàng chỉ chịu nhắc lại : « Tôi không thể trả lời câu hỏi đó được ».

Lập đi lập lại câu đó, nàng như dựng một bức tường ghê gớm mà Twinker không thể nào làm sứt mẻ được. Hắn đã tìm mọi cách, nào thay đổi hẳn câu chuyện, nào đặt những câu hỏi không liên quan gì tới thảm kịch đã xảy ra, Anne không hề bực giọc, bao giờ cũng trả lời điềm tĩnh, lễ phép. Nhưng hễ Twinker ngả về vụ án mạng, trở lại câu hỏi đã đặt trước, thì lập tức hắn vấp phải bức tường : « Tôi không thể trả lời câu hỏi đó được ».

Chắc nàng không muốn cho một kẻ nào khác bị ngờ vực thay, nên chính nàng bày tỏ là nàng đã điều khiển búa máy thế nào. Nàng cho chúng tôi biết rằng nàng hiểu thấu đáo cách sử dụng búa, điều chỉnh được búa theo một sức đập và độ cao định trước. Khi viên đội lưu ý nàng rằng các điều đó cũng không chứng tỏ được là chính nàng đã giết chồng thì nàng chỉ dẫn rằng nàng đã tỳ tay trái lên bảng điều khiển trong lúc tay mặt nàng đã nhấn xuống các nút bấm.

Nàng nói thêm :

— Các chuyên viên của ông sẽ thấy lại được dấu tay tôi ở đó.

Và quả là tìm lại được đúng dấu tay của nàng.

Twinker chỉ nhặt ra được một câu nói dối duy nhất trong các câu trả lời của nàng. Anne xác nhận đã sử dụng búa máy một lần mà người gác đêm thì khai là đã nghe tiếng búa hai lần và công-tơ, vặn về số không chiều hôm đó, thì sau án mạng đã chỉ số 2.

Có lúc Twinker đã hy vọng nhờ sự sai lầm nầy mà phá đổ cái hàng rào câm nín của nàng — Nhưng, một hôm, điềm tĩnh nhất đời, Anne đã lập cái sơ hở đó mà khai rằng :

— Phải, tôi đã nói dối thực, nhưng tôi không thể cắt nghĩa với ông là tại sao tôi đã nói dối như vậy.

« Bà chỉ nói dối một câu đó thôi sao ?» Twinker lập tức hỏi sẵn sổ như vậy, nghĩ rằng sẽ làm nàng luống cuống và do đó có thể nắm được ưu thế.

Nhưng, lúc hắn chờ đợi câu trả lời thường lệ, thì Anne nói :

— Phải, đó là câu nói dối duy nhất của tôi.

Và Twinker hiểu rằng Anne đã gắn lại tài tình kẽ hở độc nhất trên bức tường tự vệ của nàng rồi.

Tôi cảm thấy ghê tởm em dâu tôi mỗi lúc một nhiều hơn. Bởi vì nếu nàng không điên thì tức là nàng đã giả điên để tránh một hình phạt mà nàng rất đáng chịu. Twinker đã có lý và những con ruồi phải liên-quan với án-mạng, trừ phi những con ruồi là một cách thế gỡ tội để giả điên giả dại. Nếu trái lại, nàng điên thực, thì Twinker lại vẫn có lý như thường, vì những con ruồi phải là chiếc chìa khóa mà một nhà trị bệnh tinh-thần có thể tìm ra nguyên-ủy tấn thảm kịch.

Tự nhủ rằng Twinker chắc sẽ biết hơn tôi về cách gỡ mớ rối rắm đó, có lúc tôi đã nghĩ tới kể cho hắn nghe tất cả. Nhưng tôi ngưng được vì lại nảy ra ý kiến nhảy sổ tới thằng bé Harry mà chắt vấn nó tới tấp. Một lý lẽ khác lại cầm chân tôi, lý lẽ mà mới đầu tôi chưa nghĩ tới, tôi sợ rằng thằng nhỏ tìm kiếm và đã thấy được con ruồi mà nó kể với tôi lúc trước. Nhưng ý nghĩ này làm tôi bứt rứt vì tôi không thể nào hiểu tại sao tôi lại sợ nó thấy lại được con ruồi.

Tôi nhớ lại các tiểu-thuyết trinh-thám mà tôi đã có nhiều dịp đọc qua trong đời tôi. Ngay trong những hồi bi hiểm rắc rối nhất, các tiểu thuyết trinh thám dầu sao vẫn hợp lý. Ở đây, không có lý nghĩa gì cả, không có gì ăn nhập với nhau cả. Mọi sự đều đơn giản lạ lùng và lại bí mật lạ lùng. Ở đây không có thủ phạm mà tìm kiếm. Anne giết chồng, nàng chẳng những không hề giấu giếm mà lại còn bày tỏ là đã giết như thế nào nữa.

Đành rằng ta không thể hy vọng thấy sự hợp lý trong một thảm kịch điên dại, nhưng cho đó là một thảm kịch điên dại đi nữa, thì làm sao cắt nghĩa được thái độ thụ động dị kỳ của nạn nhân ở đây ?

Em trai tôi là một nhà bác học loại thực tế. Nó không tin ở trực giác, ở thể chất thiên tài. Có những nhà bác học thảo những lý thuyết rồi về sau họ cố gắng chồng đỡ nhờ các nghiệm chứng, họ hoạt động bằng những bước nhảy vọt vào các nơi chưa biết, hễ thấy các cuộc thí nghiệm liên tiếp mà vẫn không cùng cô được lập trường đã chọn, thì họ bỏ liền để nhảy tới lập trường khác.

Trái lại, em trai tôi là một hạng bác học điển hình lúc nào cũng cảnh giác, luôn luôn bám chắc lấy một điểm tựa được nghiệm xét đi nghiệm xét lại. Trong các cuộc nghiên cứu của nó, không bao giờ mới qua một thí nghiệm, một cứng minh mà nó đã tiến bước. Nó cũng chẳng phải loại bác học đăng trí đến nỗi tay cầm ô mà cứ chịu dầm mưa. Ngược lại, em tôi như mọi người thường, mến trẻ em, yêu loài vật và có bỏ công việc để đưa trẻ ở bên cạnh nhà đi xem xiếc thì nó cũng không hề ngần ngại. Nó thích các trò giải trí cần phương pháp và sự chính-xác như chơi bi-a, quần vợt, đánh bài, đánh cờ.

Như vậy thì làm sao giải-thích được cái chết của nó ? Tại sao và bằng cách nào nó lại tới nằm dưới búa máy ? Không thể có vấn đề đánh cá ngu muội hay thách đố sự can trường của nó ở đây. Nó không hề bao giờ đánh cá cái gì, mà cũng chẳng đủ kiên nhẫn để dự cuộc đánh cá với ai ; rốt cuộc nó làm người ta bực mình bởi vì bao giờ nó cũng chỉ dẫn cho mọi người thấy rằng đánh cá chỉ là một việc giải quyết giữa một thằng ngu ngốc với một thằng ăn cắp không sai một ly.

Vậy chỉ còn hai cách giải thích : hoặc là nó hóa điên, hoặc nó có một lý do riêng muốn tự để cho vợ nó giết một cách dị thường.

Sau khi suy nghĩ thật chín, tôi quyết định không cho viên đội Twinker biết cuộc đàm thoại giữa tôi với thằng bé Harry, mà tôi sẽ thử thân tới chất vấn lại Anne xem sao. Hôm ấy là Thứ Bảy, ngày người nhà được tới thăm và em dâu tôi, vì là một bệnh nhân rất bình tĩnh, nên ít lâu nay tôi được phép dẫn nàng đi một vòng quanh cái vườn lớn mà ở đó nàng được cấp một góc nhỏ để muốn trồng trọt gì tùy thích. Nàng đã trồng những cây hoa hồng đánh ở vườn tôi gửi tới.

Bữa đó chắc nàng trông tôi tới thăm nên nàng tới phòng nói chuyện rất lẹ. Trời đã bắt đầu trở lạnh, nàng mặc một cái áo choàng dự liệu cho các cuộc đi dạo quen thuộc của chúng tôi.

Nàng hỏi tôi về tin tức con nàng rồi dẫn tôi tới thăm cái mảnh đất nhỏ nhoi của nàng, bảo tôi ngồi xuống bên nàng trên cái ghế gỗ thô sơ mà một bệnh nhân ưa đóng đồ lặt vặt đã làm trong xưởng mộc của dưỡng trí viện.

Tôi lấy đầu ô vẽ lăng nhăng xuống mặt cát ở lối đi, vừa cố lựa lời để dẫn câu chuyện tới cái chết của em tôi, nhưng rồi chính nàng lại nói trước.

— Arthur, em muốn hỏi anh một việc.

— Cứ nói đi, Anne.

— Anh biết ruồi có sống lâu hay không ?

Tôi nhìn nàng, kinh ngạc, và suýt nữa tôi buột miệng nói rằng vài giờ trước đây, con nàng đã hỏi tôi một câu đúng như vậy. Nhưng tôi thoáng thấy có thể tấn công mạnh vào sự tự-vệ hữu thức cũng như vô thức của nàng. Nàng có vẻ bình tĩnh chờ đợi câu trả lời của tôi và chắc nàng nghĩ rằng tôi đương cố thu thập ký ức hồi còn đi học về sự sống lâu của loài ruồi.

Mắt không rời nàng, tôi trả lời :

— Tôi không rõ lắm, Anne ạ, nhưng con ruồi mà thỉnh thoảng sáng nay đậu ở bàn làm việc của tôi.

Mãnh lực câu nói có kết quả thực sự. Nàng quay phắt lại phía tôi, miệng mở rộng như định kêu lên nhưng chỉ có cặp mắt nàng là có vẻ muốn thét lên vì hoảng sợ.

Tôi cố giữ được vẻ mặt thản nhiên ; tôi cảm thấy sau hết tôi đã nắm ưu thế và tôi có thể giữ vững ưu thế này sau bộ mặt của kẻ hiếu rõ mà không thù hận, không thương xót, không muốn cả xét đoán nữa.

Rồi sau nàng trở lại bình thường và úp mặt vào hai bàn tay.

— Arthur... anh giết nó rồi chứ ? Nàng sẽ lẩm bẩm như vậy.

— Không đâu.

Nàng ngẩng đầu kêu lên :

— Anh giết nó thực rồi ! anh đương giữ nó trong người anh ! anh đưa nó cho tôi !

Tôi thấy rằng chỉ thiếu chút nữa là nàng đã lục soát khắp các túi của tôi.

— Không Anne ạ, tôi không mang nó theo đâu.

— Nhưng anh, anh biết rồi! Anh đã đoán ra rồi!

— Không, thím Anne, tôi chẳng biết gì hết ngoài việc thím không phải điên thực. Nhưng bằng cách này hay cách khác rồi tôi cũng sẽ rõ. Hoặc thím sẽ nói thực cả với tôi và căn cứ vào đó tôi sẽ xem nên làm thế nào hoặc...

— Hoặc sao, anh nói đi!

— Tôi sẽ nói hết đây, thím Anne..! Hoặc tôi đoan chắc với thím là viên đội Twinker sẽ có con ruồi đó trong vòng 24 tiếng đồng hồ.

Em dâu tôi yên lặng một hồi lâu, nhìn đăm đăm vào mu bàn tay nàng dài và trắng muốt duỗi nằm trên gối. Sau cùng nàng cất tiếng, mắt vẫn không nhìn lên:

— Nếu tôi kể hết với anh, liệu anh có đoan chắc là sẽ hủy con ruồi đó trước khi làm bất cứ việc gì khác không?

— Không, thím Anne. Tôi không thể hứa chắc gì với thím trước khi biết rõ hết được.

— Arthur, anh hiểu cho tôi... Tôi đã hứa với Bob là sẽ tiêu hủy con ruồi đó... Tội phải giữ lời hứa ấy. Tôi không thể nói với anh điều gì trước được.

Tôi thấy nghẽn lối rồi: Anne đã trấn tĩnh lại. Phải tìm ngay một lý lẽ mới, một lý lẽ nào đấy nàng được đến ngách cuối cùng để bắt nàng phải hàng phục.

Cực chẳng đã, tôi nói liều:

Anne, thím phải hiểu rằng, lúc nào phòng thí nghiệm cảnh-sát xét nghiệm con ruồi đó, họ sẽ có bằng chứng là thím không điên và lúc ấy...

— Không, Anh Arthur! Vì cháu Harry, không nên, không nên... Anh không thấy tư, tôi chờ đợi con ruồi đó; tôi ngại rằng sau rốt nó sẽ tìm thấy tôi. Chắc nó không tìm được tôi nên nó lại tìm đến anh đó.

Tôi nhìn em dâu tôi chăm chú, tự hỏi rằng nàng lại giả điên chăng, hay sau mọi sự, nàng đã thành điên thực. Tuy nhiên, điên hay tỉnh, tôi có cảm tưởng chắc chắn là nàng đã bị dồn vào thế cùng rồi. Và thấy dường như nàng còn e sợ cho đứa nhỏ, tôi bèn hạ nốt sự kháng cự cuối cùng của nàng mà lên tiếng:

— Hãy kể hết cho tôi nghe đi, Anne. Như vậy tôi mới bảo vệ cho bé Harry chắc chắn hơn được.

— Anh bảo vệ cho con tôi chống lại cái gì? Anh không thấy rằng tôi chịu ở đây chỉ vì muốn tránh cho bé Harry khỏi phải là đứa con của một kẻ tù tội, bị xử giảo, vì đã sát hại cha nó? Anh nên tin rằng, tôi ưng được chết ngay ngàn lần hơn là phải chết mòn mỏi trong cái trại điên này!

— Anne, tôi cũng cần bảo vệ cho con trai em tôi như thím vậy. Tôi hứa với thím rằng nếu thím kể cho tôi nghe hết cả, tôi sẽ làm mọi cách để bảo vệ cho bé Harry. Nếu thím không nói, viên đội Twinker sẽ bắt được con ruồi. Tôi cũng vẫn sẽ có

gắng bảo vệ cho bé Harry, nhưng thím phải hiểu rằng lúc đó tôi đâu còn làm chủ được tình thế nữa.

Nàng nhìn tôi mắt ánh lên căm hận lạ lùng :

— Nhưng tại sao cứ phải cho anh biết ?

— Anne, số phận của con thím hiện ở trong tay thím. Thím quyết định ra sao ?

— Thôi trở về. Tôi sẽ trao cho anh câu chuyện anh Bob đáng thương của tôi đã chết ra sao.

— Thím đã viết ra rồi ư ?

— Vâng, tôi đã soạn sẵn rồi, không phải viết cho anh, mà viết cho viên đội mắc dịch của anh. Tôi đã đề phòng là sớm muộn rồi hắn cũng tìm ra gần sát được sự thực.

— Như vậy tôi sẽ cho hắn đọc được chứ ?

— Anh muốn dùng làm gì thì làm, Arthur ạ.

Anne để tôi đứng đợi một lát, đủ thì giờ nàng trèo lên phòng và trở lại ngay sau đó, tay cầm một bao thư lớn màu vàng, nàng trao cho tôi mà nói rằng :

— Anh cố sao cho khỏi bị quầy rầy để được một mình đọc tất cả cái này.

— Đồng ý, Anne, tôi sẽ đọc ngay lúc về nhà và sáng mai sẽ trở lại gặp thím.

— Vâng, tùy anh.

Rồi nàng rời phòng nói chuyện cũng không buồn đáp lời chào tạm biệt của tôi nữa.

* *

Chỉ khi về đến nhà, tôi mới trông thấy câu đề trên bao thư : *gửi cho người có thẩm quyền. Chắc là ông đội Twinker.*

Sau khi ra lệnh để khỏi ai làm rộn tôi và cho biết là tôi không dùng bữa chiều, chỉ ăn bánh bích-quy và uống trà, tôi vội vào bàn làm việc.

Tôi xem xét kỹ lưỡng cả tường, trần, lẫn màn cửa, và mọi đồ đạc, mà chẳng thấy dấu vết con ruồi đâu. Rồi trong lúc người làm mang trà, bỏ than vào lò sưởi, tôi đóng các cửa sổ và kéo kín màn cửa. Khi người làm trở ra, tôi gài chặt cửa ra vào, và sau khi bỏ điện thoại — từ khi em tôi chết, ban đêm tôi vẫn bỏ điện thoại — tôi tắt các đèn, chỉ để lại một ngọn ở bàn làm việc, tôi ngồi vào bàn và mở cái bao thư lớn màu vàng.

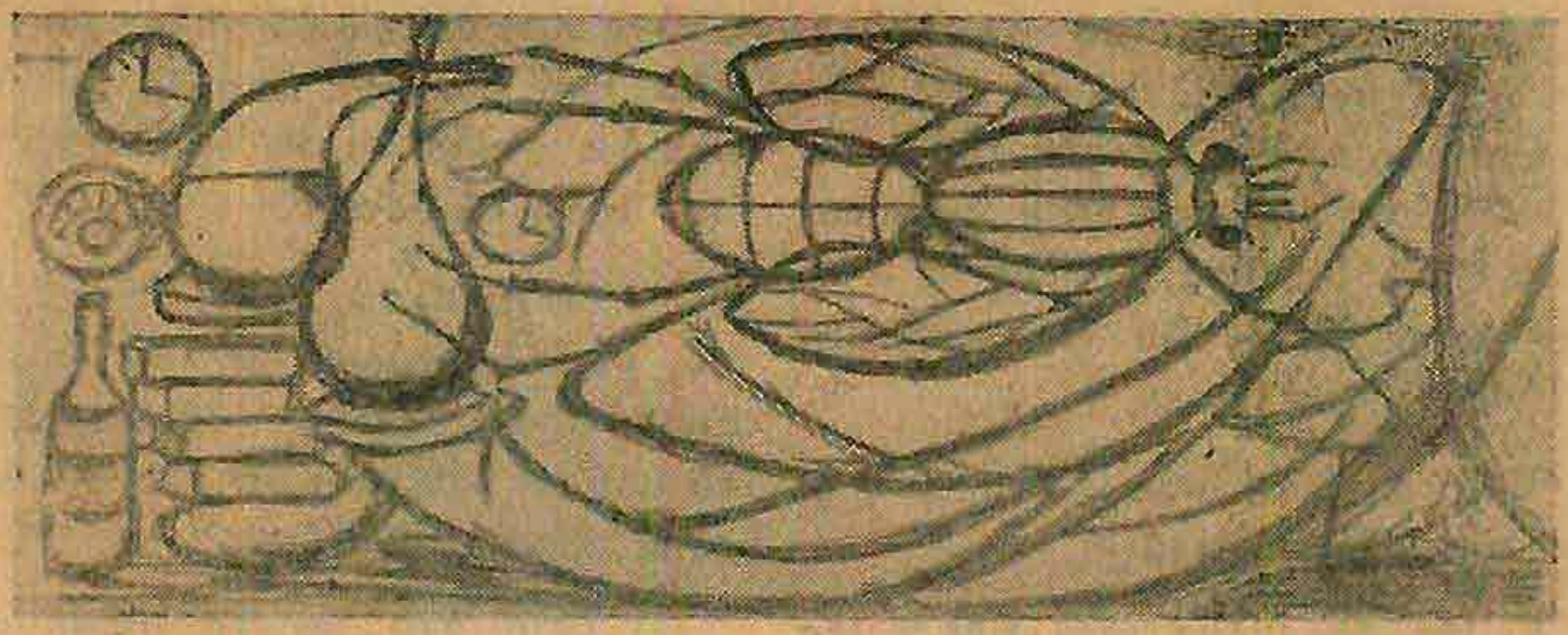
Tôi tự rót cho tôi một tách trà và đọc trang đầu :

«Đây không phải là một bản thú tội, bởi vì dẫu đã giết chồng tôi — điều đó tôi không hề giấu diếm — nhưng tôi vẫn không phải là một kẻ sát nhân.

Tôi chỉ thi hành thực đúng những lời trối trăng của chồng tôi bằng cách dùng búa máy, ở xưởng anh chồng tôi, để đập nát đầu và cánh tay mặt của chàng mà thôi ».

Không kịp nhấp ngụm nước trà nào, tôi lật sang trang bên.

« Từ lâu nay, trước khi biền đi, chồng tôi đã cho tôi hay một vài cuộc thí nghiệm của chàng. Chàng thừa biết rằng trên Bộ sẽ cấm chàng thực hiện những cuộc thí nghiệm quá nguy



hiểm đó nhưng chàng cần thâu lượm được những kết quả cụ thể trước khi cho Bộ biết.

«Mãi tới ngày nay người ta cũng mới chỉ truyền đi trong không gian được tiếng và hình bằng máy phát thanh và máy vô tuyến truyền hình, nhưng Bob xác nhận là chàng đã tìm ra được phương pháp truyền đi được cả vật chất nữa. Vật chất — nghĩa là một vật dẫn — đặt trong một máy truyền đi, sẽ đột nhiên tự phân tán để rồi sẽ hồi tụ tức khắc được trong một máy thâu nhận.

« Bob coi phát minh này như một phát minh quan trọng nhất kể từ khi người ta sáng chế được bánh xe. Chàng ước đoán rằng phương pháp di chuyển vật chất bằng hiện tượng phân tán và hồi tụ tức khắc, có ý nghĩa một cuộc cách mạng chưa từng có trong dòng tiến hóa của loài người. Phương pháp đó sẽ chấm dứt các cách chuyên chở, không phải chỉ về hàng hóa và thực phẩm có thể hư hại được, mà cả về con người nữa. Chồng tôi, một người thực-tế không hề mơ mộng, mà đã mường tượng cả đến lúc không còn máy bay, tàu hỏa, xe cộ nữa, không còn đường đi hay đường sắt nữa. Tất cả các thứ đó sẽ được thay thế bằng các phòng truyền và thâu vật chất trong khắp nơi trên thế-giới. Hành khách hay hàng hóa cần gửi, đặt trong một phòng truyền đi, sẽ được phân tán rồi gần như tức khắc sẽ được hồi tụ tại phòng thâu nhận nào muốn tới.

« Chồng tôi thoạt tiên gặp vài trở ngại. Phòng truyền đi của chàng chỉ cách phòng thâu nhận có một bức tường. Thí nghiệm đầu thành công được thử với cái gạt tàn thuốc lá, một vật kỷ niệm mà chúng tôi mang về nhân chuyến du lịch sang Pháp.

« Lúc đó chàng chưa cho tôi rõ các cuộc thí nghiệm của chàng và mới đầu tôi chẳng hiểu chàng muốn nói gì khi mang lại cho tôi cái gạt tàn thuốc lá một cách đắc chí mà bảo rằng :

— Anne, em trông đây ! Cái gạt tàn thuốc lá này đã hoàn toàn được phân tán trong một phần triệu giây

đồng hồ. Có một lúc nó đã không còn nữa ! Truyền đi, thế là hết hẳn ! Chỉ còn những nguyên tử phiêu du với tốc độ của ánh sáng giữa hai bộ máy ! Và lúc sau, những nguyên tử lại tụ lại để cái tạo thành cái gạt tàn thuốc lá này !

— Bob, em van anh... anh nói gì vậy ? anh cắt nghĩa đi.

« Tới lúc đó chàng mới tiết lộ lần đầu tiên cho ôi biết chi tiết các cuộc nghiên cứu của chàng ; vì tôi không hiểu nên chàng mới vẽ những hình nhỏ, viết những hàng chữ, mà tôi cũng vẫn chả g hiểu gì hết.

— Anne, hãy tha lỗi cho anh, — Chàng vừa nói vừa cười khi thấy tôi mỗi lú càng không hiểu thêm — Em nhớ lại đi, có một hôm anh đã đọc một bài báo về những nắm đá bí mật lọt mạnh vào một vài căn nhà bên Ấn Độ, trong lúc mà cửa sổ và cửa ra vào đều khép kín.

— Vâng, em còn nhớ lắm. Giáo sư Downing, tới chơi trong một dịp nghỉ cuối tuần, có nói rằng không phải là mưu chước gì đâu ; ta có thể cắt nghĩa rằng đá ném ở ngoài đã được phân tán và lại được hối tụ ở trong nhà trước khi rơi xuống.

— Đúng đó, giáo sư lại nói thêm rằng : « Nếu không thì hiện tượng ấy được phát sinh là do bức tường, mà các hòn đá xuyên qua, đã bị phân tán một phần, trong khoảng khắc ».

— Vâng, các cái đó thật là hay, nhưng em chịu không sao hiểu nổi. Chẳng hạn dù có bị phân tán chăng nữa, làm sao các hòn đá lại có thể nghiễm nhiên xuyên qua bức tường hay cánh cửa được.

— Được chứ, Anne, có thể được, bởi vì các nguyên tử cấu thành vật chất không chạm sát vào nhau, nguyên tử này cách nguyên tử kia một khoảng rộng mênh mông.

— Làm sao lại có được những khoảng rộng «mênh mông» như anh nói giữa các nguyên tử làm thành cái cánh cửa ?

— Chúng ta phải hiểu với nhau là khoảng cách giữa các nguyên tử rộng mênh mông một cách *tương đối* thôi. Mênh mông là so với kích thước những nguyên tử. Bởi thế, như em cân nặng bốn mươi lăm ki (1) và cao gần được một thước sáu mươi (2), nếu tất cả các nguyên tử của người em bỗng nhiên sát chặt vào nhau, không một kẽ hở, thì em vẫn nặng bốn mươi lăm ký, nhưng em trở thành một viên nhỏ có thể đặt dễ dàng lên đầu cây kim được.

— Vậy theo như em hiểu thì anh bảo là đã thu nhỏ được cái gạt tàn thuốc lá này bằng đầu cây kim rồi sao ?

— Không phải đâu, Anne. Trước hết, cái gạt tàn thuốc lá này nặng không đầy sáu chục gam (3) nếu đột nhiên

---

(1) Nguyên-tắc là « 100 livres » tương đương với trên 45kg.

(2) Nguyên tắc là « 5 pieds, 3 pouces » tương đương với 1m.60.

(3) Nguyên tắc là « 2 onces » tương đương với trên 56 gam.

các nguyên tử của nó sát lại vào nhau thì nó chỉ còn là một khối, mà dùng kính hiển vi mới nom thấy được. Sau nữa, tất cả các cái đó chỉ là một hình ảnh thôi. Tuy nhiên, một khi phân tán rồi, cái gạt tàn thuốc lá này rất có thể xuyên qua các thể-chất đục và chắc, như em chẳng hạn, không có chút gì khó khăn cả, bởi vì các nguyên tử của nó rời nhau ra tới là có thể đi qua những khoảng cách giữa các nguyên tử người em một cách dễ dàng.

— Vậy anh đã phân tán cái gạt tàn này để làm cho nó hồi tụ lại ở chỗ xa hơn một chút, sau khi cho nó xuyên qua một vật khác ?

— Đúng đó, Anne, xuyên qua cái tường ngăn cách bộ máy truyền đi với bộ máy thâu nhận của anh.

— Và liệu người ra có biết được truyền đi trong không gian những cái gạt tàn thuốc lá như vậy có lợi ích gì chăng ?

« Lúc đó Bob tỏ vẻ khó chịu, nhưng rồi chàng hiểu rằng tôi đùa cợt, nên chàng đã giảng cho tôi nghe một vài khả năng của phát minh này.

— Này anh ! em mong là anh đừng bao giờ truyền em đi như vậy nhé. Em rất sợ phải trở ra ở đầu đâu kia như cái gạt tàn này.

— Em muốn nói gì vậy, Anne ?

— Anh có nhớ dưới cái gạt tàn này có viết những chữ gì không ?

— Có chứ. Có những chữ « Made in France » (làm ở Pháp) chắc còn ở đó cả.

— Vâng, còn cả thực, nhưng Bob anh trông này !

« Chàng mỉm cười cầm lấy cái gạt tàn ở tay tôi, nhưng bỗng vẻ người đi và nụ cười chợt ngưng lại khi chàng trông thấy chỗ mà tôi vừa chỉ chứng tỏ quả thực chàng đã làm một cuộc thí nghiệm dị kỳ với cái gạt tàn thuốc lá.

« Ba chữ vẫn còn nguyên, nhưng đã lộn ngược cả và người ta đọc thấy : « ecnarF ni edaM ».

— Kỳ quái thực.

Chàng lẩm bẩm như vậy và không buồn uống hết chén trà, lao người vào phòng thí nghiệm tới mãi sáng mai mới trở ra, sau suốt một đêm làm việc.

« Mấy hôm sau, Bob lại bị một rủi ro mới nữa làm cho chàng buồn bực đến mấy tuần. Gạn hỏi mãi, chàng đành phải thú với tôi là cuộc thí nghiệm đầu tiên của chàng với một sinh vật đã là một thất bại hoàn toàn.

— Bob, anh đã làm thí nghiệm đó với con mèo Dandelo phải không ?

— Phải — Chàng ngượng ngùng thú nhận — Dandelo đã được phân tán hoàn hảo, nhưng nó không hồi tụ được trong máy thâu nhận.

— Thế rồi sao ?

— Thế là không có Dandelo nữa. Chỉ có những nguyên tử của con mèo Dandelo vẫn mác ngao du trong vũ trụ không biết ở nơi nào.

« Dandelo là một con mèo trắng nhỏ mà chị bếp, một buổi chiều, đã

thấy được ở trong vườn. Một buổi sớm, nó đi mất không biết tìm đâu. Bây giờ thì tôi đã hiểu tại sao nó biệt dạng rồi.

« Sau một loạt thí nghiệm mới nữa và sau những giờ thức trắng đêm một bữa Bob báo tin cho tôi biết là máy của chàng sau rốt đã chạy rất tốt và chàng mời tôi tới xem.

« Tôi sửa soạn một mâm rượu sâm banh với hai cái ly để mừng trọng thể sự thành công của chàng, vì tôi hiểu rằng nếu rủ tôi tới xem phát minh của chàng, tức là chàng đã thực sự hoàn thành phát minh đó rồi.

— Ý kiến hay đây — chàng vừa nói vừa đỡ lấy cái mâm ở tay tôi — Chúng ta sẽ mừng thí nghiệm này bằng rượu sâm banh hối-tụ !

— Em mong là rượu trở ra sẽ vẫn còn tốt như trước khi nó bị phân tán Bob ạ.

— Đừng lo ngại, Anne. Rồi em xem.

« Chàng mở cửa một cái buồng nhỏ, nó chỉ là một phòng điện thoại cũ đã sửa sang lại.

— Đó là bộ máy phân tán truyền đi.

« Chàng vừa cắt nghĩa vừa đặt mâm rượu lên một cái ghế đẩu ở trong buồng.

« Chàng đóng cửa, đưa cho tôi cặp kính dâm và để tôi đứng trước cái cửa kính của gian phòng.

« Mắt cũng đeo kính dâm, chàng nhằn vào mấy cái nút ở phía bên ngoài và tôi nghe thấy tiếng máy điện chạy êm êm.

— Sẵn sàng chưa ? Chàng vừa hỏi vừa tắt đèn ở trong phòng và xoay một bộ phận chuyển điện khác tức thì một ánh sáng xanh tràn ngập cả bộ máy — Bây giờ em trông kỹ này !

« Chàng hạ một cái cần xuống và cả phòng thí nghiệm đều sáng rực một ánh sáng màu da cam không thể chịu nổi.

« Bên trong buồng, tôi đã trông thấy dường như một khối lửa nổ lách tách một lúc. Tôi cảm thấy hơi nóng đột ngột của khối lửa đó ở cả mặt và cổ tôi, rồi lát sau tôi chỉ còn thấy những lỗ đen ngòm viền xanh như khi ta nhìn một lúc vào mặt trời vậy.

— Em có thể bỏ kính ra, xong rồi đó, Anne.

« Bằng một cử chỉ hơi kiểu cách, chồng tôi mở cửa phòng và dầu biết trước, tôi cũng vẫn kinh ngạc khi thấy ghế đẩu, mâm, ly và chai sâm-banh đã biến mất.

« Bob trịnh trọng đưa tôi sang căn bên cũng có một cái buồng nhỏ với các thức giống hệt như buồng nhỏ bên này và mở cửa, chàng đắc thắng mang ra cái mâm và cùng chai sâm-banh rồi mở nút ngay tức khắc. Nút chai nhảy lên tưng bừng và rượu nổi bọt lấp lánh trong ly.

— Anh chắc chắn là rượu uống không nguy hiểm gì chứ ?

— Chắc chắn, — vừa nói chàng vừa trao cho tôi một ly — và bây giờ chúng

ta lại thử một thí nghiệm khác nữa — Em có muốn xem không ?

« Chúng tôi trở lại phòng của máy phân tán.

— Anh Bob ơi ! Anh có nhớ con mèo Dandelo đáng thương không !

— Đây chỉ là con chuột bạch thôi, Anne. Nhưng tôi tin rằng nó sẽ sang được bên kia không trở ngại gì cả.

« Chàng đặt con vật nhỏ ở ngay mặt sàn thép của gian phòng, rồi bảo tôi lại đeo kính dâm vào. Tôi nghe tiếng máy chạy vo vo và tôi lại thấy ánh sáng chói chan, nhưng lần này không chờ đợi gì nữa, tôi chạy vụt sang căn bên. Do cửa kính của phòng thâu nhận, tôi trông thấy con chuột bạch đương chạy từ phải sang trái.

— Bob, anh yêu ! Xong rồi ! Thành công rồi !

— Hãy kiên nhẫn chút nữa, em. Trong ít lâu nữa chúng ta mới quyết định được.

— Nhưng con chuột khỏe mạnh lắm và vẫn sống như trước mà.

— Phải rồi, nhưng phải xét tất cả các bộ phận trong người nó xem có còn nguyên vẹn không và muốn biết vậy phải chờ một thời gian nữa. Nếu trong một tháng nó vẫn còn khỏe mạnh như thường thì ta sẽ thử làm các cuộc thí nghiệm khác nữa.

« Tháng đó đối với tôi lâu như cả một thế kỷ. Ngày nào tôi cũng tới thăm con chuột bạch, nó vẫn khỏe mạnh phây phây.

« Cuối tháng, Bob đặt con chó Pickles của chúng tôi vào trong phòng nghiệm. Chàng không cho tôi hay trước, bởi vì nếu biết, tôi sẽ không bao giờ cho chàng thí nghiệm như vậy với Pickles, nhưng con chó này lại xem chừng thích thú thí nghiệm đó. Một buổi chiều, nó được phân tán và hồi-tụ tới mười lần và vừa ở phòng thâu nhận ra nó lại vừa sủa vừa nhảo sang phòng truyền đi để được thí-nghiệm nữa.

«Tôi đợi Bob triệu tập mấy nhà bác học và chuyên viên của Bộ, như chàng vẫn thường làm mỗi khi hoàn thành một công việc để thông báo kết quả cho họ rõ và làm vài chứng minh thực tiễn. Sau vài hôm, tôi lại nhắc Bob việc đó.

— Không, Anne ạ. Phát minh này quan trọng quá nên không thể báo tin đó một cách đơn giản được. Có một vài giai đoạn điều - hợp mà chính anh cũng chưa hiểu rõ. Anh còn phải làm việc và còn phải thí nghiệm nhiều nữa.

« Đôi khi chàng cũng nói chuyện với tôi về một vài thí nghiệm khác nữa nhưng không phải lần nào chàng cũng kể. Tôi không bao giờ nghĩ rằng chàng lại có thể dùng chính bản thân mình để làm cuộc thí nghiệm đầu tiên với con người và chỉ sau khi tai - biến xảy ra, tôi mới biết là chàng đã lập một cái bảng điều khiển thứ hai ở ngay trong phòng truyền đi.

« Buổi sáng mà Bob đang làm cuộc thí-nghiệm ghê gớm đó, chàng không

tới ăn bữa trưa. Tôi đã trông thấy mảnh giấy có ghi nguệch ngoạc trên cửa phòng thí nghiệm của chàng :

« Tuyệt đối đừng ai làm rộn tôi — Tôi đương làm việc ».

« Đôi khi chàng vẫn làm vậy nên tôi cũng không lưu ý đến nét to lớn của hàng chữ ghim ở cửa phòng.

« Về sau, vào lúc ăn trưa, bé Harry mới chạy tới báo tôi rằng bé bắt được một con ruồi đầu trắng ; Chẳng buồn xem con ruồi đó thế nào nữa, tôi bắt con tôi phải thả nó ra ngay. Tôi cũng giống như B. b. sĩ làm đau loài vật một chút xíu tôi cũng không chịu được. Tôi biết là Harry đã bắt con ruồi đó chỉ vì thấy nó kỳ cục, nhưng tôi hiểu rằng dù thế nữa, bỏ nó cũng sẽ không bằng lòng.

« Tới giờ dùng trà, Bob vẫn chưa ra khỏi phòng thí nghiệm và hàng chữ vẫn còn ở cửa. Vào giờ ăn chiều vẫn không có gì thay đổi và hơi băn khoăn tôi gõ cửa gọi Bob...

« Tôi nghe tiếng chàng cử động trong phòng và một lát sau, chàng nhét mẩu giấy dưới cánh cửa. Tôi mở ra và đọc:

« Anne, anh đương có những điều buồn phiền. Em hãy cho con đi ngủ và một giờ sau trở lại đây. B ».

« Tôi tha hồ gõ cửa và gọi chàng, Bob vẫn không trả lời. Lát sau tôi nghe tiếng chàng đánh máy chữ và hơi yên tâm về tiếng động quen thuộc đó, tôi trở lại nhà.

« Sau khi cho bé Harry vào giường, tôi trở lại phòng thí nghiệm, tôi đã thấy một mảnh giấy nữa nhét xuống dưới cửa. Lần này tôi kinh hoàng đọc :

Anne,

Anh tin cậy ở sự quả cảm của em để em đừng phát điên lên bởi vì chỉ mình em là giúp được anh thôi. Anh bị một tai nạn nghiêm trọng. Lúc này mạng sống của anh chưa nguy ngập, nhưng đau sao cũng là một vấn đề sinh tử. Anh không thể nói được nữa : vậy đừng gọi anh hay hỏi han anh qua cánh cửa làm gì vô ích. Em sẽ phải làm thật đúng tất cả những việc gì anh cậy em. Sau khi gõ ba tiếng để cho anh biết là em đồng ý, thì em đi kiếm một bát sữa và đổ vào đó một ly đầy rượu rhum. Anh chẳng ăn uống gì từ chiều qua vì anh đương cần những thức đó lắm. Anh tin cậy ở em. B.

« Trông ngực đập rốn rập, tôi gõ ba tiếng đồng ý và chạy lao người về nhà để lấy cho chàng các thức chàng đòi hỏi.

« Khi trở lại phòng thí nghiệm, tôi lại thấy mảnh giấy nữa nhét dưới cánh cửa.

Anne, em hãy theo thực đúng những điều anh chỉ dẫn :

Khi em gõ cửa, anh sẽ mở. Em mang bát sữa đặt lên bàn anh mà đừng hỏi han gì hết, sau đó em sang ngay căn bên có phòng thâu nhận. Em hãy nhìn khắp mọi nơi. Làm sao em phải tìm cho ra một con ruồi mà anh chắc nó ở đâu đó nhưng anh kiếm mãi không thấy. Anh đương ở một thế bất lợi khổ cực và anh trông không rõ những vật nhỏ bé. Nhưng trước hết, em phải thề với anh là em làm theo tất cả các việc anh bảo và

nhất là đừng tìm cách gặp mặt anh... Anh không thể bàn luận gì được cả. Ba tiếng em gõ vào cánh cửa sẽ cho anh biết là em hứa nhắm mắt vâng lời anh. Mạng sống của anh sẽ tùy thuộc sự giúp đỡ mà em dành cho anh.

«Nén hồi hộp và trống ngực, tôi gõ vào cửa ba tiếng cách nhau.

«Tôi nghe tiếng Bob lúc đó đi ra cửa, rồi tay chàng tìm kiếm và kéo then cửa.

«Tôi bước vào, tay cầm bát, cảm thấy chàng đứng ở sau cánh cửa mở. Cố nén ý muốn quay nhìn lại, tôi nói:

— Anh yêu, hãy tin cậy ở em.

« Sau khi đặt bát lên bàn, dưới ánh sáng ngọn đèn duy nhất của căn phòng, tôi tiến sang phía bên kia phòng thí nghiệm đèn sáng rực rỡ. Mọi thức đều hỗn độn cả: các hồ sơ, các bình vỡ rải rác cả mặt đất giữa những ghế đẩu, ghế tựa đổ lổng chổng. Một mùi hăng hắc từ một chậu men lớn bốc ra, trong đó giấy tờ đã bị tiêu hủy.

« Dù không nghĩ tới, tôi cũng biết là sẽ không tìm thấy con ruồi: linh tính cũng cho tôi rõ là con ruồi mà chồng tôi kiếm chỉ có thể là con ruồi mà Harry đã bắt được và tôi đã buộc nó thả ra.

«Ở căn bên, tôi nghe tiếng Bob tiến lại gần bàn giấy và lát sau, một tiếng kỳ dị như tiếng mút vật gì, dường như chàng uống một cách khó khăn.

— Bob ơi, không thấy có ruồi. Anh có thể chỉ dẫn thêm cho em không? Nếu anh không nói được thì anh gõ lên bàn, anh đã biết rồi đấy:

một tiếng là ưng thuận, hai tiếng là không.

« Tôi đã cố giữ cho tiếng tôi có giọng bình thường và tôi phải ráng sức ghê gớm để khỏi khóc nấc lên khi thấy chàng gõ hai tiếng khô gọn lên bàn.

— Em có thể sang căn đương có anh được không? Em không hiểu chuyện gì đã sảy ra, nhưng dẫu sao, em cũng sẽ can đảm.

«Một lúc yên lặng rồi chàng gõ một tiếng lên mặt bàn.

« Bên cánh cửa ngăn hai căn phòng, tôi đứng sững người vì kinh ngạc. Bob đã phủ kín đầu bằng cái khăn nhung viền vàng vẫn phủ lên mặt bàn mà chàng thường ngồi ăn riêng mỗi khi chàng không muốn bỏ công việc.

— Anh Bob, ngày mai, ban ngày chúng ta sẽ kiếm nữa. Anh không thể đi nằm nghỉ ư? Nếu anh muốn, em sẽ dẫn anh tới phòng dành cho khách và em sẽ thu xếp để không ai nhìn thấy anh.

«Bàn tay trái của chàng thò ra dưới cái khăn bàn phủ tới bụng chàng và gõ lên bàn giấy hai tiếng.

— Anh có cần một y sĩ không?

«Chàng gõ lên bàn bảo: không.

— Anh có muốn em gọi dây nói cho giáo sư Moore không? Giáo sư có lẽ giúp anh được nhiều hơn em?

«Chàng gõ nhanh hai tiếng để bảo: không. Tôi không còn biết nói gì, làm gì nữa. Một ý kiến quay cuồng mãi trong đầu tôi và tôi nói:

— Harry sáng nay có tìm thấy một con ruồi mà em lại bảo nó thả ra. Không rõ có phải là con ruồi anh tìm kiếm không ? Harry kể với em là nó có cái đầu trắng.

« Tôi nghe tiếng Bob thở dài khàn khàn một cách dị kỳ như là tiếng kim loại vậy. Và đúng lúc đó tôi phải cắn thật mạnh vào bàn tay để khỏi kêu lên. Chàng đã buông thõng tay phải xuôi theo người và ở vào chỗ bàn tay và cổ tay chàng mọi khi, nay thò ra khỏi tay áo một thứ như cái gậy xám với những móc nhỏ.

— Bob, anh yêu, hãy cắt nghĩa cho em nghe mọi sự đã xảy ra thế nào đi. Nếu em biết rõ việc gì. Có lẽ em sẽ có thể giúp đỡ anh được nhiều hơn. Bob ơi, thật là ghê sợ !

« Tôi vừa nói vừa cố giữ cho khỏi bật lên tiếng khóc.

« Bàn tay trái của chàng thò ra dưới khăn phủ, chỉ cho tôi ra phía cửa, sau khi gõ một tiếng lên bàn.

« Tôi đi ra và phục xuống ngoài hành lang khi chồng tôi cài then cửa lại. Tôi nghe tiếng chàng đi đi lại lại, rồi lại đánh máy chữ. Sau cùng, một tờ giấy được đẩy ra dưới khe cửa và tôi đọc thấy :

Anne, sáng mai trở lại đây. Anh sẽ đánh máy cắt nghĩa cho em nghe. Em hãy uống một viên thuốc ngủ rồi ngủ đi. Anh sẽ cần đến tất cả sức lực của em, em yêu. B.

— Bob, ban đêm anh không cần dùng gì cả sao.

« Tôi gào lên qua cánh cửa, sau khi nén khóc.

« Chàng gõ nhanh hai tiếng và một lát sau đó, tôi nghe tiếng đánh máy của chàng.

⁂

« Ánh nắng chiếu vào mắt làm tôi tỉnh dậy. Tôi đã để đồng hồ đánh thức vào năm giờ sáng, nhưng vì uống thuốc ngủ nên tôi không nghe thấy tiếng chuông reo. Lúc đó bảy giờ rồi và tôi cuống cuồng trở dậy. Tôi đã ngủ như thiệp đi ở đây một lỗ hổng đen ngòm, dưới một khối nặng, không mộng mị gì cả. Bây giờ lại phải ngụp lặn trong ác mộng sống, tôi oà lên khóc khi nghĩ tới cánh tay của Bob.

« Tôi chạy xuống bếp, và trước mặt những người làm sợ hãi, tôi sửa soạn vội vã một mâm nước trà với những khúc bánh phết bơ, nướng lại, rồi tôi chạy mang tới phòng thí nghiệm.

« Vài giây sau Bob mở cửa cho tôi và khép cửa lại. Tôi run sợ trông thấy chàng vẫn phủ cái khăn bàn lên đầu. Nhìn cái sập trông, bộ quần áo sám nhàu nát của chàng, tôi biết là ít ra chàng cũng đã thử nghỉ ngơi một lát rồi.

« Một tờ giấy đánh máy để cho tôi ở trên bàn mà tôi đặt mâm. Chàng đi ra cửa căn bên và tôi hiểu là chàng muốn ở đó một mình. Bởi vậy tôi mang lá thư của chàng sang căn phòng khác và trong lúc đọc thư tôi nghe tiếng chồng tôi dùng trà.

Em còn nhớ cái gạt tàn thuốc lá không? Anh đã bị một tai nạn gần tương tự như vậy, nhưng than ôi, trầm trọng hơn nhiều.

Anh đã tự mình phân tán và hội tụ được mỹ mãn trong thí nghiệm đầu. Tới lúc đương làm thí nghiệm thứ nhì, anh mới thấy có một con ruồi bay vào phòng truyền đi.

Hy vọng duy nhất của anh giờ đây là tìm thấy con ruồi đó để cùng truyền lại với nó. Em hãy tìm kỹ khắp nơi đi, vì nếu em không thấy nó được thì tự anh anh phải kiếm cách biến đi không thể để lại dấu vết được.

«Tôi muốn chàng cắt nghĩa tỷ mỷ hơn, nhưng chắc là Bob vì một lẽ gì đó, đã không thể cho tôi biết hết được. Hẳn chàng đã bị biến đổi mặt mày rồi và tôi rùng mình tưởng tượng đến bộ mặt lộn ngược của chàng giống như hàng chữ ngược trên cái gạt tàn thuốc lá. Tôi tưởng tượng mặt chàng sẽ có cặp mắt ở vào chỗ cái miệng hay ở nơi hai tai mọi khi.

«Nhưng phải bình tĩnh để cứu chàng. Việc trước nhất mà chàng yêu cầu làm là phải tìm lại con ruồi đó với bất cứ giá nào.

— Bob, em vào được không?

«Chàng mở cánh cửa giữa hai căn của phòng thí nghiệm.

— Bob, anh đừng thất vọng. Em sẽ tìm thấy con ruồi đó. Nó không còn ở trong phòng thí nghiệm nữa, nhưng nó cũng chưa đi xa. Em đoán là mặt anh đã bị thay đổi, nhưng anh không phải nghĩ đến vấn đề biến đi. Em không bao giờ chấp nhận chuyện đó được. Nếu cần, mà anh chẳng muốn cho ai nhìn thấy thì em sẽ làm cho anh một cái mặt nạ, một cái mũ chùm đầu và anh sẽ tiếp tục nghiên cứu cho đến khi nào anh trở lại bình thường. Nếu cần nữa, em sẽ kêu gọi giáo sư Moore và các nhà bác học khác, những bạn anh, rồi mọi người sẽ cứu anh, anh Bob.

«Chàng đập mạnh tay lên bàn và một lần nữa tôi lại nghe thấy chàng thở dài khàn khàn như tiếng kim loại, dưới cái khăn phủ kín cả đầu.

— Anh đừng buồn bực, Bob, em sẽ không làm việc gì mà không báo trước với anh, em hứa với anh như vậy. Anh hãy tin tưởng nơi em và để cho em giúp đỡ anh, anh bị biến đổi cả mặt rồi, phải không? Chắc là ghê gớm lắm. Anh không để cho em nhìn mặt anh sao? Em sẽ không sợ hãi đâu. Em là vợ anh mà, Bob!

«Chàng giận dữ gõ hai tiếng để cho tôi biết là « không » và ra hiệu cho tôi đi ra.

— Được rồi. Em sẽ bắt đầu tìm kiếm lại con ruồi đó, nhưng anh hãy thề với em là anh làm gì cũng báo cho em biết đã, cũng **bàn** bạc với em đã!

Chàng từ từ duỗi bàn tay trái ra và tôi hiểu rằng như vậy là chàng đã nhận lời hứa với tôi rồi.

Tôi không bao giờ quên được cái ngày săn ruồi ghê sợ đó. Tôi đã xáo-trộn cả nhà cửa, bắt người làm dự vào những cuộc tìm kiếm của tôi. Tôi đã hoài công cắt nghĩa cho họ hiểu rằng đó là một con ruồi đã trốn khỏi phòng thí-nghiệm của chồng tôi, một con ruồi mà chàng đã dùng làm thí nghiệm rồi và cần phải bắt sống lại với

bất cứ giá nào, nhưng tôi chắc là họ đã tưởng tôi điên ngay từ lúc đó.

«Tuy nhiên về sau, chính nhờ vậy mà tôi đã thoát khỏi cái nhục treo cổ.

«Tôi cật vấn bé Harry. Vì nó chưa hiểu ngay, nên tôi đây vỏ nó và nó cả khóc lên. Lúc đó tôi phải rằng sức kiên nhẫn. Rồi nó nhớ lại được. Lúc đó nó đi bắt được con ruồi ở thành cửa sổ nhà bếp, nhưng vì tôi ra lệnh cao nó nên nó lại thả ra.

«Ngay giữa mùa hè, mà chúng tôi cũng thấy rất ít ruồi vì nhà chúng tôi ở trên ngọn đồi rất thoáng khí. Tuy nhiên hồi đó tôi cũng bắt được hàng trăm ruồi. Muốn dụ chúng lại, tôi cho đề những đĩa sữa, đĩa mứt, đĩa đường ở khắp mọi nơi, nào bờ cửa sổ, nào trong vườn... Không một con ruồi nào giống như con Harry đã tả. Tôi đã phí công xem xét chúng mãi bằng kính lúp mà con nào cũng giống con nào.

«Đến giờ ăn trưa, tôi mang sữa và khoai nghiền cho chồng tôi. Tôi cũng đem cả cho chàng vài con ruồi mà tôi đã nhặt bừa đi, nhưng chàng cho tôi biết rằng chúng chẳng dùng làm gì được cả.

— Anh Bob, nếu chiều nay vẫn chưa tìm được con ruồi đó thì chúng ta sẽ nghiên cứu xem phải làm những gì. Em thì nghĩ thế này. Em sẽ dọn lại căn phòng nhỏ ở bên cạnh có cửa khép kín. Lúc nào anh không thể trả lời được bằng hiệu có hay không, thì anh viết cho em những câu trả lời bằng máy chữ, và anh sẽ luồn dưới khe cửa, anh ưng như vậy không?

Bằng bàn tay lành lặn, Bob trả lời ưng thuận.

«Đến tối, chúng tôi vẫn chẳng thấy con ruồi đó. Trước khi mang thức ăn cho Bob, tôi ngần ngại một lúc trước máy điện thoại. Tất nhiên đây là một vấn-đề sinh tử của chồng tôi. Tôi có đủ nghị lực để cưỡng lại ý muốn của chồng tôi, để ngăn cản không cho chàng chấm dứt cuộc sống chăng? Chắc chắn chàng sẽ không bao giờ tha thứ cho tôi đã thất hứa, nhưng thà như vậy còn hơn là nhỡ ra phải nhìn chàng biến mất; tôi nóng nảy nhấc máy điện thoại, quay số cho giáo sư Moore, bạn thân nhất của chàng.

«Một giọng thản nhiên ở đầu dây lễ phép cho tôi hay rằng:

— Giáo sư đương đi du lịch và cuối tuần mới về.

«Việc đã nhất định rồi. Không cần, tôi sẽ tranh đấu một mình và một mình tôi sẽ cứu thoát được Bob, tôi quyết định như vậy.

«Tôi gần như bình tĩnh trở lại khi bước vào phòng thí nghiệm, và như đã ước hẹn, tôi ở căn phòng kề cận để bắt đầu cuộc đàm thoại nặng nề kéo dài đến một phần lớn đêm hôm đó.

— Anh Bob, anh có thể nói cho em rõ được đích xác việc gì đã xảy ra không? Đúng ra anh đã bị làm sao vậy?

« Tôi nghe tiếng lách tách của máy chữ trong một lúc, rồi câu trả lời được luồn dưới khe cửa.

Anne, anh ưng được em nhớ đến anh, theo hình ảnh anh trước đây. Anh tất phải tự hủy mất. Anh đã nghĩ nhiều rồi và anh chỉ thấy có một phương tiện chắc chắn nhất mà riêng mình em giúp anh được thôi. Anh đã nghĩ đến cách tự phân tán đơn phương bằng bộ máy của anh, nhưng như vậy không được, bởi vì một ngày nào đây, nhỡ ra anh sẽ bị hồi tụ lại do một nhà bác học khác, thì việc đó, với bất cứ giá nào, cũng không nên.

« Trong một lúc, tôi tự hỏi có phải chồng tôi đã hóa điên rồi chăng.

— Anh đề nghị bất cứ phương tiện nào em cũng không bao giờ nhận cái giải pháp đó đâu, anh yêu. Kết quả cuộc thí nghiệm của anh, tai nạn xảy ra với anh dù khủng khiếp đến bậc nào, anh vẫn là một người, là cả một sự thông minh, anh có một linh hồn. Anh không có quyền tự hủy.

« Câu trả lời lại được đánh máy, rồi lại được luồn dưới khe cửa.

Anh còn sống, nhưng anh đã không còn là một người nữa. Về sự thông minh của anh, nó có thể biến mất bất cứ lúc nào. Và lại nó chẳng còn nguyên vẹn nữa. Và không thể nào có linh hồn mà chẳng có thông minh.

— Thế thì phải thông báo cho các nhà bác học khác biết những cuộc thí nghiệm của anh, công việc của anh. Họ sẽ tìm ra cách cứu anh!

« Bob làm tôi giật nảy mình vì chàng đập hai tiếng vào cánh cửa một cách bứt rứt gần như giận dữ.

— Bob, tại sao không? Tại sao anh từ chối sự giúp đỡ của những người mà chắc chắn họ sẽ hết lòng với anh?

« Chồng tôi đập đến mười cái rung chuyển cả cánh cửa và tôi hiểu rằng không nên nài ép chàng cái gì đó nữa.

« Tôi bèn nói về tôi, về con chàng, về gia đình chàng. Chàng không thèm trả lời tôi nữa. Tôi chẳng còn biết nghĩ gì, nói gì nữa. Sau cùng tôi hỏi liều:

— Bob... Anh có muốn nghe em nói không?

« Chàng đập một tiếng êm dịu hơn trước nhiều.

— Anh đã nói chuyện với em về cái gạt tàn ở thí nghiệm đầu tiên. Anh Bob, anh có tin rằng nếu anh đặt nó trở lại máy của anh, rồi anh lại cho nó phân tán và hồi tụ lần nữa, liệu những chữ có trở về chỗ cũ không?

« Vài phút sau, tôi đọc trên một mảnh giấy luồn dưới cửa:

Anh hiểu em muốn đi tới đâu rồi, Anne. Anh cũng nghĩ tới điều đó nên anh mới cần con nhuỵ. Nó phải được truyền trở lại với anh nếu không thì không còn hy vọng gì nữa.

— Anh cứ thử bừa đi xem nào. Biết đâu được.

Lần này câu trả lời là: *Anh đã thử rồi.*

— Bob, anh thử nữa đi.

« Câu trả lời của Bob lại cho tôi chút hy vọng, bởi vì không bao giờ có người đàn bà nào đã hiểu và sẽ hiểu là người đàn ông còn có thể nói đùa được cả khi họ biết rằng họ sắp chết.

Thế nên một phút sau, tôi đã đọc thấy :

Anh thán phục cái lý luận thú vị của đàn bà. Chúng ta có thể làm như vậy trong một trăm lế bảy năm nữa. , nhưng để làm em vui lòng, chắc là lần vui cuối cùng, anh sẽ trở qua máy lần nữa. Nếu em không tìm thấy kinh dâm thì em quay lưng lại phía phòng thâu nhận và lày tay che kín mắt đi. Em báo cho anh biết là em đã sẵn sàng rồi.

— Làm đi, Bob !



« Chẳng tìm kinh nữa, tôi tuân theo những lời chỉ dẫn của chàng vậy. Tôi nghe thấy chàng động chạm vào một vài vật, rồi mở cửa và lại khép cửa phòng truyền đi. Sau một lúc đợi chờ mà tôi tưởng chừng thiên thu, tôi nghe tiếng nổ lách tách dữ dội và tôi cảm thấy một luồng sáng chói chan qua cả mi mắt lẫn bàn ay bịt chặt mắt của tôi.

Tôi quay lại và nhìn.

Bob, với cái khăn phủ lên đầu, đương thong thả đi ra khỏi phòng thâu nhận.

— Không có gì thay đổi sao, Bob ? Tôi vừa hỏi dịu dàng vừa chạm vào cánh tay chàng.

« Sự tiếp xúc đó làm chồng tôi lùi mạnh lại và vấp phải cái ghế đẩu để từ trước mà tôi chưa kịp dựng lên. Chàng phải cố gắng ghê gớm cho khỏi mất thăng bằng, và cái khăn nhung viền vàng từ từ tuột khỏi đầu chàng trong khi chàng nặng nề ngã vật về phía sau.

Không bao giờ tôi quên được cái ảnh tượng khủng khiếp đó. Tôi thét lên sợ hãi và càng thét tôi càng sợ. Tôi nhét sâu ngón tay vào trong miệng như một cái khóa để cho nghẹn tiếng kêu và sau khi cắn tay đến chảy máu tôi lại thét dữ hơn nữa. Tôi cảm thấy, tôi biết rằng, nếu tôi không rời mắt khỏi phía hắn, hoặc tôi không nhắm mắt lại được, thì tôi không thể ngưng thét được.

« Con quái vật mà chồng tôi đã biến thành, thong thả phủ kín đầu trước khi rờ rẫm tiến ra cửa, và sau cùng tôi có thể nhắm mắt lại được.

« Chính tôi xưa kia vẫn tin ở một thế giới tốt đẹp hơn, ở một cuộc đời khác, tôi không hề sợ chết, mà bây giờ tôi chỉ còn một ước vọng: cái ước vọng hư-vô của những kẻ duy vật bởi vì, dầu ở cuộc đời nào khác chăng nữa, tôi cũng không thể nào quên được. Không bao giờ tôi có thể quên hình ảnh cái đầu của ác mộng đó, cái đầu trắng, có lông, sọ bẹt, tai mèo, mà

cặp mắt dường như phủ bằng hai mảnh mầu nâu, lớn như những cái đĩa vươn lên tới đôi tai nhọn hoắt. Cái mõm hồng hồng, mắp máy, cũng là mõm mèo nhưng ở vào chỗ miệng thì đây lại là một kẽ dọc, đôi bên có râu dài đó hoe và mắc vào kẽ đó là một cái vòi đen đầy lông, loe ra như hình dạng chiếc kèn đồng.

Tôi chắc phải ngất đi, bởi vì lúc đó tôi thấy mình nằm dài trên nền gạch lạnh của phòng thí nghiệm, mắt dán vào cánh cửa ; ở phía sau, tôi lại nhận ra tiếng đánh máy của Bob.

Tôi ngây ngô như bất cứ người nào sau một tai nạn quan trọng, mà chưa kịp hiểu rõ rằng sự gì đã xảy ra, và còn chưa cảm thấy đau đớn. Tôi nhớ tới một người trước đây tôi đã trông thấy ở một nhà ga, ngồi phệt ngoài bên xe lửa, tâm thần hoàn toàn tỉnh táo, mắt nhìn, với vẻ kinh hoàng mà hờ hững, cái chân của gã còn mắc ở đường sắt trên đó con tàu vừa chạy qua.

Tôi thấy cổ họng đau dữ dội và tôi tự hỏi hay tại tôi kêu hét quá mà giây thanh-âm trong cổ đã đứt cả rồi.

Ở gần bên, tiếng máy chữ đã ngưng và lát sau, một tờ giấy lại được luồn ra dưới cửa. Rùng mình ghê tởm, tôi lấy đầu ngón tay nhặt giấy lên và đọc.

Bây giờ, em đã hiểu rồi. Thí nghiệm cuối cùng này lại là một tai họa mới nữa, em Anne đáng thương của anh. Chắc em đã nhận ra được một phần của cái đầu mèo Dandelo. Lúc trước khi truyền đi, đầu anh là đầu con ruồi. Nay chỉ còn ở anh có mắt và miệng ruồi thôi, chỗ còn lại đã được thay thế bằng sự hỗi tụ một phần của đầu mèo đã tan biến trước kia.

Anne, giờ đây em đã hiểu rằng chỉ còn một giải pháp thôi, phải không em ? Anh phải biến đi. Em hãy gõ ba lần vào cửa để cho anh hay là em đồng ý, rồi anh cắt nghĩa cho em rõ chúng ta sẽ làm gì.

« Phải, chàng có lý thực, chàng phải biến đi mãi mãi. Tôi nhận ra rằng tôi đã lầm mà đề nghị với chàng một lần phân tán nữa và tôi mơ hồ cảm thấy rằng còn thử làm nữa sẽ còn có thể sinh ra những biến dạng ghê rợn hơn nữa.

« Tiến lại gần cửa, tôi muốn nói, nhưng không một tiếng nào thoát ra được cổ họng bỏng rẫy của tôi. Bởi vậy tôi đập ba tiếng như chàng yêu cầu.

« Bây giờ ông có thể đoán được sau đó ra sao rồi. Nhờ ở các trang đánh máy, chàng giảng cho tôi chương trình của chàng và tôi ưng thuận.

« Lạnh cóng, run rẩy, đầu bốc lửa, tôi như một người mộng theo chàng tới xưởng, hai người đi cách nhau một quãng. Tôi cầm ở tay một trang đầy những lời giải thích về cách xử dụng búa máy.

« Tới bên trong xưởng, trước cái búa, chàng lại phủ kín đầu một lần nữa và không quay lại cũng chẳng gửi một cử chỉ giã biệt, chàng nằm dài trên mặt đất đặt đầu vào đúng chỗ mà cả khối thép lớn của búa máy sẽ rớt xuống.

« Tôi thấy chẳng khó khăn gì vì tôi làm biến đi đây không phải chồng tôi mà là một con quái vật. Bob, anh ấy đã biến mất từ lâu rồi. Tôi chỉ thi hành những lời trối lại của chàng thôi.

« Mắt chăm chú vào cái thân hình đuổi gà bình tĩnh, bất động, tôi nhằm vào nút đập búa màu đỏ. Khối thép lặng thinh hạ xuống không mau như tôi tưởng. Tiếng đập âm u chạm vào đất, hòa lẫn với một tiếng rạn vỡ khô khan. Thân thể của . . . con quái vật run lên một hồi lâu rồi yên hẳn.

« Tôi tới gần và lúc đó mới nhìn ra chàng đã quên chưa đặt dưới búa cánh tay mặt, cánh tay ruồi của chàng.

« Cổ nén ghê tởm và sợ hãi, lại sợ tiếng búa đập có thể sẽ lưu-ý người gác đêm, tôi vội-vã bấm vào nút kéo búa lên.

«Răng va vào nhau lập-cập và sơ phát khóc, tôi lại phải nén ghê tởm để nhấc lên và đẩy ra phía trước cánh tay mặt của chàng, cánh tay nhẹ bỗng một cách dị kỳ.

« Tôi lại cho búa hạ xuống lần nữa rồi chạy biến.

« Bây giờ ông đã biết về sau ra sao Ông thầy cần làm gì xin tùy tiện ».

***

Bữa sau viên đội Twinker tới nhà tôi dùng trà.

— Tôi vừa được tin bà Browning đã chết, vì tôi đương trông nom về cái án mạng của em ông nên người ta lại ủy cho tôi làm cuộc điều tra mới này nữa.

— Ông đã kết luận thế nào chưa, ông đội cảnh sát ?

— Thày thuốc thì nhất quyết là bà Browning đã tự tử bằng một viên cyanure. Chắc bà ấy phải giữ trong mình viên đó . . . từ lâu rồi.

— Mời ông đội cảnh sát lại bàn giấy tôi. Tôi muốn cho ông đọc một tài liệu lạ lùng trước khi hủy nó đi.

Twinker ngồi vào bàn tôi và đương như hắn khoan thai điểm tĩnh đọc bản « thú tội » dài rằng tặc của em dâu tôi, trong lúc tôi hút thuốc ở cạnh lò sưởi.

Sau cùng, hắn lật đến trang cuối, hắn sắp cẩn thận các trang giấy lại với nhau đưa cho tôi.

— Ông nghĩ sao về vụ này ?

Tôi vừa hỏi vừa đặt thận trọng xấp giấy vào ngọn lửa.

ĐÍNH-CHÁNH

Trong bài phóng-sự họa-sĩ Lê-Yên đăng trên Bách-Khoa số 144 ngày 1-1-63, trang 94. có in lẫn hai tấm kẽm một họa phẩm, và ghi là của họa sĩ Le-Yên.

Thực ra đó là bức ảnh tác-phẩm hồi xưa của ông Inguimberty với nhan đề «Tonkin», mà Bách-Khoa đã in lầm thay vào tứ ảnh tác phẩm «Qua cầu» của họa sĩ Lê-Yên.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng họa sĩ Lê-Yên và bạn đọc thân mến.

Mới đầu hắn không trả lời, nhưng yên lặng đợi cho các trang giấy trắng vặn mình cháy hết trong lửa.

— Tôi nghĩ rằng điều đó chứng tỏ dứt khoát là bà Browning đã điên thực — Lúc ấy hắn vừa nói, đôi mắt sáng của hắn vừa đăm đăm nhìn tôi.

— Phải, chắc vậy — tôi vừa nói vừa đốt lại thuốc.

Chúng tôi ngồi nhìn lửa một lúc lâu.

— Ông đội cảnh sát ạ, sáng nay, tôi gặp một việc kỳ quặc. Tôi đi ra nghĩa địa, tới mộ em tôi. Lúc đó không có ai.

— Có chứ ông Browning, tôi ở đây mà. Tôi không muốn làm rộn... công việc của ông thôi.

— Vậy ông đã trông thấy tôi ?

— Vâng, tôi thấy ông chôn một hộp quẹt.

— Ông có biết trong đó có gì không ?

— Một con ruồi chẳng hạn.

— Phải, tôi đã tìm thấy con ruồi sáng nay lúc thực sớm. Nó vương ở trong một cái tơ nhện trong vườn.

— Nó đã chết rồi chứ ?

— Chưa chết hẳn. Tôi đã làm nó thực chết rồi. Tôi đập nó bẹp nát giữa hai viên đá. Nó có cái đầu trắng... trắng toát.

GEORGE LANGELAAN
NGUYỄN-CHÂU *dịch*
theo truyện «La mouche» trong «Nouvelles de l'Anti — Monde»;

Nhóm NGÀY XANH

ĐÃ XUẤT BẢN:

Khi người chết có mặt (*tiểu thuyết*) *của Nguiễn-Ngu-Í*

VÀ SẼ LẦN LƯỢT XUẤT BẢN

Thuiền non tei lái (*thơ*) *của Yã Hạc và Trinh-Nguiên*
Hoang đảo (*thơ*) *của Yã-Hạc Nguyễn-Văn-Trung*
Có những bài thơ, *I (1938-1954)* *của Nguiễn-Ngu-Í*
Một cuộc tàn sát (*truyện ngắn*) *của cô Trúc-Liên*
Hai giấc mộng (*truyện ngắn*) *của cô Minh-Đức*
Truyện đường rừng *của Vũ Hạnh*
Về đâu (*tiểu thuyết*) *của Võ-Phiến*
Khi người điên trở về (*tiểu thuyết*) *của Nguiễn-Ngu-Í*
Truyện dài quắc tế rút ngắn *của Cô-Liêu*
Những chuiện của ngày xưa *của Yã-Hạc, Trinh-Nguiên, Lê-Thanh-Thái và Nguyên-Phúc-Sơn*
Suối rừng reo *hay* 17 câu chuyện phụ nữ *của Thoại-Nguyên và Ngu-Í*
Truyện cổ tích về âm nhạc *của Trần-Văn-Khê và Nguiễn-Hữu-Ngư*
Phù sa (*tiểu thuyết*) *của Bình-Nguyên-Lộc*
25 truyện Việt hay nhất (*1918-1962*) **do** *Nguiễn-Ngu-Í chọn*
Quan niệm sáng tác của các nhà văn, nhà họa, nhà nhạc (*phỏng vấn*) *của Nguiễn-Ngu-Í*
Đồng bào ơi! quả thật là đại biến! (*kịch vui*) *của Ki-Gôb-Jô-Cì...*

TIẾNG MỜI CỦA TRẺ

HỮU-PHƯƠNG

ngày tôi rời bến có tiếng
gọi đưa theo : ba ! ba !

Bồng lấy trẻ lòng tôi sung sướng lạ
nhìn con cười hoa lá cũng vui lây
siết mạnh con vào ngùi say tấc dạ
bàn tay nào cầm lấy nhỏ bàn tay

Tôi sửng sốt : thịt non mềm tuổi dại
nhánh tay này xanh biếc trái tương lai
con không nặng mà hồn tôi ái ngại
bởi hoài mong con phải trở nên người

Vốn đời tôi đã chọn đường ra biển
một tháng qua tròn tháng mấy khi về
con ngơ ngác mất đi phần âu yếm
tôi nghe sầu mây tím nẻo xa quê

Có những lúc nhìn con qua tuổi lửa
tôi nghi ngờ phần phúc của riêng con
đeo đuổi hư vinh đành quên chăm ngó
trái non kia lơ láo dấu con buồn

Tôi đau đớn biết bao hồn trẻ dại
giữa cuộc đời khiếp hãi tiếng xa binh
súng đại bác vang rền hay gió dậy
tuổi thơ ngây cuống quít chạy đi tìm...

Tôi lo sợ bởi con còn bé bỏng
tóc con xanh làn sóng gợn băn khoăn
muốn song hành cùng con xây đắp mộng
dòng đời trôi kiếp sống nào mong manh

Dù biết thế tôi mừng đây có nhẽ
phúc vô cùng : bồng bế trẻ trong tay
mầm giống người gieo gầy nên thế hệ
rộng trời cao không vi với ân này

Cả tiếng biển không bằng đây tiếng trẻ
cả dư âm không bằng vẻ thiết tha
cả ngôn ngữ không bằng lời nói khẽ
« Ầm con đi ba ! ầm con đi ba ! »

SINH-HOẠT

Giải khoa học Nobel 1962

Giải hóa học :

J. C. KENDREW (Anh)
M. F. PERUIZ (Anh)

Giải vật-lý-học :

L. LANDAU (Nga)

Giải sinh-lý và y-học :

M. H. F. WILKINS (Anh)
J. D. WATSON (Mỹ)
F. H. C. CRICK (Anh)

Năm này nước Anh chiếm bảng danh dự với bốn nhà khoa học được giải NOBEL trong số tất cả sáu người chia nhau ba giải sinh lý y học, vật lý học và hóa học. Đặc biệt, viện đại học Cambridge được vang tiếng nhất vì trong bốn nhà khoa học ấy đã có ba ông thuộc viện đại học : Crick, Kendrew, và Perutz.

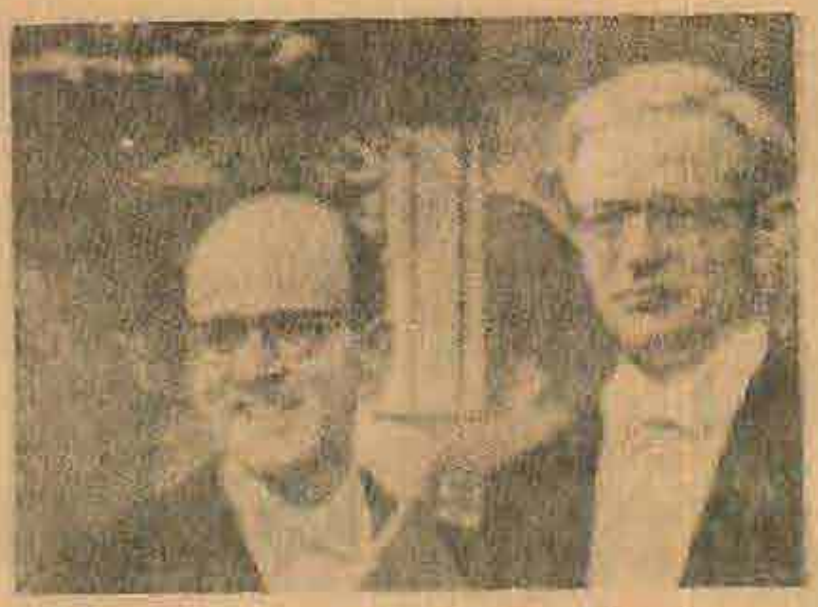
Ngoài trường hợp giáo sư Landau được thưởng chung cho tất cả các công tác của ông về môn vật lý học, hai giải sinh-lý-y học và hóa học đã dành cho những nhà khoa học có công khảo cứu về các phần tử cốt yếu nhất cho đời sống : các prô-têin (Kendrew, Perutz) và các axit nuclêic (Crick, Watson, Wilkins). Một điều đáng để ý là liên quan đến các ngành khảo cứu : ví dụ dù học hỏi về máu hay về tính chất di truyền, người ta đều cần dùng quang tuyến X (một sản phẩm hoàn toàn lý học) để xác định cấu tạo của các hóa chất. Vì vậy cũng không nên lấy làm lạ khi ta thấy hai bác sĩ y khoa (Kendrew, Perutz) đoạt giải hóa học và nhất là một nhà vật lý học (Wilkins) được ghi tên trên bảng vàng cùng hai nhà sinh vật học không phải bác sĩ y khoa (Crick, Watson) trong giải sinh lý y khoa.

GIẢI HÓA-HỌC VÀ GIẢI VẬT-LÝ-HỌC NOBEL 1962

Hai bác sĩ Kendrew và Perutz được thưởng giải Nobel hóa học nhờ công tác khảo cứu của hai ông « về cấu tạo các chất prôtêin hình cầu ».

Bác sĩ Perutz, năm nay 48 tuổi, quê người nước Áo, đi cư qua Cambridge bên Anh từ năm 1936 và tiếp tục khảo-cứu về huyết cầu tố (hémoglobine) tại đây. Hiện ông làm giám đốc ngành sinh vật học phân tử tại viện khảo cứu y khoa của đại học đường. Bác sĩ Kendrew trẻ hơn, năm nay 44 tuổi, là phó giám đốc cùng phòng thí-nghiệm. Sinh quán ở Oxford, ông là đại tá của đội quân R. A. F. trong trận thế chiến vừa qua. Ông chuyên môn khảo cứu về cơ cầu tố (myoglobine) là một loại prôtêin hình cầu ở các bắp thịt.

Huyết cầu tố là chất sắc nhuộm đỏ máu. Đem trích từ máu ra rồi cho kết tinh lại, huyết cầu tố hiện ra dưới nhiều hình thể khác nhau, tùy theo loại động vật : của người thì là hình kim, của ngựa thì là hình hộp, của sóc thì là hình lục giác, ... Về phần ứng sinh lý học, huyết cầu tố hấp thụ dễ dưỡng khí và nhất là cacbon oxyt. Trong trường hợp sau này, cacbon oxyt mỗi khi dính vào huyết cầu tố thì ngăn không cho huyết cầu tố hút dưỡng khí vào nữa và dần dần bóp ngạt huyết cầu tố. Về mặt cấu tạo hóa học đến nay người ta biết huyết cầu tố gồm có một chất prôtêin lớn gọi là globin, xung quanh đeo thêm bốn phần tử nhỏ prôtôhem, cấu tạo rất phức tạp.



Max Perutz và J. C. Kendrew

Như bác sĩ Perutz đã nói, những prôtêin hình cầu là những giếu tố có một công tác hóa học trong các tế bào sống. Huyết cầu tố nhuộm đỏ máu và mỗi khi thiếu là cơ thể bị bệnh (thường gọi là chứng thiếu máu) Cơ cấu tố thì nhuộm đỏ các bắp thịt. Những miếng thịt tươi thường đỏ là vì nó chứ không phải vì máu. Dưỡng khí chuyển vận trong máu nhờ huyết cầu tố mà chuyển qua được các tổ chức và nhờ cơ cấu tố mà các tổ chức lưu giữ dưỡng khí lại được. Hai bác sĩ Kendrew và Perutz đã dùng phương pháp nhiễu xạ các quang tuyến (diffraction des rayons X) để học hỏi cấu tạo phân tử của các prôtêin hình cầu nói trên. Nhưng nhiễu xạ quang tuyến X không đủ mạnh trong một phân tử thường. Hai bác sĩ liền nghĩ cho vào phân tử prôtêin những nguyên tử nặng như vàng và thủy ngân. Những nguyên tử này, dưới tác dụng của các quang tuyến X, cho biện ra những « hình nhiễu xạ »

có thể quan sát được. Từ các hình ấy, người ta dùng những máy tính điện tử để chỉ định những vị trí các nguyên tử nặng nói trên và do đấy có thể suy luận cách sắp đặt trong phân tử, đặc biệt cách sắp đặc các axit amin là những thành phần chính của prôtêin. Cũng theo lời bác sĩ Perutz, hai ông đã phân giải ở cấp nguyên tử. Hai ông là những người đầu tiên đã bước vào một thế giới mới mà từ trước chưa ai dẫn chân vào. Không phải là tình cờ mà các nhà di tính học được giải sinh lý-y học cũng khảo cứu về những phần tử cỏn con cốt yếu của sinh vật : đây là lúc cần phải dấn sâu vào những cấu tạo phần tử của vật sống để tìm ra rõ cách sắp đặt các axit amin mong tìm hiểu sâu rộng thêm về đời sống của con người.

* * *

Giáo sư Lan dau, như đã thấy, được thưởng giải vật lý học không phải vì đã khám phá ra được một hiện tượng gì đặc biệt, lạ lùng mà là nhờ tổng quát cuộc khảo cứu của ông.

Sinh năm 1908, ông đậu tấn sĩ năm 19 tuổi ở Lêningrad với một luận án về môn cơ học các quãn ta. Sau đấy, ông được mời qua làm hai năm ở phòng thí nghiệm Bohr ở Copenhague bên Đan-Mạch. Ở đây, ông tìm ra được một lý thuyết về từ tính, rồi trở qua chuyên về các bức xạ vũ trụ. Năm 39 tuổi, ông được bổ vào Hàn lâm viện khoa học Liên bang Sô Viết. Bắt đầu từ trận thế chiến thứ nhì, tên tuổi giáo sư Landau được vang lên với những khám phá trong địa hạt các lực liên kết nguyên tử thành phân tử. Ông học hỏi về cách thay đổi cấu tạo trong đủ các thể đặc, lỏng, khí. Ông



L. Landau trên giường bệnh.

khảo cứu về cách hóa lỏng khí hêlium trong khoảng gần số không tuyệt đối (nghĩa là 273 độ dưới không độ bách phân) Nên để ý hêlium là một chất không chịu đông đặc khoảng gần số không tuyệt đối. Những lý thuyết của ông đã giảng nghĩa những hiện tượng lạ thường trong cách biến chế ở khoảng gần số không tuyệt đối, không những của chất hêlium mà còn của nhiều chất khác. Nhưng tên tuổi giáo sư còn được vang rộng trong nhiều địa hạt khác. Nếu nhiều nhà bác học khắp thế giới biết đến giáo sư là nhờ một bộ Vật lý lý thuyết gồm có chín quyển mà ông đã soạn chung với giáo sư Lifschitz. Bộ vật lý học nầy đã thành một bộ sách cổ điển cốt yếu cho tất cả các nhà vật lý học. Năm 1960, Hội nghị quốc tế về vật lý học nhóm ở Toronto đã thưởng ông một giải cho tất cả các công tác về khí lium ở thể lỏng, về các nhiệt độ thấp và về thể « siêu dẫn suất » (« supraconductivité») của nhiều kim loại. Ngày 21-4-62 ông lại được thưởng giải Lênin. Sau nầy ông đã khảo cứu nhiều về cách biến đổi đệ nhị cấp của vật chất (transformation

du second ordre de la matière), về cách ngưng đặc (condensation) và đã khám phá ra những « chuẩn bộ phận nhỏ » (« quasiparticule »). Thật ra, các bộ phận nầy không có trong thật tế mà chỉ là những bộ phận lý thuyết. Tuy nhiên, giả thuyết nầy rất cần để giảng những hiện tượng ở nhiệt độ thấp như hiện tượng siêu lỏng (superfluidité). Như tuồng những công tác nầy đã làm cho hội đồng phát giải NOBEL lưu ý đến ông.

Tháng 1-62, ông bị nạn xe hơi trên đường từ viện nguyên tử Đubnô về Mốt-cu Môtva. Xe ông bị trượt vì đường giá trơn và ông đã bị ngất đi luôn mấy tháng. Nhiều bác sĩ y khoa có danh tiếng người Pháp, Tiệp-khắc và Gia-nã-đại đã được gọi cạnh giường bệnh. Hiện nay bệnh của ông còn đang trầm trọng và chưa chắc ông đã qua được Stockholm để lãnh giải. Tiếp các nhà báo, ông đã tuyên bố : « Tôi là một người nhiều hình trạng ; tôi là một trong những số hiếm có các nhà vật lý học đã quan sát toàn diện các lý thuyết vật lý học. Năm 1926 khi tôi khởi đầu cơ nghiệp khoa học, những nhà lý thuyết phải lo về toàn thể, ngày nay môn vật lý lý thuyết không còn bao lăm nữa ! »

VÕ-QUANG-YẾN

GIẢI Y-HỌC NOBEL 1962

Ban « giám khảo » giải thưởng Nobel, ngành Y-học 1962 ở, Stockholm, đã đồng ý tặng giải đó cho ba nhà bác học trứ danh là các ông Francis Harry Compton Crick, Maurice Hugh Frederick Wilkins, (người Anh) và James Dewey Watson (người Mỹ). Các giới y-học và khoa-học quốc-tế đều không lấy làm lạ về sự lựa chọn mà ai nấy đều cho là rất đích đáng. Có một điều mà chúng ta cần biết là cả ba người đều không phải là thầy thuốc và chỉ là những nhà chuyên-môn khảo cứu về sinh-vật học và lý sinh vật học (biophysique). Nhưng vì công cuộc khảo sát và thí nghiệm, sự khám phá ra nhiều mới lạ về sinh vật học của 3 nhà bác học có ảnh-hưởng rất lớn về y-học cho nên hội đồng định đoạt giải thưởng Nobel đã không ngần ngại g tặng cho ba ông đó cái danh dự lớn lao mà bao nhiêu nhà thông thái khác vẫn mong mỏi. Tưởng chúng ta cũng nên biết qua tiểu sử của 3 người ấy. Giác sư người anh H. F. Wilkins là một nhà chuyên môn khảo về các loại át-xít nuy-cơ-lê-ích (acides nucleiques). Ông bắt đầu công cuộc nghiên-cứu từ trước hồi tiền chiến, năm 1938 ở Cambridge. Từ năm 1940 đến 1944 ông sang Mỹ và làm việc ở Đại Học Đường Californie, trông nom công-việc phân chia các « i-dô-tốp » (isotope) của loại Uranium. Hiện giờ ông đã trở về Anh và giữ chức giáo sư về sinh-lý-vật học ở trường King's College tại London. Năm nay ông mới có 45 tuổi và lĩnh thêm nhiệm vụ phó giám-



Maurice Hugh Frederick Wilkins

đốc Hội-đồng nghiên-cứu y-học Anh-quốc. Ông F. H. C. Crick, cũng là người Anh, năm nay 46 tuổi, cộng-tác với ông Wilkins từ lâu, ông là giáo sư sinh-vật-học ở trường Churchill tỉnh Cambridge (bên Anh). Ông là một nhân viên quan-trọng trong ủy-ban trung-ương nghiên-cứu sinh-vật-học nguyên-tử (biologie nucléaire) tỉnh đó. Ông J. D. Watson, năm nay mới có 34 tuổi, là một nhà bác học trẻ tuổi người Mỹ. Ông có bằng cử nhân khoa-học và không những thế lại còn có bằng Tiến-sĩ về Triết học (Đại học đường Indiana và Đại học đường Chicago). Hiện giờ ông làm giáo sư sinh-vật-học tại Harvard bên Mỹ. Năm 1960, ông đã được tặng giải-thưởng y-học Warren cùng với ông H. C. Crick.

Ba ông đã đánh dấu một giai đoạn mới trong ngành nghiên cứu các chất « Nucléo-protéines », là một trong những vấn-đề thiết-yếu về sinh học hiện thời. Ba ông là những người đầu tiên đã phác-họa cho chúng ta biết hình ảnh và cấu tạo của những phần-tử cao quý nhất trong hệ thống tổ chức của chất sống.

Trước cái kết quả vô cùng quan-trọng của ba ông về phương diện lý-sinh-vật học và trên lãnh vực y-học, chúng ta cũng nên biết qua lịch-sử công-cuộc nghiên-cứu đó, từ thuở xưa bên Tây-phương. Ngay trong cổ sử Hi-Lạp và La-Mã, có một số đông triết gia đã nêu lên giả thuyết vũ-trụ là do những nguyên-tử (atomes) cấu tạo nên, những nguyên-tử đó là những chất bé nhất, không còn có thể chia xẻ hay cắt đứt ra nhiều mảnh được. Trong đám các nhà triết học đó, dĩ nhiên là sai cũng phải nghĩ ngay đến Démocrite là người đã có một quan-niệm rất đơn giản về nguyên-tử. Từ thời đại xây dựng giả thuyết đến thời đại thí-nghiệm, loài người phải trải qua hai mươi nhăm thế kỷ. Phải đợi đến năm 1920 với sự nghiên-cứu chất Glucose (chất đường) người ta mới biết rằng sự làm tan chất đường đó chẳng qua cũng chỉ toàn là những phản-ứng hóa học mà thôi. Dần dần người ta đi đến giả thuyết rằng sự sống của các sinh vật trong vũ-trụ chỉ là một chuỗi phản ứng hóa học mà trong đó các nguyên tử đóng vai trò quan-trọng nhất những nguyên-tử đó cùng một loại với nguyên-tử của các khoáng vật thường thấy.

Sau đó ít lâu, năm 1934, các nhà khảo-cứu Âu-Mỹ bắt đầu nhảy vào công cuộc khảo-sát và thí-nghiệm các phương-pháp để hiểu biết thêm về sự sinh sản của chất sống, sự tiếp thụ từ đời này qua đời khác các đặc tính di truyền. Học phái Morgan đã



Francis Harry Compton Crick

nêu ra một giả thuyết rất mới theo đó người ta tin rằng các đặc tính di truyền đều tụ vào trong những « nhiễm sắc thể » (chromosomes) của các tế bào. Năm 1944, mấy nhà bác học như Avery, Mac Leod, và Mac Carthy khám phá ra rằng cái cơ sở của những di truyền tử (gènes) có những tính chất hóa học giống như loại át-xít « désoxyribonucléique ». Các ông ấy vừa mới lập thêm một ngành khảo cứu mới gọi là ngành phân-tử sinh-vật học (Biologie Moléculaire). Năm 1953, ba ông Crick, Wilkins và Watson — được giải thưởng Nobel năm nay — đã nghĩ ra một hình-thức cấu tạo riêng biệt về loại át-xít « nucléique » này (Trung-Hoa và Nhật dịch là Hạ-oan, acide nucléique) khả dĩ giải thích được tính chất vật lý cùng với các tính-chất sinh vật. Các ông ấy, sau khi đã lĩnh hội các quan niệm về lập thể hóa học (Stéréochimie) và hỗn hợp với những điều nhận xét được nhờ quang tuyến X, đã dẫn cho chúng ta biết rằng chất D.N.A (viết tắt chất Desoxyriborucleic acid, acide désoxyribonucléique. Tầu dịch là: Trừ-Dương Tế Bào Hạt-toan) trong giai đoạn phân-tử (Molécule) hình như một cái cánh quạt ghép đôi (double hélice), do sự kế tiếp của 4 chất Nucléotide hợp thành. Nucléotide (tức là Lân toan, hay ngũ Thán đường của Trung Hoa và Nhật) là một thành phần của Hạt Toan, (acide nucléique). Mỗi một lân-toan đó là do các chất như acide phosphorique, désoxyribose và một vật hữu cơ thuộc vào loại adénine, cytosine, thymine hay guanine, hợp thành. Cách bố-cục của 4 loại Nucléotide (Lân Toan) với một hình thức đặc biệt, đã tạo ra cho chất DNA nhiều tính chất khác thường quy định theo một thể thức riêng nhờ đó mà các đặc-tính di truyền được « ghi chú ». Hiện giờ thì chưa ai tìm được phương pháp để hiểu rõ cái thể thức riêng biệt ấy cùng với cách cấu tạo của sự ghi chú đó. Nhưng với giả-thuyết của 3 ông, ta đã có thể hiểu được một phần nào rằng 2 chuỗi phân-tử của DNA tuy dị-biệt,



James Dewey Watson

nhưng bổ túc cho nhau và nhờ đó mà mỗi tế bào khi phân chia để sinh sản ra 2 tế bào khác, vẫn giữ được nguyên vẹn các đặc tính di truyền từ đời này qua đời khác. Sự khám phá của 3 nhà bác học, đến nay đã mở một kỷ nguyên mới trong nhiều phạm vi của ngành sinh-vật học, ngành y học, ngành chữa bệnh căng-xe (Cancer) và ta nó thể quả quyết rằng bộ môn phân-tử sinh-vật học sẽ có một tương lai cũng rực rỡ như ngành nguyên tử học và sẽ giải quyết được nhiều vấn đề thiết yếu của nhân loại.

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

TRÀNG - THIÊN

Mùa giải thưởng văn chương ở Pháp năm 1962

Hàng năm, cứ vào khoảng tháng 11, 12 ở Pháp có một không khí sôi nổi trong sinh hoạt văn nghệ : người ta chờ đợi kết quả ba giải thưởng văn chương lớn nhất (Goncourt, Renaudot, Fémina) và một số giải thưởng nữa cũng khá quan trọng. (Médicis, Interallié, giải tiểu thuyết của Hàn lâm viện Pháp quốc, giải thưởng quốc gia về văn chương).

Phong trào giải thưởng văn chương đó lâu nay vẫn bị một số các nhà phê - bình (Matthieu Galey, Pierre de Boisdeffre v.v..) cực lực công kích, cho rằng nó làm sai lệch sự nhận xét bình tĩnh của độc giả, nó gây một không khí quảng cáo náo nhiệt, trong đó có tính cách thương mãi lấn át tính cách nghệ thuật, một không khí nhiễm độc có hại cho sự sáng tác. Các ban giám khảo lại phạm nhiều lỗi lầm tai hại trong sự chọn lựa. Không những các nhà phê bình, mà ngay đến các nhà văn, các tiểu thuyết gia, các « đương sự », cũng lắm người phản đối giải thưởng. Đầu tháng 11 năm nay, tạp-chí l'Express có phỏng vấn Jean Louis Bory một văn sĩ đã được giải Goncourt năm 1945 ; văn sĩ này mạt sát giải Goncourt thậm tệ.

Dĩ nhiên, ngược lại, vẫn có nhiều người thấy rằng phần lợi ích của các giải thưởng thừa sức bù lấp vào các tai hại nó gây ra. Và như thế, hàng năm các giải thưởng nói trên vẫn tiếp tục. Năm nay ở Pháp,

Giải Goncourt thuộc về bà Anna Langfus.

— Fémina — ông Yves Berger.
— Renaudot — bà Simonne Jacquemard
— Médicis — bà Colette Audry.
— Interallié — ông Henri François Rey.
— Tiểu thuyết của Hàn lâm viện — ông Michel Mohrt
— Quốc gia văn chương — Pierre Jean Jouve.

Nhìn chung kết quả, người ta thấy năm nay nữ giới đại thắng. Lần đầu tiên trong lịch sử giải thưởng văn chương của Pháp hai giải Goncourt và Renaudot về tay hai bà cùng trong một năm.

∴

Bà Anna Langfus, tác giả cuốn *Les bagages de sable*, giải Goncourt, là một thiếu phụ xinh đẹp, gốc Do-Thái, trước sống ở Balan, sau này mới sang Pháp và mới học tiếng Pháp. Dĩ nhiên, trong thời kỳ chiến tranh vừa qua người đàn bà đó đã chịu nhiều cảnh truân chuyên (bà mất đi cả một người chồng trong cảnh trời đất gió bụi).

Anna Langfus, khi biết mình được các ông hàn Goncourt chú ý đã có những lời lẽ khiêm tốn, dễ thương. Bà cho biết rằng (1) hồi còn nhỏ đã viết bằng tiếng Ba-Lan, sau này mới viết tiếng Pháp. Bà tìm từng chữ, đặt từng câu một cách khó khăn, bà sửa đi sửa lại hàng giờ. Bà khâm phục nhất là Dostoievsky, còn đối với văn chương mới thì chịu là không hiểu gì cả. Nhưng ngộ nghĩnh nhất có lẽ là cảm tưởng của bà đối với văn-chương phụ nữ :

— *Đàn bà viết kém, không bao giờ hay. Trong tiểu tiết, thì hay. Nhưng văn chương đàn bà không có hơi dài. Đó không phải là lỗi của chúng tôi, chúng tôi được giải phóng chưa bao lâu, mà cũng chưa phải là đã được giải-phóng đúng mức. Giá trị của một tác-phẩm là cái âm vang, là cái tiếng sét còn dội lại nơi chúng ta, ấy là sự xúc động, nhưng*

(1) Phóng sự của Pierre Fisson trên tạp-chí *Le Figaro littéraire* ra ngày 24-11-1962.



Bà Anna Langfus

mà là sự xúc động có thể còn vang dội lâu dài... Cái mức đó, đàn bà không đạt tới.

Đối với tiểu - thuyết, bà không quan-trọng hóa sứ mệnh của nó.

— *Sách, tôi cho rằng nó không có ích lợi gì ngoài việc đem lại cho chúng ta một vài giờ giải-trí.*

Quan niệm như vậy cho nên trong đời sống gia-đình, nhà văn không hề để việc sáng-tác của mình bận-rộn tới ai. Trong nhà không có bàn viết riêng, cứ tối đến bà chạy tới phòng của một người bạn gái, nếu bạn đi vắng bỏ phòng trống thì bà vào mà viết truyện. Người chồng (thứ hai) của Anna Langfus bảo : « Nếu em thấy thích, cứ viết. », và ông cười vui vẻ trước công việc của vợ.

Nói về giải Goncourt, trước khi kết-quả được công bố, bà băn khoăn :

— Thật không ? Có phải các người trong hội đồng giải thưởng được tự do quyết định theo ý họ, thật không ? Tôi tưởng họ có bạn bè chứ, tại sao họ lại đi bỏ phiếu cho tôi nhỉ ?

Cố nhiên bà không khỏi nghĩ tới món tiền lớn lao mà giải thưởng Goucourt có thể đem đến, nghĩ tới sự sử dụng không phải cho riêng bà, cho việc văn chương nghệ thuật, mà là cho chồng con, cho cuộc sống thực tế hàng ngày : bà bảo nếu có tiền ấy bà sẽ không mua xe hơi đâu vì sợ trong gia đình có người bị tai nạn ; bà chỉ mơ một ngôi nhà ở thôn quê có cây cối xung quanh chẳng hạn...

Thật là những mơ ước, băn khoăn, rất tầm thường, rất người, rất đàn bà. Ở người thiếu phụ giản dị, thành thực ấy, người đàn bà che khuất mất nhà văn.

Và tội nghiệp cho người thiếu phụ vừa đẹp, vừa có nhiều nết tốt ấy : quyển *Les bagages de sable* không vừa lòng một số phê bình gia Đó là một quyển truyện tình mà Matthieu Galey (2) xếp vào loại truyện bốn xu (sao lại không ba xu ?), một chuyện tình giữa cô gái và một người đàn ông đứng tuổi, đi tới một kết cuộc buồn thảm. Matthieu Galey tự hỏi phải chăng hàn lâm viện Goncourt muốn gỡ lại sự thiếu sót của năm ngoái, vì đã không chọn cuốn truyện xuất sắc của Anna Langfus (*Le sel et le soufre*) ?

∴

Simonne Jacquemard tác giả *Le veilleur de nuit*, giải Renaudot, không phải là người dễ dãi như Anna Langfus.



Simonne Jacquemard

Cả hai vợ chồng bà đều viết văn, và cùng tổ chức một lối sống có thể coi là khá kỳ cục, thích hợp với sự nghiên cứu và công việc trước tác của họ. Họ sống biệt tịch một nơi xa đô thị, suốt trong sáu năm trời không tiếp khách, và khi được giải Renaudot, một nữ phóng viên (3) tỏ ý muốn đến nhà thăm thì bà Simonne Jacquemard vội kêu lên : « Xin bà đừng yêu cầu như thế ! Xin bà đừng yêu cầu như thế ! » Sống biệt tịch, đôi vợ chồng văn sĩ ấy ngày ngày quanh-quẩn với chim và những con thú rừng mà họ ... nuôi trong một mẫu rừng. Bà Jacquemard khoái nhất là

(2) Trên tờ *Preuves Information* ra ngày 11-12-1962.

(3) Madeleine Chapsal, trên báo *l'Express* số ra ngày 22-11-1962.

chồn. Bà tỏ ý hài lòng khi được thưởng, vì nhờ món tiền thưởng bà hy vọng sẽ mua thêm chừng 50 mẫu rừng nữa, để nuôi thú hoang!

Sự mơ ước đó so với Anna Langfus, có vẻ cầu kỳ bao nhiêu, thì tác-phẩm của bà, so với của Anna Langfus, cũng thâm hiểm hơn bấy nhiêu. Đề tài cuốn *Le Veilleur de nuit* căn cứ vào một mẩu chuyện thời sự có thực đã xảy ra bên Anh. Một người đào trong vườn mình một cái giếng sâu, nhốt vào đó một cô thiếu nữ. Cuốn truyện mang một ý-nghĩa triết-học sâu sắc, nhuốm tư tưởng Phật giáo, và cuộc đi xuống lòng giếng kia có thể tượng-trưng cho việc con người lắng sâu vào bản ngã mình.

Simonne Jacquemard đã viết trên mười lăm năm, viết ngót mười tác-phẩm, coi việc sáng tác có mục-đích quan-trọng, mục-đích cứu thế :

— Đó là một sự tìm kiếm cho phép ta vượt qua khỏi cái bề ngoài của sự vật. Nếu thoát bỏ hết những mớ xảo thuật, văn chương chính là sự nhập định. Nó thuộc vào những cố gắng của các cá nhân vẫn tiến hành và âm thầm gặp gỡ nhau để cứu thoát tập thể quảng đại. Tôi rất tin tưởng ở sự cảm thông của các vị thánh. (4)

Đối với bản thân thì viết tiểu-thuyết theo bà là một cách cố gắng đi sâu thêm vào chính mình, như là một phương-pháp phân tâm, và bà vận dụng sự sáng tác hàng ngày như thể là tập thể dục, một thứ thể dục tinh-thần. (3)

* * *

(4) Phỏng vấn của Guy Le Clec'h trên tạp-chí *Le Figaro littéraire* số ra ngày 24-11-1962.



Yves Berger

(tác giả quyển Le Sud)

Yves Berger, tác giả cuốn *Le Sud*, giải Fémina, giống bà Simonne Jacquemard ở một vài điểm : Viết truyện bí hiểm khó đọc, và thích chồn, thích thú rừng. Ông thích nhất là bò rừng và dân da đen. Ông mơ sống ở Virginie (Mỹ-châu) vào khoảng năm 1842 !

Chàng thanh niên chưa tới ba mươi ấy, thông thạo tiếng Anh (giáo sư Anh ngữ), chưa hề đi Mỹ lần nào, nhưng vẫn mơ xứ Virginie. Xứ Virginie của Yves Berger không phải là cái xứ trong sách địa lý ngày nay mà là một xứ tưởng tượng lý tưởng, là xứ Địa-Đàng, có đủ những vật mến yêu của : ông gấu, chồn, dân da đen với

bò rừng. Hồi thơ ấu ông đã vẽ ra trong trí tưởng tượng như thế, ngày nay ông cứ giữ nguyên giấc mơ đó, làm nơi trú ẩn để lẩn tránh những phiền hà chấn động trong cuộc sinh hoạt hiện tại. Ông nói với Madeleine Chapsal (5):

..., tôi dễ xúc cảm vô cùng, có thể nói dễ xúc cảm một cách khác thường : tôi ghét tất cả những cái gì xúc động, những cái gì gây tổn thương, những cái đột ngột, những cái gì làm hồi hộp, cái bất ngờ, thình lình, tóm lại là tất cả những gì mà ngày nay người ta ưa thích. Do đó, để xa lánh những cái ấy, tôi trốn sang Virginie, bên cạnh lũ bò rừng !

Như đã nói trên, «xứ Virginie» ở đây phải hiểu theo cái nghĩa riêng do tác giả gán cho nó:

— *Sự thực, tôi nói sống ở Virginie năm 1842 ấy tức là sống trong sách vở, sống trong vũ trụ của chữ nghĩa. Còn xứ Virginie, nếu quả tôi có sang đó vào năm 1842, thì chắc có lẽ tôi cũng đâm ghét, đâm chán nó... Thực ra thì tôi chỉ có thể sung sướng với đám chữ...*

Madeleine Chapsal hỏi :

— Tại sao ông thích chữ đến thế ?

Ông trả lời :

— *Bởi vì chữ nghĩa không làm hại ai bao giờ.*

— Người ta bảo có những chữ giết người . . .

— *Không phải chính chữ làm hại, mà là con người đã dùng chữ để hại nhau đấy chứ. Chữ viết, nó vô trách nhiệm, nó vô tội, nó ngây thơ. . .*

Thế thì chữ có khác gì lũ chồn, ông thích nó phải chứ ! Yves Berger tìm đến văn chương, chữ nghĩa như tìm đến sự siêu thoát, xa cuộc sống đầy xung động bất thường, ông nhận làm đồ đệ của Jean Paulhan

— *Vâng. Chính ông ấy đã làm cho tôi hiểu rằng văn chương là cái gì cho phép ta vượt lên trên thực tại, cái gì đưa ta thoát ra khỏi nơi này mà đi đến một tinh cầu riêng biệt, đó là văn chương. Một tác phẩm có thể đề-cập đến những chuyện hàng ngày, nhưng nó vẫn không có dính líu gì đến đời sống hàng ngày. Nó ở nơi khác. Và chính chỉ khi nào không còn có cái gì vướng víu nữa nó mới thành công. Ấy chính vì thế mà tôi đã viết đi viết lại mãi cuốn sách của tôi. Phải làm thế nào cho các câu văn tuôn ra, chỉ có sự tùy thuộc nhau giữa câu này với câu kia mà thôi.*

Mà quả Yves Berger viết có kỹ thực. Quyển *Le Sud* này ông viết trong năm năm. Riêng 73 trang đầu, ông viết tới ba năm. Để tìm hiểu về xứ Virginie, ông đã sưu tầm tài liệu đủ thứ, liên lạc với các nhà sách bên Mỹ để hàng tháng họ gửi sách qua cho mình. Viết xong một quyển *Le Sud*, ở nhà Yves Berger đã tích lũy thành một tủ sách lớn lao về xứ Virginie !

Cuốn sách của ông, thoạt mới nghe qua cốt truyện, có vẻ ly-kỳ, nhưng lại có tính cách một cuốn tự truyện, bởi vì tâm lý nhân vật chính không khác tâm lý tác giả. Nhân vật chính cũng là người Avignon, cũng có cái ý tưởng kỳ quặc là chận đứng

(5) Phỏng vấn trên tạp chí *l'Express*, số ra ngày 29-11-1962.

giòng thời gian lại, tự xem như mình đang sống ở Virginie vào khoảng năm 1842, và bắt buộc hai người con — một trai một gái — gia nhập vào cuộc sống tưởng-tượng ấy. Anh con trai theo cha, cô con gái chống lại, và có lúc định quyến rũ cả anh ruột mình trong cuộc chống đối ấy nhưng vô hiệu.

Trong tâm lý của nhân vật chính — ngoài vấn-đề xứ Virginie — còn có một yếu tố đáng lưu ý, ấy là muốn « chận đứng giòng thời gian ». Đó cũng là một điểm quan-trọng trong tư tưởng của tác giả. Cũng trong cuộc phỏng vấn của Madeleine Chapsal, ông đã nói :

— Tôi ? tôi tìm cách chống lại thời gian, tôi cho rằng vì thế mà tôi viết truyện. Ở nhà, ngay giữa ban ngày tôi cũng kéo màn che kín, tôi sợ ồn ào, sợ chuyện bất ngờ, như tôi đã nói, sợ những siết mề, sợ tất cả những gì nhắc mình nghĩ tới bước đi của thời gian. Tôi tìm kiếm quân bình, sự bất động, bởi vì chính trong những cuộc va chạm trở ngại, người ta có dịp nhận thấy thời gian trôi qua. Tôi đi tìm kiếm vĩnh viễn.

Hỏi :

— Có phải vì thế mà ông sáng tác ?

— Vâng, khi mà câu văn tuôn ra, khi nó vươn mình lên, khi mà ta cảm thấy cái vũ trụ của sách vở trở thành một vũ trụ kín khép không có gì từ bên ngoài lọt vào gây tổn hại được khi đó ta cảm thấy vĩnh viễn.

Cái quan niệm văn chương như một tuyệt đối của ông gần với quan niệm của Stéphane Mallarmé (chính ông đã nhận như vậy). Ông còn thêm rằng tự cảm thấy gần với quan niệm của nhóm « tiểu thuyết mới », gần với xu hướng của thế hệ nhà văn ngày nay (5).

***

Theo lời Matthieu Galey (2) thì hai tác phẩm được giải Médicis và Interallié — cuốn *Derrière la baignoire* của bà Colette Audry và cuốn *Les pianos mécaniques* của Henri François Rey — có vẻ tầm thường, có giá trị thương mãi.

Còn giải quốc gia về Văn chương thì không thưởng một tác phẩm mà thưởng cho toàn bộ sự nghiệp trước tác của Pierre Jean Jouve, ông này từ trước đến nay nổi tiếng về thơ hơn là về truyện.

TRÀNG THIÊN

12-1962

(5) Phỏng-vấn trên l'Express số ra ngày 29-11-1962.

ĐÍNH - CHÍNH

Trong bài *Những nét chính về sinh-hoạt Thư-tịch trong năm 1962*, có một câu vô-nghĩa, vì sơ ý in sót. Xin bạn đọc vui lòng sửa giùm như sau (trang 96, đoạn 2, cột phải, dòng 20) :

. . . « nhưng cũng không đáp-ứng đúng sở thích của thế hệ trước, . . . ».

. . . « *nhưng cũng không đáp-ứng đúng sở thích của độc-giả trung bình. Còn so với những tuyệt-tác của thế hệ trước . . .* ».

Bách-Khoa vừa nhận được :

— Chiếc áo mùa thu ; Cô gái mùa Xuân (L.H.T.V.) Thơ (Lycahanh) Những mảnh vỡ của hồn (Viêm) Ác mộng (Tinh-Giang) Thằng bé chết trôi (Ngô - Phan - Lưu) Con nước tình yêu ; Cỏ hoa mùa xuân (Triều-Hoa-Đại) Chiếc bùng binh (Nguyên-Vũ) Mái tóc (Thanh-Lãm) Đoản ca.. (Lê - Linh - Sa) Nắng ; Tiễn em đi (Phụng-Hoàng-Hân-Hải) Tim yêu.. (Nguyên - Trang) Vẻ đẹp và thời gian... (Triều-Dương) Bí mật (Dương - Kiêm) Qui nhơn ; Đăng trình... (Thi-Thi Hoài-Mộng) Nhớ thương (Đoàn-Duy-Dân) Chiều tím đồi hoang (Hoàng-Sơn) Hoa Huệ... (Đoàn-Minh-Hải) Buồn , Suối tóc ; Ngôn-ngữ I, II (Phong - Vân) 8 bài thơ Đường (Huỳnh-Khinh) Nàng Chinh Phụ... (Lam-Vi-Hùng) Triền miên; Lưu hành ca II (Hoàng-Vũ-Nghi) Ray rứt (Trần-Triệu-Luật) Đèo bay ; Nét duyên (Siêu - Linh) Nỗi buồn tương lai (Trần-Dã - Thảo) Tiếng hát và lời cầu xin (Thư Nhất - Phương) Đăng trình ; Bọt biển mùa hè (Triều-Dương) Đêm lạnh (Sa-Li) Tháng chạp thơ bay ; Tình yêu và tảng đá ; Cung sầu mùa đông (Dương-Thy-Đào) Mưa đông... (Lê - Hoàng - Thanh - Việt) Con thuyền năm ấy (Duy-Thức) Tình anh em (Liên-Phượng) Nỗi buồn độc hành (Lê-Tâm) Mơ xưa (Vương - Hùm - Văn) Trăng quê người (Nguyễn-Phê) Gửi em... (H. V.T.) Lối em về ; Trăng tương tư (Trúc-Kỳ-Tâm).

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng **trừ THƠ** và trường hợp đặc biệt có thư riêng, thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

— **Ô. Trần - Thịnh - Quảng** (Đà - Nẵng). — Ông có thể gửi thư về tòa soạn và chúng tôi sẽ chuyển lại cho Cô Nguyễn - Thị - Liên-Phượng.

— **Anh Nguyễn-Nho-Sa-Mạc** Sẽ có thư riêng tới Anh.

— **Ô. Phong - Vân** Chúng tôi đã nhận được 4 bài thơ của Ông do Ô. Võ - Hồng chuyển, xin đa tạ.

✱ Chẳng phải vì việc khó khăn mà ta không dám liều, chính bởi ta không dám liều mà việc thành khó khăn.

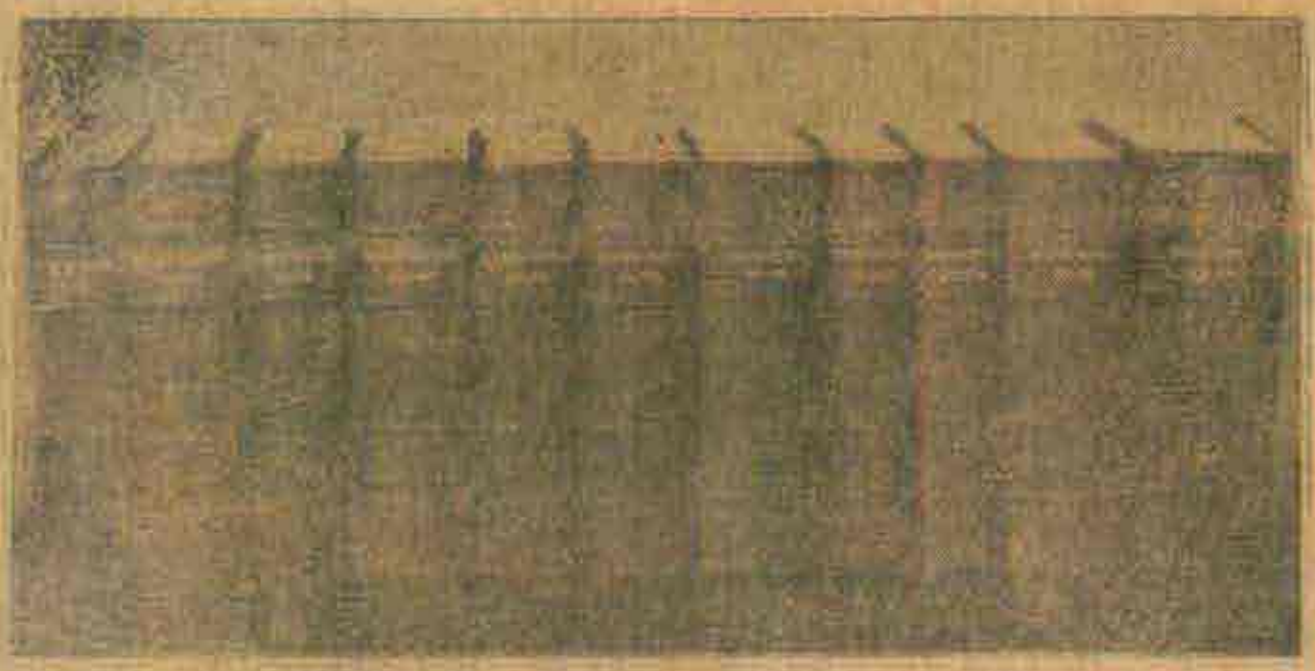
Sénèque

✱ « Hãy giúp tôi hành động một mình » : đó là điều mà người đệ tử đòi hỏi ở bậc làm thầy.

Bà Montessorie

QUÀ XUÂN TRANG NHÃ

BẠN ĐỌC HÃY TÌM CHO ĐƯỢC :



BÁCH - KHOA ĐÓNG TẬP

6 NĂM : 16 TẬP

(144 SỐ)

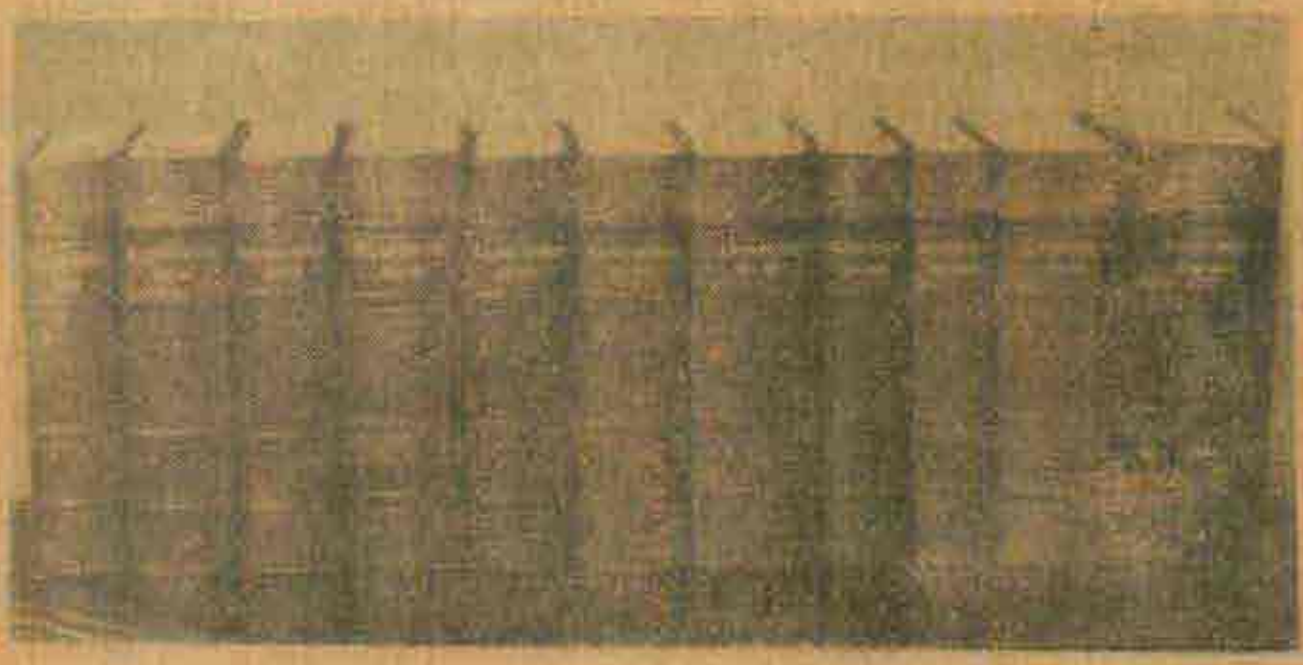
8 TẬP (1957 — 60) MỖI TẬP 12 SỐ (giá 1 tập 110 đ.)

8 TẬP (1961 — 62) MỖI TẬP 6 SỐ (giá 1 tập 65 đ.)

(ở xa thêm cước phí)

MỘT BỘ BÁO CUNG ỨNG TÀI LIỆU VỀ MỌI MẶT,
VỚI TRÊN 1500 BÀI BIÊN KHẢO VÀ TRÊN 1000 SÁNG
TÁC VĂN NGHỆ ĐỦ LOẠI CÙNG 3 CUỘC PHỎNG VẤN
LỚN VỀ VĂN NGHỆ VÀ HỘI HỌA

MỘT BỘ BÁO
LỢI ÍCH CHO
MỌI GIA ĐÌNH



XIN HỎI TẠI CÁC HIỆU SÁCH VÀ TẠI TÒA SOẠN

BÁCH - KHOA *160, PHAN-ĐÌNH-PHÙNG — SAIGON*